
NHỮNG CÁNH HOA ĐÀM

LỜI ĐẦU SÁCH

Trong thời gian theo Hòa thượng học đạo, tăng ni và Phật tử chúng tôi, người thì thắc mắc về ý nghĩa Phật tổ dạy trong kinh luận đem ra thưa hỏi, xin Hòa thượng giải nghi. Người thì gặp chướng ngại trên đường tu, trình Hòa thượng xin chỉ dạy để khắc phục vượt qua. Người thì tu tiến được những bước khả quan cũng trình Hòa thượng xin chỉ dạy để tiến xa hơn nữa. Tất cả những câu hỏi của chư tăng ni và Phật tử nêu lên đều được Hòa thượng giải đáp tường tận.

Chúng tôi nhận thấy những câu giải đáp của Hòa thượng rất thiết thực, giúp cho người học đạo những kinh nghiệm trong lúc dụng công tu hành thêm sáng tỏ lý đạo và tăng trưởng tín tâm. Thế nên chúng tôi sưu tập thành sách để có tài liệu tu học và nhiều người cùng được lợi ích.

Sau khi ghi xong, chúng tôi trình Hòa thượng xem, được Hòa thượng hoan hỷ cho xuất bản. Mong tập sách này giúp thêm những kinh nghiệm cho các bạn đồng tu học để có được niềm vui lớn. Tuy chúng tôi đã trình Hòa thượng xem qua, nhưng chắc chắn quyển sách không tránh khỏi sai sót, xin độc giả niệm tình thông cảm bỏ qua cho.

Thiền thất Trúc Lâm

Mùa an cư 1998

Kính ghi

THUẦN GIÁC

PHẦN I

Hỏi: *Thưa Thầy, con làm ruộng, ruộng con bị chuột cắn phá. Nếu không dùng thuốc diệt chuột thì không có lúa ăn, nếu dùng thuốc chuột thì phạm tội sát sanh. Vậy con phải làm thế nào vừa có lúa ăn mà vừa giữ được giới đã thọ?*

Đáp: Giới sát sanh Phật chế cho cư sĩ tại gia, nhằm hạn chế việc giết người. Giết người có ba trường hợp: Một là thân giết người. Hai là miệng sai bảo kẻ khác giết người. Ba là thấy người giết tâm sanh vui thích. Như thế là phạm tội sát sanh. Ngoài ra, những con vật lớn như trâu, bò, heo, ngựa, chó... không giết bao nhiêu là tốt bấy nhiêu, những loài nhỏ như chuột, dế, kiến, gián... thì Phật chưa xếp vào giới này. Vì chưa hiểu rõ giới sát sanh của cư sĩ tại gia, nên đạo hữu sợ, thấy cuộc sống trở thành khó khăn. Hiểu đúng nghĩa giới không sát sanh là không giết người, thì cư sĩ mới giữ được, như những người sống ở ven biển

làm nghề đánh cá, mà họ vẫn giữ được giới không sát sanh. Đó là nghĩa căn bản của giới không sát sanh mà người Phật tử phải giữ. Tể nhị hơn, nếu người Phật tử nghĩ giết sinh vật dù lớn hay nhỏ đều có tội nên không làm, không làm thì mình đói, gia đình cha mẹ, vợ con đói. Nghĩ như thế là quan niệm ích kỷ. Tuy giết chuột, mình có tội với chuột, nhưng gia đình mình cha mẹ vợ con có cơm ăn không đói. Nếu lúa dư bán cho đồng bào có cơm gạo ăn không đói. Đó là vì lẽ sống của con người mà mình chịu tội với con vật.

Ở Thiền viện quý thầy không ăn thịt cá, nên quý thầy trồng rau mới có rau ăn. Nếu không trồng cũng phải mua của Phật tử hay của người khác để ăn. Trồng rau thì phải xịt thuốc trừ sâu, trừ sâu là có tội. Song, trong cuộc sống hiện tại, chúng ta chấp nhận phần thiệt hại nhỏ về mình, phần lợi ích lớn cống hiến cho người. Vì muốn cho người được sống, mình phải chịu tội với con vật, giết nó là có tội chứ không phải không tội.

Nếu tất cả mọi người đều sợ tội hết thì ngồi chờ chết đói. Có nhiều Phật tử nói: “Tôi ăn mặn, để tránh tội sát sanh, ra chợ mua cá thịt người ta làm sẵn bán, tôi ăn.” Nhưng có người khác lại nói: “Tại mình mua ăn nên người ta mới làm để bán.” Như vậy mình cũng chịu tội chung với họ. Nghe nói bị tội chung với người làm thịt, nên không dám ăn thịt cá, bèn đổi lại ăn rau. Khi ăn rau nghe nói trồng rau cũng xịt thuốc giết sâu rầy, cũng mắc tội sát sanh chung, nên không dám ăn rau. Nghĩ như vậy thì đi tới đâu? Chỉ còn bó tay chờ chết.

Phật dạy ăn chay, giữ giới không sát sanh là tránh những tội lớn. Vì con người với con người đồng loại nghiệp cảm thông nhau, mà giết hại lẫn nhau là hành động tàn ác. Giá trị mạng mình và giá trị mạng người ngang nhau, mà giết hại nhau tội rất nặng. Con vật tuổi thọ ít hơn nên mình cố tránh tội lớn cam chịu tội nhỏ. Có người nói quý thầy ăn rau, rau cũng có sự sống mà cắt nó ăn là đoạn sự sống của nó, cũng có tội sát sanh. Song, khi cắt rau, thân cây rau không ra máu, không giãy giụa la lên, nên lòng từ bi không bị tổn thương. Những con vật lớn khi đoạn mạng sống, nó đau đớn giãy giụa la lói. Thấy nghe mình xót xa, lòng từ bi bị tổn thương nên phải tránh bớt.

Sống trong cuộc đời tương đối, mình tránh tội lớn phải chấp nhận tội nhỏ, chứ không thể tránh tội hoàn toàn được. Tránh được tội lớn là tốt lắm rồi. Nếu không như thế thì người Phật tử làm ruộng, làm rẫy, đánh cá không dám thọ giới tu theo Phật. Và, nếu không thọ giới không sát sanh, không tu theo Phật, hễ oán hận ai cứ giết để trả thù thì rất nguy hiểm. Phật tử nên biết tội trọng phải giữ trước, tội khinh chưa giữ được thì thông thả rồi sẽ giữ sau.

Hỏi: *Thưa Thầy, đạo Phật cấm sát sanh, nhưng sâu rầy phá lúa mạ hoa màu, nên các nhà hóa học chế biến thuốc sát trùng, người chủ ruộng mua thuốc sát trùng, người làm công xịt thuốc sát trùng. Ba người cùng làm như vậy có phạm tội sát sanh không? Nếu phạm, ai tội nặng hơn?*

Đáp: Phật tử quy y thọ năm giới, giới sát sanh là giới đầu. Khi truyền giới, các thầy thường giảng không sát sanh là không được giết hại từ loài người cho tới loài vật. Giảng như thế, Phật tử thọ tam quy ngũ giới, mỗi khi làm điều gì có phương hại đến sinh vật nhỏ như côn trùng lòng rất hoang mang. Điều này tôi nghiên cứu trong luật thấy không phải như vậy. Luật Phật dạy người Phật tử tại gia không được giết người và không được giết những con vật lớn như trâu, bò, ngựa... Con người là chính yếu, những con vật lớn là thứ yếu, Phật không nói tới côn trùng như sâu, rầy, kiến... Đối với người xuất gia Phật mới đề cập tới các con vật nhỏ. Nhưng nếu có phạm chỉ là tội nhẹ. Hiểu như vậy quý Phật tử mới giữ giới được. Ngày xưa có những người chài lưới thọ tam quy giữ năm giới. Nếu không sát sanh là không giết hại côn trùng như sâu kiến thì những người chài lưới làm sao tu? Giới không sát sanh chủ yếu là không giết người.

Giết người có ba cách: Một là tự giết mình, giết bằng dao bằng gậy hay bằng thuốc độc... Hai là bảo người khác giết thế cho mình. Ba là thấy người khác giết mình vui mừng theo. Như thế là phạm tội sát sanh đối với loài người, còn những loài nhỏ thì chưa bàn tới. Ngày nay chúng ta giảng quá tổng quát khiến cho Phật tử lúng túng không dám làm gì hết. Nếu không dám giết sâu bọ thì làm sao làm ruộng làm rẫy? Không làm ruộng làm rẫy thì lấy gì ăn và mọi người sẽ ra sao? Người nông dân không dám làm ruộng, làm rẫy thì người nông dân đói, người thành thị cũng đói theo.

Người thành thị đối thì mấy người tu cũng đối luôn. Như vậy là cùng chết đối với nhau. Đó là cái lẽ không hợp pháp. Phật nói không sát sanh là không giết người để ngăn chặn tâm ác. Giết người thì phạm tội sát, còn những loài kia thì nhẹ, chứ không phải là chính. Hiểu như vậy thì quý vị quy y giữ giới không lúng túng khi làm việc.

Câu hỏi này đối với người xuất gia mới bị kẹt. Vì người xuất gia Phật cấm không được giết cả côn trùng. Nếu người tại gia mà cấm không được giết những loài nhỏ như côn trùng, thì những người làm thầy thuốc làm sao trị bệnh? Chẳng hạn bệnh nhân mắc bệnh lao, trong người có vô số vi trùng lao, thầy thuốc chích thuốc những vi trùng đó chết hết, bệnh nhân mới lành bệnh. Thấy có tội làm sao cứu cho người hết bệnh?

Ngày xưa khi Phật còn tại thế, có một Tỳ-kheo đi đường qua một bãi sa mạc, trời nóng ngai khát nước cháy cổ, gặp vũng nước có nhiều vi trùng không dám uống. Ngài đến bạch với đức Phật:

- Bạch Thế Tôn, con rất khát nước, con dùng thiên nhãn thấy vũng nước bên đường có vô số vi trùng nên con không uống được.

Phật bảo:

- Sao ông không dùng nhục nhãn mà nhìn?

Qua câu chuyện, quý vị thấy Phật đặt nặng cái gì? Có phải Phật đặt nặng con người, cứu con người là trên hết không? Những vi trùng vi tế sống thời gian rất ngắn

rồi chết, nếu đặt nó nặng để nó phá hại con người thì việc làm nào đúng? Ngay trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta hít thở không khí cũng có vô số vi trùng. Như vậy vi trùng ở đây khắp, mà bảo tránh làm sao tránh? Còn làm ruộng làm rẫy xịt thuốc trừ sâu, tâm niệm mình chỉ nghĩ cho có cơm để mình và mọi người ăn, chứ đâu có oán thù nó. Nghĩ đến mạng sống con người là việc lớn, sâu rầy là cái nhỏ. Vì việc lớn mà chịu tội nhỏ đâu có thiệt thòi bao nhiêu! Vậy giữa cuộc sống tương đối này, phải có cái nhìn cho tường tận, vì việc lớn mà chấp nhận lỗi nhỏ, đòi hoàn hảo tuyệt đối hết thì không thể được. Vì sự sống cho mình, cho gia đình, cho mọi người có bát cơm ăn là cái phước lớn, thì phải chịu tội nhỏ đối với loài sâu bọ.

Giả sử có người này ý thế lực giết hại người kia, chúng ta vì thương người bị giết nên ra tay cứu. Khi cứu người kia nên bị người này chửi mắng. Lúc bị chửi mắng chúng ta cam chịu một chút, có sao đâu! Cứu được người khỏi chết là quan trọng. Đó là việc làm tốt cho người, phần mình phải nhận chút thiệt thòi. Nếu đòi hỏi hoàn toàn tốt hết thì khó lắm. Hiểu như vậy thì chúng ta tùy duyên làm lợi ích cho chúng sanh, chúng sanh lớn biết kêu la than khóc thì lo trước, còn chúng sanh nhỏ thì lo sau.

Hỏi: *Thưa Thầy, con là lính phải chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc. Khi lâm trận hai bên bắn nhau, nếu con bắn chết quân địch, con có phạm tội sát sanh không? Và, người phải xử tử một kẻ cướp của giết người bị trả quả thế nào về tội giết người?*

Đáp: Là người lính quy y thọ năm giới mà phải ra trận bắn giết người, như thế có tội không? Trong nhà Phật có dạy quy y giữ năm giới, vì hoàn cảnh phải đi lính thì lúc đó chỉ thấy mình là người lính làm việc cho đất nước, tạm thời đừng nghĩ mình là người Phật tử đã quy y. Tức là dường như mình xả giới cấm sát sanh, để làm bổn phận của người dân đối với đất nước, không phải làm việc của người Phật tử. Trường hợp này vì hoàn cảnh bắt buộc không có ý ác, nên khác với việc làm do tâm cố sát. Tuy thấy như phạm tội nhưng không có quyết tâm. Luật Phật dạy: Phải hội đủ ba điều kiện: thân, khẩu, ý hợp lại tác thành thì gọi là định nghiệp. Tuy thân có làm, nhưng ý không quyết, miệng không nói thì chuyển được, sám hối được, vì không có ác ý.

Hỏi: *Thưa Thầy, con là dâu mới về nhà chồng và cũng vừa mới quy y xong. Nhà chồng có đám giỗ bảo con giết gà để làm thức ăn cúng. Nếu con không làm thì phải tội bất hiếu, còn làm thì phạm tội sát sanh. Vậy con phải làm thế nào để khỏi tội bất hiếu và không phạm tội sát sanh?*

Đáp: Việc này rất thực tế và xảy ra thường lắm. Song giải quyết rất khó. Việc này những người lớn tuổi hay dạy: Khi cắt cổ gà tụng chú vãng sanh cho nó vãng sanh, thì mình cắt cổ gà không tội. Song tôi thấy làm như vậy không ổn. Giả sử có ai đó tới đưa dao ngang cổ mình tụng chú vãng sanh, rồi cắt cổ cho mình chết, mình có chịu không? Chắc chắn là không bao giờ chịu! Nhưng chính mình lại làm điều đó, tôi thấy khá tàn nhẫn!

Phật tử này làm dâu muốn tròn chữ hiếu với cha mẹ chồng và cũng muốn giữ giới Phật cấm, nên băn khoăn thắc mắc trước việc gia đình nhà chồng bảo cô giết gà làm thức ăn cúng tổ tiên, cô không biết phải làm thế nào cho tròn cả hai bên nên mới thưa hỏi. Sự thật thì ở đời không có cái vẹn toàn. Nếu Phật tử này là cô dâu vì hiếu với cha mẹ chồng mà cắt cổ gà, thì cam chịu tội với con gà để tròn chữ hiếu. Nếu cô vì sinh mạng chúng sanh, không nỡ giết hại, nên dứt khoát không giết thì phải chịu tội bất hiếu với cha mẹ chồng, để giữ tròn giới luật đã thọ. Tùy theo cái nhìn của mỗi người mà chọn lựa; được cái này thì mất cái kia, phải gan dạ chấp nhận. Nếu vì hiếu nghĩa với cha mẹ chồng thì phải chấp nhận phạm tội với con gà. Nếu vì bảo toàn mạng sống con gà thì phải chấp nhận tội bất hiếu với cha mẹ chồng. Phải chọn một bỏ một, không làm sao vẹn toàn cả hai việc được.

Hỏi: *Thưa Thầy, con là Phật tử mới tập tu, những ngày ăn chay con thường thèm thức ăn mặn. Đọc sách con thấy nói “chay vốn ở lòng mình”. Song, nếu ngày ăn chay mà lòng cứ thèm thức ăn mặn thì không tốt. Nhưng cứ chiều theo lòng mình hoài thì không có tu sửa gì cả. Vậy con phải làm sao? Cứ ăn mặn như mình thích hay kìm lòng không ăn mặn để tu sửa dần dần?*

Đáp: Phật tử này nghĩ ăn chay thì lòng phải trong sạch, nhưng ăn chay mà lại thèm thức ăn mặn thì lòng hết trong sạch rồi. Vậy nếu thèm ăn mặn thì cứ ăn mặn, khi nào hết thèm thì hãy ăn chay. Theo tôi việc làm tốt nào buổi đầu cũng phải tập. Tôi kể chuyện

của tăng ni ở chùa cho quý vị nghe. Đa số những người xuất gia trẻ vào chùa khoảng vài ba năm đầu thường mộng thấy chuyện ở nhà ít thấy chuyện ở chùa. Từ năm năm về sau mới thấy chuyện ở chùa. Miệng của Phật tử từ nhỏ tới lớn quen ăn mặn rồi, bây giờ mới bắt đầu tập ăn chay. Vì thói quen ăn mặn nhiều nên mới nhớ thêm ăn mặn. Nếu chiều theo sở thích thì cả đời không ăn chay được ngày nào hết. Vậy ở giai đoạn đầu mỗi lần khởi niệm thêm ăn mặn, thì nên kìm lòng không ăn để giữ miệng được thanh tịnh, còn ý cho nó nhớ một chút cũng được. Dần dần thuần thục thì ý cũng theo đó thanh tịnh luôn. Nếu bây giờ chiều theo thì thân, miệng, ý không thanh tịnh suốt đời. Giai đoạn đầu chấp nhận cho ý không thanh tịnh, giữ cho thân miệng thanh tịnh, lâu dần quen thì ý sẽ thanh tịnh luôn. Đừng cố chấp cái gì cũng tại tâm, tâm thích ăn mặn mà ăn chay cũng vô nghĩa. Chấp như thế thì không bao giờ tu được.

Hỏi: Thưa Thầy, gia đình con sống về nghề chăn nuôi gà để trứng. Từ ngày con học hiểu kinh luật của Phật qua Thầy giảng dạy. Có vài người thân khuyên con, nếu muốn tu cho có kết quả thì phải chuyển nghề. Nhưng con nghĩ thú vật cũng là một sinh linh tuy ngu si hung dữ, song nếu mình nuôi dạy chúng đàn ông hoàng thì cũng là phương tiện tốt để mình sống và hóa độ chúng dễ dàng hơn, nghĩa là mình không trực tiếp sát sanh. Thưa Thầy con nghĩ thế có đúng không? Xin Thầy từ bi chỉ dạy.

Đáp: Nếu nuôi gà nuôi vịt để lấy trứng, thì không có lỗi gì hết. Nhưng tới khi nó hết đẻ trứng thì sao?

Chỗ này mới khó xử! Phải giải quyết thế nào cho ổn, nếu không thì khó tránh được nghiệp sát sanh. Còn nếu bán cho người ta để sát sanh thì cũng tội nghiệp nó. Như vậy cuộc sống tương đối, không thể nào toàn vẹn, được phước chút ít cũng có tội chút chút rồi ráng tu. Nếu bây giờ tôi bảo bỏ nghề chăn nuôi, làm nghề khác mà nghề khác quý vị chưa đổi được thì làm sao? Thôi thì nghề nào có phước chút ít mà lỡ tạo tội chút chút thì sám hối chứ biết làm sao!

Hỏi: *Kính thưa Thầy, trong gia đình, con dạy con của con, nó không nghe nên con quá khổ, con bèn lập bàn hương án khẩn nguyện cầu Trời Phật rước con đi cho sớm. Làm như thế con có lỗi gì không? Xin Thầy từ bi chỉ dạy để con tu sửa?*

Đáp: Phật tử này nghĩ rằng dạy con không được thôi thì chết phứt cho rồi để cho con nó sợ. Nhưng chết là phải được Phật rước chứ không phải chết đi bậy bạ. Trường hợp dạy con không nghe, phải tự xét nghĩ đức mình còn kém, nên lời dạy của mình nó không nghe và không tin. Nếu đức mình còn kém, giả sử có chết Phật cũng không rước, khi nào đức mình đủ rồi thì Phật mới rước. Thế nên đừng xin. Điều hay nhất là biết đức mình kém nên ráng tu nhiều hơn nữa, tu gấp đôi gấp ba lúc trước. Khi đủ phước đức rồi dạy con nó sẽ nghe và đủ phước đức rồi khi chết Phật sẽ rước. Nếu vì dạy con không nghe, giận nó đòi Phật rước liền thì Phật không rước đâu. Chưa đủ phước đức do giận con, muốn chết theo Phật cũng không được đi theo Phật. Làm như thế không đúng mà phải ráng tu nhiều hơn nữa.

Hỏi: *Thưa Thầy, trước kia con là người chưa hiểu đạo, khi sanh con, nó cứ đau ốm mãi, nên con đem ký bán cho thầy bùa nuôi, họ cho nó đeo niệt vào cổ và bảo: “Lớn phải tới thầy thay niệt.” Nay con đã quy y Tam bảo, tương đối hiểu Phật pháp. Vậy dây niệt đeo trên cổ con của con, con phải làm như thế nào? Xin Thầy chỉ dạy.*

Đáp: Khi chưa hiểu đạo, muốn được an tâm nuôi con khỏe mạnh, nên nhờ thầy bùa làm việc đó. Phải biết dây niệt là phương tiện trấn an, chứ không phải đeo niệt mà khỏe mạnh và sống lâu. Có nhiều người vẫn khỏe mạnh vẫn sống lâu đâu có đeo niệt. Phật tử này vì chưa hiểu đạo nên sợ không nuôi được con, vì vậy mà xin bùa niệt. Bây giờ hiểu đạo muốn bỏ dây niệt, nhưng còn ngại.

Theo lý nhân quả của nhà Phật thì ai cũng có duyên nghiệp riêng, nếu duyên nghiệp dài thì sống lâu, nếu duyên nghiệp ngắn thì sống yếu. Không ai tự đổi mạng mình từ sống lâu thành chết yếu, cũng như không ai có thể đổi mạng chết yếu thành sống lâu được. Sống chết là do duyên nghiệp thì còn sợ cái gì? Trước kia chưa hiểu thì đeo, giờ hiểu rồi thì gỡ ra đốt, có gì mà sợ. Nếu còn sợ thì chưa thật hiểu đạo.

Hỏi: *Thưa Thầy, xưa nay con thờ ông bà theo phong tục tập quán, thờ rất nhiều bàn. Bây giờ con quy y Tam bảo học Phật pháp, thấy thờ như vậy là rườm rà, con có thể bớt lại, chỉ thờ Phật, Bồ-tát và cửu huyền thất tổ có được không?*

Đáp: Chuyện này rất dễ, hồi chưa biết đạo sống theo tập quán thế tục, ai bày sao làm vậy. Bây giờ biết đạo thì sửa lại, thờ ông bà cha mẹ chung bàn ở một bên, để tỏ lòng hiếu thảo với ông bà cha mẹ. Ở giữa nhà thờ Phật để thấy mình là đệ tử Phật, tôn kính Phật, ngày đêm thường nhớ Phật để tu. Như vậy là đủ rồi, thờ nhiều bàn quá phải nhớ bàn này thờ ai, bàn kia thờ ai, khiến cho tâm thêm rối.

Hỏi: *Thưa Thầy, quy y Phật thì không quy y quý vật thân linh... Trong nhà con và đình làng có thờ thần, con có lạy được không?*

Đáp: Theo phong tục của người Việt Nam thì mỗi làng đều có đình thờ thần. Mỗi năm tới ngày lễ thì người trong làng khăn đen áo dài tới đình lễ thần. Đó là tập quán lâu đời. Song, đối với Phật giáo thì vị thần mà mọi người kính lễ trong đình là người có công với đất nước, chết nên được thờ gọi là thần. Những vị này chưa phải là người giải thoát sanh tử, chưa phải là thánh. Quy y với Phật là bậc đã giác ngộ, giải thoát sanh tử, là bậc thánh. Đối với bậc giải thoát mình kính trọng, còn đối những vị chưa giải thoát mình cũng quý, nhưng không kính trọng như bậc giải thoát. Vì thế mà nói quy y Phật không quy y thiên thần quý vật. Nếu tập quán của mình lạy ông bà thần thánh, thì làm theo tập quán không ai bắt buộc. Nhưng phải biết tu theo đạo Phật là vì giải thoát sanh tử, nên nương theo bậc thánh đã giải thoát sanh tử. Người còn lăn lộn trong sanh tử dù có quyền năng, song cũng chỉ là thần thôi. Vì đã theo thánh thì chỉ kính thần chứ không phải theo thần.

Nếu quý vị là người có chức trong đình làng thì cứ lạy, nếu không có chức thì thôi. Ở trong nhà nếu đã quy y thờ Phật rồi thì bót thờ thần là tốt, vì còn thờ là còn kính, còn kính là phải lễ.

Hỏi: *Thưa Thầy, người cư sĩ thọ giới Bồ-tát thì không lạy người chết. Theo con nếu cha mẹ của bạn thân chết, đến dự lễ tang mà không lạy thì thấy vô tình quá. Nếu cô bác trong gia tộc chết mà không lạy thì không cảm hóa được họ hàng, còn cha mẹ mình chết không lạy thì thấy như bất hiếu và bị người chê trách. Xin Thầy chỉ dạy con nên lạy hay không lạy trong trường hợp nào?*

Đáp: Việc lạy thuộc về phần kính lễ. Trong nhà Phật đặt giới luật lên trên. Ví dụ cha mẹ thọ năm giới, con thọ mười giới thì con không được lạy cha mẹ. Vì lạy, cha mẹ sẽ bị tổn phước. Nếu cha mẹ chưa xuất gia mà con đã xuất gia, thì con không lạy cha mẹ lúc sống cũng như chết, nếu lạy cha mẹ sẽ tổn phước. Vì thương cha mẹ không muốn cha mẹ tổn phước nên không lạy, chứ không phải thấy mình cao mà không lạy. Thứ nữa, trước khi làm lễ xuất gia thọ giới, quý thầy luôn luôn dạy người con phải đến lạy cha mẹ trước, rồi từ đó về sau không lạy nữa. Nếu Phật tử này đã thọ Bồ-tát giới, cha mẹ Phật tử cũng đã thọ Bồ-tát giới mà chết, thì cứ lạy không sao cả. Nếu cha mẹ Phật tử không thọ Bồ-tát giới, vì sợ thế gian nói tu vô tình vô nghĩa thì cũng không sao. Việc này không ai bắt buộc. Đó là chuyện tình nghĩa thế gian, trong luật Phật thì dạy rõ như vậy. Nghĩa là người thọ giới lớn không nên

lạy người thọ giới nhỏ. Còn nếu mình thọ giới lớn mà không giữ thì không có giá trị, lạy cũng không sao. Người bây giờ đa số thọ giới mà giữ không được bao nhiêu, thế nên cũng đừng chấp.

Hỏi: Thưa Thầy, bạn con đã từng đến Thường Chiếu nghe pháp, về nhà bạn con chỉ biết duy nhất có đức Thế Tôn thôi, ngoài ra các vị thần thánh khác như Diêu Trì Kim Mẫu, bạn con xem rất thường, có khi phỉ báng nữa. Bạn con làm như vậy có vấp phải lỗi không? Xin Thầy chỉ dạy.

Đáp: Lúc làm lễ quy y cho Phật tử tôi thường giảng: Con quy y Phật nguyện trọn đời không quy y thiên thần quỷ vật, tức là không quy y trời, thần và những loài quỷ vật. Con quy y Pháp nguyện trọn đời không quy y ngoại đạo tà giáo, tức là không theo những học thuyết ngoại đạo tà giáo. Tại sao chỉ độc tôn một mình đức Phật?

Mỗi tối tụng kinh chúng ta đọc bài tán, có hai câu: “Thiên nhân chi đạo sư, tứ sanh chi từ phụ.” Thiên nhân chi đạo sư là vị thầy dẫn đường cho cả trời người. Tứ sanh chi từ phụ là cha lành của bốn loài: thai sanh, thấp sanh, noãn sanh, hóa sanh. Phật là cha lành của cả bốn loài chúng sanh, chứ không phải chỉ là cha lành của loài người thôi đâu. Vậy Phật đã là bậc Thế Tôn của chúng sanh, bây giờ chúng ta kính Phật, những vị khác họ cũng kính Phật, chúng ta đã kính thờ Phật rồi, mà kính thờ những vị khác nữa, như vậy là không nhắm thẳng trọng tâm để quy hướng. Quy hướng như thế là lệch lạc không đúng, nhất là quy hướng Diêu Trì Kim Mẫu.

Phật đã là thầy của muôn loài rồi thì chúng ta cứ theo Phật, theo pháp Phật hướng dẫn để tu.

Trong kinh có nhiều đoạn ghi, trong pháp hội của Phật có trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, quỷ thần... đến dự để nghe Phật thuyết pháp. Tất cả chư thiên quỷ thần... đều đến nghe Phật thuyết pháp, thế mà bây giờ chúng ta lại kính thờ quỷ thần như Phật, thì có đúng là đệ tử Phật không? Như vậy thì trọng một mình đức Phật có gì sai không? Chúng ta đã biết chư thiên, quỷ thần... đều tới nghe Phật thuyết pháp đều quy y với Phật, chúng ta là đệ tử Phật chỉ tôn thờ đức Phật là quá đủ. Các vị kia chỉ là huynh đệ với chúng ta thôi, tại sao phải tôn thờ như đức Phật? Làm như thế là vô tình hạ đức Phật xuống ngang hàng với thiên thần. Vậy có tội hay có phước? Giả sử trong thế gian, ông chủ tịch tỉnh và ông chủ tịch xã tới quý vị xử sự ra sao? Xem hai ông như nhau hay nề ông chủ tịch tỉnh hơn ông chủ tịch xã? Nếu mời ngồi thì mời ai ngồi trước? Có phải nề và mời ông chủ tịch tỉnh trước không? Vậy mà có nhiều vị quy y thờ Phật rồi, mà còn đem bà Diêu Trì Kim Mẫu thờ ngang với Phật. Đó là việc làm sai không nên bắt chước.

Hỏi: Thưa Thầy, hằng ngày con không để tâm theo đuổi người ta, tức là con không có nghiệp với họ. Nhưng họ cứ theo đuổi con. Như vậy trong tương lai con có bị họ đuổi theo nắm áo không?

Đáp: Tôi dùng một ví dụ để trả lời câu hỏi này. Giả sử trên đường hai người cùng đi, người đi trước và người đi sau. Người đi trước mặt cứ hướng về phía trước mà đi,

đi nhanh không xây mặt lại phía sau, thì chắc chắn không gặp người đi sau. Nếu người đi trước đi chậm và xây mặt lại phía sau thì ắt gặp người đi sau. Cũng vậy, Phật tử này không muốn gặp thì phải xây lưng với họ và nỗ lực tu hành thì bảo đảm không bao giờ gặp, vì nghiệp của họ tạo với Phật tử không đủ duyên để thành. Nếu Phật tử xây mặt lại đối đầu với họ thì cái nghiệp họ tạo với Phật tử đủ duyên thành, mà nghiệp đã thành rồi ắt sẽ gặp.

Hỏi: Thưa Thầy, cha mẹ con, người thì thích danh người thì thích tiền, con phải làm thế nào để giúp cha mẹ con hướng về đạo khi cơ duyên chưa đến?

Đáp: Đây là một Phật tử có hiếu, biết danh lợi tiền của là cái không mang theo được ở đời sau. Thấy cha mẹ già mà còn ham thích hai thứ đó, không biết phải làm sao cho cha mẹ thức tỉnh để buông bỏ bớt. Việc này kể ra cũng khó làm, song người con có hiếu muốn đánh thức cha mẹ thì phải tùy duyên; hoặc khi cha mẹ có bệnh hoặc có chuyện buồn, hoặc lúc thân quyến chết... nhân đó mà nhắc nhở cho cha mẹ thức tỉnh để dừng. Đang khi say mê theo danh lợi mà nói chắc không nghe, chỉ những lúc bệnh hoạn hay thân nhân chết chóc thì dễ đánh thức. Nhân cơ hội đó chỉ cho cha mẹ thấy tuổi già cứ lo tính toán bon chen với đời, thì sức khỏe sớm suy sụp khó duy trì, nên buông bỏ bớt. Hoặc chỉ người đó cùng tuổi với cha mẹ bây giờ thì chết rồi, cha mẹ cứ chạy theo danh lợi thì lúc cha mẹ chết danh lợi có đem theo được đâu? Phải chờ cơ hội đánh thức, chứ bình thường cũng khó nói.

Hỏi: *Thưa Thầy, con năm nay bốn mươi chín tuổi là năm tuổi sao Thái bạch chiếu. Chẳng biết có phải do sao hạn hay căn nghiệp nhân quả ở đời trước, khiến con gặp nhiều chuyện rối rắm phiền muộn về tiền tài vật chất, ảnh hưởng đến thể xác lẫn tinh thần con. Con tự xét hiện tại con không tạo những nghiệp ác này sao con phải chịu như thế, xin Thầy chỉ cho con cách giải khổ?*

Đáp: Phật tử này đi coi bói, thầy bói nói năm nay sao Thái bạch chiếu, đồng thời cũng có những tai nạn xảy ra, nên lo sợ không biết do sao hạn làm khổ hay do nghiệp nhân đời trước làm khổ, nên nhờ chỉ cách giải khổ. Để giải quyết việc này tôi xin đặt câu hỏi: Người đặt tên sao Thái bạch này là căn cứ ngôi sao nào trong vũ trụ mà đặt tên? Nếu các hành tinh trên hư không, mỗi hành tinh là một thế giới như thế giới chúng ta đang ở, hoặc lớn hơn nữa thì những hành tinh đó tác hại gì chúng ta? Nếu nó có chiếu ánh sáng thì nó chiếu hết cả vùng, nó đâu có chiếu riêng một cá nhân nào! Mỗi cá nhân chúng ta như hạt cát đối với hành tinh, thì sự chiếu soi của nó đâu có ảnh hưởng riêng từng người. Chỉ khi nào tia sáng chiếu ngang qua một người thì mới ảnh hưởng một người, đây nó chiếu cả vùng, sao chỉ ảnh hưởng một người? Như vậy cái lý sao Thái bạch chiếu làm cho người hoạn nạn khốn khổ, không thể chấp nhận được.

Nếu nói về quả của nghiệp nhân đời trước, thì giải quyết theo tinh thần nhà Phật như thế này: Giáo lý Phật dạy thân của chúng ta hiện tại là quả tổng báo của nhân quá khứ. Lấy thân hiện tại mà xét thì sẽ thấy.

Một người sống từ thuở bé đến năm bảy mươi tuổi, cả đời chúng ta đâu có làm toàn việc thiện hết, mà có lúc giúp người với lòng thương như Bồ-tát, nhưng cũng có lúc nổi sân làm khổ người như cọp sói. Tạo đủ thứ nghiệp tốt xấu lẫn lộn, do tạo nghiệp tốt xấu lẫn lộn nên thọ quả cũng tốt xấu lẫn lộn, chứ không có thuần tốt hoặc thuần xấu. Kiểm lại mấy chục năm qua nghiệp của chúng ta có thiện có ác, như vậy thì thân đời này là tổng báo nghiệp của nhiều đời cũng như thế.

Nghiệp quá khứ chưa trả hết, đời này làm người trong khoảng thời gian nghiệp thiện kết tụ quả báo tốt, thì người đời cho là tốt là may mắn. Còn khoảng thời gian nghiệp ác kết tụ quả báo xấu, thì người đời nói là xui là rủi ro. Sự thật thì nghiệp quá khứ lúc trùng hợp với thời gian tạo nghiệp ác của đời trước, thì nghiệp ác sống dậy làm cho chúng ta gặp những điều không như ý. Nếu trùng hợp với thời gian tạo nghiệp thiện ở đời trước, thì nghiệp thiện sống dậy khiến cho chúng ta gặp những điều vui muốn ít được nhiều... Như vậy cái khổ cái vui trong cuộc sống hiện tại của con người, không do ai tạo hay không do ai đặt định ra cả, mà chính do mình tạo ra ở đời trước còn thừa lại. Nếu nghiệp thừa xấu thì phải chịu tai nạn, khốn khổ, khi nghiệp xấu hết, nghiệp thiện đến thì được những điều vừa ý vui thích. Thế nên đừng quá lo sợ sanh cuồng loạn còn khổ hơn nữa. Cứ bình tĩnh, nếu nghiệp (nợ) trước đời thì vui trả, trả hết nghiệp xấu rồi tới nghiệp tốt thì tha hồ mà hưởng. Đừng quá lo sợ rồi sanh bệnh hoạn không nên.

Hỏi: *Thưa Thầy, con rất thích tụng kinh Phổ Môn và kinh Địa Tạng, thường tụng vào chín giờ hoặc mười giờ trưa, chiều vào lúc sáu giờ hoặc bảy giờ. Lắm lúc vì bận sinh kế nên con không giữ đúng giờ, con tụng trễ khoảng vài tiếng đồng hồ. Như vậy có trái phép và có trở ngại gì trong sự tu tập của con không? Xin Thầy chỉ dạy.*

Đáp: Quý Phật tử siêng tụng kinh, nhưng vì sinh kế tụng không đúng giờ đã định. Tuy tụng kinh trễ nhưng không có lỗi gì. Nếu tới giờ tụng kinh như đã định mà lười biếng nằm dây dưa, tụng trễ thì có tội lười biếng. Nếu vì sinh kế mà tụng kinh trễ thì không sao.

Hỏi: *Thưa Thầy, con đã mang nhiều tật bệnh trải qua chín năm. Tự biết mình nghiệp nặng, nên con phóng sanh, niệm Phật nhiều, cùng lập các hạnh khác. Mặc dù vậy, nhưng thân con vẫn còn nhiều bệnh khổ. Vậy con phải tu hạnh nào để tiêu được bệnh khổ?*

Đáp: Phật tử này ở trong hoàn cảnh bệnh khổ chín năm rồi, tuy có phóng sanh, có niệm Phật mà vẫn chưa hết bệnh, nên hỏi tu hạnh gì cho hết bệnh. Bệnh đã chín năm là bệnh kinh niên, chứ không phải bệnh mới phát. Vậy Phật tử muốn hết khổ phải dùng trí tuệ quán chiếu như trong kinh Bát-nhã dạy: “Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.” Thấy năm uẩn không thật thì mọi khổ ách qua hết. Tu hạnh này là dễ nhất. Sở dĩ thấy mình đau khổ vì thấy thân này thật. Bây giờ nhân thân đau bệnh, nên xoay lại quán thân năm uẩn không thật, thân đã không thật thì bệnh từ đâu thật?

Bệnh đã không thật thì có bệnh cũng như không bệnh. Tu cách này là hết khổ.

Hỏi: *Thưa Thầy, trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ có nói: Chúng sanh bị ba chướng là nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng. Khi nào tâm thanh tịnh thì ba chướng mới hết. Thân tứ đại này tuy rằng giả tạm nhưng bị bệnh (báo chướng) thì khó tu. Vậy làm sao thân bệnh mà tu vẫn được?*

Đáp: Với tâm phàm phu yếu đuối, khi thân bệnh là một cái chướng lớn khó tu, thông thường ai cũng vậy. Nhưng với người gan dạ thì chính khi đau là cơ hội dễ tu nhất. Đừng nghĩ ngòi thiền, tụng kinh, niệm Phật mới gọi là tu. Tu là dùng trí thấy các pháp đúng như thật. Lúc trí tuệ hằng tỉnh giác thấy đúng lẽ thật đó là tu. Bây giờ quý vị bệnh, không ngòi thiền được, không tụng kinh được, quý vị quán thấy rõ thân này là tướng hư dối sắp bại hoại, không quý trọng nó, đau không sợ hãi đó là tu rồi. Đâu phải đợi ngòi thiền tụng kinh mới tu! Vì quý vị thấy mình ngòi thiền không được, tụng kinh không được, nên cho rằng bệnh làm chướng ngại tu không được, không phải như vậy. Dù tụng kinh hay không tụng kinh, ngòi thiền hay không ngòi thiền, tâm hằng tỉnh hằng giác, nằm mà vẫn thấy rõ thân này là tướng hư dối sắp bại hoại, không ngờ vực không sợ sệt, lúc nào cũng thấy như thế, đó là đang tu. Như vậy đau đâu có gì chướng?

Hỏi: *Thưa Thầy, bệnh từ thân sanh mà thân thì do nghiệp mà có. Phật tử tại gia cũng như xuất gia*

mỗi người đều có mang nghiệp. Vậy tu phải xoay duyên chuyển nghiệp như thế nào? Khi xoay duyên chuyển nghiệp, nghiệp có hết không hay phải trả y như cũ?

Đáp: Câu hỏi hơi dài, phải trả lời tuần tự. Trước hết nói về nghiệp thì Phật tử tại gia hay xuất gia đều có nghiệp, điểm này tôi đồng ý. Song, nghiệp của người xuất gia và tại gia có khác, khác ở chỗ: Cùng có thân là có nghiệp, nhưng người xuất gia có nghiệp mà biết đoạn nghiệp, còn người tại gia không đoạn không bớt. Ví dụ người xuất gia tuy có nghiệp nhưng tới mười bảy, mười tám tuổi thì đi tu, không lập gia đình, không có vợ chồng con cái, là đã cắt bớt nghiệp rồi nên gọn, khi tu thì dễ không có gì rối rắm. Còn người tại gia có gia đình có con cái, khi muốn tu thì vợ không đồng ý, con khóc la nheo nhóc, không tu được nên chướng. Chẳng những thế, khi con lớn lên phải học hành, rồi có dâu rể, rồi có cháu chắt, nghiệp mọc rễ chằng chịt nên tu khó. Tuy cùng có nghiệp nhưng người xuất gia đoạn nghiệp bớt nên gọn, dễ giải quyết. Còn người tại gia cứ mặc tình để cho nghiệp mọc rễ chằng chịt, nên giải quyết khó. Đó là giai đoạn thứ nhất.

Giai đoạn thứ hai là khi đã lỡ tạo nghiệp tội, biết sám hối làm phước, nghiệp tội có tiêu không? Tôi ví dụ ông A khi có quyền thế đánh đập làm nhục ông B. Ông B oán hận chờ ngày trả thù. Một thời gian sau, ông A mất quyền thế nhưng lại biết tu, nên được nhiều người thương quý. Ông B bấy giờ có thế lực, tâm oán hận ông A vẫn còn, một hôm ông B đến hại ông A để trả thù. Nhưng bà con láng giềng thương quý ông A, ra can gián

ông B nên ông A chỉ bị hại sơ sài thôi. Vậy có nghiệp phải trả, mà trả nhẹ vì đã biết tu nên có giảm.

Trong kinh Phật có kể một câu chuyện: Có một gia chủ chăn nuôi một bầy dê, một hôm có người thường dân tới trộm dê, bị gia chủ bắt được đánh đập đưa ra pháp luật bỏ tù. Lần khác, kẻ trộm dê là người của quan lớn, gia chủ chỉ bực tức nói nặng đôi câu, chứ không dám đối xử thậm tệ như người thường dân. Kế tiếp, kẻ trộm dê là lính của vua thì gia chủ không nói nặng, mà chỉ van xin năn nỉ đừng bắt dê. Người không biết tu thân, tu giới, tu tâm gây nghiệp bao nhiêu thì trả quả bấy nhiêu. Vì vậy mà nói nhân nào quả nấy, đó là ví dụ người trộm dê không thế lực. Trường hợp người trộm dê là lính của quan thì chỉ bị trách móc nặng nhẹ, đó là ví dụ cho người biết tu thân, tu giới, tu tâm, tuy có tạo nghiệp ác, nhưng thọ quả báo nhẹ hơn. Trường hợp người trộm dê là lính của vua, không bị đánh đập, không bị nói nặng, đó là ví dụ cho người tuy có tạo nghiệp ác, nhưng biết tu thân, tu giới, tu tâm thì nghiệp chuyển được tùy sức tu của mình.

Hỏi: *Thưa Thầy, bộ kinh Địa Tạng có ba quyển. Ngày đầu con tụng quyển thứ nhất, rồi hồi hương. Ngày kế con tụng quyển thứ hai, cứ như thế cho đến hết bộ mười ba phẩm rồi mới hườn kinh. Và, hôm nay con tụng kinh Địa Tạng, ngày mai con tụng kinh Phổ Môn, hoặc nửa tháng con tụng kinh Địa Tạng, nửa tháng con tụng kinh Phổ Môn. Thưa Thầy con tụng kinh như thế có được không?*

Đáp: Tụng kinh tùy theo sức khỏe, khỏe tới đâu tụng tới đó, một quyển cũng được một phẩm cũng được, khi nào xong hồi hướng, hoặc là tụng xong bao nhiêu hồi hướng bấy nhiêu đều tốt không hại gì. Phát tâm rộng rãi hồi hướng cho tất cả chúng sanh đồng được phước chứ không ích kỷ. Không cần đợi tụng hết quyển hoặc hết bộ mới hồi hướng. Còn việc ngày tụng kinh Địa Tạng ngày tụng kinh Phổ Môn, hoặc nửa tháng tụng kinh Địa Tạng, nửa tháng tụng kinh Phổ Môn cũng được. Xong, tháng nào tụng kinh Địa Tạng thì tụng kinh Địa Tạng, tháng nào tụng kinh Phổ Môn thì tụng kinh Phổ Môn, tụng một thứ kinh cho tiện. Có phải quý Phật tử sợ tụng kinh Địa Tạng thì Bồ-tát Địa Tạng vui, không tụng kinh Phổ Môn bỏ quên Bồ-tát Quán Thế Âm ngài buồn, nên phải chia ra tụng cho đều không? Làm như thế e hơi quá đáng.

Hỏi: *Thưa Thầy, thế nào là phước tuệ song tu? Chúng con là Phật tử tại gia có tu được không? Xin Thầy từ bi chỉ dạy.*

Đáp: Đạo Phật thường dạy phước tuệ song tu và ví phước tuệ như hai cánh chim. Chim bay cao nhờ hai cánh, nếu gãy một cánh thì chim bay không được. Cũng vậy, người tu có phước mà không có tuệ thì chưa ra khỏi luân hồi sanh tử. Còn có tuệ mà không có phước thì chỉ tự lợi, chứ không lợi tha được và chưa tới chỗ giác hạnh viên mãn, thế nên nói thiếu. Vậy phước là gì và tuệ là gì, mà phải song tu mới được viên mãn? Tu phước là khởi lòng từ bi thương người thương vật, bố thí cứu giúp người vật cho hết khổ. Bố thí có ngoại tài thí và nội tài thí.

Ngoại tài thí là dùng tiền của cứu giúp người nghèo khó cho họ bớt khổ. Nội tài thí là dùng sức lực giúp người. Ví dụ đi đường thấy người già yếu sẩy chân té đứng dậy không nổi, tới đỡ dìu họ đứng dậy đưa về nhà săn sóc. Đó là nội tài thí. Ngoài nội tài thí còn có vô úy thí, tức là bố thí khiến người hết lo sợ. Ví dụ người nào đó hay sợ ma quỷ quấy phá, chúng ta đem lý nhân quả giảng giải cho họ có chánh tín, tâm được ổn định họ hết sợ. Đó là vô úy thí mà cũng là pháp thí. Đó là tu phước bằng hạnh bố thí.

Tu tuệ là nương theo lời dạy của Phật để biết các pháp đúng như thật. Tuệ có ba là văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Quý Phật tử khi chưa đến chùa, sống theo nếp sống phàm tục, nay đến chùa nghe giảng kinh hiểu đạo, thấy biết thế nào là tà thế nào là chánh, thế nào là nhân thế nào là quả, cái nào là thật cái nào là giả. Do nghe mà có hiểu biết gọi là văn tuệ. Sau khi nghe hiểu biết rồi quý vị về nhà, những phút rỗi rảnh, ngồi suy nghiệm lại cuộc đời, xem những lời Phật dạy mà mình đã học có đúng không? Chẳng hạn như học lý nhân quả, chúng ta nghiệm xét cây đào to lớn như thế này từ đâu mà có? Từ cái hạt là nhân, gieo trồng xuống đất nhờ phân nước, ánh nắng mặt trời, sự chăm sóc mà thành cây có trái. Xét đến những vật khác không có cái gì không có nhân mà có quả, rõ ràng Phật nói các pháp do nhân mà có quả là đúng. Suy nghiệm để hiểu biết một cách thấu đáo không nghi ngờ là tư tuệ. Từ cái hiểu biết thấu đáo không nghi ngờ mới ứng dụng lời Phật dạy vào đời sống của mình để cho bớt khổ, đó là tu tuệ.

Tóm lại, nghe lời Phật dạy rồi suy nghiệm với thực tế thấy đúng, sau đó thực hành để mình và người được lợi ích, đó là tu tuệ. Còn tu phước là giúp người, vật qua cơn khổ. Hai hạnh này phải tu song song. Giả sử chúng ta học hiểu Phật pháp, suy nghĩ đúng, ứng dụng tu một mình, thấy ai khổ mặc ai không hề giúp đỡ, như vậy chỉ tu tuệ mà không tu phước. Còn thấy người ta nghèo đói, khốn khó cứ lo quyên giúp tiền của, mà không chịu học Phật pháp, không suy gẫm lời Phật dạy đúng hay sai, đó là tu phước mà không tu tuệ. Có phước thì đời sau sanh ra được sung sướng, nhưng vì không hiểu Phật pháp, nhiều khi tạo nghiệp phải trầm luân. Còn có tuệ biết tu hành được phần tự lợi, nhưng không có phước, nói không ai nghe hết, rốt cuộc rồi phiền não. Do đó phước tuệ phải song tu là vậy.

Hỏi: Thưa Thầy, phần đông mọi người đến chùa cúng dường cầu phước. Cúng dường cầu phước là có ẩn lòng tham. Vậy cúng dường như thế nào mới tốt?

Đáp: Phật dạy cúng dường có từng bậc. Nếu người sơ cơ cúng dường cầu phước thì tốt. Tại sao? Vì có phước người ta mới làm lành, nếu không có phước họ không làm lành. Người sơ cơ cúng dường như thế cũng tốt. Người khá hơn phải cúng dường không cầu phước mà do tâm muốn được gieo duyên với Tam bảo, mong đời đời gặp Phật pháp để tu. Trình độ sau cùng người bố thí không thấy có mình bố thí, không thấy có vật bố thí, không thấy có người thọ thí. Đó là bố thí siêu xuất gọi là bố thí tam luân không tịch.

Hỏi: *Thưa Thầy, cầu siêu cho người mới chết và người chết lâu, người chết có lợi ích gì? Và, phóng sanh loài thú, loài thú nó đi ăn nuốt bao nhiêu con khác. Như vậy có nên phóng sanh không?*

Đáp: Cầu siêu cho người mới chết thì hợp lý. Còn người chết đã lâu mấy chục năm thì đã sanh nơi khác, đâu còn lẫn quẩn quanh đây mà cầu siêu. Cầu như thế thấy như không có lợi. Tuy nhiên, Phật dạy khởi tâm làm lành thì được hai cái lợi. Cầu siêu cho cha mẹ lợi cho cha mẹ, mà cũng lợi cho chúng ta. Vì nếu cha mẹ sanh trong ngạ quỷ, mà kiếp ngạ quỷ sống cả ngàn năm rất là khổ, nên rất cần sức chú nguyện của người chân chính tu hành, để có chút sức mạnh giúp cho họ dễ tỉnh thức thoát kiếp ngạ quỷ, đó là có lợi. Còn nếu cha mẹ sanh ở cõi trời hay ở cõi người đang hoạt động sinh sống, chúng ta có cầu cũng không tỉnh thức. Nhưng vì lòng hiếu thảo cung kính Tam bảo chúng ta cầu đó là phước của chúng ta. Như vậy cầu siêu không có thiệt thòi bên nào cũng có lợi.

Còn vấn đề phóng sanh phát nguồn từ lòng từ bi. Ví dụ như chúng ta thấy con cá lớn bị bắt lên cạn, sắp bị đập đầu nó gãy giữa, động lòng thương chúng ta mua nó về thả xuống sông. Được sống lại ở dưới nước, con cá đó ăn những con cá nhỏ để sống. Cứu sống con cá lớn để rồi cá lớn ăn cá nhỏ, như vậy chúng ta có chịu chung tội với nó không? Nếu có tội thì lúc tiền thân Phật hành hạnh Bồ-tát bố thí thân cho cọp đói ăn, cọp nhờ ăn thịt tiền thân Phật mà được sống, sau đó nó bắt heo rừng, bắt nai ăn thì Phật cùng có tội với nó sao?

Chúng ta nên hiểu việc phóng sanh là do lòng từ của chúng ta phát khởi, khi thấy con vật sắp chết bị khổ mà làm, chứ không nghĩ mai kia con vật đó nó làm cái gì. Chúng ta cứu nó là vì lòng từ bi là được phước, còn chuyện mai kia nó làm gì là chuyện của nó, chúng ta đừng có lo xa quá. Vì lo xa quá nên không dám làm gì hết, rốt cuộc chẳng làm lợi ích gì cho ai. Chẳng hạn thấy người ăn xin, nghĩ có thể người này xin tiền về cờ bạc ăn chơi xa xỉ... Nếu cho tiền họ là nuôi dưỡng họ tạo tội thêm, nên không cho. Cứ nghĩ như vậy thì lòng từ của mình dần dần tiêu mất. Thấy cái gì cũng suy lý hết, nên không làm được việc gì có ích. Tu theo đạo Phật thấy người, vật khổ, liền khởi lòng từ bi cứu giúp cho lòng từ được phát triển, còn chuyện về sau là của người, của vật, không phải là chuyện của mình.

Hỏi: *Thưa Thầy, con tu Tịnh độ, vừa niệm Phật, vừa trì chú và tọa thiền hơn ba mươi năm nay. Một hôm lúc mười một giờ khuya, con ngồi niệm Phật thấy lửa cháy khắp mình con. Vì sợ cháy mừng nên con kêu cứu chữa thì thấy lửa tắt. Nhưng con bị mù mắt hơn bốn mươi năm nay sao lại thấy như thế?*

Đáp: Phật tử này mù mà ham tu, một hôm ngồi niệm Phật trì chú lại thấy lửa cháy mình. Mù mà thấy lửa cháy là do mắt thấy hay cái gì thấy? Do tưởng thấy chứ không phải do mắt thấy. Phật tử này vì chưa học đạo kỹ, nếu học đạo kỹ thì khi ngồi thiền, hay niệm Phật thì thấy có những tướng lạ hiện, liền biết đó là tướng giả dối phóng hiện không thật. Kể cả thấy ma hay thấy Phật cũng đều là giả tướng phóng hiện,

nên không sợ không mừng. Đó là an định sáng suốt làm chủ được mình. Nếu giả tướng hiện mà sợ hãi thì dễ phát cuồng điên, vì tâm sợ hãi kích động làm cho loạn trí. Do đó ngồi thiền, niệm Phật hay trì chú phải tỉnh táo, thấy tướng lạ hiện, biết nó là tướng hư ảo không thật, nên xem thường không sợ, sợ là bệnh.

Hỏi: *Thưa Thầy, chúng con tu muốn được thanh tịnh an vui, nhưng cứ bị chứng bệnh ái dục làm cho bất an khốn đốn hoài. Chúng con cũng đã từng quán thân mình bất tịnh và cũng đã lắng tâm quan sát những cảm giác từ sinh lý dấy khởi tác động qua tâm lý, hoặc từ tâm lý tác động qua sinh lý. Tuy có quan sát như thế nhưng cũng chưa dứt được tình dục. Kính mong Thầy vì lòng thương xót chỉ dạy cho chúng con phương tiện để đối trị tình dục, để chúng con được an ổn trên con đường tu tiến.*

Đáp: Ái dục là căn bệnh của tất cả chúng sanh chứ không riêng cá nhân nào. Chúng sanh sanh trong cõi Dục là do ái dục sanh, nên không ai mà không có. Đó là cái nghiệp truyền giống để có người, có vật tiếp tục sống trong cõi Dục này. Nếu ai cũng sợ khổ, đoạn dứt nghiệp này thì loài người không còn sanh trong cõi Dục nữa. Có những chỗ cho ái dục là cái linh thiêng để truyền nối giống nòi. Sự thật nó chỉ là nghiệp chứ không có gì linh thiêng cao cả. Chẳng hạn con bò, con chó... có linh thiêng gì đâu, do nghiệp truyền giống mà sanh sản ra con cái đầy đàn. Vì người ta muốn linh thiêng hóa nói nghe cho đẹp lỗ tai vậy thôi. Sự thật đó là nghiệp truyền giống

mà ai cũng có. Nhưng làm sao cho hết để nó đừng làm cho bất an khôn đốn, đó là vấn đề không đơn giản.

Trong kinh A-hàm có ghi lại câu chuyện:

Một hôm tôn giả A-nan và tôn giả Bà-kỳ-xá đi khất thực, dọc đường Bà-kỳ-xá thấy một thiếu nữ tuyệt đẹp, thấy rồi tâm ý rối loạn, mất bình tĩnh, cầu cứu với tôn giả A-nan chỉ cho cách điều phục.

Tôn giả A-nan bảo: “Nên dứt trừ tưởng tượng sẽ hết ý dục.” Tôn giả Bà-kỳ-xá nói: “Ý dục nằm ngủ sẵn nhiều như cỏ héo rối.” Tôn giả A-nan bảo: “Nên nhớ Phật sẽ hết dục như tôn giả Nan-đà.” Tôn giả Bà-kỳ-xá nói: “Nên đi khất thực, trở về chỗ Thế Tôn sẽ hay.” Nhưng oái oăm, lúc đó cô gái đẹp thấy Bà-kỳ-xá, nàng mỉm cười. Bà-kỳ-xá nổi bực, quán thân thể cô gái đẹp là do da bên ngoài bọc lấy thịt xương bên trong, giống như cái bình có vẻ đẹp bên ngoài, nhưng ở trong chứa toàn đồ nhơ nhớp, mê hoặc người đời có gì đáng tham? Tôn giả Bà-kỳ-xá lại nghĩ: “Ta quán thân kẻ khác không bằng tự quán thân mình.” Xét thân tứ đại, ngài tự hỏi: “Dục này từ đâu sanh? Xét bốn đại không đại nào có ái dục hết. Vậy ái dục từ đâu sanh? Từ địa đại sanh chăng? Nếu từ địa đại sanh thì không thể được, vì địa đại cứng. Nếu từ thủy đại sanh thì không thể gìn giữ, vì thủy đại mềm yếu. Nếu từ hỏa đại sanh cũng không thể giữ được, vì lửa đốt sạch. Nếu từ phong đại sanh cũng không được vì phong đại vô hình làm sao sanh?” Lúc ấy, ngài thấy rõ ràng ái dục từ tư tưởng sanh, nên ngài dừng, không tưởng ái dục nữa. Ngang đây tâm hữu lậu được diệt tận, giải thoát mọi khổ đau.

Qua câu chuyện trên chúng ta thấy có tư tưởng về tình dục thì tình dục mới phát khởi làm cho mình cuồng loạn. Nếu không tư tưởng về tình dục, thì người nam và người nữ đứng gần hay ngồi gần, đâu có ái dục bức xúc làm cho bất an. Nên nhớ, ái dục từ tư tưởng sanh, vừa có niệm ái dục dấy khởi là phải buông bỏ liền, ái dục lặng mát thì được an ổn, nếu nuôi dưỡng theo đuổi nó thì nó làm loạn, khốn đốn, tu không tiến. Cứ như thế mà thực hành lâu ngày tâm thuần thực có sức định thì ái dục yếu dần rồi sẽ hết.

Hỏi: Người Phật tử tại gia khi hành thiền, có nhất thiết phải ly dục trong lãnh vực tình dục vợ chồng không?

Đáp: Người tu có hai hạng: hạng tại gia và hạng xuất gia. Lúc Phật còn tại thế, những cư sĩ tại gia Phật cũng dạy tu thiền, như vua Ba-tư-nặc, Tần-bà-sa-la... đang làm vua, cung phi mỹ nữ đầy cung mà Phật cũng dạy cho các quân vương tu theo Phật. Dạy cho cư sĩ tại gia tu thì Phật dạy tiết dục, để giữ gìn sức khỏe cho sự tu hành tăng tiến, chứ không bắt phải ly dục. Chỉ có người xuất gia thì Phật mới bắt xa lìa hẳn dục lạc.

Hỏi: Thưa Thầy, con ham tu, đang ăn chay tụng kinh niệm Phật, cố bỏ tham, sân, si. Thế mà gặp chuyện con vẫn tham, vẫn sân, nhất là sân. Thưa Thầy, con phải làm sao để bỏ cho được sân giận?

Đáp: Đạo hữu sợ tham, sợ sân, vậy si đạo hữu có sợ không? Tham, sân tuy bực phát mạnh, nhưng không đáng sợ bằng si. Tôi không khuyên quý vị tu nhấn nhục

hay từ bi để trừ sân, mà chỉ cho quý vị thấy tham, sân từ đâu mà có. Đó là điều phải lưu ý. Sở dĩ chúng ta có tham có sân mà chúng ta không bỏ được là tại cái gì? Do chúng ta thấy và chấp thân tâm này là quý là thật. Bởi chấp thân tâm thật quý, nên mới muốn được thụ hưởng đầy đủ, mà thụ hưởng đầy đủ là tham chứ gì? Tham danh, tham lợi, tham tài, tham sắc... để cung phụng cho thân tâm này. Do chấp thân tâm này là ngã nên có tham. Còn sân do đâu mà có? Muốn mà không được nên sân. Ví dụ như mình muốn mua một món đồ, trả gần tới giá bán, chợt có người tới trả giá cao hơn, họ mua, mình không mua được nên nổi sân, có sân là do không thỏa mãn lòng tham. Như vậy, tham, sân có là do mê chấp thân tâm là thật là ngã mà ra.

Gần đây các nhà khoa học phân tách thấy cơ thể con người do nhiều loại tế bào hợp lại mà thành, cơ thể con người không phải là một cố thể hằng hữu. Những loại tế bào biến dạng không dừng. Vậy cái gì là ta thật? Đó là cái thấy theo y học. Còn Phật giáo thì nói thân này có bốn thứ: đất, nước, gió, lửa tạm hòa hợp mà thành. Thông thường nước với lửa thì khắc nhau, lửa gặp nước thì tắt, nước gặp lửa thì biến thái. Gió với đất cũng khắc, đất chặn gió, gió cuốn đất. Vậy mà bốn thứ hợp lại thành thân người. Bốn thứ xung khắc nhau mà ở chung một nhà nên cứ bất hòa hoài. Nay cảm thấy người nóng, phải uống nước mát để điều hòa lửa vì lửa thịnh nước suy. Mai cảm thấy đau nhức mình, phải xoa bóp xoa bấm huyết, vì gió thịnh đất rung rinh... Sống một ngày là điều hòa tứ đại một ngày, hết điều hòa nước

tới điều hòa gió, hết điều hòa gió tới điều hòa lửa... Có điều hòa thân mới tạm yên. Nếu điều hòa không được thì bất an đau khổ. Vậy, cả cuộc đời chúng ta sống chỉ làm việc điều hòa bốn đại mà thôi.

Kinh Đại Bát-niết-bàn Phật dụ bốn đại là bốn con rắn thù nghịch, ở chung trong một cái thùng cứ cắn lộn nhau hoài. Chúng ta cứ phải điều hòa can thiệp chúng, đến một lúc nào không can thiệp nữa, thì mỗi con đi mỗi nơi là hết việc. Như gió đi ra không trở lại thì chết, lửa đi ra không trở lại thì chết. Vậy, giá trị của cuộc sống là gì? Nhìn cho thật kỹ, rõ ràng chúng ta đang điều hòa tứ đại, điều hòa tạm ổn thì tạm an vui. Nếu nó âm ỷ bất hòa là bắt đầu đau khổ rồi. Tứ đại của quý vị có hoàn toàn hòa không? Nếu nó không chống đối mạnh mẽ thì cũng chống đối ngấm ngấm, nên lúc nào chúng ta cũng có bệnh, không bệnh nặng cũng bệnh nhẹ. Chúng ta nghiệm cho thấu đáo thì thấy cuộc sống của con người là sự vay trả. Thân này do bốn đại tạm hợp mà thành, thành rồi mà không tự đủ, phải nhờ tứ đại bên ngoài liên tục bồi bổ. Nếu bồi bổ mà gián đoạn thì nó sẽ rã tan. Vì vậy mà con người sống phải làm hai việc, một là điều hòa tứ đại trong thân, hai là tìm tứ đại ở ngoài bồi bổ cho tứ đại ở trong. Nếu là nước, đất, thì mỗi ngày chúng ta bồi chừng hai ba lần là đủ. Còn gió thì phải liên tục, đem vô rồi trả ra, đem vô rồi trả ra... không ngừng. Cuộc sống có lúc nào ngưng mượn trả đâu? Cứ chạy lo kiếm tứ đại để bồi bổ và điều hòa thì có gì là thú vị? Một lát mượn một tách nước, một lát mượn một chén cơm, mũi thì lúc nào cũng

khí khịt đó là mượn gió. Mượn trả mượn trả như vậy. Khi chưa mượn không khí ở ngoài là của ai? Không khí thiên nhiên của trời đất, không của riêng ai vậy mà mũi hít vô chưa tới ba giây đồng hồ trả ra nói là hơi của tôi! Nước ở ngoài không là của ai cả, mượn vào ít tiếng đồng hồ trả ra cũng nói là của tôi, mượn ít chén cơm mai trả ra cũng nói là của tôi. Thật chúng ta là kẻ ngang ngược lạ đời, không phải của mình dám nói là của mình. Mượn mà không nhớ mình mượn, của mượn đâu phải của mình, mà dám nói của mình! Như vậy đất, nước, gió, lửa là của mượn, không phải của mình, thân này do đất, nước, gió, lửa hợp lại mà thành thì đâu phải là mình. Thế mà người ta lại sợ mất nó! Người như vậy sáng suốt hay mê mờ? Do mê mờ nên chấp nó là mình, rồi lệ thuộc nó nên khởi tham, nếu tham không thỏa mãn thì nổi sân. Như vậy tham sân có phải gốc từ si mê mà ra không? Tứ đại không phải là mình mà chấp là mình, không phải si là gì?

Nếu biết thân này do tứ đại hợp lại mà thành, nó chỉ có trong tạm bợ hư dối, sống bằng sự vay mượn, hết vay mượn thì nó tan hoại, thì không chấp. Nếu không chấp thì không tham, không tham thì đâu có nổi sân. Vậy, nếu muốn hết tham, hết sân, trước hết là phải hết si, si hết thì không có tham, sân. Nếu si chưa hết mà đòi hết tham hết sân thì không được. Si là số một, kế là tham, sau cùng là sân. Vậy mà đa số người tu chỉ sợ sân là cái nổi, không sợ cái chìm là si và tham. Muốn bớt sân và làm chủ nó thì phải phá si, si hết thì tham, sân theo đó sẽ hết.

Hỏi: *Thưa Thầy, muốn quay lại sống với Phật tâm, người Phật tử cần phải có những điều kiện gì, những yếu tố gì?*

Đáp: Muốn quay lại sống với Phật tâm, người Phật tử cần phải biết thế nào là Phật, thế nào là tâm cho thật rõ. Trong nhà thiền thường nói “tức tâm tức Phật”, nghĩa là tâm mình là Phật. Nói như vậy, có một số người hiểu lầm, cho rằng tâm suy nghĩ phân biệt là tâm Phật của mình, rồi chấp tôi có sẵn ông Phật, ông Phật lúc nào cũng có sẵn nơi tôi, hiểu như vậy là sai lầm. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm Phật sợ chúng sanh lầm lẫn chỗ này, nên phương tiện chia ra hai thứ tâm là tâm chân và tâm vọng. Tại sao phải chia ra như thế? Vì tâm là “biết”, biết trong trạng thái lằng xằng sanh diệt gọi là vọng tâm. Biết hằng hữu không phân biệt không động gọi là chân tâm. Chân tâm là tâm Phật nên nói “tức tâm tức Phật”. Trở về với tâm Phật là tâm không phân biệt không sanh diệt. Còn tâm phân biệt sanh diệt là tâm hư dối gọi là vọng tưởng, phải xa lìa nó không nên theo. Khi chúng ta đã biết Phật biết tâm rồi thì trên đường tu chúng ta phải phát tâm mạnh mẽ và lâu bền. Vì muốn thành tựu công hạnh tu hành phải trải qua thời gian lâu dài, nếu muốn tu mau chóng thì không thể được, nên phải có tâm kiên cố, tu lâu dài không nản thì mới thành tựu được bản nguyện. Đó là những yếu tố cần phải có để quay lại sống với Phật tâm.

Hỏi: *Thưa Thầy, trong sử có dạy: “Biết vọng là giác, mà giác là Phật.” Thầy cũng dạy nếu một triệu lần vọng tưởng khởi thì một triệu lần giác. Tu như vậy là dễ quá! Vậy hề vọng tưởng khởi là cứ giác hoài?*

Đáp: À, vọng tưởng khởi thì cứ giác hoài. Có nhiều người than: Sao nhìn lại mình thấy vọng tưởng nhiều quá! Tu mấy năm rồi mà vọng tưởng chưa hết. Tu cốt cho hết vọng tưởng để được định. Nếu vọng tưởng hoài thì làm sao định? Như quý vị đã biết, qua mấy mươi năm rồi, chúng ta sống chạy theo vọng tưởng, nhận nó là mình. Không bao giờ dám nhìn lại nó, bây giờ nhìn lại nó thấy nó là vọng niệm chợt khởi chợt mất, không phải là mình nên không theo. Chúng ta nhìn bằng trí tuệ không lầm không chạy theo nó nữa, đó là sáng rồi. Vọng tưởng còn hết việc đó nói sau. Thấy được nó, không lầm nó, không theo nó là đang sáng, tức là giác. Thay vì không thấy lầm nhận nó là mình rồi chạy theo nó là chúng ta đang mê. Bây giờ thấy, không lầm, không chạy theo nó là làm chủ được mình. Tôi nói xa một chút để quý vị thấy. Chủ yếu của đạo Phật là giác ngộ giải thoát. Muốn giải thoát thì giác ngộ phải đi đầu. Như vậy, trước nhất là thấy được vọng tưởng là cái mà lâu nay chúng ta lầm cho là mình, nó hư dối không thật, đó là giác rồi. Ví dụ trước kia chúng ta ngồi thiền, vọng tưởng khởi, mê chạy theo nó đến mười lăm hai mươi phút. Bây giờ vọng tưởng vừa khởi liền biết không theo, vọng tưởng tự lặng. Nhưng những vọng tưởng khác khởi lên nữa chúng ta lại biết nữa, cứ biết hoài... Giai đoạn đầu tuy có hơi nhọc, nhưng chúng ta thấy được vọng tưởng, không lầm, không theo là chúng ta đã có sức tự chủ, chúng ta đã làm chủ được mình phần nào rồi. Mà làm chủ được mình tức là có tự do giải thoát. Đa số người tu Phật mơ ước được giải thoát và tưởng giải thoát là bay lên hư không, ngao du chỗ này chỗ kia, hoặc tưởng giải thoát là cái gì lạ lẫm.

Kỳ thật, giải thoát chẳng có gì lạ cả. Đối trước mọi duyên cảnh, dính mắc chạy theo duyên cảnh đó là hệ phược. Bây giờ cũng duyên cảnh đó, chúng ta cũng tiếp xúc, cũng thấy cũng biết mà không dính mắc, không bị hệ lụy bởi duyên cảnh. Đó là giải thoát. Tóm lại giải thoát là làm chủ sáu căn khi tiếp xúc với sáu trần. Một thiền khách đến hỏi một thiền sư:

- Thế nào là giải thoát?

- Sáu căn tiếp xúc với sáu trần không dính mắc là giải thoát.

Đơn giản như vậy, nhưng với người đời thì khó thực hiện. Vì cái bệnh chung của con người là mắt thấy sắc liền phân biệt đẹp xấu, tai nghe tiếng liền phân biệt hay dở... rồi chê khen thủ xả khó mà dừng lại được, người dừng được không phải là người thường. Vì vậy mà gọi Phật là đấng Đại hùng đại lực. Có người nghi vấn Phật không cầm binh ra trận, không đánh ai sao nói ngài là Đại hùng đại lực, có nói sông không? Chúng ta nghiệm lại sẽ thấy đúng, vì có nhiều tướng lãnh cầm quân ra trận đánh giặc, thắng giặc, nhưng về nhà bị danh vọng, tiền tài, sắc đẹp lôi cuốn, tướng sĩ đó mới chỉ thắng người mà chưa thắng mình. Còn Phật thì thắng mình một cách vẻ vang, nên mới nói Đại hùng đại lực, hay nói: “Thắng một vạn quân địch không bằng thắng mình, thắng được mình mới là chiến công oanh liệt nhất.” Phật dạy tu chủ yếu là thắng mình làm chủ mình. Chúng ta thấy quá tầm thường, không có chuyện gì lạ, cũng ăn cũng mặc cũng ngủ nghỉ như mọi người,

không có gì huyền bí khác thường cả! Người đời thường nghĩ, tu là phải biết quá khứ vị lai, có thần thông, có hào quang mới cao mới tuyệt. Còn tu mà cũng ăn, cũng mặc, cũng ngủ thì thường quá! Nhưng chính cái thường đó không phải thường, vì biết đúng cái nào chân cái nào giả không lầm, làm chủ được mình, không bị động bởi bất cứ hoàn cảnh nào. Thường tình người đời không làm chủ được mình, bạn rượu rủ uống rượu cũng uống, rủ xem hát cũng xem, rủ hút thuốc cũng hút... không tự chủ. Như vậy, mới thấy chủ yếu của đạo Phật là giải thoát. Muốn giải thoát thì ngay bây giờ phải tập làm chủ mình, trước làm chủ thân, sau làm chủ tâm. Trước không để cho những thói quen như ghiền trà, ghiền thuốc... chi phối, sau đó là thắng được lòng tham lam, sân giận, si mê... Làm chủ được tâm rồi thì giải thoát hiện tiền.

Hỏi: Thưa Thầy, người sơ cơ muốn tu thiền, thực hành thẳng pháp tri vọng hay phải tu số tức, tùy tức cho thuần rồi mới tu pháp tri vọng?

Đáp: Người sơ cơ tu thiền thực hành thẳng pháp tri vọng, hay phải tu số tức, tùy tức trước là tùy theo căn cơ của mỗi người. Nếu người mới tu mà nắm vững pháp tri vọng và thấy vọng tưởng khởi, buông không khó khăn lắm thì tu thẳng pháp tri vọng. Còn người chưa nắm vững pháp tri vọng, hoặc nắm vững mà vọng tưởng khởi buông không được thì chịu khó tu số tức, rồi tùy tức, để có chỗ tựa trong giai đoạn đầu, tâm thuần thực rồi ứng dụng pháp tri vọng.

Hỏi: *Thưa Thầy, ngồi thiền đến lúc đau quá chịu không nổi có nên ráng ngồi tiếp tục không?*

Đáp: Chỗ này có người nói khi đau quá chịu không nổi thì đừng ráng, đừng kìm, không tốt. Nhưng qua kinh nghiệm bản thân tôi thì lúc tôi mới tập tu thiền là lúc tôi lớn tuổi, vì lúc vô chùa tôi tu Tịnh độ, chỉ tụng kinh niệm Phật chứ không ngồi thiền. Khi phát nguyện tu thiền, lúc đó tôi trên ba mươi tuổi, chân cứng lăm, mỗi lần tréo chân ngồi kiết già là đau điếng. Ban đầu tôi chỉ ngồi được mười lăm phút trong mười lăm phút đó cũng cay đắng lăm chứ không phải dễ. Từ mười lăm phút tôi cố gắng tăng lên hai mươi phút, rồi dần dần đến một giờ, một giờ rưỡi, ngang đây tôi cảm thấy khó mà vươn lên được nữa. Tôi tự nghĩ: “Tại sao chư tổ ngồi cả ngày được, bây giờ mình ngồi có bao nhiêu đây mà chịu không nổi?” Có lần tôi ngồi từ một giờ nhảy bật lên một giờ rưỡi xem nó ra sao? Lúc bấy giờ tôi bị nhức và tê từ chân lên tới bụng không còn cảm giác, coi như chết nửa thân người. Tôi tự nhủ: “Thà chết trên bồ đoàn” và tôi nói: “Ta chấp nhận cho mày chết.” Nhưng sau đó tôi xả ra xoa bóp một hồi thì bình thường trở lại không chết. Bấy giờ tôi có chút tự tin, tôi cố gắng ngồi nữa và tăng dần cho tới hai giờ, cơn tê nhức không còn nữa. Bấy giờ tôi ngồi hơn hai giờ, chỉ nghe nóng thôi, chứ không đau không tê. Như vậy, chúng ta mới thấy sức chịu đựng có khả năng vươn lên, nếu cảm thấy đau liền xả không chịu ráng lên thì chừng đó thôi không tiến được.

Hỏi: *Thưa Thầy, có người nói “pháp tu biết vọng bị cột vào cái vọng không thoát ra được”. Xin Thầy dạy rõ pháp tu này, đồng thời cho biết tu “biết vọng” có bị cột vào cái vọng hay không cột vào cái vọng để hạng mới tập tu như chúng con thực hành không bị hoang mang.*

Đáp: Pháp tu biết vọng là đường lối chủ trương của Thiên viện. Chúng tôi dạy biết vọng là chặng thứ nhất. Chặng thứ hai thấy vọng tưởng không theo. Tại sao chặng đầu lại biết vọng? Vì tất cả chúng ta, từ người ít học cho đến hàng học giả trí thức, đều nhận cái suy nghĩ hiểu biết phân biệt là tâm mình, nên vừa khởi suy nghĩ là theo nó, cả ngày cứ sống trong vọng tưởng điên đảo không dừng được. Bây giờ muốn dừng không theo nó nữa, Phật dạy có nhiều cách tu để dừng, nhưng ở đây chúng tôi ứng dụng cách nhìn thẳng nó để dừng.

Từ thuở nào, vọng tưởng đẩy chúng ta cho rằng tâm tôi nghĩ thế này, tâm tôi nghĩ thế kia. Bây giờ chúng ta tu để dừng nó, bước đầu phải biết cái nghĩ suy là vọng tưởng, không phải tâm mình để phá cái lầm từ bấy lâu nay. Đó là bước thứ nhất tỉnh giác. Tuy biết nó là vọng tưởng, nhưng chúng ta vẫn còn vọng động chạy theo. Muốn đối trị cái bệnh muôn đời này phải làm sao? Trong mười mục Tranh chặn trâu. Bước đầu tìm thấy được trâu, tuy đã thấy trâu, nhưng trâu vẫn hung hăng chạy ngược chạy xuôi. Mục đồng phải xô mũi, phải cầm roi, một tay lôi, một tay đánh, khả dĩ trâu mới bớt chạy ngược chạy xuôi. Trâu còn hung hăng chạy ngược chạy xuôi, mà nhìn nó cười làm sao nắm được cổ nó? Chừng nào mới lôi đầu nó được?

Cũng vậy, vọng tưởng cứ khởi hoài chúng ta phải la rầy, lâu dần nó mới thuần từ từ. Khi vọng tưởng dấy lên chúng ta biết nó không theo, chẳng khác nào con trâu bị xổ mũi dẫn đi. Khi nó chịu theo mình rồi, mình chỉ cần nắm dây mũi, mình đi đâu là nó theo đó. Và khi đã thuần thục rồi mình nhìn thấy rõ ràng không có niệm khởi, nhưng mình vẫn còn nhìn. Đó là bức tranh trâu mất mục đồng còn. Khi đã hoàn toàn thuần thục không còn một vọng niệm thì không cần nhìn nữa. Bây giờ con trâu và người chăn không còn. Đó là những bước tiến của mỗi giai đoạn.

Thiền là đốn ngộ, nhưng vì chúng ta còn mê quá làm sao đốn ngộ được? Đốn ngộ không được chẳng lẽ không tu. Vì vậy mà chúng ta phải ứng dụng từ từ, khi đã thuần thục rồi thì năng sở không còn. Tuy nhiên, chưa phải là xong việc. Pháp tu biết vọng ở giai đoạn đầu còn dùng trí để nhìn, thấy vọng tưởng là hư dối không thật mà từ lâu lầm chấp cho là tâm mình. Đó là mình đã tỉnh, sống với trí tuệ. Còn quán là còn động, nhưng động của trí quán chứ không phải vọng động của mê tình.

Tôi ví dụ có một người khách xa lạ tới nhìn bà con, xin ở chung nhà và xin vô hộ khẩu với mình. Mình thật thà nhận người ấy là bà con cho vô hộ khẩu và cho ở chung nhà. Một thời gian sống chung người đó ăn cắp phá hoại của cải nhà mình. Mình khổ sở quá, bây giờ phải làm sao đây? Nếu cứ nghĩ người đó là người thân thì của cải tiếp tục mất và mình thì khổ dài dài. Thế nên giai đoạn thứ nhất phải biết người này là người khách xa lạ,

không phải quyền thuộc của mình, là một kẻ trộm cắp. Mọi hành động của anh ta mình phải xem chừng. Vì nhìn chừng anh ta hoài, anh ta không lấy được nên mình không bị mất đồ. Tuy nhiên, chưa gạt hộ khẩu, anh ta vẫn còn ở trong nhà nên mình vẫn chưa yên. Chờ một thời gian, bắt được quả tang anh ta lấy trộm đồ, chừng đó đưa anh ta ra làng xã cắt hộ khẩu và đuổi anh ta ra khỏi nhà. Lúc đó mình mới yên ổn.

Giai đoạn đầu của pháp biết vọng là phải tỉnh. Như tôi đã nói, trước phải biết những ý niệm nghĩ suy tính toán là vọng tưởng, khi quở khi rầy để nó nhẹ và thưa dần. Đây là giai đoạn tâm còn động, song cái động này là động của trí, chứ không phải động của mê chấp, tuy động mà không phải lỗi. Khi vọng tưởng hết, cái quan sát vọng tưởng cũng buông luôn thì đâu có muộn. Tất cả pháp môn tu của Phật, giai đoạn đầu đều phải dùng phương tiện đối trị tương đối, sau đó tâm thuần thực rồi mới buông bỏ pháp đối trị tương đối. Nếu nói dùng pháp tu còn đối đãi tu không được thì không đúng. Vì tất cả tập khí si mê muôn đời mà không có pháp đối trị để trừ thì làm sao nó tiêu mòn? Thế nên bước đầu phải dùng phương tiện đối trị để tu. Pháp tu “biết vọng” xuất xứ từ bài kinh Có Pháp Môn Nào trong Tương Ứng Bộ, Phật đã nói từ lúc ngài còn tại thế, đến tổ Bồ-đề-đạt-ma và Huệ Khả triển khai rộng ra. Câu chuyện này tôi thường kể có lẽ quý vị đã thuộc lòng. Một hôm, ngài Huệ Khả tự thấy tâm mình bất an, mới thưa rõ với tổ Bồ-đề-đạt-ma:

- Bạch Hòa thượng, tâm con bất an. Xin Hòa thượng dạy con pháp an tâm.

- Người đem tâm ra đây ta an cho.

Huệ Khả xoay lại tìm tâm, tìm mãi mà không thấy tâm ở đâu. Ngài mới thưa:

- Bạch Hòa thượng, con tìm tâm không được.

- Ta đã an tâm cho người rồi.

Tại sao Huệ Khả tìm tâm không được mà tổ Bồ-đề-đạt-ma nói “Ta đã an tâm cho người rồi?” Vì bấy lâu nay ai cũng cho vọng tưởng là tâm mình, nên nó làm nhiều loạn bất an. Bây giờ tìm lại, nó lặng mát không còn một dấu vết, vậy là đã an rồi. Hằng ngày, chúng ta tu thấy vọng tưởng, biết vọng tưởng không thật không theo, nó tự lặng thì tâm không động yên ổn. Hoặc không quán nó là vọng tưởng mà nhìn coi nó phát xuất từ đâu, nó cũng tự lặng mát. Tu miên mật như thế một thời gian sẽ thuần thực, bấy giờ khỏi quở, khỏi rầy, khỏi tìm chỗ xuất phát của vọng tưởng, mà tâm vẫn an nhiên lặng lẽ. Vọng tưởng là khách, tánh hằng biết là chủ. Tu tuần tự như thế không sai không trái với tinh thần thiền tông, lại hợp với kinh điển Phật dạy. Quý vị đọc kinh Thủ-lăng-nghiêm, kinh Lăng-già hay những kinh khác đều thấy tinh thần này Phật dạy rõ ràng.

Hỏi: *Thưa Thầy, trong quyển Thiền Căn Bản có đoạn dạy “thở qua lỗ chân lông”. Vậy chúng con có nên áp dụng không?*

Đáp: Trong quyển Thiền Căn Bản, phần Lục diệu pháp môn dạy: sổ tức, tùy tức, chỉ, quán, hoàn, tịnh, có nói lúc điều tức hơi thở còn thô thì còn nghe tiếng động,

ngồi yên hơi thở tế dần dần dường như không còn thở nữa. Lúc đó thì các lỗ chân lông đều thở. Đó là nói trong trường hợp tu sử dụng pháp Lục diệu pháp môn, hơi thở đi từ thô đến tế, chứ không phải tập thở bằng lỗ chân lông. Nếu tập thở như vậy hóa ra luyện khí công hoặc luyện Yoga chứ không phải tu thiền. Phật dạy chúng ta tu thiền cốt để định tâm, ban đầu mượn hơi thở để định tâm, hơi thở từ từ êm nhẹ, dường như có dường như không. Lúc đó thấy như không có hơi thở, vì hơi thở quá nhẹ quá tế, nên có thể theo lỗ chân lông ra vào, chứ không phải nín thở cho hơi thở ra vào lỗ chân lông. Thở như vậy là lối luyện tập cơ thể chứ không phải thiền định.

Hỏi: Thưa Thầy, chú tăng ni ở Thiền viện lao động cực nhọc, ăn uống đạm bạc, mà tinh thần thanh thản sắc diện vui tươi. Chúng con cư sĩ cũng học giáo lý Phật, cũng tập tu, phương tiện vật chất thì đầy đủ. Chẳng biết các con tu có khuyết điểm gì, mà không được như các thầy các cô?

Đáp: Như tôi đã nói, người xuất gia đoạn bớt các duyên, còn cư sĩ thì có nhiều duyên chưa cắt nên tâm phân tán không an. Các thầy các cô khi đi làm cỏ cuốc đất, thể xác tuy có nhọc nhằn nhưng tâm hồn thì nhẹ nhàng thanh thoi. Còn quý Phật tử thân đi làm, mà tâm thì lo ra, nhớ đứa con nhỏ sợ nó trốn học đi chơi, nhớ đứa con kế sợ nó theo bạn bè tập nhiễm những thói hư tật xấu, lo cho đứa con lớn làm ăn thất bại... Con cháu đông, thân ngồi ở đây, mà tâm lo ở kia, vì tâm bị chi phối quá nhiều nên bất an, khí huyết sức khỏe

cũng theo đó mà suy giảm. Các thầy các cô ngay khi đi tu, thấy đúng với nghĩa tu là coi như mình đã chết với gia đình, nên cuộc sống gia đình không trói buộc họ nữa, đã không trói buộc thì quá thảnh thơi. Còn chuyện chùa là chuyện chung, được cất đặt việc gì thì làm việc đó, làm xong là nghỉ nên tâm an. Tâm an thì thảnh thơi, tuy ăn đạm bạc mà khỏe.

Hỏi: Thưa Thầy, con đang sống trong phiền muộn, nếu xuất gia để quên phiền muộn thì con không đủ can đảm để làm. Vậy thực tại con phải sống như thế nào để bớt ưu phiền?

Đáp: Phật tử này rất thực tế, tâm có sao nói vậy. Đạo hữu đang phiền muộn, nếu có xuất gia cũng không chắc hết phiền muộn. Ở ngoài đời thì bất mãn phiền muộn chuyện ngoài đời, xuất gia vào chùa cũng có chuyện trong chùa khiến cho đạo hữu bất mãn phiền muộn. Đừng hiểu lầm xuất gia là hết phiền muộn, mà phải ngay bây giờ buông hết phiền muộn, đó mới thật tu. Như người ghiền rượu, biết uống rượu là tổn tiền, sanh bệnh, mất trí tuệ, thiếu nhân cách. Bây giờ muốn hết ghiền rượu, người khác có làm thế mình được không? Chắc chắn là không được, mà chính bản thân người ghiền rượu phải gan dạ không uống rượu. Cũng như đạo hữu đang phiền muộn, đạo hữu phải gan dạ vứt cái phiền muộn đó đi, bằng cách nhìn người, vật bên ngoài cũng như trong bản thân mình, thấy tất cả đều là tướng duyên hợp không thật, đã không thật thì có gì để phiền muộn? Cái gì xảy đến đều thấy nó không thật, cười chơi với nó. Mai kia mình mất nó cũng hoại

có gì mà phiền muộn? Cứ như vậy mà quán rồi khéo xả bỏ thì hết phiền muộn.

Hỏi: Thưa Thầy, con người phải hội đủ những yếu tố nào mới tu được?

Đáp: Người tu nào cũng có những yếu tố để mà tu, song, biết sử dụng hay không biết sử dụng những yếu tố mình có mới là việc đáng nói. Chúng ta thường nghe các thầy nói, người thiếu căn thì không được thọ giới cụ túc, tức là hoặc mắt mù, hoặc tai điếc, hoặc lưỡi câm, hoặc ý dần độn... thì không được thọ giới cụ túc. Nhưng chúng ta thấy trong sử ghi ngài A-na-luật mắt mù tu chứng quả A-la-hán, ngài Bàn-đặc-ca quá dốt học kinh kệ không nhớ một câu, tu chứng được quả A-la-hán. Như vậy là do không biết sử dụng các căn sẵn có hay là do thiếu căn? Đa số chúng ta ai cũng mắt sáng, tai thính, ý thông minh... có đủ sáu căn là hội đủ điều kiện để tu rồi. Có điều là chúng ta có chịu học hiểu đúng chánh pháp của Phật hay không, có gan dạ buông bỏ những thói hư tật xấu hay không mà thôi.

Hỏi: Thưa Thầy, theo pháp tu thiền, nếu tu ba nghiệp: thân, khẩu, ý thì tu như thế nào? Và, đạo Phật lấy giác ngộ giải thoát làm gốc. Vậy mỗi ngày hai mươi bốn giờ làm sao ứng dụng trí Bát-nhã để tu?

Đáp: Thông thường tu là chuyển ba nghiệp ác thành ba nghiệp thiện, đó là giai đoạn một gọi là giai đoạn chuyển nghiệp. Qua giai đoạn hai thì không còn chuyển nghiệp nữa, mà tu cốt làm chủ ba nghiệp, mỗi tác động của ý của miệng của thân phải làm chủ trọn vẹn.

Ví dụ: Đi thì biết mình đi, ngồi thì biết mình ngồi, nằm thì biết mình nằm... Tất cả mọi động tác luôn luôn được trí tuệ soi suốt, thấy biết rõ ràng không lầm lộn, không quên lãng. Đối với người không tu, làm mà không biết mình làm, nói không biết mình nói, cứ nói làm càng bướng, sau rồi ăn năn hối hận. Với người tu thiền thì mọi hành động, mọi ngôn ngữ, mọi ý niệm phát khởi đều biết rõ ràng và làm chủ được nó. Đó là dùng trí để thấy rõ từng động tác của ba nghiệp.

Ứng dụng trí Bát-nhã trong lãnh vực tu thiền thì như tôi đã nói: “Tất cả các pháp không thọ.” Bởi tất cả các pháp đối đãi ở thế gian này tạm đặt ra để mà dùng với nhau, nó không thật. Vì nó tạm không thật nên không chấp, không chấp thì không tranh cãi, không tranh cãi thì không khổ đau. Ví dụ có người khỏe mạnh, tay chân còn đủ mà đi xin ăn. Ông A nghĩ họ nghèo khổ nên cho tiền cho gạo giúp đỡ họ. Ông B thấy vậy, cho rằng ông A tốt, chẳng những đối với người cùi đui xin, ông A giúp, mà người còn chân tay nếu nghèo thiếu xin, ông A cũng giúp. Nhưng ông C cho rằng người khỏe mạnh tay chân còn đủ mà đi xin, ông C cho là ông A bị lừa gạt, vô tình ông A giúp cho người lười biếng ăn không ngồi rồi ăn bám xã hội, không tốt. Hai người cùng nhìn một đối tượng, mà thấy khác nhau, người thì khen là tốt, người thì chê là không tốt. Vậy chúng ta xét xem hai cái thấy đó cái thấy của ai là chân lý và cái thấy của ai phi chân lý? Quý vị thử đánh giá xem đúng ở chỗ nào sai ở chỗ nào? Xét kỹ, cái nhìn đúng sai không có tiêu chuẩn nhất định, mà tùy theo quan niệm của mỗi người,

ai cũng có lý riêng của mình. Lý luận của ông B cũng có lý, lý luận của ông C cũng có lý, có lý theo quan niệm của mỗi người. Nếu chúng ta chấp chặt một bên là chân lý thì sẽ tranh cãi mãi. Mà tranh cãi thì sanh thù oán đánh đập lẫn nhau gây đau khổ cho nhau. Đó là một sự việc trong nhiều sự việc ở trên đời này, không có tiêu chuẩn chung để thẩm định tốt xấu, mà do quan niệm riêng của mỗi người. Người khởi ý niệm thì cố chấp vào ý niệm của mình và cho là đúng. Đó là một sai lầm lớn cho nên Phật dạy: “Phải biết tôn trọng chân lý.” Tôn trọng chân lý là cùng thấy một sự việc, mà mỗi người có quyền thấy biết theo quan niệm của mình, không bắt buộc người khác thấy như mình thấy. Đa số người đời mắc phải bệnh chấp “Cái thấy của tôi là đúng, là chân lý, ai thấy khác tôi là người đó thấy sai.” Thế nên từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội, người ta cãi nhau đánh nhau không dừng nghỉ, bởi chấp cái thấy của mình là chân lý, rồi bắt kẻ khác phải thấy như mình thấy. Mình thấy như thế nào thì nói tôi thấy như thế ấy, đó là cái thấy của mình. Nếu người kia thấy khác cũng là cái thấy của người kia. Mỗi người có quyền thấy theo nhãn quan của mình, không ai có quyền bắt thấy như thế này là đúng, thấy khác đi là sai. Như vậy là biết tôn trọng chân lý. Trong cuộc sống giữa đời này quý vị thấy có cần tôn trọng chân lý không? Nếu không tôn trọng chân lý thì sẽ cãi nhau hoài. Tất cả khổ đau của kiếp người không phải chỉ đói cơm, rách áo mới là khổ. Có nhiều người giàu sang vương giả, sống với ai cũng bắt đồng quan niệm, gây xung đột gây phiền hận đánh giết lẫn nhau,

đó là tại không biết tôn trọng chân lý. Ai cũng muốn bắt người khác nhìn theo cái nhìn của mình, nhưng làm sao thấy giống nhau được? Một việc hết sức nhỏ và gần là việc ăn uống. Cái lưỡi của người này thì thích món này, cái lưỡi người kia thì thích món kia, kẻ ưa ăn mặn người ưa ăn nhạt... Nếu mình thích món nào, cho món đó là ngon và bắt người khác ăn theo mình, làm như vậy không được, vì người khác cũng có quyền thích món khác. Nếu mọi người ai cũng đều bắt kẻ khác theo ý mình trong khi người ta không thích, thì sống có đau khổ không? Thế nên, hiểu tới nơi rồi thấy Phật dạy chí lý vô cùng. Những cái thấy tốt xấu khác nhau đó tùy theo nghiệp duyên của mỗi người. Nếu biết rõ như vậy thì không có chuyện gì xảy ra cả. Còn ai cũng cho cái thấy của mình là chân lý, người khác thấy không giống mình là sai là bậy, thì bao nhiêu chuyện tranh cãi rắc rối xảy ra.

Theo tinh thần Bát-nhã thì đối với tất cả pháp, thấy nó do duyên hợp mà có giả tướng, không có thực thể cố định, nên không chấp nó là thế này thế nọ. Nếu không chấp là không thọ, thì nội tâm tịch diệt được Niết-bàn. Đó là ứng dụng trí Bát-nhã để tu hằng ngày. Vậy, Niết-bàn là giải thoát. Người mà thấy các pháp đúng như thật, không chấp là người trí, người đó giác ngộ giải thoát không nghi ngờ, đó là tu thiền. Đạo Phật là đạo giác ngộ bằng trí tuệ, nên đối với tất cả pháp, không một pháp nào mà Phật không dạy dùng trí để tu. Như quán các pháp là vô thường, quán các pháp là vô ngã, quán các pháp do duyên sanh, quán tứ đế...

Tất cả pháp tu đều dùng trí tuệ để quán. Thấy được lẽ thật thì gọi là trí. Pháp Phật đưa chúng ta đến giải thoát là hướng dẫn chúng ta dùng trí tuệ ban sơ rồi dần dần tới trí tuệ viên mãn. Do đó mà trong nhà Phật thường nói Truyền đăng tục diệm, tức là trao đèn tiếp lửa, hay nói cách khác là trao truyền ánh sáng trí tuệ. Trong kinh Phật dạy: “Các người hãy tự thắp đuốc lên mà đi, thắp lên với chánh pháp.” Chánh pháp là ngọn đuốc trí tuệ sẵn có của Phật, muốn cho trí tuệ chúng ta sáng, nhưng tự mình không phát sáng được, nên phải môi qua ngọn đuốc trí tuệ của Phật, để cho trí của mình được sáng. Tu là thắp đuốc trí tuệ cho sáng rực lên. Vì vậy mà tôi dùng chữ Chiếu đặt tên cho các Thiền viện để nhắc thiền sinh luôn luôn phải soi sáng tâm mình, chớ để mờ tối mê lầm.

Thời nay, đa số người đến với đạo vì lòng tin hơn là trí tuệ. Rủ nhau đi chùa cúng lạy cho có phước, đi được mười chùa là năm đó được bình an. Tới chùa chỉ tới bằng niềm tin chứ không tới bằng trí tuệ. Đạo Phật là đạo trí tuệ, thế mà không thắp sáng ngọn đuốc trí tuệ lên mà đi, chỉ biết tin, tin Phật như ông thần ban phước giáng họa vậy. Đến với đạo Phật sai lầm như thế, cho nên tu không tiến, thậm chí càng tu càng nhiều phiền não nữa. Có người nói tụng kinh Pháp Hoa nghiệp đổ. Đổ nghiệp là do đâu? Tại quý vị nghe nói tụng kinh Pháp Hoa phước nhiều nên ham, chùa mở hội tụng kinh Pháp Hoa thì đua nhau đi tụng, không đi sợ thiệt thòi. Nhưng gia cảnh của mình còn bận rộn, bỏ nhà đi thì việc làm ăn bê bối, lui sụt, nên bị chồng con la rầy,

rồi cho là đổ nghiệp. Nghiệp đâu mà đổ vậy? Tại quý vị không thấy được lẽ thật, hoàn cảnh của mình chưa cho phép mình làm điều đó, vội làm thì không được như ý, nên bực bội cho là đổ nghiệp.

Nếu đến với đạo Phật, tu bằng trí tuệ thì đâu có việc đáng tiếc xảy ra. Lúc nào cũng soi lại mình, thấy rõ mình từng phút từng giây, tới chùa cũng tốt, không tới chùa cũng tốt. Ở nhà mà dùng trí thấy rõ từng ý niệm sai lầm, từng lời nói bất thiện, từng việc làm ác, liền dừng không theo. Những điều xấu tự bản thân mà mình bỏ được thì cũng như đi chùa tu đâu có khác. Còn tụng kinh Pháp Hoa tính bộ mà không dừng ba nghiệp ác, thì cũng như chưa tu. Đó là cái sai lầm của người Phật tử học đạo bây giờ. Tôi nói đây không phải bài bác tụng kinh. Đi chùa tụng kinh khi nào gia cảnh xuôi thuận, con cái lớn khôn, ở nhà không làm gì thay vì cờ bạc, xem hát... thì nên đi chùa lạy Phật tụng kinh tốt hơn. Còn nếu gia cảnh đang bận rộn, người nhà đang đau ốm mất mát tối lo cho cuộc sống chung, mà mình phó mặc, cứ xách gói vô chùa tụng kinh hoài, làm sao trong gia đình không xào xáo phiền não?

Hỏi: *Thưa Thầy, như Thầy nói, phần đông Phật tử đến với đạo Phật bằng lòng tin hơn là trí tuệ. Ngay như bản thân con, trước đây cũng đi chùa tụng kinh niệm Phật. Sau đến với thiền con cũng chưa biết gì, được vị thầy này dạy nên khán thoại đâu, đến thầy khác bảo đếm hơi thở, lại vị kia dạy nên an trú trong việc làm của mình hằng ngày... Pháp nào con cũng thực hành,*

song loạn tưởng vẫn cứ dấy khởi không thuyên giảm, nên con niệm Phật trở lại. Con biết tu như thế là bệnh, nhưng không biết phải đối trị như thế nào, xin Thầy từ bi chữa trị cho con bằng pháp môn tu thiền, ngày đêm dụng công ra sao? Điều thân điều tâm như thế nào?

Đáp: Theo tôi thì thầy dạy đếm hơi thở để tiến tới chỗ định tâm, đó cũng là pháp tu tốt của vị sư ấy. Thầy dạy khán thoại đầu để đưa đến chỗ ngộ đạo, tôi cũng tôn trọng pháp tu của thầy đó. Vì tôi thuộc mẫu người tôn trọng chân lý. Nhưng riêng tôi, tu thiền phải dùng hai cách: Cách mà tôi tâm đắc nhất là pháp tu không phương pháp của tổ Bồ-đề-đạt-ma. Khi xưa tôi nghiên cứu về tổ Bồ-đề-đạt-ma thấy nói đâu đâu, không liên quan gì với sự tu hành, tôi không hiểu gì hết, không thấy ngài đặt ra một phương pháp để tu, qua câu chuyện ngài Thần Quang thiết tha cầu đạo, đứng ngoài tuyết suốt đêm tuyết ngập lên tới gối. Tổ ngoái nhìn lại hỏi:

- Người cầu cái gì mà dùng khổ hạnh vậy?

Thần Quang đáp:

- Xin ngài dạy con pháp môn cam lồ.

- Pháp môn cam lồ đâu có thể dùng chút ít khổ hạnh cón con mà được!

Thần Quang tha thiết như vậy mà Tổ chê là khổ hạnh cón con! Thần Quang buồn quá bèn chặt một cánh tay dâng lên để tỏ ý chí cầu đạo của mình. Tổ bảo:

- À, khá đó.

Và đặt tên là Huệ Khả. Câu chuyện có hay không thì ở đây miễn bàn. Chúng ta chỉ hiểu câu chuyện nói lên ý chí tuyệt vời của người cầu đạo.

Khi Tổ nhận cho Huệ Khả làm đệ tử rồi không dạy gì hết. Một hôm ngài Huệ Khả khổ quá mới thưa:

- Bạch Hòa thượng, tâm con bất an, xin Hòa thượng dạy con phương pháp an tâm.

Giống hệt như chúng ta, tâm ngài Huệ Khả cứ xao xuyên bồn chồn mãi nên ngài xin Tổ dạy cho phương pháp để định tâm. Tổ nhìn sững vào mặt Huệ Khả bảo:

- Đem tâm ra ta an cho.

Theo cái thấy của chúng ta thì Tổ thật là vô lý, đệ tử xin dạy phương pháp tu mà ngài không dạy gì cả, bảo “đem tâm ra ta an cho”. Nghe câu này chúng ta thấy lúng túng. Nhưng, Huệ Khả là người xuất cách, ngài bèn nhìn lại cái nghĩ tưởng lăng xăng, mà lâu nay ngài cho là tâm thì không thấy nó đâu cả. Ngài mới thưa:

- Bạch Hòa thượng, con tìm tâm không được.

Tổ nói rất nhẹ:

- Ta đã an tâm cho ngươi rồi.

Từ đó ngài Huệ Khả biết đường vào cửa thiền. Quý vị thấy Tổ dạy pháp môn gì? Nếu là người không có duyên với thiền nghe Tổ nói như thế, thấy như đùa chơi không nghĩa lý gì hết, nhưng đó chính là cửa bước vào thiền. Bởi vậy sau này ngài Đức Sơn mới nói: “Tông ta không ngữ cú, không có một pháp cho người.”

Thiền tông không có phương pháp tu thứ bậc. Quý vị cũng như chúng tôi lúc trước đều nghĩ, tu là phải có phương pháp để nương vào đó mà thực hành. Nhưng Tổ dạy tu theo phương pháp gì? Ngày trước đọc tới chỗ này, tôi lắc đầu. Không có phương pháp làm sao tu được? Tổ nói như đùa! Nhưng nếu nhận được ý chỉ thì hay đáo để, hay quá sức tưởng tượng của mình. Nên khi ngộ, chư tổ bật khóc là vậy, chỗ không bao giờ mình ngờ chính là pháp tu. Quý vị có nhận ra không? Chỉ có một ít người gặt đầu, còn đa số thì ngẩn ngơ!

Đây, tôi chỉ cho quý vị thấy: Lâu nay chúng ta cho rằng cái nghĩ tốt, nghĩ xấu, nghĩ phải, nghĩ quấy... là cái tâm của mình. Trăm người như một đều chấp như vậy. Bởi chấp niệm suy nghĩ là tâm mình nên cứ khởi nghĩ tứ tung, vì nghĩ tứ tung nên bất an. Bây giờ phải tu theo pháp nào để dừng khởi nghĩ và tâm được an? Ở đây Tổ không dạy pháp gì hết, bảo: “Đem tâm ra ta an cho.” Tức là đem niệm nghĩ suy mà ông cho là tâm đó ra đây ta an cho. Ngài Huệ Khả sức nhìn lại cái mà ngài cho là tâm xem nó ra sao? Tìm lại thì nó mất tiêu. Ngay đó thì tâm ngài đã an. Nên Tổ nói: “Ta đã an tâm cho người rồi!” Khi thấy niệm nghĩ suy là những niệm giả dối, không tiếp tục nghĩ suy nữa thì tâm an chứ gì! Không thêm một pháp nào hết.

Bây giờ quý đạo hữu thử thực nghiệm xem. Mình đang suy tính chuyện này, chuyện kia liền nhìn lại coi nó ra sao? Khi nhìn nó thì nó tự lặng không còn nữa. Vậy “niệm nghĩ suy” và “cái nhìn” niệm nghĩ suy,

hai cái có khác nhau không? Niệm nghĩ suy thì lạng xăng lộn xộn, chợt khởi chợt mất, còn “cái nhìn” niệm nghĩ suy thì nó lạng lẽ mà sáng suốt, không động. Khi niệm nghĩ suy lạng xăng lộn xộn đã mất, chỉ còn lại “cái nhìn” lạng lẽ thì tâm không an là gì? Rất đơn giản. Khi ngài Huệ Khả nghe đến đó, tâm bừng sáng lên, không nghi ngờ. Còn chúng ta nghe qua thấy mù mịt! Nếu dạy điều thứ nhất phải thực hành như thế này, điều thứ hai phải thực hành như thế này... tiến từng bậc một, thì có thể làm. Ở đây bảo phải nhìn lại cái nghĩ tưởng lạng xăng, khi nhìn nó thì nó lạng mất. Do đó nên tôi nói cái nghĩ tưởng lạng xăng lộn xộn đó là cái hư dối không thật, gọi nó là vọng tâm hay vọng tưởng.

Từ lâu chúng ta lầm cho vọng tưởng là mình, bây giờ mỗi khi nó dấy khởi, nhìn nó biết nó là hư dối không theo nó là tu. Dường như không dạy mà đã dạy. Nếu khi vọng tưởng lạng xăng khởi, nhìn nó, nếu nó không lạng thì tìm coi nó xuất phát từ đâu? Tìm, không thấy chỗ xuất phát của nó, rõ ràng vọng tưởng không có nguồn gốc chợt hiện rồi mất. Vậy, không thấy chỗ xuất phát của nó, rõ ràng vọng tưởng không có nguồn gốc chợt hiện rồi mất. Vậy, không có pháp an tâm mà tâm được an. Người tu theo thiên tông bằng trí tuệ không phải bằng lòng tin.

Từ lâu mọi người ai cũng lầm nhận cái suy tư nghĩ tưởng là ta (ngã). Vậy, ta có khi nào vắng không? Ta lúc nào cũng hiện hữu không bao giờ vắng mặt, còn cái suy tư nghĩ tưởng chợt hiện chợt mất sao gọi là ta được? Lúc không nghĩ tưởng thì ta ở đâu? Biết rõ cái suy tư

nghĩ tưởng là hư dối không thật đó là trí tuệ. Tuy vọng tưởng chưa hết, nhưng trí tuệ đã phát sáng thì từ từ sẽ làm chủ được nó. Bởi lâu nay chúng ta lầm nhận nó là “ta”, nên chạy ngược chạy xuôi theo nó. Bây giờ biết nó là hư giả, không theo, đó là biết quay trở lại với đạo. Khi chưa học đạo chúng ta tưởng đạo xa lắm, tưởng đạo là cái gì đó huyền bí phi thường, nên có nhiều người vô rùng lên núi tìm đạo. Nhưng đạo chính là cái tâm chân thật có sẵn ở nơi mỗi người. Vậy có được mấy người biết được tâm chân thật đó. Thế mà mở miệng ra xưng là ta là tôi, nhưng không biết cái ta chân thật là cái gì?

Đạo Phật không cho phép chúng ta ngồi suy tính chuyện bên ngoài mà không tự biết mình. Nếu không biết cái gì là mình, cái gì không phải là mình thì người đó chưa phải là người trí. Người trí biết được mình rồi mới chinh phục những cái không phải là mình, nên không còn lệ thuộc nó nữa và không bị nó chi phối làm cho khổ đau. Vì vậy, khi người nhận ra được thể chân thật nơi mình rồi thì cười hoài. Biết được mình mới là điều chủ yếu của sự tu hành. Nếu chưa biết được mình mà biết nhiều chuyện bên ngoài cũng chỉ là trò đùa, cũng vẫn trầm luân trong vòng luân hồi không có ngày dừng.

Như vậy tôi đã chỉ cho quý vị tu chưa? Tôi chỉ theo tôi, tôi nói tôi không đúng, quý vị khác sai, vì tôi tôn trọng chân lý.

Hỏi: Thưa Thầy, mười bức Tranh chặn trâu, bức tranh chín và mười biểu trưng phân tự lợi viên mãn

rồi lợi tha. Nhưng chúng ta phân tự lợi chưa xong, nên phân hồng pháp lợi tha dễ bị sai lạc, vậy chúng con phải làm sao?

Đáp: Trong mười bức Tranh chấn trâu, từ mục một đến chín biểu trưng cho phân tự lợi, mục mười biểu trưng cho phân lợi tha, hành giả thông tay đi vào chợ, đi vào đời làm lợi ích cho người. Hiện tại chúng ta tu chưa tới bức tranh mười thì làm sao lợi tha? Điều này tôi xin trả lời: Chúng ta tu giống như người đi học, nếu học hết cấp, không còn lớp để theo học nữa thì đỗ tiến sĩ. Nhưng bây giờ chúng ta chỉ học tới lớp 12 thôi, như vậy là chúng ta học chưa xong. Hiện tại chung quanh chúng ta có mấy người bị mù chữ, họ muốn học để biết chữ. Chúng ta dạy họ biết đọc biết viết, có sợ dạy sai hay không? Chắc chắn là không sai, vì chúng ta dạy thấp chứ không dạy cao. Nếu chúng ta học lớp 12 mà đòi dạy bậc đại học thì sẽ dạy không được, vì quá sức học của mình. Tôi thường lưu ý quý vị, mình tu được năm phần, nếu có người hỏi thì nói một hoặc hai ba phần thì bảo đảm không trật. Nếu tu năm phần, ai hỏi phần thứ sáu thứ bảy là phần chúng ta chưa tới, mà giảng nói e trật. Chúng ta nên thật thà khôn ngoan nói: “Chỗ này để tôi nghiên cứu lại”, chứ đừng tỏ ra mình khôn lanh thông suốt để lèo thiên hạ thì tai họa. Đó là trường hợp tu chưa đến chỗ cứu cánh, mà vẫn làm việc lợi tha được.

Hỏi: *Thưa Thầy, điều phục sáu căn chủ yếu là nhãn căn và nhĩ căn, thế mà con cứ bị sắc trần và thanh trần làm loạn động. Thưa Thầy, con phải làm thế nào để điều phục?*

Đáp: Trong sáu căn chủ yếu là tu nhãn căn và nhĩ căn. Mắt thấy sắc tâm xao xuyên, tai nghe tiếng tâm loạn động, vậy phải làm sao? Phương tiện tu hành thì có nhiều cách, nên tôi thường nhắc quý vị tu phải linh động. Có khi phải nhìn lại tâm mình thấy vọng tưởng khởi không chạy theo. Nói theo tứ liệu giản của tổ Lâm Tế thì gọi là “đoạt nhân bất đoạt cảnh”. Nghĩa là cảnh bên ngoài cứ mặc nó, chỉ dẹp vọng tưởng ở nội tâm mình thôi. Tu như thế mà tâm vẫn còn lằng xằng, thì phải ứng dụng cách thứ hai là “đoạt cảnh bất đoạt nhân”, tức là dẹp cảnh bên ngoài mà không dẹp vọng tưởng ở tâm. Dẹp cảnh bên ngoài là sao? Nghĩa là thấy sáu trần do duyên hợp như huyễn như hóa không thật. Mắt thấy sắc biết sắc là tướng duyên hợp hư dối, tâm từ từ hết lằng xằng. Tai nghe tiếng khen tiếng chê, biết nó có là do duyên hợp hư dối không thật, nghe qua rồi mất, tâm từ từ hết lằng xằng. Như vậy, tu có nhiều cách, hoặc xoay lại nhìn vọng tưởng lằng xằng ở tâm mình (đoạt nhân chẳng đoạt cảnh), hoặc quán trần cảnh bên ngoài không thật (đoạt cảnh chẳng đoạt nhân). Hoặc vọng tưởng nơi tâm và ngoại cảnh bên ngoài đều dẹp sạch (nhân cảnh đều đoạt). Khi không còn vọng tưởng, tâm không còn dính mắc với trần cảnh bên ngoài, tâm lúc nào cũng lạng lẽ sáng suốt, không cần phải dụng công tu (nhân cảnh đều chẳng đoạt).

Hỏi: *Thưa Thầy, theo pháp tri vọng Thầy dạy, chúng con có được dùng pháp quán để đối trị tâm bệnh trong lúc ngồi thiền hay không?*

Đáp: Như tôi vừa nói, chúng ta tu hoặc xoay lại nhìn tâm lăng xăng mình, hoặc quán trần cảnh bên ngoài không thật. Nếu khi ngồi thiền tâm quá xao xuyến, điều phục không nổi thì phải dùng pháp quán để phá. Chúng ta phá nó bằng cách đặt câu hỏi: “Cái gì đang xao xuyến?”

Giả sử hỏi chiều nghe người ta nói nặng mình một câu, mình trả lời chưa xứng. Bây giờ ngồi thiền cứ nhớ những lời nói nặng đó mãi, dẹp không được thì phải quán. Quán xét những lời nói đó từ đâu mà có? Những lời nói đó là hơi phát ra từ rốn, lên cuống họng, ra lưỡi, lưỡi uốn qua uốn lại thành tiếng. Do những duyên đó hợp lại thành tiếng, thoáng qua rồi mất, nó không thật, tại sao mình ôm ấp phiền giận? Quán như vậy một hồi, tự thấy mình vô lý, buông bỏ những lời nói đó, tâm được yên ổn. Nếu đang giận hậm hực, tìm câu nói nào cho hơn để trả lời thì tâm càng thêm sân giận, không dẹp phá được. Giờ ngồi thiền trở thành giờ cãi lộn, thêm phiền não không lợi ích.

Hỏi: *Thưa Thầy, trong bốn oai nghi đều phải tu. Vậy khi tiếp xúc với Phật tử, lúc đó có tu hay không?*

Đáp: Đừng hiểu tu thiền là ngồi im bất động, mà trong mọi oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín... lúc nào cũng tu. Khi im lặng thì nhìn lại tâm mình, thấy có vọng niệm khởi liền buông, không theo thì tâm vắng lặng. Khi tiếp duyên với Phật tử thì nói những lời đạo lý, nhắc nhở mọi người cùng tu. Những lời mình nói ra

cũng xuất phát từ tâm thanh tịnh, giúp cho người được lợi ích. Tuy có động mà động trong thanh tịnh, giống như nước trong hồ khi lặng vẫn trong, khi nổi sóng cũng vẫn trong. Vì nước đã trong rồi thì dù lặng hay động nó vẫn trong. Nước ao nước hồ có bùn có cặn, nếu bị chao động nổi sóng là đục ngay. Vì vậy mà lúc nào chúng ta cũng phải tu, khi yên lặng thì tu theo cách yên lặng, khi tiếp duyên thì tu theo lối tiếp duyên.

Hỏi: *Thưa Thầy, tu thiền khi lâm chung phải làm sao?*

Đáp: Người tu thiền khi sắp chết có những trường hợp như thế này:

- Người dụng công tu đến chỗ tâm hằng thanh tịnh sáng suốt thì làm chủ mình hoàn toàn, ngay cả cái chết đến tâm vẫn bình thản an nhiên không lo sợ loạn động, vì đã biết đường đi.

- Người dụng công chưa làm chủ được tâm mình, lúc sắp chết tâm lo sợ loạn động. Lúc đó phải vận dụng hết thần lực trí lực quán chiếu, để thấy rõ thân này cảnh này là huyễn hóa không bền chắc cho bớt chấp thân, như vậy ra đi có phần tự do.

- Người sắp chết mà thần lực trí lực quá yếu, không quán chiếu được thân cảnh không bền chắc tạm bợ, phải nhờ Thầy tổ huynh đệ đến tụng kinh Bát-nhã hay Kim Cang khiến cho nhớ và duyên theo lời Phật dạy, dừng tâm quyến luyến thân, quyến luyến người, quyến luyến cảnh, ra đi cho dễ dàng.

Hỏi: *Thưa Thầy, ngộ lần đầu và ngộ lần sau có như nhau không? Ngộ lần đầu còn phải tiệm tu lâu dài, làm sao biết được giai đoạn sau cùng là lúc nào?*

Đáp: Câu hỏi này tôi chỉ trả lời phân nửa, chứ chưa trả lời hết được. Tại vì tôi chưa ngộ lần cuối cùng, nên không trả lời phần này. Theo thiên sử thì các thiên sư tiểu ngộ hàng chục lần, đại ngộ cũng năm ba lần. Lục tổ Huệ Năng khi còn là cư sĩ gánh củi đi bán, một phen nghe người tụng kinh Kim Cang, tâm liền khai ngộ. Sau đó ngài đến Hoàng Mai tham học với Ngũ Tổ. Một hôm, ngài trình sở ngộ, được Ngũ Tổ cho vào thất để giảng kinh Kim Cang, giảng tới câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngay đó ngài đại ngộ bèn thốt lên: “Đâu ngờ tánh mình vốn tự thanh tịnh, đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt...” Sau lần ngộ này ngài được Ngũ Tổ ấn chứng và truyền y bát. Lần ngộ đầu và lần ngộ này có khác không? Lần ngộ đầu chỉ thấy “bản lai vô nhất vật”, lần ngộ sau thấy “sáu căn không dính mắc với sáu trần”, thì nhận ra tánh mình từ xưa vốn thanh tịnh, vốn không sanh diệt..., lần sau ngài đại ngộ nhận sâu hơn lần trước. Giống như quý Phật tử mới học đạo, đọc kinh lần đầu thấy hay, dụ như tiểu ngộ, lâu lâu đọc lại càng hiểu sâu hơn càng thấy hay hơn, dụ như đại ngộ. Như vậy lần ngộ đầu cạn, lần ngộ sau sâu không giống nhau. Còn lần ngộ chót là triệt ngộ, nghĩa là thấu suốt trùm khắp không giới hạn, lần ngộ đầu còn giới hạn.

Hỏi: *Thưa Thầy, con đọc kinh thấy Phật dạy tu là phải buông xả tất cả. Nhưng khi tâm trí buông xả thì ảnh hưởng đến nhân tình và sinh hoạt hằng ngày*

không tốt. Còn nếu nhiệt tình tích cực làm việc thì ảnh hưởng đến tâm trí, tâm trí chao động khó thanh tịnh. Con muốn tu tâm trí được an tịnh mà việc làm vẫn tích cực. Vậy con phải tu như thế nào xin Thầy chỉ dạy?

Đáp: Câu hỏi này là câu hỏi thiết yếu và thực tế của người tu hành, nhất là người Phật tử tại gia còn làm việc trong xã hội. Tôi dạy tăng ni và Phật tử tu, cũng dạy buông xả mà buông xả tích cực chứ không phải buông xả tiêu cực. Nghĩa là làm tất cả mà không chấp vào việc làm của mình, đó là buông xả tích cực. Còn làm cái gì dính cái nấy, hoặc sợ quá nên bỏ, đó là buông xả tiêu cực. Ví dụ sáng quý vị đi làm công tác xã hội, giúp cho người tàn tật, nghèo đói, bệnh hoạn được no ấm an vui, ai cần là giúp, việc gì cũng làm, làm tích cực suốt ngày. Làm xong, chiều về nhà quý vị tắm rửa, ăn uống rồi đi tụng kinh, ngồi thiền. Mọi việc làm trong ngày buông hết không nghĩ đến, ngủ dậy sáng đi làm nữa, làm xong buông hết không nhớ không nghĩ tới, cứ thế mà làm và tu thì tâm trí không động, việc làm vẫn tích cực. Còn nếu sáng đi làm, chiều về nhớ mình làm việc này cho người này, việc kia cho người kia, người này tên A, người kia tên B, ghi vào sổ để mai một kể công kể ơn với họ. Nếu người nào quên ơn thì mình buồn trách, làm như thế là làm vì danh, tâm bị động chưa biết buông xả. Đó là hành động buông xả và không buông xả bên ngoài.

Đối với nội tâm, chúng ta luôn luôn phải buông xả, mà buông xả không phải không làm. Tôi nói niệm khởi

phải buông. Song, buông không cho nghĩ gì hết sao? Chỗ này quý vị phải lưu ý thật kỹ để ứng dụng tu, kéo thực hành sai. Ví dụ sáng thức dậy thấy có những việc đáng làm, chúng ta khởi niệm khoảng ba phút hoặc năm phút để sắp xếp. Sau khi sắp xếp xong bắt đầu thực hành, từ đó niệm khởi cứ buông, chỉ làm thôi chứ không suy nghĩ. Như vậy buông xả vọng niệm không trở ngại công việc đang làm. Như thế, làm việc mà vẫn tu được không trở ngại. Còn nếu sáng thức dậy vừa nghĩ làm việc gì liền buông bỏ không cho nghĩ, thì không sắp xếp và cũng không làm được việc gì. Buông xả như thế là buông xả tiêu cực, rốt cuộc chỉ ngồi không, không làm được gì cả. Vì khởi nghĩ là phải bỏ, không cho nghĩ thì biết làm gì đây?

Chúng ta phải hiểu cho rõ chỗ này. Xả là không chấp công mình giúp người. Xả là không nhớ và mong mỗi người mình giúp đền ơn mình. Và, người tu thiên xả là luôn luôn để cho tâm thanh tịnh, khi làm việc chỉ biết làm việc, hoàn toàn làm chủ mình, không để tạp niệm xen lẫn. Buông xả như thế rất tích cực chứ không tiêu cực, quý vị nên tu tập như vậy không bị mâu thuẫn.

Hỏi: Thưa Thầy, pháp môn “biết vọng” mà Thầy dạy chúng con tu có trải qua giai đoạn nhập Diệt tận định không?

Đáp: Pháp tu biết vọng mà tôi dạy cho quý vị tu là pháp tu của Thiên tông gọi là Tổ sư thiên. Còn Diệt tận định là thiên của Thanh văn. Thiên Thanh văn

hành giả tu đến Diệt tận định thì chứng Tam minh, Lục thông đặc quả A-la-hán. Còn thiên biết vọng tu đến lúc sạch hết vọng tưởng thì thành Phật, chứ không chứng A-la-hán nên không nhập Diệt tận định. Vì hành giả khi nhập Diệt tận định thì không còn cảm thọ và tâm tưởng nên gọi là Diệt thọ tưởng định. Lúc đó còn hơi ấm mà không còn cảm thọ và tâm tưởng, nên giống người chết. Người tu đến Diệt tận định thì sạch hết vô minh hoặc lậu, chứng quả A-la-hán.

Đường lối tu thiên ở đây như Lục Tổ nói trong kinh Pháp Bảo Đàn: “Nếu đại định thì không có nhập xuất, nếu còn nhập xuất thì chưa phải đại định.” Tại sao vậy? Vì khi nhập thì định, khi xuất thì không định. Còn định của Tổ sư thiên thì đi đứng nằm ngồi lúc nào cũng định hết. Lúc nào cũng định thì đâu có nhập có xuất, nên nói đại định. Dù cho thấy, nghe, cảm giác, nói, nín... tâm luôn luôn bất động. Chính chỗ này mà Lục Tổ chủ trương định tuệ đồng đẳng.

Nếu nhập Diệt tận định thì có định mà không có tuệ, vì không có cảm giác và không nghe biết gì cả, lúc đó an trú trong định tuyệt đối. Hai cách tu thiên này không giống nhau. Chúng ta tu cũng ngồi thiền, nhưng ngồi thiền để dễ điều phục tâm thêm sức mạnh, để lúc xả thiền đối trước trần cảnh không bị lôi cuốn. Tuy chúng ta ngồi thiền, nhưng không lấy sự ngồi thiền làm cứu cánh của sự tu, mà phải tu ngay trong mọi sinh hoạt của cuộc sống hằng ngày. Đó là chỗ sai biệt của hai cách tu.

Hỏi: Sáu căn tiếp xúc với sáu trần thì sáu thức mới khởi. Nhiều khi sáu căn con không tiếp xúc với sáu trần mà vọng thức cũng vẫn khởi là tại sao?

Đáp: Trong câu hỏi, tuy đạo hữu nói sáu căn tiếp xúc với sáu trần sanh ra sáu thức. Kỳ thật đạo hữu chỉ thấy nhãn căn tiếp xúc với sắc trần sanh ra nhãn thức, nhĩ căn tiếp xúc với thanh trần sanh ra nhĩ thức, tỷ căn tiếp xúc với hương trần sanh ra tỷ thức, thiệt căn tiếp xúc với vị trần sanh ra thiệt thức, thân căn tiếp xúc với xúc trần sanh ra thân thức, còn ý căn tiếp xúc với pháp trần sanh ra ý thức, thì đạo hữu quên hoặc không thấy, nên mới nói như vậy. Pháp trần là bóng dáng của năm trần trước lưu lại sau khi năm căn trước đã duyên. Khi mắt không tiếp xúc với sắc, tai không tiếp xúc với thanh, mũi không tiếp xúc với hương, lưỡi không tiếp xúc với vị, thân không xúc chạm với nóng lạnh, trơn nhám, bấy giờ ý căn mới duyên với bóng dáng của năm trần này (pháp trần). Thế nên khi xếp chân, thân ngồi yên mà ý nhảy nhót lăng xăng như vượn khỉ, lát nhớ việc này, lát nghĩ việc kia đủ thứ. Vì vậy mà nhiều Phật tử thắc mắc tại sao ban ngày làm việc thì ít vọng tưởng, tối ngồi thiền tâm chạy nhảy như khỉ như ngựa? Sao ngồi thiền tâm lại động hơn lúc làm việc?

Chỗ này không có gì lạ, lúc làm việc, mắt thấy sắc thì chăm chú nhìn sắc, tai nghe tiếng bận duyên theo tiếng... pháp trần đâu có cơ hội trôi lên cho ý căn duyên theo mà chạy nhảy. Nhưng khi ngồi lại, mắt không còn tiếp xúc với sắc, tai không còn tiếp xúc với thanh,

mũi không còn tiếp xúc với hương... thì lúc đó là lúc ý căn và pháp trần tung hoành, nên chúng ta thấy nó chạy nhảy lằng xằng. Những cái chạy nhảy lằng xằng đó là những cái bóng do năm căn trước duyên với năm trần còn lưu lại. Lúc ngồi thiền là lúc đối trị loại bỏ những bóng dáng hình ảnh (pháp trần) này. Những bóng dáng này lúc nào cũng có, vì lúc làm việc chúng ta bận tâm với công việc, nó không có cơ hội trôi lên và chúng ta cũng không để ý tới nó, nên không thấy. Lúc ngồi thiền năm căn trước không duyên với năm trần, nên nó có cơ hội trôi lên ý căn liền duyên theo nó, và chúng ta chăm chăm nhìn nó nên thấy nó nhiều. Thấy nó biết nó, không theo thì nó lặng mất.

Hỏi: Thưa Thầy, hạnh Bồ-tát con rất thích tu, lợi tha nhỏ thì con làm được, nhưng lợi tha lớn con không làm nổi. Hạnh Thanh văn và hạnh Bồ-tát sai khác như thế nào, xin Thầy chỉ dạy cho con tu theo.

Đáp: Trước hết tôi nói hạnh Bồ-tát. Quý vị nhớ hạnh Bồ-tát không phải một đời là tu xong. Vì nói tới hạnh Bồ-tát là nói tới vô số kiếp. Đời này chúng ta làm được việc lợi ích cho người trong sự tỉnh giác bao nhiêu, thì bản ngã mòn nhỏ bấy nhiêu và công đức lợi tha tăng trưởng thêm lên. Sở dĩ chúng ta làm việc lợi tha lớn chưa được là vì bản ngã chúng ta còn lớn, làm lợi cho người ít mà nghĩ lợi cho mình nhiều. Bao giờ bản ngã chúng ta nhỏ hoặc tan vỡ hết thì hạnh lợi tha mới viên mãn. Ví dụ chúng ta có một ngàn đồng, một người nghèo đói đến xin một ngàn đồng, để giải quyết chuyện nhà của họ mới bớt khổ.

Chúng ta chỉ cho ba trăm đồng hoặc năm trăm đồng, để lại phần mình năm trăm đồng chứ không dám cho hết. Thế nên hạnh Bồ-tát làm chưa tròn. Giúp người phần nửa hoặc một phần ba thì được, giúp hết thì làm không được. Điều đó chứng tỏ bản ngã chúng ta có giảm bớt chứ chưa hết, vì vậy mà hạnh Bồ-tát thực hành chưa xong. Song, hạnh Bồ-tát đâu phải một đời là làm viên mãn, nên từ lúc phát tâm Bồ-đề tu hạnh Bồ-tát, cho đến khi viên mãn phải trải qua vô số kiếp.

Tâm Bồ-tát là tâm lợi tha rộng lớn, Phật tử phát được tâm này rất quý. Cứ vững chí mà tiến, đừng nghĩ mình phải làm việc lớn, việc nhỏ mình làm ít quá, mai kia chết đi hạnh Bồ-tát thực hành chưa xong. Tùy duyên, gặp việc nhỏ làm việc nhỏ, gặp việc lớn nếu làm được thì làm, làm chưa được tạm để đó rồi sẽ làm, có làm còn hơn không. Mỗi lần làm việc lợi tha là mỗi lần giữa mồn bản ngã. Nhớ làm là vì lợi ích cho người, chứ không phải làm vì danh thì mới hợp đạo lý. Người thế gian vì bản ngã to nên lợi tha không được. Có tiền là để dành phần mình, có quyền lợi là để cho con cháu mình, thế nên không làm việc lợi tha được. Lợi tha là quên mình, quên mình đã phá ngã. Đó là hạnh Bồ-tát.

Hạnh Thanh văn thì nặng nề về mặt tự lợi, các vị tu theo hạnh Thanh văn rất tinh tấn. Các ngài nghĩ phải làm cho xong việc của mình là tu cho sáng đạo, hết vô minh lậu hoặc, ít có thì giờ nghĩ đến việc khác, nên hạnh nguyện lợi tha hạn chế trong sự giải thoát của mình. Ví dụ bây giờ tôi nghĩ tôi phải nhập thất tu cho sáng đạo.

Khi nhập thất tôi không tiếp ai hết, nếu không tiếp người thì hạnh lợi tha tôi thiếu. Không tiếp người tôi cố gắng tu là việc tốt, tuy tốt nhưng chỉ làm cho xong việc của mình. Khi giải quyết xong việc của mình, lại có thêm việc thứ hai là dứt được mầm sanh tử, nên cứ an trụ trong cảnh thanh tịnh, không muốn tái sanh trở lại làm việc lợi sanh, vì thấy sanh tử là khổ. Do đó an trụ mãi trong Niết-bàn. Người tu hạnh Bồ-tát tâm lợi tha mạnh, tuy biết cõi Ta-bà khổ nhưng sẵn sàng lao mình vào cảnh khổ, để làm lợi ích cho chúng sanh. Sở dĩ các ngài gan dạ như thế là vì các ngài thấy tất cả pháp như huyễn, hy sinh một trăm một ngàn cái thân huyễn cũng không có giá trị gì. Chúng ta vì thấy thân thật nên một lần hy sinh là một lần thấy đau khổ, bởi thế nên chúng ta làm chưa được trọn vẹn. Đó là do trí tuệ chúng ta chưa mạnh, chưa tròn đầy.

Tóm lại, hạnh Bồ-tát và hạnh Thanh văn hạnh nào cũng tốt, hạnh nào cũng quý, nhưng hạnh Bồ-tát thì tinh thần lợi tha tích cực. Còn hạnh Thanh văn lo tu giải quyết cho xong việc của mình, rồi an trú trong Niết-bàn, hơi nghiêng về mình nên có phần tiêu cực hơn. Tôi giản trạch ra như thế tùy quý vị thích tu hạnh nào cũng được.

Hỏi: *Thưa Thầy, đối với bi, trí, dũng người học đạo cần phải có hạnh nào trước?*

Đáp: Bi, trí, dũng, đối với người học đạo thì phải khởi trí trước, kế đó là dũng, sau đó là bi. Tại sao vậy? Vì có trí mới nhận ra cái nào là giả cái nào là chân.

Cái giả thì bỏ, cái chân thì bảo nhậm giữ gìn. Nếu không có trí thì không phân định được cái giả, cái chân nên không tu được. Khi đã có trí biết rõ cái giả, cái chân thì nỗ lực ứng dụng tu một cách mạnh mẽ đó là dũng. Khi nỗ lực tu có kết quả rồi, thấy mọi người chưa biết tu đang đau khổ, thương họ mới ra giáo hóa giúp họ tu cho bớt khổ, đó là bi. Trên chữ nghĩa thì nói bi, trí, dũng, nhưng thực tế tu hành thì trước hết là trí, kế là dũng, sau là bi.

Hỏi: Thưa Thầy, khi xưa đức Phật và các thầy Tỳ-kheo không phải lao động nên có nhiều thì giờ tọa thiền. Bây giờ chúng con lao động nhiều, nên tối ngồi thiền hay bị ngủ gục. Như vậy chúng con tu bao giờ mới có kết quả?

Đáp: Đây là điều đáng ngại cho một số người sơ cơ mới vào Thiền viện. Khi Phật còn tại thế, chư Tỳ-kheo mỗi ngày đi khất thực một lần, trưa thọ trai, chiều và tối ngồi thiền. Các ngài dồn hết tâm lực để tu, nên sớm ngộ đạo, ngay trong đời chứng quả. Các con phát tâm tu trong giai đoạn này là thời mạt pháp có nhiều duyên không thuận. Vì vậy mà Thầy phải vạch một hướng tu cho tạm ổn để các con tu. Biết rằng lao động, cuốc đất, xịt thuốc... làm chết côn trùng sâu bọ, giới sát giữ không tròn, tổn thương lòng từ bi. Nhưng vì hoàn cảnh đất nước nghèo, chúng ta phải lao động mới có cơm ăn, đi khất thực thì không thuận hợp với hoàn cảnh xã hội Việt Nam hiện tại. Chẳng lẽ bây giờ chúng ta bó tay không tu, vì thế phải uyển chuyển tu theo hoàn cảnh. Thời xưa chư Tỳ-kheo dồn hết ngày giờ cho việc tu nên các ngài mau đắc đạo.

Bây giờ các con phải lao động ngày một buổi, tuy tối ngồi thiền bị buồn ngủ vì mệt nhọc, nhưng còn nhớ tu vẫn có lợi ích hơn là không tu.

Chủ trương của Thầy ngày nay giống tổ Bá Trượng. Các con phải tu trong hoạt động, trong việc làm, chứ không phải chỉ tu trong lúc ngồi thiền. Ngay trong lúc cuốc đất, nhổ mạ, cấy lúa, nhổ cỏ... cũng là giờ chúng ta tu. Thầy thường nhắc: các con làm cái gì chỉ biết làm cái đó. Cuốc đất chỉ biết cuốc đất, nhổ mạ chỉ biết nhổ mạ, cấy lúa chỉ biết cấy lúa... tâm các con không nghĩ tưởng chạy theo việc khác, tâm lúc nào cũng tỉnh sáng. Như vậy lúc lao động là lúc tu, chứ đâu phải không tu. Trong lúc các con lao động đừng phóng tâm ra ngoài, làm chỉ biết làm và thấy được nhiệm vụ của mình để làm chủ mình, đó là tu trong việc làm. Như vậy là suốt ngày lúc nào cũng tu, nếu các con chỉ tu trong lúc ngồi thiền tụng kinh thì tu quá ít, sức tỉnh giác quá yếu, không đủ sức làm chủ mình trong hoàn cảnh khó khăn.

Các con đừng đặt ngồi thiền là trên hết, mà phải tu trong việc làm, trong mọi hoàn cảnh, lúc nào cũng phải tỉnh, phải thấy được mình. Đừng để tâm chạy ngược chạy xuôi như trâu hoang thì rất tai hại, mà phải cầm dầm cầm roi chặn giữ nó. Các con phải biết rõ đường hướng tu mới không thiệt thòi, không còn băn khoăn than thở vì ngồi thiền ngủ gục khó tu.

Hỏi: *Thưa Thầy, ngồi thiền có trạng thái nửa mê nửa tỉnh, để lâu ngày có sao không? Trạng thái này có phải là vô ký không?*

Đáp: Ngồi thiền có trạng thái nửa mê nửa tỉnh, đúng là trạng thái vô ký. Vì trạng thái này không ghi nhớ rõ ràng. Thế nên, ngồi thiền thà gục một hai cái rồi tỉnh luôn, chứ đừng nửa tỉnh nửa mê không tốt. Khi ở trạng thái nửa mê nửa tỉnh ráng chấn chỉnh lại, mở mắt sáng ra cho tỉnh thì khỏi trạng thái vô ký này.

Hỏi: *Thưa Thầy, đọc trong thiền sử con thấy chư tổ khai ngộ cho đệ tử không nói trắng ra, vì nói trắng chỉ hiểu mà không ngộ. Ngày nay Thầy dạy chúng con, Thầy giảng rõ hết làm sao các con ngộ?*

Đáp: Theo tinh thần của thiền tông, thiền sinh đến tham vấn, thiền sư chỉ nói úp mở, hoặc hỏi bên đông trả lời bên tây, để cho người có trí tuệ nhận được. Khi nhận được thì họ thích thú nhớ lâu gọi là ngộ. Ngày nay Thầy không nói như vậy bởi nhiều lý do: Lý do thứ nhất là nhiều người nghe nói tới tu thiền là sợ, vì cho rằng thiền dành cho bậc thượng căn, còn hạng trung căn hạ căn trong thời mạt pháp không thể tu được, nên không tu. Lý do thứ hai là nhiều người nói: “coi chừng tu thiền điên” nên sợ không dám tu. Người học đạo sợ tu không được, sợ điên không dám tu, mà thầy dạy nói úp mở quanh co, thì họ sẽ cho thần kinh thầy không bình thường, làm sao họ tin để cho họ học, họ tu? Họ đã không tin làm sao Thầy truyền bá thiền cho người học để tu? Thầy vẫn biết nói trắng ra thì dễ hiểu, nhưng bị xem thường, nói quanh co khó hiểu, mới nỗ lực tu để xa lìa vọng tưởng phiền não, khi thông suốt mới thích thú, nhớ lâu.

Thời xưa đời Đường đời Tống, thiên tông truyền bá khá rộng nên nhiều người biết, nếu nói dễ hiểu thì sẽ trở thành lý thuyết suông, gọi là khẩu đầu thiên, thiên ngoài môi đầu lưỡi, chứ chưa thật sống với thiên. Vì vậy mà chư tổ ít muốn cho người ta hiểu mà phải làm cách này, hay cách khác cho người học đạo điếc tai, nghi ngờ, tìm tòi. Khi phá vỡ nghi ngờ gọi là ngộ đạo. Thời nay hoàn cảnh có khác, mọi người chưa biết thiên, mà Thầy không nói trắng ra, lại nói quanh co thì người học cho rằng thiên cao không thể tu, hoặc tu thiên bị điên không dám tu. Buộc lòng Thầy phải nói trắng ra để cho mọi người thấy thiên rất thực tế, Phật tánh ai cũng có sẵn, ai cũng có thể tu, không dành riêng giới nào. Hơn nữa, thời nay là thời khoa học, mọi người đòi phải lý giải để hiểu rồi mới hành. Không lý giải người học không hiểu, không tin, không thực hành. Thầy vẫn biết lý giải ra cho hiểu thì chậm ngộ, nhưng có đủ lòng tin để tu. Thầy chỉ mong Thầy dạy các con học sau ba năm các con đủ lòng tin để tu là được rồi, Thầy không nói các con ngộ hay chứng. Hoàn cảnh khác nhau nên phương tiện giáo hóa có khác. Tuy khác nhau nhưng cùng mục đích tu thiên theo Phật tổ đã dạy.

Hỏi: *Thưa Thầy, như vậy ai hiểu đúng như Thầy dạy và có đủ niềm tin, thì cũng gần ngộ như các tổ ngày xưa, phải không?*

Đáp: Các con đừng quan niệm ngộ là phải có thần thông, có những việc làm khác thường. Phải hiểu ngộ là thấy được lẽ thật để vững lòng tin không thối chuyển. Tin đây không phải là tin lời Phật lời tổ,

mà là từ lời Phật tổ dạy nhận ra mình có Phật tánh và tin mình có khả năng thành Phật. Chư tổ ngày xưa trên phương diện giải ngộ thì cũng thế thôi, nhưng vì ngày xưa chư tổ nói khó hiểu, nên lúc nhận ra mừng quá nên mới có những hiện tượng lạ như la lên, hoặc cười, hoặc khóc... Bây giờ Thầy giảng trắng ra các con hiểu, nếu sâu hơn thì chỉ mỉm cười hay gật đầu chứ không có hiện tượng lạ, nên Thầy không dùng danh từ ngộ, vì sợ người ta hiểu lầm.

Hỏi: Thưa Thầy, theo pháp Thầy dạy, chúng con thấy nó giống như bài toán mẫu có đáp số, nên đôi lúc có trở ngại cho chúng con trên đường giác ngộ hay chứng đạo, xin Thầy giảng thêm cho chúng con hết nghi ngờ.

Đáp: Thấy như có đáp số mà thật ra không có đáp số gì hết. Bởi vì Thầy nói mỗi người có Phật tánh, đâu phải các con hiểu là đã nhận ra Phật tánh nơi mình, mà các con phải tu thì Phật tánh mới hiện tiền, chứ không phải hiểu rồi thôi. Như vậy, học hiểu rồi tin là có và thấy dấu vết, tu là phăng tới dẹp sạch phiền não Phật tánh mới hiện tiền. Còn toán học biết đáp số là xong việc, đâu có giống chỗ này.

Hỏi: Thưa Thầy, phần Thầy đã tròn trách nhiệm, phần các con học hiểu biết chút ít dễ sanh ảo tưởng rằng mình đã ngộ, tự gây tai họa mà không biết. Bây giờ Thầy còn thì Thầy nhắc nhở chĩnh đốn, mai kia Thầy trăm tuổi không biết cái hại sẽ tới đâu?

Đáp: Thầy đã từng nói: “Phải hiểu mới tu, không hiểu làm sao tu?” Hiểu có hai cách: Một là hiểu suông

trên văn tự chữ nghĩa. Hai là biết mình có Phật tánh rồi khai phát cho tròn sáng. Trong giới tu hành, mai kia có ai tự nhận là Phật là Thánh, thì lấy “Bát phong xuy bất động” làm thước đo liền biết thật hay là giả. Nếu người nói hay khi gặp cảnh mà bị dao động là giả hiệu không thật, còn người không nói gì hết mà gặp cảnh đứng đưng không động mới là thật.

Hỏi: Thưa Thầy, Phật tánh vốn có sẵn nơi mỗi người, khi hết vọng tưởng thì Phật tánh hiện tiền. Sao các thiền sư lại nói: “Vô tâm còn cách một lớp rào.” Có phải trạng thái vô tâm chưa triệt để còn một chút gì đó. Xin Thầy từ bi giảng trạch.

Đáp: Có chỗ nói “vô tâm là đạo”, có chỗ nói “vô tâm còn cách một lớp rào”. Đứng về mặt mê vọng mà nói thì hiện tại chúng ta đang bị vọng tưởng điên đảo dẫn dắt kéo lôi, nên phải điều phục. Điều phục được nó rồi thì vọng tưởng không còn dấy động lăng xăng gọi là vô tâm. Vô tâm là vô cái tâm vọng tưởng, vô cái tâm sanh diệt, có chỗ gọi là Niết-bàn là Đạo. Nhưng với thiền tông, tuy vọng tưởng không còn khởi, tâm lặng yên mà Phật tánh chưa hiện tiền, thì chưa đến chỗ cứu cánh. Trong mười mục Chấn trâu, mục thứ tám, trâu và chấn không còn là vô tâm, nhưng chưa tới chỗ cứu cánh mà phải tới mục thứ chín và thứ mười mới viên mãn.

Hỏi: Thưa Thầy, như vậy phải cần điều kiện gì nữa Phật tánh mới hiện tiền?

Đáp: Không phải điều kiện, mà phải có chút tỉnh giác mạnh để vượt khỏi chỗ mà thiền tông gọi là

“đầu sào trăm trượng”. Chúng ta tu năng sở thì phải nỗ lực khéo tu, đến lúc năng sở hết (vô tâm) mà chìm trong tịch lặng không tỉnh giác, thiền tông nói là chìm trong nước vô sanh, phải vươn lên để vượt qua. Tức là nhận ra Phật tánh có sẵn nơi mình một cách viên mãn, mà từ lâu nay mình không ngờ mình có. Trong khi tu tuy cũng có những lúc lóe sáng, nhưng chỉ là phần nhỏ, bấy giờ thể nhập Phật tánh viên mãn mới là cứu cánh. Không phải điều kiện mà là ý chí, không tự mãn, không nghĩ là rồi mà phải có ý chí tu để vượt qua.

Hỏi: Thưa Thầy, trạng thái vô tâm, Phật tánh chưa hiện tiền, lúc đó tập khí còn hay đã sạch hết.

Đáp: Nói tập khí còn cũng không được, nói sạch hết cũng không được. Vì tập khí còn tức còn vọng tưởng, tập khí sạch hết thì vọng tưởng không sanh, chỗ này rất tế nhị. Dụ như người bệnh nặng uống thuốc vừa hết bệnh, hết bệnh chứ chưa phải là mạnh, nên phải tịnh dưỡng mới thật khỏe mạnh. Cũng vậy, chúng ta vừa qua được cơn loạn tưởng, hay cơn sốt sanh diệt, chưa đến chỗ rốt ráo, mà phải tinh tấn tu để vượt qua, chỗ này thiền tông gọi “đầu sào trăm trượng” cần phải vượt qua. Chỗ này là giao điểm giữa tối và sáng, nó còn mờ mờ. Nếu ngang đây tự mãn thì chìm trong chỗ mờ mờ, cần phải vượt qua mới tới chỗ viên mãn.

Hỏi: Thưa Thầy, con ngồi thiền thường có những đốm đen tròn đập vào mặt rồi tan biến, sau đó lại tiếp tục đập nữa. Như vậy là tại sao? Xin Thầy dạy con cách điều phục.

Đáp: Khi ngồi thiền có những đốm đen đập vào mặt rồi tan, sau đó lại tiếp tục đập nữa... Đó là tướng trạng do ngồi thiền tâm hơi dần ép, nên nó phát ra tướng lạ, có khi thấy đốm đen, có khi thấy đốm trắng, nó hiện rồi nó tan chứ không còn hoài. Biết nó là ảo tướng không thật, hiện rồi mất không có gì phải sợ, nên không cần phải hướng dẫn cách điều phục. Chỉ cần biết đúng như thật nó là ảo ảnh, là giả tướng không thật thì nó hết.

Hỏi: *Thưa Thầy, có những lần ngồi thiền, con cảm nhận một luồng hơi nóng phát ra từ hai mang tai con. Lại có khi tai con nghe âm thanh “Không! Không! Không!” Khoảng vài ba phút mới hết. Thưa Thầy những hiện tượng này có phải là những tướng báo hiệu con sắp khùng? Thưa Thầy luồng hỏa hầu đi như thế nào?*

Đáp: Khi ngồi thiền có những cảm giác lạnh, hoặc cảm giác nóng xuất phát từ hai mang tai, hoặc xuất phát từ xương cùng đi lên theo đường xương sống. Đó là do công phu tu mà có những tướng bất thường như vậy. Những tướng đó là những tướng không thật, không quan tâm không chú ý thì dần dần nó tan. Nhớ là không được thở gấp không được thở mạnh, mà phải thở thông thả nhẹ nhàng. Nếu mừng hay sợ thì bệnh.

Khi ngồi thiền mà tai nghe âm thanh “Không! Không! Không!” Đó là do thần kinh hơi yếu, ngồi thiền tâm hơi dần ép nên nó phát ra. Nếu nghe mà chấp tiếng đó là tiếng Phật, tiếng Bồ-tát nói pháp cho mình nghe, thấy quý và thích nghe, cố lắng nghe lâu ngày sẽ phát điên. Khi xưa tôi có một người bạn đồng tu.

Ông với tôi đang đi trên đường, bỗng ông nói: “Đó, đó, tôi nghe họ nói vậy đó...”, tôi khuyên ông mấy lần mà không được. Về sau ông ấy phát điên. Chúng ta tu phải dè dặt, đừng chạy theo và chấp những âm thanh hư ảo đó.

Việc hỏa hâu đi trong thân người là pháp tu của ngoại đạo, thiên tông không đề cập tới việc này. Người tu theo thiên tông cốt yếu là đừng vọng tưởng lăng xăng, cho tâm được yên lặng tỉnh sáng, lúc nào cũng thấy nghe rõ ràng mà tâm không dấy khởi vọng niệm, như thế là đúng.

Hỏi: Thưa Thầy, chư tổ dạy phải dứt hết vọng tưởng Phật tánh mới hiện tiền. Thế nên trong mọi sinh hoạt phải dụng công tu, không để cho vọng niệm dấy khởi, vì vọng niệm là gốc tạo nghiệp dẫn đi luân hồi sanh tử. Nhờ dụng công tu, dần dần vọng tưởng hết. Vọng tưởng hết là dứt nhân sanh tử được giải thoát. Tuy nhiên, trong thiên sử chư tổ có dạy: “Chỗ im lặng không còn vọng tưởng là nước chết, tuy giải thoát mà không trọn, cần phải giác ngộ.” Thưa Thầy, khi vọng tưởng dấy khởi mình biết nó là vọng tưởng không theo, không bị vọng tưởng lôi dẫn thì khi đó đã có giác rồi. Vậy khi vọng tưởng hết thì Phật tánh tròn sáng hiện tiền là giải thoát. Giải thoát đâu có lìa giác ngộ sao lại nói là nước chết? Vậy chúng con phải tu thế nào cho đúng pháp?

Đáp: Chỗ này rõ ràng lắm. Tại vì quý vị nghe mà chưa thấu suốt nên khi tu sanh nghi ngờ. Có nhiều người tu cứ dè ép vọng tưởng không cho khởi để tâm được lặng lẽ. Dù dè bằng phương tiện này hay phương tiện khác

cho tâm được lặng lẽ cho đó là thanh tịnh. Chư tổ trong thiên tông không chấp nhận, vì lặng lẽ mà không tri giác nên nói là nước chết. Ví dụ hiện giờ tôi đang ngồi trong chùa này, thấy đông đảo Phật tử đang ngồi đối diện với tôi. Xế chiều quý vị ra về hết, nếu tôi còn ngồi đây, lúc đó tôi thấy khuôn viên chùa trống vắng người. Thấy Phật tử đang ngồi đối diện đông đảo và khi quý vị ra về hết, thấy chùa trống vắng là tôi đang hiện hữu hay không hiện hữu? Nếu tôi không hiện hữu thì ai thấy có người và vắng người? Quý Phật tử ra về tức là khách ra về, tôi còn ngồi tức là chủ đang có mặt. Còn nếu quý Phật tử ra về, tôi cũng đi luôn chùa trống không, không ai biết chùa có khách hay không có khách, gọi là nước chết có được không?

Tôi thường bảo: Vọng tưởng khởi, biết là vọng tưởng không theo. Khi vọng tưởng lặng, biết vọng tưởng hết. Thấy vọng tưởng khởi và thấy vọng tưởng lặng là chủ đang có mặt mới thấy, nếu chủ không có mặt làm sao thấy? Nếu vọng tưởng lặng hết, mà vô tri không biết gì cả thì lúc đó ông chủ ẩn mất không gọi nước chết là gì? Tu phải khéo, lệch một chút thành bệnh.

Hỏi: Thưa Thầy, ngồi thiền có trạng thái như quên thân, hơi thở ra vào cũng không còn thấy nữa. Nhưng tiếng động, lời nói của người vẫn nghe rõ. Sau khi xả thiền, nghe vẫn nghe mà không biết nói gì. Trạng thái đó có lỗi không?

Đáp: Ngồi thiền nếu tâm được lặng yên một lúc thì có khi quên thân, hoặc có khi thấy như không có thở,

đó không phải là bệnh mà là an định. Bởi an định nên hơi thở rất nhẹ, thân cũng nhẹ, nhưng vẫn nghe thấy, vì nghe thấy mà không chú ý nên xả thiền ra là quên. Chuyện này rất thường không phải bệnh.

Hỏi: *Thưa Thầy, kỳ trước Thầy có đưa ra một công án như thế này: Một thiền sư nói: “Huyễn hóa không thân tức pháp thân.” Rồi quơ gậy một vòng, ngài nói tiếp: “Hiểu thì qua cầu thom mùi rượu, không hiểu thì cách bờ qua đồng thom.”*

Thưa Thầy, hôm nay con xin nói: “Thiền sư nói: “Huyễn hóa không thân tức pháp thân”, rồi quơ gậy một vòng là chỉ tánh thấy. Tánh thấy đó phải vô cửa Văn-thù. Cửa Văn-thù là chỉ cho pháp tu, mà vô cửa Văn-thù là vô bằng tánh thấy.”

Đáp: *Vậy thì: “Cách bờ qua đồng thom.”*

Hỏi: *Thưa Thầy, người tu hành, lúc nào cần giáo lý và lúc nào buông cả giáo lý?*

Đáp: *Việc tu học tạm chia ra hai giai đoạn: giai đoạn mới học đạo và giai đoạn thực hành để đạt đạo. Giai đoạn mới học đạo phải nhờ kiến thức học đạo, từ chuyên môn gọi là hữu sư trí (trí có thầy). Tức là phải nhờ thiện hữu tri thức giảng dạy, hoặc nghiên cứu kinh luận để biết rõ pháp tu Phật tổ dạy, theo đó mà thực hành. Ví dụ như một người muốn đến nhà người quen ở một thành phố lớn xa lạ mà vị ấy chưa từng biết nhà. Người biết đường cầm bản đồ hướng dẫn, thành phố đó cách người ấy đang ở bao xa, muốn tới đó phải qua những đường nào, chỉ bày rành rẽ. Khi người ấy đi,*

cầm bản đồ và nương theo bản đồ để đi. Lúc tới cổng, bước vào nhà thì bản đồ không cần nữa. Nhưng, nếu chưa tới nơi vẫn phải cầm bản đồ, bỏ bản đồ sớm quá e lạc đường, không tới đích. Hữu sư trí đối với người tu cũng giống như bản đồ đối với người đi đường. Trong thời gian tu, chưa sáng được lý đạo thì hữu sư trí vẫn còn cần, để giúp cho chúng ta tu không sai lạc. Nhưng khi sáng đạo, tức là phát minh được trí tuệ đã có (vô sư trí) thì không cần nữa. Qua ví dụ này, quý vị tự biết mình lúc nào cần giáo lý và tới lúc nào buông giáo lý.

Hỏi: *Thưa Thầy, thân nhân con có nhiều người khá giả, mỗi khi họp mặt đề cập đến việc tu hành, người thì vui vẻ tán thành, người thì dửng dưng không để ý. Hai người cùng giàu là do cùng làm phước ở đời quá khứ. Song, nghe nói đến tu người thì tán thành người thì dửng dưng. Thưa Thầy, có phải người đã có tu tuệ và người không tu tuệ trong quá khứ không?*

Đáp: Chúng ta thường thấy hai người cùng làm một việc mà hai tâm trạng khác nhau. Cùng đem của giúp người nghèo đói, người thì muốn được phước giàu sang sung sướng, người thì muốn giúp cho họ bớt khổ, để hướng dẫn họ chuyển nghiệp từ từ. Vì vậy mà Phật tử quy y có những giới để ngăn chặn việc bất thiện. Nhiều người trước có làm phước mà không có chủng tử tu tuệ nên hiện đời hưởng phước được chức cao, quyền lớn, giàu sang, mà vẫn hung hăng không thích tu thân, vì họ không có sẵn chủng tử trí tuệ. Còn người thì được giàu sang lại có chủng tử đạo đức trí tuệ, nên vừa làm phước vừa lo trau dồi giới đức, trí tuệ.

Hỏi: *Thưa Thầy, có phải tu là ăn chay không? Nếu tu là ăn chay thì trong tháng ăn chay những ngày nào?*

Đáp: Cư sĩ là quy y giữ năm giới. Ăn chay được ngày nào là tốt ngày nấy, đạo Phật không đặt ăn chay là quan trọng. Cư sĩ tu cốt yếu là quy y giữ giới tránh làm những điều ác, nên làm những việc thiện.

Hỏi: *Thưa Thầy, các con vừa bệnh tật vừa nghèo khó muốn cúng dường Tam bảo lấy gì để cúng?*

Đáp: Quý vị cúng dường bằng tâm thành, bằng ý nghĩ tốt, bằng lời nói tốt, bằng hành động tốt. Ba nghiệp lành là đã cúng dường Tam bảo rồi, không đợi dâng tiền dâng của mới là cúng dường. Nhân đây tôi kể câu chuyện cho quý vị nghe. Thuở xưa có người con gái mồ côi cha mẹ lúc năm bảy tuổi, không có bà con quyến thuộc nên mới đi lang thang để xin ăn, cô lớn dần theo ngày tháng. Năm cô mười bảy tuổi, nhằm ngày rằm tháng bảy cô nghe người ta rủ nhau đi lạy Phật cúng chùa. Cô cũng muốn cúng chùa, nhưng nghèo quá không biết lấy gì để cúng, hôm ấy chỉ xin được một xu, cô bèn nhịn ăn để cúng chùa. Cô nghe nói cúng mà chư tăng được hưởng hết thì phước được nhiều, nên cô muốn cúng dường hết chư tăng, nhưng có một xu làm sao đủ? Cô bèn mua một xu muối đem vào chùa cúng. Hòa thượng trong chùa biết được tâm niệm của chúng sanh, nên bảo đánh chuông trống để đón một đại thí chủ. Cô nghe đánh chuông trống mà vẫn không biết gì, cô rón rén đi xuống bếp tìm bà thường trụ trình bày ước nguyện của mình, bà hứa giúp. Bà dùng muối của cô cúng nếm canh cho chư tăng ăn.

Như vậy thì toàn thể chư tăng trong chùa ai cũng có thọ nhận của cúng dường của cô. Sau khi cúng dường cô trở lại sống kiếp hành khất lang thang.

Lúc bấy giờ nhà vua chọn dâu, hàng tiểu thư công chúa đến, thái tử đều chê. Nhà vua ra lệnh tùy ý thái tử muốn chọn ai thì chọn. Một hôm thái tử đi đến làng nọ, thấy trên đình có chòm mây năm sắc, khí vờn xoay trên nóc đình. Thái tử vào đình thấy có cô gái nghèo khổ ăn mặc rách rưới ấy đang ở đó. Thái tử xót thương cho rước về cung, sau khi tắm gội sạch sẽ, ăn mặc đàng hoàng thì trông cô thật xinh đẹp. Thái tử dẫn lên trình vua cha, nhà vua cưới cô cho thái tử. Sau vua băng hà, thái tử lên ngôi, cô làm hoàng hậu. Khi làm hoàng hậu, cô xa giá chở vàng bạc đi cúng chùa. Bấy giờ cô chở đến cả xe vàng bạc, mà Hòa thượng trong chùa không cho đánh chuông trống đón cô như một đại thí chủ cúng đồng xu muối ngày xưa. Câu chuyện này cho chúng ta thấy Phật pháp quý trọng lòng thành chứ không quý trọng tiền của nhiều. Bây giờ quý vị có tâm thành hướng về Tam bảo, luôn nghĩ lành, nói lời lành, làm điều lành là quý vị đã cúng dường Tam bảo rồi.

Hỏi: Thưa Thầy, do nghiệp nhân nào mà chúng con bị bệnh phong cùi?

Đáp: Kinh A-hàm Phật có dạy: Người đời trước hay làm khổ hay đánh đập chúng sanh thì đời này sinh ra bị yếu đau bệnh tật. Đời trước nếu hay giúp đỡ an ủi chúng sanh thì đời này sinh ra được khỏe mạnh tốt đẹp. Đó là Phật trả lời chung cho tất cả bệnh,

không riêng về bệnh phong cùi. Nhưng theo tôi nghĩ thì phước quý vị ít, nghiệp đời quá khứ không được tốt, nên bây giờ mới có bệnh tật. Song, đối với người hiểu đạo thì bệnh tật là cái nhân thúc đẩy quý vị tiến tu, không lấy đó làm buồn. Tại sao? Vì Phật nói thân này dù là mạnh hay đau cũng đều là ổ chứa vi trùng; không riêng gì người đau mới có vi trùng mà người mạnh cũng có vi trùng. Nếu người đau tỉnh giác, biết rõ thân này là bệnh tật, nỗ lực tinh tấn tu thì bệnh tật là nhân tố thúc đẩy tu hành. Có nhiều người vì sướng quá sanh bê tha, tạo nghiệp bất thiện đời sau thọ khổ. Bây giờ quý vị tuy bệnh tật mà biết lợi dụng nó để tu hành, chẳng những ngay trong đời này hết khổ mà đời sau cũng an vui. Đó là tôi nói chung về bệnh tật. Còn riêng về bệnh phong cùi thì tôi chưa phải là người biết quá khứ vị lai nên không nói gốc từ đâu.

Hỏi: Thưa Thầy, quy y thọ năm giới, trong năm giới có giới cấm sát sanh. Chúng con nuôi gia súc để có phương tiện sinh sống, nếu đem bán thì gián tiếp sát sanh, nếu ăn thì trực tiếp sát sanh. Con không biết phải làm gì để sinh sống?

Đáp: Giới cấm sát sanh dành cho cư sĩ là cấm không cho giết người, không giết người là không phạm tội sát sanh. Giết người có ba cách: thân giết là tay cầm vũ khí giết người, miệng giết là xúi bả người giết, ý giết là vui mừng khi thấy người chém giết nhau. Nếu mắc phải ba lỗi đó thì phạm giới sát sanh. Còn đối với những con vật lớn như trâu, bò, heo... tránh giết được bao nhiêu là tốt bấy nhiêu. Vì không có phương tiện

sinh sống nên phải nuôi, nó lớn lên đem bán để mua gạo mua thức ăn. Tuy biết bán rồi nó cũng chết, không trực tiếp giết nên tội nhẹ hơn cắt cổ nó.

Hỏi: *Thưa Thầy, theo sách tử vi thì tướng số cố định hay thay đổi?*

Đáp: Tướng và số không cố định, nó tùy theo tâm niệm và việc làm của con người mà đổi thay. Đừng vì tướng xấu hay tử vi xấu mà bi quan buồn khổ. Con người sanh ra do có phước mà hiện ra tướng tốt. Phật do công đức mà thành tựu ba mươi hai tướng tốt. Người do tạo nghiệp bất thiện, ít phước mà có tướng xấu. Tuy nhiên tướng tốt hay xấu còn tùy theo hiện nghiệp mà có đổi thay.

Xưa có ông thầy tướng số rất giỏi, bói là đúng, gần nhà ông có anh nông dân nghèo mà hiền lành, ngày nào anh đi làm ruộng cũng đi ngang qua nhà thầy tướng số. Một hôm trời mưa, anh nông dân ghé vào nhà thầy tướng số trốn mưa. Thầy nhìn kỹ anh rồi lắc đầu nói: “Tướng chú nghèo ba đời!” Nghe nói, anh nông dân không lấy làm quan trọng. Thực tế anh nghèo, bây giờ thầy bói nói anh nghèo, chuyện đó quá thường. Anh chỉ cười không nói gì, hết mưa anh ra về. Những ngày sau anh cũng đi làm bình thường, bỗng một hôm trên đường đi, anh thấy sợi dây chuyền đứt nằm bên đường. Anh nghĩ của ai mới làm rớt, nếu mình không lượm thì người khác sẽ lượm, nên anh lượm sợi dây chuyền rồi ngồi tại đó chờ để trả lại cho chủ nó. Anh ngồi từ sáng cho đến chiều tối, bỏ buổi cơm trưa.

Trời sẩm tối anh thấy có cô gái vừa đi vừa khóc, anh nghi bèn kêu lại hỏi:

- Cô có việc gì buồn mà phải khóc vậy?

Cô nói:

- Thưa chú, tôi được chồng đi hỏi cưới, có cho một sợi dây chuyền, tôi đeo đi trên con đường này đến thăm bà con, nó đứt hồi nào tôi không hay. Tới nơi mới biết nó mất nên tôi đi kiếm, nếu kiếm không được chắc tôi tự tử, vì sợ bên chồng nghi tôi cho ai, không thể giải bày được.

Nghe xong, anh nông phu đưa sợi dây chuyền ra hỏi:

- Có phải sợi dây chuyền này của cô không?

Cô gái mừng quá, nói:

- Đây chính là sợi dây chuyền của tôi bị rớt.

Anh nông phu nói:

- Nếu của cô, tôi xin trả lại cô. Tôi lượm khi sáng mà không biết chủ nó là ai để trả.

Nhận lại sợi dây chuyền cô gái không tự tử. Anh nông phu trả vàng cho cô gái, không thấy đó là việc làm quan trọng. Sau một thời gian anh cũng đi làm ruộng ngang qua nhà ông thầy tướng số. Hôm đó trời mưa, anh cũng ghé nhà thầy tướng số trốn mưa. Ông thấy anh, ngạc nhiên nói:

- Tướng chú sắp làm quan.

Anh nông dân nói:

- Cũng bác, hôm trước bác nói tôi mạt ba đời, nay bác lại nói tôi phát quan. Tại sao cũng là tôi cũng là bác, trước bác nói vậy sau bác nói khác?

Thầy tướng số nói:

- Tôi thấy có điều gì mới lạ. Chú hãy nói thật cho tôi nghe, từ ngày chú ghé nhà tôi tới giờ chú có làm việc gì phước đức quan trọng không?

Anh nông dân chất phác, ngồi kiểm lại việc làm của mình, anh không thấy anh làm việc gì quan trọng cả. Song, anh chợt nhớ tới việc anh đi ruộng, lượm sợi dây chuyền và trả lại cho cô gái. Anh kể cho thầy tướng số nghe. Thầy tướng số nói:

- Đó là phước chú, chú sắp làm quan.

Đúng như lời thầy tướng số nói, ba tháng sau trong làng chọn người hiền đức đưa lên làm xã trưởng thì anh nông dân là người được dân tín nhiệm bầu lên. Như vậy chúng ta thấy tướng số không có cố định. Vì vậy trong sách tướng có bài kệ:

Hữu tâm vô tướng

Tướng tự tâm sanh

Hữu tướng vô tâm

Tướng tùy tâm diệt.

Có tâm tốt mà không được tướng tốt thì nhờ tâm tốt sẽ phát ra tướng tốt. Có tướng tốt mà tâm không tốt thì tướng tốt dần dần cũng mất. Như vậy, tướng không cố định, mà tùy theo hành động, tùy theo tâm niệm

của con người mà thay đổi. Nếu tướng xấu mà biết làm các điều lành việc tốt thì dần dần tướng xấu biến thành tốt. Nếu có tướng tốt ỷ mình tốt rồi ngạo mạn kiêu hãnh, dần dần cũng trở thành xấu. Mấy thầy coi tướng coi tay, họ hay nói thế này: “Tay ông như vậy, tướng ông như vậy...” nhưng sáu tháng sau coi lại. Người đi coi nghĩ rằng thầy bói muốn làm tiền, ông hèn coi lại để ông có tiền. Trong vòng sáu tháng mà làm phước nhiều hay tội nhiều thì tướng thay đổi. Tướng số không cố định, biến chuyển tùy theo hành động tốt xấu của con người. Tướng đối nó chỉ đúng phần nào trong trường hợp người không làm điều gì đặc biệt, nếu người có làm việc đặc biệt hoặc thiện hoặc ác thì tướng thay đổi hoặc tốt hoặc xấu hơn.

Đó là tôi nói về tướng, bây giờ tôi nói về số. Giả sử có người lấy tử vi hồi mười lăm, mười bảy tuổi. Trong tử vi nói người đó sau này có ba đứa con và hai đời vợ. Nhưng tới hai mươi tuổi người đó đi tu. Người đó tu suốt đời thì không có ba đứa con và hai đời vợ. Như vậy là tử vi nói không đúng. Người thay đổi việc làm thì số cũng thay đổi. Tướng và số hiện theo nghiệp của con người. Nếu nghiệp chuyển thì tướng số cũng theo nghiệp chuyển theo, làm ác thì tướng số tốt tự mất, làm lành thì tướng số xấu tự mất. Nếu muốn chuyển nghiệp ác thì ngay đây chuyển nghiệp ác thành thiện. Giả sử người có tướng xấu mà làm thiện thì đâu có thiệt thòi. Nếu tướng xấu mà làm thiện thì tướng tốt sẽ hiện và nếu đã có tướng tốt mà làm thiện thì tướng càng tốt thêm. Như vậy, dù tướng số xấu hay tốt làm việc thiện là hơn cả. Phật dạy: Nghiệp thiện là đưa người đến chỗ tốt,

hãy lo chuyển nghiệp ác thành nghiệp thiện. Không sợ tướng số xấu mà chỉ sợ mình không làm thiện, không có tâm tốt. Tâm tốt, làm lành thì mọi điều xấu đều chuyển thành tốt.

Hỏi: *Thưa Thầy, Phật ra đời dưới gốc cây vô ưu. Trong sách Nho cũng có câu “Học đạo vô ưu”. Vậy vô ưu của cây vô ưu và vô ưu bên sách Nho có đồng nghĩa không?*

Đáp: Vô ưu trong sách Nho là không buồn không lo. Người học đạo mà còn lo buồn thì học đạo không tiến. Không lo buồn thì mới tiến đạo. Còn cây vô ưu là cây tượng trưng cho mọi lo phiền đã hết. Hai chữ tuy đồng âm mà nghĩa thì có khác đôi chút.

Hỏi: *Thưa Thầy pháp Vô là thế nào?*

Đáp: Nói theo hệ Bát-nhã là: “Vô sanh vô bất sanh.” Theo con mắt của người phàm tục thì thấy vạn vật thật có sanh thật có diệt. Vì vậy mà muốn tìm cái vô sanh. Nhưng cái vô sanh ở đâu? Ví dụ cái bàn, trước khi chưa được thợ mộc cưa, bào, đục gỗ và dùng đinh đóng lại thì không có cái bàn. Bây giờ đã được thợ mộc cưa, bào, đục đóng gỗ thành cái bàn, thì nói cái bàn mới sanh. Như vậy, cái bàn thật có sanh không? Nếu biết rõ cái bàn này là tướng duyên hợp tạm có, hư dối không thật sanh đó là thấy lý vô sanh. Theo mắt phàm phu đối với thân con người, khi lột lòng mẹ thì thấy là thật sanh, khi ngừng thở thấy là thật tử. Nếu chúng ta nhìn thân ta thấy tóc, răng, xương... là đất; máu, nước mắt, mồ hôi, nước tiểu là nước; hơi thở là gió,

hơi ấm là lửa, hoặc nhìn qua từng tế bào kết hợp thì cái gì thật là ta? Chẳng qua do duyên cha mẹ và thân thức hội đủ thì tạm có thân và tạm nói là sanh. Xét theo lý nhân duyên thì duyên hợp tạm nói là sanh, chứ có sanh thật đâu? Nếu không có thật sanh thì đâu có thật tử. Vậy, quý vị thấy sanh và tử thật hay không thật? Tôi nói sanh và tử không thật. Tại sao? Vì trước tứ đại hợp lại tạm gọi là sanh, nay tứ đại tan rã tạm gọi là tử. Chỉ có duyên hợp và duyên tan mà thôi, nào có sanh tử thật? Giống như dùng phương tiện ráp lại thì thành cái bàn, phương tiện tháo ra thì mất cái bàn. Những dụng cụ làm nên cái bàn vẫn còn đó không mất, chỉ giả tướng cái bàn mất thôi. Thân người cũng vậy, đất, nước, gió, lửa hợp lại tạm có thân gọi là sanh; khi hơi thở trả về với gió, hơi ấm trả về với lửa, máu tủy... trả về với nước, tóc xương răng... trả về với đất tạm gọi là tử. Đất, nước, gió, lửa vẫn còn đó nào có mất đâu? Chỉ có giả tướng của thân là mất thôi. Nếu thấy rõ sanh là tạm sanh, tử là tạm tử thì ngay trong cái tạm sanh, thấy được cái vô sanh. Không thể tìm lý vô sanh ngoài cái sanh tử ấy.

Hỏi: Thưa Thầy, trong kinh nói: Bồ-tát học tất cả pháp mà không chấp không chướng ngại, giác ngộ tất cả pháp mà không chấp không chướng ngại. Vậy các pháp là cái gì mà giác ngộ?

Đáp: “Pháp” là “cái” chỉ cho tất cả mọi sự vật ở thế gian. Biết tất cả pháp là biết tất cả sự vật ở thế gian, như biết về thiên văn, địa lý, triết học, trồng cây,

cất nhà, dạy học... Thông thường người đời biết cái gì cũng cho là sở đắc của mình, chấp vào cái biết của mình, rồi tự cao ngã mạn thấy mình hay giỏi hơn thiên hạ. Còn Bồ-tát biết tất cả, mà không vì cái biết đó mà sanh ra kiêu mạn hay tự hào, vẫn an nhiên thấp mình thương người, đó là cái hạnh của Bồ-tát. Vì vậy mà nói học tất cả pháp, biết tất cả pháp mà không chướng không ngại. Ở thế gian, chỉ cần giỏi một nghề là có tự cao ngã mạn rồi, nên luôn luôn bị chướng ngại. Nếu biết tất cả như Bồ-tát thì ngã mạn tới mức nào?

Hỏi: *Thưa Thầy, trong Thiên Sư Trung Hoa, có một thiên sư gọi một vị ni là con trâu cái già và đòi đập đổ giường thiên. Tại sao tu mà có những lời lẽ thóa mạ không được thanh nhã như vậy?*

Đáp: Đây là câu chuyện đối đáp giữa tổ Quy Sơn và bà Lưu Thiết Ma. Bà Lưu Thiết Ma một hôm đến núi Quy ra mắt tổ Quy Sơn. Vừa thấy bà, Tổ nói:

- Con trâu cái già người mới đến!

Câu nói thật chát lố tai!

Bà trả lời:

- Ngày mai Hòa thượng có đi thọ trai ở Ngũ Đài Sơn không?

Tổ liền nằm xuống giả vờ ngủ. Bà xoay lưng đi.

Đọc Thiên Sư Trung Hoa tới đoạn này ai cũng bực bội, trách Thiên sư lố mắng quá! Nhưng không ngờ đây là lối đối đáp rất lý thú. Thiên tông có cái thuật đặc biệt là thiên khách đến hỏi đạo, thiên sư đáp,

một là đưa thiên khách lên, hai là hạ thiên khách xuống. Nếu thiên sư đưa thiên khách lên, thiên khách phải biết hạ thiên sư xuống, nếu thiên sư hạ thiên khách xuống, thì thiên khách phải biết đưa thiên sư lên. Như vậy là hai bên thông cảm nhau. Nếu đưa lên thì vui mà hạ xuống thì giận, đó là phạm phu. Ở đây bà Lưu Thiết Ma vừa tới, Tổ hạ bà xuống bằng câu “Con trâu cái già người mới đến”, bà liền đưa Tổ lên “Ngày mai Hòa thượng có đi thọ trai ở Ngũ Đài Sơn không?” Tổ biết bà là người đối thủ rồi. Tổ giả vờ nằm ngủ, bà xoay lưng đi. Hiểu được thì rất lý thú, nếu không hiểu, thấy nói thô lỗ, bực bội, bỏ ra về thì thiên khách chỉ là kẻ phạm phu chưa hội được lý thiên.

Còn đập đổ giường thiên là chuyện của ngài Quán Khê đến ni sư Liễu Nhiên. Thời bấy giờ là thời trọng nam khinh nữ, đa số chư tăng đều xem thường chư ni, nên khi nghe nói ni sư Liễu Nhiên tu ngộ đạo. Ngài không tin, đi du phương đến Mạt Sơn tự nói: “Nếu tương đương thì ở, chẳng vậy thì xô ngã giường thiên.” Đó là lối dọa dẫm coi bà đối đáp có thông không. Nào ngờ ni sư Liễu Nhiên là người cao tay ấn, rốt cuộc ngài phải đầu hàng và xin làm Tri viên ba năm.

Hỏi: Trong kinh Duy-ma-cật nói: Bồ-tát thương chúng sanh như vợ chồng trưởng giả thương con một; con bệnh thì cha mẹ cũng bệnh theo. Chúng sanh bệnh thì Bồ-tát cũng bệnh. Đó là tâm đại bi của Bồ-tát. Trong chuyện tiền thân của Phật, có một kiếp ngài làm thái tử tu hạnh bố thí ba-la-mật. Thái tử bố thí hết của cải trong kho của vua cha, rồi bố thí con bạch tượng là quốc bảo

của quốc gia, khiến cho quân thần phản đối nên Thái tử bị đày vô núi rừng. Đi dọc đường, của cải đem theo, ai xin Thái tử cũng cho, cho cả xe ngựa, chỉ còn có vợ và hai con, Thái tử dẫn lên núi ở. Sau đó có người đến xin hai đứa con. Hai con sợ cha cho, nên một đứa trốn dưới ao sen, một đứa ôm chân Thái tử khóc không chịu đi. Vật bố thí gồm có ngoại tài và nội tài, ngoại tài là những vật thuộc quyền sở hữu của Thái tử, cho hết cũng được, còn nội tài như mắt, tai, óc, tửy... cho hết cũng được, vì nó thuộc quyền sở hữu của Thái tử. Còn con và vợ chẳng phải ngoại tài cũng chẳng phải nội tài, không hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của cha và chồng. Hai đứa con biết cho người lạ là nó sẽ bị làm tội tởm khổ sở, nên không chịu đi, vậy mà Thái tử vẫn cho. Sự việc này, đứng trên phương diện thế gian thì có phần xót xa đau đớn ở nơi người bị cho. Thưa Thầy, đây là chuyện ẩn dụ hay thật đã xảy ra?

Đáp: Bồ-tát tu lục độ ba-la-mật là bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ. Ba-la-mật là viên mãn, cùng tột. Khi phát nguyện tu một hạnh nào trong sáu hạnh là phải thực hành rốt ráo thì mới tròn hạnh nguyện, nếu tu còn một chút chưa xong thì chưa gọi là ba-la-mật, chưa rốt ráo viên mãn. Ở đây, Thái tử nguyện tu bố thí ba-la-mật, nghĩa là buông xả tất cả không lẫn tiếc một món gì. Nếu người xin mà không cho thì chưa gọi là bố thí ba-la-mật. Thái tử đang thực hành hạnh bố thí ba-la-mật, đây muốn nói lên ý nghĩa Bồ-tát khi tu hạnh nào, dù hạnh đó có khó làm thế mấy cũng phải làm cho kỳ được. Cảnh con sợ, một đứa trốn dưới ao sen,

một đứa ôm chân Thái tử khóc là cảnh tượng làm cho lòng Thái tử dày vò khổ đau mà Thái tử vẫn phải cho con. Việc này đâu phải dễ làm! Nếu không phải Bồ-tát đang tu pháp bố thí ba-la-mật thì không thể làm được. Đây không đặt nặng ở từ bi mà chỉ nhấn mạnh ý nghĩa bố thí ba-la-mật là phải thực hành cho rốt ráo. Nghĩa là tu hạnh nào là phải rốt ráo hạnh đó. Chúng ta với mắt thịt tâm phàm, đôi lúc thấy các vị tu hành đối xử với đệ tử hay thân nhân bất nhẫn quá, không chịu nổi! Nhưng chúng ta đâu ngờ các ngài đang thực hiện Bồ-tát hạnh, nguyện làm là phải làm cho viên mãn.

Hỏi: Thưa Thầy, việc làm của Thái tử có phải là Tối thượng thừa không?

Đáp: Đó là hạnh bố thí trong lục độ ba-la-mật. Nếu tu một hạnh nửa vời thì không tới chỗ cứu cánh, mà công hạnh chưa cứu cánh thì làm sao thành Phật? Vì vậy phải thực hành cho đến chỗ viên mãn, dù cho việc làm có khó xử, có giằng co cũng phải làm cho kỳ được.

Hỏi: Thưa Thầy, ở đây nói Bồ-tát có hạnh nguyện tức là “có nguyện”. Chỗ khác nói: giáo môn có ba cửa giải thoát là: không, vô tướng, vô nguyện. Vậy “có nguyện” ở trước và “vô nguyện” ở sau, nguyện ấy có khác nhau không?

Đáp: Có khác, nguyện của Bồ-tát là thực hiện cho viên mãn sáu pháp ba-la-mật, đó là hạnh tu. Còn không, vô tướng, vô nguyện là chỉ cho nguyện của phàm phu. Các pháp ở thế gian không có tự tánh cố định, chỉ là tướng hư dối nên nói là không. Vì không có tự tánh,

chỉ là tướng hư dối nên nói là vô tướng. Đã là tướng hư dối thì dù có ước mơ mong cầu, cũng là không thật, nên nói là vô nguyện. Đây là trường hợp phá chấp thế gian.

Hỏi: *Thưa Thầy, lục độ ba-la-mật có phải là một hay là sáu pháp khác nhau?*

Đáp: Sáu pháp có liên hệ với nhau, nhất là liên hệ với trí tuệ ba-la-mật. Năm pháp trước muốn được viên mãn mà không có pháp thứ sáu là trí tuệ ba-la-mật thì không được viên mãn. Vì vậy nên nói trong sáu pháp ba-la-mật, trí tuệ ba-la-mật là đầu. Liên hệ là liên hệ trí tuệ ba-la-mật.

Hỏi: *Thưa Thầy, trong sáu pháp ba-la-mật, pháp nào giúp cho người tu tiến hóa?*

Đáp: Pháp nào cũng giúp cho người tu tiến mạnh mẽ, nhưng e người thế gian tiến không nổi. Chỉ một pháp bố thí ba-la-mật như trước đã nói, người đời không làm được vì bị lương tâm cắn rứt và sợ thế gian phê phán, ngại không dám làm.

Hỏi: *Thưa Thầy, trong lục độ ba-la-mật thì có Bát-nhã ba-la-mật, trong thập độ thì có trí ba-la-mật. Xin Thầy phân biệt Bát-nhã ba-la-mật và trí ba-la-mật.*

Đáp: Thập độ ba-la-mật là phần chia chẻ thêm, Bát-nhã là trí tuệ. Trong phần thập độ chia Bát-nhã thành hai là quán chiếu Bát-nhã và thể tánh Bát-nhã. Sau khi dùng trí tuệ quán chiếu rồi, phải nhập được thể Bát-nhã. Đây cũng là lối chia chẻ.

Hỏi: *Thưa Thầy, trong kinh nói muốn tiến đạo là phải vượt khỏi bọc lưu. Thưa Thầy bọc lưu là gì?*

Đáp: Bọc là bạo, lưu là dòng nước chảy mạnh chảy xiết, bọc lưu là dòng nước chảy xiết. Tình cảm, ái trước thường dụ là dòng bọc lưu, hoặc nghiệp thức cũng dụ là dòng bọc lưu. Tất cả chúng sanh trên đời này bị trôi lăn trong vòng sanh tử gốc từ ái nhiễm. Ái nhiễm có một sức mạnh cuốn phăng con người đưa vào sáu nẻo luân hồi không có ngày dừng. Giống như dòng nước mạnh chảy xiết cuốn phăng đi những gì rơi trong dòng nước. Người tu muốn thoát khỏi dòng nước thương yêu là phải xa lìa ái nhiễm.

Nghiệp thức cũng dụ là bọc lưu. Trong Duy thức học dụ những niệm vi tế sanh diệt ở trong a-lại-da thức giống như dòng nước chảy, hạt nước trước hạt nước sau liên tục cuộn cuộn chảy xiết không dừng. Người còn mê thì vọng tưởng dấy khởi chạy theo vọng tưởng. Khi tỉnh biết đó là vọng tưởng không theo thì vọng tưởng lặn. Lúc vọng tưởng lặn rồi nhìn sâu hơn, thì thấy những gợn lăn tăn sanh sanh diệt diệt không dừng, không thể phân tích, cũng giống như dòng nước không thể tách ra từng hạt nước được.

Hỏi: *Thưa Thầy, trong thiên sử có ghi hai vị thiên sư đi qua một cái cầu, dưới cầu nhiều người giăng lưới bắt cá, có một con cá lớn, phóng ra khỏi lưới. Thiên sư thứ nhất nói: “À, mình tu giống như con cá đó.” Thưa Thầy, có phải nghiệp thức giống như cái lưới không?*

Đáp: Hai vị thiền sư đó là thượng tọa Khâm và thượng tọa Minh, cùng đi qua sông Hoài thấy người bủa lưới đánh cá, có một con cá nhảy vọt ra khỏi lưới. Thiền sư Minh nói:

- Hay quá! Con cá giống như người tu vậy.

Thiền sư Khâm nói:

- Chẳng hay, phải ở ngoài lưới mới hay.

Thiền sư Minh nói:

- Như vậy là huynh Khâm chưa hiểu.

Hai vị tiếp tục đi, đi khoảng mấy cây số. Thiền sư Khâm chợt hiểu, liền nói:

- Tôi hiểu rồi.

Vậy thiền sư Khâm hiểu là hiểu cái gì?

- Ở trong đau khổ, biết và vượt ra đau khổ mới hay. Chúng ta sợ dĩ tu là vì đang ở trong cảnh khổ, nếu không khổ chúng ta không có tu, nên thượng tọa Minh thấy cá nhảy vọt khỏi lưới khen là hay. Nếu cá ở ngoài lưới thì đâu cần nhảy và không khen hay. Chính ở trong phiền não bủa vây mà thoát ra khỏi được mới là người tu hay. Xưa thái tử Sĩ-đạt-ta vượt ra khỏi mọi ràng buộc của trách nhiệm và tình cảm, nào là đạo làm con đối với vua cha, nghĩa làm chồng đối với vợ, cha đối với con, người lãnh đạo đối với quần thần quốc dân... ràng buộc rất chặt chẽ, mà ngài vẫn thoát khỏi, đó không phải thoát ra khỏi lưới là gì? Còn chúng ta thì trách nhiệm không nhiều mà vẫn không thoát ra khỏi được.

Hỏi: *Thưa Thầy, trong nhà khách Viên Chiếu có bức tranh đối đáp giữa Mã Tổ và ông Bàn Uẩn. Bàn Uẩn hỏi Mã Tổ: “Người không cùng muôn pháp làm bạn là người gì?” Mã Tổ đáp: “Chừng nào ông một hớp cạn nước Tây Giang tôi sẽ vì ông đáp” là ý nghĩa gì?*

Đáp: *Vậy đạo hữu thấy chưa? Đó là phong cách của thiền sư, nếu nói thêm nữa thì không phải thiền sư.*

Hỏi: *Thưa Thầy, giận là do gốc thấy hai, nếu không thấy hai là không giận. Ký ức sâu đậm, mỗi lần nhớ lại cũng giận. Vậy có phải ký ức cũng là hai không?*

Đáp: *Nếu không thấy hai thì không có ký ức. Ngồi nhớ lại chuyện phải chuyện quấy, chuyện hơn chuyện thua... tất cả những nhớ nghĩ đều do thấy hai mà ra. Vì thấy hai mới nhớ nhiều, mới ghi đậm, thương nhiều thì nhớ nhiều, ghét nhiều cũng nhớ nhiều, vui nhiều nên nhớ nhiều, khổ nhiều cũng nhớ dai... Do thấy hai nên mới có ký ức, nếu không thấy hai thì có gì để ghi nhớ? Đâu quý vị thử nhớ giùm tôi cái không hai coi? Sở dĩ chúng ta nhớ là nhớ những cái tốt xấu, chuyện vui buồn, người thương ghét. Giả sử quý vị giao tế với ba hạng người: người tốt được quý vị thương, người xấu bị quý vị ghét và người quý vị không thương không ghét. Qua một thời gian xa cách gặp lại cả ba, quý vị nhớ người nào rõ nhất? Chắc chắn là người thương, hoặc người ghét, còn người không thương không ghét thì quên mất. Như vậy, người có ký ức đậm là do thương ghét nhiều.*

Hỏi: *Thưa Thầy, thiền sư Pháp Dung khi chưa gặp tổ Đạo Tín, ngài tu trên núi, chim tha hoa trái tới cúng dường. Sau khi gặp tổ Đạo Tín khai ngộ, từ đó chim không tha hoa trái tới cúng nữa. Vậy có phải lúc trước ngài có phước hơn lúc sau, nên trước chim cúng hoa trái sau không cúng?*

Đáp: Thiền sư Pháp Dung tu rất tinh tấn trên núi Ngưu Đầu, cọp sói cảm đức từ bi của ngài tụ hội về khá đông, chim muông cũng cảm lòng từ nên tha bông trái đến cúng dường ngài. Sau khi được tổ Đạo Tín khai ngộ, ngài tiếp tục tu, nhưng chim không còn tha bông trái đến cúng dường ngài nữa. Như vậy có phải ngài kém phước không? Sau này ngài tu lùi hay tiến? Đây là cái nghi vấn mà người tu thiền đã nêu lên. Muốn giải cái nghi này tôi xin dẫn câu chuyện của thiền sư Đạo Ứng.

Thiền sư Đạo Ứng là đệ tử của tổ Động Sơn Lương Giới, khai Tổ tông Tào Động khi Sư còn ở Động Sơn, có cất cái am ở Tam Phong, trải qua một tuần nhật ngài không xuống trai đường. Động Sơn thấy lạ hỏi:

- Mấy ngày nay sao người không đến thọ trai?

Sư thưa:

- Mỗi ngày có thiên thần cúng dường.

Quý vị thấy tu mà được chư thiên cúng dường là quá tuyệt rồi phải không?

Động Sơn bảo:

- Ta bảo người là kẻ vẫn còn kiến giải, người rảnh chiều lại.

Chiều Sư đến, Động Sơn gọi:

- Ứng am chủ!

Sư ứng thanh: - Dạ!

Động Sơn bảo:

- Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác là cái gì?

Sư trở về am ngồi yên lặng lẽ, thiên thần tìm mãi không thấy Sư, trải qua ba ngày như thế mới thôi cúng dường.

Quý vị thấy thế nào, trước Sư được chim cúng dường, sau không được cúng là tại sao? Sự việc này nếu không giải thích thì quý vị sẽ hoang mang. Bình thường người tu mà có kẻ quý kính cúng dường thì vui, không có người ủng hộ thì buồn. Giả sử quý vị phát nguyện nhập thất độ một tuần hoặc nửa tháng, bỗng một hôm được chư thiên đem phẩm thực đến cúng dường, cúng dường khoảng ba hôm chắc quý vị mừng lắm đi khoe cùng xóm, vì đó là chuyện hy hữu. Nhưng ngài Đạo Ứng được như vậy lại bị tổ Động Sơn chê là còn kiến giải. Tại sao nói còn kiến giải? Vì tu mà còn dụng tâm khởi quán từ bi, muốn làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Khởi tâm thiện mạnh như thế, nên chư thiên thấy quý kính đến cúng dường. Nếu dứt hết niệm ác và niệm thiện cũng không còn, tâm không khởi niệm tức là vô niệm thì duyên vào đâu mà thấy tâm?

Trong nhà thiền nói tu đến chỗ đó dù cho mắt Phật cũng không thấy, huống nữa là chư thiên hay quỷ thần.

Tâm vô niệm mới là chỗ vượt mọi đối đãi hai bên. Nếu còn khởi quán là còn niệm thiện, niệm thiện rất thuần khiết nên chư thiên thấy và chim muông cảm được mới tới để cúng dường. Như vậy, tu tới chỗ cao tột, với mắt phàm thấy như hết phước vì không thấy tâm đang nghĩ gì, còn tu vừa vừa thì dễ cảm thông, thấy kết quả rõ ràng. Chúng ta thấy người xưa tu được chư thiên, chim muông cúng dường mà còn bị chê. Chúng ta thời nay tu chưa tới đâu lại xao lãng biếng nhác thì bị chê cỡ nào?

Đối với những phép lạ, những việc như trên, nhà thiền không lấy đó làm quan trọng. Thiền sư Nam Tuyền khởi niệm đi thăm trang chủ. Sáng hôm sau ngài xuống trang sở thì thấy trang chủ đã chuẩn bị đón tiếp. Ngài hỏi:

- Lão tăng ra vào thường không cho người biết, sao trang chủ biết trước mà bày biện như vậy?

Trang chủ thưa:

- Đêm qua thổ địa mách, ngày nay Hòa thượng đến.

Ngài bảo:

- Vương lão sư tu hành vô lực (khởi niệm động tâm) bị quỷ thần xem thấy.

Thông thường chúng ta đến nơi nào mà không cho nơi đó hay, nhưng được người biết trước sửa soạn đón tiếp thì rất vui mừng chấp nhận, vì được sự ủng hộ của quỷ thần. Song đối với người tu cao như ngài Nam Tuyền,

thì hối tiếc rằng mình dụng tâm tu để cho quỷ thần thấy. Tu để cho quỷ thần thấy tâm là còn thấp. Giá trị của sự tu không phải ở chỗ huyền hoặc, thế mà người đời lại đặt nặng sự huyền hoặc, cho là cao quý nên bị kẹt ở đó.

Hỏi: *Thưa Thầy, trong kinh nói “Người tu khi chứng quả thì được thần thông. Khi được thần thông thì sáu căn hỗ dụng.” Xin Thầy giải thích hỗ dụng thế nào?*

Đáp: Hỗ dụng là dùng thay cho nhau mà không ngại. Tai chẳng những nghe tiếng mà cũng có thể thấy được. Mắt chẳng những thấy mà cũng có thể nghe... Người còn mê thì sáu căn bị niêm, căn nào chỉ có công dụng của căn nấy, như mắt chỉ thấy mà không nghe hay ngửi được. Người tu đắc đạo rồi thì sáu căn không còn bị niêm nữa, sáu chỉ là một. Kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Nhất tinh minh sanh lục hòa hợp.” Hòa hợp là chỉ cho sáu căn, nơi sáu căn mỗi căn có cái biết riêng, nếu trở về được với một tinh minh (bản thể) thì sáu căn thanh tịnh, căn này có khả năng biết thay cho căn kia. Nếu chưa tinh minh thì sáu căn chỉ có công dụng riêng của nó, mắt chỉ thấy mà không nghe, tai chỉ nghe mà không thấy...

Hỏi: *Thưa Thầy, trong kinh nói: “Lấy nước và lấy tất cả vật ở dưới biển, đem nhét vào lỗ chân lông cũng không ngại.” Câu này hàm chứa ý nghĩa gì?*

Đáp: “Đem biển cả nhét vào lỗ chân lông” hay “Đem núi Tu-di nhét vào hạt cải mà không ngại” là

những câu nói của Không tông. Thông thường theo cái nhìn của phàm phu thì thấy cây xoài lớn, cây cỏ nhỏ, cái nhà lớn cái bàn nhỏ, cái lớn cái nhỏ có ngại nhau. Nhưng theo cái nhìn của Không tông thì thấy cây xoài, cây cỏ, cái nhà, cái bàn đều là tướng duyên hợp không có thực thể, đã là tướng duyên hợp không có thực thể thì không có lớn nhỏ. Song, đứng trên mặt giả tướng thì tạm có lớn nhỏ, nên hạt cải sánh với núi Tu-di không thấm vào đâu. Còn đứng về thể tánh tức là tánh không thì hạt cải hay núi Tu-di, hoặc biển cả hay lỗ chân lông tánh nó vốn không, không có lớn nhỏ nên nói hạt cải nuốt núi Tu-di, hoặc nói đem biển cả nhét vào lỗ chân lông. Đó là đứng về mặt thể tánh mà nói, vì tánh của các pháp không có lớn nhỏ nên không ngại nhau.

Hỏi: Thưa Thầy, tu cốt là để thoát khổ, tức là giải thoát lục đạo luân hồi sanh tử. Tại sao thiền sư Quy Sơn nói: “Sau khi lão tăng trăm tuổi đến dưới núi làm con trâu, hông bên trái có năm chữ “Quy Sơn Tăng Linh Hựu”. Khi ấy gọi là Quy Sơn tăng hay gọi là con trâu? Gọi là con trâu hay gọi là Quy Sơn tăng? Gọi thế nào mới đúng?”

Ngài nói như vậy ngài có thoát khỏi luân hồi sanh tử chưa?

Đáp: Trong nhà thiền có cái đặc biệt là không cho người học đạo vướng mắc hai bên: bên thánh bên phàm. Nên các thiền sư hay nói hồi hữ, tức là nói cái này xoay qua cái kia, nói cái kia xoay qua cái nọ. Người tu thường nghĩ mình đang ở trong cõi phàm, tu cốt để thành thánh

và khi thành thánh thì sung sướng tự do, không bao giờ bước chân vào cõi phàm nữa, vì cõi phàm quá xấu xa như nhớp. Nhưng với con mắt của thiên sư thì thấy thánh phàm không có thực thể. Vì còn mê nên thấy có thánh và phàm khác nhau, khi ngộ rồi thì thấy thánh phàm chỉ là giả danh giả tướng thôi. Vì vậy mà các thiên sư sau khi ngộ đạo, các ngài đi vào đời để độ chúng sanh. Chúng ta thường có quan niệm tu là để giải thoát, ra khỏi lục đạo luân hồi. Trong lục đạo có những đường xấu như ngã quỷ, súc sanh... Giải thoát là ra khỏi, không trở lại những đường xấu đó. Tu như thế là tiêu cực yếm thế. Các thiên sư thì không có thái độ như thế, các ngài tu tới chỗ tâm thể nhất như rồi thì đi vào lục đạo, để giáo hóa làm lợi ích chúng sanh, không ngồi yên để hưởng an lạc. Thế nên mục thứ mười trong mười mục chần trâu là mục thông tay vào chợ, thiên sư mở cửa am, mặc áo hở ngực hở bụng, tay cầm cá chép, tay xách bầu rượu, đi chân trần vào làng vào chợ... hòa mình để giáo hóa người. Nghĩa là đến chỗ cứu cánh rồi thì phải quay lại cảnh phàm tục để giáo hóa chúng sanh, chứ không an trú trong chỗ cứu cánh. Vì vậy nên ngài Quy Sơn nói ngài làm con trâu. Đó là người đạt đạo chân thật, đi vào đời làm lợi ích cho đời. Còn người tu sơ sơ, nhút nhát chỉ mong tới chỗ thanh tịnh để an trú trong đó, vì tâm vị ngã hãy còn. Còn ngã là còn ích kỷ không dám nhập thế, vì nhập thế thì phải độ chúng sanh nhọc nhằn. Thế nên người đạt đạo viên mãn ra vào trong tam giới không ngại không nhiễm, tùy căn cơ chúng sanh mà ứng hiện để hóa độ.

Hỏi: *Thưa Thầy, tu là phải độ chúng sanh; chúng sanh thì có nhiều căn cơ, nhiều hạng. Vậy phải độ chúng sanh nào trước?*

Đáp: Chúng sanh có hai loại: chúng sanh trong và chúng sanh ngoài. Khi mới tu tâm hành giả còn loạn tưởng điên đảo thì nên độ chúng sanh nơi tâm (chúng sanh trong), khi chúng sanh trong độ hết rồi thì phát nguyện độ chúng sanh ngoài. Không phải độ chúng sanh trong xong rồi an trụ mãi trong yên lặng là xong việc. Vậy, người phát tâm tu Bồ-đề, lúc nào cũng nhớ chúng sanh trong nhiều hơn phải độ cho xong. Khi độ hết chúng sanh trong thì lăn xả vào thế tục để độ chúng sanh ở ngoài. Cả hai chúng sanh đều phải độ. Nhưng chúng sanh trong cần phải độ trước, vì nếu người tu còn tham sân si, mà dạy người đời đừng tham sân si thì họ không nghe không làm theo, không độ họ được. Vì vậy phải độ chúng sanh trong trước. Độ chúng sanh trong là tu khiến cho vọng tưởng tham sân si... nơi mình hết sanh, đó là tự giác, rồi giảng dạy hướng dẫn cho người đời tu xa lìa tham sân si... là giác tha. Người tu nào cũng phải thực hành hai điều này, nếu không tự giác trước mà nói giác tha là nói suông nói rỗng. Vì chưa giác ngộ làm sao hướng dẫn người giác ngộ được. Cũng như người đốt mà nói tôi dạy học, dạy học mà anh đốt thì dạy ai. Đó chỉ là lời nói suông nói rỗng không thật.

Hỏi: *Thưa Thầy, tại sao nói sáu căn là lục thông mà cũng nói sáu căn là lục tặc?*

Đáp: Nói sáu căn là lục thông, khi mắt thấy sắc, chẳng hạn thấy một cái hoa, thấy chỉ thấy không khởi tâm phân biệt đẹp xấu, không khen chê, đó là nhãn thông. Nếu mắt thấy hoa liền khen hoa đẹp, trầm trồ khen ngợi muốn ngắm nhìn hoài, hoặc muốn hái về nhà chưng, đó là nhãn tặc. Tai nghe tiếng chửi chỉ biết mình đang nghe chửi, không khởi tâm phân biệt nhân ngã buồn giận đó là nhĩ thông. Nếu tai nghe tiếng chửi khởi phân biệt tiếng này nặng, tổn thương danh dự của mình, làm mình ô nhục, sân si nổi lên... đó là nhĩ tặc. Tóm lại sáu căn tiếp xúc với sáu trần không dính mắc không nhiễm ô đó là lục thông. Ngược lại sáu căn tiếp xúc với sáu trần, khởi tâm phân biệt tốt xấu sanh ưa chán, tham sân dấy khởi đó là lục tặc. Chính nó là thông mà chính nó cũng tặc.

Hỏi: *Thưa Thầy, kiến tánh và ngộ đạo có khác nhau không?*

Đáp: Kiến tánh hay ngộ đạo nói tuy khác nhưng ý nghĩa không khác. Kiến tánh là nhận ra thể tánh chân thật của chính mình. Còn ngộ đạo thì cũng nhận được cái chân thật của mình. Ngộ đạo thì có giải ngộ, đại ngộ, triệt ngộ, chứng ngộ... Tùy sức huân tu sâu cạn mà ngộ cạn hay sâu. Kiến tánh cũng na ná như vậy, có người nhận ra cái chân thật của mình rõ ràng, có người thấy cũng chừng phân nửa, có người chỉ thấy mờ mờ...

Hỏi: *Thưa Thầy, trong vũ trụ có nhiều hành tinh. Trong kinh nói “Nhất thiết do tâm tạo.” Có phải do tâm tạo ra hành tinh và muôn loài muôn vật trong vũ trụ này không?*

Đáp: Giáo lý nhà Phật nói: Tam giới duy tâm vạn pháp duy thức, nghĩa là tất cả pháp do thức phân biệt mà ra, mọi sự trong tam giới do tâm mà có. Quý vị nhớ đừng hiểu lầm vạn pháp duy thức là thức làm ra cây cột làm ra cái nhà, thức có biến thành cây cột cái nhà được không? Nói vạn pháp duy thức là nói muôn vật trong thế gian này tuy có hình tượng, nhưng nếu không có thức phân biệt loại giống và đặt tên thì không có núi, sông, biển, rừng, thành thị, cái nhà, đường phố... Có trăm ngàn giống loại, trăm ngàn thứ tên là do thức phân biệt đặt ra nên nói vạn pháp duy thức. Còn tam giới duy tâm, không phải là tâm biến ra quả đất hay thế giới này. Nếu do tâm biến ra quả đất này thì khi người chết quả đất cũng hoại luôn sao? Đây nói tam giới duy tâm là tâm khởi nghiệp thiện hay nghiệp ác, tùy theo nghiệp mà đi vào thế giới lành hay thế giới dữ, chứ không phải tâm biến ra bụi đất tạo ra thế giới mình ở.

Hỏi: *Thưa Thầy, chúng sanh do phân biệt nên nhìn cái gì cũng thấy đẹp xấu, hay dở... Trong thiền sử có câu chuyện: Thiền sư Quế Sâm, Trường Khánh và Bảo Phước cùng thấy hoa mẫu đơn. Bảo Phước nói: “Một đóa hoa mẫu đơn đẹp!” Trường Khánh bảo: “Chớ để con mắt sanh hoa.” Quế Sâm bảo: “Đáng tiếc một đóa hoa.” Thưa Thầy, cái thấy của chúng sanh do phân biệt mà có đẹp xấu. Còn cái thấy của ba vị thiền sư thế nào mà nói khác nhau như vậy?*

Đáp: Chỗ này bảo cắt nghĩa làm sao nói? Tuy nhiên tôi cũng tạm mượn ngôn ngữ để cho quý vị thấy

chỗ sai biệt của người nói. Bảo Phước nói: “Một đóa hoa mẫu đơn đẹp!” Đó là giai đoạn một còn thấy hoa đẹp. Trường Khánh nói: “Chớ để con mắt sanh hoa.” Đây là đoạn hai, Trường Khánh nhắc Bảo Phước chớ để con mắt dính hoa. Quế Sâm nói: “Đáng tiếc một đóa hoa.” Ngài trách Bảo Phước và Trường Khánh làm cho đóa hoa bệnh. Hoa là hoa mà kẻ thì khen hoa đẹp, người thì nói đừng dính, đóa hoa không bệnh mà hai vị làm nên bệnh.

Hỏi: Thưa Thầy, câu “Nghịệp phi nghịệp, chân phi chân, Phật phi Phật.” Nghĩa như thế nào?

Đáp: Thông thường khi thấy, hay nói điều gì chúng ta có thói quen là khẳng định. Ví dụ như nói về nghịệp thì khẳng định là nghịệp không thể chuyển, nghịệp đã tạo rồi thì phải chịu thế nên tu mới gặp chướng duyên thử thách thì thối tâm, cho rằng nghịệp của mình như thế không tránh khỏi. Đó là khẳng định nghịệp cố định không thể chuyển. Để đối trị bệnh chấp cố định đó, Phật nói “Nghịệp phi nghịệp”. Nghịệp phi nghịệp nghĩa là sao? Trong kinh thường dạy: Do nghịệp dẫn mà chúng sanh luân hồi trong lục đạo. Vậy nghịệp từ đâu mà có? Nghịệp được xuất phát từ thân, khẩu, ý, gọi là thân nghịệp, khẩu nghịệp và ý nghịệp. Thân làm lành hoặc làm ác, miệng nói hiền hoặc nói dữ, ý nghĩ tốt hoặc nghĩ xấu. Tuy chia ra ba nghịệp, nhưng chủ là ý. Song, ý có thật không? Thiền sư Khuê Phong có nói rằng: “Thế không mà thành sự.” Thế của ý nghịệp là không, nhưng nếu tạo tác thì thành sự. Ví dụ quý vị đang sống bình thường vui vẻ,

bỗng dưng có người đến xúc phạm quý vị, lúc đó ý quý vị nổi giận, tiếp theo là miệng nói bậy, thân làm bậy tạo thành nghiệp bất thiện. Bấy giờ nếu quý vị vừa nổi giận, liền biết mình giận, nhìn kỹ cơn giận xem nó từ đâu mà ra? Khi nhìn nó thì nó lặng mất. Lúc cơn giận lặng, quý vị có biết nó trốn ở đâu không? Nó không có chỗ nơi. Khi cơn giận dấy lên, không biết từ đâu khởi và khi lặng xuống cũng không biết về chỗ nào? Vậy cơn giận có thật không? Không. Thế nên nói thể nó là không. Nếu cơn giận nổi lên, miệng chửi, tay đánh gây khổ cho người thì thành sự. Nghiệp có là do ý, mà ý đã không thật thì nghiệp có thật không? Nghiệp không có thật nên nói “Nghiệp mà phi nghiệp.” Như vậy, khẳng định nghiệp không thể chuyển là sai lầm. Tại sao? Vì nó không thật nên có thể chuyển. Để phá chấp “nghiệp cố định” nên trong kinh nói “nghiệp phi nghiệp”.

“Chân phi chân”. Thông thường chúng ta nhìn sự vật với cái thấy hai bên đây là vọng, kia là chân, đây là giả, kia là thật. Khi thấy giả thấy thật, thấy vọng thấy chân, chúng ta cũng cho là cố định, giả cố định, thật cố định, vọng cố định, chân cố định... Nhưng với người đạt đạo thì không thấy như vậy. Cái chân không tự có, nhờ cái giả nên đối đãi lập ra cái chân. Do có ác nên đối đãi lập ra thiện. Ngược với vọng thì gọi là chân, nếu không có vọng thì đâu có nói chân! Vậy, chân là giả danh đối với vọng lập ra, nó không có thật. Không thật, nhưng lúc mê thấy có vọng và chân. Để phá chấp chân là thật nên nói “chân phi chân”.

“Phật phi Phật” cũng vậy. Phật là giác, giác là đối với mê. Bởi có chúng sanh mê nên nói Phật giác. Nếu hết chúng sanh rồi, thì danh từ Phật không còn nữa. Nếu tất cả chúng sanh đều giác hết thì có còn nói Phật và chúng sanh nữa không? Lúc đó không còn nói Phật. Vì ai cũng như ai, song người giác ngộ vẫn có. Phật là danh từ đối đãi giả lập không thật. Vì vậy mà nói “Phật phi Phật”. Nghĩa phi Phật là như vậy, chứ không phải không có Phật. Còn có chúng sanh thì danh từ Phật còn, hết chúng sanh thì danh từ Phật cũng bỏ.

Hỏi: Thưa Thầy, trong sử ghi đức Phật lúc ra đời trong vườn Lâm-tỳ-ni dưới gốc cây vô ưu, khi thành đạo thì ở trong rừng Ưu-lâu-tần-loa dưới gốc cây bồ-đề. Sau khi thành đạo nói pháp lần đầu cũng nói trong vườn dưới cội cây, về già viên tịch cũng ở trong rừng dưới gốc cây sa-la. Trong khi vua chúa cúng dường nhiều tinh xá khang trang, sao Phật không ở trong nhà, mà cứ ở trong rừng ngoài trời. Thưa Thầy, có phải Phật thị hiện như vậy để làm gương cho hậu thế không?

Đáp: Phật dẫn sanh, thành đạo nói pháp và Niết-bàn đều ở ngoài trời dưới cội cây. Như ý đạo hữu là Phật để lại gương sáng cho đời. Đây tôi nói rõ hơn một chút. Ngài ra đời trong vườn Lâm-tỳ-ni dưới gốc cây vô ưu thì chưa có ngụ ý vì do mẹ sanh ra. Khi ngài thành đạo dưới cội bồ-đề, thuyết pháp lần đầu ở vườn Lộc Uyển và Niết-bàn dưới hai cây sa-la thì có thể ngài ngụ ý làm gương. Chúng ta gẫm lại mới thấy, nghĩa xuất gia trong đạo Phật là ra khỏi nhà. Như kinh A-hàm nói “Từ bỏ gia đình sống không gia đình.” Chỗ tu hành không phải là

nhà của mình, học đạo không có của riêng. Người tu bây giờ lâu lâu cũng hơi kẹt, có của riêng. Ở Ấn Độ thời bấy giờ có tập tục là người theo đạo Bà-la-môn, khi tới tuổi già là xuất gia sống đời khát sĩ du phương. Cứ đi chỗ này chỗ kia thọ sự cúng dường, chứ không có chỗ ở riêng. Vì vậy khi thái tử Sĩ-đạt-ta xuất gia ngài cũng thực hành theo hạnh đó, đi nơi này nơi kia. Mặc dù có người xây tinh xá cúng dường, ngài chỉ an cư ba tháng hạ chứ không ở lâu. Đức Phật làm như vậy rất hợp với thời đó. Vì ngài mới thành đạo, cả nước Ấn Độ chưa ai biết, nên ngài phải đi du phương giáo hóa rộng rãi cho mọi người được lợi ích. Nếu ngài ở một chỗ thì sự giáo hóa giới hạn không rộng rãi. Ngày nay hoàn cảnh xã hội chúng ta có khác, tất cả người tu đều có chùa. Người tu ở chùa có hai trường hợp: một là đúng, hai là sai. Nếu người tu ở chùa mà thấy chùa là tư hữu của mình là sai. Nếu thấy chùa là chỗ cư ngụ chung của toàn thể người tu, mình là một phần tử cư trú để tu hành, mai kia nó trở thành của ai cũng được, không phải là của riêng mình thì không có lỗi. Như vậy, tuy ở chùa mà tâm không kẹt nơi cái chùa. Song hiện nay đa số người tu đều bị kẹt, thấy cái chùa là của riêng mình ai động tới là không dung thứ.

Tóm lại, theo ý của đạo hữu thì Phật giáng sanh, thành đạo, thuyết pháp, Niết-bàn đều ở dưới gốc cây ngoài trời là ngụ ý muốn giáo hóa, nhắc nhở cho đồ đệ phải sống đời sống không có tư hữu, phải du phương tìm đạo. Đó là gương tốt sẵn có, nhưng không phải cố định là ai tu chân chánh đều phải giống như ngài không được khác. Sự tu hành và truyền bá của người tu hiện tại

còn tùy thuộc hoàn cảnh tập tục xã hội. Ở vùng này vị tu sĩ này có bốn phận giảng dạy, ở vùng khác vị tu sĩ khác có bốn phận giảng dạy, ở đâu cũng có người giảng dạy Phật pháp. Hơn nữa sự đi lại giảng dạy bất hợp pháp là không được, nên ở đâu làm việc ở đó, mới thoát nhìn thấy như có chỗ riêng. Nhưng nếu người tu không chấp chỗ mình ở là của mình thì tốt, còn thấy riêng của mình thì không tốt. Chúng ta theo gương của Phật và theo tinh thần hơn là theo hành động của ngài thuở trước.

Hỏi: Thưa Thầy, trong sách có ghi “Thà chấp có bằng núi Tu-di, không nên chấp không bằng hạt cải.” Câu này ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Trước khi giải thích câu này, chúng ta nên hiểu thế nào là chấp có, thế nào là chấp không. Nếu chưa hiểu chấp có chấp không, dù có giải thích cũng không hiểu được ý nghĩa. Chấp có là tin có thiên đường, có địa ngục, có phước, có tội, có thiện, có ác... chấp có một cách tuyệt đối. Vì chấp có tội nên sợ tội, chấp có phước nên ham làm phước, do chấp có địa ngục nên sợ địa ngục không làm ác, chấp có thiên đường nên muốn sanh lên thiên đường lo làm lành. Tuy chấp có là dở mà ít tai nạn ít khổ đau. Còn chấp không là không tin có thiên đường, không tin có địa ngục, không phước, không tội, không thiện, không ác... Chấp cái gì cũng không hết nên cứ làm ác, cứ tạo tội, không biết hưởng thượng để làm lành hưởng phước mặc tình muốn làm gì thì làm, nguy hiểm không thể lường. Thế nên nói: “không nên chấp không bằng hạt cải”, chấp không chút xíu cũng tai họa. Vì chấp có nên sợ tội không làm ác,

ham phước nên siêng làm lành. Vì chấp không nên tha hồ làm ác tạo tội, rơi vào địa ngục như tên bắn. Thà chấp có mà không xuống địa ngục. Do đó mới có câu “Thà chấp có như núi Tu-di, không nên chấp không bằng hạt cải.”

Câu chuyện sau đây có liên hệ đến chấp có và chấp không. Một thiền khách đến hỏi thiền sư Trí Tạng:

- Thưa Hòa thượng có thiên đường không?
- Có.
- Có địa ngục không?
- Có.
- Có tội không?
- Có.
- Có phước không?
- Có.

Hỏi cái gì thiền sư cũng đáp có, thiền khách mới nghi hỏi lại:

- Hòa thượng nói như vậy có lầm không?
- Ta đối đáp với ông đâu có lầm.
- Tại sao tôi hỏi có thiên đường không, có địa ngục không... ngài Quốc Nhất trả lời không, bây giờ hỏi Hòa thượng, Hòa thượng nói cái gì cũng có hết; vậy thì ai đúng?

Thiền sư Trí Tạng không trả lời ai đúng hết, mà ngài hỏi:

- Ông có vợ không?
- Dạ có.

- Hòa thượng Quốc Nhất có vợ không?

- Dạ không.

- Vì hòa thượng Quốc Nhất không có vợ, nên ngài nói không. Vì ông có vợ nên tôi đáp có.

Câu chuyện mới nghe qua như là đùa vậy. Song nó hàm xúc ý nghĩa: Hòa thượng Quốc Nhất không bị ái nhiễm ràng buộc, tu thấy tốt được lý đạo, nên Hòa thượng nói không. Còn người phàm phu thế trần tử phược cột trói chằng chịt, vô minh phiền não phủ che mà nói không thì tạo tội đọa đường ác. Vì vậy nên phải nói có. Đó là ý nghĩa của câu “Thà chấp có bằng núi Tu-di, không nên chấp không bằng hạt cải.”

Hỏi: Thưa Thầy, người thế tục và người tu hành, ai cũng mưu cầu hạnh phúc. Người đời tìm hạnh phúc ở bản năng thì sa vào tội lỗi. Người tu tìm hạnh phúc là phải khép mình hành khổ hạnh ở chốn rừng núi xa xăm vắng vẻ. Trong sự tìm cầu hạnh phúc dường như không ai bắt gặp được hạnh phúc. Phải chăng chỉ có bậc thánh mới có hạnh phúc chân thật, người phàm thì không có phần?

Đáp: Phàm hay thánh nếu khéo biết, đều có hạnh phúc. Không phải chỉ thánh mới có hạnh phúc, còn phàm vô phần. Sở dĩ người ta đau khổ là vì đang ở trong hạnh phúc mà không chịu hưởng, cứ kiếm tìm. Nếu chúng ta ngồi đây mà tâm không lo nghĩ, không sợ sệt, không buồn rầu thì có hạnh phúc không? Ngay đây là hạnh phúc. Quý vị khổ là vì đang ngồi đây mà nhớ chuyện ở nhà,

chẳng biết các con mình ở nhà có đi chơi rong không? Có kẻ xấu tới dụ dỗ lường gạt các con mình không? Tâm cứ lo lắng bồn chồn không an, thì làm sao có hạnh phúc? Giả sử như trong gia đình, vợ chồng con cái đang quây quần bên mâm cơm, qua câu chuyện đạo bằng lời hiền lẽ phải với nhau, thì hạnh phúc biết bao nhiêu. Ngược lại, lúc nói chuyện mà chồng ý này, vợ ý nọ, con ý kia không ai đồng ý với ai, mặc dù cùng nói chuyện mà ý ngầm ngầm chống đối không hòa thuận nhau. Tuy gia đình họp mặt ăn uống, mà ý cứ ngầm ngầm chống đối, thì đâu có hạnh phúc. Nếu chúng ta buông được ý niệm riêng tư, sống với hiện tại thì lúc nào hạnh phúc cũng tràn trề. Hằng ngày, qua buổi công tác mệt nhọc, quý vị tắm rửa xong, hoặc nằm trên ghế bố hoặc ngồi dưới gốc cây, tâm không lo buồn nghĩ ngợi thì lúc đó có hạnh phúc không? Hạnh phúc tràn trề. Ngược lại, nếu thân nằm đó mà tâm cứ chạy ngược chạy xuôi, nhớ đứa con này làm buồn, nhớ người láng giềng nọ không tốt... Lúc nào cũng có niệm buồn phiền bất an, nên không có hạnh phúc. Vì vậy mà đi tìm hạnh phúc, tìm không biết bao giờ mới gặp? Vì không chấp nhận sống với cái mình đang có và sống với hiện tại. Bây giờ quý vị đừng đợi làm thánh để được hạnh phúc mà ngay giờ nào sống với việc nấy thì luôn luôn hạnh phúc. Khi ăn cơm vui trong việc ăn cơm, khi làm việc thì vui trong công việc. Làm việc gì là vui với việc nấy, không để tâm nghĩ vợ nghĩ vắn thì an vui hạnh phúc vô cùng. Vua Lý Thái Tông đến viếng Thiền Lão thiền sư. Vua hỏi:

- Hòa thượng trụ núi này đã được bao lâu?

Sư đáp:

*Chỉ biết ngày tháng này,
Ai rành xuân thu trước.*

Ngài hạnh phúc tràn trề, chỉ biết ngay bây giờ thôi. Chúng ta vì không sống với hiện tại nên không có hạnh phúc. Đang ngồi đây mà nuối tiếc việc quá khứ, mong cầu việc tương lai. Chẳng hạn chúng ta trồng cây cam, cứ nhìn nó mong nó có hoa có trái, thấy hoa trái rụng lòng không vui. Sống như vậy làm sao có hạnh phúc? Lúc nào chúng ta cũng muốn mọi sự việc như ý mình. Sự việc thì tùy duyên, khi đủ duyên tốt thì thành tốt, không đủ duyên tốt thì thành xấu. Chúng ta làm việc gì cứ làm hết sức, còn thành tựu thì tùy thời tiết nó thành. Vì làm việc gì chúng ta cũng mong cho thành tựu như thế này như thế kia. Hoặc sống ngày nay không sống trọn vẹn với ngày nay, mong mai kia sẽ có việc lạ xảy ra. Hoặc sống năm nay lại mơ ước năm tới được phát tài, phát lợi... Cứ mơ ước hoài, mơ ước cho tới già gần chết thì sợ. Sống như vậy làm sao có hạnh phúc? Hết mong rồi nhớ, nhớ lại thời tráng niên trẻ trung tài ba oanh liệt, hồi tưởng quá khứ thì tiếc rẻ. Cứ như thế mà bất an, không có phút giây hạnh phúc.

Quý Phật tử nên tập sống ngày nay thì vui với ngày nay, bằng lòng với hiện tại, với công việc hiện có của mình. Sống như thế mới có hạnh phúc. Nếu không chấp nhận hiện tại, không bằng lòng với cái mà mình đã có, lại cứ mơ ước tương lai hoài vọng quá khứ, thì không bao giờ có hạnh phúc, cứ khổ mãi. Trong kinh Kim Cang

Phật có dạy: “Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc.” Tức là không chạy theo tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai, mà phải an nhiên trong giờ phút này đó là hạnh phúc. Người phàm mà biết sống như vậy đâu không có hạnh phúc?

Hỏi: *Thưa Thầy, trong tứ hạnh có báo oán hạnh. Vậy báo oán hạnh là sao?*

Đáp: Báo oán hạnh trong Thiếu Thất Lục Môn có giảng kỹ. Đây tôi chỉ nói đại ý cho quý vị hiểu thôi. Báo oán hạnh là hạnh trả thù. Chư tổ dạy tu sao dạy trả thù? Thường thì trong kinh Phật dạy tất cả mọi oán hận, người tu chúng ta phải bỏ và nên lấy ân để báo oán, chứ đừng lấy oán báo oán. Vậy chư tổ tu theo Phật, dạy báo oán bằng cách nào? Ví dụ người có tâm ích kỷ hay lấn hiếp bạn bè, họ làm ăn chung với quý vị, khi chia lời, lẽ ra chia mỗi người năm mươi phần trăm như nhau. Nhưng họ lại giành sáu mươi phần trăm chia cho quý vị bốn mươi phần trăm. Bây giờ quý vị muốn trả thù họ, phải làm sao? Thay vì họ muốn sáu mươi phần trăm, quý vị vui vẻ nhường họ tám mươi phần trăm. Trả thù như vậy là hết oán. Lại có người tâm hay tật đố, thấy mình có gì hơn họ, họ đều đố kỵ. Muốn trả thù người có tâm tật đố, phải làm sao? Cái gì họ muốn mình vui vẻ cho họ thì họ hết tật đố. Người đời bị đối xử bạc ác thì họ oán thù, họ làm khổ lụy lại bằng hoặc hơn họ mới hả dạ. Ngược lại người tu khi bị người làm khổ lụy, thì mình phải làm cho họ vui, cho họ sung sướng hơn. Người làm khổ mình, mình trả lại họ bằng cái vui. Đó là hạnh báo oán mà tổ Bồ-đề-đạt-ma đã dạy trong Thiếu Thất Lục Môn.

Hỏi: *Thưa Thầy, “Sắc không tự là sắc, do tâm cho nên có sắc. Tâm không tự là tâm, do sắc cho nên có tâm.” Nghĩa này thế nào?*

Đáp: “Sắc không tự là sắc, do tâm cho nên có sắc.” Tôi ví dụ để giải nghĩa, cây này được gọi là hoa mai. Vậy từ đâu mà có tên hoa mai? Từ tâm. Cây hoa mai là sắc tướng, hoa mai vàng, đẹp, quý, tiện v.v... đều từ tâm phân biệt của người mà có. Nếu không có tâm phân biệt thì cây này không có tên hoa mai. Vậy sắc tướng lớn, nhỏ, đẹp, xấu đều từ tâm mà có. “Tâm không tự là tâm, do sắc nên có tâm.” Nếu không có sắc thì không khởi tâm phân biệt. Vì có sắc nên tâm đấy khởi phân biệt lớn, nhỏ, đẹp, xấu... Nếu không có sắc thì tâm phân biệt cái gì? Không phân biệt cái gì thì không có tâm. Bởi có sắc nên có tâm phân biệt. Vì vậy mà nói “Sắc không tự là sắc, do tâm cho nên có sắc.”

Hỏi: *Thưa Thầy, trong đạo Phật bắt buộc tất cả mọi người tu, ai ai cũng phải thọ giới cụ túc hay sao?*

Đáp: Cụ túc giới là giới điều của Tỳ-kheo gồm 250 giới, Tỳ-kheo-ni 348 giới. Đó là phần luật quy định tư cách của người xuất gia theo một đường lối rõ ràng. Phải thực hành đúng những điều luật Phật quy định mới đủ tư cách của một Tỳ-kheo, hay Tỳ-kheo-ni, mới đủ giới hạnh hướng dẫn cho người tu hành. Nếu thực hành không đúng giới luật Phật quy định thì chưa xứng đáng lãnh đạo hướng dẫn cho người tu theo. Do đó người xuất gia phải thọ cụ túc giới là vậy. Đối với người xuất gia giới luật là một sự bắt buộc, chứ không phải là tự ý.

Tuy nhiên cũng có một vài trường hợp ngoại lệ. Giữ tròn giới luật mới đủ tư cách của người hướng đạo, hướng đạo mà không đủ tư cách thì không xứng đáng, người học đạo không phục không theo thì không hướng dẫn được.

Hỏi: *Thưa Thầy, “Nhất niệm vạn niên” là sao?*

Đáp: “Nhất niệm vạn niên” nghĩa là một niệm là muôn năm. Tại sao một niệm là muôn năm? Đúng về mặt thời gian, một niệm là khoảng thời gian ngắn nhất. Tâm vừa khởi nghĩ đó là một niệm, khoảng thời gian tích tắc của đồng hồ rất ngắn. Còn muôn năm thì quá dài. Thời gian ngắn thời gian dài, trên lý đạo thì nó không thật. Ngắn hay dài là do khái niệm của con người đặt ra. Cũng như nói giờ, phút, giây là do người chia cắt thời gian mà thành, hoặc nói ngày, tháng, năm là do căn cứ trên chu kỳ quay của trái đất quanh mặt trăng, quanh mặt trời mà định ngày, tháng, năm. Trái đất cứ quay, nó không tự nói ngày tháng năm gì cả. Song người đời định đặt ra để hiểu với nhau. Thời gian là do khái niệm con người định đặt, chứ không có thật. Bản chất của thời gian đã không thật thì dù có nói ngắn hay dài, một niệm hay muôn năm cũng như nhau, chỉ là pháp không thật. Đó là thấy theo tinh thần Bát-nhã.

Theo cái thấy của thiên gia thì khi tâm an nhiên thanh tịnh, không còn dấy động nữa, lúc đó là niệm không sanh không diệt, nếu không sanh không diệt thì muôn năm cũng như vậy thôi. Lục Tổ nói: “Vô niệm tắc tử”, nghĩa là không có niệm là chết. Nhưng niệm đó là gì?

Tôi hiện thấy rõ tâm mình thanh tịnh an nhiên đó là niệm. Vì niệm đó không sanh không diệt thì một niệm là muôn năm rồi, đâu có chặn ngăn cách khoảng ngắn dài khác nhau. Vì vậy khi tới chỗ tâm thể nhất như rồi thì nói “Một niệm là muôn năm, muôn năm chỉ là một niệm.”

Hỏi: *Thưa Thầy, trong kinh có nói hai loại sanh tử là biến dịch sanh tử và phân đoạn sanh tử. Nghĩa ấy như thế nào?*

Đáp: Phân đoạn sanh tử chỉ cho sự sống chết của phàm phu. Còn biến dịch sanh tử thì thuộc về Tiểu thừa. Con người phàm phu khi chết thì thân thịt xương rã ra từng phần từng đoạn nên gọi là phân đoạn sanh tử. Còn Nhị thừa tu, khi chứng quả Tu-đà-hoàn, cố gắng tu nữa sẽ tiến lên Tư-đà-hàm, nếu tiến tu nữa sẽ chứng quả A-na-hàm và tiến tu nữa sẽ chứng quả A-la-hán. Mỗi lần tiến từ quả thấp lên quả cao là một lần biến chuyển nên gọi là biến dịch sanh tử. Vì đang là quả Tu-đà-hoàn mà tiến lên quả Tư-đà-hàm, thì quả Tu-đà-hoàn phải mất, gọi đó là tử và lên Tư-đà-hàm gọi đó là sanh. A-na-hàm và A-la-hán cũng thế.

Hỏi: *Thưa Thầy, kinh Thủ-lăng-nghiêm có nói mặt trăng thứ nhất, thứ hai. Vậy những mặt trăng ấy biểu trưng cho cái gì?*

Đáp: Nói về mặt trăng thì có mặt trăng thứ nhất, mặt trăng thứ hai, mặt trăng thứ ba. Mặt trăng thứ ba thì ít nói, mặt trăng thứ nhất thứ hai thì thường đề cập.

Tôi nhắc lại hình ảnh của mặt trăng. Mỗi tối vào ngày mười bốn, rằm, mười sáu, chúng ta thấy mặt trăng nguyên vẹn đó là mặt trăng thứ nhất. Với người bị bệnh mắt thấy chấp chóa, nhìn lên bầu trời thấy có mặt trăng thứ hai bên cạnh mặt trăng thứ nhất. Mặt trăng thứ hai rất gần với mặt trăng thứ nhất. Còn mặt trăng thứ ba là bóng trăng hiện dưới nước. Mặt trăng thứ nhất dụ cho tánh giác sẵn có nơi mỗi chúng sanh, kinh Thủ-lăng-nghiêm gọi là “nhất tinh minh”. Mặt trăng thứ hai dụ cho cái biết của sáu căn đó là tánh thấy, tánh nghe... là lục hòa hợp. Còn ý thức phân biệt dụ cho mặt trăng thứ ba. Hiện tại, chúng ta đang sống với mặt trăng thứ mấy? Thứ ba. Xa quá! Bao giờ chúng ta sống với tánh thấy tánh nghe... đó là sống với mặt trăng thứ hai. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm dạy chúng ta phải “Phản văn văn tự tánh”, tức là khi nghe biết mình đang nghe, có tánh nghe, không chạy theo âm thanh, đó là sống với mặt trăng thứ hai bên cạnh mặt trăng thứ nhất. Tôi thường ví dụ trong nhà có bóng đèn néon sáng, xung quanh nhà có sáu cửa vuông, tròn, lớn, nhỏ khác nhau. Đứng ở ngoài nhìn vào nhà, thấy ánh sáng rọi ra theo hình dáng của sáu cửa lớn, nhỏ, vuông, tròn khác nhau. Khi vào nhà thì chỉ có một ngọn đèn sáng duy nhất rọi ra sáu cửa. Sáu cửa dụ cho lục hòa hợp, hay sáu căn. Còn ngọn đèn sáng dụ cho nhất tinh minh, hay mặt trăng thứ nhất. Chúng ta tu muốn trở về với tánh giác là phải nhớ mình có tánh nghe tánh thấy... qua các căn để dần dần thể nhập tánh giác.

Hỏi: *Thưa Thầy, câu “Nói viên giác mà trọn ngày không viên giác, đó là bệnh của phàm phu.” Xin Thầy, chỉ cho cái bệnh của phàm phu mà ở đây chê.*

Đáp: Ví dụ: Có người hễ mở miệng ra là nói: các pháp là hư dối, các pháp là huyễn hóa, nhưng khi ăn, gặp món dở thì chê không ăn. Ngủ giường không nệm thì không ngủ. Người sống như thế có viên giác không? Miệng lúc nào cũng nói viên giác, khi đối duyên xúc cảnh bất như ý thì sân si dấy khởi, người như thế là miệng nói viên giác mà tâm phàm phu không chút tỉnh giác. Đó là lời chê người học đạo chỉ nói được mà không làm được.

Hỏi: *Thưa Thầy, Lục Tổ nói: “Tu chỉ cốt kiến tánh.” Có phải kiến tánh là nhận ra tánh giác chân thật có sẵn nơi mình không? Chẳng hạn như các con đọc kinh luận, biết nơi mình có chân tâm Phật tánh, có phải như vậy là kiến tánh khởi tu không?*

Đáp: Kiến tánh là những trường hợp như sau: Người thấy được nhân không sanh diệt, cũng tạm gọi là kiến tánh, nhưng kiến tánh đó chỉ mới là kiến tánh của cái nhân. Còn người tu tới chỗ viên mãn tâm thanh tịnh, bừng sáng thấy tường tận hết, đó là kiến tánh trên quả. Kiến tánh của cái nhân tạm dụ cho người ở ngoài thấy ánh sáng từ trong nhà phát ra các cửa, nhờ thấy ánh sáng mà biết trong nhà có đèn sáng, chứ chưa thấy ánh sáng phát ra từ ngọn đèn, chưa phải là thấy tột cùng. Song cũng tạm gọi là kiến tánh, kiến tánh đó còn yếu chưa tròn. Khi vào nhà thấy rõ ngọn đèn tỏa ra ánh sáng,

mới là cái thấy tốt cùng, là cái thấy thật. Kiến tánh của Lục Tổ là vào nhà thấy ngọn đèn tỏa ra ánh sáng. Kiến tánh của chúng ta hiện tại là thấy ánh sáng tỏa ra cửa, rồi tin có đèn, chứ chưa thấy đèn sáng. Kiến tánh của chúng ta nếu gặp duyên không tốt thì bị lui sụt.

Hỏi: *Thưa Thầy, người Phật tử phát tâm tu, khi nghiệp quả đến có thay đổi từ nặng sang nhẹ như lời dạy trong kinh sách, hay chỉ là lời an ủi, chẳng hạn như nói “hao tài thì không tổn mạng” để trấn an Phật tử?*

Đáp: Câu “Hao tài thì không tổn mạng” đa số người nói theo sự an ủi nhiều hơn, chứ lẽ thật thì không hẳn như vậy. Vì trong cuộc sống con người lúc hưng thịnh thì điều vui đến với chúng ta nhiều, lúc suy vi thì buồn phiền cũng đến nhiều với chúng ta. Con người ai cũng có lúc thịnh lúc suy, không ai cả cuộc đời thịnh mà cũng không ai cả cuộc đời suy. Khi có việc không vui xảy ra với mình bạn bè tới an ủi “Tai nạn nhỏ cứu tai nạn lớn là nhờ tu.” Đó là phỏng nói, chứ người nói nào có rõ lẽ thật ra sao? Tôi nhắc cho quý Phật tử nhớ điều này, tất cả mọi sự việc vui buồn xảy ra trong đời mình là do nhân quả. Nhân quả quan hệ tới ba thời: quá khứ, hiện tại, vị lai; quá khứ đã qua không thấy được, vị lai thì chưa đến, hiện tại là cái mốc rất quan trọng, là chỗ thừa kế nghiệp quá khứ, mà cũng là chỗ gây tạo quả vị lai. Vì vậy, người hiểu đạo ngay trong cuộc sống hiện tại này, phải chấp nhận cái quả của quá khứ đã tạo. Song, chấp nhận bằng cách nào? Ví dụ chúng ta sinh ra trong gia đình ấm no sung túc, chúng ta biết đó là do nghiệp lành đời trước mình đã tạo, bây giờ mình hưởng.

Nên khi hưởng không tự hào không phách lối, để dành công đức về sau. Vì không phải ngẫu nhiên mà mình được giàu sang, hay ngẫu nhiên mà được sung túc. Giàu sang sung túc là do nhân tốt mà mình đã tạo từ trước, không để mất.

Nếu chúng ta sinh ra trong gia cảnh nghèo khó khổ sở, chúng ta biết do nghiệp quá khứ mình tạo không tốt, nên đời này phải nhận lãnh quả khổ, vui mà trả quả chứ không than trách trời đất hay oán trách ai cả. Trong lúc trả quả xấu của quá khứ, phải biết tạo nhân lành trong hiện đời để vị lai không khổ nữa.

Hỏi: Thưa Thầy, lúc Phật còn tại thế, một hôm ngài cùng các Tỳ-kheo đi khất thực trở về tinh xá. Có hai thầy trò ngoại đạo đi theo sau Phật. Trên đường đi, thầy thì dùng đủ lời chê bai chỉ trích Phật, ngược lại trò cũng tìm đủ cách để tán thán Phật. Các vị Tỳ-kheo cùng đi với Phật thắc mắc bàn tán tại sao cũng là đức Phật mà thầy thì chê trò lại khen? Nhân đó Phật nói: Người thầy chỉ trích Phật như thế không đúng và người trò tán thán Phật như thế cũng không đúng. Chỉ có bậc thánh và đệ tử bậc thánh mới biết khen Phật. Xin Thầy chỉ cho chúng con rõ lời chỉ trích và tán thán của hai thầy trò ngoại đạo không đúng ở chỗ nào; bậc thánh và đệ tử bậc thánh tán thán Phật như thế nào là đúng?

Đáp: Câu chuyện này xuất xứ từ kinh Phạm Động trong Trường A-hàm. Trước tôi nói chỗ không đúng của sự chỉ trích và tán thán của ngoại đạo. Tất cả mọi sự khen chê của phàm tình đều xuất phát từ tình cảm.

Đối với người mà mình đã có ác cảm thì dù cho họ có làm điều gì tốt điều phải mình vẫn làm lơ, có khi không hạp ý còn đem ra phê bình chỉ trích. Đối với người mà mình đã có cảm tình đã thương rồi, dù họ có làm điều sai quấy cũng không phê phán, lại còn tìm cách bênh vực. Tình cảm nó chi phối con người rất mạnh, chúng ta khen và ủng hộ ai chẳng qua người đó làm lợi ích cho chúng ta. Ngược lại, chúng ta chê trách ai, chẳng qua người đó làm thương tổn chúng ta, đối với người đã làm thương tổn mình chút ít, làm lợi làm tốt với mọi người, chúng ta cũng vẫn không bằng lòng. Còn người làm lợi cho mình mà làm quấy với mọi người, chúng ta vẫn thấy họ tốt như thường, miễn có lợi cho mình là tốt. Đó là chỗ khen chê theo tình cảm của con người mà đa số bị kẹt, nó không có lẽ thật.

Bây giờ tôi nói về chỗ khen chê như chỗ Phật nói. Phật dạy rằng: Đa số người phàm khen Phật đều căn cứ trên hình tướng, thấy Phật giữ giới, ăn ngày một bữa, mặc ba lá y, ở dưới gốc cây, sống không gia đình... Phật cho đó là hình tướng bên ngoài không quan trọng, tối quan trọng là chỗ “Phật biết tất cả mà không chấp”. Tại sao nói là tối quan trọng? Vì giá trị của con người thường được đánh giá trên hình thức, trên hành động, mà ít được nhìn thấu đáo tường tận ở nội tâm. Có nhiều người dáng vẻ bên ngoài rất nghiêm trang nhưng nội tâm lại xao xuyến. Ngược lại, có những người hình tướng có thể thô tháo nhưng tâm họ lại tốt hay. Cũng như có nhiều loại trái cây da bên ngoài chín đỏ mà ruột thì chưa chín, lại cũng có những loại trái cây ngoài vỏ còn xanh trong ruột đã chín.

Điều đó nói lên rằng, có những người thấy dáng bên ngoài dường như rất tốt, nhưng gần họ thì thấy tâm họ không tốt, vì vậy mà người ta dễ chán, dễ có niệm “trước trọng sau khinh”. Lại có người mới tiếp xúc thấy họ lợt lạt khô khan, nhưng gần lâu mới thấy được tâm chân chính trong sáng của họ, càng thêm kính mến. Như vậy, mới thoáng nhìn qua, mà đặt vấn đề khen chê thì quá nông nổi. Phê bình chính đáng là phải hiểu rõ người đó. Theo Phật, giá trị con người không phải ở hình thức như giữ giới, ngày ăn một bữa, mặc chỉ ba lá y... mà phần tinh thần là trí tuệ mới quan trọng. Trí tuệ là biết tất cả mà không chấp. Ngoại đạo họ thấy tới đâu là chấp tới đó. Từ cái chấp ấy mà họ đặt ra thuyết thường thuyết đoạn rồi luận chiến nhau. Phật biết tất cả và còn biết hơn ngoại đạo đã biết, nhưng ngài không chấp không dính mắc, đó là cái đáng khen mà người thế gian không biết để khen. Chỉ có bậc thánh và đệ tử bậc thánh mới biết được điều đó để khen. Khen đó là cái khen chân chính của người trí tuệ.

Giả sử có người nói rằng: “Tôi tu hạnh Bồ-tát, làm lợi ích cho nhiều người, những chuyện gì khó làm tôi làm...” Nghe họ nói như vậy, quý vị khen họ là Bồ-tát. Khen như vậy có chín chắn không? Chúng ta phải chờ xem họ có thật là Bồ-tát vì mọi người làm lợi ích hay vì danh lợi? Khi biết chắc họ thực hành hạnh Bồ-tát rồi, thì lời khen mới xứng đáng. Hoặc có người có ác cảm với một tu sĩ nào đó nói: “Thầy đó tu hành lôi thôi, tư cách không đúng đắn.” Một số người nghe vậy liền ùa theo

chê thầy đó thế này thế kia. Thật sự thì những người ấy chưa biết gì về vị tu sĩ này, vậy mà cứ chê. Sự chê bai phê phán đó không đúng. Ở đời người ta hay đánh lừa thiên hạ, cứ nhìn qua hình tướng hoặc nghe qua dư luận, rồi khen rồi chê không cần biết đúng hay sai. Vì vậy mà Phật dạy: “Khen chê đều chưa đến lẽ thật, đừng nghe chê vội giận, đừng nghe khen vội mừng, mà phải biết nghe và tự xét lại mình.” Người thế gian thường khi bị chê liền phản ứng, tức tối bực bội, không vui... Ngược lại được khen thì vui vẻ tươi cười. Đa số chúng ta đều đang mắc kẹt chỗ này. Ở trong bối cảnh đó, Phật nhắc chúng ta đừng vương bận sự khen chê, mà phải thấu đáo tâm trạng của người, thì sự khen chê mới có giá trị. Nếu nghe chê liền buồn, nghe khen liền vui là bị thế gian bẫy gạt. Thế nên Phật nói: Chỉ có bậc thánh, đệ tử bậc thánh mới biết chỗ đáng khen của Phật để khen. Còn những hình thức về giới luật, chưa đáng để khen.

Hỏi: Thưa Thầy, câu “Tri kiến lập tri tức vô minh bốn, tri kiến vô kiến tư tức Niết-bàn” nghĩa như thế nào?

Đáp: Câu này trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói rằng: Tri kiến mà lập tri đó là gốc vô minh. Còn tri kiến mà không chấp tri kiến đó là Niết-bàn. Hôm giảng kinh Pháp Hoa tôi có đề cập đến vấn đề này. Kinh Pháp Hoa có nói tri kiến Phật, nên nhiều người hiểu lầm thắc mắc. Tại sao kinh Thủ-lăng-nghiêm nói tri kiến mà lập tri là gốc vô minh còn kinh Pháp Hoa nói là tri kiến Phật?

Vậy tri kiến vô minh của phàm phu và tri kiến của Phật khác nhau chỗ nào? Đây tôi giải thích chữ tri kiến. Tri là biết, kiến là thấy. Cái thấy biết có khởi niệm chấp thủ gọi là lập tri. Thí dụ thấy người khác phái, cậu A liền phân biệt cô này là đẹp là xấu... đó là lập tri, thấy biết như vậy là gốc vô minh. Mắt nhìn thì cứ thấy không khởi niệm, đó là không lập tri. Không lập tri đó là Niết-bàn. Tại sao? Vì khởi niệm đẹp thì thương, khởi niệm xấu thì ghét, có thương có ghét là phàm phu vô minh. Còn thấy biết mà không khởi niệm phân biệt đẹp xấu thì không có tâm yêu ghét. Vẫn thấy biết mà tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh ấy là Niết-bàn. Cùng một cái thấy biết mà một bên phàm một bên thánh, chỉ khác nhau ở chỗ phàm thì lập tri, thánh thì không lập tri. Vì vậy mà cổ đức có câu:

*Như nhau dọc mũi ngang mày,
Lòng phàm lòng thánh khác nhau ngàn trùng.*

Con người ai cũng có mũi dọc mày ngang như nhau, nhưng người thì tâm phàm người thì tâm thánh. Phàm thì thấy cái gì cũng khởi niệm phân biệt tốt xấu hơn thua, rồi sanh thương ghét buồn giận, tâm điên đảo không cùng. Còn thánh thì thấy biết tất cả mà không khởi niệm phân biệt thủ xả, nên không phiền não. Đó là ý nghĩa câu “Tri kiến lập tức tri vô minh bổn, tri kiến vô kiến tư tức Niết-bàn” là vậy.

Hỏi: Tiếp theo ý trên con có chút nghi vấn về giai thoại vấn đáp của thiền sư Cảnh Thanh và thị giả

qua tiếng mưa rơi và tiếng nhái kêu. Thầy thị giả nghe tiếng mưa rơi nói là tiếng mưa rơi, nghe tiếng nhái kêu nói là tiếng nhái kêu, đâu có phân biệt tiếng mưa rơi buồn, tiếng nhái kêu thảm, sao lại bị thiên sư Cảnh Thanh quở?

Đáp: Thiên sư Cảnh Thanh và thị giả đối đáp qua hai trường hợp:

Một hôm trời mưa to, thiên sư Cảnh Thanh hỏi thị giả:

- Tiếng gì đó?

Thị giả đáp:

- Tiếng mưa rơi.

Ngài nói:

- Chúng sanh quên mình theo vật.

Hôm khác ngài ở trong thất với thị giả, ngoài vườn có tiếng nhái kêu. Ngài hỏi:

- Tiếng gì đó?

Thị giả đáp:

- Tiếng nhái kêu.

Ngài nói:

- Chúng sanh khổ lại có khổ chúng sanh.

Câu chuyện thứ nhất, trời mưa, không phải thiên sư Cảnh Thanh không nghe tiếng mưa rơi. Ngài hỏi, cốt là nhắc cho thị giả nhân khi nghe tiếng mưa rơi, nhớ lại tánh nghe sẵn có nơi mình. Thế mà thị giả

không nhớ tánh nghe sẵn có nơi mình, mà chạy theo tiếng mưa rơi bên ngoài, nên trả lời “Tiếng mưa rơi!” Vì vậy mà ngài nói: “Chúng sanh quên mình theo vật.”

Câu chuyện thứ hai cũng vậy. Rắn bắt nhái, nhái kêu. Ngài Cảnh Thanh cũng nghe tiếng nhái kêu, nhưng ngài hỏi là cốt nhắc cho thị giả nhớ tánh nghe của mình. Thế mà thị giả một bề chạy theo tiếng bên ngoài, trả lời: “Tiếng nhái kêu.” Nên ngài nói “Chúng sanh khổ lại có khổ chúng sanh.” Con nhái bị rắn bắt là chúng sanh khổ. Thị giả quên tánh nghe chân thật của mình, chạy theo tiếng kêu của nhái là tướng vô thường sanh diệt đó là khổ chúng sanh.

Thị giả nghe tiếng mưa rơi nói là tiếng mưa rơi, nghe tiếng nhái kêu nói là tiếng nhái kêu. Theo chúng ta thì thị giả không có lỗi vì nghe không phân biệt. Nhưng đối với thiền sư Cảnh Thanh, thị giả là người chưa sáng đạo, nên nhân khi thị giả nghe tiếng mưa rơi, nghe tiếng nhái kêu ngài hỏi để đánh thức cho nhớ lại tánh nghe, không muốn thị giả nghe tiếng chạy theo tiếng bên ngoài. Vì nghe mà không nhớ mình có tánh nghe, chỉ biết có tiếng bên ngoài đó là quên mình theo vật. Ở trước chỉ nói đối cảnh bên ngoài, biết mà không khởi niệm phân biệt, không kẹt. Hai trường hợp có khác nhau một chút.

Hỏi: Nếu mình cứ nhớ lại tánh nghe tánh thấy của mình, có ai hỏi gì mình cứ trả lời: “tôi đang nghe, tôi đang thấy”, mà không biết nghe cái gì, thấy cái gì.

Như vậy thì làm sao nói chuyện, sinh hoạt bình thường với cuộc sống?

Đáp: Vì vậy mà có câu: “Tri kiến mà đừng lập tri.” Vì ông thị giả chưa nhận ra tánh giác của mình, nên thiền sư Cảnh Thanh hỏi để đánh thức cho ông nhận ra mà nói như vậy. Còn ngài A-nan đã nhận ra tánh giác của mình rồi nên Phật nói như vậy. Phạm thánh khác nhau là ở chỗ đó.

Hỏi: Trong phần lược giải kinh Viên Giác của hòa thượng Viện trưởng Viện Hóa Đạo, ở chương Văn-thù có đoạn: “Không phải phá hoại làm cho các pháp mất đi mà nói là không, chính bản tánh của pháp nó tự không. Cái biết các pháp không đó cũng như hư không. Cái biết như hư không cũng không luôn. Nhưng không thể nói: Không có cái biết. Phải dứt trừ hết cả Có và Không, như thế mới gọi là tùy thuận tánh viên giác.” Câu này ý nghĩa thế nào?

Đáp: Trong kinh Viên Giác có một đoạn nói thế này: “Tri huyễn tức ly, ly huyễn tức giác.” Nghĩa là biết các pháp là huyễn thì lìa, lìa đó là giác. Ví dụ khi thấy người thấy cảnh, tôi khởi quán chiếu đây là huyễn hóa, đây là giả dối, tôi thường quán như vậy trong một thời gian thì thấy của tôi thuần thực. Lúc bấy giờ tôi thấy người thấy cảnh không để tâm quán chiếu nữa, mà vẫn thấy rõ ràng là giả dối không thật, nên ở đây nói cái biết (quán) cũng bỏ luôn. Nhưng cái biết về người về cảnh không phải là không. Cũng như quý vị

tu “biết vọng không theo”; khi vọng tưởng dấy khởi biết nó không thật, không theo đó là giai đoạn còn vọng tưởng, khi vọng tưởng lặng hết thì tâm thể thanh tịnh. Có nhiều người hỏi: “Khi vọng tưởng lặng hết thì cái biết làm sao?” Tự nó thanh tịnh, không cần khởi quán nữa. Sở dĩ khởi biết là vì có vọng tưởng, khởi biết để dẹp nó, vọng tưởng hết rồi thì thôi nhưng không phải là không có tánh giác.



PHẦN II

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, cách đây khoảng một năm, Hòa thượng tuyên bố nghỉ việc, làm người vô sự, nay Hòa thượng lo xây dựng thiền viện Trúc Lâm, trở thành người nhiều việc. Như vậy việc làm sau có trái với tâm nguyện trước của Hòa thượng không?*

Đáp: Năm trước tôi giao hết trách nhiệm cho tăng ni để làm người vô sự. Năm nay tôi lại đa mang công việc xây cất thiền viện Trúc Lâm trở thành người đa sự. Ở đoạn trước thấy như hay, ở đoạn sau thấy như dở. Như vậy tôi có lỗi không?

Sau đây tôi trình bày cho tăng ni và Phật tử rõ phương tiện độ sanh của chúng tôi.

Từ khi tôi giảng dạy hướng dẫn cho tăng ni và Phật tử tu thiền, nếu tính đến nay ngót hơn mười năm. Những điều tôi thấy biết đã giảng dạy cho tăng ni, Phật tử học hiểu hết rồi. Nếu cứ giảng đi giảng lại hoài bao nhiêu đó thì thừa. Một là tăng ni Phật tử ỷ lại,

hai là sanh tâm khinh mạn, cho rằng Thầy có bao nhiêu đó lập tới lập lui hoài không có gì mới mẻ cả, không phấn chấn tu hành, hóa ra lui sụt. Đây là cái bệnh chúng sanh thường mắc phải. Kinh Pháp Hoa phẩm Như Lai Thọ Lượng, Phật ví dụ các con ông thầy thuốc giỏi bị bệnh không chịu nghe lời ông uống thuốc cho hết bệnh. Vì ỷ lại cha mình là thầy thuốc và có thuốc bên cạnh. Ông muốn cho con uống thuốc cho hết bệnh, nên mới bày phương tiện đi xa và báo tin về cho các con là ông đã chết. Chừng đó các con ông mới chịu lấy thuốc ra uống và được lành bệnh. Đó là phương tiện của ông thầy thuốc. Tôi cũng bắt chước chút chút trong đó. Vì nếu tôi cứ giảng hoài thì Phật tử ỷ lại, nghĩ Thầy còn đó lo gì! Bây giờ lo làm ăn để bao giờ rảnh mới tới học, cho nên tôi báo tin nghỉ không giảng nữa, nhân đó làm người vô sự. Như thế thì Phật tử ráng học ráng tu, sợ Thầy nghỉ rồi không có ai để hỏi. Đó là phương tiện sách tấn cho Phật tử cố gắng tu. Còn tăng ni nghĩ Thầy không dạy nữa, những gì mình đã học được ráng ứng dụng tu. Như vậy không khởi tâm ỷ lại khinh lờn, khởi bị tội. Còn tôi được rảnh rang tu thêm, lợi cả ba, lợi cho tôi, lợi cho tăng ni, lợi cho Phật tử. Đó là một phương tiện để cả ba đều được lợi khi tôi nghỉ giảng.

Bây giờ được khu đất cho cất thiền viện Trúc Lâm. Từ lâu tôi có mơ ước khơi dậy Thiền tông Việt Nam. Vì đọc sử tôi thấy Phật giáo Việt Nam đã có thiền tông truyền từ thế kỷ thứ VI mãi đến thế kỷ thứ XIII và sau này, ở thế kỷ thứ XVIII tại Huế có ngài Liễu Quán tu thiền ngộ đạo. Như vậy thiền tông ảnh hưởng

trong Phật giáo Việt Nam rất sâu đậm. Thế mà bây giờ hỏi lại rất ít người biết có đáng buồn không? Ở Nhật Bản ngang với đời Trần nước ta có phái Nhật Liên tông ra đời, chuyên trì kinh Pháp Hoa, số môn đồ trên dưới một ngàn người chỉ chuyên niệm một câu: “Nam-mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh” thôi, mà hệ phái đó đến nay số đồ đệ tăng lên trên một triệu, nổi truyền không mất. Còn Thiền thì phái Lâm Tế, Tào Động cũng được nổi truyền không mất. Chỉ riêng Việt Nam là thất truyền! Kế nữa, các phái thiền Nguyên thủy ở các nước Thái Lan, Miến Điện, Tích Lan và phái Mật tông ở Tây Tạng cũng có các học giả Tây phương tìm tới nghiên cứu học hỏi, chỉ có Việt Nam thì không có ai tìm đến! Vậy chúng ta thử đặt câu hỏi tại sao? Lỗi do đâu? Theo tôi, cái lỗi duy nhất là hiện giờ hầu hết các chùa đều lấy hai thời khóa tụng làm pháp môn tu. Đầu hôm tụng kinh Di-đà, bắt đầu bằng chú Đại Bi và kết thúc bằng chú Vãng Sanh, khuya thì tụng chú Lăng-nghiêm, toàn là thần chú! Như vậy thiền bị mất gốc, chúng ta tu theo Mật tông hồi nào không hay! Có ai vô chùa hỏi quý thầy tu theo tông phái nào, pháp môn nào thì không trả lời được. Điều này tôi rất đau lòng!

Hai thời khóa tụng xuất phát từ đời nhà Thanh, vua Thuận Trị người ở miền bắc Trung Quốc gần với Tây Tạng, ảnh hưởng Lạt-ma giáo, ông muốn đồng hóa đạo Phật theo Mật giáo nên chiếu chỉ quốc sư Ngọc Lâm soạn thảo hai thời khóa tụng để tất cả chùa phải tu theo. Việt Nam là một nước nhược tiểu bị Trung Hoa đô hộ nên bị ảnh hưởng làm mất gốc thiền tông!

Khi biết được cái hay của tổ tiên mà chúng ta bỏ quên, nên tôi nghĩ đến việc làm sống dậy tinh thần Thiên tông Việt Nam. Bây giờ có cơ hội, nếu tôi không làm thì trách nhiệm này giao cho ai? Do đó buộc lòng tôi phải “đa sự”. Trước đây nói tôi làm người vô sự, mà bây giờ tôi lại đa sự cho nên Phật tử thắc mắc là phải.

Tôi đa sự là vì tôi muốn cho Phật giáo Việt Nam ngoi đầu lên với các nước Phật giáo bạn, và cho người nước ngoài thấy ở Việt Nam có cái hay cái quý chứ không phải không có. Đó là chỗ nhắm của tôi. Chỗ nhắm đó đệ tử không ai thế được cho nên bất đắc dĩ tôi phải gánh vác. Vì vậy tôi thành người đa sự.

Hỏi: Con có điều thắc mắc kính xin Hòa thượng giảng giải: những người ngoại đạo họ sống với đạo của họ nhưng họ luôn luôn hướng về chân lý, và luôn sống với chân lý. Vậy khi mất họ có được giải thoát không?

Đáp: Câu hỏi không được rõ lắm, nhưng tôi tạm nói ý cho quý vị thấy. Phật tử này hỏi: Có những người ngoại đạo họ tin và trung thành với đạo của họ, nhưng lúc nào họ cũng hướng về chân lý, vậy khi chết họ có được giải thoát không?

Điều này sáng sủa lắm, người theo tôn giáo nào đó, họ trung thành ứng dụng điều dạy trong tôn giáo ấy, nếu giáo điều đó hợp với chân lý, đúng với tinh thần giải thoát, họ trung thành thực hành theo thì họ được giải thoát, còn nếu lời dạy và lối hướng dẫn của tôn giáo đó không đúng với tinh thần giải thoát mà họ làm theo thì nhất định họ không giải thoát.

Hỏi: *Thưa Thầy mới đây con được nghe trong cuốn băng “Nói cho người già bệnh”, Thầy muốn từ già để làm người “vô sự”. Con nghĩ ngày xưa đức Phật thuyết pháp đến khi ngài nhập diệt, nay ở thời mạt pháp này được một vị hiệu rộng như Thầy thật hiếm, băng giảng của Thầy phổ biến khắp thế giới, nơi nào có người Việt là có băng giảng của Thầy, nay vì Thầy cần tinh tu mà ngưng thuyết pháp trong khi Phật tử chúng con mong đợi băng giảng của Thầy như mong mẹ đi chợ về. Kính xin Thầy vì lợi ích cho chúng con mà thuyết giảng lại như trước.*

Đáp: Phật tử này cũng thiết tha. Câu này hỏi thẳng về tôi, nên tôi trả lời rõ ràng hơn chút nữa. Thật ra tôi có cân nhắc kỹ chứ không phải tuyên bố bừa bãi, cái cân nhắc của tôi nằm trong ẩn dụ của kinh Pháp Hoa: Đức Phật nói có ông thầy thuốc giỏi, các người con ông ỷ cha làm thầy thuốc giỏi cho nên có bệnh không chịu uống thuốc, buộc lòng ông phải đi xa và báo tin về là ông đã chết. Chừng đó các con ông hoảng sợ e rằng mai kia bệnh nhiều không ai lo thuốc cho mình, nên cùng nhau đem thuốc ra uống. Khi các con lành bệnh ông báo về là ông vẫn còn sống. Trường hợp này cũng vậy, tôi cứ giảng nói hoài thì quý Phật tử nói: Ôi, thầy giảng hoài mình rảnh thì đi, bận thì thôi, nghe nhiều quá tu không kịp! Do vậy tôi báo tin tôi nghỉ giảng, chừng đó quý vị thấy cần, tôi nói cho quý vị nghe để tu. Lúc đó tôi nói ít mà quý vị tu nhiều, hơn là tôi nói nhiều mà quý vị ỷ lại không tinh tấn tu. Đó là tôi vì lợi ích cho tăng ni và Phật tử vậy.

Hỏi: Trong quyển Pháp Bảo Đàn kinh của thầy Mãn Giác ở Hoa Kỳ có nêu hai việc là:

1. Đức Lục Tổ là người Việt Nam.

2. Chính ngài Thần Hội đã sáng tạo ra hai mươi tám vị tổ Tây Trúc. Con kính xin Thầy từ mẫn chỉ dạy cho chúng con được rõ.

Đáp: Câu thứ nhất tôi không nói thầy Mãn Giác nói đúng hay sai gì hết, mà tôi chỉ nói đức Lục Tổ là người Việt Nam hay Trung Hoa không quan trọng, mà quan trọng là chúng ta có tu được đúng như lời Lục Tổ dạy hay không? Nếu chúng ta tu được như lời ngài dạy thì mới xứng đáng, còn ngồi để mà cãi ngài là người Việt Nam hay Trung Quốc thì có lợi ích gì? Trọng tâm của chúng ta là phải tu được như lời ngài dạy thì mới quý, còn nói ngài ở đây, ở kia thì lấy đâu làm bằng chứng, cãi hoài không tới đâu!

Câu thứ hai hỏi có phải ngài Thần Hội sáng tác ra hai mươi tám vị Tổ không? Đây là câu hỏi có tính cách lịch sử, tôi nghiên cứu thấy rõ lối nói này là lối nói của một vài học giả sau này. Chúng ta đọc quyển Đại Chỉ Quán của ngài Thiên Thai Trí Giả đại sư thì Trí Giả đại sư sanh đời Tùy trước Lục Tổ, tức là lúc tổ Bồ-đề-đạt-ma chưa sang Trung Hoa, mà trong quyển Đại Bát-nhã gọi là Ma-ha Chỉ Quán phẩm thứ nhất đã có kể hai mươi sáu vị tổ Ấn Độ rồi. Quý vị chịu khó đọc quyển đó sẽ thấy, trước đã có hai mươi sáu vị thì tới tổ Bồ-đề-đạt-ma sang là vị thứ hai mươi tám, đối chiếu sẽ thấy hợp lý một trăm phần trăm, sao nói ngài Thần Hội sáng tạo ra được?

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, người tu theo Phật nên nghĩ thế nào về bói toán, tử vi, địa lý?*

Đáp: Câu hỏi này tuy là không hay nhưng trúng bệnh của quần chúng hiện tại. Tôi xin trả lời cho quý Phật tử hiểu. Nếu Phật tử tin sâu lý nhân quả thì đối với vấn đề bói toán, tử vi... có quan hệ hay không? Không. Còn nếu mình tin vào bói toán, tử vi, địa lý thì đã tin sâu nhân quả chưa? Chưa. Vì nhân quả là cội nguồn của khổ đau hoặc an vui. Nếu tạo nhân xấu thì đó là nhân đưa tới khổ đau, tạo nhân tốt là nhân đưa tới an lạc. Nếu Phật tử tin sâu nhân quả, mỗi ngày nhìn lại mình để chừa tránh nhân xấu, phát triển nhân tốt là đủ rồi. Còn bói toán, tử vi là phần phụ bên ngoài, giả sử có nói trúng cũng chỉ là trò chơi thôi.

Thầy coi tay coi tướng hay, nói đúng chuyện lành, dữ xảy ra trong khoảng thời gian từ khi nói đến khi xảy ra chuyện lành, dữ còn tùy thuộc nơi việc làm của mình, ví dụ nói sáu tháng sau mình sẽ gặp việc tốt, nhưng từ đây tới đó mình giết người rồi ở tù thì cái tốt có còn không? Không. Như vậy cái tốt xấu sẽ đổi theo cái nhân tạo tác của mình. Sở dĩ Phật tử hay băn khoăn nghĩ đến năm tới là vì sao quý vị biết không? Vì lòng tham, muốn năm tới giàu hơn năm này, muốn dọ dẫm coi năm tới có phát tài không. Nếu Phật tử tin sâu nhân quả rồi thì chuyện bói toán tử vi là trò chơi, tốn tiền vô ích. Thay vì đi coi tử vi tốn mười ngàn đồng, đem mười ngàn đồng đó giúp cho người bệnh có phước hơn. Vậy tôi khuyên quý Phật tử nên lo tu tạo phước lành đừng để phí thời giờ, phí tiền của vào những việc làm không chân thật đó.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, con là một Phật tử mới vào đạo, kính xin Hòa thượng giải thích giúp con những thắc mắc sau đây:

1. Con thường nghe nói “nhất nhân thành đạo cứu huyền thăng”, câu này có đúng với Phật pháp không? Vì theo con hiểu ai ăn người ấy no.

2. Trước khi ngồi thiền có nên hay không nên trì chú, nếu trì thì trì chú nào, trì mỗi chú bao nhiêu lần, khi trì chú tay có bắt ấn theo chú đó không?

3. Trong cuốn Tử Thư Tây Tạng và nhiều sách Phật khác nói người chết phải để ít nhất tám giờ sau mới nên thay đồ tắm rửa, nếu không người chết vẫn còn bị đau đớn và vì đó họ sẽ thác sanh vào cảnh giới xấu, điều này có đúng không? Nếu không đúng thì phải để bao lâu mới được tụng tới, và sau đó có nên coi giờ tân liệm chôn cất không?

Đáp:

1. Hỏi một người thành đạo cứu huyền thăng nó có trái với nhân quả ai ăn nấy no không? Nó không trái tí nào hết. Tại sao? Tôi nói cụ thể cho quý Phật tử thấy, tôi chưa thành đạo mà bà con tôi cũng thăng nhiều rồi. Bởi vì không phải mình thành đạo rồi bỗng dưng người đó thành theo, mà nhờ mình tu rồi thân quyến mình phát tâm tu theo. Nhờ vậy cho nên một đời mình tu có năm, mười người bà con tu theo, đời thứ hai có vài ba chục người tu theo, đến khi mình thành Phật thì bà con mình thành Bồ-tát, La-hán khá nhiều. Ý nghĩa một người thành đạo nhiều người thăng là vậy,

chứ đừng hiểu theo nghĩa một người tu rồi tất cả quyền thuộc được về Cực lạc hết.

2. Trước khi ngồi thiền có nên hay không nên trì chú... Điều này tôi xin nói rõ, ngồi thiền thì không trì chú, mà trì chú thì không phải ngồi thiền, Phật tử nhớ như vậy. Bởi vì trì chú là tu theo Mật tông, còn ngồi thiền là tu theo Thiên tông. Lâu nay có một số người nghĩ ngồi thiền không trì chú thì ma tới phá, điều đó thật là hiểu lầm. Tôi hỏi quý Phật tử đọc lịch sử Phật, lúc ngài tới cõi bồ-đề ngồi thiền, ngài trì chú gì? Và khi ma tới ngài trì chú gì để dẹp ma? Khi ngài sắp thành Phật bọn ma tới hiện hình quấy nhiễu, ngài dùng thiền định và trí tuệ để phá ma quân, chứ không có thần chú nào hết. Bây giờ chúng ta yếu nghe nhất ma sợ quá muốn trì chú để ngừa. Nhớ, chúng ta tu thiền mục đích là định tâm, tâm định rồi thì ma không phá được.

3. Việc lau rửa làm cho thân người chết đau thì điều này tôi chưa có kinh nghiệm kỹ. Nhưng theo tôi, trước tám tiếng đồng hồ mà tắm rửa thì người chết đau nổi sần bị đọa điều đó không đúng. Vì người chết khi cả cơ thể lạnh hết rồi thì không còn cảm giác, đã không còn cảm giác thì cái gì biết đau? Nếu nói thần thức thì thần thức lúc đó đã ra khỏi thể xác rồi làm sao đau được? Khi toàn cơ thể lạnh thì liệm được, còn ấm thì khoan, chỉ nói việc đó thôi chứ không nói giờ, vì có nhiều người chết nhiều giờ mà không lạnh, có người vài ba tiếng đã lạnh hết, tùy theo cơ thể của mỗi người. Còn nói đi đường ác, đường dữ là do có nghiệp ác nghiệp dữ, chứ nếu người đó làm toàn việc thiện thì lau chùi một chút

mà đọa đường dữ thì không hợp lý, không đúng với tinh thần nhân quả trong đạo Phật.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, con có những thắc mắc cúi mong Hòa thượng dẫn giải cho chúng con được rõ:*

1. *Kinh Địa Tạng và kinh Vu-lan dạy ngày tứ tú cúng dường chư tăng mười phương thì có thể cứu được cha mẹ ông bà bảy đời được sanh thiên, cha mẹ hiện tiền được phước lực tiêu khiên. Và, nếu có người sắp mạng chung mà thân quyến tu nhân duyên thắng thọ thì tội ác của người mạng chung thấy đều tiêu sạch.*

2. *Có đoạn kinh Địa Tạng dạy rằng: trong bốn mươi chín ngày, thân quyến của người chết tu tạo phước lành thì người chết được khỏi chốn ác đạo và thân quyến hiện tại cũng được lợi ích. Trong nhà có người bệnh sắp chết, thân quyến vì người bệnh đó niệm lớn danh hiệu của một đức Phật thấu vào tai người sắp lâm chung thì người đó có thể tiêu trừ năm tội lớn vô gián, các nghiệp báo khác cũng đều tiêu sạch. Kính bạch Hòa thượng, nếu vậy thì có trái với câu: “Ai ăn nấy no, ai tu nấy đắc” không? Kính xin Hòa thượng giải giùm cho con thoát ra khỏi mê muội lẫn quần đó.*

Đáp: Đây cũng là cái thắc mắc chung của Phật tử. Kinh Vu-lan, kinh Địa Tạng dạy giúp cho người chết bằng cách tụng kinh, hoặc làm phước, hoặc cầu nguyện thì sẽ bớt được bệnh khổ. Nhưng về mặt nhân quả Phật nói ai ăn nấy no, ai tu nấy đắc, như vậy hai ý này làm sao dung hợp với nhau, không chống trái nhau?

Tôi xin giải thích rõ cho quý Phật tử hiểu, thật ra kinh Phật lúc nào cũng chỉ dạy cho chúng sanh nhiều điều lợi ích chứ không nói sai đạo lý. Nhưng kinh nói có lý có sự, kinh dạy sự chúng ta đứng về mặt lý mà nói thì nó lại khác. Phật tử cần hiểu cho rõ ràng nhân quả là cội nguồn của Phật pháp, đó là cái gốc, nếu bỏ nhân quả thì không đúng với tinh thần đạo Phật. Theo lý nhân quả thì ai làm nấy được chứ mình làm người khác được thì không thể có. Như vậy có trái với ý kinh dạy mình cầu nguyện cho thân nhân được siêu thoát chăng? Sự thật không trái, bởi vì sự cầu nguyện có kết quả hay không kết quả là còn tùy thuộc vào việc làm của người chết. Ví dụ quý Phật tử có cha hay mẹ chết mà bản thân người đó lúc còn sinh tiền là người hiền, khi chết thần thức chưa vắng sanh. Lúc đó thân nhân thành tâm tha thiết với tâm thanh tịnh hướng về người chết mà cầu thì có một sự cảm thông, tâm người hiền kia được sáng thêm và làm tăng trưởng cái nhân sanh về cõi lành. Lại cũng có trường hợp người chết tâm không được lương thiện, đến khi chết thường thấy những cảnh dữ, nhưng vừa thấy cảnh dữ bỗng dừng nguyện lành của thân nhân hướng về họ thì có khi họ chợt tỉnh buông niệm bất thiện liền được qua cảnh khổ. Quý Phật tử nhớ tâm tưởng của con người có sức mạnh phi thường, sức mạnh đó có thể cảm thông được giữa mình và người khác. Khổ hay vui tùy theo tâm tưởng mê hay tỉnh, nếu mình dùng tưởng hay chánh niệm hướng về họ khiến họ được tỉnh thì khổ liền hết, đó là do họ chuyển tâm chứ không phải mình làm cho họ hết.

Kinh Địa Tạng dạy: Khi người chết hôn mê mình niệm Phật sao cho họ nghe được, họ cảm được, họ nhớ Phật hết mê, bớt khổ, còn nếu họ không nghe được, không cảm được thì họ khổ, chứ không phải cái khổ đó do mình niệm Phật mà nó bay hết. Hiểu như vậy thì không trái với nhân quả.

Hỏi: *Con xin Hòa thượng giảng cho con hiểu: cứ theo sự sanh tồn thì con vật lớn ăn con vật nhỏ, con vật nhỏ ăn con vật nhỏ nữa, cứ như vậy thì chừng nào trả được quả ấy?*

Đáp: Phật tử này sợ luân hồi nghiệp quả. Như mình ăn con gà thì phải bị trả quả làm con gà, khi làm gà lại ăn con khác rồi cứ trả quả hoài làm sao tiến hóa được! Cái lo này cũng hợp lý. Thật ra nói ăn con gà phải trả quả làm con gà, câu nói này chưa rõ. Nói giết và ăn một con vật là có tội thì rõ hơn. Bây giờ nói theo luật thế gian, giết một con gà có bị bắt ở tù không? Không. Còn giết người có bị ở tù không? Có. Có khi bị tử hình nữa, còn giết loài vật thì không ở tù. Như vậy mạng người đối với mạng người đền bù cho nhau; còn mạng người đối với mạng vật thì khác, đó là luật thế gian. Về mặt nhân quả cũng vậy, có những con vật tuổi thọ ngắn hơn con người, phước ít hơn con người, không thể lấy mạng người mà bù lại được. Nhà Phật nói giết hại chúng sanh là có tội, tội thì có khổ nhỏ hoặc khổ lớn, chứ không phải đền mạng. Hiểu như vậy để tránh bớt chuyện giết hại loài vật để ăn, hoặc giỏi hơn nữa thì đừng giết đừng ăn là tốt nhất.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, thiền viện Trúc Lâm đang được xây dựng để tăng ni chuyên tu, đối với những tu sĩ ở am thất quanh đây hoặc ở phương xa muốn được nhập viện chuyên tu cần có những điều kiện gì không?

Đáp: Câu này chắc tăng ni thắc mắc, tôi xin nói rõ mục đích của tôi xây dựng thiền viện Trúc Lâm là để cho một số tăng ni có đủ điều kiện thì vào đó tu một thời gian bao lâu tùy theo khả năng. Tôi không nói tất cả vì thiền viện quá nhỏ nên chỉ thu khoảng ba chục tăng, ba chục ni thôi. Sau này nếu có đủ duyên mở rộng thì lúc đó thu thêm chứ hiện giờ rất hạn chế. Do đó tăng ni nào muốn xin vào không phải giản đơn mà phải có điều kiện, điều kiện này được ghi rõ trong bảng Thanh quy. Sau khi làm lễ Khánh thành tôi sẽ đọc cho quý vị nghe, ai đủ điều kiện thì tôi cho vào chứ không hạn chế người ở chỗ nào mà chỉ hạn chế số lượng thôi.

Hỏi: Xin Hòa thượng cho phép con hỏi hai câu:

1. Người Phật tử tại gia đã quy y Tam bảo, cố gắng tu hành giữ đúng năm giới có được giải thoát không?

2. Người Phật tử không được thuận duyên để xuất gia, vậy ở tại gia có thể tu hạnh xuất gia được không? Xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy.

Đáp:

1. Câu hỏi thứ nhất có hai mặt:

Về giới tướng, giữ một giới là giải thoát một phần, giữ năm giới là được năm phần giải thoát. Giữ giới sát sanh thì được giải thoát về nghiệp sát sanh,

giữ giới trộm cắp là được giải thoát về nghiệp trộm cắp, nghĩa là giữ một giới giải thoát được một phần, giữ năm giới đứng về mặt hình thức thì giải thoát được năm phần thôi chứ chưa hoàn toàn giải thoát.

Về giới thể thì tại gia hay xuất gia gì cũng sống được với tâm thể, với lý tánh của mình tức là đều được giải thoát. Vì tâm thể không sanh diệt, sống với cái sanh diệt thì trầm luân, sống với cái không sanh diệt thì hết sanh tử tức là giải thoát.

2. Phật tử không thuận duyên xuất gia, hỏi ở tại gia có tu hạnh xuất gia được không? Tôi xin trả lời là không được, vì người tại gia có cái sinh hoạt của người tại gia, chẳng hạn như cách xưng hô theo thế gian, gặp nhau gọi bằng anh, bằng chị, và khi có đám tiệc mời mọc cũng phải xử sự theo tư cách thế gian, làm sao theo hạnh xuất gia được. Nhưng người ở tại gia mà tu theo tâm người xuất gia thì được, tâm không dính mắc với cảnh để đi lần đến giải thoát, đó là tu theo tâm của người xuất gia.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng con có một điều nghi cúi mong Hòa thượng từ bi giải nghi cho con. Trong đời sống hằng ngày tiếp xúc với mọi người, hoặc khi đến chùa nghe kinh học pháp, có những lúc hiểu lầm nhau, sự hiểu lầm ấy có bị quả báo không?

Đáp: Hỏi huynh đệ đi chùa lâu lâu có một hai vấn đề hiểu lầm nhau vậy có bị quả báo không? Hiểu lầm mà không nói lầm, làm lầm thì không bị quả báo. Vì quả báo phải phát xuất ra từ miệng từ thân, chứ còn nằm trong ý là chưa làm gì cho người khác đau khổ thì không bị quả báo.

Hỏi: *Người thất tình mà tự tử thì chìm sâu trong địa ngục, còn người bệnh tâm thần mà tự tử thì có bị đọa không?*

Đáp: Người tự tử do thần kinh bất an họ làm lầm làm sai là do họ không bình tĩnh, nhưng họ không làm khổ cho ai, gây hại cho ai thì điều đó tùy theo nghiệp duyên của người đó trong thời gian còn tỉnh táo làm lành hay dữ. Nếu lúc tỉnh táo mà làm dữ thì chết bị đọa, lúc tỉnh táo làm lành thì khỏi đọa chứ không nhất định.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, xin Hòa thượng giảng giải cho chúng con hiểu, sao các bài chú không diễn giải như kinh cho dễ hiểu.*

Đáp: Đọc thần chú là đọc nguyên âm chữ Phạn, mà nguyên âm chữ Phạn thì không giải thích để cho người tu mong được sự linh ứng, mà mong được sự linh ứng thì phải có tâm thành. Thần chú để nguyên âm đọc nghe lạ tai, huyền bí làm cho người có tâm thành kính dễ có linh nghiệm. Nếu giảng ra dễ quá thì coi thường, coi thường thì hết linh nghiệm.

Ngày xưa tôi có một người quen học gông ở bên Lào về, khi gông ông đọc một câu chú, ông nói là tiếng Chà, đọc xong câu chú ông gông lên thì lấy dao chặt không đứt, ông ta thắc mắc hoài, ông nói tại sao câu chú đó linh quá, ông đi tìm người Chà hỏi, nhờ dịch nghĩa câu chú thì ông Chà kia dịch ra rằng: “Chặt không đứt, chặt không đứt.” Bấy giờ ông đọc câu chú dịch nghĩa gông lên thì chặt đứt. Tại sao vậy? Nếu để nguyên tiếng Chà mà đọc thì lấy dao chặt không đứt, còn khi dịch ra

tiếng Việt mà đọc thì chặt đứt là tại sao? Vì đọc nguyên câu chú mình thấy nó linh thiêng, kính trọng, vì quá kính trọng nên lòng tin làm gân cốt mạnh ra nên chặt không đứt, còn dịch ra tiếng Việt “chặt không đứt” coi thường quá, coi thường thì chặt đứt liền. Như vậy quý vị hiểu ý tại sao thần chú không giãng.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, con nghe quý thầy thường nói được làm thân nam là người đó có phước đức, nhưng sao có người sanh vào gia đình nghèo, lại xấu xí bệnh tật, lại còn hung dữ. Trái lại người nữ thiếu phước tại sao sanh trong gia đình giàu sang, đẹp đẽ, lại đức hạnh thuần hòa. Có thân nữ phải là nghiệp ái nặng không? Ngưỡng mong Hòa thượng giải cho chúng con biết.

Đáp: Câu hỏi này thường mà thực tế. Có nhiều người nói làm thân nam là có phước, đó là nói một cách chủ quan, chắc là quý thầy nói. Nếu gặp quý cô chắc không nói vậy đâu. Nói được thân nam là phước thì lời nói đó chưa đúng sự thật, thân nam thân nữ là nghiệp riêng chứ không phải là phước. Nam cũng có người bị tật nguyên, có người cũng bị bệnh hủi, thọ thân nam hay nữ là do nghiệp duyên riêng. Có chủng tử về phái nam thì sanh nam, chủng tử về phái nữ thì sanh nữ, chứ không phải do phước hay không phước. Người nói đạo lý mà nói vậy là không đúng sự thật, dù thân nam hay nữ, nếu có phước thì được giàu sang, vô phước cũng khổ sở như ai thôi.

Hỏi: Bạch Hòa thượng, xin Hòa thượng từ bi giải thích cho chúng con rõ:

Trong sử có đoạn kể tôn giả Mục-kiền-liên xuống địa ngục để tìm mẹ, xin Hòa thượng cho con biết Tôn giả dùng cách gì để xuống địa ngục được? Xin đợi ơn Hòa thượng.

Đáp: Nếu trả lời cho đúng sự thật thì tôi phải hỏi ngài Mục-kiền-liên, ngài dùng cách gì để đi, ngài cách tôi hơn hai ngàn năm làm sao tôi biết được. Nói vậy thì phụng lòng Phật tử, nên tôi tạm giải thích: căn cứ vào sử chứ không phải căn cứ vào cái thấy của tôi. Sử ghi rằng ngài Mục-kiền-liên đã chứng A-la-hán đầy đủ lục thông, trong đó có thần túc thông, mà thần túc thông thì chỗ nào muốn đi cũng được; vào nước cũng được, vào đất cũng được... cho nên ngài vận dụng thần thông mà đi chứ không phải đi bộ như chúng ta.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng: Tục lệ mở cửa mả cho người chết nhằm vào mục đích gì? Khi người chết đem thiêu có ảnh hưởng gì đến thân trung ấm không?*

Đáp: Tục lệ mở cửa mả tôi xin nói đây là của nhà Nho chứ không phải nhà Phật, nhà Nho ngày xưa giàu tưởng tượng, tưởng rằng người chết rồi còn trở về với gia đình, mình chôn rồi mà không mở cửa sợ họ mắc kẹt về không được, nên tới đó làm lễ mở cửa mả rước về ở với con cháu, rồi bày ra lễ vật cúng tam sên... Bây giờ rất tiếc nhà Nho đã tàn rồi mà tục lệ vẫn còn, nên người đời không biết mời ai nên mời mấy thầy, mấy thầy cũng nể tình làm giùm vậy thôi chứ không phải chuyện của nhà Phật. Quý Phật tử hiểu rồi thì không thắc mắc sao nhà chùa đi cúng mà không giải thích được.

Còn hỏi người chết đem thiêu, thân trung ấm có ảnh hưởng gì không? Không. Chôn, thiêu đều không ảnh hưởng gì hết, vì chôn, thiêu thân tứ đại, chứ thân trung ấm là phần tinh thần, lửa không cháy, chôn cũng không mất nên không ảnh hưởng gì hết. Nếu có ảnh hưởng thì khi Phật nhập Niết-bàn ngài đâu có dạy làm lễ trà-tỳ cho ngài.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, xin Hòa thượng giải thắc mắc giùm con: con có cúng dường cho một thầy, sau đó thầy này hoàn tục, như vậy con có mắc tội hay không?

Đáp: Phật tử này lo xa mà hỏi. Trong kinh A-hàm đức Phật có nói đời mạt pháp có những người hình thức xuất gia mà không tu hành, thọ của đàn-na tín thí mà không tu nên sau này họ bị đọa. Có câu chuyện kể ngài A-nan một hôm nằm mộng thấy một cái hố sâu, dưới hố toàn những người mặc y vàng, trên hố có một cây cầu bắc ngang qua, có những người thiện nam tín nữ đi thông thả trên cây cầu. Khi tỉnh giấc ngài bạch Phật điềm mộng đó và hỏi ý nghĩa gì? Phật dạy sau này trong đời mạt pháp đệ tử của ta tuy là thọ Tỳ-kheo, hình thức xuất gia nhưng không giữ giới, không tu hành mà thọ của tín thí. Những thí chủ cúng dường được phước, sanh lên cõi trời, đó là những người đi trên cầu. Còn những người thọ mà không tu phải chịu đọa địa ngục đó là những người rớt xuống hố. Như vậy Phật tử cúng mà người thọ nhận không tu thì họ bị tội, còn Phật tử vẫn được phước như thường, Phật tử khỏi lo ngại điều đó.

Hỏi: *Xin Thầy chỉ dạy: Hiểu được lý nhân quả, đi sâu vào lý nhân quả có phải tuệ không?*

Đáp: Quý Phật tử có nhớ trong nhà Phật nói tam tuệ học là văn, tư, tu không? Bây giờ thấy được lý nhân quả tức là nghe hiểu rồi ứng dụng lý nhân quả thì đó là tuệ học chứ gì.

Hỏi: *Đa số người nghĩ: Khi nào tôi khá giả mới có tài vật để cho người, có người lại nghĩ: chỉ khi nào ta có tâm muốn cho người thì mới có tài vật để cho. Thưa Thầy ý nào đúng?*

Đáp: Câu này quý vị có thể thay tôi trả lời ý nào đúng. Nếu ý nào cũng đúng thì tôi sẽ trả lời ý nào cũng sai. Bởi vì nói đợi khá giả có tài vật nhiều chừng đó mới làm việc bố thí, thì nếu cả đời không khá giả thì không bao giờ bố thí phải không? Như vậy thì cả đời khó làm được việc thiện. Còn nói rằng tâm mình nghĩ bố thí thì liền có tài vật cho mình bố thí thì duy tâm quá phải không? Vậy cả hai phải dung hợp với nhau, vừa nghĩ bố thí, vừa làm cho có tài vật, khi tài vật có dư thì đem ra giúp người. Phải dung hợp hai mặt như thế mới cụ thể.

Hỏi: *Kính bạch Thầy, kính mong Thầy dạy cho chúng con, chúng con tu chưa chứng A-la-hán, chưa đắc quả vô sanh. Vậy khi thân tứ đại tan rã ông chủ có đi đầu thai để tái sanh không? Nếu không thì ở đâu? Tánh giác và giác linh khác nhau thế nào?*

Đáp: Điều này không có gì lạ. Nếu tu chưa chứng quả A-la-hán, chưa đắc vô sanh thì còn tái sanh,

điều đó không nghi ngờ gì hết. Tùy theo túc duyên của mình lành nhiều lành ít mà đến chỗ tốt hoặc chỗ xấu, không cố định. Phật tử này đừng lo khi chưa chứng vô sanh, ông chủ mình có đi tái sanh hay không đi. Bảo đảm là ông sẽ đi dài dài trong lục đạo!

Tánh giác và giác linh khác nhau thế nào? Đây là từ ngữ thôi. Tánh giác là cái hiểu biết sáng suốt mà ai ai cũng có. Còn giác linh là người tu khi chết rồi người ta muốn tôn xưng một chút. Nếu nói hương linh, mỗi lần cúng về ăn nghe nó phàm tục quá nên gọi là giác linh, thì đó cũng là một danh từ thôi. Nói gọn lại, tánh giác là cái mà tất cả mọi người đều có, còn giác linh là danh từ chỉ cho người chết mà mình tin là người đó sáng suốt hơn người khác nên gọi là giác linh.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, theo luật nhân quả thì có vay có trả, con thấy một ông thầy xuất gia đầu Phật, sau này xả giới hoàn tục trở về có vợ con bình thường như người đời, không phải phá giới mà xả giới. Vậy khi lâm chung có bị đọa địa ngục không?

Đáp: Phật tử này lo giùm cho quý vị xuất gia rồi hoàn tục, sợ nợ đàn-na tín thí bị đọa địa ngục. Tôi xin giải thích: Theo luật nhân quả thì có vay có trả nhưng hiểu một cách cố định như vậy thì không đúng. Vì luật nhân quả rất tế nhị, nếu hiểu được cái lý của đạo Phật thì nhân nào chưa hẳn là quả ấy, vì nhân quả nó có một chuỗi dài của thời gian. Ví dụ tôi ươm một hạt xoài nhất định ba năm sau tôi có trái xoài, nhưng nếu chăm sóc giữ gìn không tốt thì ba năm sau có trái xoài không?

Không. Vậy phải cộng thêm sự chăm sóc gìn giữ đúng mức thì mới có trái xoài. Luật nhân quả cũng không khẳng định vay thứ nào phải trả thứ ấy, mà có thể vay cái này trả bằng cái khác. Tôi thường ví dụ có một ông thầy giáo giỏi tiếng Anh nhưng vì nghèo ông vay tiền của một người khá giả, tới kỳ hẹn ông không có tiền trả. Người chủ nợ nói: “Thôi ông tới dạy giùm con tôi học một thời gian, khỏi phải trả tiền.” Vậy ông thầy giáo không trả nợ bằng tiền mà trả nợ bằng sự dạy học. Nói vay nợ rồi sau này làm súc vật để trả thì chưa đúng, hồi vay thì vay tiền nhưng người có khả năng giáo dục thì có thể làm thầy để trả. Tôi cũng vậy, tôi thiếu nợ quý Phật tử nhiều, nếu đời này tôi trả bằng pháp chưa đủ thì sau gặp lại trả nữa, nhưng được làm thầy để trả. Ông thầy xuất gia này nếu vì nhân duyên không thể tu được nữa ông xả giới hoàn tục thì chặng xuất gia của ông tốt. Trong thời gian xuất gia ông được Phật tử cúng giúp, ông tu hành đàng hoàng thì lấy phước đức đó mà bù. Bây giờ làm cư sĩ tại gia mà không gây tạo tội lỗi thì chết không bị đọa địa ngục. Còn cái phước thừa xuất gia đời sau ông có thể xuất gia tu trọn vẹn hơn.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng xin giảng cho chúng con hiểu:*

1. *Người xuất gia là con Phật, vậy ông bà cha mẹ chết hoặc còn sống có được quỳ lạy không?*

2. *Có người nói cửu huyền lớn hơn Tam bảo, không có cửu huyền thì không có Tam bảo, vậy cái nào đúng cái nào sai?*

Đáp:

1. Câu hỏi này chưa xác đáng, phải hỏi lại thế này: Người xuất gia thọ giới Sa-di hoặc giới Tỳ-kheo rồi thì ông bà cha mẹ hoặc sống hoặc chết mình có lạy hay không? Hỏi như vậy là hợp lý hơn. Tôi giải thích: Người xuất gia trước khi thọ giới Sa-di, thì chư tăng thường dạy phải hướng về cha mẹ đảnh lễ trước, rồi sau đó mới làm lễ xuất gia. Tại sao vậy? Vì sau khi xuất gia tối thiểu cũng thọ mười giới Sa-di, còn cha mẹ nếu biết đạo chỉ thọ năm giới thôi. Cho nên căn cứ trên đạo hạnh giới luật thì người giới cao mà lễ bái người giới thấp làm cho người đó tổn phước. Do đó không lạy, vì sợ lạy làm giảm phước cha mẹ, chứ không phải tự cao, tôi đây xuất gia rồi cao lắm, không lạy mấy người thế tục. Quý vị phải hiểu cho rõ có lỗi hay không lỗi không thành vấn đề, chẳng qua vì giới luật thôi.

2. Còn nói cửu huyền thất tổ lớn hơn Tam bảo vì có cửu huyền mới có Tam bảo. Câu này thông thường quá nhưng phải nói rõ vì có nhiều người không hiểu. Tam bảo khác với cửu huyền thất tổ, Tam bảo là Phật, Pháp và Tăng. Phật là bậc giác ngộ, Pháp là giáo lý dạy cho người thấy được lẽ thật trong cuộc sống để tu thoát khổ, hai cái đó là của báu vô giá. Còn cửu huyền thất tổ đối với con cháu dù lớn, nhưng lớn trong phạm vi phạm tục chứ không phải lớn trong giải thoát giác ngộ, cho nên nói cửu huyền thất tổ lớn hơn Tam bảo là nói không đúng chân lý.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, xin Hòa thượng cho con hỏi năm câu:

1. Nhất cử nhất động đều là duyên nghiệp phải thế không? Làm sao phân biệt được duyên và nghiệp.

2. Nếu một đời con chuyên niệm Phật mà chưa dứt được tham sân si, thì con sẽ được gì sau khi con mãn phần?

3. Nếu có chúng sanh nào đó phạm năm tội trọng, nhất tâm niệm Phật thì chúng sanh ấy có thoát được cả năm tội trọng ấy không?

4. Con rất mến mộ danh hiệu Phật Thích-ca, kể đến Phật Dược Sư và Địa Tạng Vương Bồ-tát, vậy có phải là ba vị Phật này mới độ được con không, vì con xem kinh sách chỉ bảo như thế.

5. Nếu một đời con niệm Phật Thích-ca thì sau khi mãn phần con ở cõi nào? Niệm Phật Thích-ca thì phải niệm Nam-mô Ta-bà giáo chủ Bốn sư Thích-ca-mâu-ni Phật, vậy khi mãn phần con sẽ phải ở cõi Ta-bà với Phật Thích-ca sao?

Đáp: Câu hỏi này thấy cũng có cái vui. Tôi trả lời thứ tự:

1. Nhất cử nhất động đều là duyên nghiệp phải thế không? Tôi xin hỏi lại, quý đạo hữu chú ý theo dõi: Phật tử hiểu duyên nghiệp của quá khứ hay của hiện tại? Nếu nói của quá khứ thì chưa thấu đáo. Bởi vì đời sống chúng ta một là trả nợ quá khứ, hai là tạo duyên vị lai. Đành rằng tất cả cử động đều là duyên nghiệp, nhưng nếu thuộc về quá khứ thì đa số người thấy như là

một định nghiệp hoặc nói là số mạng. Nghĩa là bất buộc mình phải như vậy, phải theo cái khuôn nhất định không chuyển đổi được. Nhà Phật thì không chấp nhận như vậy, nếu quá khứ có duyên nghiệp xấu, mà hiện tại mình chuyển tạo duyên nghiệp tốt thì những duyên nghiệp xấu quá khứ được giảm. Ví dụ năm ngoái quý Phật tử làm ăn thua lỗ có vay một số nợ, năm nay ráng làm ăn khá trả hết nợ cũ, như vậy không phải năm ngoái thiếu nợ rồi mình là kẻ nợ suốt đời. Theo Phật giáo thì nghiệp duyên có thể chuyển đổi được, dở thì làm hay để chuyển, xấu thì làm tốt để chuyển. Ví dụ có một Phật tử ít phước sinh ra đời ăn nói không thanh nhã nhẹ nhàng, nên nói chuyện ai cũng ghét. Nếu Phật tử này nghĩ số tôi như vậy đành phải chịu thì không sửa đổi. Còn nếu nghĩ mình phải sửa đổi cho ngôn ngữ thanh nhã nhẹ nhàng. Và, từ từ sửa được nên người ta thương. Chúng ta phải có sức mạnh vươn lên chứ không ù lỳ cam chịu. Hiểu như vậy mới đúng với ý nghĩa duyên nghiệp của nhà Phật.

2. Nếu Phật tử niệm Phật mà chưa hết tham sân si, không tạo tội nặng thì khi mãn phần sẽ được trở lại cõi này gặp Phật pháp sớm làm cư sĩ tu tiếp. Vì niệm Phật tưởng nhớ Phật, có duyên với Phật thì được làm người gặp Phật pháp sớm.

3. Phạm năm tội trọng tức là tội ngũ nghịch, nếu người phạm tội ngũ nghịch mà niệm Phật được nhất tâm bất loạn thì chuyển được tội, còn không được nhất tâm bất loạn thì chưa chuyển được nhưng dù sao cũng nhẹ đôi chút.

4. Niệm Phật Thích-ca hay Phật Di-đà, niệm danh hiệu nào cũng được. Vì kinh Di-đà do Phật Thích-ca nói, ngài dạy cho chúng sanh nên niệm danh hiệu Phật A-di-đà để hết khổ.

5. Phật tử này lo sợ trở lại cõi Ta-bà này nữa. Tôi xin hỏi quý Phật tử, đức Phật Thích-ca bây giờ ở đâu? Ngài chỉ hiện thân ở cõi Ta-bà một lần để giáo hóa, khi mãn duyên ngài nhập Niết-bàn. Ngài nhập Niết-bàn thì chúng ta niệm danh hiệu ngài đến nhất tâm bất loạn thì cũng nhập Niết-bàn như ngài, không trở lại đây, vì Niết-bàn là chỗ cứu cánh, là vô sanh rồi, đâu còn sanh tử nữa.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, con có vài thắc mắc mong Hòa thượng từ bi giảng dạy:*

1. *Chúng sanh sau khi chết, phải qua bốn mươi chín ngày mới đi tái sanh phải không?*

2. *Thần thức khi tái sanh chuyển vào bụng mẹ trước hay sau khi lọt lòng mẹ?*

3. *Có người nói rằng ăn chay không được ăn trứng gà trứng vịt, có người lại nói ăn được nhưng phải ăn trứng không trứng, vấn đề này thế nào, mong Hòa thượng chỉ dạy.*

Đáp: Bây giờ tôi trả lời từng câu:

1. Việc tái sanh không cố định, có khi nhắm mắt đi tái sanh liền, có khi phải chờ bốn mươi chín ngày. Đây là nói phạm vi con người tùy duyên nghiệp. Ví dụ người đó có duyên phải trở lại làm người trong một gia đình nào đó, thì phải đợi cái duyên cha mẹ thuận tiện họ mới tới được.

Nếu họ vừa nhắm mắt gặp cái duyên đó thì họ tới liền, nếu chưa gặp duyên họ phải chờ. Vì vậy điều này không thể trả lời dứt khoát một bên.

2. Trong kinh nói thần thức vào bụng mẹ trước chứ không tới sau. Nhưng có trường hợp đặc biệt khác mà nhà thiên gọi là “đoạt xá” nghĩa là cướp nhà. Lịch sử thiên ở Việt Nam có thiên sư Từ Đạo Hạnh, khi vợ của Sùng Hiền Hầu mang thai, ngài bảo chừng nào gần sanh báo tin cho ngài biết. Khi được tin bà chuyển bụng thì ngài đập đầu vô đá mà tịch, rồi thác sanh vào đó gọi là đoạt xá, tức là cướp nhà, người ta đang ở mình đuổi đi. Như vậy trước trong bào thai đã có thần thức một vị nào đó, ngài vì muốn tới đó để làm Phật sự. Thần thức ngài mạnh hơn thần thức kia nên cướp đoạt chỗ của người ta. Đó là trường hợp đặc biệt khi sanh mới đến, còn thông thường có tinh cha huyết mẹ liền có thần thức đến.

3. Ăn chay có nên ăn trứng hay không? Vấn đề này ai cũng có cái lý riêng, nhưng với cái nhìn của tôi, không bắt buộc ai phải theo vì người tu nhất là tu Phật khác với tu tiên. Tiên thì dùng cái nghĩa thanh và trược, ăn thứ gì có máu thịt là trược, rau cải là thanh. Nhưng với con mắt nhà Phật thì chỉ tránh tội sát sanh là gốc, không ăn thịt chúng sanh vì không muốn giết hại nó, cũng không để cho người khác vì mình mà giết hại, đó là chủ yếu. Thế nên những vị tu theo Phật giáo Nguyên thủy chẳng những ăn trứng mà ăn thịt công khai, cái gì người ta làm sẵn dưng cúng thì các ngài thọ dụng không ngại gì hết, có nghĩa là các ngài không sát sanh.

Như vậy những người nói ăn trứng không trồng được đối với nhà Phật thì không có lỗi. Còn theo Đại thừa thì bảo mình không ăn thịt thôi chứ không nói gì đến trứng, mà trứng ngày xưa khác bây giờ khác. Trong luật dạy một Tỳ-kheo không được làm cho những hạt giống chết, tức là cái gì có mầm sống mình không được giết.

Hỏi: Con có vài điều thắc mắc như sau, kính xin Hòa thượng từ bi giải thích cho con: Con ví tâm chấp là con đê đắp kín, một dòng sông nước không chảy được nên bị đọng, trí của con phá được một chấp là phá được một phần nhỏ của con đê. Trí con phá được nhiều chấp là phá được bờ đê rộng ra thêm. Cứ thế mà phá hoài phá mãi bờ đê từ từ vỡ, nước đọng được chảy ra hết thì còn dòng nước trong, thì từ từ tâm con sẽ sạch. Con tu như vậy là đúng hay sai?

Đáp: Thí dụ này không đúng lắm, bởi vì nước chảy cạn thì dòng nước sẽ khô chứ đâu còn dòng nước trong. Trong nhà Phật dạy gốc đau khổ của con người từ chấp mà ra, chấp là từ si mê mà có. Ví dụ như mình chấp cái này phải cái kia quấy, mình thấy ai làm theo tâm chấp phải của mình thì mình cho là phải, ai làm theo tâm chấp quấy của mình thì mình cho là quấy. Và cứ thấy như vậy hoài, nhất là thấy người thân của mình cứ làm những chuyện mà mình cho là quấy thì mình khổ dài dài. Như vậy chấp chừng nào là khổ chừng ấy, càng chấp càng chồng chất phiền não. Vì chấp thì không sáng suốt, nếu sáng suốt thì không chấp. Hết chấp thì hết khổ chứ không thể ví dụ như con đê vỡ sẽ có dòng nước trong được.

Hỏi: Bạch Hòa thượng, con nghĩ thiện tri thức thuận hạnh cũng như thiện tri thức nghịch hạnh đều là ân nhân của con. Thiện tri thức mặt nghịch là những bậc thang giúp con nỗ lực leo lên cho bằng được. Con ví họ như dòng thác lũ con sẽ cố gắng bơi qua để cho việc tu hành đừng dừng lại. Kính bạch Hòa thượng con tu như vậy đúng hay sai?

Đáp: Phật tử này nghĩ thiện tri thức nghịch hạnh giống như là mình muốn leo lên những bậc thang hay qua những dòng thác, nhờ những nghịch hạnh đó mà mình vượt qua được những cái khó khăn. Như vậy nghịch hạnh cũng là cái tốt, tu như vậy là hợp lý.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, con là Phật tử giữ giới tu ba nghiệp đang trường chay, nếu cha mẹ ăn mặn bắt buộc phải sát sanh thì sao?

Đáp: Trường hợp Phật tử này đã ăn chay trường, giả sử như cha mẹ ở quê bảo mình cắt cổ gà hay đập đầu cá thì Phật tử này phải làm sao cho hợp lý?

Tôi đề ra hai cách:

Một là vì thương cha mẹ thì mình làm, mình chấp nhận chịu tội để cho cha mẹ được vui, vì lòng hiếu thảo mình chịu tội để cho cha mẹ được bữa ăn ngon thì tốt. Đừng đòi mình được hiếu mà lại không có tội nữa thì điều đó tham quá! Ngày xưa có vị Hòa thượng ở chùa Từ Hiếu, ngài có bà mẹ già nên phải đi chợ mua cá về làm cho mẹ ăn, chấp nhận mình có tội để đền công ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ. Trường hợp này đừng đòi hỏi làm mà không có tội thì không được.

Hai là nếu Phật tử này có khả năng khuyên cha mẹ lần lần ăn chay luôn để mình khỏi phạm tội sát sanh thì tốt.

Hỏi: *Kính bạch Thầy, trẻ nít sơ sanh từ năm đến bảy tháng tuổi đã có ba vá là ba chòm tóc trên đầu. Người đời cho là con nhà Phật nhưng bé lại hay bệnh hoạn khó nuôi. Kính lạy Thầy, xin Thầy giải thích cho chúng con xác quyết được niềm tin và phải làm thế nào để trẻ ba vá dễ nuôi ít đau?*

Đáp: Phật tử này chưa hiểu đạo lý nhiều nếu hiểu nhiều thì không có sợ. Trẻ nít sinh ra có ba vá giống như mấy ông đạo ở chùa. Đó là hiện tượng tốt, coi như mình có duyên với Phật pháp nếu nó khỏe mạnh thì lớn lên nó đi tu tiếp tục con đường của nó đã đi. Còn nếu nó ương yếu bệnh hoạn khó nuôi, lỡ nó có đi thì cái duyên của nó không phải ở với mình.

Thật ra người có duyên với mình dù cho bỏ lăn bỏ lóc nó cũng không đi. Bấy giờ muốn xác quyết được niềm tin phải làm thế nào để nó dễ nuôi thì tôi xác quyết thế này: Nếu đứa bé đó đối với người mẹ người cha thật là cái duyên cha mẹ của nó thì nó ở với quý vị. Còn nếu không phải duyên lâu dài thì nó có quyền đi dừng tiếc.

Hỏi: *Xin Thầy giảng cho con hiểu thêm hai danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật và Nam-mô Bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật, hai danh hiệu này tượng trưng cho hai vị Phật hay một vị. Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con hiểu thêm.*

Đáp: Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô Bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật hoặc Nam-mô Dược Sư Lưu Ly Phật v.v... bao nhiêu danh hiệu Phật trong kinh nói, mỗi vị Phật giáo hóa mỗi nơi, mỗi vị có cái nguyện giáo hóa ở cõi đó chứ không phải tượng trưng. Còn chữ Nam-mô là chữ Phạn, Trung Hoa dịch là Năng mô, có chỗ dịch là Nạp mô. Chữ này nguyên chữ Phạn mà Trung Hoa không dịch, nó có nhiều nghĩa như cung kính, kính lễ, thành tâm. Nếu dịch nghĩa này thì thiếu nghĩa kia, cho nên để nguyên chữ Nam-mô. Đó là một từ nói lên lòng thành kính và hình thức cung kính của người đệ tử đối với các ngài. Còn mỗi danh hiệu Phật là chỉ cho mỗi vị Phật truyền bá mỗi cõi chứ không phải tượng trưng.

Hỏi: *Bạch Sư ông, con nghe nói hội Long Vân, hội Long Hoa đức Phật Di-lặc ra đời, hội đồng Tam giáo xử phân, người tu chân chánh sau này hưởng được hồng ân thế nào, xin Sư ông cho con biết.*

Đáp: Điều này chỉ liên hệ với đạo Phật có vài từ ngữ là hội Long Hoa và Phật Di-lặc, còn hội Long Vân thì trong kinh Phật không có nói. Nhưng tôi xin nói cho quý Phật tử biết, những người nói hội Long Vân, hội Long Hoa là những người học đạo không chân chánh, họ dùng từ Long Hoa trong đạo Phật để kêu gọi người ta ráng tu gấp, hoặc nói chỗ này có Phật ra đời, chỗ kia có Phật ra đời, đó là lối thúc người ta tu thôi chứ không thật. Trong kinh Phật nói rằng sau khi giáo pháp đức Phật Thích-ca diệt rồi, không còn ai biết đến danh từ Phật, Pháp, Tăng là gì nữa thì đức Phật Di-lặc ra đời

ở dưới cây long hoa, giống như Phật Thích-ca thành đạo ở dưới cây bồ-đề vậy, đó gọi là hội Long Hoa. Phải hiểu rằng khi nào chúng sanh không còn biết danh từ Phật, Pháp, Tăng, nghĩa là giáo pháp của Phật Thích-ca không còn lưu truyền nữa thì mới có Phật Di-lặc, vì không có hai vị Phật cùng một lúc ở một cõi. Tại sao vậy? Vì nếu ông Phật thứ hai ra đời mà giáo pháp của ông Phật thứ nhất còn thì ông Phật thứ hai nói cái gì? Nói chi cho dư. Thế nên giáo pháp đức Phật Thích-ca vẫn còn đang lưu truyền, mà ai đó xưng Phật thì không phải là Phật thật, quý Phật tử hiểu cho thật rõ chỗ đó thì khỏi sợ lầm. Xưng Phật, xưng Bồ-tát thì dễ mà thực hành hạnh Phật và Bồ-tát thì khó.

Còn nói hội đồng Tam giáo xử phân thì tôi không tin điều đó, chỉ có nghiệp lành nghiệp dữ xử phân mình thôi chứ không có hội đồng nào xử hết.

Hỏi: Kính bạch Thầy, bên Tịnh độ dạy người chết mới tắt hơi thân nhân không nên động tử thi hay lau rửa, phải đợi tám giờ sau. Vì khi tắt hơi thức a-lại-da chưa đi, nếu khóc hay lay động thân sớm thì họ còn cảm giác đau đớn, sân hận. Ở Tây phương đa số chết ở bệnh viện, vừa chết đưa vào nhà xác, thân nhân mượn nhà quàn đến tấn liệm, quàn thân tại đây đến ngày chôn hoặc thiêu, như vậy không thể áp dụng những điều nói trên, kính bạch Hòa thượng vậy phải làm sao?

Khi sắp chết và khi quàn thân nếu không có chư tăng hộ niệm hay tụng kinh thì có thể sử dụng băng tụng hay không?

Đáp: Phần này tôi chỉ nói đơn giản là khi tắt thở các thức: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý liền lạng mất, chỉ thức a-lại-da thì còn ngằm ở trong từ từ ra sau. Tuy nó ra sau nhưng thân này hoại rồi nó cũng đi chứ không ở lâu lắm. Có nhiều vị nói nó ở tám tiếng đồng hồ đó là một lối nói thôi. Trong kinh A-hàm hoặc Nikāya nói rằng sau khi nhắm mắt thân thức liền theo nghiệp mà đi chứ không nói ở lâu. Thôi thì tùy duyên người ta sẵn sóc sớm, bỏ vô quan tài sớm cũng không sao!

Khi người nhắm mắt không có tạng ni tụng kinh thì dùng băng điều này cũng tốt thôi. Tụng kinh không phải tụng cho người chết mà tụng cho người sống, nói điều này quý vị nghe có lạ không? Tại sao nói tụng kinh cho người sống? Có hai lý do:

1. Gia đình có đám ma thì buồn bã, nhờ tạng ni tụng kinh nghe lời Phật dạy mà quên buồn, đó là vì ai? Vì người sống phải không? Người chết đâu ở đó mà buồn!

2. Khi tụng kinh người sống nghe, thấm nhuần được giáo lý Phật dạy được lợi ích, còn người chết lợi ích không nhiều. Kinh Địa Tạng nói người sống hưởng hai phần ba, người chết chỉ hưởng một phần ba thôi. Thật ra ai cũng muốn cho người chết được hưởng chứ đâu có dành phần cho mình, nhưng thực tế lại khác vì người chết theo nghiệp mà đi, người sống thì được hưởng, lẽ thật nó là như vậy.

Hỏi: Kính bạch Thầy, cúi xin Thầy giải thích thế giới của loài rồng có thật không? Nếu có thì rồng là súc sanh, tại sao rồng tu nhanh quá, như Long nữ thành Phật

trong kinh Pháp Hoa, mà chúng con là người tu cứ lần quần trong sanh tử luân hồi?

Đáp: Loài rồng có hoặc không, cái gì mình không thấy mà nói thì không đúng, tôi xin nói theo trong kinh kể: có loài rồng ở long cung, mà long cung ở trong biển cả, đó là theo kinh nói vậy tôi nói theo chứ không dám nói thật có hoặc thật không.

Còn hỏi tại sao Long nữ tu mau thành Phật quý Phật tử bây giờ tu lại lâu? Điều này chẳng có gì lạ, dù cho Long nữ hay Lộc nữ (con nai) mà ngộ được tánh giác rồi thì tu mau, nếu là người mà chưa ngộ tánh giác thì tu lâu. Ngộ tánh giác theo kinh Pháp Hoa nói là ngộ tri kiến Phật. Long nữ nhờ Bồ-tát Văn-thù giáo hóa ngộ được tánh giác nên tu mau. Còn quý Phật tử bây giờ, rất tiếc là không gặp được ngài Văn-thù, gặp chúng tôi thì phàm tăng quá không ngộ được tánh giác nên tu lâu. Vậy cái sai sót lỗi lầm tại ai? Chắc tại tôi phải không?

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, theo tinh thần thiên tông, Hòa thượng dạy chúng con tìm chân tâm thì phải buông bỏ hết vọng tưởng, tự mình phải tu không có một tha lực nào giúp cho giải thoát được sanh tử.*

Trong kinh Địa Tạng phẩm sáu Phật nói: Người gây ác nghiệp đau nằm liệt trên giường, quyến thuộc của người ấy lấy đồ vật của người ấy cúng dường Tam bảo và đọc kinh Địa Tạng cho người ấy hay biết thì dù từ trước tội có nặng đến năm tội vô gián cũng được thoát khỏi hẳn, thọ sanh vào đâu cũng thường nhớ biết

công việc đời trước. Kính bạch Hòa thượng có nhiều tha lực của Bồ-tát Địa Tạng cứu vớt chúng sanh khỏi địa ngục. Như vậy kinh Phật nói có mâu thuẫn không? Theo thiên ý của con thì câu tha lực của Phật và Bồ-tát Địa Tạng dễ dàng hơn tu thiền để đạt được minh tâm kiến tánh.

Đáp: Phải rồi, tha lực lúc nào cũng dễ còn tự lực thì khó, nhưng quý Phật tử nhiều khi nghe mà không chú ý rồi tự hiểu lầm. Kinh Địa Tạng nói thân nhân của người bệnh lấy đồ đạc của người ấy đem ra bố thí cúng dường Tam bảo và đọc kinh Địa Tạng để cho người ấy hay biết. Nghĩa là cái việc làm đó người bệnh biết, biết tức là họ vui, họ chịu thì họ mới được hưởng cái phước đó, còn họ không biết không hay thì không được hưởng. Như vậy họ có biết tức là họ có phát tâm trong đó, mà có phát tâm tức là tự lực. Cho nên tự lực không rời tha lực, hay ngược lại tha lực không rời tự lực. Như kinh Di-đà dạy niệm Phật đến nhất tâm bất loạn sẽ được Phật rước về Cực lạc, đó là tự lực hay tha lực? Nếu tha lực thì Phật không nói niệm Phật đến nhất tâm bất loạn làm chi. Mà niệm tới nhất tâm bất loạn rồi thì là tự lực, và sau đó được Phật rước là tha lực. Như vậy tự lực là gốc, nếu trông vào tha lực thì khó mà được.

Hỏi: *Kính bạch Thầy, xin giảng cho con biết câu: “Tâm ấn đạo truyền đạo.”*

Đáp: Câu “Đạo truyền đạo” thì tôi không thấy, nhưng “tâm ấn” thì có, quý Phật tử thường nghe nói “truyền tâm ấn”. Chữ ấn là con dấu, con dấu của cơ quan chẳng hạn. Chúng ta xin giấy tờ của cơ quan nào đó,

nếu không đóng dấu thì không có giá trị, con dấu để xác minh đúng sự thật cho người tin. Dùng tâm ấn tâm hay truyền tâm ấn là thầy và trò thấy hiểu tương ứng nhau. Cái thấy của người trò như cái thấy của người thầy, ngược lại cái thấy của người thầy như cái thấy của người trò gọi là “ấn”. Tức là con dấu đó ấn vào, in vào cho người ta tin điều đó thật đúng. Như vậy thầy thấy thế nào trò thấy thế đó, gọi là truyền tâm ấn, cho nên nói truyền mà không có truyền gì hết, chỉ là một cái gật đầu, một tiếng hét, hoặc lạy ba lạy vậy thôi. Đó là truyền tâm ấn.

Hỏi: Con được nghe Thầy dạy rằng: Sống ở đời con người thường có nhiều vọng tưởng, nhưng nếu thật sự Phật tử nghĩ về đạo cần phải khắc phục hạn chế những vọng tưởng khi nó dấy khởi. Vì vậy theo sự hiểu biết về giáo của con, những suy nghĩ hành động hằng ngày của mình luôn lấy đạo lý chiếu soi để tự sửa chữa, từ đó mới sáng suốt đi theo đường đạo. Nhưng riêng con nghiệp còn quá nặng vì muốn gia đình được no ấm, con cháu học hành thành danh, con phải vọng tưởng kiếm được nhiều tiền cho gia đình, không màng đến bản thân, như vậy có được không hay phải sửa đổi?

Đáp: Phật tử này lương thiện quá, nghĩ lo cho cha mẹ anh em con cháu thành danh thành tài thì phải kiếm tiền thật nhiều, phải vọng tưởng suy nghĩ. Hỏi như vậy có lỗi gì không? Thật ra thì không có lỗi gì nếu vì gia đình mà lo, nhưng lo nhiều thì tâm không an nhiên thanh tịnh, ngồi lại nó lảng xãng, như vậy được phần đời thì hơi kém phần đạo.

Hỏi: *Làm con đối với cha mẹ, lúc cha hay mẹ hấp hối, lúc ma chay trong vòng bốn mươi chín ngày phải làm gì để có kết quả tốt, đúng với hạnh người Phật tử chân chánh, kính xin Thầy từ bi chỉ dạy.*

Đáp: Đa số quý Phật tử hay lo lắng chuyện này. Kinh Phật thường dạy, tôi chỉ tóm lược lại một vài điểm: Lúc cha mẹ hấp hối người sắp chết khổ trăm bề, cơ thể rã rời đau đớn lại thêm lo sợ không biết đi về đâu, tâm hốt hoảng không làm chủ được. Vì vậy mà kinh thường khuyên lúc đó gia đình nên họp lại tụng kinh hoặc niệm Phật giúp sức mạnh cho người hấp hối nhớ tỉnh, bớt khổ. Có nhiều nơi quý thầy ở gần, rước đến trợ niệm điều đó rất cần. Khi mất rồi lo ma chay thì tùy khả năng có ít cúng ít, có nhiều cúng nhiều không quan trọng. Trong vòng bốn mươi chín ngày nếu Phật tử nghèo thì mỗi đêm tụng kinh cầu nguyện cho cha mẹ, còn khá giả hơn thì tu phước cúng dường để tăng trưởng phước cho cha mẹ nhờ, đó là thực hành theo kinh dạy.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, theo kinh điển của Phật, con không thấy kinh nào dạy cúng sao, mà cứ mỗi năm ngày mồng tám tháng giêng có ai bị sao hạn thì đến chùa xin cúng. Sao hạn từ đâu mà có, cúng sao có phải mê tín không?*

Đáp: Phật tử này hỏi rất thực tế, tại sao không thấy kinh nào dạy mà làm. Điều này tôi có giải nhiều lần, nay tôi nói rõ thêm cho quý Phật tử biết: Cúng sao cúng hạn, kinh Phật không bao giờ dạy điều đó.

Quý vị chịu khó đọc kinh Di Giáo thì thấy Phật quở những vị Tỳ-kheo coi tướng coi tuổi, coi sao hạn. Phật không cho làm mà bây giờ chùa lại cúng là sao? Bởi vì ngày xưa đất nước mình ảnh hưởng Nho giáo rất nhiều. Các vị nho xem lịch rồi cúng cho dân, rất tiếc sau này không ai học Nho nữa, lịch cũng không ai coi, chỉ có mấy thầy học kinh chữ Hán cho nên cuốn lịch được đem vô chùa nhờ quý thầy coi giùm. Khi coi nói tuổi đó bị sao hạn đó, sợ quá nên nhờ thầy cúng giùm. Quý thầy thì từ bi nếu từ chối tội nghiệp, cho nên cúng giùm thành quen. Và nếu cúng từng người thì mất thời giờ của thầy, cho nên mỗi năm họp lại cúng một lần vào ngày mồng tám tháng giêng. Việc này quý thầy làm thế cho mấy ông đồ nho, không phải chân lý cũng không đúng nghĩa đạo.

Ngày nay khoa học tiến bộ thấy mỗi ngôi sao là một hành tinh. Hành tinh thì đâu có hộ cho ai, có hành ai đâu mà cúng. Nhà Phật dạy nhân quả là đúng lẽ thật, không ai đem cái khổ cái vui đến cho mình mà do tạo nhân đưa đến quả thôi. Tin điều đó là chánh tín, còn tin sao hạn không đúng lẽ thật gọi là mê tín.

Hỏi: *Một người tham lam lấy tiền của một người khác rồi bố thí cúng chùa... Như vậy quả báo tham lam thì phải nghèo nhưng nhờ bố thí cúng chùa nên được phước bù lại có đúng không? Bố thí cho một người nghèo và cúng dường cho một vị tăng, tuy cùng một việc làm nhưng sao phước báo lại khác nhau?*

Đáp: Trong nhà Phật thì quả nào theo nhân nấy, ăn cắp của người nào thì phải đền cho người đó,

còn làm phước bố thí thì được phước với người mình giúp, phần nào ra phần nấy chứ cái này không bù qua cái kia được. Nhà Phật cũng thường nói thân này là thân tổng báo, tổng báo là quả báo chung. Trong cuộc sống chúng ta có lúc gặp những điều vừa ý vui vẻ, có lúc chúng ta gặp tai nạn dồn dập đó là tổng báo. Nợ thì phải trả, phước thì được hưởng, chứ không có cái này bù qua cái kia.

Bố thí cho người nghèo và cúng dường cho một vị tăng, hai cái đó cũng một việc làm, tại sao quả báo khác nhau? Điều này tôi có nói một lần, nay giải thích lần nữa cho quý vị hiểu rõ. Bố thí cho người nghèo thì được phước là cái chắc chắn rồi, còn cúng dường cho một vị tăng cũng có phước, nhưng cúng dường gieo duyên để sau mình được tăng độ. Ví dụ thấy người tật nguyền giúp cho họ bớt khổ nên được phước vui, nhưng không có duyên với Phật pháp. Còn cúng cho một vị tăng tức là tạo cái duyên để sau này nhờ phước cúng dường mà được tăng độ. Đó là chỗ sai biệt của việc bố thí cho người nghèo và cúng dường cho các vị tăng.

Hỏi: Bên Mỹ có một cháu bé lúc ba tuổi cha mẹ dạy niệm Phật, đến nay cháu được sáu tuổi. Cháu hỏi cha mẹ: “Cha mẹ bảo con niệm Phật, vậy Phật niệm ai?” Cha mẹ cháu không đáp được, cầu Hòa thượng giảng giải cho chúng con được hiểu.

Đáp: Đứa bé này có chủng duyên phi thường. Cha mẹ dạy bé niệm Phật, niệm nhiều rồi nó hỏi: “Ba má dạy con niệm Phật, vậy Phật niệm ai?” Cha mẹ bé không có gan trả lời. Nếu hỏi tôi thì tôi trả lời rằng:

Phật niệm chúng sanh. Bởi vì niệm là nhớ nghĩ, mình nhớ Phật để được thành Phật, còn Phật thì nhớ chúng sanh để cứu độ. Nếu ngài không niệm chúng sanh thì ngài đâu có độ phải không?

Hỏi: *Chúng con được nghe giảng đại ý như sau: Chư tăng giảng pháp cho Phật tử, Phật tử cúng dường chư tăng, một bên bố thí pháp, một bên bố thí tài, xem như huê. Vậy các Phật tử kính lạy chư tăng ngoài ý nghĩa kính trọng giới đức quý vị, còn có ý nghĩa gì khác, sự lễ lạy này có lợi ích gì cho chư tăng và Phật tử trong việc tu tiến?*

Đáp: Hỏi người lạy và người bị lạy, hai người đó có lợi ích gì? Tôi nói bị lạy chứ không nói được lạy nghe! Thật ra đúng là người biết tu thì sợ bị lạy lắm, nhưng vì bất khả kháng đó thôi.

Trong kinh Phật dạy Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng) là phước điền của người Phật tử, nếu Phật tử không có tâm kính lễ Tam bảo thì phước không tăng trưởng. Vì chúng ta kính trọng ai, tâm chúng ta mới hướng về người đó mong cầu học hỏi và người đó dạy chúng ta mới chịu nghe. Trong kinh Phật dạy người Phật tử cũng như chư tăng, tu còn thấp thì phải lễ kính vị cao hơn để có phước, tăng trưởng đạo đức. Phật tử có nhiều vị hiểu lầm nói lạy để thầy ban ơn ban phước cho. Không phải vậy! Chúng ta kính trọng là do tâm khát ngưỡng mong mỗi mình giống như người đó. Cung kính lễ lạy để học hỏi noi theo. Khi kính lạy thì công đức theo đó mà có, chứ người bị lạy có lợi ích gì đâu! Chẳng qua là thấy người ta

quý kính mình, xét thấy mình chưa có đức hạnh thì hổ thẹn, cố gắng tiến tu cho xứng đáng với lòng quý kính của Phật tử, cái lợi của người bị lay là chỗ đó chứ không có lợi nào khác hết.

Hỏi: Nếu vô thường đến với chúng con như là người thân mất, chúng con phải nguyện làm sao cho đúng lẽ đạo với người đã mất thay vì cầu an cầu siêu.

Đáp: Phật tử hiểu chưa rõ việc này, nghĩ mình nguyện thôi chứ khỏi cầu siêu cầu an. Bây giờ tôi giải thích sơ lược cho Phật tử hiểu. Quý Phật tử thường có cái mâu thuẫn là nguyện cho người thân mình về cõi Phật, mà rước thì rước về nhà. Nghĩa là khi tụng kinh thì nguyện siêu thăng Tịnh độ, nhưng lại nhờ thầy ra mộ rước vong về thờ. Nếu rước về thờ thì cha mẹ có về Tịnh độ được không? Không. Như vậy là mâu thuẫn. Các Phật tử nên biết cầu nguyện cho cha mẹ siêu thăng Tịnh độ hoặc sanh về cõi lành, đó là tâm nguyện của người con, của những vị hộ niệm. Được hay không là một chuyện khác. Nếu nguyện được hết chắc khỏi tu, cho nên phải hiểu nguyện đó chẳng qua là khởi tâm lành đối với người chết. Vì vậy mà nguyện cho cha mẹ sanh về cõi lành; nếu chưa được sanh về cõi Phật thì được sanh về cõi người gặp Phật pháp sớm để tiếp tục tu. Đó là cái nguyện của người con đối với cha mẹ khi trăm tuổi.

Hỏi: Vào những ngày kỵ giỗ ông bà cha mẹ, chúng con phải nguyện như thế nào cho hợp với lẽ đạo. Kính xin Hòa thượng chỉ dạy cho chúng con được rõ.

Đáp: Ngày giỗ, ông bà cha mẹ có về với con cháu không? Không. Nếu không thì cúng làm chi, cúng ai ăn? Đó là một việc hơi khó xử. Chúng ta tự hiểu ngầm là ông bà cha mẹ không có về, nhưng cúng thì vẫn cúng. Tôi thấy đó chỉ là một phong tục, tập quán tốt của xứ sở mà đạo Phật tùy thuận. Về việc này Phật tử nên làm hai điều: Một là nên làm công đức bố thí hoặc phóng sanh cầu nguyện cho ông bà cha mẹ được phước lành để sanh về cõi lành. Hai là tụng kinh cầu nguyện cho ông bà cha mẹ được phước lành sanh về cõi lành. Hai điều đó là cụ thể hơn hết.

Có trường hợp ngược lại, ngày giỗ người ta làm heo, gà, bò, vịt để cúng, nhưng cha mẹ đâu có ăn. Chúng ta cứ kết tội thêm, nói là làm cúng ba má đó, nghe tưởng như con có hiếu, không ngờ con làm khổ chúng sanh để cầu cho cha mẹ được an lạc. Việc làm này có hợp lý không? Cha mẹ được an lạc không? Tôi đề nghị quý vị cúng chay đơn giản được rồi, nếu có phương tiện thì mua vật phóng sanh, hoặc đến những chỗ người ta đang khổ như bệnh viện, trại phong v.v... giúp cho người bớt khổ, lấy công đức hồi hướng cho cha mẹ, đó là điều rất tốt.

Hỏi: *Mỗi con người có một tánh linh, nhưng khi chết đi dân số trên thế giới mỗi ngày một tăng lên. Vậy dân số đó ở đâu mà phát sinh lên? Con mong Thầy chỉ dạy cho con được biết.*

Đáp: Phật tử này thắc mắc, người thì có tánh linh, tánh linh sanh lại làm người mà bây giờ dân số cứ tăng lên hoài vậy ở đâu mà có?

Trước đây tôi đã có trả lời câu này, nay chỉ nhắc lại một chút thôi. Kinh Phật nói trong vũ trụ này không phải chỉ có một thế giới chúng ta đang ở, mà có rất nhiều thế giới. Khi một thế giới sắp hoại thì chúng sanh ở thế giới đó qua thế giới khác, đó là lý do thứ nhất có chúng sanh tăng. Thứ hai Phật dạy lục đạo luân hồi là sáu cõi: trời, người, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh lẫn lộn lên xuống. Như vậy ở cõi súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ khi hết nghiệp chúng sanh cõi đó lại được sanh làm người và ở cõi người tạo nghiệp lại bị sanh vào các loài ấy. Cho nên số tăng ở cõi người là do hai lý do trên.

Hỏi: Ngài Mục-kiền-liên là vị A-la-hán rất gần gũi với Phật tử, sao trong các thời khóa lễ rất ít đề cập đến tên ngài để cho Phật tử lễ lạy và noi theo gương của ngài?

Đáp: Câu hỏi này hợp lý, vì là Phật tử thích có hiểu thảo và muốn con cái sau này cũng hiểu thảo, mà ngài Mục-kiền-liên là gương hiểu thảo sao ít đề cập tới?

Giải thích câu hỏi này phải có nhiều thời giờ. Ở đây tôi chỉ nói đơn giản cho quý Phật tử hiểu. Thường các chùa thờ đức Phật Thích-ca, còn thờ hai vị Bồ-tát phụ tá là ngài Văn-thù và ngài Phổ Hiền. Còn nếu thờ đức Phật Di-đà thì thờ hai vị phụ tá là Bồ-tát Quán Âm và Bồ-tát Đại Thế Chí mà không thờ đức Mục-kiền-liên. Khi lạy danh hiệu đức Phật Thích-ca xong thì chúng ta lạy danh hiệu Bồ-tát Văn-thù, Bồ-tát Phổ Hiền. Còn khi lạy đức Phật A-di-đà xong chúng ta lạy Bồ-tát Quán Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí. Tại sao như vậy? Đây là một vấn đề

hết sức cần thiết, lẽ ra phải nói thành một bài giảng, nhưng ở đây thì giờ ít tôi nói đại khái thôi.

Đức Phật Thích-ca là một vị Phật thành đạo ở cõi Ta-bà, mà cõi Ta-bà là cõi nhiều ế trước. Khi Phật đến cõi bồ-đề, ngài dùng cỏ (trong sử ghi là cỏ cát tường) làm tòa ngồi. Nhưng bây giờ chúng ta là đệ tử thờ ngài sao không để ngài ngồi tòa cỏ cho đúng sự thật mà lại để ngài ngồi trên tòa sen? Vì sen mọc dưới đầm, mà đầm thì sinh lầy ế trước, từ chỗ ế trước sen vượt lên nở hoa thơm. Cũng vậy Phật từ cõi ế trước khổ đau mà giác ngộ, chứng quả Phật. Thế nên thỉnh ngài ngồi tòa sen là hình ảnh tượng trưng ở trong cảnh nhớp nhúa, mà ngài thanh tịnh sáng suốt như đóa sen vươn lên trong chốn bùn nhơ.

Hai vị Bồ-tát Văn-thù và Phổ Hiền cũng là hai vị Bồ-tát tượng trưng. Chúng sanh ở cõi Ta-bà càng cường nan điều nan phục, dạy nói không hiểu mà hiểu rồi lại quên thành ra dạy hoài mệt mỏi thôi. Cho nên ở trong cõi khổ này muốn tu hành cho sáng được thì phải mở sáng trí tuệ, vì ở trong cảnh khổ mà không mở sáng con mắt tuệ thì mãi chìm trong đó không bao giờ ra nổi. Ngài Văn-thù cưỡi con sư tử, sư tử tượng trưng cho sự dũng mãnh nhất trong các loài thú. Thờ ngài Văn-thù ngồi bên phải đức Phật Thích-ca ý nói trí tuệ đứng hàng đầu, có trí tuệ mới thoát khỏi cảnh khổ luân hồi sanh tử. Ngài Phổ Hiền cưỡi con voi ngồi bên trái đức Phật, voi tượng trưng cho sức mạnh kéo chở nặng nề. Ý nói có trí tuệ rồi phải có hạnh nguyện độ sanh đầy đủ mới thành Phật được. Đó là ý nghĩa hai vị

Bồ-tát tượng trưng, chúng ta lạy ngài để nhắc nhở chúng ta tu không thể thiếu hai đức tối yếu là trí tuệ và hạnh nguyện.

Còn Phật A-di-đà ở cõi Cực lạc an vui, muốn độ chúng sanh ở cõi Ta-bà uest trước thì trước hết phải khởi tâm từ bi tượng trưng Bồ-tát Quán Thế Âm. Nhưng khi hành hạnh từ bi giúp người đời lúc cũng gặp nghịch cảnh cho nên bên cạnh phải có Bồ-tát Đại Thế Chí tượng trưng cho ý chí mãnh liệt. Vì thiếu ý chí thì không thể đến cảnh khổ giúp người được. Đó là hình ảnh hai vị Bồ-tát dạy cho người tu khởi tâm từ bi hành hạnh lợi tha độ đời, phải có ý chí mãnh liệt mới không thối chuyển. Còn ngài Mục-kiền-liên là con người hiếu thảo, không phải là hạnh tu cho nên không lạy, chỉ đến ngày lễ Vu-lan mới có lễ, lạy ngài để học tấm gương hiếu thảo thôi.

Hỏi: Trong bài sám sáu căn có câu: “Lầm nhận hoa giả quên ngắm trăng thật” theo con hiểu qua lời giảng của Thầy là chúng sanh chạy theo sắc trần giả dối bên ngoài mà quên mất cái chân thật sẵn có của mình. Trong câu dùng chữ ngắm, cái chân thật của mình mà nhìn được tức là ngoài mình mất rồi, không biết nhà in có sắp lộn chữ không?

Đáp: Phật tử này kỹ quá, thật ra đây là lời văn, văn thì lúc nào cũng có cái đối cho người ta dễ hiểu. Bây giờ nói trăng thật làm sao mà nói cho rõ được, nếu không ngắm thì làm sao thấy để nhận ra nên phải dùng chữ ngắm cho dễ hiểu, đó là một cách cụ thể hóa cho sự nhận ra. Đã thật là mình rồi còn ngắm cái gì nữa!

Nhưng trên ngôn ngữ nói như vậy cho người ta dễ hiểu để tu. Đừng bắt chẹt tội nghiệp người xưa!

Hỏi: *Có người hỏi rằng nếu ai cũng không sát sanh thì những con vật như chuột, rắn, bò, heo v.v... sanh đầy mặt đất thì chỗ đâu cho người ta sống, lương thực đâu để ăn, đó là chưa kể bệnh tật v.v... con biết trả lời sao cho phải, cúi mong Hòa thượng chỉ dạy.*

Đáp: Chỗ này là chỗ hiểu lầm của Phật tử. Phật tử hiểu giữ giới không sát sanh là tất cả con gì cũng không được động đến đó là hiểu lầm. Giới sát sanh của Phật tử là không được giết người mà tôi thường nhắc có ba trường hợp: tự tay giết, dùng miệng xúi người khác giết, thấy kẻ khác giết nhau mình vui mừng tùy hỷ. Giới sát của Phật tử căn cứ trên con người chứ không căn cứ trên loài vật. Người xuất gia như quý thầy mới nói tới không giết những loài vật nhỏ, vì quý thầy ăn chay trường thì giết làm gì? Quý Phật tử đối với những con vật lớn nhỏ, con nào mình tránh được thì nên tránh. Hiểu như vậy thì đâu có lỗi.

Hỏi: *Con thấy có rất nhiều người tàn nhẫn thường hay hành hạ súc vật như bắt bò ngựa kéo xe nặng, nó mệt đi không nổi thì đánh đập. Có người đá gà đá cá, có người săn bắn câu cá... sao những thiên thần, chư thiên hoặc Bồ-tát không làm cho họ thành những con vật đó trong mấy phút thôi để họ thấy sự đau khổ mà thức tỉnh và cũng giúp những con vật khỏi bị hành hạ?*

Đáp: Phật tử này bênh vực mấy con vật đáo đẽ. Chư thần bất lực việc này, vì chư thần đâu có hóa người

thành con này con kia được. Nếu chư thần có hiện ra đây cũng lác đầu thôi, còn với tôi thì điều đó tôi làm không nổi! Thôi thì chúng sanh tạo nghiệp thì chúng sanh chịu. Quý Phật tử nên hiểu rằng cái nghiệp của chúng sanh sanh ra làm con vật nào thì theo nghiệp mà chịu quả. Nếu người sử dụng con vật đó vừa phải thì họ ít tội, nếu sử dụng quá đáng thì họ có tội. Phật tử này lại nghĩ họ tạo ác qua đời khác trả quả họ không biết hoặc có biết cũng đã muộn. Sự thật thì chúng ta có cái mê lầm cứ thấy những cái hiện tại mà không xét lui về quá khứ. Phật thường dạy: “Muốn biết nhân đời trước hãy nhìn ngay quả đời này, muốn biết cái quả đời sau phải nhìn cái nhân mình đang tạo đời này.” Vì vậy ngay trong đời này ráng làm sao cho có phước đức, để cái khổ cũ hết, không còn tiếp tục khổ nữa, sau được vui, đó là tỉnh. Còn nếu nghĩ tới hiện tại mà trách trời trách đất thì đó là không tỉnh.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng từ bi giảng giải cho con ba điều:*

1. *Vị nào đứng ra thành lập đạo Phật?*
2. *Tại sao phải ăn tết nửa năm đúng vào ngày mùng năm tháng năm mà không ăn vào ngày khác?*
3. *Vị nào thành lập Tuệ Tĩnh đường? Con chân thành cảm niệm công đức Hòa thượng.*

Đáp:

1. Hỏi vị nào thành lập đạo Phật thì dễ quá. Ông Phật chứ vị nào, tức là đức Thích-ca-mâu-ni chứ đâu có vị nào khác. Ngài ngộ đạo dưới cội bồ-đề, sau đó ngài đến

vườn Lộc Uyển giáo hóa năm anh em Kiều-trần-như, từ đó mới có tăng đoàn. Khởi thủy của đạo Phật là do đức Phật Thích-ca-mâu-ni.

2. Tại sao phải ăn tết nửa năm? Điều này hỏi ngoài đạo Phật một chút. Chuyện ăn tết mồng năm tháng năm là chuyện ở Trung Hoa chứ không phải ở Việt Nam, cho nên câu này hỏi các vị người Trung Hoa chắc rành hơn tôi.

3. Vị nào thành lập Tuệ Tĩnh đường? Thật ra thành lập Tuệ Tĩnh đường không phải vị nào, mà sau này nhiều chùa muốn có chỗ để giúp đỡ người bệnh theo thuốc dân tộc Việt Nam, nên thành lập cơ sở để trị bệnh bằng thuốc dân tộc. Ngài Tuệ Tĩnh là tăng sĩ giỏi về thuốc dân tộc ở đời nhà Lê, cho nên khi lập nhà thuốc để trị bệnh cho đồng bào, các chùa lấy tên ngài, chúng ta thấy có nhiều Tuệ Tĩnh đường là vậy.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, lúc Phật còn tại thế mỗi khi đệ tử đến thưa hỏi việc gì thì bày vai bên hữu và đi nhiều ba vòng là ý nghĩa thế nào?

Đáp: Đây là ý nghĩa theo hình thức nghi lễ, phong tục của Ấn Độ. Mỗi khi muốn thưa hỏi điều gì quan trọng thì các vị Tỳ-kheo trích vai áo xuống để bày vai mặt ra, quỳ gối chấp tay thưa hỏi, xong rồi đi nhiều ba vòng, đó là tập tục của Ấn Độ. Về ý nghĩa thì trong kinh giải thích bày vai hữu là để nói lên sự gánh vác của người hỏi đạo. Đức Phật hoặc thầy trả lời, người trò nhận và đảm trách gánh vác. Hành động này chứng tỏ nhận lãnh gánh vác việc lớn. Đi nhiều ba vòng là tỏ lòng cung kính.

Bây giờ chúng ta cũng hay đi nhiều Phật nhiều tháp để tỏ lòng cung kính.

Hỏi: *Những người tu hành đắc đạo sẽ được Phật thọ ký thành Phật, còn những người tu hành đắc đạo mà không được Phật thọ ký thì như thế nào?*

Đáp: Nghe câu này quý vị có hồi hộp không? E rằng mai kia mình đắc đạo mà Phật không còn ở đây để thọ ký thì sao đây? Sự thật không có gì phải lo hết, chúng ta sẵn có tánh giác được gọi là Phật tánh. Khi chúng ta dẹp hết phiền não vô minh thì tánh giác hiện ra thành Phật, có Phật thì Phật thọ ký, còn không có Phật thì mình đã thành Phật, Phật thọ ký chứ gì. Bởi vì từ ở trong ra chứ không phải ở ngoài vào, vì ở trong ra nên tới đó mình biết liền khỏi phải lo, chỉ lo phiền não vô minh chưa sạch thôi.

Hỏi: *Kính bạch Thầy, nếu người xuất gia tu hành gặp phải vị thầy ham mê ngũ dục, không lo dạy dỗ và cũng không biết dạy dỗ đệ tử. Vậy người đệ tử ấy bỏ đi nơi khác thì có lỗi phẫn thầy không?*

Đáp: Câu hỏi này rõ lắm, trong hệ A-hàm có một bài kinh Phật dạy thế này: Người đi cầu thầy học đạo đến một nơi thiếu ăn thiếu mặc và ông thầy không dạy đạo lý gì cả thì nên ra đi sớm khỏi phải thưa trình với ông thầy. Và, nếu tới một nơi ăn mặc vật chất đầy đủ mà ông thầy không dạy đạo lý cũng phải ra đi không nên ở. Ngược lại tới nơi thiếu ăn thiếu mặc mà ông thầy đức độ, thường xuyên dạy đạo lý, thì phải ráng ở lại để được học và tu. Và nếu tới nơi đủ ăn đủ mặc vật chất đầy đủ

ông thầy thường xuyên dạy tu học, dù có bị đuổi đi, các ông cũng xin ở lại để được học tu. Phật dạy quá rõ, quý vị không sợ phản thầy. Ngày xưa đức Phật đi tu, đầu tiên đến học với mấy vị tiên như A-la-la, Uất-đầu-lam-phất, nhưng khi thấy không đúng sở nguyện, ngài ra đi. Vậy Phật bị tội phản thầy sao? Đó là lẽ thật, trừ ra mình tu thầy dạy đàng hoàng, đạo lý đầy đủ mà mình cứ mong ngóng chỗ này chỗ kia, kiếm danh kiếm lợi thì đó là phản thầy. Còn vì đạo mà tìm chỗ khác để học thì không có tội phản thầy.

Hỏi: Ngài Địa Tạng nguyện chúng sanh trong địa ngục chưa hết thì ngài chưa thành Phật, vậy thì ngài cứ làm Bồ-tát hoài biết bao giờ mới được làm Phật? Xin Hòa thượng hoan hỷ giải đáp cho con.

Đáp: Phật tử này chưa thấu được lý kinh. Trong kinh nói: nếu còn một chúng sanh ở địa ngục thì Bồ-tát Địa Tạng chưa thành Phật. Tôi xin hỏi bao giờ mới hết chúng sanh trong địa ngục? Cũng kinh Địa Tạng nói: Chúng sanh vào địa ngục, được Bồ-tát độ ra, vừa độ ra xong ít hôm lại rớt xuống nữa. Giống như bắt cóc bỏ đĩa thì biết chừng nào hết chúng sanh trong địa ngục? Quý Phật tử đừng lo, thành Phật khi nào chúng sanh nơi tâm mình sạch chứ không nói chúng sanh ở ngoài. Chúng sanh còn mười điều ác đó là chúng sanh ở trong địa ngục. Như vậy xem lại tâm mình còn mười điều ác là lúc đó chúng sanh còn ở trong địa ngục, tâm mình hết mười điều ác thì chúng sanh ra khỏi địa ngục. Lúc đó mình thành Phật chứ gì! Tại vì quý Phật tử hiểu theo sự nên thấy khó.

Hỏi: Bạch Thầy, nhờ Thầy chỉ bảo giúp con, khi linh hồn rời thân xác vô cùng đau đớn, lúc đó nếu không làm chủ được bản thân thì đi không đúng đường đã chọn. Sau đó thức tỉnh quay về có được không thưa Thầy?

Đáp: Tôi xin nhắc nghiệp có hiệu dụng khi lâm chung là tích lũy nghiệp và cận tử nghiệp. Tích lũy nghiệp là nghiệp chất chứa lâu ngày nên nó rất sâu dày. Thí dụ mỗi ngày tụng một thời kinh hay ngồi thiền nửa giờ đều đặn hằng ngày như vậy cho đến già gọi là tích lũy nghiệp lành. Hoặc người thế gian không biết tu, mỗi ngày làm điều tội, điều ác cho đến già, nghiệp ác dồn lại nhiều gọi là tích lũy nghiệp ác. Như vậy nghiệp chất chứa từ khi biết tạo tác cho đến già hoặc tốt hoặc xấu, dồn lại thành sức mạnh rất lớn nó sẽ hướng mình đi tái sanh. Phật dạy, hằng ngày chúng ta tạo nghiệp lành hay nghiệp dữ tích lũy nhiều, khi gần chết tâm thức cứ nhớ nghiệp cũ. Vì mất tai lúc đó không còn duyên với cảnh ngoài, mà chỉ còn tâm thức đang chuẩn bị chuyển thân, cho nên nghiệp nào mạnh nó hướng mình về cõi tương ứng với nghiệp đó.

Còn cận tử nghiệp là cái nghiệp lúc gần chết nó cũng mạnh như vậy. Ví dụ một người bình thường tạo nghiệp ác, nhưng lúc già bệnh gần chết nghe được một hai câu kinh họ thức tỉnh, biết được lỗi lầm ăn năn sám hối. Hoặc nhờ thiện tri thức dạy dỗ nhắc nhở họ dẹp bỏ thói quen cũ, nhớ được những điều tốt mới thì lúc nhắm mắt những điều tốt mới tác dụng mạnh, họ đi theo cái mới đó là cận tử nghiệp.

Như vậy cả hai đều có tác dụng. Vì vậy người tu nghiệp lành cho đến khi gần nhắm mắt cũng nghĩ lành, lúc đó không nhớ điều ác, không thù, không giận, không oán trách ai, chỉ thuần một tâm lành thì nhất định đi đường lành không nghi ngờ. Còn nếu có giận hờn sống dậy trong lòng thì cái nghiệp đó có thể dẫn đi đường khác; mà dẫn đi đường khác chắc lâu lắm mới tỉnh, khó mà kéo lại. Vì vậy mà người lúc gần lâm chung phải nhờ thầy, nhờ bạn tới nhắc nhở cho hướng thiện, không cho niệm ác khởi, đó là cái cần thiết trong hộ niệm.

Hỏi: Bạch Thầy, mỗi người chúng ta sanh ra là đã có tội, hoặc nặng hoặc nhẹ. Nhưng trước phút lâm chung người đó hối hận, tuy hối hận đã muộn màng. Vậy bạch Thầy hãy dạy cho con biết tội lỗi đó có hết không, khi chết tâm hồn có thanh thản không?

Đáp: Phật tử này quan niệm rằng ai sanh ra cũng đều có tội, nói như vậy e chưa đúng. Vì có người sanh ra thì có tội, có người sanh ra lại có phước. Thí dụ có người sanh ra mới tập ăn, không ăn mặn được nên ăn chay luôn, rồi lớn lên đi tu thì có phước chứ đâu có tội. Hoặc giả có người sanh ra làm con các bậc vua chúa, tổng thống, vật chất đầy đủ đó là phước báo thế gian, đâu gọi là tội được. Có phước thì họ gặp duyên lành tốt, có tội thì gặp những chuyện xấu, chứ đừng nghĩ rằng sanh ra là đã có tội.

Nếu người có tội, giờ biết ăn năn hối hận, vậy tội lỗi có hết không, tâm hồn có thanh thản không? Điều này tôi xin trả lời rằng nếu chúng ta biết ăn năn

hối hận buông bỏ hết mọi lỗi lầm, không chấp nê, tâm trong sạch thì người đó sẽ thanh thản. Còn chấp nê, còn giận hờn thì chưa thanh thản. Cho nên quý Phật tử khi trong nhà có người sắp lâm chung quý thầy thường dặn thân quyến không nên khóc, không nên tranh cãi nhau e cha mẹ buồn. Đó là sợ người bệnh biết được việc bất bình trong gia đình rồi nổi sân, đó là cận tử nghiệp rất nguy hiểm.

Hỏi: Xin Hòa thượng giảng cho con hiểu về những danh từ sắc thân, báo thân, pháp thân và hóa thân.

Đáp: Trong nhà Phật có những danh từ sắc thân, báo thân, pháp thân và hóa thân. Sắc thân là chỉ cho thân năm uẩn có hình tướng. Báo thân là thân do quả báo đời trước mà có. Người đời trước do tu nhiều phước lành nên sinh ra thân tốt đẹp, trang nghiêm ít bệnh. Đó là báo thân thiện. Người đời trước làm ác, ăn ở hung dữ, đời này thân xấu xí tật nguyên đó là báo thân ác. Còn pháp thân là thân bằng tinh thần, không có hình tướng nhưng hằng hữu không vắng thiếu, chỉ khi nào ngộ mới nhận ra. Hóa thân là thân do các vị tu đắc đạo rồi, muốn giáo hóa người nào đó, các ngài hiện thân để độ. Như trong kinh Phổ Môn Bồ-tát Quán Thế Âm cần độ người nữ thì hiện thân nữ, cần độ người nam thì hiện thân nam...

Hỏi: Kính xin Hòa thượng chỉ dạy cho con cách đặt các tượng Phật cho đúng vị trí. Hiện tại nhà con có một tượng Di-đà ở giữa bàn, bên trái đặt đức Quán Thế Âm, con muốn thờ thêm đức Phật Thích-ca và sẽ định đặt bên phải đức Di-đà. Như vậy về hình thức thì đẹp và trang nghiêm, nhưng theo lời chỉ dạy của Hòa thượng

hồi ngày hai mươi chín tháng năm thì con thỉnh tượng Đại Thế Chí thờ nữa mới đúng. Kính bạch Hòa thượng con muốn thờ đức Phật Thích-ca để nhắc nhở con đừng đi lệch con đường mà ngài đã vạch. Con cũng muốn duy trì đức Phật A-di-đà vì xưa nay ông bà con thờ vị Phật này, con cũng muốn thờ Bồ-tát Quán Thế Âm để có người mẹ hiền bên cạnh. Xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy.

Đáp: Phật tử này muốn thờ cho trang nghiêm mà muốn Phật Di-đà để lại, Phật Thích-ca thỉnh về, muốn thờ Bồ-tát Quán Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí nữa. Bây giờ tôi giải thích về cách thờ phượng đại khái cho nhớ rồi tùy sở nguyện mà thờ chứ tôi không bắt buộc. Đúng ra ở chùa hay nhà Phật tử chúng ta thờ một đức Phật là đủ, nếu tu căn bản theo Phật Thích-ca thì thờ Phật Thích-ca, nếu tu pháp môn Tịnh độ cầu sanh Cực lạc thì thờ Phật A-di-đà. Còn nếu thấy một vị chưa đủ thì tôi đề nghị theo nguyên tắc thờ, nếu là Phật Thích-ca ở giữa thì bên phải là Bồ-tát Văn-thù, bên trái là Bồ-tát Phổ Hiền, gọi là hai vị trợ hóa giúp cho Phật Thích-ca giáo hóa. Còn nếu thờ Phật A-di-đà ở giữa thì bên phải thờ Bồ-tát Quán Thế Âm, bên trái thờ Bồ-tát Đại Thế Chí cũng là hai vị Bồ-tát trợ hóa. Vậy tùy Phật tử chọn mà thờ.

Hỏi: *Tụng Sám hối sáu căn có những câu con chưa hiểu: “Chợt mắt đối sanh mờ đường chánh kiến... Lòa mắt chưa sanh bản lai diện mục... Khổ tứ lao thân, đều từ tham nghiệp...” Xin Hòa thượng từ bi giảng dạy.*

Đáp:

1. *Chợt mắt đối sanh mờ đường chánh kiến* nghĩa là khi chúng ta dấy niệm chạy theo cảnh thì lúc đó con mắt của mình giống như mắt bệnh thấy hoa đốm trong hư không, nhưng hoa đốm không có thật. Do thấy hoa đốm mà không thấy được bầu hư không trong lặng. Cũng vậy vừa dấy niệm chạy theo cảnh thì chánh kiến của mình bị lu mờ.

2. *Lòa mắt chưa sanh bản lai diện mục*, bản lai diện mục sẵn có nơi mỗi người nhưng vì mắt lòa không thấy nên gọi là chưa sanh. Vì mắt lòa, vì mê lầm còn nhiều nên chưa nhận ra bản lai diện mục.

3. *Khổ tứ lao thần, đều từ tham nghiệp*, chữ Tứ là nói theo tiếng Việt, chữ Hán là Tư như tâm tư. Khổ tứ là chỉ cho khổ tâm, khổ về những cái suy nghĩ của tâm. Chữ tứ là tư, nhưng quen đọc tứ để ăn vận trong câu văn; lao thần là nhọc nhằn. Khổ tứ lao thần là tâm tư nhọc nhằn về những cái lo nghĩ do lòng tham dấy khởi.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, những người bạn lối xóm con có thói quen cúng sao, cúng hạn, giải tam tai, cúng cô hồn, đem muối gạo rải ra đường cho người khuất mặt và chim chóc ăn. Từ lâu bản thân con đã bỏ hẳn thói quen này. Họ hỏi tại sao? Con nói vì tin vào luật nhân quả, nghiệp tốt xấu đến là do hành động thiện ác của mình đã tạo. Hôm nay các bạn này lần đầu đến thiền viện Thường Chiếu và thành tâm xin Thầy từ bi chỉ dạy làm như vậy có đúng không?*

Đáp: Phật tử này hỏi giùm một số bạn mà hôm nay có mặt nên tôi trả lời trước. Có một số Phật tử lâu nay có thói quen là cái gì cũng tin hết mà tin rất sâu.

Bây giờ tôi nói về cúng sao, cúng hạn, cúng tam tai, ba cái đó từ đâu mà có quý vị có biết không? Đạo Phật không dạy mà những tập tục này phát xuất từ lịch sách của người Trung Hoa. Ngày xưa mấy ông đồ coi lịch rồi cúng giùm cho dân. Ngày nay mấy ông đồ không còn hoạt động nữa, không ai biết chữ Hán, nên Phật tử muốn cất nhà, muốn định vợ gả chồng, muốn được một năm bình yên, không biết làm sao, nên đem cuốn lịch vô chùa nhờ thầy coi giùm rồi nhờ thầy cúng luôn. Lâu ngày thành thói quen cho nên mỗi năm tới ngày mồng tám tháng giêng thì có cúng sao.

Bây giờ tôi hỏi, quý Phật tử mỗi năm đều cúng sao, vậy năm nào cũng bình yên hết hay là khi thì an, khi thì bất an? Khi an khi bất an như vậy thì đâu phải cúng mà được an. Tôi thường nói nếu cúng mà bình an suốt năm thì quý thầy quý cô sẽ ghi tên mình trước lá số để cầu cho mình được an. Nhưng quý Phật tử có thấy quý thầy quý cô để tên mình vào lá số không? Không, như vậy là quý thầy quý cô không tin. Tại vì Phật tử sợ nên phải phương tiện cúng giùm. Chỗ này quý Phật tử nghiệm lại coi, cái gì người ta không tin mà làm thì có kết quả không? Không có kết quả, vậy thì làm chi cho mất công.

Còn việc cúng gạo muối ngoài đường cũng là thói quen thôi chứ không phải sự thật, nói cúng cho người khuất mặt, mà người khuất mặt là người đã chết rồi.

Như vậy mình quăng gạo muối ra đường người ta có ăn được không? Cúng cơm trong nhà đình hoàng thì còn có thể hưởng được chứ gạo muối làm sao mà ăn. Còn cô hồn là gì? Cô là lang thang cô độc, hồn là những vong hồn. Cô hồn là những vong hồn lang thang cô độc. Đạo Phật gọi là ngạ quỷ tức là quỷ đói. Thường ở chùa mỗi buổi chiều có cúng thí cô hồn bằng cháo muối, tụng chú để biến thực biến thủy tướng nó nhiều ra cho cô hồn ăn, đó là lòng từ bi. Còn Phật tử cho gạo muối làm sao họ ăn được, đó là việc làm không hợp lý mà là vì thói quen thôi.

Tôi chủ trương làm việc gì phải có ý nghĩa và thực tế. Trong cuộc sống của chúng ta, xung quanh mình kẻ có phước thì được ấm no sang trọng, kẻ vô phước thì đói thiếu cơ hàn. Với người cơ hàn chúng ta giúp đỡ cho họ được no ấm, việc làm này thực tế hơn và lòng mình an ổn hơn.

Hỏi: *Kính nhờ Hòa thượng giảng giải cho con vài điều sau đây: Thế gian thường nói ông bà cha mẹ làm lành để đức cho con cháu, hoặc con gái nhờ đức cha, con trai nhờ đức mẹ. Theo Phật giáo việc đó như thế nào? Có phải cha mẹ làm điều lành nên được con hiền dâu thảo, và người con này có sẵn nhân lành nên mới vào làm con, hoặc con không có sẵn nhân lành, nhờ ân đức của ông bà cha mẹ nên hưởng được phước lành?*

Đáp: Kinh sách nhà Phật nói điều này rõ lắm, Phật dạy chúng ta tùy theo nghiệp duyên lành dữ mà có sự cảm ứng khi tái sanh, nhưng cũng có trường hợp

cá biệt là nợ nần gặp nhau để trả. Thí dụ người đó dữ nhưng ngày xưa mình thọ ơn họ nên bây giờ gặp để trả... Trường hợp cha mẹ lành sanh con lành người ta tưởng do ân đức của cha mẹ để lại, nhưng sự thật là do cái nhân lành của đứa con trước đã có, nên chiêu cảm được cái nhân tốt của cha mẹ, gọi là đồng nghiệp cảm ứng. Chỉ trừ một vài trường hợp ngoại lệ. Trong sách có câu thế này: “Tử tôn tự hữu tử tôn phước, bất vị tử tôn tác mã ngư”. Con cháu nó có phước riêng của con cháu, đừng vì con cháu mà làm trâu làm ngựa. Câu này quý vị nhớ giùm. Có nhiều người bảy tám mươi tuổi vẫn còn lo cho con cháu, lo chưa tới đã ngã ra chết. Họ không hiểu được ai ra đời cũng có cái phước riêng. Có nhiều người con cha mẹ mất sớm vẫn làm nên sự nghiệp, cho nên đừng vì con cháu mà lo cho nó hoài tới ngày chết không làm được gì cho mình rồi phải bị đọa.

Hỏi: Kính thưa Thầy, con thấy đời nay nhiều người giàu có, nhưng keo kiệt bần sần, không bố thí cho người nghèo, không đi chùa, không cúng dường. Như vậy quả có lẽ đời trước họ hay cúng dường bố thí nên quả lành đã trở là được giàu có, sao tập khí lành không có?

Đáp: Điều này chắc quý Phật tử có nghe tôi giảng kinh A-hàm mấy năm về trước, đức Phật dạy có bốn hạng người: người từ tối đến sáng, người từ sáng đến sáng, người từ sáng đến tối, người từ tối đến tối.

1. Người từ tối đến sáng là người sinh ra trong cảnh khổ đau nghèo thiếu (tối) nhưng bây giờ họ lại phát tâm tốt cứu giúp người khổ hơn họ, hoặc người bị tai nạn.

Tuy họ ở trong cảnh tối nhưng tâm họ sáng suốt, về sau họ sẽ được quả tốt, đó là từ tối đến sáng.

2. Người từ sáng đến sáng là những người khi sinh ra đời có phước ở trong hoàn cảnh tốt đẹp, từ trong hoàn cảnh tốt đẹp họ lại phát tâm từ thiện giúp đỡ mọi người, đó là hạng người từ sáng đến sáng.

3. Người từ sáng đến tối là họ đang ở trong cảnh sung sướng có phước, song họ lại keo kiệt bủn xỉn, trong đời này tuy họ sáng nhưng sẽ trở lại tối.

4. Người đang ở trong cảnh xấu xa khổ sở mà lại hung dữ, làm nhiều điều tội ác. Đời nay đã tối, đời sau lại càng tối hơn, đó là từ tối đến tối.

Trường hợp Phật tử hỏi là người đang sung sướng có của mà tâm bủn xỉn thì đó là từ sáng trở đi vào tối.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, ví như có người chức quyền giàu sang nhưng họ hống hách với dân chúng, chẳng hạn Giám đốc đê ép người dưới quyền, nhưng họ lại biết đi chùa, biết cúng dường hoặc làm từ thiện xã hội v.v... Như vậy đời sau họ lại hưởng phước được giàu sang quyền thế, rồi lại quen tánh hách dịch của quyền nữa sao?*

Đáp: Phật tử này hỏi kỹ quá! Quý vị nhớ tôi thường nói rằng sanh làm người là có phước hơn sanh làm con thú. Nhưng có nhiều người được làm người mà bần cùng khổ sở, không đủ ăn, không đủ mặc. Ngược lại, những con thú như chó bẹc-giê mấy ông nhà giàu nuôi thì ăn thịt bò, bệnh thì đi bác sĩ. Như vậy là có phước

hơn người nghèo khó phải không? Đứng về mặt ăn uống thì nó có phước hơn, nhưng cái nghiệp làm thú thì có tội hơn. Như vậy ai làm phước vẫn được phước mà làm tội vẫn bị tội, cho nên Phật dạy thân này là tổng báo, tức là quả báo chung. Nếu người đó hung hăng hách dịch đàn áp người ta thì là tội phải bị đọa, nhưng mà cúng chùa, làm từ thiện thì có phước họ vẫn được hưởng. Như con vật được vào gia đình giàu có no đủ hơn con người. Phần nào có nhân quả riêng của phần đó chứ không mất.

Hỏi: *Người cha người mẹ kiếp trước thiếu nợ, nên đời này chủ nợ đầu thai làm con để đòi nợ, vì đòi nợ nên người con phá của, chơi bời lêu lổng. Như vậy người con vốn là người đòi nợ có phạm tội bất hiếu không?*

Đáp: Quý vị trả lời giùm tôi coi có phạm không? Tôi khẳng định là phạm. Vì sao? Biết rằng nợ đời trước gặp lại là trả, nhưng mình có nhớ đâu phải không? Nếu nhớ là mình đã chứng thiên nhãn thông, tức mạng thông. Vì mình không nhớ nên bây giờ mình chỉ biết mình là con; là con mà phá của thì có tội bất hiếu ngay. Chỉ khi nào mình nhớ mà mình đòi thì không có tội bất hiếu.

Hỏi: *Kính thưa Hòa thượng: Có người cúng dường Phật và các vị thánh tăng, khi mất người đó được sanh thiên. Có người tu tập thiền khi mất được sanh thiên hưởng phước báo, còn có người tu thiền định đắc từ Sơ thiền trở lên khi mất sao cũng được sanh thiên và được phước báo thù thắng hơn?*

Đáp: Tu thiền có nhiều lối tu, thường thường tu thiền chứng từ Sơ thiền đến Tứ thiền thì gọi là phạm phu thiền. Vì phạm phu thiền nên kết quả được sanh cõi trời Sắc giới. Người làm lành làm phước kết quả cũng được sanh cõi trời Dục giới. Cõi Sắc giới thì thù thắng hơn, sống lâu hơn vì nhờ sức thiền định nhưng vẫn còn ở trong cõi phạm phu thiền. Còn thiền đi tới giải thoát phải đi qua tới các thiền Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát. Cho nên chứng Sơ thiền, Nhị thiền tới Tứ thiền phải dùng trí tuệ, quán tứ đế, quán tứ niệm xứ v.v... mới tới giải thoát, nếu dừng ngang đó thì thuộc phạm phu thiền.

Hỏi: Ngài Ương-quật-ma-la và Mục-kiền-liên do tạo nghiệp sát hại nên sau bị người ném đá và giết chết, nhưng kẻ xúc phạm đến hai vị thánh tăng đó là do nghiệp lực xui khiến họ làm vậy, thế họ có bị quả báo không?

Đáp: Đây là trường hợp quả báo đời này đời nọ liên tục. Tuy các ngài phải trả quả trước cho hết, nhưng người có ác tâm hại các ngài thì vẫn phải trả quả. Quả đó không phải do các ngài đòi mà do ác tâm của người kia đã tạo. Phật dạy chúng ta tu, ân oán nên giải chứ không nên kết. Kết thì ân oán chồng chất muôn đời không hết. Ví dụ ai đó trước làm khổ mình, bây giờ mình có thể lực, muốn trả lại cho đã giận thì đó là kết, vì họ gây nhân mình trả quả, mà khi trả quả thì tạo nhân mới, nó không cùng, cho nên ngang đây xả bỏ thì sẽ dứt.

Hỏi: *Có người tham lam trộm cắp bị bắt bỏ tù. Vậy sau này người đó có còn trả quả nữa không?*

Đáp: Nếu người tham lam trộm cắp bị tù phạt ba năm, bảy năm, hết tù ra, ngang đó họ hối cải làm lành thì hết trả. Còn nếu tiếp tục thì trả quả liên miên.

Hỏi: *Người thâm lạm công quỹ (tham nhũng) sau này họ bị quả báo ra sao, nếu như họ trốn khỏi hay qua mặt pháp luật thế gian?*

Đáp: Người thâm lạm công quỹ thì quả báo không tốt, ra sao thì tới đó biết, bây giờ không thể nói trước, chỉ biết có lòng tham lường gạt của công của tư đều là có tội, mà có tội thì phải trả, hoặc trả trong trường hợp công hoặc trả trong trường hợp tư tùy theo duyên nghiệp của họ.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, tất cả chúng sanh sao người sanh nước này người sanh nước khác? Như người sanh vùng biên địa hạ tiện thì cho rằng đó là thiếu phước, nhưng nếu có dịp nào đó họ được sang nước ngoài sống đầy đủ vật chất như vậy làm sao khẳng định người đó thiếu phước?*

Đáp: Câu hỏi này quy định không được hợp lý. Hỏi tại sao người sanh nước này người sanh nước khác thì đó là tùy duyên, ai có duyên đâu thì đến đó. Còn nói người ở biên địa có dịp ra nước ngoài họ sống sung sướng như vậy họ có phước hay vô phước? Chử biên địa hạ tiện trong kinh dùng là để chỉ những người ở vùng ranh giới, hoặc ở chỗ bờ biển, hoặc chỗ rừng sâu là chỗ ít gặp

thiện hữu tri thức. Như hiện giờ quý Phật tử thấy người ở thành phố học đạo dễ hơn người ở miền quê. Vì ít phước sanh nơi đó không gặp được thiện hữu tri thức chứ không phải ít phước là nghèo. Trong nhà Phật nói ít phước là khó gặp thiện hữu tri thức, khó có cơ hội gặp đạo, hiểu đạo. Vì vậy ở biên địa có người vẫn giàu, mà nếu ở xứ mình chưa giàu, họ qua xứ khác để làm giàu, tuy giàu nhưng chưa chắc họ hiểu đạo bao nhiêu.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, tất cả những loài vật nhỏ như con ruồi, con rệp, con chấy v.v... cho đến những con vật lớn chúng có Phật tánh không? Và có phải do con người tạo tội mà thành những con vật đó không? Những con vật nhỏ nó cắn nó chích mình, mình giết nó có tội không? Trong nhà Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, có phải con người đời trước tạo tội rồi thành những con vật không?

Đáp: Cái này tùy theo nghiệp duyên, có khi con người tạo tội mà thành con vật, có khi những con vật khác chuyển, tức là trong vòng luân hồi, chỗ này đến chỗ kia. Ví dụ như người tạo tội bị đọa làm con mèo, rồi con mèo suốt đời bắt chuột ăn thì tội chồng chất thêm, con mèo đó lại sanh làm con vật khác thấp kém hơn. Như vậy đâu phải con người biến thành những con vật nhỏ tí ti, mà từ con người tạo tội bị lui sụt dần từ con vật lớn đến con vật nhỏ. Cho nên nói mất thân người kiếm lại khó là chỗ đó, và cũng không nhất định con người sanh làm con vật nhỏ, mà còn do con vật khác tái sanh. Những con vật nhỏ nó cắn, nó chích mình, mình giết nó có tội không? Tôi thường nói tội là làm khổ cho chúng sanh,

bây giờ con vật nhỏ nó cắn chích mình, mình ngứa ngứa tức là nó làm khổ mình cho nên mình đập nó tức là mình làm khổ lại nó. Nhưng nó cắn, chích mình để lấy một chút xiu máu thôi, mình không chết, mà mình đập nó thì làm cho nó chết, như vậy cái khổ nào hơn? Cái khổ nào hơn thì hành động tạo ra cái khổ đó sẽ có tội nhiều hơn.

Hỏi: Xin Thầy hoan hỷ giải thích giùm con: Con người từ đâu đến và khi chết sẽ đi về đâu?

Đáp: Câu hỏi này tôi dùng lý lẽ trong kinh mà trả lời chứ không phải cái biết riêng tôi. Trong kinh Phật dạy rõ rằng con người từ lục đạo mà tới, tức là sáu cõi: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, a-tu-la và cõi trời. Nếu người từ cõi trời xuống thì người đó vừa đẹp vừa hiền lành đức hạnh, đó là vì hết phước ở cõi trời nhưng họ còn phước dư làm người. Ở cõi a-tu-la cũng có phước khá nhưng nóng giận nhiều. Còn người nào có tư cách tốt, không có tâm giết hại người, cũng không có tâm trộm cướp, tà dâm, nói dối, không thích say sưa thì đó là đời trước làm người bây giờ trở lại làm người. Cho nên rất đứng đắn đàng hoàng. Còn nếu ở cõi súc sanh lên làm người thì còn dư báo của cõi súc sanh là tâm si mê tối tăm, học hoài không thuộc. Tuy hết quả báo ở loài vật được lên làm người, nhưng dư báo si mê còn nên tối tăm. Còn ai ở ngạ quỷ hết tội lên được làm người nhưng tâm bồn sồn còn thừa, có tiền không dám xài, không dám làm việc tốt, việc phải. Còn nếu ở địa ngục hết tội lên làm người thì thân bệnh hoạn, xấu xa, tật nguyền.

Đó là sáu chỗ tới cõi người, theo kinh Phật nói, như vậy quý vị tự nghiệm rồi biết chứ tôi không nói riêng ai được.

Và khi chết sẽ về đâu thì cũng vậy, tu thập thiện thì chết về cõi trời. Người giữ năm giới chết sẽ được làm người. Người giữ năm giới hay tu thập thiện mà chỉ bảy, tám phần, sân bỏ không được thì sanh vào a-tu-la, tuy hiền lành biết giúp người nhưng động tới thì sân. Còn người nào làm trọn thập ác thì đọa địa ngục, làm bảy, tám điều ác thì làm ngựa quỷ, ba bốn điều ác thì làm súc sanh. Đó là theo kinh Phật dạy chứ không phải theo ý tôi.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, ví như có người giữ giới mà đã lỡ phạm giới thứ ba, nhưng người đó biết ăn năn sám hối nguyện không tái phạm nữa. Như vậy người đó dần dần có được hết tội hay phải xả giới thọ lại?

Đáp: Thọ giới mà phạm thì phải sám hối, sám hối có hai cách: Người cư sĩ phạm tội sám hối khác, người xuất gia phạm tội sám hối khác. Người cư sĩ phạm tội thì chỉ sám hối với Phật với chư tăng, còn người xuất gia phạm tội thì phải sám hối với toàn thể đại chúng. Nếu đã phạm giới mà xả giới là xong, rồi thọ lại thì điều đó không hợp lý. Nghĩa là phạm giới rồi xả ra cũng vẫn còn phạm chứ không phải hết, đừng hiểu lầm như vậy. Tức là phạm tội thì phải sám hối, nhưng sám hối hết tội hay không còn tùy. Người xuất gia phạm tội thì sám hối với đại chúng, nếu đại chúng tha thì hết tội, không tha thì bị đuổi ra.

Còn trường hợp người xuất gia thọ giới rồi thấy tu không được thì xả giới hoàn tục, sau muốn tu lại, trở vô thọ giới lại thì tốt, chứ không phải phạm rồi xả giới, mai một vô tu thì hết tội.

Hỏi: Trong sử ba mươi ba vị tổ thiên tông có chuyện tổ Bà-tu-bàn-đầu vì sơ ý dựng cây gậy vào mặt tượng Phật vẽ trên vách mà bị sut quả vị. Vậy trường hợp tổ Đơn Hà đốt tượng Phật và chúng sanh đời nay khi thấp nhang hết, bỏ bao đựng nhang có in hình Phật hoặc Bồ-tát Quán Âm, người khác vô ý đập lên ắt phải mang tội hoặc lui sut phước điền?

Đáp: Thiên sư Đơn Hà đốt tượng Phật, còn tổ Bà-tu-bàn-đầu dựng cây gậy trúng mặt tượng Phật hai việc khác nhau, tội phước khác nhau. Vì sao? Dựng cây gậy ngay chỗ mặt Phật nói rằng có tội vì có vẻ khinh Phật. Vậy đốt tượng Phật thì tội lại càng nặng hơn phải không? Nhưng ở đây quý vị nên hiểu, chư vị thiên sư khi làm việc không phải làm cầu thả bướng bỉnh mà các ngài làm với tâm từ bi. Thiên sư Đơn Hà khi đốt tượng Phật rồi, thầy trụ trì hỏi tại sao đốt? Ngài đáp: “Đốt để tìm xá-lợi.” Thầy trụ trì nói: “Phật gỗ xá-lợi đâu mà tìm?” Ngài nói: “Nếu không có xá-lợi thì thỉnh một tượng nữa đốt.”

Việc đốt tượng Phật có ý nghĩa gì? Ngài Đơn Hà đốt là để phá chấp cho thầy trụ trì, vì thầy trụ trì cứ nghĩ Phật trên bàn đó là Phật thật nên không biết quay lại với Phật thật của chính mình, là Phật tánh của thầy.

Cho nên thiền sư Đôn Hà đốt để đánh thức ông rằng: Phật gỗ bên ngoài không có xá-lợi là giả, chính Phật nơi tâm mới là Phật thật. Cho nên sử nói: “Đôn Hà thiêu mộc Phật, viện chủ lạc mi mao”, tức là “Đôn Hà đốt Phật gỗ, viện chủ rụng hết lông mày”, tức là hết chấp. Đó là vì lòng từ bi mà phá chấp chứ không phải vì vô ý cầu thả mà làm.

Còn việc dựng cây gậy nhằm chỗ vẽ tượng Phật là việc làm vì cầu thả nên bị quở, hai cái khác nhau, Phật tử nên hiểu rõ.

Trường hợp bao nhang bỏ ngoài đường nếu vì không nhớ, không thấy mà bỏ thì không sao, còn thấy hình Phật mà bỏ đại cho người ta giẫm đạp thì đó là cầu thả có tội. Vậy nên khi hết nhang rồi, bao nhang bỏ vào thùng đốt là xong.

Hỏi: *Có người nói rằng người ăn xin là do nghiệp bòn sẻn tham lam nên bị đói khổ, nếu mình bố thí giúp đỡ họ tức là làm trái luật nhân quả. Như vậy phải trả lời với người đó thế nào?*

Đáp: Quý vị nhớ có tội mới chịu cảnh khổ, người đó trước họ tạo tội cho nên bây giờ họ chịu khổ. Nhưng chúng ta là người biết đạo có lòng từ bi thấy họ khổ mình thương mình giúp, chứ thấy người ta khổ nói: mặc kệ, để họ trả dứt cái nghiệp của họ. Như vậy là không có lòng từ bi, tức là thấy khổ mình trơ ra, không chút thương xót, không đúng với tinh thần của người Phật tử có đạo đức.

Hỏi: Kính mong Thầy giải thích giúp con vấn đề sau: Thân phụ con vì lý do bệnh hoạn, sức khỏe kém, bác sĩ khuyên không nên trường chay, dù vậy người vẫn tu hành tinh tấn, hằng ngày tham khảo kinh sách, hằng đêm ngồi thiền. Kính bạch Thầy, một người có tâm tu hành tinh tấn nhưng không trường chay có thể đắc đạo được không?

Đáp: Tôi trả lời bằng cách dẫn câu chuyện thiền sư Việt Nam. Ngài Tuệ Trung thượng sĩ là một cư sĩ tu thiền. Một hôm em gái ngài là hoàng hậu thiết tiệc đãi, trong tiệc có phần chay cho Thượng sĩ dùng. Khi ngồi vào tiệc, chay mặn gì ngài cũng gắp ăn hết, bà lấy làm lạ hỏi: “Huynh tu thiền mà còn ăn thịt cá rồi có thành Phật không?” Ngài đáp: “Phật là Phật, anh là anh. Anh không cầu thành Phật, Phật không cầu làm anh. Hoàng hậu không nghe người xưa nói: Văn-thù là Văn-thù, Giải Thoát là Giải Thoát đó sao?”

Bởi vô minh nên hiểu lầm, nói tôi tu để cầu thành Phật, nhưng mà cầu thành Phật là trở thành ông Phật phải không? Hay là tu để sạch phiền não? Thường chúng ta hay cầu một cái gì để trở thành mà chúng ta quên dẹp những cái làm cho chúng ta mất ông Phật. Chúng ta đã có sẵn tánh giác, nhưng vì mê muội chạy theo trần cảnh, đắm nhiễm làm chúng sanh, bây giờ dẹp hết cái mê muội đắm nhiễm đó thì ông Phật hiện ra chứ thành cái gì, cầu ở đâu?

Như vậy ăn chay ăn mặn là hình thức bên ngoài, còn cái mê và giác là ở trong. Nếu hết mê thì giác,

Phật ở ngay đó chứ không phải tại ăn mặn mà không thành Phật. Nếu nói ăn mặn không thành Phật thì các vị tu theo Phật giáo Nguyên thủy rầy mình vì Nguyên thủy đâu có ăn chay. Nói vậy quý Phật tử nghĩ chắc Thầy tùy hỷ cho ăn mặn? Tôi xin nói thêm là tôi không tùy hỷ việc ăn mặn mà chỉ nói lẽ chân chính là như vậy. Chúng ta ăn chay khỏe được nhiều việc: một là khỏi phạm tội sát sanh, hai là khỏi bị những chất độc nhiễm hại thân mình, ba là ăn chay đơn giản hơn, ít đòi món này món nọ. Tôi nghĩ đến những người làm nghề đánh cá, trời lạnh lẽo lặn lội dưới sông thả lưới kéo cá, thay vì trồng vài liếp rau, mỗi sáng tưới ít nước đến bữa cắt vô lộc chாம் tương ăn khỏe biết mấy, giúp cho mình bao nhiêu cái đỡ khổ đỡ nhọc.

Hỏi: Con là Phật tử ở xa, con không hiểu vì sao mỗi lần nghe băng hoặc xem phim Thầy giảng thì tự nhiên con rơi nước mắt. Xin Thầy từ bi giảng giải cho con được rõ là do duyên gì?

Đáp: Điều này trong nhà Phật có nói: Khi đến chùa lễ Phật hoặc nghe chư tăng chư ni tụng kinh tự nhiên xúc động rơi nước mắt, đó là do duyên lành lâu đời. Giống như chúng ta có người thân đi xa lâu ngày bất chợt gặp lại mừng mà rơi nước mắt. Trường hợp Phật tử này nghe kinh rơi nước mắt là duyên lành có sẵn, chứ không tội lỗi gì hết.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, con có vài thắc mắc kính xin Hòa thượng từ bi giải thích cho con hiểu.

1. Tu theo đạo Phật có lợi ích gì cho bản thân, gia đình và xã hội?

2. Tu cốt yếu điều phục thân khẩu ý, ở nhà tu cũng được, sao phải xuất gia? Tu tại gia và xuất gia có ưu khuyết chỗ nào?

Đáp:

1. Người tại gia tu theo Phật đầu tiên là phải quy y Tam bảo và thọ trì năm giới. Thường ngày Phật tử giữ năm giới đó là tu, chứ không phải ăn chay nhiều niệm Phật giỏi. Nếu ăn chay niệm Phật mà không giữ năm giới cũng chưa gọi là tu. Giữ năm giới là cái gốc rồi mới ăn chay niệm Phật. Giữ năm giới bản thân mình không sát sanh trộm cắp thì không bị tù tội, không tà dâm thì không bị người khinh vì lỗi ngoại tình, không nói dối thì không bị người chê trách vì xảo trá loạn ngôn v.v... giữ bao nhiêu đó đã trở thành người tốt rồi, đó là lợi ích bản thân.

Trong gia đình vợ chồng đều giữ giới thì không nghi ngờ nhau, gia đình êm ấm thuận hòa. Cái gốc gây xào xáo trong gia đình là không tin nhau, nghi kỵ nhau, bây giờ giữ năm giới không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không say sưa đánh đập thì gia đình an ổn hạnh phúc. Đó là có lợi cho gia đình.

Trong ấp trong xã, ai ai cũng giữ tròn năm giới thì trong ấp trong xã đó không lo sợ bị người giết hại, không lo sợ bị người móc túi, không sợ bị người lừa gạt, không sợ người chèn chén nghiện ngập gây tai họa. Đó là có lợi cho xã hội.

2. Tu cốt yếu điều phục thân khẩu ý, vậy tại sao phải xuất gia, tu tại gia và xuất gia có ưu khuyết chỗ nào?

Tôi xin trả lời câu hỏi này. Người tại gia có cái tốt của người tại gia, người xuất gia có cái hay của người xuất gia.

Người tại gia giữ năm giới, biết làm điều lành, giúp người hoạn nạn v.v... đó là cái tốt của người tại gia, nhưng chỉ làm trong phạm vi giới hạn vì còn phải có trách nhiệm với gia đình con cái, với thân thuộc xóm giềng, cho nên công tác có giới hạn. Còn người xuất gia là rời khỏi gia đình, dứt mọi ràng buộc của thân bằng quyến thuộc chỉ còn một việc là bản thân tu cho có đủ bi trí, đủ khả năng khuyên dạy người tu. Như vậy người xuất gia vì ít việc, họ có thì giờ tu khá và truyền bá được Phật pháp, nhờ vậy mà chánh pháp được mở rộng đó là cái ưu của người xuất gia.

Hỏi: Xin Thầy từ bi giảng cho con hiểu hai chữ Trung thiên trong câu: Nam-mô Trung thiên giáo chủ Điều ngự Bốn sư Thích-ca-mâu-ni Phật.

Đáp: Chữ Trung là ở giữa, chữ Thiên là trời. Trong nhà Phật thường nói Phật là vị đạo sư của trời người là cha lành của bốn loài, quý vị có nghe câu: “Thiên nhân chi đạo sư, tứ sanh chi từ phụ” không? Cõi trời ở trên gọi là thượng giới, cõi người ở dưới gọi là hạ giới. Hai chữ Trung thiên là chỉ cả thượng giới và hạ giới.

Hỏi: Xin Thầy cho biết về nghĩa của “vô thượng sư”. Nếu có người tự xưng là vô thượng sư thì người đó phải như thế nào?

Đáp: Từ này có lần tôi đã giải thích rồi. Từ “vô thượng sư” không có trong đạo Phật mà có trong tôn giáo khác ở Ấn Độ. Đức Phật thường nói ngài là vô thượng

y vương tức là vua của các ông thầy thuốc chứ không có xưng vô thượng sư. Người nói từ này không phải là người theo đạo Phật, mà nếu họ nói họ theo đạo Phật tức là họ lợi dụng danh nghĩa đạo Phật chứ không phải đạo Phật.

Hỏi: *Nếu như người còn sống không biết ăn chay, không biết gì về đạo Phật, sau khi chết gia đình thỉnh quý thầy quý cô về tụng kinh cầu nguyện thì người chết có được giảm tội không? Hay tự mình phải lo tu, không tạo nghiệp ác mới không bị tội.*

Đáp: Chúng ta tu là để dứt những ác nghiệp do mình tạo. Ví dụ như mình lỡ tập hút thuốc uống rượu thành ghiền, bây giờ biết nó hại thì mình phải bỏ, chứ mời quý thầy quý cô tới nhờ tụng kinh cầu nguyện cho hết ghiền, có ai dám lãnh điều đó không? Nếu tụng cho có phước thì được, chứ tụng cho hết ghiền thì không được đâu, vì ghiền là cái nghiệp, muốn hết nghiệp thì chính mình phải chuyển, còn nhờ người khác làm thì chỉ có một phần nào chứ không lợi ích nhiều. Kinh Địa Tạng có nói: Mình tụng kinh cho người chết, trong mười phần người chết chỉ hưởng có ba phần thôi mà người sống hưởng bảy phần. Vì người sống phát tâm tụng kinh, muốn nghe kinh nên họ có phước nhiều hơn, người chết thì không được bao nhiêu.

Hỏi: *Kính bạch Sư ông, con nghe Sư ông dạy pháp tu từ thấp lên cao, ở hoàn cảnh nào tu cũng được, như vậy sao có nhiều thầy ở Thiền viện vào các chùa ở Thành phố để tu và học, con có hỏi thì quý thầy nói ở Thiền viện tu không được mà phải về Thành phố tu. Vậy là nghĩa làm sao?*

Đáp: Điều này rất dễ hiểu, bởi vì tâm chúng sanh không bao giờ có cái hài lòng, ở đây thì trông kia, ở kia thì trông đây. Ở Thiên viện chỉ học chữ Hán và học kinh để ứng dụng tu thôi, không có cấp bằng học vị, cho nên cứ tu hoài không thi cử, không phát cấp bằng. Ở mười năm, hai mươi năm cũng chỉ là ông thiên tăng thôi. Khi tu nếu không thấy được tâm lặng lẽ là quý thầy nản muốn tìm chỗ khác học để bốn năm có cấp bằng, bảy năm có cấp bằng, có cấp có bậc rõ ràng. Lý do là vậy thôi.

Hỏi: *Có Thầy nói: Hòa thượng chỉ dạy Đại thừa chứ không dạy Tiểu thừa, vì trình độ thấp quá không hiểu được, có phải vậy không? Xin Hòa thượng giảng cho con hiểu.*

Đáp: Thật ra ở đây không dạy Đại thừa, Tiểu thừa gì hết mà chỉ dạy cho mọi người hiểu được lời Phật dạy để ứng dụng tu. Lời Phật dạy có khi nói về nghiệp tướng của chúng sanh thì gọi là kinh Tiểu thừa, còn chỉ thẳng về tâm tánh của chúng sanh thì gọi là kinh Đại thừa. Ở đây mấy năm về trước tôi có dạy A-hàm, Tứ Thập Nhị Chương, Di Giáo. Chúng tôi đối chiếu giữa kinh A-hàm và Nikāya đó là kinh gì? Như vậy chúng tỏ người nói không căn cứ, không hiểu gì hết.

Hỏi: *Ở giảng đường Phật giáo Nam tông, con thấy đa số Phật tử rất thành kính và cúng dường rất nhiều. Ở giảng đường Bắc tông Phật tử ít thành kính và cúng dường ít hơn. Vì sao có sự hơn kém như vậy? Kính xin Thầy giải thích cho chúng con được hiểu.*

Đáp: Thật ra bên Nam tông đặt nặng vấn đề người xuất gia thọ giới lớn thì công đức nhiều, người thọ giới nhỏ thì công đức ít, hai cái đó căn cứ trên hình thức, mà hình thức thì người ta dễ thấy. Còn Bắc tông đa số căn cứ vào nội tâm, các Phật tử thấy quý thầy có khi xá có khi lễ, còn Nam tông thì nhất định phải lễ chứ không chỉ xá thôi. Ở Cao Miên, Miến Điện, Tích Lan một vị tăng quán y đi ngoài đường Phật tử thấy thì quỳ mọp dưới đất lạy. Còn ở Việt Nam, Trung Hoa Phật tử gặp quý thầy xá chào, cười là đủ. Vì bên này đặt nặng phần nội tâm, trong tâm quý kính là đủ.

Hỏi: *Sao Phật giáo Nam tông không thờ những vị Bồ-tát, trong khi kinh Nam tông có nói đến chư Bồ-tát?*

Đáp: Điều này tôi xin nhắc lại, bởi vì Nam tông đặt nặng quả vị A-la-hán nên không thờ các vị Bồ-tát dù kinh Bản Sanh đức Phật đã từng nói ngài tu hạnh Bồ-tát. Kinh Bản Sanh, Nam tông và Bắc tông đều có. Như vậy, các ngài thừa nhận mà các ngài không thờ vì các ngài đặt quả A-la-hán là cứu cánh. Nhưng muốn đến quả Phật thì phải hành hạnh Bồ-tát, nên Bắc tông thờ các Bồ-tát. Còn Nam tông hành hạnh A-la-hán, không hành hạnh Bồ-tát nên không thờ Bồ-tát chỉ thờ Phật thôi.

Hỏi: *Tăng chúng là phước điền của chúng sanh, nếu như một thửa ruộng được gieo gặt nhiều quá thì thửa ruộng đó sẽ cần cỗi hết màu mỡ. Vậy nhà sư thọ cúng dường của Phật tử quá nhiều, nhà sư đó có bị suy giảm công đức hoặc phước đức không?*

Đáp: Câu hỏi này cũng hay. Ví dụ như miếng ruộng một năm mình làm tới ba bốn vụ thì đất cần côi hết màu mỡ, còn làm một hai vụ thì đất còn màu mỡ hơn. Cũng vậy một nhà sư được Phật tử cúng dường nhiều quá thì phước điền càng ngày càng mòn mỏng, có phải vậy không? Có hai trường hợp: Nếu người tu chưa có ra gì mà nhận của cúng dường nhiều để thụ hưởng thì tổn phước. Còn nếu người tu hiểu đạo lý thông suốt và những gì Phật tử cúng đem làm Phật sự lợi ích cho chúng sanh thì không tổn phước. Mình là người giúp đỡ cho Phật tử làm phước thôi chứ không phải mình thụ hưởng. Mình không hưởng thì làm gì tổn.

Hỏi: *Con có vài điều không hiểu kính xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy. Có kinh nói đức Phật Thích-ca và đức Phật A-di-đà là hai người bạn chí thân, Bảo Hải và Bảo Tạng đều bằng tuổi nhau, sau bỏ ngôi vua đi tu thành Phật. Sao có kinh lại nói đức A-di-đà là Phật quá khứ, đức Thích-ca là Phật hiện tại?*

Đáp: Chẳng những Phật Thích-ca và Phật Di-đà là bạn chí thân mà đức Phật nào cũng chí thân hết. Tại sao vậy? Vì không có phiền não thì có gì ngăn ngại mà không thân, chỉ có phàm phu mới có thân có sơ, vì có người mình thương có người mình ghét, Phật không còn thương ghét nên Phật nào cũng thân hết.

Sở dĩ gọi đức Phật Thích-ca là Phật hiện tại là vì ngài giảng sanh ở cõi Ta-bà của chúng ta, ở ngay trong thế gian này nên gọi ngài là hiện tại. Còn đức Phật A-di-đà là ở cõi Cực lạc, ở xa tít mà mình chưa tới lần nào,

vì quá xa nên nói là Phật quá khứ, nghĩa là ngài thành Phật từ thuở nào rồi.

Hỏi: Lục tổ Huệ Năng rất có hiếu với mẹ, sau khi nghe kinh Kim Cang ngài nhờ người nuôi hộ mẹ để đi tu. Sau khi ngộ đạo sao ngài không về độ mẹ tu, như tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên?

Đáp: Ngài Huệ Năng sau khi nghe kinh Kim Cang nhờ người khác nuôi mẹ mình để mình đi tu, như vậy có phải bất hiếu với mẹ không? Đó là một vấn đề. Khi người tu ngộ đạo rồi mới thấy thân người có đây dài lắm là tám chín mươi năm rồi cũng hoại, nhưng khi ngộ được Phật tánh nơi mình thì Phật tánh không bao giờ hoại, không bị thời gian chi phối. Như vậy khi ngộ đạo rồi thì việc cứu độ chúng sanh là trên hết. Lục Tổ sau khi thành đạo rồi ngài trở về quê ở Lãnh Nam tức về chùa Nam Hoa ở Tào Khê giáo hóa. Trong sử không thấy nhắc tới mẹ ngài chắc là mẹ ngài đã tịch rồi. Sử ghi là ghi những việc làm của ngài đối với mẹ, nhưng khi ngài về mà mẹ mất thì có gì mà ghi. Cho nên không nhắc đến thì biết mẹ ngài đã tịch rồi, ngài chỉ lo giáo hóa chúng sanh để đền ơn mẹ thôi. Trường hợp này không có bất hiếu.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, nếu một người con sau cái chết của cha mẹ mà hướng về Phật pháp, phát nguyện tu hành đạt đạo để cha mẹ được lên cõi trời. Trong trường hợp này phải mấy chục năm sau hoặc một vài kiếp sau bản nguyện này mới thực hiện được, và cha mẹ lúc đó đang luân hồi ở một cõi nào thì bản nguyện này có còn tác dụng nữa hay không?

Đáp: Câu hỏi này cũng có ý nghĩa, tôi lặp lại cho rõ. Nếu ngay đời này tu mà ngộ đạo đắc quả thì cha mẹ được sanh lên cõi trời. Nhưng nếu đời này tu không ngộ, đời sau cũng không ngộ, mà đời thứ ba hay đời thứ tư mới ngộ, thì cha mẹ đời này luân hồi ở cõi nào và cha mẹ được sanh cõi trời là cha mẹ đời nào? Nếu cha mẹ đời thứ ba hay đời thứ tư được sanh thì cha mẹ đời này có được ảnh hưởng gì không? Tôi trả lời là có. Cha mẹ đời này luân hồi nơi nào đó, chừng mình ngộ đạo rồi mình theo duyên tìm kiếm để giáo hóa cho cha mẹ được lên cõi trời, không phải trực tiếp lên cõi trời mà nhờ sự giáo hóa, cha mẹ tu được sanh cõi trời. Còn cha mẹ sanh thân này trực tiếp thì được kết quả sanh cõi trời. Như vậy cũng hữu ích chứ không vô ích đâu, đừng có lo. Quý Phật tử hiểu thảo với cha mẹ ráng tu đi, đời này chưa độ được thì đời sau, hoặc đời sau nữa, chỉ sợ cha mẹ thiếu phước phải luân hồi sanh tử, và mình không chịu tu nên cũng luân hồi theo thì không ai cứu ai được.

Hỏi: *Màu vàng trong Phật giáo có ý nghĩa gì?*

Đáp: Theo kinh, luật Phật dạy thì tu sĩ phải mặc y phục khác màu với thế tục, nên phải nhuộm màu hoại sắc để khác người thế tục. Nhưng sau này có một phái rất thanh trong Phật giáo Nam tông là Đàm Vô Đức lấy màu vàng làm màu y phục, vì màu vàng có vẻ chói chang, dân chúng ít ai chịu mặc. Cái gì thế gian chê thì các ngài dùng để tránh không lẫn lộn.

Hỏi: *Con nghe nói tu là có thể chuyển được nghiệp. Vậy hàng xuất gia thì dễ còn hàng Phật tử tại gia có chuyển được hay không?*

Đáp: Quý Phật tử có nhớ nghiệp xuất phát từ đâu không? Từ thân, miệng, ý. Bây giờ tôi chỉ nói nghiệp miệng thôi, giả sử bên nam cái miệng thích hút thuốc, bên nữ miệng thích ăn trầu, mà hút thuốc quen, ăn trầu quen thành nghiệp chưa? Thành nghiệp rồi. Nhưng hút thuốc ăn trầu có bỏ được không? Hút thuốc bỏ được, ăn trầu bỏ được thì nghiệp người thế gian cũng bỏ được, phải không? Ví dụ người thế gian mỗi khi giận hay chửi con, chửi cháu, bây giờ biết tu rồi thì khi giận không chửi nữa mà làm thinh. Như vậy có chuyển được không? Được. Vậy người xuất gia hay tại gia nếu khéo tu đều chuyển được nghiệp.

Hỏi: *Quả hiện tại là do mình gieo nhân ở quá khứ, nhưng tại sao người ta thường nói con gái nhờ đức cha, con trai nhờ đức mẹ. Vậy hành động của cha mẹ có ảnh hưởng đến con cái hay không. Có trường hợp người cha hoặc người mẹ làm việc bất thiện, sau đó sanh con ra không được bình thường thì mọi người nói tại cha nó làm ác nên mới thế. Vậy đó là do trùng hợp hay sự thật có ảnh hưởng?*

Đáp: Câu hỏi này rất gần với quý Phật tử. Thường ở thế gian người ta nói con gái nhờ đức cha, con trai nhờ đức mẹ. Vậy việc tu của mình với cha với mẹ ảnh hưởng nhiều ít? Tôi xin giải thích cho quý Phật tử hiểu. Việc tu của mình là gốc, nhưng trong nhà Phật nói: Chúng ta sinh ra đời còn có cái đồng nghiệp với cha mẹ, tức là cha mẹ thiện thì con cái thiện tới với cha mẹ, cha mẹ ác thì con cái ác tới với cha mẹ đó gọi là đồng nghiệp cảm. Nhưng có trường hợp ngoại lệ, có khi cha mẹ thiện

mà con lại ác, đó cũng là nghiệp cảm, thì nghiệp cảm đó có hai nghĩa: Nghiệp cảm do lòng thương quý, nghiệp cảm do lòng thù hận.

Tôi thường khuyên quý Phật tử lúc sắp lâm chung đừng giận ai, cũng đừng thương ai để tránh nghiệp cảm. Vì thương hay ghét đều chứa trong lòng, mà chứa trong lòng là có cảm. Thương ai hay ghét ai đều nằm trong ký ức, khi sắp chết, những cái hiện tại mình bỏ qua hết rồi, chỉ còn trong ký ức. Người mình thương nhớ nhiều hay oán ghét nhiều khi tái sinh thì gặp lại. Nếu oán ghét nhiều thì gặp lại để trả nợ, cho nên có những gia đình cha con không thuận, rầy rà khổ sở. Họ đổ thừa tại tuổi không hợp, nhưng không ngờ rằng cái tâm thù hận nó cảm với nhau tới để mà trả nợ. Bởi vậy biết tu rồi thì phải giữ tâm đừng khởi niệm oán thù ai.

Tóm lại nghiệp thiện ác mà chúng ta huân tập trong ký ức đủ duyên chiêu cảm thành nghiệp hiện hành, chứ nói theo thế gian con gái nhờ đức cha, con trai nhờ đức mẹ là không đúng, đó không phải là chân lý.

Hỏi: Ngài Tỳ-ni-đa-lưu-chi khi chưa xuất gia học đạo, tại sao khi mới gặp tổ Tăng Xán tổ lại bảo ngài qua phương Nam giáo hóa. Như vậy, ngài chưa học chưa biết gì thì làm sao, giáo hóa độ sanh?

Đáp: Câu hỏi này là lầm. Ngài đã xuất gia ở Ấn Độ vì chư tổ đã mang y bát về Trung Quốc, nên ngài tìm qua Trung Quốc, đến núi Tư Không gặp tổ Tăng Xán, được Tổ khai thị ngài liền ngộ, Tổ mới dạy qua phương Nam, chứ không phải chưa xuất gia.

Hỏi: *Tu pháp nhãn nhục nếu có bị oan ức gì thì không nên biện bạch. Vậy không biện bạch thì có ai biết mình oan ức đâu, lúc đó mình sẽ bị tống đi chỗ khác như thế phải làm sao?*

Đáp: Tất cả cái oan ức mà người ta gieo cho mình có hai trường hợp. Nếu cái oan ức đó họ bảo mình giải thích cho phân minh thì mình giải thích, còn không ai bảo thì thôi mình làm thình bốp qua. Nhưng mà chúng ta đâu chịu bốp qua, cứ nói với người này, người khác để giải cái oan ức cho mình, mà khi giải oan ức của mình thì người gieo oan ức cho mình là xấu hay tốt? Khi biện bạch rằng tôi không có mà người đó làm như vậy... là như kết tội người ta rồi, khiến người ta thêm giận mình nữa.

Hỏi: *Kính xin Hòa thượng giản trạch cho con rõ: Theo kinh văn thì Ngũ Tổ là thân sau của Tài Tông đạo giả, nhưng theo lý nhân duyên muốn có thai sanh thì phải hội đủ hai giới tính âm dương, nhưng ở đây cô gái nhà họ Châu chỉ được gặp Tài Tông đạo giả một lần và hứa cho ngài được ở trọ lại gia đình nếu được cha mẹ của nàng ưng thuận, ngang đó đạo giả liền đi ngay không có tá túc lại gia đình cô gái họ Châu. Vậy nhân duyên gì khiến cô gái họ Châu có thai để sanh ra hài nhi trai và bảy tuổi gặp Tứ Tổ nhận làm đệ tử?*

Đáp: Cái nghi này rất có lý, tôi ngày xưa cũng không bằng lòng chỗ này. Nhưng tôi nói phân hai cho quý vị hiểu, câu chuyện thì như vậy nhưng chúng ta phải xác định là bà không có chồng mà có con phải không?

Chuyện hơi khó tin nhưng gần đây các nhà khoa học lại có cái nhìn khác, người ta nói năm nào tôi không nhớ, ở Pháp có phát minh ra con ếch không có bố, tức là không có ếch cha mà có ếch con. Gần đây có thông tin về một nước toàn là phụ nữ không có nam nhân mà dòng giống không mất. Thông tin nói rằng có một cái giếng, ai muốn sanh con tới đó múc nước lên uống sau đó có thai sanh con. Như vậy có những trường hợp ngoại lệ, cô gái họ Châu sanh con cũng là một ngoại lệ. Bây giờ chúng ta thấy vậy hay vậy lạm bàn chưa chắc đã đúng. Thôi thì Phật tử chỉ nên biết ngài ngộ đạo giảng kinh chúng ta nghe được rồi, chuyện đúng sai không cần thiết.

Hỏi: Xin Thầy giảng cho con hiểu tại sao Phật Thích-ca và Phật Quán Thế Âm xuất gia rồi còn để tóc.

Đáp: Điều này cần nói cho Phật tử hiểu. Đức Phật Thích-ca có ba mươi hai tướng tốt, trong đó có tướng tóc xoáy ốc vòng phải, là một trong những tướng tốt. Khi ngài vượt thành tầm đạo, ra khỏi thành thì ngài đã cắt tóc và sau khi chứng đạo dưới cội bồ-đề thành Phật, ngài dạy tất cả Tỳ-kheo phải cạo bỏ râu tóc. Dạy đệ tử cạo bỏ râu tóc thì ngài đâu có để. Nhưng bây giờ đắp tượng người ta muốn làm đủ các tướng tốt thì phải để tóc xoáy ốc trên đầu cho đủ ba mươi hai tướng tốt.

Còn nói ngài Quán Thế Âm không phải Phật mà là Bồ-tát. Vì tu hạnh Bồ-tát không nhất thiết cạo đầu, có thể là cư sĩ là quan tước đủ hạn... Kinh Phổ Môn nói: “Ứng hiện Tỳ-kheo thân đặc độ giả tức hiện Tỳ-kheo, ứng hiện đồng nam đồng nữ v.v...” tùy hạng chúng sanh nào muốn cứu khổ ngài liền hiện tướng đó để giáo hóa.

Ngài tùy sở nguyện của chúng sanh mà hiện thân không cố định, song phần nhiều hiện tướng cư sĩ để hành hạnh Bồ-tát theo sở nguyện của chúng sanh. Còn tăng ni phải cạo bỏ râu tóc theo luật Phật dạy để dễ tu.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, trong chúng của ngài Bàn Khuê (Bankei) có một đệ tử hay lấy cắp đồ của huynh đệ, chúng đề nghị ngài Bàn Khuê đuổi người ấy đi, nếu không mọi người sẽ bỏ đi hết. Ngài Bàn Khuê nói: “Dù mọi người có bỏ ta đi hết nhưng ta không thể đuổi đệ tử này.” Xin Hòa thượng giải thích cho con hiểu vì sao một người phạm giới trộm cắp mà ngài Bàn Khuê không đuổi?*

Đáp: Trong câu chuyện này ngài Bàn Khuê còn nói thêm một câu nữa. Ngài nói rằng: “Các ông khôn ngoan đi đâu ở đâu cũng được, còn chú này ngu xuẩn nếu ta đuổi thì chú đi đâu?” Cho nên ngài không đuổi là vì lòng từ bi thương người đệ tử ngu dại, đi ra bơ vơ không nơi nương náu không ai dạy dỗ, chứ không phải là ngài dung dưỡng thói hư trộm cắp.

Hỏi: *Bạch Sư ông, con nghe trong kinh nói rằng người mới chết mà nóng ở đỉnh đầu thì được sanh lên cõi trời, nóng ở ngực thì sanh làm người, nóng ở bụng thì sanh làm súc sanh, nóng ở chân thì làm ngựa quý. Vậy người tu thoát khỏi tam giới khi chết nóng ở đâu xin Sư ông hoan hỷ chỉ dạy.*

Đáp: Vì còn sanh trong lục đạo thì còn có chỗ trụ, hết sanh trong lục đạo thì toàn thân đều mát không còn nóng chỗ nào cả.

Hỏi: *Phái nữ tu không chứng đạt, vậy tu có ích gì và tu thế nào để chứng đạt như các ông? Kính mong Sư ông giảng giải cho chúng con rõ.*

Đáp: Đây là Phật tử hiểu lầm, bên nữ tu hay lắm chứ đâu có dở. Bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề là người nữ xuất gia đầu tiên lãnh đạo năm trăm ni chúng. Khi Phật sắp Niết-bàn bà dẫn ni chúng đến đánh lễ xin Phật cho bà và ni chúng nhập diệt trước vì không đành lòng thấy Thế Tôn nhập diệt. Thế Tôn hứa khả, bà về trú xứ cùng năm trăm ni chúng ngồi yên nhắm mắt tịch diệt. Như vậy chúng tở bà cùng ni chúng đã chứng A-la-hán mới tự tại như vậy, chưa chắc các ông tịch được một lúc như vậy. Phật tử này chưa hiểu điều đó nên thắc mắc.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, cho phép con hỏi: Tổ sư Đạt-ma vác một cành cây trên vai và quảy một chiếc giày là nghĩa gì?*

Đáp: Tổ sư Đạt-ma vác gậy tre trên vai và cuối đầu gậy có một chiếc dép. Hình ảnh này tôi thường giảng. Công dụng cái vai là gánh vác, mục đích của Tổ từ Ấn Độ sang Trung Hoa là gánh vác một sự nghiệp thoát ngoài cái đối đãi. Đi dép thì đi một đôi, một đôi là hai bên, nếu bỏ một chiếc thì chiếc kia vô dụng, nhưng ngài lại quảy một chiếc để nói lên ý nghĩa mục tiêu của ngài đến Trung Hoa truyền đạo thoát ngoài đối đãi. Cho nên có nhiều người hỏi rằng tu đạo giải thoát hết đối đãi rồi thì còn cái gì? Hình ảnh ngài bẻ cành lau quẳng xuống biển và lướt cành lau đi qua biển để nói lên ý nghĩa khi qua hết đối đãi thì có diệu dụng không thể nghĩ bàn.

Hỏi: *Tại sao các chùa mỗi chiều cúng thí cô hồn tại bàn hộ pháp. Vậy hộ pháp có phải là cô hồn không?*

Đáp: Các vị hộ pháp tượng trưng cho các vị Bồ-tát thường ủng hộ ngôi già-lam, mà cô hồn là quỷ đói mỗi lần cho ăn nó giành giật mất trật tự, cho nên nhờ các vị hộ pháp giữ trật tự cho cô hồn khỏi ồn ào chứ không phải hộ pháp là cô hồn.

Hỏi: *Thờ ông Tiêu Diện có ý nghĩa gì?*

Đáp: Ông Tiêu Diện là vị hộ pháp mặt mày dữ dằn, trong miệng có lửa đỏ để trừng trị mấy đứa quỷ hung dữ, ngộ nghịch. Trong đạo Phật có nhiều ý nghĩa rất là thâm trầm. Từ bi của đạo Phật có từ bi thuận hạnh và từ bi nghịch hạnh.

Từ bi thuận hạnh là thấy người ta khổ mình an ủi, giúp đỡ, còn từ bi nghịch hạnh gặp mấy chú côn đồ hung dữ vỗ về nó có nghe đâu, cho nên phải hóa ba đầu sáu tay dữ dằn hét ra lửa cho nó hoảng sợ và nhờ đó nó phục thiện, nói nó mới nghe. Hiểu như vậy quý vị mới thấy từ bi trong đạo Phật rộng lắm.

Hỏi: *Hòa thượng cho phép con hỏi mấy câu: Cha mẹ có con xuất gia, khi cha mẹ đã già muốn quy y Tam bảo thì quy y với người con có được không hay phải quy y với vị thầy khác? Nếu quy y với người con thì phải đúng như pháp mà cung kính hầu hạ thầy thì người con có lỗi bất hiếu với cha mẹ không?*

Đáp: Tôi xin thưa rằng người có phước mới có con đi tu, nhưng muốn quy y thì nên quy y với người khác cho dễ.

Vì nếu nghĩ thầy cho mình quy y là con thì không có tâm kính tăng như đệ tử trọng thầy, còn nếu trọng tăng như đệ tử trọng thầy thì vị tăng đó sẽ khó mà xử sự. Bởi vì nếu coi cha mẹ như đệ tử thì trái với luân lý, còn coi cha mẹ như cha mẹ thì trái với pháp quy y, vì vậy nên chọn thầy khác mà quy y tốt hơn.

Hỏi: Ở chùa mỗi tối và sáng động đại hồng chung để chi?

Đáp: Đánh chuông để cảnh tỉnh hay đánh thức. Nghe tiếng chuông dễ thức tỉnh lắm, vì tiếng chuông âm thanh thâm trầm nghe như có cái gì nao nao trong lòng, cho nên có câu: “Cảnh tỉnh ái hà danh lợi khách.” Là người khách đang mê trong biển ái, nhờ tiếng chuông mà họ thức tỉnh. Vào buổi khuya đánh chuông, Phật tử nghe chuông thức dậy tụng kinh ngồi thiền, đó là cảnh tỉnh. Vì lợi ích đó nên các chùa gióng chuông vào buổi tối buổi khuya.

Hỏi: Đại ngộ với tiểu ngộ khác nhau thế nào?

Đáp: Ví dụ chúng ta đọc kinh có vấn đề không hiểu, hôm nào đó ngồi thiền tâm yên bất chợt hiểu, đó là tiểu ngộ, tức là hiểu một vấn đề hay một câu trong kinh mà trước đây đọc qua không hiểu, nay nhờ tu tâm thanh tịnh bất chợt hiểu. Còn đại ngộ là thấu triệt toàn bộ, đó gọi là đại ngộ hay triệt ngộ. Đại ngộ và tiểu ngộ sâu cạn khác nhau.

Hỏi: Kính thưa Thầy, vừa qua Thầy giảng về Phật thật Phật giả, chúng con là Phật thật chưa thành mà

kính nể đức Phật xưa kia nên nay hằng đêm đều lấy Phật thật chưa thành này mà lạy Phật giả trên bàn, vậy là sao? Nên làm sao? Còn việc đốt nhang cúng nước Phật tượng Phật giả là sao? Xin Thầy giải cho chúng con được biết.

Đáp: Chúng ta có hai cách tu: Một là dùng trí tuệ quán chiếu, hai là dùng lòng thành tín mà quy hướng về Phật. Lòng thành tín là thờ đức Phật trên bàn tuy biết đó là Phật gỗ, Phật thạch cao, nhưng vẫn tin Phật ngự trong nhà mình, trong chùa mình, tin như vậy mà cung kính lễ Phật, cung kính cúng hương hoa. Do niềm tin mạnh và lòng cung kính chân thành mà tâm mình thanh tịnh, tâm thanh tịnh là có kết quả tốt. Còn cách dùng trí quán biết rõ thân này không thật, chùa không thật, Phật ngồi trên bàn cũng không thật, quán thấy tường tận như vậy, nên không chấp vào thân, không chấp vào cảnh, không chấp tất cả, đó là tu. Nhưng nếu chưa được như vậy thì nên kính Phật có phước hơn, có lợi hơn. Nếu chưa được, mà lại chấp là Phật giả không thêm cúng lễ Phật thì thành ra ngạo mạn, phóng túng không có lợi gì cả. Vì vậy tôi khuyên quý Phật tử khi mình chưa đạt được cái thể, thấy thân, cảnh, ngã, pháp đều có thật thì phải thờ kính Phật, kính pháp, kính tăng, kính tất cả những vị tiền bối để cho tâm mình thuần thực.

Hỏi: *Kính xin Hòa thượng từ bi dạy cho con pháp môn tu thiền để điều trị bệnh mãn tính của thân. Tu thiền có thể trị liệu bệnh, trừ tuyệt bệnh được không?*

Đáp: Phật tử này nghĩ tu để trị bệnh thân chứ không phải trị bệnh tâm. Tu thiền nặng về bệnh tâm chứ không chú trọng về bệnh thân, nếu bệnh thân có bớt đó là phần phụ. Trọng tâm của thiền là trị bệnh tâm, bệnh tâm là bệnh loạn tưởng, bệnh phóng ngoại v.v... Bệnh về thân nhất là bệnh mãn tính thì tôi không dạy được. Các thầy đau cũng phải đi bệnh viện nhờ bác sĩ điều trị. Còn dạy tu để tuyệt hết bệnh thân tôi cũng không dạy được, bệnh là cái mà Phật cũng phải chịu, thì làm sao tôi dạy tu cho tuyệt bệnh được. Tuy nhiên, người tu thiền có khác với người không tu là thấy rõ thân này có tụ có tán, có hợp thì phải có tan, không giữ nó hoài được. Bệnh là cái có sẵn của cơ thể, khi có một bộ phận nào hư thì có bệnh, vì bệnh là lẽ thường cho nên không lo không sợ, nên ít khổ. Còn người không tu, thấy thân này thật khi bệnh thì lo lắng sợ sệt nên có hai cái khổ, khổ của thân và khổ của tâm, khổ dồn dập. Tu và không tu khác nhau ở chỗ khổ ít và khổ nhiều, chứ không có pháp dạy cho tuyệt hết bệnh thân.

Hỏi: *Bạch Hòa thượng chỗ “kiến không” nhỏ nhiệm khó biết, vẫn tự tuy có đọc qua nhưng không thực nhận khó bàn. Tuy nhiên trong một lúc lắng tâm đệ tử nhận thấy giữa hai niệm tương tục thường chuyển có một khoảng dừng, trước kia chỉ thấy liên tục mà thôi. Kính xin hỏi khoảng dừng đó có phải chỗ kinh nói là “kiến không” chăng?*

Đáp: Phật tử này nói rằng: Do được một vị Hòa thượng dạy rằng: Quên được “thân không” nhưng còn cái “kiến không”, “pháp không”, ráng tiến lên. Phật tử này

hỏi khi ngồi thiền giữa niệm trước và niệm sau có lặng một khoảng, chỗ đó có phải là “kiến không” chăng?

Tôi xin nói rõ là không phải. Chữ kiến đây chỉ cho kiến chấp, thấy thân này mà không chấp thì gọi là thân không, nhưng còn chấp về cái biết, cái hiểu của mình thì gọi là kiến, nên nói tư kiến, thành kiến, tức là cái chấp về cái biết riêng của mình. Như vậy “kiến không” là chỉ kiến chấp chưa dứt sạch, phá chấp thân mà chấp tâm chưa phá được.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng từ bi chỉ dạy cho con, có một cô Phật tử năm nay tám mươi hai tuổi, mấy chục năm nay tu hạnh Bồ-tát tại gia, giữ giới và tu hành rất tinh tấn. Nhưng mấy năm nay cô bệnh nặng, chừng một tháng nay cô nằm mê man không biết gì hết. Chúng con rất đau lòng nhìn người bạn đạo này. Kính xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy cho chúng con được biết vì nghiệp duyên gì mà cô bị hành hạ lâu như vậy?

Đáp: Trường hợp thứ nhất là do nghiệp đời trước. Có nhiều thầy tu rất tốt nhưng gần tịch cũng bị những cái khó khổ bức ngặt. Đó là nghiệp quá khứ còn thừa phải chịu, phải trả cho hết.

Trường hợp thứ hai là trong đời hiện tại sống bảy tám mươi tuổi nhưng ba bốn mươi năm sau này tu tốt, còn mấy chục năm trước chưa biết tu có khi cũng làm đau khổ cho người cho vật nhiều. Bây giờ biết tu rồi nghiệp hiện tại không tạo nữa nhưng nghiệp của thời gian trước cũng phải trả.

Hỏi: *Kính xin Thầy giảng cho con được biết: Ngũ lục của các vị thiên sư, thiên sư nào thuộc tông phái nào?*

Đáp: Về ngũ lục thì Phật tử chịu khó coi lại trong các bài lục vì lục rất nhiều, những bài lục của các vị thiên sư những hạng lớn như tông Lâm Tế thì có Lâm Tế ngũ lục; tông Tào Động có Động Sơn ngũ lục, Tào Sơn ngũ lục; tông Quy Ngưỡng thì có Quy Sơn ngũ lục, Ngưỡng Sơn ngũ lục; tông Pháp Nhãn, tông Vân Môn có ngũ lục của những vị tông chủ là những ngũ lục lớn, ngoài ra còn rất nhiều ngũ lục khác có giá trị.

Hỏi: *Mười hai phần giáo là mười hai bộ kinh nào?*

Đáp: Trong kinh, một bộ kinh đức Phật chia ra mười hai thể loại như: Trường hàng, Trùng tụng, Cô khởi, Luận nghị, Thí dụ... chứ không phải có mười hai bộ kinh.

Hỏi: *Kính bạch Sư ông, con có mấy điều thắc mắc xin Sư ông từ bi chỉ dạy:*

Khi Phật nhập diệt dưới cây sa-la song thọ, ngài dạy tôn giả A-nan sửa đầu ngài hướng về bắc, mặt hướng về tây có ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Sử ghi khi sắp nhập diệt Phật bảo ngài A-nan trải y và để cho ngài nằm xoay đầu về hướng bắc, mặt về hướng tây, đó là một thói quen theo tục lệ Ấn Độ. Các nhà tu hành ngày xưa khi tịch nằm như thế, Phật cũng tùy theo cho hợp với phong tục tập quán địa phương, chứ không có ý nghĩa sâu xa trong giáo lý.

Hỏi: *Con nghe có một vị thầy lớn dạy rằng vật cúng thí cho cô hồn, người xuất gia thọ mười giới trở lên không được dùng, nếu dùng thì nó sẽ phá làm chướng ngại.*

Đáp: Người xuất gia là tu hạnh giải thoát, còn đồ cúng cô hồn là những món cho nạ quỷ hoặc quỷ đói, nó là hạng ít phước mà người xuất gia thọ giới cao dùng những món cúng đó e rằng các loài quỷ coi thường. Vì cho rằng mình tu giới hạnh cao mà còn thích ăn đồ tầm thường của nó, chứ không phải nó ở trong bụng mình nó phá. Cho nên đồ cúng cô hồn thường để cho trẻ nhỏ giành giết ăn chơi thôi chứ người tu không dùng.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng từ bi chỉ dạy, người tu tập Tổ sư thiên có nhất thiết phải nhập thất độ cư không? Nếu có thì chưa đủ niềm tin vào tự tánh và còn sợ nghiệp cũ, nếu không thì biết bao giờ mới kiến tánh viên mãn?*

Đáp: Câu hỏi này ở phần trên chưa rõ ràng. Nếu nói chưa đủ niềm tin vào tự tánh mới nhập thất thì không phải. Bởi vì nhập thất là một cơ hội tốt, là thắng duyên để người tu dồn hết khả năng nghị lực của mình dụng công miên mật trong khoảng thời gian một, hai hoặc ba tháng. Nhờ đó có thêm kinh nghiệm và sức mạnh, khi ra ngoài làm việc mới đủ sức hóa giải chướng ngại của ngoại duyên. Như vậy không phải là chưa đủ niềm tin. Dù đủ niềm tin mà thiếu sức mạnh, nhưng có cơ hội nhập thất để tăng trưởng sức mạnh, khi gặp ngoại duyên trở ngại làm chủ mình dễ hơn,

chứ không phải sợ nghiệp cũ, cũng không phải không tin tự tánh mới nhập thất.

Và, không phải nhập thất mới kiến tánh viên mãn mà kiến tánh tùy theo mỗi người. Có người đang đi ngoài đường bất chợt ngộ, có người đang ngồi trong thất bất chợt ngộ, có người đang tụng kinh ngộ, nó không nhất thiết nhập thất mới ngộ. Vì vậy cho nên đừng nghĩ rằng phải nhập thất mới ngộ viên mãn.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, xin Hòa thượng giải giúp con những nghi vấn sau: Trong kinh Lăng-nghiêm có câu “dù dứt hết những cái thấy nghe hay biết mà giữ cái nhàn tịnh tối kín ở trong cũng là việc của bóng dáng pháp trần phân biệt.”

Đáp: Quý vị đừng hiểu lầm, dứt cái thấy nghe hiểu biết phân biệt là dứt cái dính mắc với sáu trần, chứ không phải dứt cái thấy nghe hiểu biết là làm cho mắt mình mù, tai mình điếc, hiểu rõ ràng như vậy. Sáu căn tiếp xúc với sáu trần không khởi niệm phân biệt là không dính mắc, đó là dứt, còn nếu dứt mà mình giữ cái tối âm u để cho nó yên là sai, vì tánh giác lúc nào cũng sáng mà mình lấy cái tối cho là giác thì sai rồi.

Hỏi: Hành động của ngài Đôn Hà, Nam Tuyên, Quy Tông có rơi vào nhân quả không? Nếu có, sao các ngài vẫn phạm? Biết rằng đó chỉ là phương tiện dạy chúng, chẳng lẽ không còn phương tiện nào khác hơn sát sanh chẳng? Nếu không chẳng lẽ đã là thiên sư

các ngài cứ gieo nhân thế nào cũng được, vậy làm sao giải thích hết ý câu: Bồ-tát sợ nhân chúng sanh sợ quả?

Đáp: Phật tử này thắc mắc ngài Đơn Hà thiêu tượng Phật, ngài Nam Tuyên chặt con mèo, ngài Quy Tông chặt con rắn, như vậy có rơi vào nhân quả không?

Trong kinh nói rất rõ, nếu thành nghiệp cố định thì việc làm đó phải hội đủ ba yếu tố: thân, miệng và ý gọi là định nghiệp thì nhất định phải trả. Còn nếu chỉ thân mà không có miệng không có ý thì đó là bất định nghiệp, mà bất định thì chuyển được. Vậy hỏi có rơi vào nhân quả không thì xin trả lời rằng những hành động đó thuộc về bất định, tùy duyên mà chuyển chứ không cố định là làm như vậy phải chịu như vậy. Đó là ý nghĩa trong kinh Phật đã dạy.

Thường chư vị thiên sư đối cơ để cảnh tỉnh đồ chúng, mà khi đối cơ gặp cảnh nào thích ứng thì các ngài làm ngay chứ không chờ cơ hội khác.

Và, khi đối cơ các ngài phải theo cái sức mạnh hoặc là hoàn cảnh ngay trong hiện tại mà giải quyết, không chờ đợi cơ hội khác. Vì mục đích lợi ích cho chúng sanh, cho mọi người giác ngộ mà các ngài làm, nên trong nhà Phật thường nói: Vì lợi ích chúng sanh mà Bồ-tát có khi phải phạm tội. Bản thân các ngài có thể phạm tội nhưng vì lợi ích chúng sanh mà các ngài làm.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, con có vài điều thắc mắc, kính xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy: Tứ diệu đế

có hai tầng nhân quả, khổ đế và tập đế nói về nhân quả thế gian, diệt đế và đạo đế nói về nhân quả xuất thế gian. Con không hiểu hai tầng nhân quả này như thế nào?

Đáp: Pháp Tứ đế là pháp do đức Phật sau khi chứng ngộ nói ra. Ngài nói ngài chứng Lộ tận minh không còn rơi trong luân hồi sanh tử nữa. Ngài thấy rõ manh mối của động lực đưa con người vào sanh tử và cách tháo gỡ manh mối đó, giúp người được giải thoát sanh tử.

Cái mầm hay cái nhân dẫn con người đi trong luân hồi sanh tử là tập đế; cái khổ đau của con người là khổ đế. Đó là nhân quả thế gian.

Tập đế là nghiệp nhân xấu được tích lũy đưa con người đến quả đau khổ, như tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến... nó dẫn chúng ta đi trong luân hồi sanh tử. Cứ bỏ thân trước nhận thân sau, nối tiếp mãi mãi. Tích lũy nghiệp nhân gọi là tập đế và quả của nghiệp nhân là khổ. Có thân là có khổ, khổ đủ thứ, nào sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, thương yêu xa lìa khổ, oán thù gặp gỡ khổ, mong muốn mà không được cũng khổ. Mang thân này là mang cái lụy, cái khổ có sung sướng gì đâu nên gọi là khổ đế. Tập đế là nhân, khổ đế là quả. Nhân quả dẫn đi trong sanh tử luân hồi, gọi là nhân quả thế gian.

Cái thứ hai là diệt đế và đạo đế. Biết cái nhân khổ đưa mình vào sanh tử luân hồi, mình diệt cho sạch những cái đó đi gọi là diệt đế, nhân diệt thì quả không còn, nếu diệt hết nhân rồi gọi là an lạc Niết-bàn.

Đức Phật dạy phương pháp diệt tập nhân gây đau khổ gọi là đạo đế. Những nghiệp xấu nơi tâm hoàn toàn dứt sạch, mầm nhân của sanh tử luân hồi không còn nữa, giải thoát hoàn toàn gọi là nhân quả xuất thế gian.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, con năm nay sáu mươi tuổi, hồi năm ba, bốn tuổi mỗi ngày mẹ con cho con ăn một con chim bồ câu. Vậy con có mắc tội sát sanh không? Khi lớn gia đình con chuyên nấu rượu nuôi heo, con phải làm việc đó từ năm mười lăm đến mười tám tuổi rồi lập gia đình. Khi vào Nam con không làm việc đó nữa, ở nhà buôn bán nuôi cha mẹ. Đến năm mười bảy tuổi con thọ giới Bồ-tát. Mỗi tháng đi thọ bát quan trai giới bốn lần. Vậy khi con chết được về cõi nào? Xin Hòa thượng chỉ dạy cho con được biết.

Đáp: Trường hợp Phật tử này tôi xin trả lời: Trong kinh Phật dạy có hai thứ nghiệp là tích lũy nghiệp và cận tử nghiệp, đó là tôi nói đơn giản. Tích lũy nghiệp là nghiệp dồn chứa nhiều năm, nhiều tháng, nhiều đời. Còn cận tử nghiệp là khi gần chết mà nghĩ nói làm thiện hay nghĩ nói làm ác. Như vậy cận tử nghiệp là nghiệp mới, còn tích lũy nghiệp là dồn chứa rất nhiều đời. Nếu hồi nhỏ mình làm những điều không tốt đó là tạo nghiệp ác, khi lớn lên biết tu tạo nghiệp thiện, nếu nghiệp thiện được tiếp tục mãi cho đến khi nhắm mắt thì chắc chắn được đi đường lành, vì sức mạnh của cận tử nghiệp dẫn đi chỗ tốt. Nói vậy không có nghĩa là hết tích lũy nghiệp. Tuy tái sanh chỗ tốt được làm người, nhưng vì hồi xưa đã ăn thịt giết hại sinh vật nhiều, nay làm người cứ bệnh hoạn hoai. Đó là do nghiệp tích lũy không tốt.

Nghĩa là tuy được đến cõi lành mà nợ trước vẫn phải trả, trả cách nhẹ hơn là hay đau yếu thay vì bị giết hại. Hiểu như vậy rồi phải ráng tu, làm phước, phóng sanh cho nghiệp được tiêu mòn.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, đạo Bà-la-môn và giai cấp Bà-la-môn là hai hay một, nếu hai thì đạo Bà-la-môn nghĩa như thế nào?

Đáp: Ở đây tôi xin giải thích đạo Bà-la-môn và giai cấp Bà-la-môn không phải hai mà cũng không phải một.

Đạo Bà-la-môn thờ Phạm thiên, dạy tu để trở về với Phạm thiên. Người Ấn Độ thời bấy giờ chia làm bốn giai cấp mà giai cấp đầu là giai cấp Bà-la-môn, người trong giai cấp này được quyền cúng tế các buổi lễ lớn, là cúng tế Phạm thiên. Như vậy đạo Bà-la-môn và giai cấp Bà-la-môn không phải hai. Giai cấp Bà-la-môn là giai cấp đứng đầu trong xã hội do chủ trương của bộ kinh Manu. Kinh này cho rằng giai cấp Bà-la-môn sanh từ đỉnh của Phạm thiên, những giai cấp khác sanh từ miệng, bụng, chân rồi chia thành bốn giai cấp. Do đó giai cấp Bà-la-môn trên hết, là thượng đẳng của xã hội Ấn Độ. Nếu đứng về mặt giai cấp mà nói thì giai cấp Bà-la-môn là giai cấp cao trong xã hội Ấn Độ, còn đạo Bà-la-môn là đạo chung của toàn dân Ấn Độ. Lúc chưa có đạo Phật thì đạo Bà-la-môn là quốc giáo nên thấy đạo Bà-la-môn và giai cấp Bà-la-môn dường như là hai.

Hỏi: Tọa báo nghiệp, tọa sanh, tọa thọ là nghĩa thế nào, kính mong Hòa thượng từ bi chỉ dạy.

Đáp: Thế nào là tạp nghiệp? Vừa rồi có một Phật tử kể thuở nhỏ ăn chim bồ câu, về già biết tu, thọ giới Bồ-tát tại gia, nghiệp của Phật tử này trước ác, sau thiện, hoặc có người trước thiện sau ác lẫn lộn không nhất định. Cho nên được thân tống báo cũng không nhất định. Có người hồi trẻ sung sướng, tiền dư bạc thừa, đến già thì nghèo đói khốn khổ. Ngược lại có người hồi nhỏ nghèo chấy da tới lớn khá giả giàu có. Đó là tạp báo tức là quả báo lẫn lộn có tốt có xấu không nhất định.

Tạp sanh tức là sanh lẫn lộn trong lục đạo, khi sanh chỗ này, khi sanh chỗ kia, khi làm người, khi làm thú v.v... không cố định chỗ nào gọi là tạp sanh.

Sao gọi là tạp thọ? Trong cuộc sống có khi cảm thọ vui, có khi cảm thọ khổ, lẫn lộn không nhất định nên gọi là tạp thọ. Đó là nói nghiệp báo đời trước đời sau liên hệ lẫn lộn nhau.

Hỏi: Trong kinh A-hàm ghi có những cư sĩ sau khi nghe Phật thuyết pháp liền chứng quả Tu-đà-hoàn, A-na-hàm v.v... Trường hợp chứng quả này có đồng với đốn ngộ của thiên tông không?

Đáp: Trường hợp chứng quả Tu-đà-hoàn, A-na-hàm... sau khi nghe Phật thuyết pháp và đốn ngộ của thiên tông có khác nhau. Vì chứng Tu-đà-hoàn là còn sanh trở lại bảy lần. Tuy sanh trở lại nhưng tâm không thối chuyển vẫn tiến trên thánh đạo (thánh quả Thanh văn). Còn đốn ngộ của thiên tông không phải ngộ để đủ lòng tin tu chứng quả Thanh văn, mà ngộ ngay nơi mình có tâm Phật tức là Phật nhân, nếu tu tới chỗ viên mãn

sẽ thành Phật quả chứ không qua tứ quả Thanh văn, nên có khác nhau.

Hỏi: *Kính bạch Thầy, xin Thầy giảng giải cho con hiểu về ý nghĩa hai câu sau đây của Ngô Thì Nhậm con trích từ quyển Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh trang 135:*

1. Khổng Tử là chủ của tính mạng. Phật Thích-ca là khách của tính mạng, đó là lời của ông Ngô Thì Nhậm.

2. Khổng Tử và Thích-ca là chủ và khách của tính mạng cho nên cái đạo dạy người nhất trí như nhau.

Đáp: Ông Ngô Thì Nhậm có lần tự xưng là con cháu của hệ phái Trúc Lâm, ông có viết quyển sách tựa là Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh. Nhưng đọc tiểu sử và nghiên cứu về tinh thần của Ngô Thì Nhậm thì thấy ông nặng về Nho hơn Phật mà chủ đích của ông là muốn dung hợp Nho Phật, hay nói cách khác là tam giáo đồng nguyên (Nho, Phật và Lão cùng một nguồn). Ông nói Khổng Tử là chủ của tính mạng, Phật Thích-ca là khách của tính mạng, theo quan niệm của ông thì tính mạng là cái mà mọi nơi, mọi người ở trong nước phải sống phải theo. Bởi vì nhà Nho dạy dân có một nếp sống trật tự đàng hoàng thích ứng với thời đại. Còn nhà Phật dạy người tu cái lý cao siêu giải thoát sanh tử, nhưng cũng liên hệ tới kiếp sống con người, cho nên ông nói Khổng Tử là chủ của tính mạng tức là cái gốc để dạy dân, còn Phật là khách. Ý nói cũng dạy dân nhưng mà là cái ngọn, bởi vì nhà Phật nói chuyện giải thoát xa quá,

còn đạo Nho nói thực tế ngay đời sống của con người. Đó là ý thứ nhất. Còn ý thứ hai thì Khổng Tử nhắm vào cái tinh thần giáo dục tâm lý của người dân, phải sống đúng với nghĩa Quân - Sư - Phụ, nghĩa là từ quốc gia, xã hội, gia đình phải có trật tự trên dưới như vậy. Đó là cái tính mạng. Còn Phật dạy người đời thì chỉ có tam quy ngũ giới và cách tương giao với nhau, chứ không có tôn quân, nên nói khách.

Đoạn sau nói Khổng Tử và Thích-ca là chủ và khách của tính mạng cho nên cái đạo dạy người nhất trí với nhau. Ông lấy cơ đó để đưa tới chỗ dạy dân trong cuộc sống chủ khách hòa nhau đều có lợi, đều tốt. Về đạo Phật ông không nói sâu về tâm tánh con người mà chỉ nói cái sinh mạng của một nước, của tập thể nhiều hơn.

Hỏi: Theo lời Phật thì người chứng A-la-hán thuần thực tứ thân túc, nếu muốn thì có thể kéo dài thọ mạng. Tại sao Phật có đủ tứ thân túc chỉ sống có tám mươi tuổi.

Đáp: Chỗ này quý Phật tử nên hiểu cho thật rõ. Đọc sử chúng ta thấy có đoạn nói đức Phật tuyên bố ngài xả thọ mạng để nhập Niết-bàn. Tại sao ngài có thể sống lâu hơn nữa mà lại xả bỏ thọ mạng? Trong kinh có nhiều chỗ Phật nói rất rõ là cái gì cần nói ngài đã nói, đã dạy hết rồi. Ngài có mặt lâu là thừa, chúng sanh có cái bệnh cái gì dư quá thì xem thường. Giả sử Phật còn tại thế cho đến bây giờ chắc chúng ta xem thường lắm, chúng ta nghĩ Phật còn đó lo gì, để sắp đặt việc nhà xong xuôi rồi hãy tu. Nhưng biết chừng nào xong, tới già tới chết

cũng chưa xong. Phật nhập diệt rồi ngày nay còn kinh điển, có quý thầy nhắc nhở quý Phật tử ráng học ráng tu. Nếu không quý thầy đi nữa không ai hướng dẫn, do đó nên mọi người cố gắng tu.

Đó là tôi nói nghĩa thường, còn nghĩa sâu xa hơn là đức Phật lúc nào cũng thương chúng sanh, vì chúng sanh mê muội, thấy thân này thật nên quý nó, đến lúc gần chết mới sợ, tìm đủ mọi cách để sống thêm. Giả sử có Phật tử đã quy y thọ giới rồi mà khi bệnh, có ông thầy lang nào đưa cho lá bùa bảo uống cho qua khỏi bệnh mới sống được thì Phật tử đó nghĩ sao? Mạng sống là trên hết, thôi ráng sống rồi sẽ tu sau phải không?

Chuyện ông trưởng giả Úc-già ngày xưa có tám điều chưa từng có, trong đó có một điều là ông bạch Phật: “Giả sử như con đau nặng sắp chết, có người đem tới một lá bùa của ngoại đạo nói rằng con uống lá bùa này sẽ sống, con thà chấp nhận chết chứ không uống bùa ngoại đạo.” Đó là điều chưa từng có của ông Úc-già, ông quý chánh pháp chứ không quý thân mạng.

Đức Phật xả bỏ thọ mạng sớm cũng là một tấm gương dạy chúng ta thấy rõ thân này không quan trọng, khi cần dùng nó để làm chuyện đạo đức thì ngài làm, khi làm xong rồi nó hoại thì cho nó hoại không tiếc nuôi giữ gìn chi nữa.

Hỏi: Kính bạch Thầy, trong kinh Pháp Cú Phật dạy được thân người khó như rùa mù chui bọng cây. Ngược lại, kinh Lăng-nghiêm Thầy giảng thân tứ đại

cha mẹ sanh như hạt bụi trong hư không, như hòn bọt trong bể cả. Ý này thế nào xin Thầy giảng cho chúng con được hiểu.

Đáp: Kinh Pháp Cú Phật dạy được thân người là khó như con rùa mù tìm bọt cây. Rùa mù một trăm năm mới trôi lên một lần, còn bọt cây nổi trên mặt biển theo sóng gió trôi giạt sang đông sang tây chẳng biết chừng nào rùa mù mới tìm được bọt cây. Khó vô cùng!

Cũng vậy, đối với thân này người học đạo phải hiểu cho thật kỹ, nó không quý mà nó cũng rất quý. Ví dụ như chúng ta đi biển, bị gió bão dập chìm thuyền, bất chợt chúng ta vớ được một khúc cây mục, nhờ bám vào gốc cây mục mới được người cứu sống, hoặc nhờ đeo gốc cây mục mà sóng đưa chúng ta vào bờ. Lúc đó gốc cây mục rất quý đối với chúng ta. Còn khi đã vào đến bờ rồi thì có ai vác gốc cây mục lên vai mà đi không? Không. Như vậy nó quý ở giai đoạn nào và không quý ở giai đoạn nào?

Lúc đang tu, chúng ta vừa mới tỉnh mới hiểu đạo mà thân này hoại thì tu không kịp cho nên lúc đó phải quý nó để mượn phương tiện tu hành. Nhưng khi đã đạt đạo rồi thì thân này không còn quý nữa. Cho nên trong kinh Lăng-nghiêm nói thân này như hòn bọt trong bể cả, như hạt bụi trong hư không, đó là vì đã ngộ đạo rồi nên thấy nó không ra gì. Đó là hai trường hợp đối với thân quý và không quý.

Hỏi: *Người tu theo Phật nghĩ thế nào về bói toán, tử vi, địa lý?*

Đáp: Câu hỏi này trúng bệnh của người tu hiện nay cũng nhiều. Tôi xin giản trạch cho quý vị hiểu. Nếu Phật tử tin sâu nhân quả thì vấn đề bói toán, tử vi, địa lý không quan trọng. Vì nhân quả là cội nguồn của khổ đau hay an lạc; nếu chúng ta tạo nhân xấu thì sẽ thọ quả khổ đau, tạo nhân tốt thì sẽ được an lạc. Mỗi ngày chúng ta nên kiểm soát lại xem mình có tạo nhân xấu thì chừa tránh và có làm điều gì tốt thì cố gắng làm thêm. Bấy nhiêu quá đủ rồi, bói toán, tử vi nếu nói đúng cũng chỉ là trò chơi, quan trọng là ở hành vi tạo tác của chúng ta. Ví dụ tử vi nói hai năm hay ba năm nữa chúng ta sẽ có điềm lành, nhưng từ đây tới đó chúng ta lại giết người thì ở tù, lúc đó có tốt không? Không. Việc tốt xấu sắp tới đổi theo cái nhân tạo tác của chúng ta. Vậy nên tin nhân quả hay tin bói toán?

Người Phật tử chân chính tin sâu lý nhân quả thì không tốn tiền vô ích trong việc bói toán, thay vì đi xem tử vi tốn một ngàn đồng, chúng ta đem số tiền ấy giúp cho người nghèo, người bệnh được phước hơn, lại không phí thì giờ vào những việc làm vô ích ấy nữa.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, con nghe nói đạo không có hiển, mật nhưng pháp hành lại có hiển mật, kính xin Hòa thượng giải cho con hiểu thế nào là hiển thế nào là mật?*

Đáp: Chữ “hiển” là hiện bày ra, “mật” là ẩn kín. Phật dạy không có gì là mật hết, nhưng lời dạy nào chúng ta nghe hiểu được thì gọi là hiển, lời nào nghe không hiểu thì nói là mật. Ví dụ người ta nói điều gì

mình nghe hiểu liền thì nói điều đó rõ ràng, còn người ta nói mình nghe không hiểu thì nói bí mật quá không thể hiểu.

Phật giảng dạy không giấu điều gì cả, tại trình độ chúng ta chưa tới nên không hiểu rồi nói là mật, mà Phật nói là nói về đạo cho nên nói đạo có hiển có mật. Phật dạy cốt cho chúng ta hiểu để tu, nhưng khi thực hành, những điều không hiểu chúng ta cho là mật. Tu một thời gian, chúng ta thông suốt thì hết mật thành hiển, nên đạo thì không cố định hiển hay cố định mật. Còn danh từ mật giáo, hiển giáo trong nhà Phật quý Phật tử cũng nên hiểu rõ. Mật giáo là chỉ cho những người chuyên trì chú, tu theo Mật tông. Vì câu chú không giải thích được nên gọi là mật. Còn giáo lý là kinh Phật dạy quý thầy giảng rõ cho chúng ta hiểu để ứng dụng tu, đó là hiển giáo.

Hỏi: Con nghe nói Phật Tỳ-lô-giá-na, nhưng xem kinh không thấy nói đến, xin Thầy từ bi giảng dạy.

Đáp: Phật Tỳ-lô-giá-na là Phật mà quý vị thường đọc tụng danh hiệu. Trong nhà Phật có chia ra Phật pháp thân, Phật báo thân và Phật hóa thân. Phật pháp thân gọi là Tỳ-lô-giá-na, Phật báo thân là Lô-xá-na. Tỳ-lô-giá-na là danh từ chữ Phạn chỉ cho Phật pháp thân mà ai cũng có, chứ không phải như ông Phật Thích-ca hay Phật Di-đà. Phật pháp thân này không hình, không tướng nên không chỉ được, chỉ ai nhận ra nơi mình có Phật pháp thân thì đó gọi là Phật Tỳ-lô-giá-na.

Hỏi: Kính xin Hòa thượng giảng cho con được rõ: Chân pháp, ngã pháp, tất cả các pháp đều là Phật pháp, chữ “pháp” quá bao gồm nên con chưa hiểu đúng nghĩa.

Đáp: Chữ pháp có hai phần: sự và lý.

Sự: Chữ pháp là vật này vật nọ, vật kia hay cái này, cái nọ, cái kia có tên gọi đều là pháp. Ví dụ cái bàn là một pháp cho tới cái tâm cũng là một pháp, đó là nghĩa chữ pháp về phần sự.

Lý: Chữ pháp chỉ cho thể tánh trùm khắp không giới hạn, cho nên nói tất cả pháp đều là Phật pháp. Đó là chỉ cái thể trùm khắp nên thuộc phần lý tánh.

Hỏi: Người tu làm phước thì sẽ được phước giàu sang sung sướng, nhưng vật chất sung túc có khi trở ngại sự tu. Còn nếu không làm phước thì không có phước, nghèo cực quá cũng khó tu. Vậy làm sao cho quân bình, xin Thầy dạy con bố thí như thế nào mà không trở ngại.

Đáp: Chỗ này trong nhà Phật có nói rất rõ mà các thầy cũng thường nhắc quý Phật tử, đó là câu: “Phước tuệ lưỡng toàn phương tác Phật.” Phước là tất cả phước báu, tuệ là trí tuệ, cả hai đầy đủ mới làm Phật sự được và làm không bị lệch một bên. Có một số Phật tử mắc cái bệnh là làm từ thiện xã hội, bố thí cúng dường, cứ ham làm hoài, tâm cứ tính toán lo toan, không có thì giờ để ngồi thiền, tụng kinh, thậm chí không nghĩ đến nữa. Vì thấy làm được việc lợi ích cho nhiều người, nên say sưa làm. Tổ Bá Trượng có dạy: “Nếu phước nhiều tuệ kém thì cái phước nó chở cái tuệ đi hưởng cảnh sang giàu, không tiến được trên đường giác ngộ.”

Lại cũng có người tu tuệ rồi chấp vào đó chệ tu phước là pháp hữu vi, không giải thoát, nên dồn hết tâm lực vào việc tu tuệ, không làm gì lợi ích cho ai cả. Nhờ vậy mà tuệ được tăng trưởng, phước thì thiếu. Hồi Phật còn tại thế, có một thầy Tỳ-kheo đệ tử của tôn giả Xá-lợi-phất chứng A-la-hán rồi, mà đi khát thực không ai cúng dường cả, mỗi ngày đều ôm bình bát không về thường bị đói khát. Cho nên phước và tuệ phải song hành thì đường tu mới được hanh thông.

Song, làm phước phải làm như thế nào? Thường người làm phước hay có quan niệm: Bố thí, cúng dường để đời sau hưởng phước lành, vì nghĩ “mình được” cho nên dễ đưa tới chỗ thụ hưởng. Nếu bố thí cúng dường mà nguyện cho sau này đủ duyên để tiến tu trên đường giác ngộ, viên mãn đạo quả Bồ-đề, tu phước với tâm nguyện như thế thì không trở ngại trên đường tu.

Hỏi: Con đọc trong Thiên Luận của Suzuki, có đoạn con thắc mắc, con xin trích nguyên văn như sau, xin Thầy giảng giải cho con hiểu: “Phật A-di-đà nguyện rằng khi tất cả chúng sanh chưa thành Chánh giác thì ngài cũng chưa thành Chánh giác. Tuy nhiên cho đến ngày nay tất cả chúng sanh chưa thành Phật hết mà đức A-di-đà đã thành Phật tự thuở nào rồi. Vậy lời nguyện trên có phi lý chăng? Đáp: Bí mật.”

Theo con biết đức A-di-đà là một vị Phật ra đời trước đức Thích-ca mà sao ở đây lại nói ngài là Bồ-tát. Vậy có phải nói về tiền thân của ngài chăng? Rồi sao lại có câu trả lời là: không biết. Như vậy câu này là của Suzuki hay là của Trúc Thiên?

Đáp: Theo lời hỏi của đạo hữu, nếu ông Suzuki trả lời “bí mật” thì tôi cũng không có quyền nói, vì đã bí mật mà còn nói thì bật mí rồi. Nhưng mà, đây tôi giải thích như vậy:

Không phải chỉ đức A-di-đà mà Bồ-tát Địa Tạng cũng từng nguyện: “Địa ngục mà chưa trống không thì ngài chưa thành Phật, chùng nào độ hết chúng sanh, ngài mới chứng Bồ-đề”, nhưng hiện tại chúng sanh vẫn còn quá nhiều thì sao? Đa số tăng ni Phật tử hoang mang về lời nguyện của chư Bồ-tát hoặc chư Phật, vì các ngài nguyện độ tất cả chúng sanh thành Phật rồi các ngài mới thành Phật. Vậy hiện giờ chúng sanh còn đây mà các ngài đã thành Phật mất rồi. Như vậy là sao? Điều này không có gì lạ, tâm nguyện của chư Phật, Bồ-tát lúc nào cũng độ tất cả chúng sanh, đó là tâm từ bi rộng lớn, lúc nào cũng nghĩ đến chúng sanh, vì chúng sanh mà tế độ. Đức Phật Thích-ca cũng nguyện độ tất cả chúng sanh được giác ngộ thì ngài mới an lòng. Nhưng bây giờ chúng sanh còn mê muội quá nhiều mà ngài đã nhập diệt rồi, như vậy là sao? Tôi xin hỏi, theo quý Phật tử thì đức Phật Thích-ca còn tế độ, còn giáo hóa không? Dạ còn. Còn ở đâu? Khi đức Phật còn tại thế, ngài giáo hóa đệ tử tu hành, có dạy phải cứu độ chúng sanh để đền ơn chư Phật. Rồi từ đó đến giờ biết bao nhiêu vị tổ tiếp nối bản nguyện của ngài độ chúng sanh. Ngày nay chúng tôi là hàng đệ tử Phật, hàng thứ mấy trăm mấy ngàn cũng tiếp tục hướng dẫn Phật tử tu hành, tức là chúng tôi cũng tiếp nối hạnh nguyện độ chúng sanh của ngài. Và Phật tử cũng vâng lời Phật,

dạy lại huynh đệ khác. Tuy Phật đã nhập Niết-bàn rồi mà giáo pháp của ngài vẫn tiếp tục giáo hóa chúng sanh không dứt.

Nói “độ tận” hoặc “độ hết” là một lối nói, ngầm nói lên tinh thần rộng độ cùng tột, chứ không phải độ hết không còn một người nào. Trong kinh Phật thường nói “Phật hóa hữu duyên nhân”, có người Phật hóa được, có người Phật hóa cũng không được. Chúng ta nên biết ngài nguyện độ tất cả chúng sanh là ngài đã độ hết tâm chúng sanh của ngài nên ngài mới thành Phật.

Nếu không giác thì không có nguyện độ, mà đã giác tức là đã thành Phật. Ý nghĩa đó là như vậy chứ không phải đợi độ cho hết chúng sanh ở ngoài mới thành Phật thì không đúng với chánh pháp.

Hỏi: Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm Thầy giảng chỗ “quán Phật tam-muội”, nhìn tượng Phật lâu đến lúc thấy như tượng Phật đó sống và nói pháp. Quán như vậy có phải là dùng tưởng mà thấy không? Nếu dùng tưởng thì tâm đâu có thanh tịnh. Như vậy là ngược với thiên tông nói “gặp ma giết ma, gặp Phật giết Phật”. Hai pháp tu đều do Phật nói mà thấy như ngược nhau. Xin Thầy giảng giải cho con được hiểu.

Đáp: Phật nói pháp là tùy cơ, cơ thấp thì Phật nói thấp, cơ cao thì Phật nói cao, tuy hai pháp thấp cao nghe khác nhau nhưng Phật thì không có hai. Nói về pháp tu hoặc là đi thẳng vào tâm tánh hoặc là dùng tưởng để dẹp vọng tưởng tức dẹp cái tâm viên ý mã của mình, như quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ v.v...

quán cũng thuộc về tướng. Quán Phật tam-muội là mượn hình ảnh Phật tướng tượng ra cho tâm không còn động, và tướng lâu thành định, mà định là tam-muội. Trong kinh Lăng-nghiêm Phật có nói nếu tình nhiều tướng ít là đi xuống, tướng nhiều tình ít là đi lên. Còn tướng là còn lên, mà còn lên là còn sanh tử, cho nên tu về tướng kết quả sanh lên các cõi trời Sắc giới, Vô sắc giới. Nếu muốn giải thoát khỏi sanh tử thì tình tướng phải buông hết. Nhưng nhờ ứng dụng pháp thấp cho tâm được định, để đến chỗ vô niệm không nghĩ thiện không nghĩ ác.

Mới nghe thấy như chống trái nhau nhưng hiểu rồi thì không trái nhau.

Hỏi: *Khi mới ra đây con xin quy y Tam bảo, Thầy dạy con tu ngũ giới, con chấp theo ngũ giới để tu thân. Sau này con xem kinh, con thấy Phật dạy hạnh Bồ-tát còn chấp hạnh Bồ-tát để tu thân. Sau đó con thấy Phật có dạy người tu hành phải hỷ xả và Thầy cũng có dạy: “Chấp là nguồn gốc của khổ đau.” Vậy xin Thầy từ bi giảng cho con được sáng tỏ chỗ này để con ứng dụng tu hành cho đúng.*

Đáp: Đây là câu hỏi của người tập tu và đang tu, tôi xin giải thích: Chấp và giữ khác nhau, giữ giới không có nghĩa là chấp, chúng ta giữ giới là ngừa tội lỗi mà mình có thể vấp phải. Thí dụ giữ giới không nói dối để ngừa cái lỗi nói dối. Có khi vì danh vì lợi mà mình nói dối. Nhờ giữ giới cho nên dù gặp những việc nói dối có thể được danh được lợi vẫn không nói, đó là bảo tồn tính chân thật của người Phật tử. Như vậy giữ

không có nghĩa là chấp mà là bảo vệ đạo đức của người tu hành. Cao hơn là giới Bồ-tát, đó là tư cách của người tiến tới chỗ quên mình để giúp đỡ chúng sanh, đó cũng không phải là chấp.

Còn chỗ tôi nói: “Chấp là gốc khổ đau”, đó là chấp thân này thật của mình, rồi chấp ngôn ngữ là thật, chấp hành động là thật. Cho nên một lời nói trái tai là nổi giận, một hành động không vừa ý là tức lên, bất cứ cái gì xảy ra không hợp với tâm niệm riêng tư của mình là mình bất mãn phiền não, chúng ta xả tất cả những cái chấp đó thì không còn phiền não.

Còn giữ giới là tốt, càng giữ giới nghiêm mật chừng nào đạo đức càng tăng trưởng chừng ấy, giữ giới không có nghĩa là chấp, đạo hữu nên hiểu rõ chỗ này.

Hỏi: Kính bạch Thầy, trong câu niệm: “Nam-mô Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn.” Con chỉ hiểu chữ Phật Thế Tôn còn những chữ trước con không hiểu, xin Thầy từ bi giảng giải.

Đáp: Đó là mười danh hiệu của đức Phật, mỗi đức Phật thường có đủ mười hiệu.

Như Lai: Như là chân như, được đạo chân như mà thành tựu chánh giác nên gọi Như Lai. Ứng cúng là Phật, một đấng đáng cho nhân thiên cúng dường. Chánh biến tri: Chánh là chân chánh, biến là cùng khắp, tri là hiểu biết đúng đắn mà trùm khắp không giới hạn,

nên nói là Chánh biến tri. Minh hạnh tức: Minh là tam minh tức là thiên nhãn minh, túc mạng minh và lậu tận minh, hạnh tam minh được đầy đủ gọi là Minh hạnh tức. Thiệt thệ là người khéo vượt qua khỏi các cõi ở thế gian và cõi trời (thệ là qua, thiệt là khéo). Thế gian giải: Ngài là người hiểu thấu tất cả các pháp ở thế gian. Điều ngự trượng phu là một đấng điều phục, chinh phục được những người trí thức và những kẻ ngoại đạo nên gọi là Điều ngự trượng phu. Thiên nhân sư: Phật là thầy của trời và người. Phật: Ngài là đấng giác ngộ. Thế Tôn là cả trời người đều cung kính tôn trọng.

Đó là mười hiệu của Phật. Chúng ta đọc câu đó là tán thán đức Phật có đầy đủ mười công đức, mà mỗi công đức là một tên một hiệu gọi là mười hiệu.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, trong cuốn Thiên Sư Pháp Sơn con có đọc thấy ba định nghĩa về thiên học mà con không hiểu gì hết.

Thứ nhất: Thiên là gì? Thiên là con khỉ leo trên cây quơ cái đuôi.

Thứ hai: Thiên là gì? Thiên là lửa cháy đổ thêm dầu.

Thứ ba: Thiên là gì? Thiên là cục gạch.

Con nghe quý Thầy dạy nghi là vọng niệm, tâm không an làm mình điên đảo. Nhưng trong cuốn Thiên Sư Pháp Sơn lại nói tu thiên cần phải cho nghi tình phát khởi, điều này con chưa hiểu kính xin Thầy chỉ dạy.

Đáp: Quý Phật tử nên biết các vị thiên sư này tu theo thoại đầu và các ngài ngộ ở thoại đầu, mà thoại đầu thì cấm lý giải, lý giải là bệnh không thể làm cho nghi tình phát khởi được. Cho nên được hỏi các ngài trả lời một cách phi lý để cho ý thức của thiên khách không có chỗ vin theo. Đã không cho vin theo mà tôi giải để quý vị hiểu, quý vị vin theo là có lỗi.

Câu hỏi kể nói rằng trong nhà thiên nói đại nghi đại ngộ, còn quý thầy giảng thì nói nghi là chướng đạo. Bởi vì thiên thoại đầu dùng câu thoại đầu để tạo cho hành giả điều kiện nghi, mà nghi thì tâm đuổi theo cái nghi đó không chạy theo vọng tưởng, lâu ngày cái nghi tụ lại thành khối gọi là nghi tình, rồi đủ duyên nó tan vỡ ra gọi là ngộ.

Còn quý thầy giảng theo kinh, trong kinh nói phiền não căn bản có tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến... nghi là một trong những thứ phiền não làm chướng đạo. Thí dụ bây giờ chúng tôi khuyên Phật tử nên phát tâm làm điều thiện sau khi chết sẽ được sanh cõi lành. Nhưng Phật tử lại nghi không biết sau khi chết còn hay hết, nếu hết rồi thì làm thiện để chi? Vì nghi như vậy nên hết muốn làm thiện. Chính cái nghi đó làm chướng ngại điều thiện của mình, mà chướng ngại thì không tu được. Cho nên hai cái nghi này là hai lãnh vực khác nhau.

Hỏi: *Thưa Thầy, ở hội Linh Sơn, khi đức Phật đưa cành hoa sen, ngài Ca-diếp mỉm cười, sau đó Phật ấn chứng, còn trong kinh A-hàm Phật có dạy: Tỳ-kheo nào thấy lý duyên sanh là thấy pháp. Như vậy cái thấy*

của tổ Ca-diếp và cái thấy của Tỳ-kheo về lý duyên sanh, hai cái thấy có khác nhau không? Nếu khác, khác ở chỗ nào?

Đáp: Tổ Ca-diếp ngộ là ngộ được chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, tức là cái thể chân thật có sẵn nơi con người mình. Còn thấy lý duyên sanh là thấy được lẽ thật của muôn sự muôn vật ở bên ngoài, nên hai cái thấy khác nhau.

Hỏi: *Thưa Thầy, trong kinh Thủ-lăng-nghiêm Phật dạy ngài A-nan cách mở gút như thế này: “Sáu gút mở hết thì một cũng không còn.” Tại sao tổ Bồ-đề-đạt-ma khi sang Trung Hoa với nhiệm vụ phá kiến chấp đối đãi hai bên của chúng sanh mà ngài lại quảy một chiếc giày. Như vậy ngài vẫn còn mang một cái, mà còn một thì còn đối lại với hai. Xin Thầy từ bi chỉ dạy cho chúng con hiểu.*

Đáp: Câu này nghe cũng lý thú. Kinh Lăng-nghiêm Phật dạy mình mở sáu gút mà mở chỗ nào? Thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm mà chấp đó là gút, còn nếu không chấp thì mở. Cho nên kinh Lăng-nghiêm nói sáu căn là gốc của sanh tử luân hồi, mà sáu căn cũng là nhân giải thoát luân hồi. Chính nó làm cho mình đi trong sanh tử, cũng chính nó là chỗ giải thoát sanh tử chứ không đâu xa hết, cho nên nói sáu gút mở thì một cũng không còn.

Hình ảnh tổ Bồ-đề-đạt-ma quảy một chiếc dép là hình ảnh tượng trưng để nói lên cái ý chí vươn lên mạnh mẽ của người tu, đó chỉ là phương tiện chứ không phải

chỗ cứu cánh như lời Phật dạy trong kinh. Tổ muốn dạy chúng ta còn chấp hai bên là khổ, không chấp hai bên là hết khổ.

Chỗ này tôi nói thêm để quý Phật tử hiểu thế nào là chấp hai bên. Quý Phật tử có để ý khi người ta khen mình hay thì mình vui, khi người ta chê dở thì mình buồn. Nhưng trên thế gian này có ai được khen hết đâu, nếu hợp nhau, giống nhau thì họ khen; không hợp, không giống thì họ chê. Như mấy chú uống rượu thì khen người uống rượu giỏi, mấy chú ăn trộm thì khen người ăn trộm hay lấy tiền của người ta được nhiều. Ngược lại, thấy người không uống rượu hoặc thầy tu thì chê bai, kiêu ngạo. Như vậy có cái khen nào là thật, cái chê nào là thật đâu? Nhưng thông thường ai khen thì mình chịu, dù cho lời khen giả dối mình cũng vui, mà còn vui là còn khổ, cho nên thế gian này không bao giờ hết khổ. Vì vậy, chúng ta phải sống với cái thật, tâm an nhiên bình thản trước những lời khen chê, buông được hai bên là hết khổ.

Chúng ta sợ dĩ khổ là vì không an phận với cái hiện có của mình. Thí dụ mình nghèo thấy người ta giàu mình có khổ không? Mình muốn giàu mà lỡ nghèo nên mình khổ; nếu mình an phận chấp nhận cảnh nghèo, tiền nhiều xài nhiều tiền ít xài ít, có ngon ăn ngon, có đỡ ăn đỡ, chấp nhận nếp sống thanh bạch thì hết khổ. Một thí dụ khác, giả sử mình được chút phước báu, sanh ra có dáng dấp đẹp đẽ, mình hãnh diện với cái đẹp đó. Mai kia tuổi già suy yếu, da nhăn má hóp, thân hình mình xấu xí thì buồn. Vì trước mình chấp mình đẹp nên vui,

bây giờ thấy mình xấu nên khổ. Còn nếu mình không được phước báu, sinh ra thân hình xấu ngay từ đầu thì khổ dài dài, khổ không có ngày ra! Cho nên càng chấp đẹp chấp xấu càng khổ, không chấp hai bên là hết khổ. Chư tổ dạy chúng ta đừng dính hai bên là hết khổ. Đây là lẽ thật, mà lẽ thật này giúp chúng ta thoát khỏi vòng trần lụy khổ đau.

Hỏi: *Thưa Thầy*:

1. *Niệm khởi là sanh diệt, sao thiền sư Huyền Giác lại nói “phân biệt không phải ý” hoặc “cũng biết vui buồn nhưng đừng để cái nọc độc vui buồn thấm vào chân tâm” như vậy có mâu thuẫn không?*

2. *Biết vọng không theo đã đầy đủ giới định tuệ tự tánh, xin Thầy từ bi giảng cho con được rõ.*

3. *Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất có nói: “Đừng vác Phật đi tìm Phật”, chúng con chưa được rõ xin Thầy từ bi chỉ dạy.*

Đáp:

1. Phật tử này hiểu lầm cái phân biệt của ý và phân biệt không phải ý. Cái phân biệt của ý là phân biệt tốt xấu, hơn thua, phải quấy đó là phân biệt của ý. Còn phân biệt không phải ý, tôi thường lấy ví dụ có một tấm gương soi, như bây giờ quý Phật tử nhìn lên đây, bàn tay tôi là tấm gương, thì quý Phật tử sẽ thấy hình bóng của quý vị, mà hình bóng ấy là một khối hỗn độn hay là người nào ra người đó? Nếu bóng của người nào ra người nấy thì đó là phân biệt hay không phân biệt?

Thấy rõ trắng ra trắng, đen ra đen mà không phân biệt cho nên thiền sư Huyền Giác nói phân biệt mà không phải ý.

2. Nếu đầy đủ giới định tuệ tự tánh như đức Lục Tổ thì khỏi cần biết vọng không theo. Còn nếu giới định tuệ chỉ ở ngoài miệng thì đừng theo vọng tưởng.

3. Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất nói: Đừng vác Phật đi tìm Phật là thế này. Vì bấy lâu nay chúng ta thường nghĩ rằng Phật là những vị Phật ở thế giới Cực lạc hoặc ở những thế giới khác, cho nên khởi niệm mong mỗi tìm cho gặp Phật. Nhưng với tinh thần Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất của tổ Bồ-đề-đạt-ma thì “tức tâm tức Phật”, ngay nơi tâm mình đã là Phật, mình phải xoay lại sống với tâm bất động của mình. Tâm mình đã là Phật rồi mà đi tìm Phật ở ngoài nữa là vác Phật đi tìm Phật. Vậy phải xoay lại, nhận rõ tự tâm mình tức Phật là đủ rồi chứ đừng đi tìm đâu khác.

Hỏi: Thưa Thầy, con đọc kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ dạy vô niệm, vô là không có hai tướng, không có các tâm trần lao, niệm là niệm chân như bản tánh. Còn từ vô niệm của pháp môn Tịnh độ theo con hiểu là không còn niệm. Vậy cùng là một danh từ nhà Phật mà khi dùng khác nhau thì làm sao giản trạch cho đúng để người hành một cách phổ thông?

Đáp: Đức Lục Tổ nói vô niệm là không có hai tướng đối đãi, không có các tâm trần lao, vì hai tướng không thật nên người tu không nên kẹt trong hai tướng. Tâm trần lao là tâm phiền não, hơn thua, phải quấy v.v...

Tất cả những cái đó không có thì gọi là vô. Còn niệm là niệm chân như bản tánh. Chữ niệm thường được hiểu là niệm khởi, phàm những ý nghĩ dấy lên nơi tâm gọi là niệm khởi, còn chân như Phật tánh có dấy lên không? Không. Vậy niệm chân như Phật tánh là niệm làm sao? Chữ niệm có nghĩa là dấy lên mà cũng có nghĩa là nhớ. Bây giờ chúng ta hằng nhớ chân như Phật tánh của mình thì đó là niệm chân như Phật tánh, nghĩa là không chạy theo vọng tưởng mà nhớ mình đang tỉnh đang sáng, đó là niệm chân như Phật tánh. Như vậy, niệm chân như với vô niệm bên Tịnh độ hơi khác một chút, hai bên tùy chỗ ứng dụng chứ không phổ thông được. Học chỗ nào hiểu đúng chỗ ấy chứ không có cái chung cho tất cả.

Hỏi: *Kính xin Thầy hoan hỷ giảng giải cho chúng con được rõ:*

1. *Ngài A-nan tu thế nào mà chỉ một đêm ngộ đạo?*
2. *Thế nào là kinh vô tự, là pháp vô vi?*
3. *Thiền chuyển luân xa có phải là kinh vô tự, kinh bạch tự, là pháp vô vi không?*

Đáp:

1. Sau khi Phật nhập diệt, ngài Ca-diếp triệu tập chư Tỳ-kheo trùng tụng lại lời Phật dạy gọi là kiết tập lời Phật dạy, vị nào chứng A-la-hán mới được vào hội, vì người chưa chứng quả có thể lầm lộn làm mất giá trị của kinh. Lúc đó, ngài A-nan chưa chứng A-la-hán nên không được vào, ngài buồn nên ra ngoài ngồi thiền suốt đêm, đến gần sáng ngài chứng quả A-la-hán.

Chỗ này tôi cho một ví dụ để quý vị hiểu. Có một trái xoài chín đang lơ lửng trên cây, một ngọn gió thổi qua trái xoài rụng xuống. Vậy trái xoài mới chín rụng hay đã chín từ trước rồi? Từ khi thành hình trái xoài nhỏ xíu, rồi lần lần lớn đến già đến chín và chỉ cần luồng gió thổi qua là trái xoài rụng. Cũng vậy, ngài A-nan theo Phật hai mươi lăm năm làm thị giả, ngài tu đã thuần thục nên đêm sau cùng ngài dốc toàn lực tu liền chứng A-la-hán, đây là đêm sau cùng của một giai đoạn chứ không phải mới bắt đầu.

2. Nói kinh vô tự là pháp vô vi là một lối nói. Cũng như nói Bát-nhã Tâm Kinh. Vậy Tâm kinh là kinh nào? Tâm kinh là chỉ cho tất cả lời Phật dạy đều hướng về tâm của mình mà tu, cho nên tu là tu ở tự tâm, ngộ cũng ngộ ở tự tâm, mà tâm mình có chữ có lời không? Không chữ không lời, nên nói kinh vô tự tức là tâm.

3. Còn pháp vô vi, ở đây quý vị đừng hiểu lầm chữ vô vi trong nhà Phật. Phật nói: Phạm cái gì có tướng sanh, trụ, dị, diệt gọi là pháp hữu vi, tức là có sanh ra, tồn tại một thời gian hoại đi. Cái nào không sanh, không trụ, không diệt gọi là vô vi. Như thân chúng ta có sanh, có già, có bệnh, có chết là hữu vi. Tánh giác chúng ta không già, không chết là vô vi. Vô vi là chỉ cho tánh giác, chứ không phải chuyển luân xa là vô vi.

Hỏi: *Thưa Thầy, trong kinh Kim Cang có câu: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” con chưa hiểu rõ ràng, kính xin Thầy chỉ dạy.*

Đáp: Kinh Kim Cang ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật: Làm sao an trụ tâm, làm sao hàng phục tâm để đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Đức Phật dạy: Muốn hàng phục tâm, muốn an trụ tâm thì không nên có chỗ trụ. Kinh nói rõ: “Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.” Nghĩa là muốn hàng phục tâm để được đạo Bồ-đề thì đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không nên dính mắc. Sáu căn không dính mắc với sáu trần thì tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì giác ngộ giải thoát.

Hỏi: *Thưa Thầy, trong kinh Kim Cang có câu: “Phục thứ Tu-bồ-đề, Bồ-tát ư pháp ưng vô sở trụ hành ư bố thí, sở vị bất trụ sắc bố thí, bất trụ thanh hương vị xúc pháp bố thí.” Vậy “bất ưng trụ pháp bố thí” nghĩa là gì? Kính xin Thầy giảng giải cho con được rõ.*

Đáp: Chữ pháp đây thuộc về pháp trần, tức là bóng dáng khởi nghĩ ở tâm mình, nghĩ về người thì bóng người hiện ra, nghĩ về vật thì bóng vật hiện ra, nghĩ thành phố thì thành phố hiện ra. Pháp trần đó có tên hoặc người, hoặc vật, hoặc thành phố v.v... thuộc về sự.

Trong kinh Phật dạy: Bồ-tát không trụ pháp nghĩa là không dính với tất cả những cái có danh tự hình tướng bên ngoài, tức không dính với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp thì tâm không loạn động, mà không động tức là không trụ, không trụ mà trụ. Cho nên hỏi làm sao an trụ tâm thì trả lời không dính với sáu trần là an trụ.

Nói sáu trần hơi nhiều, chỉ không dính với sắc và thanh thôi; thấy sắc đẹp không đắm mê, thấy sắc xấu không chán ghét, nghe tiếng khen không mừng, nghe tiếng chê không giận, không dính mắc thì tâm không rối. Tu như vậy rất thực tế, rất dễ không có gì huyền bí, mà hết khổ ngay trong hiện tại.

Hỏi: Cùng cây gậy, phàm phu cho cây gậy là thật, khởi tâm phân biệt tốt xấu, to nhỏ; Nhị thừa cho cây gậy là không, vô thường sẽ mục nát hư hoại; Duyên giác cho đó là huyễn có do nhân duyên sanh; Bồ-tát cho nó đương thể tức không, thấy tột lý nhân duyên không cần quán chiếu nữa, biết rõ nó không có thực thể nên nói không; thiên gia thấy cây gậy là cây gậy, đi chỉ đi, ngồi chỉ ngồi, không được động đến, không để khái niệm chen vào tức là trực diện đối cảnh không tâm, không khởi niệm. Kính xin Hòa thượng khai thị thêm giữa cái nhìn của thiên sư và Bồ-tát.

Đáp: Trong cuốn Thiên Tông Việt Nam Cuối Thế Kỷ XX tôi có dẫn câu chuyện này, cái nhìn của thiên sư và cái nhìn của Bồ-tát khác nhau chỗ nào? Bồ-tát thì thấy đương thể tức không, còn thiên gia thấy cây gậy là cây gậy. Đây là căn cứ trên giáo lý. Trong giáo lý Phật có chia làm ngũ thừa mà thừa cuối là Bồ-tát thừa. Phật chia từng bậc tu và từng pháp riêng của mỗi bậc, như ngũ giới cho người tại gia, Sa-di giới cho người xuất gia, rồi đến hàng Thanh văn quán tứ đế, Duyên giác quán nhân duyên. Có pháp tu, có pháp quán là còn mượn phương tiện. Thiên tông thì không mượn phương tiện, mà trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật.

Không mượn phương tiện thì không dùng pháp quán. Bồ-tát quán sâu lý Bát-nhã nên vừa thấy sự vật là biết đương thể tức không, nó không có thật, thấy rõ khởi cần quán xét, thấy người biết không thật, thấy vật biết không thật, nghe tiếng biết không thật thì đâu có nhiễm cái gì, không nhiễm thì tâm không động. Như vậy, thấy các pháp đương thể tức không thì tâm bình an, tâm bất động phải không? Bây giờ thiền gia thấy cây gậy là cây gậy, không khởi một niệm thì tâm cũng an, cũng bất động. Nhưng một bên dùng giáo lý Phật để quán, khi quán thuần thực thì mới tới chỗ bất động, còn nhà thiền đi thẳng, các niệm khởi đều là bệnh, đều là mê, cho nên không chạy theo niệm khởi, không niệm khởi thì tâm như như, tâm như như thì thấy cây gậy là cây gậy, khởi cần quán gì hết.

Vậy, đứng về mặt phương tiện thì có khác, khác ở chỗ: Bên dùng pháp quán và bên không theo vọng tưởng, không khởi niệm. Bên dùng pháp quán thì tâm không dính trần cảnh, bên không theo vọng tưởng, không khởi niệm cũng không dính với cảnh. Như vậy, đứng về mặt tâm như như thì không khác nhau.

Hỏi: Kính bạch Thầy, xin Thầy từ bi giải cho con những nghi vấn sau đây:

1. Phật tánh, giác tánh, linh hồn, tâm hồn, tâm thức khác nhau như thế nào?

2. Phật giáo có phủ nhận linh hồn không?

3. Nếu Phật giáo phủ nhận linh hồn thì cái gì tái sanh luân hồi khi thân tứ đại này tan rã?

4. Nếu không có linh hồn thì có giác linh không?

Đáp:

1. Phật tánh và giác tánh không khác nhau. Tại sao? Vì Phật và giác gốc từ chữ Buddha của Ấn Độ, đọc âm là Phật-đà, Trung Hoa dịch nghĩa là giác giả. Nói giác tánh hay Phật tánh cũng cùng một nghĩa, một bên đọc theo âm Ấn Độ, một bên đọc theo nghĩa Trung Hoa.

Linh hồn, tâm hồn, tâm thức có khác nhau không? Tâm hồn chỉ là một lối nói thôi, còn linh hồn và tâm thức thì có khác nhau. Linh hồn là từ ngữ mà xưa nay các nhà Nho và tổ tiên chúng ta thường dùng. Linh là sáng, hồn là thực thể của tinh thần, linh hồn là ý nói cái hồn sáng suốt không mất, không đổi thay. A là A mãi mãi chứ không thể đổi cái linh hồn đó thành cái gì khác.

Còn tâm thức là tâm phân biệt, hiểu biết. Linh hồn và tâm thức khác nhau ở chỗ linh hồn sáng suốt mà không thay đổi, còn thức thì phân biệt đổi thay, do vậy mà Phật không chấp nhận chữ linh hồn. Bây giờ quý vị tự kiểm nghiệm lại tâm mình xem, những cái mình hiểu biết đổi thay hay là thủy chung như nhất? Hồi nhỏ cái hiểu của mình khác, lớn lên hiểu khác, có đi học hiểu khác, không học hiểu khác, tâm thức mình trăm ngàn thứ đổi thay, có tâm thức ác, có tâm thức thiện, có tâm thức mê muội, có tâm thức sáng suốt. Nếu gặp duyên tốt khéo sửa đổi thì dần dần nó tốt, gặp duyên xấu lôi kéo theo chiều hướng xấu thì dần dần xấu. Như vậy, nó là cái dòng chuyển biến nên mình muốn cho nó chuyển biến theo chiều tốt mình mới tu. Còn linh hồn là cái nguyên vẹn thì không tu được. Cho nên chấp linh hồn

là một điều sai lầm, do cái chấp đó mà người ta không có ý niệm tu hành để chuyển biến. Quý vị đã thấy cái khác biệt nguy hiểm đó chưa?

2. Nhà Phật không thừa nhận linh hồn bởi những lý do nêu trên.

3. Sự tái sinh luân hồi khi thân tứ đại tan rã là sự việc mà lâu nay ai cũng thắc mắc, thường người ta nghĩ rằng linh hồn đi đầu thai, mà nếu linh hồn đầu thai thì con người khi ra đời sẽ hoàn toàn sung sướng hết, bởi vì người có cái linh là sáng suốt thì phải lựa chỗ tốt để đến, nhưng thực tế có người sướng người khổ thì không có linh. Đạo Phật không thừa nhận linh hồn thì cái gì đi tái sinh? Nhà Phật nói nghiệp thức dẫn đi tái sinh, chứ không nói linh hồn. Tại sao vậy? Nghiệp là thói quen, thức là cái biết phân biệt; cái biết phân biệt theo thói quen nó dẫn mình đi tái sinh. Nếu huân tập thói quen tốt thì nó dẫn mình đến chỗ tốt, huân tập thói quen xấu thì nó dẫn mình đến chỗ xấu. Ví dụ người có thói quen uống rượu thì tìm tới quán rượu, người có thói quen đánh bạc thì tìm sòng bạc. Như vậy, sự huân tập nó thành một sức mạnh, cho nên Phật dạy muốn dứt sanh tử thì phải sạch vọng niệm. Vì còn khởi niệm thì còn theo nghiệp để tái sinh. Chính cái nghiệp thức này dẫn đi tái sinh chứ không phải linh hồn, nếu sạch vọng niệm (hết nghiệp) thì hết sanh tử.

4. Nếu không có linh hồn thì có giác linh không? Trước tôi đã nói hết nghiệp thức thì hết tái sinh, hết tái sinh thì còn cái gì? Còn hòn ngọc ma-ni mà tôi đã nói, bởi vì hết mê thì giác, tất cả cái mê đều hết sạch thì lúc đó toàn giác.

Hỏi: *Kinh bạch Hòa thượng, Niết-bàn và vô sanh là đồng nghĩa hay khác? Xin Hòa thượng chỉ dạy cho con.*

Tất cả kinh luật từ kim khẩu của Phật nói ra do ngài A-nan trùng tuyên lại, mà sao trong kinh Pháp Hoa nói Phật nhờ Đề-bà-đạt-đa ngài mới được ngộ kinh Pháp Hoa?

Đáp: - Niết-bàn và vô sanh không hai, bởi vì vô sanh là không còn tái sanh nữa. Niết-bàn nguyên tiếng Phạn là Nirvāṇa đọc âm là Niết-bàn, có nghĩa là không còn sanh tử nữa, Trung Hoa dịch là vô sanh, cho nên hai từ này đồng nghĩa.

- Tất cả kinh luật từ kim khẩu Phật nói ra, tại sao trong kinh Pháp Hoa nói Phật nhờ Đề-bà-đạt-đa mà ngộ được kinh Pháp Hoa?

Phật tử này hỏi thì phải hỏi thêm câu: Trong kinh Kim Cang nói: “Kinh này là mẹ ba đời của chư Phật”, vậy Phật nói hay ai nói? Trong kinh A-hàm thì Đề-bà-đạt-đa là người phá hòa hợp tăng, làm thân Phật ra máu, phạm tội ngũ nghịch phải đọa không thể cứu. Nhưng kinh Pháp Hoa thì nói Đề-bà-đạt-đa là người ân của Phật, là thiện hữu tri thức cỡ lớn. Nhờ “thiện hữu tri thức” này mà ngài được kết quả là ngộ kinh Pháp Hoa. Chính chỗ này tôi nói kinh Đại thừa là một sức mạnh phi thường.

Thường chúng ta tu hay sợ bị phá, nên phải học một câu chú hay thỉnh một lá bùa để ếm quỷ trừ ma. Người tu như vậy quá nhất, không hiểu đạo lý. Quý vị nhớ,

lúc Phật ngồi thiền dưới cội bồ-đề, khi bị ma vương phá, ngài có dùng câu chú, lá bùa nào không? Trong kinh thường nói ngài dùng kiếm trí tuệ, cung thiền định để trị ma quân. Ngày nay chúng ta tu, không chịu dùng trí tuệ, cứ kiếm bùa chú để trị là trái với Phật rồi. Ở đây đức Phật thành đạo, ngoài những ân nhân thí chủ giúp đỡ ngài, mà còn nhờ Đề-bà-đạt-đa gây đau khổ cho ngài, ngay đây ngài vươn lên nên sớm thành đạo. Nhờ Đề-bà-đạt-đa mà ngài sớm thành đạo mới ngộ được Pháp Hoa. Nói Đề-bà-đạt-đa dạy kinh thì không phải, mà do tạo điều kiện cho Phật vươn lên để vượt qua thử thách mà thành đạo. Hiểu như vậy quý Phật tử mới thấy an ổn. Giả sử có ai tìm cách này cách kia phá, quý Phật tử đừng buồn đừng giận mà phải thấy người đó là ân nhân số một của mình. Nghĩ được như vậy thì trên đời này người giúp đỡ mình là ân nhân, người phá mình cũng là ân nhân, thì cả thế gian này ai cũng là ân nhân. Mọi người chung quanh đều là Bồ-tát, Bồ-tát cỡ nhỏ thì giúp đỡ mình, Bồ-tát cỡ lớn thì làm khổ mình. Hiểu vậy thì không bao giờ buồn phiền ai cả. Quý vị thấy chỗ đạo đức rất là thâm sâu, rất là tế nhị. Cho nên thấu được lý kinh Pháp Hoa, chúng ta thấy quá hay, quá cao siêu, tinh thần của kinh Đại thừa là một sức mạnh để mình vươn lên chứ không phải để trốn tránh cầu xin.

Hỏi: Kính xin Hòa thượng giải thích câu: “Nhị đế dung thông tam-muội ấn.” Nhị đế là gì? Tam-muội ấn là gì? Sử dụng tam-muội ấn để làm gì?

Đáp: Trong kinh chúng ta thường đọc hằng ngày có câu: Nhị đế dung thông tam-muội ấn. Nhị đế trong nhà Phật là chân đế và tục đế, hay nói đủ là thế tục đế và chân đế.

Thế tục đế là chỉ cho những lẽ thật mà người thế gian chấp nhận. Chân đế là lẽ thật đúng chân lý chỉ có người giác ngộ mới thấy. Chúng ta tu thường hay bị kẹt đây là thế tục đế, kia là chân đế. Chân và tục có hai lãnh vực riêng. Thí dụ tôi xuất gia, quý đạo hữu tại gia, thì tại gia là thế tục, xuất gia là tu hạnh giải thoát. Nhưng nói như vậy chỉ trúng một phần nào thôi chứ không phải chân lý. Nếu quý đạo hữu ở thế tục mà tâm quý vị hằng ngày sống thanh tịnh, còn xuất gia như chúng tôi mà nghĩ chuyện lợi, chuyện danh v.v... thì sao? Ai là giải thoát?

Vậy thế tục có hẳn là thế tục suốt kiếp không? Xuất gia có hẳn là xuất thế thật không? Chỉ là ngôn từ thôi chứ chưa đúng lẽ thật. Cho nên người hiểu đạo không dính hai bên, không kẹt thế tục cũng không kẹt chân đế, hai bên đều dung hợp nhau thì đó là “nhị đế dung thông tam-muội ấn”. Cái ấn chánh định là hai đế hợp nhau chứ không có tách rời.

Tam-muội ấn là thế nào? Ấn là con dấu như dấu ấn, dấu tam-muội. Trong nhà thiền thường hay nói truyền tâm ấn, tức là tâm của thầy và tâm của đệ tử khế hợp nhau gọi là truyền tâm ấn, tức là tâm người thầy tâm người trò in nhau, không sai biệt. Tam-muội ấn tức là ấn chánh định, mà muốn chánh định viên mãn thì phải dung thông hai đế.

Câu chót hỏi sử dụng tam-muội ấn để làm gì?
Xin trả lời: Sử dụng tam-muội ấn để thành Phật.

Hỏi: Ngài Huệ Năng nghe giảng kinh Kim Cang, ngài thốt lên: *Đâu ngờ! Đâu ngờ! v.v... Đệ tử chẳng dám nghi ý Tổ, nhưng vẫn còn mờ mịt, xin Thầy cho vài ví dụ để con được sáng thêm.*

Đáp: Cái chuyện: Đâu ngờ v.v... của Lục Tổ, đọc tới đó Phật tử này thấy mờ mịt là vì ngài ngộ mới thốt lên “Đâu ngờ v.v...”, Phật tử này đâu có ngộ nên mờ mịt là lẽ đương nhiên. Ví dụ, trong nhà có một món đồ quý, chủ nhà cất mà không nhớ chỗ, bây giờ muốn lấy ra xài, nhưng không biết ở đâu để lấy, cứ loay hoay tìm hoài, bất thần tìm được, họ la lên: “A! Đây rồi.” Khi họ la lên, người ngoài cuộc lúc đó có biết họ mừng cái gì không? Đâu biết, vì đó là chuyện họ tìm, gặp được họ mừng, còn mình không tìm không gặp làm sao mình mừng như họ. Tôi tạm thí dụ cho Phật tử này hiểu. Chúng ta tu mà không nghĩ phải tìm cho ra cái chân thật của mình, cứ tu cho có phước, tụng kinh cho có phước v.v... cứ làm mấy việc đó thôi, đâu có thắc mắc thì đâu có tìm, đâu có tìm thì đâu có “Đâu ngờ!”

Hỏi: Trong kinh Kim Cang, Phật nói: *“Nếu nói Như Lai nói pháp tức là phỉ báng Phật, không thể hiểu nghĩa ta đã nói.”* Thầy giảng đức Phật có ngũ nhãn, dùng thiên nhãn thấy trong bát nước có vô số vi trùng, nhìn những ngôi sao biết đó là những thế giới nên ngài nói hằng hà sa thế giới. Phật nói là thấy từ lẽ thật mới nói ra, muôn đời là thật, không ai chối cãi được.

Luận cũng nói lời Phật nói cả ba thời đều chân thật không hư dối. Con chưa hiểu rõ hai ý này, xin Hòa thượng chỉ dạy.

Đáp: Lời Phật nói là lời chân thật. Tại sao dám xác định đó là lời chân thật? Vì Phật tu tâm thanh tịnh, trí tuệ sáng thấy sự việc rõ ràng, không nghi ngờ ngại mới nói ra. Nghe lời Phật dạy, hằng ngày chúng ta tư duy nghiệm lại mọi sự việc chung quanh, chúng ta thấy nó diễn biến đúng như lời Phật dạy. Thí dụ Phật nói các pháp là vô thường. Nhìn sự vật chúng ta thấy nó sanh diệt đổi thay không dừng, không có vật nào cố định hằng hữu, trước sau như một. Rõ ràng các pháp là vô thường. Phật nói các pháp do duyên sanh. Nhìn cái nhà đang xây cất, chúng ta thấy thợ dùng đá, cát, xi-măng, sắt, gạch v.v... xây thành cái nhà. Rõ ràng cái nhà do các duyên vừa kể mà thành, chứ không tự có. Đó là lẽ thật do Phật thấy biết nói ra được ghi thành tạng kinh. Nhưng kinh Kim Cang lại nói: Nếu nói Phật nói pháp là phỉ báng Phật. Vì vậy mà Phật tử này thắc mắc. Đây tôi giản trạch cho quý vị hiểu. Tinh thần kinh Kim Cang là tinh thần phá chấp, nghĩa là Phật dạy tu mà không cho dính mắc một pháp nào. Phá chấp mà Phật nói lời nói của ta là chân lý, thì đó là dạy người ta chấp rồi, cho nên Phật dạy tất cả tướng từ thân tứ đại cho đến tất cả các pháp, không có một pháp nào thật kể cả lời nói của Phật cũng không thật luôn. Vì nếu chấp lời nói Phật thật là kẹt trên ngôn ngữ rồi. Còn nếu nghe Phật nói những lời đó không thật, mình tin có được không? Chỗ này phải hiểu cho rõ!

Ví dụ, như đêm mờ ba mờ bốn có trăng non lưỡi liềm, người mắt tỏ nhìn thấy, người mắt mờ nhìn không thấy. Người mắt tỏ lấy tay chỉ về hướng có trăng lưỡi liềm, người mắt mờ nhìn theo ngón tay, cố nhướng mắt lên và thấy được trăng. Vậy ngón tay chỉ đó có phải mặt trăng không? Không. Nếu không có ngón tay chỉ thì có thấy mặt trăng không? Không. Nếu chưa thấy mặt trăng mà bỏ ngón tay chỉ được không? Thấy mặt trăng rồi mà chấp ngón tay là mặt trăng được không? Không. Lời Phật nói dụ cho ngón tay chỉ mặt trăng chứ không phải mặt trăng. Cũng vậy, chân lý không phải ở ngôn ngữ, nhưng nếu chúng ta chưa đạt chân lý thì phải nhờ ngôn ngữ mới thấy chân lý.

Hỏi: *Chính đức Phật Thích-ca giới thiệu Cực lạc quốc của Phật A-di-đà ở Tây phương trang nghiêm bằng bảy báu, có chim nói pháp, người ở cõi nước này ăn cơm ngọc, mặc áo châu. Nhưng Lục Tổ lại nói: “Người phương Đông tạo tội niệm Phật cầu về phương Tây, còn người phương Tây tạo tội niệm Phật cầu sanh về cõi nào?” Lời Phật tổ không trái nhưng con chưa hiểu thấu đáo hai ý này. Xin Hòa thượng giảng dạy.*

Đáp: Câu hỏi này rất hợp lý, bởi vì hai chỗ dạy:

Phàm phu không rõ tự tánh, không biết tự tâm tịnh độ, nguyện đông nguyện tây, người ở chỗ nào cũng vậy. Kinh Di-đà dạy niệm Phật về Cực lạc có cõi thanh tịnh, còn Lục Tổ thì nói tánh mình thanh tịnh, trở về tự tánh thì đủ hết, khỏi nguyện đi đâu xa. Hai ý đó mới nghe dường như mâu thuẫn, vì chúng ta không thông

phương tiện của Phật, Tổ. Phật, Tổ khi giảng kinh thuyết pháp là tùy theo căn cơ của chúng sanh. Đối với những người không có khả năng ngộ được tự tánh thì đức Phật dạy niệm Phật, ngài diễn tả cảnh Cực lạc đẹp lắm, về đó tất cả đều như ý cho mình ham thích mà cố gắng niệm. Nhưng cái trọng tâm Phật dạy là niệm đến chỗ nhất tâm bất loạn ít nhất là một ngày mà nhất tâm bất loạn là trở về tự tánh rồi. Phật diễn tả cõi Tây phương Cực lạc là phương tiện dẫn dụ người căn cơ yếu cho họ tiến tu.

Còn Tổ nói tâm mình tịnh thì cõi nước đó tịnh, mà tâm mình thanh tịnh thì sanh đâu cũng thanh tịnh, đó là Cực lạc rồi. Như vậy hai bên trọng tâm không khác, nhưng phương tiện có khác.

Hỏi: Trong kinh có câu: “Một con sơn nổi lên đốt cháy cả rừng công đức”, xin Thầy cho thí dụ như thế nào mà đốt tiêu cả rừng công đức?

Đáp: Tôi lấy ví dụ trong chùa cho dễ hiểu. Thí dụ, có ông thầy tu ở Thường Chiếu, tu được năm mười năm tích công bồi đức cũng khá, nhưng hôm nào đó, thầy trụ trì hay thầy tri sự rầy la ổng một trận, ông nổi sân lên, bỏ chùa hoàn tục, trả y áo lại trở về nhà thì công đức còn không? Bao nhiêu công đức bồi đắp lâu nay tiêu tan hết. Và một ví dụ ngoài đời. Có một Phật tử làm việc từ thiện được nhiều người mến thương. Một hôm, trong Ban tổ chức từ thiện có người làm phật ý, Phật tử này nổi sân nói năng thô lỗ làm méch lòng mọi người rồi bỏ không đi làm từ thiện nữa. Bao nhiêu công đức vun bồi

lâu nay tiêu tan hết. Sân giận là tai họa lớn làm tan hoang hết mọi công đức lành, nên Phật dạy tu phải dè dặt đừng để sân giận nổi lên.

Hỏi: *Tổ Lâm Tế nói sáu thời hành đạo vẫn là nghiệp, hoặc đem đầu mặt tửy não, vợ con đất nước, voi ngựa bầy bâu hoàn toàn thí xả, hành động như thế đều làm khổ thân tâm, lại chuốc quả khổ. Tổ nói điều này có mâu thuẫn với việc thái tử Tu-đại-noa trong tiền kiếp của Phật bố thí vợ con voi ngựa không? Kính xin Thầy giảng cho con được rõ.*

Đáp: Chỗ này tôi xin giải thích rõ. Quý vị có biết chư tổ hướng về cái gì để dạy chúng ta không? Hướng về tâm. Tâm là cái thân thiết nhất, cụ thể nhất mà mình quên, tất cả những việc bố thí làm lợi ích cho mọi người, về mặt hình thức thì được phước, bảo đảm được phước một trăm phần trăm, nhưng mà phước đó nằm trong sanh diệt, vì nó thuộc hình tướng nên phải sanh diệt. Vì hình tướng sanh diệt nên nó không quý, không quan trọng bằng cái tâm chân thật bất sanh bất diệt có sẵn nơi mình. Tất cả những hành động bên ngoài như tu khổ hạnh, bố thí của cải v.v... cũng chỉ là cái phước, mà phước là cái tùy theo thời biến đổi vô thường, còn cái tâm chân thật thì không vô thường, không biến đổi. Cho nên Tổ nhấn vào cái chân thật mà nói, hướng chúng ta trở về cái chân thật. Còn Phật tu hạnh Bồ-tát đủ tất cả công đức để viên mãn đạo hạnh và ngài thành Phật. Vì vậy nên Tổ ngộ được tâm chứ chưa thành Phật, còn Phật thì vừa ngộ được tâm, vừa làm được lợi ích

cho tất cả nên gọi ngài là tự giác giác tha viên mãn. Chỗ khác nhau giữa Phật và tổ là một bên thì đủ hết các hạnh rộng rãi để cho mọi người hành theo, còn một bên là thuộc về chuyên môn.

Hỏi: Ngài Ngưỡng Sơn Huệ Tịch nói với một vị tăng: “Người hiểu còn ở cảnh - Tín vị là phải, nhân vị thì chẳng phải.” Kính xin Thầy từ bi giảng dạy cho con hiểu tín vị và nhân vị. Phần đoạn sanh tử là do vọng tâm của phàm phu, như vậy phần đoạn của hàng Nhị thừa và Bồ-tát khác nhau ra sao? Và Bồ-tát tu chứng đến quả thứ mấy mới đoạn được biến dịch sanh tử.

Đáp: Tín là tin, vị trí đó là chỉ có ở lòng tin chứ chưa đạt đến trí tuệ viên mãn, cho nên gọi là tín vị. Còn nhân vị là chỉ chỗ mình đạt được, mình đến được nên gọi nhân vị.

Tín vị là mới đủ lòng tin đối với cảnh thấy được, mà cảnh là còn ở bên ngoài, vì còn bên ngoài nên thuộc lòng tin. Khi nào đến cái thật là cái của chính mình thì gọi là nhân vị.

Phần đoạn sanh tử là chết từng phần từng đoạn, vì nó sanh từng phần từng đoạn nên nó chết từng phần từng đoạn. Trong kinh nói nếu hàng Nhị thừa chưa chứng quả A-la-hán thì còn tái sanh tức còn phần đoạn sanh tử, còn Bồ-tát đang hành đạo thì Bồ-tát vẫn mang thân phần đoạn sanh tử để làm đủ công hạnh Bồ-tát của mình cho đến khi nào chứng Phật quả mới hết phần đoạn sanh tử.

Còn hai bên phàm phu và Thanh văn, Bồ-tát thân phần đoạn sanh tử khác nhau chỗ nào? Khác nhau ở chỗ phàm phu mang thân này do nghiệp dẫn, Bồ-tát cũng mang thân nhưng Bồ-tát do nguyện lực dẫn, còn Thanh văn nhờ đã đủ lòng tin nên sinh ra để tiến tu thêm. Tức là tu từ Tu-đà-hoàn đến quả A-la-hán. Trong thời gian tu chưa viên mãn thì tái sanh để tiếp tục tu thêm chứ không thối chuyển nên không phải do nghiệp dẫn như chúng ta.

Hỏi:

1. *Y bát từ tổ A-nan truyền trao đến sau này có phải là y bát của tổ Ca-diếp không? Sau khi truyền y bát cho ngài A-nan thì tổ Ca-diếp vào núi Kê Túc nhập định chờ đến khi đức Phật Di-lặc ra đời mới xả định để giao y bát của đức Phật Thích-ca. Bạch Thầy có phải vậy chăng? Nếu tổ Ca-diếp tịch thì sao không thấy đệ tử thờ nhục thân ngài như Lục tổ Huệ Năng?*

2. *Trong thời tổ thứ mười lăm là ngài Ca-na-đề-bà, có một vị Tỳ-kheo luân hồi thành cây nấm để trả nợ cho một vị thí chủ. Con chỉ hiểu luân hồi trong lục đạo là hữu tình chúng sanh có Phật tánh. Vậy vô tình chúng sanh cũng có Phật tánh nữa sao?*

Đáp:

1. Đây là cái nghi của người nghiên cứu kinh, hỏi y bát sau này chư tổ truyền trao từ ngài A-nan có phải của tổ Ca-diếp chăng? Chỗ này cũng có nhiều người nghi, bởi vì tổ Ca-diếp được Phật dạy giữ y bát đợi đức Di-lặc ra đời truyền lại, như vậy y bát ngài A-nan nhận đó có phải của tổ Ca-diếp không?

Trong kinh có lời di chúc của Phật nhưng có chỗ nói ngài Ca-diếp tịch chứ không nói ngài nhập định ở núi Kê Túc chờ. Hiện tại, chúng ta không có bằng chứng nào cụ thể để khẳng định tổ Ca-diếp đang ngồi chờ đức Phật Di-lặc ra đời để trao y bát. Trong sử chư tổ thì nói tổ Ca-diếp truyền y bát lại cho tổ A-nan.

Phật tử này lại còn nghi nếu tổ Ca-diếp tịch thì được người sau thờ nhục thân như nhục thân tổ Huệ Năng, tại sao không thấy? Điều này chúng ta chỉ thấy ghi trong kinh thôi, chứ các tổ ở Ấn Độ tịch rồi phần nhiều thiêu chứ không để xác, cho nên nhục thân để thờ không có.

2. Trong đời tổ thứ mười lăm ngài Ca-na-đề-bà, có một Tỳ-kheo luân hồi tái sinh thành cây nấm để trả nợ cho thí chủ. Vị Tỳ-kheo này tu hành tương đối cũng tốt nhưng ông thọ của thí chủ nhiều mà tu không sáng đạo, đến chừng ông tịch, ông mọc thành cây nấm cho vị thí chủ kia ăn, đến khi vị thí chủ đó chết thì nấm không mọc nữa vì đã trả hết nợ rồi. Vị Tỳ-kheo này nợ thí chủ nhưng có tu hành đàng hoàng, trong nhà Phật gọi đó là hoa báo chứ không phải quả báo. Hoa báo là quả báo tạm trong thời gian ngắn thôi chứ không phải làm loài này loài kia cho tới mãi kiếp.

Trong kinh cũng thường nói tất cả chúng sanh hữu tình thì có Phật tánh nhưng có chỗ nói “tình dữ vô tình tề thành Phật đạo”. Tức là hữu tình vô tình đều có Phật tánh hết. Phật tánh tức là cái biết. Vậy chúng ta thấy cây cỏ nó có biết không? Có chứ, nếu không biết

thì làm sao nó kiếm chỗ có phân có nước nó hút, chỗ nào rập che nó tránh và kiếm chỗ qua. Chúng tổ loài vô tình có biết nhưng cái biết rất sơ sài, cái biết đó là hình ảnh cho chúng ta thấy nó cũng có tâm tánh chứ chẳng phải không? Nhưng vì quá sơ sài nên tưởng như không biết.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, con có một thắc mắc là các bậc tu hành đều có trí sáng suốt, nếu đem trí sáng suốt đó chiếu phá sạch vô minh thì gốc vô minh còn hay mất. Kính xin Thầy từ bi giải đáp cho con.*

Đáp: Nếu chiếu tận gốc thì vô minh hết, chưa tận gốc thì còn, cũng như đốn cây chặt phần trên của cây thì tàng cây ngã mà gốc chưa sạch. Vô minh cũng vậy, gốc vô minh là vi tế vô minh, phải cho sạch chỗ đó mới hết được.

Hỏi: *Phật tử tại gia tu hành có đạt đạo như người xuất gia không? Là Phật tử tại gia có phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Xin Thầy cho chúng con lời khuyên để chúng con lớn thêm niềm tin.*

Đáp: Câu hỏi này có ba ý:

Ý thứ nhất: Phật tử tại gia tu hành có đạt đạo như người xuất gia không? Đây tôi trả lời hai mặt: Đứng về mặt giáo lý Nguyên thủy mà nói thì người tại gia tu hành không chứng A-la-hán, chỉ chứng được đến quả A-na-hàm thôi. Còn đứng về mặt giáo lý Đại thừa hay Thiên tông thì tại gia hay xuất gia, nếu kiến tánh thì đạt đạo chứ không nhất thiết phải là người xuất gia.

Ý thứ hai: Phật tử tại gia hay xuất gia đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì là con Phật, phải nguyện thành Phật chứ không nguyện thành cái gì khác. Còn cư sĩ cũng phát nguyện thành Phật, nhưng tu chậm, muộn hơn người xuất gia. Hướng về Phật là đích nhắm cuối cùng của người xuất gia lẫn cư sĩ.

Ý thứ ba: Xin cho lời khuyên để vững niềm tin đầy nghị lực mà hành trì theo bản tâm. Tôi chưa biết bệnh thì làm sao cho thuốc, cho thuốc phỏng chừng e không trúng bệnh, nên tôi khuyên chung thôi. Tôi nghĩ quý Phật tử cũng có duyên lành khá sâu rồi, nên sớm thức tỉnh về nương Phật pháp mà tu hành. Biết thân này là cái không thể giữ được, tức là phải chết, mà chết rồi có hết hay không? Lúc đó theo nghiệp dẫn mà sanh nơi này nơi nọ. Đời người chỉ có mấy mươi năm thôi, còn thời gian chuyển kiếp dài lê thê không biết bao lâu. Nếu chúng ta chỉ biết lo cho mấy chục năm sống mà không lo cho thời gian dài kia là không sáng suốt. Tôi khuyên quý Phật tử biết tu nên nghĩ tới ngày mai mình phải tiến như thế nào chứ không dừng lại tại đây. Sống thì lo đã đành rồi, nhưng phải nhớ cái sống ngắn ngủi lắm, còn chuỗi thời gian dài kia chúng ta phải lo làm sao cho được sáng sửa. Tu là tạo cho mình điều kiện tốt để tâm hồn thanh thản, trí tuệ sáng suốt. Biết rõ con đường đi của mình, đó là cái thiết yếu mà quý Phật tử phải thực hiện.

Hỏi: Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói ngược bài kệ của Ngọa Luân, hai câu cuối của Ngọa Luân: “Đối cảnh tâm không khởi, Bồ-đề càng tăng trưởng.” Lục Tổ đối lại:

*“Đối cảnh tâm thường khởi, Bồ-đề không tăng trưởng.”
Như vậy ai tu hơn ai?*

Đáp: Ông Ngộ Luân nói: “Đối cảnh tâm không khởi, Bồ-đề càng tăng trưởng” hay quá mà sao Lục Tổ lại nói: “Đối cảnh tâm thường khởi, Bồ-đề không tăng trưởng”? Nếu chúng ta không hiểu ý Tổ thì cho rằng Lục Tổ thua ông Ngộ Luân. Nếu hiểu ý Tổ thì không chê! Quý vị còn nhớ Tổ dạy ba mươi sáu pháp đối không? Ngài dạy: Người ta nói sáng thì lấy tối mà đáp, người ta hỏi trắng thì lấy đen mà đáp v.v... Cho người thấy tất cả pháp đối đãi là không thật, lấy cái này đáp cái kia để biết cả hai đều không thật. Ở đây Tổ lấy cái “thường khởi” đáp lại cái “không khởi” để chỉ cho ông Ngộ Luân thấy cái “không khởi” cũng là cái không thật. Còn thấy có thấy không đều là chưa đạt được lý đạo, cho nên lấy cái có mà đáp cái không để phá cái chấp “có, không”. Ông Ngộ Luân nói Bồ-đề thường tăng trưởng thì ngài nói Bồ-đề không tăng trưởng, đó cũng là một vé đối đãi để phá chấp. Vì thường tăng trưởng là có tăng trưởng, Tổ nói không tăng trưởng để phá cái có tăng trưởng, nhưng chỗ này sâu hơn. Tăng ni và Phật tử thường chúc nhau: Bồ-đề tâm tăng trưởng. Nhưng Lục Tổ thì nói: Bồ-đề không tăng trưởng. Nếu Bồ-đề tăng trưởng thì Bồ-đề sanh diệt, mà sanh diệt thì chưa thật sự giác. Mới nghe qua thấy như đúng, nhưng mà sai! Vì chúng ta nói theo đối đãi. Tâm thể thanh tịnh sáng suốt là Bồ-đề, mà Bồ-đề thì bất sanh bất diệt. Bất sanh bất diệt thì làm gì có tăng trưởng? Chẳng qua chúng ta chúc tụng nhau là chúc trên ngôn ngữ do trí hữu sư hằng ngày học được

từ thầy bạn sách vở mà tăng trưởng dần. Còn vô sư trí thì sẵn có, không tăng không giảm, Tổ chỉ thẳng trí vô sư là thể bất sanh bất diệt, cho nên ngài nói không tăng trưởng. Ngọa Luân thấy chưa tới nguồn gốc nên nói tăng trưởng. Cũng như chúng ta chưa thấu suốt nguồn gốc cho nên chúc nhau Bồ-đề tâm tăng trưởng hoài!

Hỏi: Bạch Hòa thượng trong kinh sách và quý thầy giảng, khuyên chúng con đừng có chấp ngã, nhưng con thấy khi tiếp xúc với người, cảnh thì cái bản ngã hiện hành ngay. Lúc ấy ai thấy, ai biết, ai nghe, ai cảm giác nóng lạnh? Chỉ có chính ta biết, ta thấy, ta nghe, ta cảm giác. Vậy cái ta lúc nào cũng hiện diện làm sao quên nó không chấp được. Kính xin Thầy từ bi chỉ dạy.

Đáp: Phật tử này quên ý nghĩa chữ ngã trong đạo Phật. Nó không phải là cái biết mà chúng ta thường biết. Theo Phật tử này không chấp ngã là không thấy, không biết, không nghe v.v... vì có thấy, có biết... là có ta hiện diện. Phật tử này hiểu vô ngã sai rồi. Vô ngã là chỉ cho thân tâm này do tứ đại, ngũ uẩn hợp thành, nó không có chủ thể chỉ do duyên kết hợp tạm có. Vì do duyên kết hợp nên gọi là vô ngã, chứ không phải không có cái biết. Cái biết đó nó không phải là ta như mọi người tưởng. Người đời hay nghĩ nơi mình có cái linh hồn làm chủ, khi chết rồi cái linh hồn đó tiếp tục làm chủ đời sau v.v... Như vậy gọi là chấp ngã. Nếu quan niệm linh hồn cố định đời này thế nào đời sau thế ấy, không đổi thay thì tu làm chi? Sở dĩ tu là biết cái đó nó đổi thay nên tu để chuyển xấu thành tốt. Cái tâm xấu tốt, thiện ác, phải quấy v.v... đó trong nhà Phật

gọi là tâm thức, cho nên tu để gạn lọc cái nào nên giữ, cái nào nên bỏ để hoàn toàn tốt. Phật tử này hiểu cái “Ta” là thân này, tâm này không có chủ thể đó là đứng về mặt tương đối. Khi tu tới chỗ cứu cánh tuyệt đối thì bản thể hằng hiện hữu không có hình tướng. Thân này có hình tướng, tâm dấy khởi cũng có hình tướng, hai cái đó đều là vô ngã tức là không có chủ thể, vì nó do nhiều thứ hợp lại. Thân này nói đơn giản là do đất, nước, gió, lửa hợp lại. Vậy cái nào là chủ? Còn tâm dấy khởi cũng cả trăm ngàn thứ buồn vui thương ghét v.v... cái nào là chủ? Không cái nào là chủ nên gọi là vô ngã. Chúng ta tu, không chấp ngã về thân, không chấp ngã về tâm, buông xả không dính mắc tất cả, chừng đó chủ thể chân thật hiện ra. Không chấp ngã là không chấp thân tứ đại này, không chấp cái tâm buồn vui giận ghét v.v... là ngã. Chứ không phải không chấp ngã là không có cái thấy, cái nghe, cái biết.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng tại sao Bát-nhã là mẹ của chư Phật. Kính xin Hòa thượng vì lòng từ bi chỉ dạy cho con tiến tu.

Đáp: Phật tử này đọc kinh Bát-nhã, kinh Kim Cang thấy nói kinh này là mẹ của chư Phật không hiểu nên hỏi. Quý vị có biết ai nói kinh Bát-nhã không? Dạ, Phật nói. Phật nói kinh Bát-nhã sao lại nói Bát-nhã là mẹ của chư Phật? Quý vị chú ý trả lời câu tôi hỏi: Đức Phật dạy các pháp là vô thường. Vậy khi đức Phật nói kinh rồi các pháp mới vô thường hay trước khi Phật nói kinh các pháp vẫn vô thường? Các pháp đã có từ thủy chí chung. Thái tử Sĩ-đạt-ta ra đời tu giác ngộ

thành Phật thấy rõ các pháp là vô thường, cho nên ngài nói các pháp là vô thường. Mà các pháp vô thường đã có trước Phật, Phật nhờ giác ngộ mà thấy rõ được lý vô thường. Như vậy có phải pháp vô thường có trước (là mẹ) Phật không? Dạ phải. Cũng vậy, Bát-nhã là trí tuệ, trí tuệ thấy các pháp duyên hợp không thật, mà các pháp duyên hợp không thật đó đã có trước khi Phật nói, chứ đâu phải đợi Phật nói các pháp mới thành duyên hợp nên nói Bát-nhã là mẹ ba đời chư Phật là vậy. Từ trí đó mà Phật giác ngộ cho nên nói là mẹ Phật, cũng như nhờ mẹ mình mà có mình vậy.

Hỏi: Xin Hòa thượng giải thích giùm con. Cổ đức dạy: “Thật tế lý địa bất thọ nhất trần, vạn hạnh môn trung bất xả nhất pháp.”

Đáp: Câu này do ngài Quy Sơn Linh Hựu dẫn. Thật tế lý địa là cái chỗ chân thật, lý chân thật đó không dính một mảy bụi. Đó là chỗ mà Lục Tổ nói: “Bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai” (Xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi bặm). Vạn hạnh môn trung bất xả nhất pháp là trong muôn hạnh không bỏ một cái gì hết. Nghĩa là chỗ cứu cánh thì không dính một mảy bụi, nhưng trên phương tiện tùy duyên ứng dụng giáo hóa chúng sanh không bỏ một pháp nào cả. Tôi nói thí dụ trên cái thể chân thật thì không nói thiện nói ác, không có khổ không có vui, nhưng trên phương tiện có thiện có ác không, có khổ có vui không? Có. Trên phương tiện đối đãi thì có khổ có vui, do đó thấy ai khổ mình giúp. Có tốt có xấu, xấu thì bỏ, tốt thì phát huy thêm. Cho nên đừng chấp lý mà bỏ sự

(“thật tế lý địa” là lý, “vạn hạnh môn trung” là sự). Có nhiều người tu nghe lý đạo cao siêu hay quá, nghĩ thiện ác đều không có, không thật rồi cứ ăn chơi không làm gì hết. Hiểu như thế là sai. Quý Phật tử phải hiểu rõ ý câu này là dạy chúng ta đừng chấp lý bỏ sự và cũng đừng chấp sự bỏ lý, lý sự phải viên dung, hiểu lý mà hành sự.

Hỏi: Đức Phật và các thầy thường dạy: Chúng ta phải tự thấp đuốc lên để tự tu tập trên con đường giải thoát. Tự lực là chính mình, tha lực là phụ, nhưng sao bà Thanh Đề nhờ chú nguyện của chư tăng mà thoát khổ nga quý? Và trong Lương Hoàng Sám pháp sư tụng đến quyển thứ năm thì bà Hy Thị liền hóa kiếp măng xà sanh về cõi trời? Như vậy sao là tự lực và tha lực?

Đáp: Câu hỏi này đa số Phật tử thắc mắc, tôi xin giải thích cho quý vị hiểu. Tha lực nó tùy thuộc vào tự lực chứ không có tha lực trọn vẹn. Ví dụ quý Phật tử tới nghe giảng rồi hiểu đạo, như vậy là tôi cho quý Phật tử hiểu hay là quý Phật tử tự hiểu? Hòa thượng cho không được. Ở đây hai trăm người mà có người hiểu cạn, có người hiểu sâu. Nếu cho thì cho bằng nhau, sao người hiểu cạn người hiểu sâu? Vậy sự hiểu biết là do quý Phật tử. Nếu vị nào chú ý nghe thì hiểu rõ, không chú ý thì không hiểu, tôi không cho quý vị được. Hiểu biết là tự lực, nhưng nhờ tha lực mà hiểu. Cho nên Phật dạy thấp đuốc lên mà đi, nhưng phải thấp lên bằng chánh pháp. Chánh pháp là ngọn đuốc của Phật còn truyền lại, bây giờ phải phát huy trí tuệ của mình để mỗi cho cây đuốc của mình sáng, nhờ mỗi đuốc Phật mà sáng. Như vậy tự lực không rời tha lực.

Trường hợp bà Thanh Đề, quý vị phải hiểu: Khởi niệm ác thì hiện cảnh khổ, khởi niệm thiện thì sanh cõi lành. Bà đói, nhận được bát cơm mà không dùng được, thấy bát cơm bốc lửa cháy là vì bà khởi niệm tham lam bòn sẻn lấy tay che sợ quỷ đói khác cướp lấy bát cơm của bà.

Quý vị nhớ, chư tăng mà ngài Mục-kiền-liên thỉnh tụng kinh cầu nguyện là những vị đã chứng A-la-hán, đức hạnh đạo lực cao. Các ngài tụng bà nghe cảm được và nhận ra cái tâm xấu ác của mình là tội lỗi, bà phát tâm lành liền sanh cõi lành. Như vậy tự lực là do bà chuyển tâm, nhưng nhờ ở tha lực của chư tăng mà chuyển, hiểu được chỗ này quý Phật tử mới hết thắc mắc.

Hỏi: Về Bồ-tát thị hiện. Có một số thầy tu, chúng con thấy dường như phạm giới nhưng chúng con không dám nói vì sợ khẩu nghiệp. Xin thầy giải trạch rõ chỗ này cho chúng con được vững lòng tin với Tăng bảo.

Đáp: Điều này thì thật là khó, bởi vì Bồ-tát thị hiện thì không ai biết mà khi biết thì Bồ-tát đi mất. Do đó các ngài thị hiện mình không biết là Bồ-tát, mình chưa có tha tâm thông, thiên nhãn thông làm sao biết người đó là phạm hay thánh, thôi mình kính các ngài cho khởi tội. Tôi thường hay kể ngài Hàn Sơn, Thập Đắc. Khi người đời phát giác các ngài là Bồ-tát thì các ngài chạy mất. Các ngài không cho biết mình là Bồ-tát, vì các ngài muốn đi trong cõi trần tục để thử tâm niệm của chúng sanh, lòng thiện lòng ác của họ thế nào để tùy cách cứu độ. Nếu biết các ngài là Bồ-tát

ai ai cũng bái lạy thì làm sao thấy bệnh của họ mà cứu. Cho nên ai mà tự xưng là Bồ-tát thì chưa phải Bồ-tát, quý Phật tử phải kinh nghiệm kỹ. Một vị tăng, một cư sĩ nào tự nhận là Bồ-tát thì xá mà tránh xa, đó là giả hiệu. Còn ai tu hành mà phá trai phạm giới, đó là việc của người ta, chúng ta không phê phán chỉ trích mà phải lo phần mình, cứ lo bàn việc thiên hạ, lỗi của mình y nguyên, không sửa đổi không tiến chút nào lại thêm tội lỗi.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, xin Hòa thượng giảng giải cho chúng con được hiểu: Trên đường từ cổng chùa vào chánh điện có tám bảng ghi “Bảo Sở”, vậy từ này có nghĩa thế nào?*

Đáp: Quý vị nào có tụng kinh Pháp Hoa thì biết bảo sở là gì? Bảo sở là đối với hóa thành. Theo kinh Pháp Hoa người tu chứng A-la-hán, Phật nói chứng Niết-bàn nhưng Niết-bàn đó là hóa thành, chứ chưa phải là bảo sở, phải khởi nguyện lợi tha tu hạnh Bồ-tát đến thành Phật, Niết-bàn của Phật mới là bảo sở. Vì tôi muốn tất cả tăng ni và Phật tử tu thành Phật chứ không muốn dừng ở quả A-la-hán (hóa thành) nên tôi để đường vào chánh điện là Bảo Sở.

Hỏi:

1. Kính bạch Thầy, với cái nhìn khoa học không làm sao giải thích rốt ráo được vấn đề sanh tử, con người từ đâu có và khi chết còn hay mất? Kính mong Thầy từ bi giảng dạy.

2. Làm sao biết được vấn đề luân hồi để giải thích hiện tượng bất công trong xã hội?

Đáp:

1. Câu hỏi này rất khó trả lời, nhưng chúng tôi cũng dùng phương tiện tạm trả lời cho quý Phật tử hiểu. Con người từ đâu có, nếu trả lời theo thực tế thì dễ lắm! Từ cha mẹ mà có mình phải không? Còn hỏi con người nguyên thủy từ đâu có? Nghĩa là từ đâu có con người ban đầu thì hơi khó một chút. Vì trong nhà Phật không trả lời đơn giản từ cái nào có, mà nhà Phật luôn luôn nói con người từ nhân duyên mà có. Đối với cái nhìn của Phật giáo không có cái gì từ một nhân mà thành, nó không tự có cái đầu tiên, mà do nhiều nhân duyên hợp lại. Cho nên hỏi từ đâu mà có con người thì nhà Phật nói: Từ nhân duyên mà có con người. Nói như vậy nhiều người không thỏa mãn, họ muốn có ai đó sanh ra con người, như nói tạo hóa sanh ra con người chẳng hạn, nhưng nhà Phật không chấp nhận lý đó. Theo Phật thì không có cái gì từ một nhân mà thành, mà phải đủ nhân đủ duyên mới được sanh ra. Hiện giờ khoa học cũng thừa nhận muôn sự muôn vật ở thế gian không đơn thuần từ một nhân được thành, mà phải có nhiều nhân duyên hợp lại mới thành. Tinh thần khoa học và Phật học cũng đồng như vậy.

Hỏi người chết rồi còn hay mất? Nếu nói tổng quát là mất, nhưng mất cái tứ đại tạm bợ giả hợp chứ bản chất của tứ đại thì không mất. Cũng vậy, về phần tinh thần tạm mất cái giả tướng tụ hợp tạm gá nơi cơ thể này (vì thân mất không còn gá được nữa) chứ không phải là mất hẳn.

2. Làm sao biết được vấn đề luân hồi để có thể giải thích được hiện tượng bất công trong xã hội? Nếu chúng ta biết phần tinh thần không mất hẳn cũng không phải còn hẳn, bây giờ làm sao biết được vấn đề luân hồi là có thật để rồi giải thích những hiện tượng bất công trong xã hội. Cái bất công này tôi không nói về tổ chức của xã hội mà bất công ngay nơi con người với con người, như sinh ra có người đẹp, người xấu, người tật nguyền, người lành lặn v.v... Cái bất công đó không phải do người ta áp đặt cho mình, mà khi sinh ra mình đã mang sẵn tính chất bất công trong đó. Vậy làm sao giải thích được để chúng ta thừa nhận cái bất công đó là do mình tạo trái qua những kiếp luân hồi. Bây giờ tôi nói giản đơn từ kinh nghiệm gần cho tới kinh nghiệm xa để quý vị thấy về lý luân hồi. Ngày xưa thì khó tin thật nhưng bây giờ rất dễ tin, tất cả muôn sự muôn vật ở thế gian này nó là sự chuyển biến chứ không có gì mất hẳn. Gần nhất là quả đất mình đang sống, nó xoay vòng vòng hoài tức là luân hồi chứ gì? Còn thời tiết thì cứ xuân, hạ, thu, đông trở đi trở lại hoài cũng là luân hồi. Cho đến trong người mình máu huyết lưu thông từ tim ra mạch, từ mạch trở về tim, cứ như vậy mà chuyển biến luôn luôn. Xa hơn nữa là từ đời này sang đời khác, cái khoảng cách đó không có hiện tượng gì để chứng minh được, nhưng mà nó có mang cái bản chất cụ thể của nó. Như có những đứa bé sinh ra chưa ai dạy nó tu mà nó không chịu ăn mặn lại ăn chay. Lại có những đứa bé bảy, tám tuổi học ít mà biết nhiều, nó học vượt bậc gọi là thần đồng. Tại sao lại có những hiện tượng lạ đó? Chẳng hạn ngay nơi

bản thân tôi lúc nhỏ tôi có biết gì về đạo Phật đâu mà tôi lại thương đạo Phật, mỗi lần tôi nghe tiếng chuông chùa là tôi buồn ghê lắm, như là nhớ ông nhớ bà, nhớ cái gì xa xôi ở quá khứ vậy. Nếu trước tôi không có chủng tử tu theo đạo Phật thì cái gì thúc đẩy khi tôi chưa được ai giáo hóa, chưa được đọc sách Phật, tôi lại thương đạo Phật, nghe tiếng chuông mà buồn, mà nhớ cái gì xa xôi ở quá khứ! Tôi quyết chắc rằng nhờ chủng tử đời trước thúc bách, nếu không, chắc tôi chưa đi được vì hoàn cảnh chưa cho phép. Nhờ chủng tử đạo Phật ở đời trước có rồi, nên khi ra đời dù ở hoàn cảnh nào cũng trở về với Phật. Thế nên trên thế gian này mỗi người sinh ra đã mang sẵn chủng tử đời trước, gặp duyên gọi lại nó liền trỗi lên, đó là luân hồi. Nếu hiểu như vậy thì biết được sự bất công trong xã hội này là do phước nghiệp lành dữ của mình đã tạo, chứ không phải ngẫu nhiên mà có. Do đó mình không oán trách ai mà lo tu sửa bản thân mình.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, là Phật tử chúng con được biết mình có thể phát tâm vô thượng Bồ-đề, lòng thấy vui mừng, tín tâm thêm lớn, tin Phật, tin Pháp, kính Tăng. Vậy chúng con phải làm sao để nuôi dưỡng tín tâm và trở về cội nguồn?*

Đáp: Nuôi dưỡng tín tâm làm cho tín tâm tăng trưởng không có gì khó, phải thực hành những điều cần thiết như sau:

1. Phải thường đọc đi đọc lại lời Phật tổ dạy để nung đúc tín tâm thêm lớn mạnh.

2. Những gì đã học hiểu rồi phải ráng thực hành cho đúng. Nếu học hiểu suông lâu dần nó nguội rồi mất nên phải ráng thực hành cái mình đã học hiểu.

3. Thường tới lui gần gũi những bậc thầy để được nhắc nhở thêm.

Đủ ba điều kiện đó thì tín tâm sẽ được tăng trưởng không lui sụt.

Hỏi: Thầy khuyên Phật tử an nhiên với cái chết, vì các pháp đều ở trong sanh trụ dị diệt. Vậy đối với cuộc sống chúng con phải làm sao để được an nhiên?

Đáp: Muốn an nhiên với cái chết thì trước phải an nhiên với cái sống. Nếu biết cuộc đời là vô thường, thân này do bốn đại hợp, khi bốn đại tan thì thân này hư hoại. Như vậy hợp đó chỉ là giả hợp. Cuộc đời là vô thường thì mọi việc tới thấy không quan trọng, không quan trọng nó thì mình an nhiên. Sở dĩ không an nhiên được là tại chúng ta quan trọng, cho nên cái gì đến là lo âu sợ sệt. Cái tốt đến thì mừng, mừng quá thì khó ngủ. Cái xấu đến thì lo, lo quá cũng mất ngủ. Đó là tại mình quan trọng nó quá. Bây giờ coi nó không có gì quan trọng, được cũng tốt mà mất cũng không sao. Trên thế gian này có cái gì giữ được đâu? Thường người ta cứ giữ những cái bên ngoài quên giữ mình, đến khi thân bại hoại thì lo sợ. Vì vậy mà không được an nhiên. Nếu biết nó tạm bợ không quan trọng thì được an ổn. Không quan trọng không có nghĩa chúng ta không làm gì hết, chúng ta làm tất cả nhưng mà thành hay bại là tùy duyên thôi, không đặt nó phải thế này phải thế kia,

được cũng tốt, không được cũng không sao. Như vậy là được an nhiên.

Hỏi: *Bạch Hòa thượng, Phật tử phát tín tâm rồi cần nghiên cứu kinh điển nào? Có cần theo thứ tự hay không? Nếu cần tại sao Lục Tổ không biết chữ mà tu chứng làm Tổ?*

Đáp: Nếu quý vị nghe một câu kinh Kim Cang liền ngộ thì không cần theo thứ tự, còn bây giờ nghe giảng mãi mà chưa ngộ thì nên theo thứ tự giùm. Bởi vì mình so sánh với người ngang mình chứ không thể so sánh với người quá hơn mình. Như vậy nên chọn pháp vừa với căn cơ mình để tu cho dễ.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, xin Hòa thượng giải thích cho chúng con hiểu câu: “Thà chấp có như núi Tu-di còn hơn chấp không như hạt cải.”*

Đáp: Trong kinh thường nói: Thà chấp có như núi Tu-di, không nên chấp không bằng hạt cải. Vì chấp không bằng hạt cải còn hại hơn chấp có bằng núi Tu-di. Chấp có tội, có phước, có thiện, có ác, có địa ngục, có ngã quý, có súc sanh, có thiên đường, có Cực lạc v.v... nên sợ tội, sợ làm ác đọa địa ngục, nên tránh ác làm lành để sanh lên cõi trời. Như vậy vì chấp có mà ráng tu. Còn chấp không thì cái gì cũng không ngơ hết, chỉ cần nói không tội không phước là mình đã bị đọa rồi. Bởi vì chấp không như vậy là cái nhân để không tu hành.

Vậy chư tổ nói không tối, không sáng, không có hai bên có phải là chấp không không? Tổ không chấp không.

Người thế gian không biết các pháp tương đối, tùy duyên mà có, không thật, có nhân nơi không mà có, không nhân nơi có mà có. Người đời không biết nên chấp không tuyệt đối là không, có tuyệt đối là có. Đối với nhà thiền thì có không thật có, không không thật không, tối không thật, sáng không thật. Không thật chứ không phải là không có cái giả, có mà không cố định. Người thế gian chấp có chấp không là cố định có, cố định không. Phật quả không cho chấp là như vậy.

Hỏi: Đọc trong sách con thấy cư sĩ họ Bàng là một học giả Khổng giáo và là người giàu có ở đời Đường. Ông từng dự những pháp hội với nhiều thiền sư danh tiếng, ông đem tài sản của mình đổ xuống sông để cầu đạo vô thượng Bồ-đề. Chúng con thắc mắc tại sao ông đem vàng bạc bỏ phí đi mà không bố thí cho kẻ khốn cùng nghèo khổ?

Đáp: Tôi xin giải thích điều này để quý vị khỏi thắc mắc. Ông Bàng Uẩn là một nhà khá giả, sau khi ngộ đạo rồi, những tiền của còn lại ông chớ đem đổ xuống sông hết. Từ đó về sau ông sống một cuộc đời thanh bạch, ông bện sáo để con gái đem ra chợ bán, bà Bàng ở nhà với đứa con trai đi làm ruộng. Lý ra của cải dư ông đem bố thí thì tốt hơn, tại sao lại đem đổ xuống sông? Điều này làm cho nhiều người thắc mắc. Đây tôi giải thích cho quý vị hiểu. Chúng ta nghĩ tới người nghèo kẻ thiếu đem tiền của dư giúp họ là do lòng từ bi, song việc làm đó có khi là tâm muốn được phước nữa. Ở đây ông Bàng Uẩn khi ngộ đạo rồi, ông thấy tất cả thế gian không có cái gì quan trọng, tiền của danh lợi

đối với ông là một trò chơi không đáng gì hết. Cho nên ông không cần, ông đem đồ cái mình không cần, để dứt hẳn lòng tham luyến của cái thế gian. Mình biết cái đó là nhân của tham lam, nếu đem cho người khác là làm tăng thêm lòng tham lam cho người ta. Cái mình thấy nó không nghĩa lý gì chỉ tăng trưởng lòng tham, mà đem cho người khác là vô tình nuôi dưỡng tham lam cho người. Lẽ phải của ông là ông không muốn tham cũng không muốn cho người khác tham, đó là lý của ông. Còn việc giúp người nghèo khổ, người bệnh tật thì ở thế gian này không cùng. Đem tiền của làm việc phước thiện để giúp kẻ nghèo đói đó là tâm từ thiện, còn đồ tiền của để dứt cái tâm tham lam là hai cái nhân khác nhau: Cái nhân từ bi giúp đỡ để có phước và cái nhân dứt sạch tham lam ở mình ở người, hai cái nhân này hoàn toàn không giống nhau. Cái phải của người này chưa phải là cái phải của người kia. Chúng ta có quyền phê bình nhưng chưa chắc chúng ta phê bình đã đúng.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, con có một thắc mắc kính xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy: Một ly nước để nơi kín không có gió thì ly nước không động. Cũng vậy người tu hành ở nơi hẻo lánh như núi non am cốc, cảnh thanh tịnh lâu dần tâm cũng thanh tịnh và trở nên thuần thực. Như vậy đến khi chết người đó sẽ sanh nơi Cực lạc thanh tịnh có đúng như vậy không?

Đáp: Tôi xin giải thích rõ, nếu tu ở nơi vắng vẻ, không có người, không có chuyện bận rộn xảy ra thì dễ yên. Nhưng cũng có nhiều người ở chỗ vắng mà ồn hơn chỗ động. Chẳng hạn quý Phật tử ban ngày làm ăn

lo sinh kế gia đình mà tâm ít chạy nhảy, tối ngời một mình nó chạy tứ tung. Cho nên an hay không an chưa hẳn là ở chỗ vắng hoặc chỗ đông người. Đó là phương tiện chứ không phải cứu cánh. Người xưa hay khuyên: “Độc thiên kỳ thân” là khi ở riêng một mình phải dè dặt pháp ác phát sinh. Đừng tưởng ở riêng là tốt hết, trừ khi ở riêng mà biết tu, ở chỗ vắng mà biết tu thì có lợi lớn. Nếu không biết tu chưa chắc đã có lợi. Vì tâm mình không phải đợi có cảnh nó mới chạy nhảy, mà có cảnh hay không có cảnh nó vẫn cứ chạy nhảy. Hiện tại không có cảnh thì nó lồi cảnh quá khứ ra. Do đó dù ở chỗ vắng hay ở chỗ đông mà tâm thanh tịnh thì được sanh cõi tịnh chắc chắn, chứ nói ở chỗ vắng tâm thanh tịnh sanh cõi Phật thì chưa chắc.

Hỏi: Bạch Thầy, trong kinh có nói cõi trời Phi tướng phi phi tướng, chư thiên ở cõi trời này nếu hết phước vẫn bị đọa. Tại sao không có tướng mà chưa giải thoát?

Đáp: Phật tử này hiểu lầm. Chỗ phi tướng phi phi tướng là không có cái tướng thô mà còn cái tướng tế cho nên vẫn còn đi trong luân hồi.

Hỏi: Bạch Thầy, nhập Diệt tận định là sao? Có gì khác với vô tướng không?

Đáp: Câu hỏi này đúng ra thì tôi không trả lời vì tôi chưa nhập Diệt tận định, nói cái chưa làm thì nói không đúng. Nhưng mà theo kinh nói nhập Diệt tận định là dứt sạch mọi tư tưởng từ thô đến tế, nên nói là diệt tận. Còn phi tướng phi phi tướng là hết cái thô mà còn cái tế. Vì vậy Diệt tận định không phải là cõi trời

Vô tướng thiên, diệt tận đây là diệt tất cả các tướng, sạch hết phiền não, còn Vô tướng thiên chỉ là cõi trời dứt các tướng nhưng các nghiệp lâu đời như tham sân si chưa sạch, gặp duyên nó sống dậy cho nên khác với Diệt tận định.

Hỏi: *Kính bạch Thầy, xin Thầy từ bi giảng giải cho Phật tử chúng con hiểu thế nào là Như Lai tại triền, đức Tỳ-lô-giá-na Phật có phải là một vị cổ Phật không?*

Đáp: Trong kinh Đại thừa thường hay nói Như Lai tại triền và Như Lai xuất triền. Như Lai tại triền là Như Lai còn ở trong trói buộc (triền là phược). Như Lai xuất triền là Như Lai ra khỏi mọi trói buộc.

Bây giờ Như Lai tại triền ngài ở đâu? Ngay nơi thân này và còn trói buộc, nhưng đã có Như Lai ở đó rồi. Khi dứt hết mọi trói buộc thì thành Phật gọi là Như Lai xuất triền.

Phật Tỳ-lô-giá-na là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là pháp thân. Pháp thân là thân không hình tướng. Trong kinh Pháp Hoa tôi có giảng ở phẩm Hiện Bảo Tháp, đức Đa Bảo biểu trưng cho pháp thân, Phật Thích-ca là báo thân. Ở đây Phật Tỳ-lô-giá-na cũng chỉ cho pháp thân, mà pháp thân thì không có nói xưa nói nay, không có cổ có kim.

Hỏi: *Bạch Thầy, chân tâm, chân như, Phật tánh, pháp tánh, trí tuệ viên giác có đồng nghĩa hay không?*

Đáp: Chân tâm, chân như, Phật tánh, pháp tánh, trí tuệ viên giác nghĩa thì khác. Bởi vì nói chân tâm

mà giải nghĩa ra thì phải khác với chân như. Nói chân như mà giải nghĩa ra thì khác với chân tâm, nói Phật tánh giải nghĩa ra cũng khác với pháp tánh. Nói pháp tánh giải nghĩa ra khác với Phật tánh v.v... Nghĩa thì khác nhưng thể không khác.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, Bát-nhã Tâm Kinh nói: “Soi thấy năm uẩn đều không.” Vậy “không” bằng cách nào? Chúng con chưa hiểu, kính xin Hòa thượng giảng cho chúng con được hiểu.

Đáp: “Không” đây là không tự tánh, mà không tự tánh tức là không có cái thật thể. Năm uẩn nó không có thật thể. Ví dụ đây là một bàn tay, khi tôi co năm ngón lại thì gọi là nắm tay. Vậy cái gì là thực thể của nắm tay? Nếu năm ngón tay tôi buông ra thì không có nắm tay, tức là duyên tan, rõ ràng nắm tay không có thật thể. Tất cả muôn sự muôn vật đều như thế, tức là đều do duyên hợp mà thành chứ không có thật thể. Bởi duyên hợp tạm có, duyên ly tán thành không. Như vậy có trong thể tánh không cho nên tôi nói nó là tánh không, mà tánh không trong kinh có chỗ cũng nói là chân không. Bởi vì tánh không không dời đổi, ở sự vật nào cũng là tánh không, bởi không dời đổi nên gọi là chân không.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, con có vài thắc mắc kính mong Hòa thượng giảng giải: Một người cùng một lúc không thể làm hai công việc được, thí dụ như vừa đọc sách vừa nghe radio. Kinh Lăng-nghiêm và kinh Địa Tạng

nói Phật Thích-ca và Bồ-tát Địa Tạng phân thân đi mười phương để hóa độ chúng sanh. Vậy có thật là Phật và Bồ-tát phân thân không? Và nghĩa bóng việc đó có ý dạy gì?

Đáp: Phật tử này hiểu như vậy là lấy cái lượng phàm mà lường cái tâm thánh. Rất tiếc là tôi chưa được làm Bồ-tát nên tôi chưa phân thân được, tôi chưa biết phân thân ra sao. Việc Phật và Bồ-tát phân thân đi giáo hóa thì việc đó chắc phải đợi khi nào chúng ta chứng tới đó mới biết, bây giờ khó so sánh được. Vì khả năng của phàm phu và khả năng của bậc thánh khác nhau. Ở đây tôi chỉ nói: Không phải Phật, Bồ-tát giống phàm phu mà làm hai việc cùng một lúc không được. Chúng ta đừng lấy đó so sánh e không đúng.

Hỏi: *Bạch Hòa thượng, cõi trời là cõi của những người có phước báo tốt thường làm việc thiện, nhưng sao ma Ba-tuần thường hay phá Phật mà cũng ở cõi trời?*

Đáp: Câu hỏi này có lý. Nghĩa là đã ở cõi trời thì không phải là ma, tại sao ma lại được ở cõi trời? Quý vị nên hiểu rõ thế này, ở thế gian có nhiều người tu mà tu không đúng với chánh pháp, nhưng họ làm lành mong cầu hưởng cái gì đó. Vì có niệm mong cầu nên họ được phước sanh ở cõi tốt là cõi trời, nhưng tà niệm chưa hết nên gọi là ma. Họ cũng cố gắng tu, cũng nhập định nhưng không phải chánh định mà là tà định. Do làm lành nhưng theo hướng tà, thành ra sanh cõi lành mà thuộc về ma, gọi là ma Ba-tuần.

Hỏi: Kính bạch Thầy, xin Thầy giảng giải cho chúng con hiểu câu nói của đức Phật dẫn trong kinh A-hàm: “Này, A-nan! Nếu không có phụ nữ xuất gia trong giáo pháp của Như Lai thì chánh pháp sẽ tồn tại ở thế gian một ngàn năm, nhưng có phụ nữ xuất gia thì chánh pháp chỉ tồn tại năm trăm năm.”

Đáp: Phật tử này đọc trong giáo lý A-hàm thấy ngài A-nan xin cho bà di mẫu là Ma-ha Ba-xà-ba-đề được xuất gia thì đức Phật than với ngài A-nan rằng: Nếu cho người nữ xuất gia thì chánh pháp của Như Lai sẽ giảm bớt năm trăm năm nên Phật tử thắc mắc tại sao.

Chỗ này tôi xin nói rõ: Ngày xưa, khi Phật còn tại thế không có chùa cũng không có tinh xá, người nữ xuất gia rồi sống lang thang trong rừng, miếu, đền, không có chỗ an trú là một vấn đề không giản đơn, lại còn nhiều việc khó khăn, bị người ta phá phách nữa. Cho nên Phật dạy chư tăng an cư ở đâu thì chư ni cũng phải ở gần đó để được bảo vệ, mà quý vị thấy nam nữ ở gần thì hay có bệnh ái xảy ra, do đó làm cho tăng đoàn không thanh tịnh. Còn nếu tách rời ở xa thì sợ chư ni bị tai nạn không ai bảo vệ, đây là vấn đề nan giải. Cho nên Phật không muốn độ phái nữ, chỉ có tăng không thì dễ hơn. Vì điểm đó cho nên ngài nói nếu cho phái nữ xuất gia thì chánh pháp mất đi năm trăm năm là vậy.

Hỏi: Bạch Hòa thượng, xin Hòa thượng giải cho chúng con rõ hai câu:

- Bất sanh nộ sân.
- Ái hà thiên xích lãng, khổ hải vạn trùng ba.

Đáp:

1. Bất sanh nộ sân: Chử nộ và chử sân đi theo nhau cũng như chử nóng giận chúng ta thường dùng. Nóng là trạng thái phùng lên, giận là trạng thái ngằm ngằm, là bực bội, là tức tối.

“Bất sanh nộ sân” là không sanh nóng giận, dù nghe những lời trái tai, thấy những việc làm bất như ý v.v... mà không nóng giận.

2. Ái hà thiên xích lãng, khổ hải vạn trùng ba: “Ái hà thiên xích lãng” là dòng sông ái sóng cao tới ngàn thước. Trong nhà Phật thường ví tình thương giống như dòng nước cuốn, cái gì rơi xuống cũng bị nước cuốn trôi hết. Con người cũng vậy, do ái mà lôi cuốn nhau chết chìm chết ngộp. Cha mẹ sanh con ra thì thương con, con lớn lên có gia đình sanh ra cháu thì thương cháu, nếu còn sống đến tám mươi, chín mươi tuổi, cháu sanh chắt cũng thương luôn. Tình thương cuốn trong dòng ái nghiệp không ngày nào ra khỏi, giống như rớt xuống dòng nước chảy bị nó cuốn trôi. Tình ái nó cột trời cho tới già không lúc nào rảnh để tu, cho nên nói dòng sông ái sóng cao tới ngàn thước, nó cuốn người đắm chìm trong đó.

“Khổ hải vạn trùng ba” là biển khổ có muôn ngàn lượn sóng. Trong cõi đời này có muôn ngàn chuyện làm cho con người buồn khổ. Giống như người đang ở trong biển một lượn sóng dập bị ngắt ngư, vừa mới tỉnh tỉnh, cố bơi thì lượn sóng tiếp lại dập tới nữa. Cứ như vậy liên tục hết khổ này tới khổ khác dồn dập nên nói khổ hải vạn trùng ba.

Phật tử này không hỏi thêm câu sau là: “Dục thoát luân hồi khổ, tảo cấp niệm Di-đà” tức là muốn ra khỏi luân hồi phải sớm niệm danh hiệu Phật Di-đà. Nói theo ở đây là muốn thoát khổ phải sớm tỉnh giác, vì tỉnh giác mới ra khỏi đường khổ, nếu còn mê thì không ra khỏi được. Đa số chúng sanh chấp nhận cho dòng sông ái cuốn đi để lặn hụp trong buồn khổ. Thế mới thấy cuộc đời này đau khổ không từ đâu đến, mà do nơi chính mình chấp nhận. Thật đáng thương thay!

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, lý nhân duyên và như huyễn giống nhau và khác nhau như thế nào? Kính xin Hòa thượng giảng dạy.

Đáp: Trong kinh Phật nói nhân duyên rồi nói như huyễn, có chỗ nói các pháp duyên sanh, có chỗ nói các pháp như huyễn. Như vậy hai cái đó là một hay khác? Để giản trạch tôi lấy bàn tay làm ví dụ cụ thể để quý vị thấy các pháp do duyên sanh. Bàn tay tôi năm ngón co lại gọi là nắm tay. Nắm tay này không tự có, do năm ngón co lại mới có. Nếu năm ngón buông ra thì không có nắm tay. Như vậy nắm tay là thật hay giả? Đang nắm như vậy là thật có hay không? Nắm tay tự thể là không, do năm ngón co lại tạm có, năm ngón rời ra thì không. Như vậy cái có này là không thật có, năm ngón tay co lại là duyên hợp, năm ngón tay buông ra là duyên tan. Duyên hợp duyên tan là nhân duyên. Nắm tay tuy có mà không thật có nên gọi là như huyễn. Cái gì duyên hợp mới có đều như huyễn. Hiểu được cái nhân của sự vật đều do nhân duyên hợp thì biết cái thể của nó là như huyễn, tự nó không có cái thể thật.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, con thường được nghe quý thầy giảng: “Nhất thiết duy tâm tạo”, trong Pháp Bảo Đàn kinh, Lục Tổ nói: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.” Xin Thầy từ bi giảng giải hai tâm này đồng dị như thế nào?

Đáp: Câu này hỏi hơi cao, tôi chỉ giảng sơ một vài nét chắc quý vị có thể lãnh hội được.

“Nhất thiết duy tâm tạo” là tất cả pháp do tâm tạo nên. Hiểu theo ý này, bây giờ có người nói: Tôi muốn có một thoi vàng xin thầy lấy tâm tạo giùm con. Tâm tôi tạo được thoi vàng không? Không. Tâm tôi không tạo được sao nói tất cả pháp do tâm tạo? Tất cả pháp do tâm tạo với ý nghĩa này: Vật để trên bàn trước mặt tôi tại sao quý vị biết là cái đồng hồ? Tại người ta đặt tên là đồng hồ. Sở dĩ nó có tên đồng hồ là do người dùng tâm suy nghĩ mà đặt tên. Như vậy tất cả vật hiện có tên này tên nọ đều là từ tâm đặt ra. Nếu không có tâm đặt thì mọi người cũng không có tên. Gặp nhau nhìn thôi chứ không nói gì được, tên A tên B đều do tâm suy nghĩ mà đặt ra. Tất cả cái gì có hình tướng có danh tự đều từ tâm suy nghĩ đặt tên, mà do suy nghĩ đặt thì đó là tâm tạo.

Câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” tôi có giảng trong Pháp Bảo Đàn, chắc Phật tử này không nhớ. Trong kinh Kim Cang ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật hai câu: Làm thế nào để hàng phục tâm? Làm thế nào để an trụ tâm? Phật dạy rằng: “Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Ứng vô sở trụ

nhi sanh kỳ tâm.” Nghĩa là muốn an trụ tâm thì đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đừng dính đừng mắc là an trụ tâm. Bây giờ quý Phật tử đi, đứng, nằm, ngồi, đối duyên xúc cảnh thấy cứ thấy, nghe cứ nghe, không dính với trần nào hết thì tâm không động. Sở dĩ tâm động lung tung là vì mắt thấy sắc dính sắc, tai nghe tiếng dính tiếng v.v... cho nên dao động liên miên. Nằm xuống là nhớ hết chuyện này tới chuyện kia rồi than thở sao đầu óc rối như tơ vò! Rối là tại mình dính, nếu không dính thì không có gì để nhớ hết. Vậy thì muốn an trụ tâm đừng để tâm dính với sáu trần, không dính với sáu trần là tâm an trụ. Hết sức là đơn giản nhưng mà tu khó phải không?



PHẦN III

Hỏi: *Thưa Thầy, khi ngài Duy-ma-cật bệnh, Phật sai Bồ-tát Văn-thù đến thăm, đến nơi Bồ-tát Văn-thù hỏi ngài Duy-ma-cật: “Tại sao Ngài bệnh.” Duy-ma-cật đáp: “Tại vì chúng sanh bệnh nên tôi bệnh, chúng sanh hết bệnh thì tôi hết bệnh.” Tâm trí con còn hạn hẹp chưa hiểu được ý này kính xin Thầy từ bi chỉ dạy.*

Đáp: Khi ngài Duy-ma-cật nằm bệnh, Phật bảo Bồ-tát Văn-thù đến thăm, khi đến thăm ngài hỏi: Bệnh ông nhiều ít, gần mạnh chưa? Duy-ma-cật đáp: Vì chúng sanh bệnh nên tôi bệnh, nếu chúng sanh hết bệnh tôi sẽ hết bệnh.

Trong kinh nói Duy-ma-cật là một vị cổ Phật hiện thân cư sĩ để giúp cho đức Phật Thích-ca trên đường giáo hóa. Bây giờ chúng ta chỉ nói Bồ-tát thôi. Tâm Bồ-tát là tâm lợi ích chúng sanh, thương chúng sanh như thương thân mình cho nên Bồ-tát thấy chúng sanh bệnh là thấy

mình bệnh, bệnh của chúng sanh là bệnh gì? Bệnh si mê. Vì si mê mà tạo nghiệp trầm luân trong tam giới không ra khỏi, Bồ-tát vì thương muốn tạo phương tiện giáo hóa chúng sanh thức tỉnh, hết tạo nghiệp mới thoát khỏi trầm luân trong tam giới. Vì tâm nguyện rộng lớn của Bồ-tát, khi chúng sanh còn bệnh tức là còn si mê thì Bồ-tát thấy mình bệnh nên lăn lóc trong cõi trần để độ. Khi chúng sanh hoàn toàn tỉnh giác không cần độ nữa thì Bồ-tát hết bệnh. Như Bồ-tát Địa Tạng phát nguyện độ chúng sanh ở địa ngục, bao giờ địa ngục trống không thì ngài mới thành Phật. Chỗ này nói lên tình thương chúng sanh như trời bể của Bồ-tát. Người tu chân chính phải theo hạnh nguyện Bồ-tát mới có thể làm lợi ích chúng sanh.

Như vậy bệnh của ngài Duy-ma-cật là do chúng sanh mê lầm mà ngài giả bệnh. Khi nào chúng sanh hết mê thì ngài hết bệnh.

Hỏi: Thấy được lý nhân quả, sống theo lý nhân quả có phải là tuệ không? Đa số người nghĩ khi nào tôi khá giả mới có tài vật để giúp người. Có người lại nói khi nào có tâm muốn giúp người thì mới có đồ vật để cho. Kính bạch Thầy như vậy ý nào đúng?

Đáp: Trong nhà Phật có nói tam tuệ là văn, tư, tu. Chúng ta thấy được lý nhân quả, rồi ứng dụng lý nhân quả thì đó là tuệ học. Còn đợi khá giả có tài vật nhiều mới bố thí, nếu cả đời chưa khá giả thì cả đời không làm được việc thiện. Còn nói rằng tâm mình nghĩ bố thí liền có tài vật để bố thí thì duy tâm quá.

Vậy Phật tử phải dung hợp hai ý, vừa nghĩ bố thí vừa ráng làm cho có tiền, tiền mình làm ra thấy có phần nào hơi dư thì phát tâm bố thí. Đó là vừa nghĩ bố thí vừa làm ra tiền của để bố thí chứ đứng một bên thì không hợp.

Hỏi: *Kính bạch Thầy, chúng con tu chưa chứng A-la-hán, vậy khi thân tứ đại tan rã tánh giác có đi đâu thai không? Nếu không thì ở đâu? Tánh giác và giác linh khác nhau thế nào?*

Đáp: Nếu tu chưa chứng A-la-hán thì bảo đảm còn tái sanh. Tái sanh thì lúc chỗ này lúc chỗ kia, tùy nghiệp lành dữ của mình mà đến chỗ tốt xấu không cố định. Phật tử đừng lo khi chưa chứng A-la-hán không biết tánh giác đi đâu, sẽ đi dài dài trong vòng luân hồi chứ chưa dừng đâu.

Tánh giác và giác linh chỉ là hai từ ngữ thôi. Tánh giác là cái biết sáng suốt mà ai cũng có. Người tu khi chết rồi thường được tôn xưng là giác linh, vì người ta tin rằng người tu có cái sáng suốt hơn thế tục nên gọi là giác linh. Còn nói hương linh hay linh hồn nghe nó phàm tục quá. Cho nên đối với những vị xuất gia gọi là giác linh, đó chỉ là danh từ thôi.

Hỏi: *Kính bạch Thầy, khi tọa thiền xong, sau phần hồi hướng con thành tâm cầu nguyện hồng ân Tam bảo gia hộ cho Thầy, cho thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt thường trụ với thời gian để nêu cao ngọn đèn chánh pháp của đức Như Lai. Con nghĩ như vậy để góp công với Thiền viện có đúng không, cúi xin Thầy chỉ dạy.*

Đáp: Phật tử này nói trong hăng ngày lúc tu hành chỉ phát tâm cầu nguyện cho thiên viện Trúc Lâm sớm thành tựu và được lâu dài để lưu truyền ngọn đèn chánh pháp. Dù chỉ là phát tâm hồi hướng cũng là một sự đóng góp rồi, điều đó rất tốt. Nhưng quý vị thấy tôi xây cất Thiên viện ở Đà Lạt, nghe thì vui mừng mà không biết tôi làm với mục đích gì. Tiện đây tôi xin nói cho quý Phật tử được rõ, tôi xây cất Thiên viện ở Đà Lạt với mục đích làm một cái gì cho Phật giáo Việt Nam. Vì hiện giờ ở Việt Nam chưa có chùa nào tu thiền theo tinh thần Phật giáo Việt Nam. Nếu chùa tu theo Đại thừa thì tụng kinh chữ Hán, còn chùa Nguyên thủy thì tụng kinh Pāli, vậy có cái nào là Việt Nam đâu! Đến ngày rằm hoặc ba mươi Phật tử tới chùa lạy sám hối, lễ ra sám hối là phơi bày những lỗi lầm mà mình đã phạm, đàng này chỉ quỳ xuống đọc: “Như thị đẳng nhất thiết chư Phật...” đọc xong rồi lạy, lạy xong rồi đi về mà không hiểu gì hết. Như vậy tụng đọc mà không hiểu kinh nói cái gì thì nghi thức ấy có phải là Phật giáo Việt Nam không? Khi Phật tử cúng cầu gì đó thì quý thầy phục nguyện toàn âm Hán tự chứ không có một âm tiếng Việt. Tìm một ngôi chùa tu theo Phật giáo Việt Nam không có!

Tại sao Phật giáo ở Ấn Độ khi truyền sang Trung Hoa họ chuyển thành nghi thức Trung Hoa, sang Nhật Bản chuyển thành nghi thức Nhật Bản, mà Việt Nam cứ giữ y nguyên không chuyển nổi? Đó là do chúng ta lệ thuộc văn hóa của nước Tàu. Ở thiên viện Trúc Lâm tôi quy định phải thực hành nghi thức Việt Nam, chúng ta tu Phật nhưng Phật ở Việt Nam.

Lâu nay ở các chùa, Phật tử thường lạy Lương Hoàng Sám hoặc Từ Bi Thủy Sám v.v... những nghi thức đó do tổ Trung Hoa đặt ra, chưa có nghi thức nào của tổ Việt Nam. Ở Việt Nam đời Trần vua Trần Thái Tông soạn Lục Thời Sám Hối trong Khóa Hư Lục rất hay. Lỗi lầm từ sáu căn mà ra cho nên trong kinh Lăng-nghiêm Phật nói sáu căn là nhân luân hồi, sáu căn cũng là gốc giải thoát. Sáu căn là cái gốc để chúng ta tu. Lâu nay nghi thức của chư tổ Việt Nam soạn chúng ta lại lơ đi không để ý, còn nghi thức của Trung Hoa thì đem ra tụng đọc hàng ngày. Do đó chúng tôi quy định phải sám hối sáu căn theo Lục Thời Sám Hối của vua Trần Thái Tông. Còn tu thì chúng tôi tạo điều kiện cho tăng ni tu hành đúng với tinh thần Thiền tông Việt Nam, thiền viện Trúc Lâm ra đời nhằm vào mục đích đó và cũng là chỗ Phật tử hướng tâm cầu nguyện.

Hỏi: Trong kinh dạy: Một cơn sân nổi lên đốt cháy cả rừng công đức. Xin Thầy thí dụ cho chúng con được hiểu.

Đáp: Thí dụ một ông thầy tu ở Thường Chiếu năm mươi năm tích công bồi đức cũng khá, nhưng hôm nào đó bị thầy Trụ trì hay Tri sự rầy một trận, ông ấy nổi sân bỏ tu hoàn tục. Một lần nổi sân là cởi áo nhà tu trở về thế gian thì công đức ông ấy bồi đắp bấy lâu nay có còn không? Tiêu mất hết.

Một thí dụ khác, có nhiều Phật tử biết tu phước làm việc từ thiện. Khi làm, trong Ban tổ chức có người nói trái ý liền nổi sân bỏ việc, không tiếp tục nữa, có khi cơn sân nổi lên nói càn làm bậy khiến cho công đức

tích chứa từ trước mất hết. Nên nói sân là một tai họa lớn làm mất công đức lành, Phật tử nên dè dặt.

Hỏi: *Trong thời tổ Ca-na-đề-bà có một vị Tỳ-kheo thành cây nấm đền nợ thí chủ. Theo con hiểu luân hồi trong lục đạo là làm hữu tình chúng sanh có Phật tánh chứ vô tình chúng sanh cũng có Phật tánh sao?*

Đáp: Chỗ này nếu Phật tử học tới sẽ thấy. Chuyện kể có một vị Tỳ-kheo tu hành tương đối tốt, nhưng chưa ngộ đạo, ông thọ nhận của thí chủ nhiều nên khi tịch thành cây nấm. Vị thí chủ đó nhỏ nấm ăn đến khi chết thì nấm không mọc nữa, tức là hết nợ rồi. Trường hợp này trong nhà Phật gọi là hoa báo là cái báo tạm, chỉ trong thời gian ngắn chứ không phải quả báo luân hồi làm thú để trả. Kinh nói chúng sanh hữu tình thì có Phật tánh, vô tình thì có pháp tánh. Nhưng có chỗ lại nói: “Tình dữ vô tình tề thành Phật đạo”, tức là hữu tình vô tình đều thành Phật đạo. Có Phật tánh tức là có cái “biết”. Cây cỏ có biết không? Nếu nói không, sao nó biết kiếm chỗ nào có phân nước để nó hút, còn chỗ nào che rợp thì nó tránh? Đó cũng là một hình ảnh cho chúng ta thấy tánh biết của loài vô tình. Nó có biết nhưng cái “biết” đó rất thô sơ nên chúng ta tưởng như nó không có.

Hỏi: *Theo sử ghi tổ Bát-nhã-đa-la (tổ thứ hai mươi bảy) lúc còn là đồng tử Anh Lạc, gặp tổ Bát-như-mật-đa (tổ thứ hai mươi sáu) thưa: “Tôi nhớ xưa đồng trong pháp hội, Tôn giả giảng Bát-nhã ba-la-mật-đa, tôi giảng Tu-đa-la thậm thâm.”*

Xin Thầy giảng nghĩa Tu-đa-la thậm thâm cho con được rõ.

Đáp: Tu-đa-la là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Kinh. Kinh Bát-nhã có khi nói là Kinh, có khi nói là Tu-đa-la liễu nghĩa.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng xin giảng cho con hiểu, theo luật nhân quả nói có vay thì có trả, con thấy có một ông thầy xuất gia sau này xả giới hoàn tục có vợ, có con như người đời. Vậy sau khi lâm chung có bị đọa địa ngục không?*

Đáp: Phật tử này lo cho quý vị xuất gia rồi hoàn tục, vay nợ đàn-na thí chủ có bị đọa địa ngục không?

Tôi xin giải thích: Nếu hiểu luật nhân quả một cách cố định có vay có trả thì không đúng, vì lý nhân quả rất tế nhị. Trong nhân gian thường nói: “gieo gió gặt bão”, hay nói “nhân nào quả nấy”. Như vậy chưa hiểu thấu lý nhân quả của đạo Phật. Đạo Phật nói nhân quả là một chuỗi dài thời gian. Ví dụ hạt xoài ươm xuống đất cho đến thành cây có trái, phải mất bốn năm năm và phải có người săn sóc đúng mức, nếu thiếu sự săn sóc chưa chắc có trái xoài. Hiểu như vậy mới là hiểu nhân quả, chứ quyết định nhân nào quả nấy thì không được. Tôi thường nói tôi sống nhờ Phật tử giúp đỡ về tiền bạc vật chất, như vậy tôi có vay không? Nếu khẳng định vay tiền trả tiền, vay lúa trả lúa thì tôi không trả được. Vay lúa vay tiền mà lại trả bằng thứ khác, như vay nợ tiền mà tôi trả bằng Phật pháp. Tiền quý Phật tử giúp tôi ăn năm ba tháng thì hết, còn tôi cho quý Phật tử pháp cả đời xài không hết, áp dụng tu hành cho tới khi nào thành Phật mới thôi. Tính ra thì tôi lời hơn, cho nên nói thuyết pháp có phước là vậy.

Trở lại ông thầy xuất gia hoàn tục, nếu vì chướng duyên không thể tu nữa ông xả giới hoàn tục, chặng xuất gia của ông là tốt, bây giờ ông không kham thì ông trở về đời sống người tại gia. Nếu trong thời gian xuất gia ông tu hành đàng hoàng thì có phước, trong giai đoạn cư sĩ tại gia lỡ tạo tội thì lấy phước đó mà bù. Nếu thời gian xuất gia tu hành lôi thôi không có phước, trong giai đoạn cư sĩ tại gia ông lại tạo tội thì không có phước khi chết bị đọa. Còn ông sống đời cư sĩ đúng đắn thì cũng còn cái phước thừa xuất gia của ông, đời sau ông có thể xuất gia tu trọn vẹn hơn.

Hỏi: Con nghe quý thầy dạy thức thì tỉnh, ngủ thì mê. Khi con phát tâm tu hành muốn đoạn trừ phiền não và loạn tâm. Tuy nhiên khi thức con điều phục được, khi ngủ thì bị dẫn đi lung tung. Vậy con phải thức hoài để tu có chướng đạo không?

Đáp: Muốn đoạn trừ phiền não và vọng tâm thì khi tu mình cố gắng tỉnh táo để có sức mạnh trị nó, còn khi ngủ thì mê, không có sức tỉnh nên bị nó dẫn, nhưng không sợ, vì trong mộng không có tạo nghiệp, không tạo nghiệp thì không có quả báo. Bây giờ Phật tử phải cố gắng huân tu trí tuệ càng ngày càng mạnh, nhờ sức mạnh đó mà dẹp bỏ phiền não dễ. Chừng nào đạo lực thật vững mạnh thì thức ngủ mới như nhau.

Hỏi: Kính bạch Thầy, Thầy nói nhất cử nhất động là duyên nghiệp? Làm sao phân biệt được nghiệp và duyên?

Đáp: Tôi xin đặt câu hỏi lại cho quý Phật tử theo đôi kỹ. Duyên nghiệp mà Phật tử này hiểu là duyên nghiệp của quá khứ hay hiện tại?

Nếu nói của quá khứ thì chưa thấu đáo, bởi vì đời sống chúng ta một là trả nợ quá khứ, hai là tạo duyên vị lai. Đành rằng tất cả hành động đều là duyên nghiệp nhưng nếu duyên nghiệp thuộc quá khứ thì ta thấy như định nghiệp, nghĩa là bắt buộc mình phải như vậy, tức là phải theo một cái khuôn đã định, người ta thường nói là số mạng. Nhà Phật không chấp nhận số mạng vì quá khứ có những duyên nghiệp xấu nhưng hiện tại tạo duyên nghiệp tốt thì nghiệp xấu ở quá khứ sẽ giảm, không có cái khuôn nhất định, cũng không giống số mệnh như nhà Nho nói: Số mệnh là cái đã định sẵn không đổi được, còn nghiệp duyên theo nhà Phật thì có thể chuyển đổi xấu thành tốt.

Hỏi: Xưa nay theo phong tục tập quán con thờ rất nhiều bàn thờ, nay con được nghe Thầy giảng con thấy có phần phức tạp. Vậy con có thể bớt lại chỉ thờ cửu huyền thất tổ, đức chí tôn và các vị Bồ-tát được không?

Đáp: Hồi chưa biết đạo ai chỉ sao làm vậy, bây giờ biết đạo thì thờ một bàn ông bà để tỏ lòng hiếu thảo với tổ tiên, ở giữa thì thờ Phật để chứng tỏ mình là đệ tử Phật, ngày đêm thường nhớ Phật, như vậy đủ rồi.

Hỏi: Làm sao biết được vấn đề nhân quả luân hồi để có thể giải thích được hiện tượng bất công của xã hội?

Đáp: Cái bất công ở đây không nói bất công của tổ chức xã hội, mà bất công ngay nơi con người với con người. Khi sinh ra có người đẹp, người xấu, người khỏe mạnh,

người đau yếu, người tật nguyên, người lành lặn, người sanh trong gia đình sung túc, người sinh trong cảnh thiếu thốn. Những điều bất công đó không phải người ta làm nên mà sinh ra mình đã mang sẵn rồi. Làm sao giải thích có nhân quả luân hồi để mọi người thừa nhận? Về luân hồi, ngày xưa thì khó tin thật, nhưng bây giờ rất dễ tin, vì tất cả sự vật đều chuyển biến chứ không mất hẳn. Gần nhất là quả đất, không cố định một chỗ mà cứ quay vòng vòng hoài đó là luân hồi chứ gì? Đến thời tiết thay đổi qua bốn mùa cũng luân hồi. Đó là vạn vật bên ngoài luân hồi. Nhìn lại ngay con người mình, máu huyết lưu thông từ tim ra động mạch, đi khắp cơ thể rồi trở về tim, lưu chuyển không dừng. Xa hơn nữa là từ đời này sang đời khác, chúng ta thấy một khoảng cách thời gian, tuy không có dữ kiện chứng minh, nhưng nó có mang cái bản chất cụ thể. Thí dụ như một đứa bé sinh ra chưa ai dạy mà nó lại ăn chay không chịu ăn mặn, hoặc có những đứa bé bảy tám tuổi học ít mà biết nhiều gọi là thần đồng. Vì sao có những hiện tượng lạ đó, có phải do mỗi người mang sẵn chủng tử từ trước nên khi được khơi dậy là phát triển liền. Trong một lớp học, thầy giáo dạy như nhau mà năng khiếu phát triển của học trò lại khác nhau, có trò giỏi toán, có trò giỏi văn... Từ đó chúng ta biết là do luân hồi.

Quý Phật tử hiểu vậy rồi thì biết sự bất công trong xã hội này là do phước nghiệp lành dữ của mình đã tạo, nên phải ráng tu sửa chứ đừng oán trách ai hết, vì phước lành hay nghiệp xấu gì cũng do mình tạo ra chứ không phải ngẫu nhiên mà có.

Hỏi: *Kính bạch Thầy, là Phật tử đối với cha mẹ lúc hấp hối hay sau khi qua đời lo ma chay, trong vòng bốn mươi chín ngày chúng con phải làm gì để có kết quả tốt, đúng hành động của người Phật tử chân chính.*

Đáp: Thường lúc cha mẹ hấp hối cơ thể bị rã rời đau đớn, khổ trăm bề, lại thêm lo sợ không biết đi về đâu, có lúc không làm chủ được. Kinh dạy, nếu trong gia đình có người hấp hối, người nhà nên hội lại tụng kinh hoặc niệm Phật, để giúp cho người hấp hối được tỉnh táo chỉ nhớ Phật bớt khổ. Nơi nào có quý thầy, quý cô nên rước đến trợ niệm là nhắc nhở người hấp hối chuyên nhớ Phật niệm Phật, để được an vui sanh về thế giới có Phật, tiếp tục tu hành.

Khi mất rồi việc lo ma chay thì tùy khả năng. Trong vòng bốn mươi chín ngày tốt nhất là mỗi đêm tụng kinh, cầu nguyện cho thân nhân mình, hoặc cúng dường tạo phước đức cho cha mẹ. Trong các kinh thường dạy như vậy.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, theo kinh điển nhà Phật con không thấy dạy cúng sao, tại sao mỗi năm ngày mồng tám tháng giêng các chùa lại cúng sao hạn. Vậy sao hạn từ đâu mà có và cúng sao có phải là mê tín không?*

Đáp: Phật tử này hỏi rất thực tế, không thấy kinh dạy mà tại sao thấy có làm. Quý vị nếu chịu khó đọc kinh thì trong kinh Tứ Thập Nhị Chương, kinh Di Giáo, Phật quả những vị Tỳ-kheo coi tướng coi tuổi, coi sao hạn, mà bây giờ trong chùa lại cúng sao cúng hạn là sao?

Hồi xưa xứ mình chịu ảnh hưởng Nho giáo nhiều, việc cúng sao hạn là do các ông nhà Nho coi trong lịch rồi cúng cho dân chứ không phải quý thầy trong chùa. Nhưng sau này không ai học chữ Nho nữa, lịch không ai coi, chỉ có mấy ông thầy tu còn học kinh chữ Hán, biết đọc chữ Hán cho nên dân đến chùa nhờ thầy coi giùm. Khi coi thấy tuổi đó bị sao đó, bị hạn đó, họ sợ nên nhờ thầy cúng giùm luôn. Quý thầy lại quá từ bi, nếu từ chối thì người ta sợ, tội nghiệp, cho nên phải cúng giùm. Từ đó thành thói quen nhưng cúng từng người thì mất thì giờ, thôi thì chọn ngày mồng tám đầu năm dồn lại cúng một lần cho tiện.

Đó là quý thầy làm thế việc của mấy ông đồ Nho, việc làm đó không phải là chân lý, không đúng lời Phật dạy. Phật tử mà tin điều đó là mê tín chứ không phải chánh tín.

Phật dạy chúng ta tin nhân quả, hiện tại chúng ta vui hay khổ, tốt hay xấu là do nhân mình tạo ra chứ không phải do sao hạn. Bây giờ khoa học tiến bộ khám phá ra mỗi ngôi sao là một hành tinh. Trái đất chúng ta đang ở cũng là một hành tinh, nếu mình ở hành tinh nào đó nhìn qua trái đất thấy họ cúng thì mình có cười không? Đó là một việc làm không đúng lẽ thật nên gọi là mê tín.

Hỏi: Kính mong Hòa thượng từ bi giải thích cho con hiểu: Phật dạy thân người do tứ đại hợp thành, theo luật vô thường mà tan hoại. Trên cõi Cực lạc của Phật A-di-đà tất cả mọi vật đều hiện hữu bất diệt. Vậy thân hình của những vị ở cõi Cực lạc được cấu tạo bằng yếu tố nào mà được tồn tại như vậy?

Đáp: Phật tử này nghe mà chưa thấu đáo nghĩa cùng tột. Sanh về cõi Cực lạc mà cõi đó không phải mãi mãi bất diệt, nó chỉ lâu dài hơn cõi Ta-bà cho nên dùng chữ vô lượng thọ. Tuổi thọ vô lượng chứ không phải bất tử. Trong kinh A-di-đà, Phật dạy người chết sanh về cõi Cực lạc từ hoa sen mà hóa sanh chứ không phải do tứ đại kết hợp.

Chúng ta căn cứ vào câu kinh Kim Cang “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, cái gì có tướng thì không thật, không bền lâu, chỉ tạm ngắn thôi. Như cõi chúng ta sống sáu, bảy chục năm, còn cõi Cực lạc có thể hai ba ngàn năm thấy nó dài, nên nói vô lượng thọ, mà đã có sống tất có chết. Như cõi Trường thọ thiên sống lâu rồi cũng chết, có thân có cảnh thì có vô thường, chỉ khác là sớm muộn thôi. Hiểu như vậy thì cái chuyện sống chết cõi này cõi kia nó sai biệt chứ không phải không chết. Chỉ có nhập Niết-bàn mới là vô sanh.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, nếu mình không bám vào người khác mà người đó bám vào mình thì liệu trong kiếp tương lai người đó và mình có liên hệ không?*

Đáp: Mình không dính mắc với họ mà họ đuổi theo mình. Thí dụ như đi đường, mình đi trước có người đi sau, người đi sau theo mình mà mình cứ đi nhanh về phía trước, họ đi không kịp thì tuy họ đuổi theo mà không gặp, còn nếu mình xoay mặt lại thì gặp họ. Vậy nếu Phật tử muốn không gặp họ thì hãy ráng đi nhanh và xoay lưng với họ thì nhất định sẽ không gặp, cái nghiệp họ tạo với mình không thành. Còn nếu mình giáp mặt đối đầu với họ thì nghiệp sẽ thành.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, làm sao hướng dẫn cha mẹ hướng về đạo khi cơ duyên chưa đến. Người thì thích danh, người thì thích tiền bạc?*

Đáp: Phật tử này có hiểu, biết rằng danh lợi tiền của không đem theo được ở đời sau, mà cha mẹ già lại thích hai thứ đó. Đó là điều thao thức của người con hiếu mong cha mẹ thức tỉnh. Thật ra điều này hỏi tôi phải làm sao thì tôi cũng chịu thôi, vì đang say mê theo danh theo lợi thì rất là khó nói. Phật tử là một người con hiếu muốn nhắc thức cha mẹ thì tôi khuyên phải tùy duyên. Phải biết tâm ý cha mẹ thích cái gì, hoặc khi cha mẹ có điều gì buồn phiền hay bệnh hoạn, hoặc khi trong thân quyến có người chết, khi đó Phật tử nhắc để cảnh tỉnh thì mới giật mình tỉnh thức, còn lúc bình thường thì khó chuyển lăm.

Hỏi: *Bạch Hòa thượng con năm nay bị sao Thái bạch lại nhằm năm tuổi, không biết do sao hạn hay do căn nghiệp nhân quả của con, mà mấy tháng vừa qua con gặp nhiều việc phiền não về tiền tài vật chất và cả tinh thần. Kính xin Hòa thượng giải nghiệp cho con.*

Đáp: Bây giờ nên hỏi lại người đặt ra sao Thái bạch này là căn cứ ngôi sao nào mà đặt tên? Những hành tinh trên hư không, mỗi cái giống như thế giới mình đang ở hoặc lớn hơn hoặc nhỏ hơn thì những hành tinh đó có hại gì mình không? Bởi vì nếu nó có chiếu thì chiếu hết cả vùng, ánh sáng soi đâu nhắm vào cá nhân nào. Cho nên cái nghĩa sao chiếu này tôi không chấp nhận được, không hợp lý.

Còn hỏi về duyên nghiệp thì chúng ta có thể giải quyết theo tinh thần nhà Phật. Phật dạy cái thân của chúng ta hiện giờ là thân tổng báo, tức là cái quả báo chung. Tôi lấy kinh nghiệm thực tế nói cho quý Phật tử hiểu. Quý Phật tử kiểm tra lại tâm mình từ lúc bé cho đến bây giờ là bốn năm mươi tuổi, mình toàn nghĩ thiện làm thiện hay có thiện ác lẫn lộn? Có khi thì tâm mình từ bi như Bồ-tát, có khi nổi sân như cọp sói, tốt xấu lẫn lộn. Bởi tốt xấu lẫn lộn nên nghiệp quả cũng lẫn lộn, có lúc mình gặp việc tốt gọi là may mắn, là trùng hợp với quả của nghiệp thiện trong quá khứ, có lúc trùng hợp với nghiệp ác đến thì gặp chuyện rủi ro. Cái may mắn hay rủi ro, đó là nghiệp thiện ác của quá khứ hiện hành. Cho nên những cái khổ vui trong cuộc sống hiện tại của mình, không phải ai tạo ra, mà chính mình tạo từ thuở trước còn đọng lại nên mình phải chịu. Bây giờ muốn được yên ổn, chúng ta quán xét khi việc thiện hoặc việc ác đến, biết rõ đó là dư báo của chính mình, chấp nhận nợ trước phải trả, trả hết rồi thì nó qua, đừng quá hoảng sợ đâm ra cuồng loạn rồi sanh bệnh.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, nếu như vô thường đến với người thân chúng con, chúng con phải cầu nguyện làm sao cho hợp lẽ đạo, thay vì cầu siêu cầu an?

Đáp: Nếu mình tu, khi vô thường đến, cha hoặc mẹ hay thân nhân mất, đa số thì nguyện cho cha mẹ được về cõi Phật, nhưng mâu thuẫn ở chỗ, nguyện thì nguyện về cõi Phật mà rước thì rước về nhà. Nghĩa là khi tụng kinh

cầu nguyện thì nguyện siêu thăng Tịnh độ, nhưng lại nhờ thấy ra mộ rước vong về thờ! Như vậy tính sao đây? Bây giờ muốn dừng mâu thuẫn thì nên thế này cho tiện: Biết rằng nguyện cho cha mẹ siêu sanh Tịnh độ là nguyện lành của người con và những vị hộ niệm, còn được hay không lại là chuyện khác, đâu phải ai nguyện cũng đều được hết, nếu nguyện mà được chắc khỏi tu. Vì vậy mà chúng ta nguyện cho thân nhân, cha mẹ được sanh về cõi Phật, còn nếu chưa được về cõi Phật thì sanh về cõi người sớm gặp Phật pháp để tu hành, tránh tạo tội ác, đó là cái nguyện của người con đối với cha mẹ khi trăm tuổi.

Hỏi: Vào những ngày kỵ giỗ ông bà cha mẹ chúng con phải nguyện thế nào cho hợp với lẽ đạo? Cúi xin Hòa thượng chỉ dạy.

Đáp: Việc kỵ giỗ ông bà cha mẹ, theo tôi đó là cái phong tục tập quán tốt của dân tộc Việt Nam chứ không phải kinh Phật. Nhưng đạo Phật tùy thuận theo tập tục tốt của thế gian.

Nếu là Phật tử khi tới ngày giỗ ông bà cha mẹ, nên làm hai việc: một là tạo phước lành như bố thí, phóng sanh để cầu nguyện cho ông bà cha mẹ được sanh về cõi lành; hai là tụng kinh cầu nguyện cho ông bà cha mẹ được phước lành, sanh về cõi lành. Hai điều đó cụ thể hơn hết.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, kinh Phạm Võng của giới Bồ-tát và trong bộ A-hàm có khác nhau không?

Đáp: A-hàm thuộc về giáo lý Nguyên thủy, còn kinh Phạm Võng là giới Bồ-tát, giới Đại thừa. Hai quan điểm một bên là tích cực, một bên là tiêu cực không giống nhau.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, ngài Mục-kiền-liên là vị đệ tử gần gũi với Phật, sao trong các thời khóa lễ rất ít đề cập đến tên ngài cho Phật tử lễ lạy?*

Đáp: Giải thích câu này phải có nhiều thì giờ, bây giờ tôi nói đơn giản. Thường chúng ta thờ Phật Thích-ca thì bên phải thờ Bồ-tát Văn-thù, bên trái thờ ngài Phổ Hiền, còn nếu thờ Phật A-di-đà thì bên phải là Bồ-tát Quán Thế Âm, bên trái là đức Đại Thế Chí, không ai nói tới ngài Mục-kiền-liên là vì sao?

Cõi Ta-bà này là cõi khổ, cõi ố, đức Phật Thích-ca từ cõi khổ mà thành Phật, trí tuệ sáng ngời không còn khổ, không còn ố nữa nên khi thờ ngài chúng ta tạc tượng ngài ngồi trên tòa sen, đó là hình ảnh tượng trưng hoa sen từ nơi chỗ bùn lầy ô ố mà vượt lên. Hai vị Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền cũng là hai vị tượng trưng. Chúng sanh ở cõi Ta-bà can cường nan điều, nan phục, cho nên trong cõi khổ này muốn tu hành tiến được thì phải mở sáng trí tuệ, Bồ-tát Văn-thù tượng trưng cho trí tuệ, ngài cưỡi sư tử, tiếng rống của sư tử các loài thú đều phải sợ đó là biểu trưng trí tuệ hàng phục được tất cả phiền não của chúng sanh. Bên trái là ngài Phổ Hiền tượng trưng cho hạnh nguyện. Có trí tuệ rồi mà không có hạnh nguyện mạnh để cứu đời là trí tuệ sông. Ngài Phổ Hiền cưỡi voi là tượng trưng cho sức mạnh

của hạnh nguyện. Trí tuệ và hạnh nguyện đầy đủ mới đến chỗ viên mãn. Đó là hai vị Bồ-tát tượng trưng chúng ta lạy để nhắc nhở trên đường tu phải có đủ hai điều kiện ấy.

Cực lạc là cõi vui, cõi Ta-bà chúng sanh còn nhiều khổ đau. Bồ-tát nào muốn độ sanh ở cõi Ta-bà thì trước nhất phải có lòng từ bi rộng lớn, ngài Quán Thế Âm tượng trưng cho đức đại từ đại bi; kế là phải có ý chí mãnh liệt, ngài Đại Thế Chí tượng trưng cho sức mạnh của ý chí vào cảnh khổ không chán nản, không thối chí.

Còn ngài Mục-kiền-liên là tiêu biểu cho tấm gương hiếu thảo nên mỗi năm vào ngày Vu-lan mới có lễ lạy ngài. Đó là ý nghĩa trong nhà Phật chúng ta cần phải hiểu ý nghĩa tại sao mình phải thờ phải lễ lạy.

Hỏi: Kính bạch Thầy, hiện tại con mang nhiều tật bệnh đã chín năm rồi, tự biết mình mang nghiệp rất nặng nên con phóng sanh, niệm Phật nhiều và lập các hạnh khác, tuy nhiên con vẫn còn mang nhiều bệnh. Vậy con phải lập hạnh gì để tiêu được bệnh?

Đáp: Bệnh mà đã chín năm rồi là bệnh kinh niên chứ không phải bệnh mới có. Vậy Phật tử muốn hết bệnh hết khổ, nên dùng trí tuệ quán chiếu như trong kinh Bát-nhã dạy: “Chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách.” Thấy thân năm uẩn không thật thì khổ ách qua hết. Cái hạnh đó dễ nhất chứ các hạnh khác thì chắc chưa hết, sở dĩ khổ vì thấy thân mình thật, bây giờ nhân bệnh khổ mình soi lại năm uẩn không thật, thân không thật thì bệnh đâu có thật,

vì bệnh không thật nên coi như không bệnh. Thấy được như vậy thì sẽ hết khổ.

Hỏi: *Chúng con thắc mắc về vấn đề chữa bệnh bằng nhân điện ở Mỹ và hiện nay đã lan tràn sang Việt Nam. Con vì tính tò mò đã đến học khóa sơ và trung cấp, chỉ trong sáu ngày được khai mở luân xa, có thể trị bệnh cho mình và người khác bằng cách tọa thiền thu nhân điện vũ trụ vào hai bàn tay. Con thấy có nhiều người bệnh nặng mà nay đã khỏe hoặc giảm nên họ rất tin, có một số tu sĩ xuất gia cũng theo học.*

Bạch Hòa thượng, con thắc mắc tu sĩ Phật giáo thì phải trường chay tuyệt dục, công phu tu tập lâu ngày mới đạt được. Thế mà khoa nhân điện này chẳng cần gì hết, ông thầy dạy cũng chẳng cần trường chay. Có người nói rằng đó là các vị Bồ-tát thị hiện cho phương pháp tu rút như vậy để cứu dân độ thế. Thực hư ra sao kính xin Hòa thượng từ bi giảng dạy cho chúng con được rõ?

Đáp: Đây là vấn đề hơi mới. Thật ra đứng về mặt tu thiền của thiền tông mà nói thì chúng tôi thường khuyên Phật tử rằng: Mình tu là phải định tĩnh cái tâm và tự sáng cái thể sẵn có của mình, chứ không mong cầu bên ngoài. Nếu như Phật tử nói trị bệnh bằng nhân điện ngồi để hai bàn tay rồi thu điện trời đất vào, đó là chuyện chuyên môn nghề nghiệp tôi không nói, vì tôi không có đi trong đó tôi không biết. Còn theo chủ yếu của thiền tông là ngộ được cái bất sanh bất diệt nơi chính mình, chứ không lệ thuộc vào điện hoặc sức hấp dẫn của vũ trụ bên ngoài, nếu lệ thuộc e rằng mình chưa tự tại,

mà chưa tự tại thì dù có tác dụng gì cũng chỉ là tác dụng tạm thời thôi, dù học nhân điện giỏi mấy mai kia rồi cũng chết, những người mình trị họ hết bệnh rồi có khỏi chết đâu. Chỉ trở về với cái thân thật của mình mới là bất sanh bất diệt. Nói những vị trị bệnh đó là Bồ-tát thì e quá đáng, Bồ-tát là giác chứ không phải Bồ-tát nhờ điện. Chắc quý vị thỉnh thoảng cũng nghe có nhiều vị trị bệnh bằng nước lạnh, hoặc thứ này thứ nọ, cũng nổi tiếng một lúc rồi đâu vào đó thôi, cho nên mình đừng quan trọng để sau này khỏi hối hận.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, qua bộ Thiên Sư Trung Hoa do Hòa thượng dịch, con nhận thấy chư tổ ngày xưa ngộ đạo từ lục căn, chủ yếu là con mắt, lỗ tai, kể đến là lỗ mũi và thân ý, nhưng chưa thấy vị tổ nào ngộ đạo từ cái lưỡi. Như vậy trên thực tế có ai ngộ đạo từ cái lưỡi chẳng và trường hợp ngộ như thế nào? Cúi xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy cho chúng con được rõ.*

Đáp: Ngộ đạo thì đa số ở cái thấy cái nghe. Nhưng trong kinh Lăng-nghiêm hai mươi lăm vị thánh trình sở ngộ, có vị nếm cây thuốc mà ngộ, đó là từ cái lưỡi.

Hơn nữa nói trong sáu căn thì lỗ tai, lưỡi và ý là ba căn viên thông hơn hết, nhưng sao ít có trường hợp ngộ ở lưỡi? Vì lưỡi để diễn thuyết cái hay cái quý Phật đã dạy cho mọi người nghe, ngộ được lẽ thật đó là công dụng bất tư nghì của cái lưỡi, còn ngộ từ lưỡi thì chỉ có nếm mới ngộ.

Hỏi: *Kính xin Hòa thượng giải thích cho con hiểu sự đồng và khác nhau giữa Thiên và Lão Trang?*

Đáp: Lão Trang cũng tu thiền nhưng thiền của Lão Trang đi vào thể tánh vô vi, còn thiền của đạo Phật do định mà sanh tuệ, chỗ nhắm của hai bên khác nhau. Vô vi là chỉ cho cuộc sống trong đời mà không bị đời lôi cuốn, Lão Trang gọi là tự tại. Còn đạo Phật lấy giác ngộ làm chủ yếu cho nên ngồi thiền để được định, mà định để được giác ngộ. Giới, định, tuệ là ba môn giải thoát của đạo Phật là vậy.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, khi Phật còn tại thế mỗi khi đệ tử đến thưa hỏi điều gì thì bày vai hữu và đi nhiều ba vòng là ý nghĩa thế nào?*

Đáp: Đây là phong tục của người Ấn Độ. Ở Ấn Độ khi muốn thưa hỏi điều gì quan trọng liền trích vai áo bên mặt xuống, bày cái vai mặt lên rồi thưa hỏi, thưa hỏi xong đi nhiều ba vòng. Trong kinh có nói bày vai hữu là nói lên sự gánh vác, khi hỏi đạo lý, bậc thầy hay đức Phật trả lời là mình nhận việc đó, thường thì đa số gánh vai mặt cho nên trích bày vai mặt. Sau khi hỏi xong đi nhiều ba vòng là để tỏ lòng cung kính, đó là thưa hỏi và cung kính hứa sẽ thực hành.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, trong kinh Trường A-hàm, bài kinh Thích-đề-hoàn-nhân có nói: Trong mười sáu đại quốc, Phật đều thọ ký cho họ, riêng người nước Ma-kiệt-đà tại sao Phật không thọ ký? Cũng trong đoạn này nói: Tất cả Sa-môn Bà-la-môn diệu hý không thể an trú trong cảnh giới tịch diệt, vì ở thế gian có những cõi mà chúng sanh đều y cứ theo cảnh ấy và giữ gìn chắc chắn không thể rời bỏ, họ cho đây là thật còn ngoài ra là hư dối.*

Đoạn này con không hiểu. Xin Hòa thượng giải giùm con từ “điệu hý” là gì? Và những người tu hành đắc đạo thì được Phật thọ ký sẽ thành Phật, còn những người tu hành đắc đạo mà không được Phật thọ ký thì như thế nào?

Đáp: Câu thứ nhất hỏi tại sao Phật thọ ký cho mười sáu nước, riêng người nước Ma-kiệt-đà không được thọ ký. Phật tử nên hiểu, Phật thọ ký cho những người đủ duyên tu hành có tiến, có đạt từ sơ quả Tu-đà-hoàn đến A-la-hán chẳng hạn. Còn những người tu hành chưa tiến, Phật làm sao thọ ký. Người nước Ma-kiệt-đà lúc đó chưa có ai phát tâm dũng mãnh tu hành đạt đạo nên chưa được thọ ký, đó là chuyện thường.

Câu thứ hai nói rằng tất cả Sa-môn, Bà-la-môn không trừ hết “điệu hý” Phật tử này không hiểu điệu hý là gì? Điệu là trạo cử, tức là lăng xăng. Hý là hý luận, tức là nói đùa cợt. Điệu hý là thân và miệng đều không an định, lăng xăng lộn xộn. Bởi còn điệu hý nên không được tịch diệt, vì vậy mà còn ở trong hư dối không thấy được đạo quả.

Câu chót hỏi những người tu thành đạo thì được Phật thọ ký thành Phật. Còn những người tu hành đắc đạo mà không được thọ ký thì như thế nào?

Quý vị có hồi hộp, sợ mai kia mình đắc đạo không được Phật thọ ký thì không biết ra sao! Không có gì phải lo hết, chúng ta sẵn có tánh giác khi chúng ta tu sạch hết vô minh, phiền não thì tánh giác hiển hiện thành Phật. Khi đã thành Phật tức là được Phật thọ ký rồi.

Phật ở tại tâm chứ không phải bên ngoài, chỉ cần lo dẹp vô minh phiền não đừng lo được thọ ký hay không được thọ ký.

Hỏi: Kính bạch Thầy, nếu người xuất gia tu hành gặp phải vị thầy ham mê ngũ dục, không dạy dỗ đệ tử lúc đầu cũng như lúc cuối đệ tử không hiểu biết gì cả. Vậy đệ tử bỏ thầy đi nơi khác thì có lỗi phản thầy hay không?

Đáp: Câu hỏi này rõ lắm, trong kinh A-hàm có một bài kinh đức Phật dạy rằng: Nếu có người đi cầu thầy học đạo, đến ở với vị thầy, nơi đó có cơm dư, áo ấm, tiện nghi đầy đủ mà ông thầy không dạy đạo lý thì nên ra đi khỏi chào ông thầy. Còn nếu có người đến học đạo với một vị thầy, nơi đó thiếu ăn, thiếu mặc mà ông thầy dạy đạo lý đầy đủ thì dù có bị đuổi, các ông cũng xin ở lại mà học đạo. Hiểu rõ như vậy thì không sợ bị tội phản thầy, bởi vì cầu học đạo để tu, mà không dạy đạo mà dạy cái khác thì bỏ nơi đó đi tìm đạo thì không có lỗi gì cả.

Quý Phật tử có nhớ xưa đức Phật đi tu, trước hết là học với mấy vị tiên A-la-la, Uất-dầu-lam-phát nhưng thấy không đúng với bản nguyện ngài bỏ đi. Vậy ngài có bị tội phản thầy không? Không. Trừ khi nào thầy dạy đạo lý đầy đủ mà mong ngóng chỗ này chỗ kia, hiểu danh hiệu lợi bỏ đi, đó là phản thầy. Nếu vì đạo mà tìm chỗ tu học thì không có phản thầy.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, một thiền sư đã triệt ngộ, hoặc một vị A-la-hán thoát khỏi luân hồi, các ngài tùy duyên thọ sanh, khi vào bào thai có bị cách ấm hay không; xin Hòa thượng từ bi giải đáp.

Đáp: Câu hỏi này có một cái lỗi. Hỏi thiền sư đã triệt ngộ, các ngài tùy duyên thọ sanh, khi vào bào thai có bị cách ấm không thì được. Còn những vị A-la-hán đã khỏi sanh tử luân hồi thì đâu có đầu thai nữa mà cách ấm. Tôi xin giải thích: Chư vị Bồ-tát vào thai còn cái gọi là vô minh cách ấm, đó là cái mờ tối khi thân này chuyển sang thân khác. Vì sau khi sinh ra khỏi lòng mẹ, lúc đó các cơ quan chưa thuần thục làm sao hoạt động như người lớn được, phải chờ thời gian các cơ quan phát triển đầy đủ chừng đó mới sáng, và một lý do nữa là từ đời này qua đời khác nên các ngài có quên một chút, đó gọi là cách ấm, nhưng gặp duyên nhắc lại thì nhớ. Ví như mình quen làm một việc rất là thuần thục, sau đó nghỉ năm mười năm không làm, một hôm có người kêu mình làm lại thì lúc đầu hơi quên và dần dần sẽ thuần thục.

Như vậy đối với người tu hoặc là những vị thiền sư tu Bồ-tát hạnh vào bào thai vẫn bị mê cách ấm chứ chưa hết.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, thiền sư tu tới nhà có phải là triệt ngộ không? Xin Hòa thượng vì con giải đáp.*

Đáp: Tới nhà có hai cách: Một là mình đã thấy nhà, tới rồi nhưng chưa vô nhà. Còn người tới nhà mà vô nhà thì khác. Như trong kinh Lăng-nghiêm ngài A-nan đã ngộ, ngài nói bài kệ phát nguyện thấy thân này như cát bụi và sau đó ngài thưa với Phật: “Con hiện giờ như người nhà quê được vua ban cho ngôi nhà đẹp,

con đến cửa nhà mà chưa mở cửa vào nhà được, cúi xin Thế Tôn chỉ cho con cách mở cửa vào nhà.” Như vậy tới cửa chưa phải là ngồi trong nhà một cách thông thả. Tới đó cũng là triệt ngộ nhưng cái ngộ đó vẫn còn vô minh vi tế, chừng nào mở cửa được vào trong nhà tự tại mới là xong việc.

Hỏi: Có người nói tu một hạnh trong sáu độ, hoặc từ bi nhẫn nhục như Quán Âm Thị Kính tu nhẫn nhục vẫn được giải thoát. Rồi vị này cho thí dụ như cái nhà có sáu cửa khi vô một cửa thì vào được nhà. Theo con hiểu Bồ-tát Quán Thế Âm tu nhĩ căn viên thông, chứ không phải tu nhẫn nhục mà được giải thoát. Kính xin Hòa thượng vì con giải rõ.

Đáp: Trong lục độ nếu tu một hạnh mà đến nơi đến chốn thì gồm hết sáu độ. Thí dụ tu nhẫn nhục, người ta chửi mình, mình thấy lời chửi đó như gió thổi qua rồi mất không thật, bởi thấy không thật nên không tức giận, đó là có trí tuệ, trí tuệ này thường xuyên soi sáng đó là tinh tấn, nhờ có trí tuệ soi sáng tâm không phiền não, được an định đó là thiền định. Như vậy một hạnh nhẫn nhục mà tu đến nơi đến chốn thì có đủ hết năm hạnh kia. Nếu không có đủ thì chỉ nhịn ngoài miệng thôi không gọi là ba-la-mật được. Vì vậy tu đến nơi đến chốn thì sáu hạnh đồng nhau.

Hỏi: Cầu siêu cho người mới chết và chết đã lâu có ích gì cho người chết không? Và phóng sanh để rồi nó lại ăn biết bao nhiêu con khác, như vậy có nên phóng sanh không, mong Hòa thượng chỉ dạy.

Đáp: Cầu siêu cho người chết là việc hợp lý. Thí dụ như ông bà ta chết mấy chục năm rồi. Theo lời Phật dạy người chết quá bốn mươi chín ngày đã sanh nơi khác, vậy thì thần thức họ đâu còn lẫn quần áo đây mà cầu. Nhưng Phật tử nên biết việc cầu siêu có hai cái lợi. Nếu cha mẹ sanh trong kiếp nạn quý thì cả ngàn năm chưa ra được, nhờ sức chú nguyện của người tu hành chân chính cũng có chút ít sức mạnh giúp cho người đó dễ tỉnh, dễ nhớ, đó là một cái lợi. Còn nếu thân nhân sanh ở cõi trời, hoặc cõi người chúng ta cầu vì lòng hiếu thảo, với tâm kính tin Tam bảo cũng là cái phước cho chúng ta được hưởng chứ không thiệt thòi.

Còn vấn đề phóng sanh Phật tử nên hiểu rõ, phóng sanh là lòng từ bi của chính mình. Thí dụ như tiền thân đức Phật bố thí thân cho cọp ăn, như vậy con cọp đó nó sống rồi mai kia nó bắt heo rừng, bắt nai nó ăn vậy Phật có tội không? Chúng ta làm việc bố thí là vì lòng từ bi của mình mà làm không nghĩ con vật đó mai kia làm cái gì, chỉ nghĩ rằng nó đang khổ mình cứu nó, chứ lo xa quá thì không dám làm gì hết.

Hỏi: *Kính nhờ Thầy chỉ giùm con. Bạn con hỏi con hằng ngày tụng kinh gì? Con đáp: Tụng Bát-nhã. Bạn nói: “Chị phải tụng kinh khác nữa để khi chị ngã xuống bạn bè đến tụng kinh khác chị không hiểu làm sao mà đi?”*

Đáp: Phật tử này kỹ quá! Tụng Bát-nhã, Kim Cang hoặc Pháp Hoa, A-di-đà gì cũng tốt. Vì người sắp chết không đủ trí giác phân biệt nhiều như lúc khỏe mạnh,

lúc đó rơi bời, chỉ cần nghe tiếng chuông tiếng mõ, tiếng tụng kinh cho tâm nhẹ nhàng để ra đi được thảnh thơi chứ đâu có phân biệt Bát-nhã, A-di-đà gì mà nói là biết hay không biết.

Hỏi: *Bạch Thầy, nhờ Thầy chỉ dạy cho con, khi chết thân thức rời khỏi thân xác này vô cùng đau đớn, lúc đó nếu không làm chủ được, đi không đúng đường mà hằng ngày đã chọn, đến lúc thức tỉnh lại quay về có được không thưa Thầy?*

Đáp: Trường hợp này tôi xin nhắc Phật tử rằng: Trong tâm chúng ta có hai thứ nghiệp: tích lũy nghiệp và cận tử nghiệp. Tích lũy nghiệp là nghiệp dồn chứa lâu ngày rất sâu dày. Hằng ngày chúng ta tạo nghiệp lành hay nghiệp dữ đều tích chứa, đến khi gần nhắm mắt, lúc đó mắt tai không còn duyên bên ngoài nữa, chỉ còn tâm thức đang chuẩn bị chuyển thân, khi ấy nghiệp nào nặng thì nó dẫn đi theo hướng đó. Còn cận tử nghiệp là cái nghiệp lúc gần chết. Ví dụ bình thường người đó tạo nghiệp ác nhưng lúc già bệnh gần chết được nghe kinh, tỉnh giác biết lỗi lầm ăn năn sám hối dẹp bỏ thói quen cũ, nhớ được thói quen mới thì lúc nhắm mắt thói quen mới còn đang mạnh, có tác dụng mạnh dẫn đi theo thói quen mới, đó là cận tử nghiệp.

Cả hai đều có tác dụng. Vậy chúng ta tu nếu lúc gần nhắm mắt thì đừng nhớ việc ác, đừng oán trách ai chỉ một tâm thiện thì nhất định đi đường lành không nghi ngờ. Nếu để cho tâm sân hận sống dậy thì nghiệp sân sẽ dẫn đi đường ác, mà đi đường ác rồi thì lâu lắm mới tỉnh,

rất khó trở lại, đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh khi ấy muốn tiến lên khó lắm. Vì vậy nên lúc lâm chung cần có thầy có bạn tới nhắc nhở cho nhớ không để niệm ác khởi lên. Cho nên việc hộ niệm cần thiết.

Hỏi: Bạch Thầy, mỗi con người sinh ra đời đều có tội, hoặc tội nặng hay tội nhẹ, nhưng trước phút lâm chung người đó hối hận, tuy hối hận muộn. Xin Thầy dạy cho con biết tội đó có hết không, khi chết tâm hồn có thanh thản không?

Đáp: Phật tử này quan niệm rằng ai sinh ra cũng đều có tội, nói như vậy chưa đúng lắm. Có người sinh ra có tội, có người sinh ra có phước. Thí dụ sinh ra làm con Tổng thống, Thủ tướng thì sung sướng quá chừng, hoặc giả có người sinh ra không ăn mặn được mà ăn chay luôn đến lớn rồi đi tu thì có phước chứ không có tội, cho nên nói sinh ra đều có tội hết là không đúng.

Và một ý nữa nói rằng có tội mà biết ăn năn hối hận, vậy tội có hết không, tâm hồn có thanh thản không? Điều đó tôi đáp rằng nếu chúng ta biết ăn năn hối hận buông bỏ lỗi lầm, tâm trong sạch thì sẽ được thanh thản, nếu còn chấp nê buồn giận thì không thanh thản. Vì vậy quý thầy hay nhắc nhở trong nhà có người sắp chết thì thân quyến đừng khóc nhiều, nhất là đừng tranh cãi nhau làm cho người sắp lâm chung đang nửa tỉnh nửa mê rất dễ bị buồn giận xâm chiếm, có thể nguy hiểm trong việc tái sanh.

Hỏi: Kính bạch Thầy, giảng cho chúng con hiểu về Phật giáo Tiểu thừa và Phật giáo Đại thừa.

Đáp: Ở đây tôi chỉ nói sơ thôi chứ không có thì giờ giảng kỹ.

Từ Tiểu thừa và Đại thừa là ngày xưa, còn bây giờ thì gọi là Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Bắc tông hay là Phát triển, chứ nói Tiểu thừa, Đại thừa thì có cái lớn cái nhỏ. Về mặt hình thức giữa Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Phát triển khác nhau chỗ nào? Buổi ban đầu lúc đức Phật mới thành Phật chưa có bản đạo, chưa có chùa chiền, Phật đi khất thực nơi này nơi kia, không có trú xứ nhất định, đến khi vua Tần-bà-sa-la và trưởng giả Cấp Cô Độc cúng tinh xá, chùng đó mới có chỗ nơi. Nhưng Phật cũng không ở một chỗ, không thấy đó là chùa của mình nên được người tán thán: Phật sanh dưới cội cây, thành đạo dưới cội cây và nhập diệt cũng ở dưới cội cây, Phật nêu cái hạnh xuất gia là ra khỏi nhà. Còn bây giờ xuất gia ra khỏi cái nhà thế tục rồi vào cái nhà chùa, khác chỗ đó. Thứ hai là đời sống của tăng đoàn bây giờ là đi khất thực, ai cho món gì ăn món nấy cho nên không ăn chay được. Phật giáo Nguyên thủy căn cứ giai đoạn đầu nên các ngài ăn mặn khác với Phật giáo Phát triển ăn chay. Thứ ba là ngày xưa chư tăng ba y một bát đi khất thực sống qua ngày, mà ba y nếu thiếu một y thì không được, vì tối ngủ dưới gốc cây, y ngũ điều dùng quấn vào mình cho muỗi khỏi cắn, y thất điều thì phủ, còn y cửu điều thì cuốn lại làm gối nằm.

Phật giáo Phát triển sau này tùy hoàn cảnh mỗi nơi linh động ứng dụng chứ không theo hình thức cổ truyền. Cho nên khi Phật giáo sang Trung Hoa có vua quan hay những vị trưởng giả hiến đất cất chùa cho chư tăng tu,

lại có đất canh tác trồng rau đậu rồi tự nấu ăn. Nếu ăn mặn thì phải đi mua cá thịt phạm tội sát sanh, cho nên ăn chay để tránh nghiệp sát, và ở một chỗ không ô nhiễm bình bát đi khất thực nên dùng chén đĩa để ăn, Phật giáo Phát triển tùy theo xứ sở mà có cách sống khác nhau. Đó là những điểm khác về mặt hình thức.

Về mặt giáo lý: Phật giáo Nguyên thủy nhắm vào chỗ cứu cánh là A-la-hán, mà muốn chứng A-la-hán thì phải tu được Diệt thọ tưởng định, có chỗ gọi là Diệt tận định, tức là ngòi thiền quên tất cả bên ngoài đến độ ngay nơi bản thân mình không còn cảm giác nóng lạnh nữa.

Phật giáo Phát triển thì không chấp nhận như vậy, cũng ngòi thiền mà không cho Diệt tận định, tai vẫn nghe, mắt vẫn thấy, cảm giác vẫn bình thường. Chỗ cứu cánh của Phật giáo Phát triển là khai mở trí tuệ toàn diện và thành Phật. Đó là nói sơ lược những chỗ khác nhau giữa hai phái Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Phát triển, nói hết thì không đủ thì giờ.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, kinh Thủ-lăng-nghiêm đức Phật dạy tu thiền phải đoạn tuyệt ngũ vị tân. Như vậy có bắt buộc kiêng cử không? Cũng trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, trong giới sát không được ăn thịt chúng sanh và dùng sữa tô lạc, đề hồ vậy có bắt buộc không?

Đáp: Phật tử nên hiểu cho rõ, kinh Phật có nhiều loại thuộc về hiển giáo, nghĩa là nói tỏ rõ, có loại thuộc về mật giáo là giáo lý thâm kín có vẻ huyền bí.

Kinh Thủ-lăng-nghiêm có hai phần, phần trước thì nói rõ giáo lý, phần sau thì nói chú Lăng-nghiêm, có cả hiển và mật. Những người tu mật thì tránh ngũ vị tân, vì dùng năm thứ đó bị hôi tanh trì chú không linh. Vì vậy mà bên mật giáo cấm ngũ vị tân còn hiển giáo thì không cấm.

Lại nói kinh Thủ-lăng-nghiêm dạy giới không sát sanh thì không được ăn thịt cho tới sữa... Như vậy có phải cấm tuyệt đối hay không, tôi xin giải thích:

Nói về giới sát sanh chúng ta thường hiểu theo nghĩa: không sát sanh thì trên từ chư tăng, phụ mẫu cho tới vi tế côn trùng cũng không được giết. Hiểu như vậy e rằng không ai giữ được giới sát sanh hết. Tôi xin nêu thí dụ cho quý vị thấy, như bệnh nhân lao phổi bác sĩ cho thuốc kháng sinh đặc trị vi trùng lao để chữa lành bệnh, như vậy có phạm tội sát sanh không? Hoặc giả quý vị uống nước sợ có vi trùng phải nấu chín, vậy khi nấu có nghĩ rằng mình giết vi trùng không? Phải hiểu trong cuộc sống này không có gì là tuyệt đối, Phật chế giới sát sanh là không giết người bằng thân, bằng miệng, bằng ý, người với người thương nhau đừng giết hại nhau là quá tốt rồi, còn giữ cho tới vi tế côn trùng thì thôi hết tu được. Chúng ta tu là tu những điều có thể làm được, chứ đừng nói những điều không làm được. Muốn ứng dụng giáo lý có kết quả là phải đi từ những cái gần, từ chỗ không giết người lần lần thương những con vật lớn như trâu, bò, heo, chó thì có thể làm được. Quý vị còn nhớ khi Phật tu khổ hạnh đến ngắt xiu,

có người mục nữ cúng dường ngài một bát sữa, ngài thọ dụng, bây giờ mình là đệ tử Phật mà kiêng cử thì hơi quá hơn Phật rồi. Chúng ta tu phải thực tế, nhiều khi kinh điển nói có chỗ quá xa, chúng ta cứ chấp vào đó thì không làm gì được hết. Vì vậy chúng ta nên nhìn thực tế cuộc đời đức Phật thế nào mình ứng dụng thế ấy.

Hỏi: Kính bạch Thầy, xin Thầy từ bi chỉ dạy cho chúng con phương pháp trừ bệnh ái dục, chúng con ở cõi Dục hình như hầu hết mắc chứng bệnh này. Con được biết có người đã dùng pháp quán bất tịnh, có người lắng tâm soi chiếu những cảm giác từ tâm lý dấy khởi rồi tác động qua sinh lý, quán sát những hiện tượng như thế, nhưng cũng có lúc không tiêu trừ được tình dục. Kính xin Hòa thượng thương xót chỉ dạy cho chúng con tu được lợi lạc.

Đáp: Quý Phật tử nên nhớ bệnh này là bệnh của tất cả chúng sanh chứ không phải bệnh của cá nhân, vì chúng sanh có nghiệp ái dục nên sanh trong cõi Dục, đã sanh trong cõi Dục thì không thể tránh cái bệnh ái dục. Ái dục là cái nghiệp truyền giống, có như vậy mới nối tiếp và duy trì được nòi giống, nếu không có thì đâu còn nòi giống nữa. Giả dụ như con bò con chó nó đâu có biết tình cảm là gì mà cũng theo nghiệp truyền giống để duy trì chủng loại của nó, con người cũng không ngoài quy luật này.

Nhưng làm sao cho hết thì là một vấn đề không đơn giản. Thật ra hết thì không hết được, nhưng cũng có cách để điều phục nó. Trong kinh A-hàm có kể một

câu chuyện: Một hôm ngài A-nan cùng với Tỳ-kheo trẻ đi khất thực, gặp một cô thiếu nữ rất xinh đẹp, vị Tỳ-kheo khởi niệm ái dục khiến tâm rối loạn, ông âm thầm quán bất tịnh nhưng không đối trị được và sau cùng ông thú thật, cầu cứu với ngài A-nan. Ngài A-nan nói dục từ tướng sanh, nếu dứt tướng thì dục sẽ không còn. Vị Tỳ-kheo ứng dụng điều phục tâm mình khi tưởng dục dấy khởi liền buông thì niệm ái dục dứt lặng. Quý vị thử nghiệm lại, một người nam, một người nữ đứng gần hoặc ngồi gần mà đừng có khởi niệm gì hết thì có gì là tội, nhưng vừa khởi nghĩ thương ghét gì đó mới có tội phải không? Nên nói dục từ tướng mà ra. Vậy khi có niệm dục dấy khởi liền buông thì được an ổn. Vậy thôi, chứ nói dứt hết thì phải tu triệt ngộ.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, khi tu đến quả vị A-la-hán hoàn toàn giải thoát, nhưng gần đây quý thầy giảng có đề cập đến những vị đại A-la-hán và tiểu A-la-hán. Như vậy quả vị A-la-hán có cao thấp sao? Xin Thầy hoan hỷ giải trạch cho chúng con được rõ.*

Đáp: Trong kinh thường nói đại A-la-hán, vậy thì A-la-hán có đại có tiểu sao? Phật dạy khi chứng A-la-hán rồi các ngài không thích độ sanh, vì độ sanh là còn đi trong sanh tử mới độ được, các ngài không muốn trở lại trong sanh tử nữa, các ngài nhập Niết-bàn, nên gọi là tiểu A-la-hán. Còn chứng A-la-hán rồi hồi tâm tu hạnh Bồ-tát nguyện độ tất cả chúng sanh thì gọi là hồi tâm đại A-la-hán tức là A-la-hán hướng tâm về hạnh Đại thừa Bồ-tát. A-la-hán không cao không thấp,

nhưng mà ngang đó dừng lại thì gọi là tiểu A-la-hán, ngang đó hướng về Đại thừa Bồ-tát hạnh để độ chúng sanh thì gọi đại A-la-hán.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, người chức quyền giàu sang nhưng hống hách với dân chúng hoặc đê ép nhân viên dưới quyền, nhưng họ cũng đi chùa cúng dường hoặc là đóng góp theo các phái đoàn từ thiện xã hội cứu trợ bão lụt... Như vậy đời sau họ tái sanh hưởng phước giàu sang quyền thế lại quen tánh hách dịch của quyền nữa sao?*

Đáp: Tôi thường nói chúng ta sanh làm người có phước hơn sanh làm thú. Thế mà có nhiều người bận cùng khổ sở không đủ ăn, ngược lại có những con chó của mấy ông nhà giàu nuôi cho ăn thịt bò, bệnh thì đưa đi bác sĩ. Như vậy chó có phước hơn những người nghèo thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu thuốc thang. Đứng về nghiệp thì làm chó là có tội hơn làm người. Phật dạy thân này là tổng báo. Nếu người đó hách dịch đàn áp người ta thì có tội, còn cúng dường, làm việc thiện là phước. Nhiều khi hung hăng hách dịch thì họ bị đọa, nhưng phước thì họ hưởng, như những con vật được chủ chăm lo, sung sướng, nó trả nghiệp phải đọa làm thú mà hưởng phước là được sung sướng.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, con nghe có một số bộ lạc thiếu số có tập tục khi cha mẹ già họ dẫn vô rừng bắt leo cây, ở dưới gốc cây họ xúm nhau rung cây, nếu cha mẹ không chết họ đem về nuôi tiếp, nếu cha mẹ rớt xuống chết thì họ có phạm tội sát sanh và bất hiếu không?*

Đáp: Căn cứ theo nhà Phật và phong tục Á Đông thì họ phạm tội sát sanh và bất hiếu, nhưng mà theo tập tục của bộ lạc đó, họ đâu có biết phạm hay không phạm. Chỉ khi nào họ biết: Họ rung cha mẹ họ, thì sau này con họ rung họ, và chính họ bãi bỏ tập tục lạc hậu đó thì mới tốt.

Hỏi: *Ngài Ương-quật-ma-la và ngài Mục-kiền-liên do tạo nghiệp sát hại, nên sau bị người ném đá và giết chết. Những kẻ xúc phạm các vị thánh tăng là do nghiệp lực xui khiến họ làm vậy, thế họ có bị quả báo không?*

Đáp: Các ngài phải trả quả đời trước, nhưng người có ác tâm hại các ngài thì cũng không tránh khỏi quả báo. Quả không phải do các ngài trả mà là người khác trả. Cho nên Phật dạy: Oan gia nên giải chứ không nên kết. Giả sử trước đây có ai đó đã làm khổ mình, bây giờ mình có thể lực mình nghĩ phải trả lại cho đã giận thì đó là họ gây nhân mình trả quả, rồi trở lại tạo nhân tiếp. Vì vậy cho nên ngang đây chúng ta dứt hẳn thì nghiệp quả được cởi mở.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, người tham lam, trộm cắp ở thế gian bị bắt ở tù, vậy sau này người đó có còn trả nghiệp quả của họ gây tạo không?*

Đáp: Nếu người tham lam trộm cắp bị bắt ở tù ba năm bảy năm mãn tù ra, ngang đó họ hối cải làm lành thì dứt quả, còn nếu họ tiếp tục thì trả liên miên.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, người tham lam công quỹ, tham nhũng sau này họ trả quả ra sao nếu họ trốn khỏi hoặc qua mặt được pháp luật thế gian?*

Đáp: Người có lòng tham lường gạt của công, của tư, đều có tội; có tội thì phải trả hoặc trả trong trường hợp công hoặc tư, tùy theo duyên nghiệp của họ mà trả.

Hỏi: *Kinh bạch Hòa thượng, như tất cả chúng sanh sao lại có người sanh nước này có người sanh nước khác. Như người sanh vùng biên địa hạ tiện thì cho rằng người đó thiếu phước, nhưng nếu có dịp nào đó họ được ra nước ngoài sống đầy đủ vật chất thì làm sao khẳng định họ thiếu phước?*

Đáp: Câu hỏi này quy định không hợp lý, hỏi tại sao người sanh nước này người sanh nước khác thì đó là tùy duyên nghiệp của mỗi người chứ không tại sao hết.

Trong kinh nói chỗ biên địa hạ tiện là chỗ thiếu phước. Chỗ biên địa trong kinh dùng là để chỉ ở những chỗ ít gặp được thiện hữu tri thức. Như bây giờ chúng ta thấy ở thành phố thì học đạo dễ hơn ở vùng xa vùng sâu; nói ít phước là không học đạo hiểu đạo chứ không hẳn ít phước là nghèo. Có những người ở biên địa người ta cũng giàu có, hoặc xứ này chưa giàu họ đến xứ khác làm giàu, nhưng chưa chắc họ hiểu đạo bao nhiêu, chưa được gần thiện tri thức chưa hiểu đạo thì đó là thiếu phước chứ không hẳn thiếu phước là nghèo.

Hỏi: *Xin Thầy hoan hỷ giải thích giùm con, sanh từ đâu đến? Khi chết sẽ về đâu?*

Đáp: Câu hỏi này tôi theo lý kinh mà trả lời chứ không phải cái biết riêng tôi.

Trong kinh Phật có dạy rằng: Con người ở trong lục đạo luân hồi. Nếu ở cõi trời xuống thì người đó vừa đẹp vừa hiền lành đức hạnh, vì hết phước ở cõi trời nhưng còn cái phước dư được sanh làm người.

Nếu từ a-tu-la đến thì người đó cũng sang cả, vì a-tu-la cũng có phước khá nhưng mà nóng giận nhiều.

Người nào có tư cách tốt, không có tâm ác hại người, không có tâm tham lam trộm cắp, không tà dâm, không ưa nói dối cũng không thích say sưa thì đó là đời trước làm người trở lại làm người.

Nếu từ súc sanh hết tội đến thì tuy được làm người nhưng còn si mê, không được thông minh sáng suốt.

Nếu ở ngã quỷ hết tội lên thì họ bồn sấn lắm, có tiền không dám xài, không dám làm việc tốt vì cái tâm bồn sấn còn thừa.

Nếu ở địa ngục hết tội được sanh lên cõi người thì thân bệnh hoạn, xấu xa tật nguyên.

Chết đi về đâu thì cũng tùy theo duyên nghiệp. Tu thập thiện thì chết về cõi trời, giữ năm giới thì trở lại làm người, hoặc trong thập thiện tu được bảy tám giới còn sân thì sanh vào a-tu-la. Người nào làm trọn mười điều ác thì đọa địa ngục, bảy tám điều ác thì vào ngã quỷ, ba bốn điều ác thì làm súc sanh.

Đó là sáu đường luân hồi qua lại, tôi theo kinh Phật mà nói cho quý vị tự nghiệm chứ không thể nói riêng ai được.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, trong kinh Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng một chúng sanh làm tội thì Phật tánh đồng chịu tội sao? Vẫn biết rằng Phật tánh vốn không hình tướng mà tội cũng không hình tướng. Xin Hòa thượng giải cho con được hiểu.

Đáp: Nói cách khác chúng sanh làm tội bị đọa địa ngục, Phật tánh có xuống địa ngục không? Chúng sanh đọa địa ngục Phật tánh cũng ở địa ngục nhưng Phật tánh không có khổ, không khổ tức là không tội. Bởi vì tội là do nghiệp chiêu cảm, mà nghiệp là tướng sanh diệt, Phật tánh thì không sanh diệt. Ví dụ nơi chúng ta đang sống đây có nhà cửa cây cối và bao bọc chúng ta là bầu hư không, có người đốt cỏ khô làm cháy cây, cháy nhà, cháy người mà hư không thì không cháy. Cũng vậy nghiệp là tướng sanh diệt có tướng thì có khổ có vui. Còn Phật tánh không có tướng sanh diệt nên không vui không khổ, ngay cả địa ngục cũng không khổ. Chúng ta theo nghiệp xuống địa ngục, Phật tánh không theo nghiệp nhưng vẫn luôn có.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, phần đông mọi người cúng dường với lòng ham cầu phước báu tức là có lòng tham ở bên trong. Vậy cúng dường thế nào mới tốt? Cúi xin Hòa thượng giảng cho con được hiểu.

Đáp: Câu hỏi này rất thiết yếu đối với Phật tử. Trong nhà Phật có dạy rõ: Người sơ cơ cúng dường cầu phước thì tốt, vì họ mới phát tâm làm lành, nếu không phước thì họ không làm lành, nhờ cầu phước mà họ làm việc thiện, như vậy họ cũng tạo được nghiệp quả tốt.

Nếu người hiểu biết Phật pháp khá thì cúng dường với cái tâm gieo duyên với Tam bảo, để đời đời được gặp Phật pháp mà tu chứ không cầu phước. Còn đối với người hiểu được lý tột của Phật pháp thì bố thí mà tam luân không tịch, tức là không thấy có mình, không thấy có người, không thấy có vật bố thí đó mới là siêu xuất.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, có người nói rằng người ăn xin do nghiệp bần sèn tham lam nên bị đói khổ, nếu mình bố thí cho họ tức là làm trái lại luật nhân quả, như vậy phải trả lời với người đó thế nào?*

Đáp: Chúng ta là người biết đạo tức là có tâm từ bi nên thương người khổ. Dù người đó trước đã tạo tội nên bây giờ họ chịu khổ, chúng ta thương họ khổ thì chúng ta giúp, đó là lòng từ bi của người Phật tử. Còn nói mặc kệ để cho họ trả hết cái nghiệp của họ thì đâu gọi là từ bi. Cho nên dù biết rằng họ đã tạo nghiệp không may phải chịu khổ, nhưng thấy ai khổ chúng ta thương giúp là vì lòng từ bi.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, đời nay có số người giả làm tăng ni đi khất thực hoặc quyên tiền, họ không biết tội báo như kinh Địa Tạng đã nói. Vậy con phải hỏi câu gì về Phật pháp để phân biệt chân giả, khuyên họ thế nào để họ biết tội lỗi báo ứng?*

Đáp: Muốn phân biệt được người tu chân hay tu giả tôi khuyên quý Phật tử hỏi bằng cách này. Nếu thấy họ mang hình thức xuất gia thì chỉ cần hỏi: Thưa thầy hoặc thưa cô: “Xuất gia có mấy nghĩa?” Nếu là người tu thật thì họ biết trả lời, còn tu giả thì không

trả lời được. Phật dạy xuất gia có mấy nghĩa quý vị biết không? Xuất gia trong nhà Phật có ba nghĩa: một là xuất thế tục gia, hai là xuất phiền não gia, ba là xuất tam giới gia. Xuất thế tục gia là ra khỏi nhà thế tục, xuất phiền não gia là ra khỏi nhà phiền não, xuất tam giới gia là không còn bị rơi trong tam giới, tức được giải thoát mới gọi là xuất gia. Hỏi một câu đó thôi là biết tu thật hay tu giả liền. Nếu biết họ tu giả thì quý vị nên khuyên thế này: Thường tôi nghe quý thầy quý cô dạy Phật tử tránh tội làm phước, mà không biết quý thầy quý cô có nhớ làm sao để tránh tội, làm sao được phước không? Chỉ nhắc như vậy họ sẽ tự ý thức được việc họ phải tránh, không nên nói nặng nhẹ họ nhiều thêm tội.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, con đang ở xa, không hiểu vì sao mỗi lần nghe băng và xem phim Thầy giảng tự nhiên con rơi nước mắt. Xin Thầy từ bi giảng giải cho con được rõ là do duyên gì?

Đáp: Có nhiều người khi đến chùa lễ Phật hoặc khi nghe chư tăng ni tụng kinh xúc động rơi nước mắt, đó là duyên lành lâu đời. Như chúng ta có người thân đi xa quá lâu, nay bất chợt gặp mừng rơi nước mắt - Rơi nước mắt vì mừng, vì tủi. Cũng vậy, vì chúng ta có duyên lành với Phật pháp cho nên bây giờ nghe kinh khơi lại duyên lành đã có, chúng ta xúc động rơi nước mắt.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, con có chút thắc mắc kính nhờ Thầy giải đáp: Có phải Phật giáo chính thống không nhìn nhận có một đấng Thượng đế tối cao,

trong khi đó thì các tôn giáo khác chẳng hạn như Thiên chúa giáo và Cao đài giáo lại nhìn nhận có một đấng tối cao cầm đầu vũ trụ. Như vậy Phật giáo nói chung, thiên tông nói riêng, chúng ta giải thích như thế nào là ngày phán xét sau cùng và Long Hoa hội?

Đáp: Tôi xin trả lời tóm tắt, tôi không dám nói qua tôn giáo bạn, mà tôi chỉ nói riêng bên Phật giáo thôi. Phật giáo không thừa nhận có một đấng tối cao cai quản và thưởng phạt, vì Phật giáo chủ trương nhân duyên, tạo nhân lành thì được quả lành, tạo nhân ác gặp quả ác, nhân quả theo chúng ta như hình với bóng, có nhân thì có quả, nếu nhân duyên hội đủ thì quả đủ, chứ không ai đứng ra xét công luận tội chúng ta. Chính mình là chủ chịu trách nhiệm cái tốt, cái xấu của mình.

Còn nói chuyện ngày phán xét sau cùng thì bên Công giáo chứ Phật giáo không có nên tôi không bàn.

Lại nói về Long Hoa hội tôi xin giải thích. Từ Long Hoa hội của đạo Phật những tôn giáo khác mượn nói. Trong đạo Phật có hai quyển kinh nói về vấn đề này là kinh Di-lặc Thượng Sanh tức là sanh lên cõi trời và kinh Di-lặc Hạ Sanh tức là sanh vào cõi này. Đức Phật Thích-ca nói rằng: Giáo pháp của ngài có ba thời kỳ: thời chánh pháp, thời tượng pháp và thời mạt pháp. Thời chánh pháp là thời đức Phật còn tại thế thì mười người tu mười người ngộ, vì Phật trực tiếp giảng và dạy tu nên ai cũng ngộ được. Thời tượng pháp là thời Phật Niết-bàn thì chư Tỳ-kheo là những vị chứng A-la-hán dạy mười người tu chỉ sáu bảy người ngộ thôi.

Hiện nay chúng ta đang ở thời mạt pháp, không có Phật, không có A-la-hán, những người truyền dạy chỉ là phàm tăng vì vậy mà muôn người tu chưa được một người ngộ. Gọi mạt pháp là tu nhiều mà ngộ ít chứ không phải mạt là dứt hết.

Đức Phật dạy đến khi nào ở thế gian không còn ai biết tới danh từ Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng, lúc đó là thời cuối của giáo pháp đức Phật Thích-ca thì đức Di-lặc ra đời. Hai vị Phật không cùng ra đời, khi giáo pháp của đức Phật trước còn phổ cập trong nhân gian thì vị Phật sau không ra đời, vì Phật trước và Phật sau dạy không khác nhau. Khi đức Phật Di-lặc ra đời ngài ngộ đạo ở dưới cây long hoa, nói pháp tại đó nên gọi là hội Long Hoa. Như vậy còn lâu lắm, thôi thì chúng ta cứ lo tu chứ chờ hội Long Hoa làm chi.

Hỏi: Đạo Phật chủ trương giải thoát có phải là giải thoát phần ý thức và giải thoát cả phần tiềm thức? Người trước đây hay mộng mị, ngủ mê hay nói làm nhảm... nhưng từ ngày điều phục tâm vọng, thì không còn tình trạng cũ. Như vậy có phải đi đúng con đường của Phật dạy không? Danh từ tiềm thức của Phân tâm học có phải là danh từ tàng thức của Phật giáo thường nói không?

Đáp: Phật tử này muốn hỏi khi ngồi thiền buông vọng tưởng, tối ngủ không còn mộng mị có phải do tu đúng không?

Tôi xin giải thích, người tu thiền buông vọng tưởng thì không còn mộng mị, nhưng nếu kìm vọng tưởng

thì vọng tưởng càng nhiều và đem ngủ mộng mị càng hơn nữa. Bởi vì khi mộng mị nhiều là do tâm thức lăng xăng, bây giờ buông bỏ thì nó yên tĩnh bớt mộng mị. Có người tu vừa có niệm khởi liền đè không cho nó khởi, ban ngày không thấy gì hết, tối ngủ mộng liên miên. Cũng là tu theo Phật nhưng trường hợp đè và không đè nó có khác chỗ đó.

Danh từ tiềm thức với danh từ tàng thức tôi xin giải thích. Theo Phân tâm học cái gì có hiểu biết mà thâm kín ở trong thì gọi là tiềm thức. Theo Duy thức học của Phật giáo thì ngoài sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý có sáu thức do sáu căn duyên sáu trần mà có sáu thức đó ở bên ngoài; bên trong còn có thức thứ bảy là mặt-na thức và thức thứ tám là tàng thức, hai thức đó tiềm tàng ở trong không thể thấy được. Như vậy bên Phân tâm học nói tiềm thức có thể là mặt-na cũng có thể là tàng thức, vì bên này nói hai mà bên kia có một tên nên không biết nó thuộc phần nào. Theo tôi phân tích thì như vậy.

Hỏi: Thưa Thầy, gia đình con sống về nghề chăn nuôi gà đẻ. Có người khuyên con: Muốn tu hành được kết quả thì phải chuyển nghề. Nhưng con quan niệm con vật cũng là một sanh linh, chúng là loài cầm thú ngu si, hung dữ, nhưng nếu mình nuôi dạy đàn ông hoàng và chấp nhận tính thú vật của chúng thì cũng là phương tiện tốt để mình có nghề nuôi thân và hóa độ chúng dễ dàng hơn, tức là mình không nên trực tiếp sát sanh. Con không rõ ý đó có đúng không kính xin Thầy chỉ dạy.

Đáp: Nếu nuôi gà nuôi vịt để lấy trứng thì không có lỗi gì hết, nhưng mà khi nó hết trứng rồi thì sao? Đó là cái khó xử! Hết trứng rồi thì tới phiên nó, vậy giải quyết thế nào để tránh được nghiệp sát? Bán cho người ta thì cũng tội nghiệp nó.

Thôi thì trong cuộc sống tương đối không thế nào muốn được phước trọn vẹn, nếu tôi bảo bỏ nghề chăn nuôi thì đâu có nghề khác mà làm. Vậy thôi có phước chút chút rồi lỡ phạm tội chút chút thì sám hối chứ biết sao!

Hỏi: Kính xin Hòa thượng giải đáp cho con một số câu hỏi:

- *Tu theo đạo Phật có lợi ích gì cho bản thân gia đình và xã hội?*

- *Tu là cốt yếu điều phục thân khẩu ý vậy tại sao phải xuất gia. Tu tại gia và xuất gia có ưu khuyết chỗ nào?*

- *Nhập thất có những ưu điểm nào, có phải lúc nhập thất là chuyên điều phục sáu căn hay chỉ niệm Phật thôi?*

- *Làm thế nào để điều phục sáu căn, xin cho thí dụ?*

- *Phiền não là bệnh của chúng sanh, làm thế nào để hết phiền não?*

Đáp: Năm câu hỏi này rất là phổ thông, tôi tuân tự giải đáp.

Câu thứ nhất: Hỏi tu theo đạo Phật có lợi ích gì cho bản thân, gia đình và xã hội? Đầu tiên tu theo đạo Phật quý vị phải làm gì? Quy y Tam bảo và thọ trì

năm giới phải không? Căn bản của người Phật tử là giữ năm giới, nên tôi thường dạy rằng ăn chay nhiều, niệm Phật giỏi mà không giữ năm giới là chưa có tu. Nếu Phật tử thực hiện được trọn năm giới thì bản thân mình không bị tù về tội giết người, tội trộm cướp, tham lam của công, không bị khinh miệt về lỗi ngoại tình, không bị chê bai là người xảo trá, không say sưa chè chén. Bao nhiêu đó đã thành người tốt rồi. Trong gia đình mà cả hai vợ chồng đều giữ trọn năm giới, chắc chắn không có gì nghi ngờ nhau, không nghi ngờ thì gia đình không xào xáo, cuộc sống được an ổn.

Trong một thôn ấp mà mọi người đều giữ trọn năm giới thì thôn ấp đó được an bình. Người đến thôn ấp đó không phải lo sợ? Đến chỗ lạ chúng ta thường lo sợ, sợ bị cướp giật, móc túi, lừa gạt... nhưng nếu nơi đó mọi người đều là Phật tử giữ gìn năm giới thì không còn gì phải lo sợ nữa.

Như vậy chỉ giữ trọn năm giới thôi thì bản thân mình là người tốt, gia đình được hạnh phúc, xóm làng được yên ổn, đời sống được vui hòa. Phật tử nếu muốn tu thì năm giới là căn bản, giữ được năm giới thì những cái sau mình tiến không khó.

Câu hỏi thứ hai: Tu cốt điều phục thân khẩu ý vậy tại sao phải xuất gia. Tu tại gia và xuất gia có ưu khuyết chỗ nào? Phật tử nên hiểu người tại gia có cái hay của tại gia, người xuất gia có cái tốt của xuất gia. Đứng về mặt xã hội người tại gia sống trong gia đình giữ gìn năm giới, làm việc thiện, giúp người nghèo khổ...

Đó là cái tốt của người tại gia, nhưng nó giới hạn trong phạm vi nhỏ, vì người tại gia còn trách nhiệm với con cái, với xóm giềng nên tu học và truyền bá Phật pháp không được rộng rãi.

Còn người xuất gia có cái ưu của người xuất gia. Người xuất gia là rời khỏi gia đình, dứt hết mọi ràng buộc với thân bằng quyến thuộc, chỉ một việc lo tu, phát huy trí tuệ và đức hạnh để sau này có đủ khả năng giáo hóa. Như vậy nhờ dứt hết mọi ràng buộc với thế sự mà người xuất gia có thời gian chuyên tâm tu học để mở mang chánh pháp rộng, truyền dạy cho mọi người, đó là cái ưu của người xuất gia.

Câu thứ ba: Hỏi nhập thất có những ưu điểm nào, nhập thất là điều phục sáu căn hay chỉ niệm Phật thôi? Nói đến nhập thất thường thì đặt nặng cho người xuất gia hơn tại gia. Nhập thất là thời gian ở riêng một nơi thanh tịnh không tiếp xúc với ngoại duyên, chỉ còn một việc là tu thôi. Lúc đó dồn hết lực tu để điều phục sáu căn, nhất là ý căn chứ không phải nhập thất chỉ niệm Phật thôi. Nếu người tu Tịnh độ thì mượn câu niệm Phật để điều phục, còn người tu thiền thì buông bỏ vọng tưởng. Hai cách khác nhau nhưng trọng tâm chỉ có một việc là điều phục sáu căn không dính mắc với sáu trần cho tâm được an ổn.

Câu hỏi thứ tư: Làm thế nào để điều phục sáu căn, cho thí dụ? Trong kinh Kim Cang đức Phật dạy: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tất cả sáu trần đều là tướng duyên hợp giả có không phải thật. Thí dụ như cái đồng hồ này,

tự nó không có cái đồng hồ mà do nhiều bộ phận ráp lại có hình dáng cái đồng hồ, nếu gỡ từng bộ phận ra thì có còn là cái đồng hồ không? Không. Như vậy nếu nhìn đồng hồ mà cho là đẹp xấu, là dính với sắc trần, vì dính sắc trần nên cho nó là đẹp; ngược lại biết nó duyên hợp giả có không thật, tâm không dính nhiễm, đó là điều phục được nhãn căn đối với sắc trần. Đến thanh, hương, vị, xúc, pháp trần cũng như vậy. Nói tóm lại tất cả các xúc chạm của sáu căn với sáu trần đều không thật nên không chấp trước, không tìm cầu, không đòi phải thế nọ thế kia, đó là điều phục sáu căn.

Còn một lỗi tu nữa là khi mắt vừa thấy cảnh chưa nghĩ đẹp xấu liền dừng ngay đó không khởi niệm, tai nghe tiếng, lưỡi nếm vị, mũi ngửi mùi cũng vậy. Có thấy, có nghe, có nếm mà không khởi niệm, đó cũng là điều phục sáu căn. Vậy nhà thiền điều phục sáu căn hoặc dùng pháp quán đúng như thật sáu trần là hư dối không thật để dừng dính nhiễm, hoặc khi căn tiếp xúc với trần không khởi niệm là chân tâm hiện tiền.

Câu hỏi thứ năm: Phiền não là bệnh của chúng sanh, làm thế nào để hết phiền não? Tôi xin hỏi: Phiền não là bệnh mà hiện giờ ngồi đây nghe pháp quý vị có phiền não không? Bây giờ không có nhưng một chút ra về lên xe kẻ ngồi trước người ngồi sau thì có! Vậy khi bình thản thì không có phiền não, quý vị thử tìm xem phiền não do đâu mà ra? Do hai cái chấp: một là chấp thân, hai là chấp tâm. Ví dụ không biết mình đẹp hay xấu, mà có ai nói chị đó xấu quá thì phiền não. Đó là chấp thân này tốt đẹp nên nghe ai chê là phiền não.

Vậy gốc của phiền não từ chấp thân mà ra. Kế đến là chấp tâm, cho cái nghĩ của mình là đúng, nếu có ai nói anh nghĩ bậy thì nổi giận liền. Thật ra cái suy nghĩ của mình có khi cũng sai lầm chứ đâu phải hoàn toàn đúng hết vậy mà nghe chê cũng giận. Vì chấp cái sai lầm của mình cho là đúng, rồi cãi lộn đánh lộn ầm ầm, thường trong gia đình bất an là do chấp cái suy nghĩ của mình là đúng. Như vậy gốc của phiền não là do chấp thân, chấp tâm mà ra. Biết vậy rồi chúng ta phải thấy thân này không thật, tâm này không thật thì mới hết phiền não. Quý vị thử nghĩ nếu thân này thật thì tại sao sống mấy mươi năm rồi lại chết, đem chôn xuống hố lấp đất hoặc đem thiêu còn một hủ xương tro! Đó là việc xảy ra hằng ngày, vậy mà đối với thân này chúng ta vẫn thấy nó thật. Đó là điều hết sức lầm lẫn mê muội.

Tâm vọng tưởng cũng vậy, đâu phải sự suy nghĩ của mình là chân lý. Hôm nay mình nghĩ và sắp đặt thế này cho là đúng, nhưng đến ngày mai lại thấy nó sai, nên sửa sai. Vậy cái nghĩ đó không thật, nếu chấp cho là thật càng thêm lỗi. Vì vậy muốn hết phiền não thì đừng cố chấp, vì chấp là gốc của khổ đau. Phật dạy chúng ta tu muốn hết khổ phải phá chấp thân, chấp tâm, phá được hai cái chấp đó là hết khổ được vui.

Quý vị tu cứ thấy cõi Ta-bà này là khổ, đòi về Cực lạc cho an vui chứ không biết rằng khổ là do mình chấp. Nếu chúng ta bỏ hết chấp thì cõi Ta-bà này biến thành Cực lạc, tạo dựng Cực lạc ngay nơi Ta-bà này, chứ ôm cái chấp mà đòi về bên kia cho hết khổ thì không chắc, bởi vì chấp nặng như núi Thái Sơn thì làm sao

về bên kia được. Cho nên người biết tu phải thực tế, ngay trong cõi đời này, trong cuộc sống này, chúng ta xả bỏ cố chấp thì sạch phiền não, hết khổ đau. Đó là Phật dạy chúng ta tu để hết khổ.

Hỏi: Xin Thầy từ bi giảng cho con hiểu hai chữ Trung thiên, trong câu Nam-mô Trung thiên giáo chủ Điều ngự Bốn sự Thích-ca-mâu-ni Phật.

Đáp: Chữ Trung là giữa, chữ Thiên là trời, thường trong nhà Phật hay nói câu Thiên nhân chi đạo sư, tứ sanh chi từ phụ, ý nói rằng đức Phật là thầy của trời, người, là cha lành của bốn loài. Như vậy cõi người là cõi dưới gọi là hạ giới, cõi trời ở trên gọi là thượng giới, Phật là thầy của hai cõi đó cho nên gọi là Trung thiên, thầy cả thượng giới và hạ giới nên gọi là Trung thiên giáo chủ.

Hỏi: Kính xin Hòa thượng giải đáp cho con hiểu: Diệt tận định và định sanh hỷ lạc (tức là Nhị thiên) khác nhau thế nào?

Đáp: Phật tử này hỏi xa quá trong khi mình chưa được hai cái đó.

Tôi căn cứ trong kinh: Định sanh hỷ lạc; hỷ là mừng, lạc là vui. Trong nhà thiên có chia ra bốn bậc thiên: Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên. Sơ thiên ly dục sanh hỷ lạc, Nhị thiên định sanh hỷ lạc, Tam thiên ly hỷ diệu lạc, Tứ thiên xả niệm thanh tịnh. Như vậy định sanh hỷ lạc là cái định của Nhị thiên, đứng về mặt giáo lý mà nói thì Tứ thiên thuộc về phàm phu thiên. Còn Diệt tận định là thiên của A-la-hán.

Thiền phạm phu mà mới ở bậc thứ hai thì đối với thiền của A-la-hán là Diệt tận định hay Diệt thọ tướng định, khác xa trăm phần chứ không giống.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, người ta cho rằng nhập Diệt tận định thì tất cả các hệ thống trong cơ thể con người như tim, mạch... ngưng hoạt động giống như xác chết, như vậy làm sao duy trì được sanh mạng, điều này đối với khoa học có trái không? Khi nhập Diệt tận định có còn tâm sở biến hành không?

Đáp: Về việc này nếu lấy cái nhìn của khoa học để quyết định thì xin nói chưa bảo đảm, vì có những cái khoa học chưa giải quyết được mà chỉ có trong đạo Phật biết thôi.

Trong kinh thường kể nhập Diệt tận định rồi thì không còn hơi thở, không còn cảm xúc bên ngoài chỉ còn hơi ấm, không thở mà còn ấm, cho nên khi xả định này thì liền có cuộc sống bình thường trở lại. Chỗ này khoa học chưa tìm tới, chưa giải thích được, vì vậy chúng ta không thể lấy khoa học mà định đúng hay sai. Khi nhập Diệt tận định thì tâm sở biến hành cũng lặng luôn.

Hỏi: Con xem quyển Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất, nhiều chỗ nói đi nói lại thấy tánh thì thành Phật, thấy tánh thì không còn cái khổ nào chi phối mình. Vậy nên con muốn thấy tánh quá mà không biết làm sao để thấy được tánh. Bạch Thầy có phải thấy tánh là thấy tâm thanh tịnh của mình không? Xin Thầy từ bi chỉ dạy cho con thấy được tánh.

Đáp: Phật tử này tha thiết thấy tánh bởi vì thấy tánh là thành Phật, thấy tánh là hết khổ, nhưng làm sao để thấy tánh. Phật tử này lại hiểu lầm rằng thấy tánh là thấy cái gì. Nếu thấy được tánh mình thì cái thấy của ai chứ không phải của mình nữa.

Trong kinh nói thấy tánh là thế này. Khi tu được an định, biết rõ tâm sanh diệt, vọng tưởng là cái bóng không thật, nhận ra tâm chân thật hiện hữu của mình không còn chút nghi ngờ, đó gọi là thấy tánh. Vậy thấy tánh là thâm nhận ra bản tánh thanh tịnh của chính mình. Còn bảo chỉ cho Phật tử thấy được tánh thì Phật chỉ cũng không ra đừng nói gì tôi.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, vợ chồng con đã quy y Tam bảo rồi, mà thỉnh thoảng vợ con bị ma quỷ nhập xác để gây sự bất hòa trong gia đình, kính xin Hòa thượng giải thích cho con.*

Đáp: Ma quỷ có hai loại: loại ma quỷ ở trong tâm do bực tức mà nói không được, hoặc giả vợ chồng không thuận, vợ nói chồng không chịu nghe, bực quá nổi điên khùng nói ra như ma quỷ nhập, đó là ma quỷ do nội tâm bất an. Thường thường người nào hay bị ma quỷ nhập là do tâm phóng dăng chạy khơi khơi không làm chủ được, nên ma quỷ ở ngoài dễ dựa, dễ nhập. Nếu người tu Tịnh độ thì đi đứng nằm ngồi thấy đều niệm Phật, còn người tu Thiền thì đi đứng nằm ngồi đều xả bỏ vọng tưởng cho tâm an định thì ma quỷ không biết đâu mà vào. Ma dựa vào cái tâm lăng xăng nghĩ vơ nghĩ vẩn mà nhập. Vì vậy khéo giữ tâm an ổn

kiên định thì không có ma quỷ nào nhập được hết. Tôi nói cho Phật tử hiểu rõ về xem lại hoàn cảnh gia đình và giải quyết cho tốt.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, những người tu thiền trên đường đến Phật quả họ phải dứt hết các chấp như chấp ngã, chấp pháp... Vậy họ có đắc bốn thánh quả không? Ví như người muốn đậu tiến sĩ họ phải đậu tiểu học, trung học, đại học.*

Đáp: Nói người tu thiền muốn tiến tới Phật quả; nói muốn tiến là một lối nói thật sự tu là buông xả tất cả vọng niệm điên đảo cho nó lặng sạch, vì vọng tưởng còn thì còn phiền não che đậy là mê, vọng tưởng hết thì phiền não hết là giác. Vọng tưởng điên đảo không thật, nên không phải qua các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

Còn như ở thế gian, đạo hữu này ví dụ vô trường học phải qua tiểu học, trung học, đại học rồi mới lên tiến sĩ. Tôi xin hỏi, học qua cấp một, cấp hai, cấp ba, đại học, tiến sĩ được cấp văn bằng, nhưng giữa ông có bằng tiến sĩ và ông không có bằng tiến sĩ, đứng về mặt tâm niệm của họ quý vị thấy có cấp này cấp kia không? Không. Đó là người đời đặt ra để đánh giá thôi, hình thức cấp bậc là phương tiện để khuyến khích người ta học chứ không phải thật, mà cái thật là ở nơi tâm, lấy cấp bằng mà đánh giá cái tâm con người thì không thể được vì đó chỉ là phương tiện thôi.

Hỏi: *Kính bạch Sư ông, xin Sư ông giải thích cho con hiểu một đoạn trong kinh Trung Bộ tập ba,*

kinh Hành Trì và Không Nên Hành. Vì sao người nữ không thành Đế-thích, Phạm thiên, A-la-hán, Ma vương, cũng không thể thành Phật được. Điều này có trái với kinh Đại thừa là mỗi người đều có Phật tánh và có thể thành Phật? Con xin Sư ông giải cho con rõ.

Đáp: Điều này là do hai hệ kinh có chỗ khác nhau: Hệ A-hàm hay Nikāya là hệ Nguyên thủy, nên căn cứ trên hình thức sự tu hành tiến thoái tùy theo nghiệp nhẹ, nghiệp nặng. Còn bên Đại thừa đứng về nội tâm mà định nên nói mỗi người đều có Phật tánh và có thể thành Phật.

Về mặt hình thức nói chung thì người nữ nghiệp nặng hơn người nam một chút. Đó là đứng về mặt nghiệp tướng chứ không phải nội tâm. Thường người ta nói mấy ông ở chung với nhau có giận nhau thì hét vài ba câu thôi, còn mấy bà ở chung với nhau hay tử tử mĩ rồi cần nhằn hoài, đó cũng là nghiệp nặng hơn một chút rồi. Do căn cứ trên nghiệp tướng mới nói rằng người nữ không thể chứng Đế-thích, Phạm thiên... Còn kinh điển Đại thừa thì căn cứ trên nội tâm, ai mê là chúng sanh, ai giác thì thành Phật dù người đó là nam hay nữ. Người nam mê cũng là chúng sanh, người nữ giác cũng là Phật. Cho nên Phật nói tâm thể bình đẳng không có sự sai biệt giữa nam và nữ, quý vị đọc kinh Pháp Hoa sẽ thấy rõ điều này. Long nữ thành Phật, vậy Phật nói chứ không phải tôi nói.

Hỏi: *Vì sao Phật ngộ lý nhân duyên lại thuyết pháp tứ diệu đế cho năm anh em Kiều-trần-như mà không thuyết lý nhân duyên?*

Đáp: Thật ra tứ đế cũng là nhân duyên chứ không có gì khác. Phật tử này chưa hiểu rõ nên mới thắc mắc.

Hỏi: *Kính bạch Sư ông, ngài dạy chúng con tu từ thấp lên cao, ở mọi hoàn cảnh nào tu cũng được, sao có nhiều thầy về Thành phố ở các chùa khác để tu học?*

Đáp: Phật tử này nghi tại các thiền viện chư tăng được quý thầy dạy từ thấp lên cao, sao có nhiều thầy bỏ thiền viện về Thành phố ở học tu? Điều này dễ hiểu lắm, bởi vì tâm chúng sanh không bao giờ bằng lòng với gì mình đang có nên ở đây lại trông kia. Về Thành phố học ba bốn năm mãn khóa cơ bản, học thêm bốn năm cao cấp thì được cấp văn bằng. Còn ở đây chỉ học chữ Hán, học kinh ngòi thiền không có bằng cấp, tu mười năm hai mươi năm cũng chỉ là một thiền tăng bình thường thôi không có học vị gì hết. Đó là người ta không thấy sự lạng lẽ chuyên tu là quý, cho nên nản lòng muốn tìm cái học có cấp bậc học vị. Đó là lý do rõ ràng.

Hỏi: *Có một thầy nói rằng Hòa thượng chỉ dạy Đại thừa chứ không dạy Tiểu thừa. Có phải vậy không xin Hòa thượng chỉ dạy.*

Đáp: Ở đây không chuyên dạy Đại thừa hay Tiểu thừa, mà hướng dẫn cho mọi người hiểu được lời Phật dạy để tu. Khi dạy Phật nói về nghiệp tướng của chúng sanh thì đó là Tiểu thừa, còn khi Phật nói thẳng về tâm tánh của chúng sanh thì đó là Đại thừa. Những năm về trước tôi dạy kinh A-hàm, Tứ Thập Nhị Chương, kinh Di Giáo đó là kinh Tiểu thừa sao? Rồi đối chiếu kinh A-hàm

với các bộ Nikāya đó cũng là kinh Tiểu thừa. Chẳng qua người nói đây không hiểu gì về Đại thừa Tiểu thừa nên nói càn đó thôi.

Hỏi: *Chúng con ở xa mới quy y, mỗi tháng về Thiền viện nghe pháp một lần, còn những ngày khác chúng con phải đến chùa hay tinh xá gần nhà để thọ trì bái sám, hay chúng con phải làm thế nào? Nếu ở nhà thì chúng con phải hành trì công phu bái sám cách nào xin Thầy hoan hỷ chỉ dạy cho chúng con.*

Đáp: Phật tử này đã quy y rồi mà ở xa thầy, xa chùa. Nếu gần nhà có chùa hoặc tinh xá thì nương quý vị đó, tới lui tu hành cũng tốt. Còn nếu ở nhà tu thì ngày đêm chỉ tụng Bát-nhã và sám hối. Ngoài ra đi, đứng, nằm, ngồi lúc nào cũng nhớ lời Phật tổ dạy để đừng làm ác, đừng tạo tội, nhất là phải nhớ giữ năm giới đừng phạm, đó là cái gốc của sự tu.

Hỏi: *Có những người trước đây tạo tội đáng đọa vào ba đường dữ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhưng sau đó họ ăn năn thọ tam quy ngũ giới. Theo kinh thì thọ tam quy ngũ giới sẽ không đọa vào ba đường ác. Như vậy, người đó sau này có đọa ba đường ác không? Nếu không thì quả báo sẽ như thế nào?*

Đáp: Điều này tôi xin nói rõ cho Phật tử hiểu, cũng trong kinh mà có chỗ nói: nếu nói nhân nào quả ấy là phỉ báng Phật pháp. Tại sao vậy? Bởi vì nhân quả theo thời gian mà biến chuyển, đã biến chuyển thì nó có thể khác chứ không cố định. Có biến chuyển mới tu

chứ nhân nào quả nấy thì tu làm chi; tu để chuyển những cái xấu trở thành cái tốt, điều đó quá rõ ràng. Ngày xưa có tội; ngày nay mình thức tỉnh thì tội giảm và có thể hết chứ không cố định mãi.

Hỏi: *Thường sau thời tụng kinh sám hối, nghe pháp... thì hồi hướng công đức về cho tất cả chúng sanh, làm như thế thì tâm trở nên rộng rãi bao la, nhưng con muốn hồi hướng cho người thân thôi vì con nghĩ như thế sẽ tập trung phước báu nhiều hơn. Theo kinh Địa Tạng thì người mất chỉ nhận được một phần bảy phước hồi hướng, cho nên nếu hồi hướng cho tất cả chúng sanh thì người thân của mình sẽ được nhận quá ít ỏi.*

Đáp: Tôi nói cho Phật tử hiểu, phước đức tùy ở tâm, tâm rộng thì phước lớn, tâm hẹp thì phước nhỏ. Cho nên khi tụng kinh hồi hướng nên cầu cho tất cả chúng sanh đó là mở tâm rộng, do có tâm rộng phước mới lớn và chia được cho nhiều người. Nếu tâm hẹp hồi chỉ nghĩ cho người thân thì làm cho phước ít thêm chút nữa. Ở chùa chiều nào cũng cúng thí thực, chỉ một chung muối, gạo hay cháo thôi mà nói cúng cho tất cả các cô hồn được ăn, làm sao ăn đủ, vậy phải làm sao? Lúc đó chư tăng phải tưởng gạo, cháo này đầy đầy hết cho tất cả chúng sanh đều no. Vậy thì vật thực tùy tâm tưởng mà hiện. Phước cũng như vậy, phát tâm rộng rãi thì phước lớn, tâm hẹp hồi thì phước cũng theo đó mà hẹp, Phật tử nên hiểu rõ điều này.

Hỏi: *Những giảng đường Phật giáo Nam tông con thấy Phật tử đa số rất thành kính và cúng dường*

rất nhiều đến giảng sư, trong khi ở giảng đường Bắc tông người Phật tử ít thành kính và cúng dường có phần ít hơn. Vì sao có sự hơn kém như vậy, có phải do quý sư Nam tông giới luật chặt chẽ hơn, tạo sự trang nghiêm công đức nên khiến được như vậy?

Đáp: Bên Nam tông đặt nặng về người tu xuất gia thọ giới lớn thì công đức nhiều, người thọ giới nhỏ thì công đức ít, căn cứ vào giới luật là căn cứ trên hình thức, mà hình thức thì dễ thấy. Bên Bắc tông như tôi đã nói là căn cứ vào nội tâm, quý Phật tử gặp quý thầy Bắc tông thì có khi xá có khi lễ, còn gặp quý sư Nam tông thì phải lễ nhất định. Ở Campuchia, Miến Điện, Tích Lan một vị tăng quán y đi ngoài đường, Phật tử thấy thì quỳ mọp xuống đất lạy, còn ở Việt Nam gặp quý thầy Phật tử chỉ xá chào, cười là đủ rồi, đơn giản thôi.

Vậy phải chăng những vị Nam tông tu nhiều, còn những vị Bắc tông tu ít? Không phải vậy, mà như tôi đã nói Bắc tông đặt nặng phần nội tâm, Phật tử không kẹt hình thức nhiều nên chỉ chào hỏi là tốt không đợi lễ lạy mới tốt. Còn Nam tông đặt nặng hình thức nếu không lễ thì phạm tội khinh tăng. Ở Campuchia hồi xưa tới chùa, ở ngoài đi vô phải đi bằng đầu gối, nhưng đến chừng mất lòng tin thì họ bắn tượng Phật, còn bên Việt Nam thì không đến nổi như vậy. Chúng ta thấy đặt nặng hình thức quá, khi mất cái hình thức thì không hay, còn quý trọng nội tâm thì bền hơn. Chỗ khác nhau như vậy chứ không phải bên nào hơn bên nào.

Hỏi: *Vì sao Phật giáo Nam tông không thờ những vị Bồ-tát, nhưng trong kinh Nam tông có nói đến Bồ-tát?*

Đáp: Nam tông đặt nặng quả vị A-la-hán cho nên không thờ các vị Bồ-tát, dù kinh Bản Sanh đức Phật nói ngài tu hạnh Bồ-tát; kinh Bản Sanh thì Nam tông và Bắc tông đều có. Nam tông thừa nhận mà không thờ vì đặt quả vị A-la-hán là cứu cánh, còn Bắc tông quả vị Phật là cứu cánh, mà muốn đến quả Phật phải hành hạnh Bồ-tát, cho nên thờ các ngài để nhờ trợ lực đó mà thực hành hạnh Bồ-tát.

Hỏi: *Trong kinh nói tăng chúng là phước điền của chúng sanh. Một thửa ruộng mà được gieo gặt nhiều quá thì thửa ruộng đó sẽ cần cỗi khô kiệt. Cũng vậy, nhà sư thọ cúng dường của Phật tử quá nhiều, nhà sư đó có bị suy giảm phước đức không?*

Đáp: Ở đây có hai trường hợp: Nếu người tu chưa ra gì mà nhận của cúng dường nhiều thì tổn phước. Còn nếu người tu hiểu đạo lý rõ ràng, tu hành tốt và những gì Phật tử cúng đều đem ra làm lợi ích cho chúng sanh thì không tổn phước, các sư là người giúp đỡ cho Phật tử làm phước thôi.

Hỏi: *Xin Hòa thượng giảng giải việc làm nào tạo phước đức và việc làm nào tạo công đức. Công đức khác với phước đức ra sao?*

Đáp: Câu hỏi này tương tự như vua Lương Võ Đế hỏi tổ Bồ-đề-đạt-ma. Vua Lương Võ Đế hỏi: “Tôi cất chùa, nuôi tăng... vậy có công đức gì không?” Tổ đáp: “Không.”

Công đức là tự tâm, tâm mình vắng lặng, thanh tịnh thì đó là công đức. Còn làm việc lành cất chùa, nuôi tăng giúp đỡ người nghèo... đó là phước đức chứ không phải công đức.

Hỏi: Kính bạch Thầy, con nghe nói người bị huyết áp cao không ngồi thiền được có phải vậy không?

Đáp: Bệnh huyết áp cao có thể ngồi thiền được nhưng phải khéo, bởi vì huyết áp cao mà trụ tâm trên đầu thì thêm bệnh. Người huyết áp cao theo hơi thở chú ý dưới đờn điền nhiều hơn, áp huyết thấp xuống không có hại.

Hỏi: Con có điểm thắc mắc kính mong Hòa thượng chỉ giáo:

Quả vị A-la-hán có đủ lực thông, trong đó có lậu tận thông, và kinh A-hàm nói A-la-hán sanh đã tận Phạm hạnh đã thành. Vậy lậu hoặc sạch và Phạm hạnh thành thì đã bằng Phật chưa?

Đáp: Đức Phật giác ngộ rồi, trong quá trình tu tập ngài trải qua nhiều kiếp tu hạnh Bồ-tát làm lợi ích chúng sanh, nên gọi là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Tự giác là ngài đã giác ngộ rồi, ngài cứ tiếp tục sanh nơi này nơi nọ để giáo hóa chúng sanh được giác ngộ viên mãn, thì lúc đó ngài mới thành Phật. Còn A-la-hán lậu hoặc đã tận rồi các ngài nhập Niết-bàn không giáo hóa thêm nữa; cho nên phần tự giác thì có mà giác tha thì chưa đủ, không bì được với Phật.

Hỏi: Con có vài điều không hiểu xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy:

Đức Phật Thích-ca và Phật A-di-đà là hai người bạn thân, đức Thích-ca là Bảo Hải, đức A-di-đà là Bảo Tạng bằng tuổi nhau sau bỏ ngôi vua đi tu, sao trong kinh lại nói Phật A-di-đà là Phật quá khứ, Phật Thích-ca là Phật hiện tại?

Đáp: Ở đây chẳng những hai đức Phật Thích-ca và A-di-đà chí thân mà Phật nào cũng chí thân hết. Tại sao vậy? Vì không có phiền não thì có gì mà không thân, chỉ có phàm phu mới còn thân sơ, có thương có ghét thì có thân sơ, hết thương hết ghét nên Phật nào cũng thân hết. Phật Thích-ca là Phật hiện tại vì ngài giáng sanh ở cõi Ta-bà, ngay trong thế gian này nên gọi là Phật hiện tại. Còn Phật A-di-đà ở cõi Cực lạc quá xa mình chưa tới lần nào, ngài đã thành Phật từ thuở nào rồi mà ngài vẫn ở bên đó nên gọi ngài là Phật quá khứ.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, Kinh nói sau khi cha mẹ chết, người con hướng về Phật pháp cố gắng tu hành đạt đạo thì cha mẹ được lên cõi trời; trong trường hợp mấy chục năm sau hay mấy kiếp sau chí nguyện người con mới thực hiện được, giả sử cha mẹ lúc đó đang luân hồi ở cõi nào thì nguyện này có tác dụng nữa không?

Đáp: Kinh nói con tu ngộ đạo thì cha mẹ được sanh thiên, Phật tử này vì thương cha mẹ nghĩ rằng mình tu đắc đạo để độ cha mẹ. Nhưng nếu mình tu đời này không ngộ đạo rồi năm mươi kiếp sau mới ngộ,

lúc đó cha mẹ mình lang thang trong kiếp luân hồi, như vậy cha mẹ có được sanh lên cõi trời không? Giả dụ đời này tôi tu hành ngộ đạo thì cha mẹ đối với cái thân này của tôi được sanh lên cõi trời. Nhưng nếu đời này tôi không ngộ, đời sau tu cũng không ngộ, đến đời thứ ba thứ tư tôi mới ngộ thì cha mẹ của thân trong đời thứ ba thứ tư đó được sanh lên cõi trời. Còn cha mẹ đời này sanh nơi nào, tôi phải tùy duyên tìm tới đó giáo hóa cho cha mẹ tu được sanh lên cõi trời. Tuy không trực tiếp mà nhờ sự giáo hóa được sanh cõi trời cũng được hữu ích. Vậy cho nên quý vị là người con hiếu thảo phải ráng tu, đời này chưa độ được cha mẹ thì đời sau, chỉ sợ cha mẹ thiếu đức phải luân hồi sanh tử, quý vị không tu cũng luân hồi theo thì không ai cứu ai được hết.

Hỏi: Kính thưa Thầy, màu vàng trong Phật giáo có ý nghĩa gì?

Đáp: Trong luật nhà Phật dạy tu sĩ phải mặc y phục màu khác với thế tục, là màu hoại sắc. Nhưng sau này có phái Đàm Vô Đức rất thanh trong Phật giáo Nam tông, các ngài mặc màu vàng, bởi vì màu vàng có vẻ chói chang người đời ít chịu mặc. Tóm lại cái gì mà thế gian chê thì mình dùng để tránh lẫn lộn, đó là lý do tu sĩ Phật giáo mặc màu vàng.

Hỏi: Kính bạch Sư ông con quy y với Sư ông đã hơn mười năm nay. Thường đêm trước khi ngủ con niệm Phật lần chuỗi, ông bà cha mẹ con đã qua đời lâu rồi mà sao con ngủ vẫn thấy hoài không biết có hại không? Xin Sư ông chỉ dạy.

Đáp: Nằm mộng thấy cha mẹ thì không có hại, có hại là nghe cha mẹ trong mộng nói cái gì rồi làm theo đó thì nguy. Vì sao? Vì thấy Phật tử có tâm kính mến cha mẹ đã mất. Có khi quỷ thần hiện ra giống ông bà cha mẹ mình nếu có dạy gì mình cũng làm theo thì nguy.

Hỏi: *Kính bạch Thầy, con thắc mắc không biết tổ Bá Trượng có nói: Một vị tăng khi tịch mà chưa ngộ đạo thì nên tụng kinh cầu siêu, để cầu vãng sanh và niệm Phật A-di-đà. Ngày xưa các thiền viện đối với các vị tăng không được tự tại trong lúc tịch thì tăng chúng tụng kinh gì bạch Thầy?*

Đáp: Phật tử này nghe nói tổ Bá Trượng có nói khi chưa ngộ đạo gần tịch phải niệm Phật A-di-đà để cầu về bên kia thế giới Cực lạc, như vậy không biết Tổ có nói câu đó không? Tôi đã đọc hết sử của tổ Bá Trượng không thấy câu này bao giờ, tôi khẳng định rằng không có câu đó mà e rằng có một người nào đó gá vô để cho có uy tín vậy thôi.

Ý thứ hai hỏi rằng trong các thiền viện hoặc là tu thiền khi có người tịch thì tụng kinh gì? Ngày xưa Ngũ tổ Hoàng Nhãn dạy đệ tử tại gia, xuất gia đều tụng kinh Kim Cang. Có hai trường hợp: Nếu tụng nhiều thì tụng kinh Kim Cang, nếu tụng ít thì tụng kinh Bát-nhã. Trong Bát-nhã có câu: Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, tụng chừng năm mươi lần có thể họ cũng tỉnh được, bởi vì mục đích tu là dẹp sạch phiền não bằng trí tuệ chứ không phải bằng lòng tin, tụng kinh nhắc tới nhắc lui để người bệnh mở sáng trí tuệ không đi lạc vào đường tà.

Hỏi: *Kính bạch Thầy, con nghe nói tu có thể chuyển nghiệp. Người xuất gia có thể chuyển được, vậy người tại gia có chuyển được không? Xin Thầy từ bi giải thích.*

Đáp: Quý Phật tử có biết nghiệp xuất phát từ đâu không? Từ thân, miệng, ý. Ví dụ người nam thích hút thuốc, người nữ thích ăn trầu; hút thuốc ăn trầu quen rồi thành nghiệp. Vậy quý bà ăn trầu có bỏ được không? Quý vị hút thuốc có bỏ được không? Ăn trầu bỏ được, hút thuốc bỏ được. Vậy nghiệp người thế gian bỏ được chứ không riêng gì người xuất gia. Tôi nói xa hơn một chút, người thế gian mỗi khi giận hay mắng chửi con cháu, nếu biết tu rồi thì khi giận cứ làm thinh, đi đâu đó cho nó quên, như vậy dần dần sẽ chuyển được nghiệp. Tóm lại dù xuất gia hay tại gia khéo tu thì chuyển được nghiệp.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, kết quả hiện tại là do chính bản thân mình gieo nhân ở quá khứ, nhưng tại sao nói “con gái nhờ đức cha, con trai nhờ đức mẹ”. Vậy hành động của cha mẹ có ảnh hưởng đến con cái không? Có trường hợp người cha hoặc mẹ làm việc bất thiện, sau đó người con ra đời không được bình thường, có phải do cha mẹ làm ác hay là một sự trùng hợp?*

Đáp: Thường ở thế gian hay nói: “Con gái nhờ đức cha, con trai nhờ đức mẹ.” Như vậy thì sự tu của mình ảnh hưởng với cha mẹ nhiều ít? Đúng ra thì tu là gốc nhưng trong nhà Phật nói chúng ta sanh ra đời còn có sự đồng nghiệp với cha mẹ; cha mẹ ác chiêu cảm với ác nghiệp của người con, nên con mới thọ sanh vào gia đình đó. Nhưng cũng có trường hợp ngoại lệ

cha mẹ thiện mà con lại ác, đó cũng là nghiệp cảm. Nghiệp cảm có hai là nghiệp cảm do lòng thương quý, nghiệp cảm do lòng thù hận cho nên tôi khuyên Phật tử gần tất thở đừng giận ai, cũng đừng thương ai. Tôi hỏi Phật tử lúc ngồi rảnh rang thường nhớ cái gì nhiều nhất? Một là nhớ người mình thương, hai là nhớ người mình thù. Khi sắp ra đi mọi việc bỏ qua hết chỉ còn trong ký ức người mình nhớ nhiều, hoặc là thương, hoặc là ghét. Có ghét có thương mới chui vào nhà họ, chiêu cảm với nhau để đền trả. Khi biết tu rồi, biết rõ ôm lòng oán thù thương ghét không có lợi gì cho mình hiện tại mà còn quả khổ cho mai sau. Như vậy là do nghiệp thiện ác huân tập trong ký ức, nếu chứa nghiệp tốt thì dễ gặp người tốt, chứa nghiệp xấu dễ gặp người xấu. Còn nói câu “con gái nhờ đức cha con trai nhờ đức mẹ” thì không phải chân lý.

Hỏi: “*Nói tâm bình thế giới bình*”, là nói về tâm của người tu hành, chứ thế giới này còn bao nhiêu người khác còn mê, còn khổ, còn bị động chưa bình thì sao nói bình được?

Đáp: Phật tử này hỏi: “*Nói tâm bình thì thế giới bình*”, nhưng tâm mình bình, chứ cả thiên hạ thế giới xôn xao làm sao mà bình được phải vậy không?

Phật tử này hiểu rằng bình là tất cả mọi người đều bình hết, nhưng làm sao có chuyện đó! Tâm bình thế giới bình là tâm bình của bản thân mình. Thí dụ tâm tôi bình dù chung quanh tôi có người làm phiền nhưng tôi không động tâm. Như vậy do tâm tôi bình nên dù thế giới có chiến tranh sôi sục, tâm tôi vẫn không động

thì tôi thấy cả thế giới đều bình. Thế giới bình là với cái nhìn của mình, chứ không phải tất cả đều bình hết.

Hỏi: Ngài Tỳ-ni-đa-lưu-chi chưa xuất gia học đạo mà tại sao khi gặp tổ Tăng Xán, Tổ bảo qua phương Nam giáo hóa, như vậy ngài chưa học, chưa biết gì thì lấy gì mà giáo hóa độ sanh?

Đáp: Câu hỏi này là lầm. Ngài Tỳ-ni-đa-lưu-chi đã xuất gia bên Ấn Độ, lúc chư tổ đã mang y bát về Trung Quốc. Nghe nói tổ Tăng Xán được truyền y bát và ở tại núi Tư Không, ngài tìm đến đó. Qua cuộc gặp gỡ, hai bên có chỗ tương hội, tổ Tăng Xán thâm nhận nên mới dạy ngài qua phương Nam giáo hóa.

Hỏi: Cổ nhân dạy: Người tu Thiền mà không tu Tịnh thì mười người lầm hết chín, người tu Tịnh mà không tu Thiền thì muôn người tu muôn người được vãng sanh. Nhưng con nghe nói là Thiền Tịnh song tu sao cổ nhân dạy như thế? Xin Sư ông hoan hỷ giảng cho con hiểu.

Đáp: Quý vị nghĩ tất cả cổ nhân nói đều là chân lý hết? Cổ nhân này cổ nhân khác nói có giống nhau không? Căn cứ theo một cổ nhân này để phủ nhận hết thì có đúng không? Nếu nói cổ nhân thì có cổ nhân nói “tu Thiền tu Tịnh như cọp mọc sừng”, có cổ nhân khác nói “Thiền Tịnh hai pháp cùng tu giống như người muốn qua sông nhanh một chân đứng trên chiếc thuyền này, một chân đứng trên chiếc thuyền kia.” Vậy có nhanh không? Bây giờ chúng ta xét thấy cổ nhân nào nói hợp với mình thì theo, chứ đừng cho rằng cổ nhân nói đúng trăm phần hết.

Hỏi: *Tu pháp nhãn nhục nếu có bị oan ức gì không nên biện bạch, vậy nếu không biện bạch thì ai biết mình bị oan ức, lúc đó mình bị đuổi đi. Vậy phải làm sao?*

Đáp: Nói về oan ức có hai trường hợp: Bị oan ức mà có người bảo giải thích cho phân minh thì mình giải thích, nếu không ai bảo thì bỏ qua. Nhưng thường chúng ta đâu chịu bỏ qua, nói không được với người này thì nói với người khác. Khi mình muốn giải oan ức cho mình thì đối với người gieo oan ức, mình cho họ là người xấu, vì điều đó tôi không có mà người kia nói tôi như thế, đó là kết tội người ta, làm cho người ta giận mình thêm, do đó không nên bày tỏ biện bạch gì cả. Trường hợp trong gia đình anh em gây chuyện oan ức cho nhau, cha mẹ kêu lại hỏi sự việc thì bản phận mình phải tách bạch rõ ràng, hoặc ra làng xã cũng phải nói phân minh tỏ rõ. Còn trường hợp chưa ai hỏi mà đi phân bua cho mình đúng, kết tội người khác đó là không tốt.

Hỏi: *Kính bạch Sư ông, Phật tử chúng con có những thắc mắc như sau, xin Sư ông giảng rõ cho chúng con.*

- *Phương thức sám hối có thời gian nhất định bao lâu?*

- *Có giảm được nghiệp chướng như bệnh tật... không?*

- *Sao gọi là hồng danh sám hối? Danh từ hồng danh nghĩa thế nào?*

- *Sám hối hồng danh so với sám hối sáu căn có tác dụng và phước lực như thế nào?*

Đáp: Ở đây tôi giải thích từng câu:

Sám hối tùy theo lòng thành của mình chứ không ấn định thời gian. Ví dụ con lỡ cãi lời cha mẹ làm điều sai quấy khi biết lỗi tha thiết nhận lỗi xin cha mẹ tha thứ cho, với lòng thành, cha mẹ cảm nhận được sẽ tha thứ. Còn như nói nói cười cười không tỏ ra phục thiện dù cho nói nhiều lần cha mẹ cũng không tha thứ. Cho nên giá trị của sám hối là lòng thành chứ không phải thời gian.

Sám hối có giảm được nghiệp chướng, bệnh tật không? Như ví dụ trên, con cãi lời cha mẹ bỏ nhà đi lêu lổng làm nhiều điều sai quấy, nếu biết lỗi về thành tâm tha thiết sám hối thì cha mẹ cảm động tha thứ cho con về với gia đình không còn lang thang đói rách nữa. Còn nếu con chưa thật tâm chí thành hối lỗi, cha mẹ chưa tha thứ thì chưa được.

Sao gọi là hồng danh sám hối? Chữ hồng đây có nghĩa là to lớn, danh là danh hiệu Phật. Lạy danh hiệu Phật để bày tỏ lòng cung kính tha thiết đối với Phật, sám hối lạy và xưng danh hiệu Phật gọi là sám hối hồng danh.

Sám hồng danh là lạy Phật cầu xin Phật chứng minh tha thứ cho những lỗi lầm mà mình đã tạo. Còn sám hối sáu căn là kể lại những sai quấy của sáu căn để nhớ tránh. Từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý phạm lỗi gì, nhớ tránh không phạm nữa.

Như vậy sám hối sáu căn thì thực tế, ôn đi nhắc lại lỗi của mình mỗi đêm, để tránh cụ thể ngay nơi mình.

Còn sám hồng danh là nhờ Phật gia hộ cho mình hết tội, đó là nhờ thần lực của Phật. Nếu ai tin vào thần lực của Phật nhiều thì sám hối hồng danh tốt.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, theo sử ba mươi ba vị tổ thì Ngũ Tổ là thân sau của Tài Tòng đạo giả. Theo lý nhân duyên thì muốn có thai phải hội đủ hai giới tính âm dương, nhưng ở đây cô gái nhà họ Châu chỉ gặp Đạo giả một lần và hứa cho ngài ở trọ trong nhà nếu cha mẹ nàng ưng thuận. Sau đó Đạo giả đi ngay không tá túc trong nhà cô gái họ Châu. Vậy nhân duyên gì khiến cô gái nhà họ Châu thọ thai sanh hài nhi trai đến bảy tuổi gặp Tứ Tổ làm đệ tử xuất gia?*

Đáp: Cái nghi này rất là có lý, tôi xin nói một cách phân hai cho quý vị dễ hiểu. Câu chuyện không chồng mà có con là chuyện khó tin, nhưng gần đây các nhà khoa học ở Pháp họ phát minh ra một con ếch không có bố, tức là không có ếch cha; và rồi người ta nhắc lại có một nước toàn là phụ nữ, không biết sao mà họ còn hoài không mất dòng giống. Như vậy thì có trường hợp ngoại lệ. Bây giờ sử sách ghi sao hay vậy chứ luận bàn đúng sai thì tôi xin chịu. Thôi thì biết có ngài ngộ đạo giảng kinh cho mình nghe là tốt rồi.

Hỏi: *Kính bạch Thầy, con ăn chay trường đã ba năm rồi nhưng thỉnh thoảng con có ăn trứng gà công nghiệp và nấu thức ăn có dùng hành tỏi. Con nghe nói ăn như vậy có tội, con xin Thầy giải đáp cho con rõ.*

Đáp: Ăn chay không phải là cái gốc của đạo Phật, vì hồi Phật còn tại thế ngài phải đi khát thực,

mà theo luật thì chư tăng đi khát thực vào lúc chín giờ, để tránh cái lỗi là người đó làm thức ăn riêng vì mình, mà người ấy làm là vì gia đình và chia lại phần nào cho mình. Đó là giai đoạn đầu không có quy định chư tăng phải ăn chay, cho nên bây giờ Phật giáo Nguyên thủy không ăn chay là theo lối sinh hoạt ban đầu.

Nhưng khi Phật giáo truyền sang Trung Hoa, Việt Nam, các bậc vua chúa kính trọng chư tăng, cất chùa cho chư tăng ở và cấp đất đai để làm ruộng lấy lúa ăn. Bắt đầu thời điểm đó tăng chúng sống tự túc, để tránh việc giết hại sinh vật nên trồng rau cải ăn chay cho khỏi nghiệp sát sanh. Đó là lý do cùng tu theo đạo Phật mà bên Nguyên thủy không ăn chay còn bên Bắc tông ăn chay là vậy. Như vậy Phật tử hiểu ăn chay là tránh sát sanh, ăn trứng gà công nghiệp không sát sanh thì không sao, tôi nói không sao chứ không nói cho ăn. Còn nói về hành tởi thì những vị tu bên Mật tông ăn những thứ ấy thì chú không linh, đây Phật tử không trì chú thì tùy, có ăn hay không ăn không phải là tội, chứ tôi cũng không bảo ăn.

Hỏi: Xin Thầy giảng cho con hiểu tại sao Phật Thích-ca và ngài Bồ-tát Quán Thế Âm xuất gia mà còn để tóc, mà bây giờ xuất gia phải xuống tóc?

Đáp: Đức Phật Thích-ca có ba mươi hai tướng tốt, trong đó có một tướng tốt là tóc ngài xoáy ốc vòng phải, khi ngài ra khỏi thành xuất gia là ngài cắt tóc rồi. Sau khi thành đạo thân nhận đệ tử ngài dạy phải cạo bỏ râu tóc, nhưng bây giờ tạc tượng họ muốn để tóc xoáy cho thấy đủ ba mươi hai tướng tốt của đức Phật.

Bồ-tát Quán Thế Âm tượng trưng cho hạnh tu Bồ-tát độ chúng sanh không nhất thiết phải cạo tóc. Người tu hạnh Bồ-tát có thể là cư sĩ, có thể là quan tước, cho nên kinh Phổ Môn nói: “Ứng Tỳ-kheo tức hiện Tỳ-kheo thân đác độ giả, ứng hiện đồng nam, đồng nữ tức hiện đồng nam đồng nữ...” muốn cảm hóa chúng sanh ở hạng nào thì ngài hiện tướng đó, hình ảnh đó biểu trưng rằng ngài tùy theo sở nguyện của chúng sanh mà hiện thân không cố định. Vì vậy tạc tượng ngài qua hình thức cư sĩ để thực hành hạnh Bồ-tát theo sở nguyện của chúng sanh. Còn chư tăng ni bây giờ xuất gia đều cạo tóc hết là thực hành theo luật nhà Phật dạy.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, con thường nghe nói: Tu mà không học là tu mù, học mà không tu là đậy đưng sách. Nhưng con cũng nghe nói người tu thời nay thường hay kẹt vào sở tri chướng. Xin Hòa thượng chỉ dạy cho con làm sao dung hòa hai điều này để tiến tu mà không bị kẹt.

Đáp: Muốn dung hòa hai điều này thì tu phải học, nhưng mà học để tu chứ không phải để nói. Nếu học để nói là đậy đưng sách, học để khoe cái khôn, cái tài của mình thì đó là sở tri chướng, còn học hiểu để ứng dụng tu thì không có chướng gì hết. Đó là dung hòa cả hai.

Hỏi: Con quy y được pháp danh là Từ Bi Thọ, bảy mươi tuổi, muốn biết khi chết có đem pháp danh theo hay để lại. Xin Thầy từ bi chỉ dạy.

Đáp: Câu hỏi này có chỗ nhầm lẫn pháp danh với lá phái. Pháp danh là cái tên trong đạo, lá phái trong đó có ghi pháp danh. Lá phái thì để lại còn tên trong đạo đi tới đâu người ta hỏi pháp danh gì thì nói tôi là đệ tử Phật tên gì đó. Tên thì tự mình nhớ thôi, còn lá phái đem theo làm chi.

Hỏi: *Kính thưa Thầy, con sống trong ngành y nên khi đứng trước một người sắp chết con làm đủ mọi cách để kéo lại mạng sống, nhưng họ vẫn lần lần đi vào cõi chết và tìm ngừng đập. Nhưng khi con học thiền với Thầy con thấy ông Bàn Uẩn và cô Linh Chiêu không hề bệnh tật, ngồi kiết già chấp tay thị tịch. Thiền sư Động Sơn Lương Giới ngồi yên mà tịch, đại chúng khóc, Sư mở mắt quở và kéo dài thọ mạng đến bảy ngày sau, Sư bảo chớ ồn náo rồi ngồi yên mà tịch. Vậy giữa y học và đạo Phật sự sống khác nhau ở điểm nào, xin Thầy hoan hỷ giải tỏa thắc mắc cho con.*

Đáp: Chúng ta sống có hai phần là thể chất và tinh thần. Về mặt thể chất chúng ta sống bằng tất cả động cơ thúc dục của cơ thể, khi đói ta đòi ăn, khát ta đòi uống, cơ thể cần cái gì chúng ta đáp ứng theo cái ấy. Cơ thể là chủ mọi nhu cầu và chúng ta tùy thuộc cái chủ đó gọi là tùy thuộc vào chiếc xe. Còn thiền sư sống làm chủ cái tâm tức là làm chủ con trâu, mà con trâu thì điều khiển chiếc xe, làm chủ được tâm rồi thì mọi hoạt động của cơ thể các ngài làm chủ được. Có những cái người đời không làm chủ được, người tu làm chủ được. Ví dụ Phật tử chưa quen làm chủ tham sân si, nếu việc sai quấy người ta kêu tên mình chửi thì mình nổi sân

phát ra ngôn ngữ, phát ra hành động cân xứng với câu chữ mắng đó. Nhưng người tu làm chủ được tâm khi bị người chửi vẫn ngồi yên mặt bình thản. Như vậy nếu lấy tâm niệm của người thế gian để đối chiếu với người tu thì làm sao hiểu nổi. Đó là nói trường hợp tu sơ sơ, còn tu đến lúc làm chủ hoàn toàn thì chết sống tự tại. Chúng ta sống là nhờ tim đập, hơi thở ra vào, các ngài không muốn thở nữa thì ngưng lại, tim ngừng đập thì chết, muốn thở thì thở khi ra, tim hoạt động thì sống lại, đó là chỗ tự tại của các ngài không thể nào so sánh các ngài với người thường tình của thế gian, vì các ngài đã làm chủ được mình rồi.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, con là Phật tử ở Sông Bé, hiện con đang thờ Phật mẫu và mẹ sanh mẹ độ. Con đang lo không biết làm thế nào cho đúng chánh pháp. Xin Hòa thượng chỉ dạy cho con.

Đáp: Phật tử khi quy y có đọc: Quy y Phật không quy y thiên thần quỷ vật, quy y Pháp không quy y ngoại đạo tà giáo. Chúng ta đã theo Phật rồi thì thờ Phật là trên, vì Phật là bậc giác ngộ, là cha lành của chúng sanh trong tam giới, thờ Phật là đủ hết, còn mấy vị kia chỉ là phụ thôi. Phật tử đã quy y Phật rồi, thì tôi khuyên Phật tử thờ Phật cho hợp với chánh pháp.

Hỏi: Kính xin Sư ông giải cho con được rõ. Con tu theo pháp môn niệm Phật, tâm con luôn tưởng cảnh Tịnh độ an vui có đức Phật A-di-đà đang thuyết pháp, như vậy có đúng không bạch Sư ông? Và theo con hiểu cảnh Niết-bàn là nơi chư Phật chư Bồ-tát mới đến được, còn chúng sanh thì siêu sanh về Tịnh độ.

Như vậy thì hai chỗ tu hành riêng biệt với trình độ cao thấp khác nhau? Kính xin Sư ông khai mở tâm trí cho con được sáng suốt.

Đáp: Nếu tu Tịnh độ mà được lòng tin đó thì càng tốt chứ không sao. Nhưng nói cảnh Niết-bàn là nơi chư Phật và chư Bồ-tát mới được đến đó, còn chúng sanh siêu sanh về Tịnh độ thì câu này không phải. Niết-bàn là tâm không còn mầm sanh tử nữa, cho nên đức Phật mấy mươi năm đi giáo hóa mà ngài vẫn ở trong Niết-bàn chứ không phải chết mới gọi là Niết-bàn. Niết-bàn có hai loại: Một là còn sống được Niết-bàn gọi là hữu dư y Niết-bàn. Hai là bỏ thân này vào Niết-bàn gọi là vô dư y Niết-bàn. Phật, Bồ-tát, A-la-hán ngộ đạo dứt được mầm sanh tử luôn ở trong Niết-bàn, thuyết pháp, làm Phật sự cũng luôn sống trong Niết-bàn, chứ không phải đợi chết mới vào Niết-bàn. Nếu dứt được cái niệm hai bên sanh diệt là Niết-bàn, chứ không phải đợi về Tịnh độ mới là quả cuối cùng của người tu.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, tại sao nói trắng ra hiểu rồi thì không ngộ, xin Thầy dạy cho con biết.*

Đáp: Vì khi chúng ta nghe, hiểu rồi thì không có nghi, không có tìm kiếm. Không nghi không tìm thì không ngộ. Ngồi yên rồi tự nó phát ra, hoặc nghi không biết nó ở chỗ nào, đến khi chợt bật ra mới “À!” lên một tiếng đó là ngộ.

Hỏi: *Kính xin Thầy chỉ dạy cho con biết sự ân oán. Thầy giảng chúng sanh nên xả hết ân oán không nên ôm ấp trong tâm để tránh kiếp sau gặp lại.*

Nhưng có người không xả được, ân gặp lại không sao, còn oán gặp lại là tiếp tục đau khổ, kẻ chết người sống vậy người chết trả oán hay người sống trả oán?

Đáp: Vị này hiểu sai rồi. Nói ân nói oán gặp lại là gặp ở đời sau chứ không phải mình còn sống gây ân oán rồi người chết họ tìm lại trả ân oán với mình. Nếu mình còn ân còn oán với ai thì tâm mình nhớ người đó nhiều hoặc người đó nhớ mình nhiều, cho nên chết hai người dễ có duyên gặp nhau. Vì vậy mà có trường hợp người thân của mình lại là người làm khổ mình. Ân oán nó là vậy.

Hỏi: *Phái nữ tu không chứng đạt vậy tu có ích gì, và phải làm thế nào để chứng đạt như phái nam. Kính mong Sư ông giảng giải cho chúng con rõ.*

Đáp: Phật tử này hiểu lầm. Tôi thường kể bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề là người nữ xuất gia đầu tiên lãnh đạo năm trăm ni chúng. Một hôm Phật báo tin sau ba tháng ngài vào Niết-bàn. Nghe vậy bà dẫn ni chúng đến đánh lễ Phật, bà thưa rằng: “Bạch đức Thế Tôn, con không nỡ nhìn thấy Phật Niết-bàn, xin Thế Tôn cho chúng con Niết-bàn trước.” Phật hứa khả. Bà về tinh xá cùng năm trăm ni chúng ngồi an nhiên thị tịch, sự việc này được ghi trong sử. Như vậy bà và ni chúng có chứng A-la-hán mới tự tại ra đi, chắc gì nam giới tịch một lượt, giỏi vậy sao! Phật tử này chưa hiểu nên thắc mắc.

Hỏi: *Kính xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy cho con, mỗi tháng con về Thường Chiếu nghe Hòa thượng giảng pháp thiên, con thấy tu thiên hợp với hoàn cảnh bận rộn*

của con. Mỗi khuya con dậy sớm ngồi thiền được bốn mươi phút tâm con còn vọng tưởng nhiều, mỗi khi có chuyện gì trái ý thì con nổi nóng. Vậy sau khi chết con sẽ sanh về đâu?

Đáp: Điều này dễ hiểu lắm, người nào sân nhiều thì có một cõi dành riêng cho họ là a-tu-la, người nào hung hiểm thì vào cõi ngạ quỷ. Như vậy Phật tử xét mình có nghiệp gì hợp với cõi đó thì sẽ đi về đó. Tôi nói không phải bi quan, vì nóng nảy là cái nhân rơi vào đường a-tu-la. Nhưng biết nóng tai hại thì phải làm sao? Phải thường nghe kinh nghe pháp, giữ tâm tánh ôn hòa bớt nóng nảy thì tốt biết mấy. Phật tử nói tánh nóng nảy, tôi không đồng ý câu đó. Nếu tánh cố định nóng thì chỗ nào cũng nóng được hết, nhưng thử xét lại, đối với người ngang mình hoặc nhỏ hơn mình thì mình dễ nóng, còn người lớn hơn mình, có địa vị cao thì mình có dám nóng không? Dạ không. Như vậy thì đâu phải là tánh nóng mà là thói quen phải không? Nó không phải là tánh thì bỏ dễ ợt! Thôi chịu khó bỏ đi thì bảo đảm đi đường thiên, nhân chứ không thì rơi vào a-tu-la.

Hỏi: *Kính bạch Sư ông, xin Sư ông từ bi chỉ dạy:*

Con ở với thầy con cũng khá lâu, con phục vụ việc chùa và lo cho thầy không nản chí. Nhưng đến khi con biết được giải thoát thì nhận ra mình thiếu sự tu học, con xin thầy ra đi để tìm chỗ tu học. Vậy con có lỗi gì không?

Khi ra đi giới pháp chưa đủ, đến lúc có nhân duyên con thỉnh hai vị thượng tọa yết-ma truyền giới Tỳ-kheo. Vậy con có lỗi gì không?

Khi đã đầy đủ giới pháp, có hai huynh đệ ở chung một thất cùng nhau tu học và nương theo giáo pháp Sư ông chỉ dạy, thầy con có điều không vừa ý hay nói khó khăn làm cho con mất thanh tịnh. Vậy con có lỗi gì với thầy con không?

Đáp: Trung thành với thầy là điều tốt, nếu thầy dạy mình tu đủ điều kiện để giải thoát thì không nên đi, còn nếu thầy không dạy tu thì đi cũng không có lỗi gì.

Trường hợp thọ giới là có lỗi. Vì thọ giới Tỳ-kheo phải có đủ tam sư thất chứng, ngoại trừ trường hợp đặc biệt quý vị đạo cao đức trọng mới tác pháp truyền giới tại thất được.

Tu mà có niệm bất bình thầy là có lỗi.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, cha mẹ con qua đời đã mười lăm năm. Nay con làm lễ cầu siêu cho cha mẹ thì con có phước chi không? Xin Hòa thượng chỉ dạy cho con được rõ.*

Đáp: Làm lễ cầu siêu có hai cái phước. Cái phước thứ nhất là hiếu thảo nhớ ơn cha mẹ, nhờ có tâm hiếu thảo gọi là có phước. Phước thứ hai là thỉnh chư tăng ni tụng kinh gia đình được nghe.

Hỏi: *Kính thưa Thầy, người tuổi từ năm sáu mươi trở lên hay dễ quên và khó có được trí nhớ tốt, có khi họ quên ngay cả những việc mới xảy ra. Về tu hành: Khi tu buông xả mọi chuyện và cố quên, vì vậy dễ quên là điều khó tránh được. Về y học gọi đó là sự suy thoái trí nhớ liên hệ với tuổi. Kính mong Thầy chỉ dạy.*

Đáp: Câu hỏi này ý nói rằng người lớn tuổi thì dễ quên, đó là hợp với y học mà cũng hợp với sự tu là xả bỏ.

Nhưng tôi xin nói rõ, người chú tâm tu thì quên mà không có lãng. Thường người đời khi lớn tuổi hay bị bệnh lãng tức là nói chuyện không trúng vào đâu, gọi là bệnh lẫn, người bị bệnh này thường quên việc hiện tại mà nhớ chuyện quá khứ. Lỗi ở chỗ không chú tâm. Người lớn tuổi tu Thiên hay tu Tịnh độ đều phải chú tâm, khi ngồi thiền đếm hơi thở thì để tâm theo hơi thở và số đếm, đó là chú tâm; chú tâm thường xuyên như vậy thì không bị xao lãng. Niệm Phật thì tâm luôn nhớ câu niệm Phật, chăm chú vào danh hiệu Phật thì không bị lãng. Nhờ sự chú tâm như vậy mà quý thầy cao tuổi lâu lâu cũng có quên chút chứ không đến nỗi bị lẫn. Tóm lại là chúng ta biết tu thì sự chú tâm giúp cho chúng ta ít rơi vào bệnh lẫn khi cao tuổi.

Hỏi: *Kính xin Thầy cho con được biết, năm ngữ lục của năm vị nào và thuộc tông phái nào? Mười hai phân giáo là mười hai bộ kinh nào? Kính xin tri ân Thầy.*

Đáp: Phật tử chịu khó coi lại các bài lục, vì lục rất là nhiều, mỗi thiền sư đều có những bài lục. Nhưng người ta thường đề cập đến các bài lục của những vị thiền sư lớn như: tông Lâm Tế thì có Lâm Tế ngữ lục, tông Tào Động thì có ngài Động Sơn, Tào Sơn, tông Quy Ngưỡng thì có ngài Quy Sơn hoặc Ngưỡng Sơn, tông Pháp Nhãn, tông Vân Môn, thì những vị chủ tông phái đó là năm ngữ lục lớn. Ngoài ra còn rất nhiều ngữ lục có giá trị chứ không phải chỉ có bấy nhiêu đó thôi.

Còn mười hai phần giáo tức là một bộ kinh Phật chia ra làm mười hai phần, như trong bộ kinh đó chia ra nào là Trùng tụng, Cô khởi, Luận nghị... Đó là mười hai thể loại chứ không phải mười hai bộ kinh.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, con đang sống trong một gia đình chồng tuổi Mậu Dần năm mươi tám tuổi, vợ tuổi Giáp Thân năm mươi hai tuổi, con trai tuổi Đinh Tỵ mười tám tuổi. Chồng con lúc nào cũng gắt gỏng, khó tính làm cho con buồn phiền, dần dần đau đầu mất ngủ, con trai thì bỏ nhà đi từ năm chín tuổi. Kính thưa Hòa thượng có phải do tứ hành xung không? Làm thế nào cho chồng con tính nết được hiền hòa để con khỏi khổ tâm? Con xin Hòa thượng chỉ dạy.

Đáp: Đây không phải là tứ hành xung mà tại khẩu ý xung khắc, chồng nói vợ không nghe, vợ nói chồng không nghe, ý của chồng khác ý của vợ, khác ý nhau đó là xung khắc. Bây giờ Phật tử chịu khó chiều chuộng một chút, ý chồng thế nào cũng tùy thuận cho khỏi buồn, hoặc hướng dẫn chồng nghe kinh học đạo, cho ông bớt nghĩ sai lầm thì bớt xung khắc. Còn con vì chưa có duyên tốt nên nó bỏ nhà đi, từ từ tìm cách dạy dỗ hoặc an ủi lần lần nó tỉnh thì sẽ về. Không nên đi cầu cúng, nếu không sửa tâm tánh, ngôn ngữ của mình với người xung quanh, thì dù cho có cầu cúng cũng không kết quả.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, trong kinh nói rằng: Người mới chết nóng ở đỉnh đầu thì sanh lên cõi trời; nóng ở ngực được sanh làm người; nóng ở bụng thì sanh

làm súc sanh; nóng ở chân sanh làm ngựa quý. Vậy người thoát ra khỏi tam giới khi chết nóng ở đâu? Xin Hòa thượng hoan hỷ chỉ dạy cho con hiểu.

Đáp: Còn sanh trong lục đạo còn có chỗ trụ, hết sanh trong lục đạo toàn thân đều mát.

Hỏi: *Kính thưa Hòa thượng, người tu thiền học Anh văn có lỗi gì không?*

Đáp: Người tu thiền học Anh văn không có lỗi gì, nhưng muốn tu thiền đến nơi đến chốn thì phải dồn hết tâm lực để tu. Nếu học mắc lo nhớ chữ không dồn hết tâm lực nên tu chậm, thay vì tu mười năm thì kéo dài ba bốn chục năm.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng, cho con hỏi những điều sau đây:*

- Tổ sư Đạt-ma vác một cây gậy trên vai quảy một chiếc dép là nghĩa gì?

- Tại sao các chùa mỗi chiều cúng thí cô hồn tại bàn hộ pháp? Vậy hộ pháp là cô hồn sao?

- Thờ ông Tiêu Diện có ý nghĩa gì?

Xin Thầy hoan hỷ chỉ dạy.

Đáp: Vai chỉ cho sự gánh vác, mục đích của Tổ từ Ấn Độ sang Trung Hoa là gánh vác sự nghiệp vượt ngoài đối đãi. Con người có hai chân để đi một đôi dép, bây giờ bỏ một chiếc thì chiếc kia vô dụng. Ngài quảy có một chiếc, chủ trương của ngài là đi đến Trung Hoa để truyền đạo vượt ngoài đối đãi, tượng trưng ngài quảy

một chiếc dép. Người ta nghi, khi hết đối đãi rồi còn lại cái gì? Hình ảnh ngài cười càn lau đi qua biển, tượng trưng ý nghĩa khi hết đối đãi rồi liền có cái diệu dụng không thể nghĩ bàn.

Các chùa hay cúng thí cô hồn, các vị hộ pháp tượng trưng cho các vị Bồ-tát ủng hộ ngôi già-lam. Cô hồn là quỷ đói cũng như mấy đứa con nít, cho nó ăn mất trật tự lắm, nó tranh giành nhau, nên nhờ các vị hộ pháp gìn giữ trật tự. Mỗi khi cúng có các vị hộ pháp làm chứng để giữ trật tự cho cô hồn khỏi làm rộn, khỏi làm mất trật tự, chứ không phải hộ pháp là cô hồn.

Tiêu Diện là vị hộ pháp mặt mày dữ dằn trong miệng có lửa đỏ, hay trừng trị những đứa quỷ hung dữ, ngỗ nghịch. Khi Tiêu Diện hét lên trong miệng tóe lửa, nó thấy hoảng sợ bỏ chạy không dám phá nữa. Trong đạo Phật có nhiều hình ảnh ý nghĩa rất thâm trầm; những bậc hiền lành, chân chánh có từ bi thuận hạnh, từ bi nghịch hạnh. Thuận hạnh là thấy người khổ thì an ủi, vỗ về, giúp đỡ; nghịch hạnh là gặp mấy chú côn đồ, hung dữ vỗ về không nghe nên phải hóa ba đầu sáu tay dữ dằn hét ra lửa nó mới sợ. Những người cảnh sát hay những người có binh khí trong tay là để dọa, để hét những đứa hung dữ, nhờ đó nó biết phục thiện, đó cũng là từ bi. Đừng nghĩ rằng chỉ có an ủi vỗ về giúp đỡ mới là từ bi.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, cha mẹ có con xuất gia, khi cha mẹ đã già muốn quy y Tam bảo, vậy quy y với con được không hay phải quy y với thầy khác? Nếu quy y với con phải đúng như pháp mà cung kính và hầu hạ Thầy thì con có lỗi bất hiếu với cha mẹ không?

- Ở chùa mỗi buổi tối và sáng thỉnh đại hồng chung có ý nghĩa gì?

- Đại ngộ khác với tiểu ngộ như thế nào?

- Quán Tự Tại Bồ-tát có phải là Quán Thế Âm Bồ-tát không?

- Địa Tạng Bồ-tát có phải là Tam Tạng thỉnh kinh không?

Đáp: - Người được phước nên có con đi tu, nhưng muốn quy y thì quy y với người khác cho dễ. Bởi vì cha mẹ nghĩ người đó là con mình thì không có tâm kính tăng đúng như nghĩa đệ tử trọng thầy. Còn nếu cha mẹ trọng tăng như người đệ tử trọng thầy, mà tăng là con mình thì cũng khó xử sự. Bởi vì coi cha mẹ như đệ tử thì trái với luân lý, còn coi cha mẹ là cha mẹ thì trái với pháp quy y.

- Thỉnh chuông với ý nghĩa cảnh tỉnh hay là đánh thức. Ở chùa thức khuya dậy sớm im lặng thì không có gì lạ. Tại sao lại thỉnh chuông? Người đời nghe tiếng chuông dễ thức tỉnh, Phật tử đi đâu nghe tiếng chuông ngân thấy có cái gì nao nao trong lòng, làm cho tỉnh thức. Vì vậy khuya đang ngủ mê, nghe tiếng chuông, chúng ta thức dậy tụng kinh niệm Phật, đó là cảnh tỉnh để bớt mê.

- Đại ngộ với tiểu ngộ khác nhau: Như chúng ta học kinh có câu, có vấn đề không hiểu, một hôm nào đó ngồi thiền tâm yên chợt hiểu ra. Điều mình không hiểu bây giờ bất chợt hiểu gọi là tiểu ngộ. Còn thấu triệt toàn bộ gọi là đại ngộ hay triệt ngộ.

- Bồ-tát Quán Thế Âm, trong kinh Bát-nhã gọi là Quán Tự Tại.

- Địa Tạng Bồ-tát có phải là Tam Tạng thỉnh kinh không? Không. Tam Tạng thỉnh kinh là ngài Đường Huyền Trang ở bên Trung Hoa đi Ấn Độ du học và thỉnh kinh. Còn Bồ-tát Địa Tạng là vị Bồ-tát nguyện ở địa ngục độ chúng sanh. Hai vị khác nhau không phải là một.

Hỏi: Kính thưa Hòa thượng, “Biết tâm không gọi là thấy Phật, chẳng thấy tâm gọi là thấy Phật” là sao? Con không hiểu, xin Hòa thượng giúp cho con được sáng suốt để con không thấy mâu thuẫn khi tìm thấy tâm.

Đáp: “Biết tâm không gọi là thấy Phật” nghĩa là trong kinh Bát-nhã nói thấy tất cả pháp không có thực thể. Thấy được tánh không là cái gì thấy? Biết thấy được tánh không là trí tuệ Bát-nhã, nên nói trí tuệ Bát-nhã soi thấy các pháp đều không mà trí tuệ Bát-nhã là trí tuệ Phật, nên thấy biết tất cả đều không gọi là thấy Phật. “Chẳng thấy tâm gọi là thấy Phật” nghĩa là tâm này không còn vọng tưởng sanh diệt nữa, đó là tâm thể thanh tịnh là tâm Phật, nên không có gì mâu thuẫn.

Hỏi: Kính thưa Thầy, hôm 16-9 vừa qua Thầy giải về Phật thật Phật giả, chúng ta là Phật thật chưa thành, kính lễ đức Phật thuở xưa, nên hằng đêm đều lấy Phật thật chưa thành này lạy Phật giả ở trên bàn. Vậy là sao? Xin Thầy giải cho các tín đồ Phật tử hiểu.

Đáp: Chúng ta có hai cách tu, một là dùng trí tuệ quán chiếu, hai là dùng lòng thành kính quy hướng về Phật, thờ đức Phật trên bàn dù biết đó là Phật gỗ hay Phật thạch cao, nhưng cứ tin như đức Phật đang ngự trong nhà mình, tin và thành kính lễ Phật, cung kính dâng nước, cung kính cúng hoa... Chính do niềm tin mạnh và lòng cung kính chân thành làm cho tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì có kết quả tốt. Còn dùng trí quán thì biết rõ thân này không thật, chùa không thật, Phật ngồi trên bàn cũng không thật. Quán thấy rõ tường tận như vậy nên tâm không chấp vào thân, không chấp vào cảnh, không chấp tất cả, rất tốt. Nhưng chưa quán được như vậy thì nên kính Phật có phước. Chúng ta tu chưa thấy thân không thật thấy cảnh không thật, mà lại chấp, không lễ kính tượng Phật thì trở thành ngã mạn bất kính không có lợi. Vậy tôi khuyên khi chưa thấy thân, cảnh, ngã, pháp đều không thật thì nên kính Phật, kính Pháp, kính Tăng, hay kính các bậc tiền bối, để tâm mình thuần thực thì tốt không có hại gì.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng xin Hòa thượng từ bi giải thích cho con biết rõ về pháp môn tu thiền để điều trị bệnh mãn tính của thân và có trị tuyệt bệnh không?*

Đáp: Tu thiền trị bệnh tâm chứ không chú trọng về bệnh thân. Nếu bệnh thân có bớt thì đó là phần phụ, trọng tâm là trị bệnh tâm là loạn tưởng, phóng ngoại... còn bệnh thân nhất là bệnh mãn tính tu thiền hết thì tôi không bảo đảm, và tuyệt hết bệnh tôi cũng không bảo đảm. Người tu thiền chỉ khác người không tu thiền ở chỗ,

khi đau người không tu thấy thân đau đớn khổ sở, khổ thân lại dẫn đến khổ tâm. Người tu thiên thấy rõ thân này có tụ ắt phải tan chứ đâu có giữ hoài được. Phật nói có sanh ắt có già bệnh chết. Phật cũng đã trải qua những cơn đau, nên bệnh là lẽ thường, không đáng sợ. Đó là nhờ tu thiên.

Hỏi: Kính bạch Sư ông hoan hỷ giải đáp thắc mắc cho con. Tổ Đạt-ma có tịch không? Tại sao khi mở quan tài chỉ thấy có một chiếc dép còn một chiếc ở đâu? Con kính đoi ơn Sư ông.

Đáp: Tượng tổ Đạt-ma chúng ta thờ ở nhà Tổ, thấy ngài quảy một chiếc dép đi về Ấn Độ nên quý vị thắc mắc. Trong sử có ghi Tống Vân đi sứ Ấn Độ về tới dãy núi Thông Lãnh thấy tổ Đạt-ma quảy một chiếc dép đi về Ấn Độ. Tống Vân hỏi: “Sao Ngài không ở Trung Hoa giáo hóa?” Tổ Đạt-ma nói: “Ta hết duyên ở Trung Hoa.”

Về tới nhà, Tống Vân nghe nói ngài tịch rồi. Ông trình việc này lên vua cho người mở tháp ngài trong núi Hùng Nhĩ, thấy trong tháp chỉ còn một chiếc dép. Như vậy là một chiếc quảy về Ấn Độ, một chiếc ở trong quan tài. Thiên sư Việt Nam là ngài Thường Chiếu phản đối việc này. Khi hỏi tới đó ngài nói: “Một con chó lớn sửa láo, bầy chó nhỏ sửa theo.” Vì nếu tổ Đạt-ma không tịch thì sao trong sử ghi sau khi truyền y bát cho tổ Huệ Khả, ngài kêu các đệ tử tới trình kiến giải thì tổ Huệ Khả đứng khoanh tay. Ngài nói: “Người được phần tử của ta”, từ đó ngài xong việc. Ngài tịch tại

chùa Thiếu Lâm, sau đó được để vào quan tài khiêng lên núi Hùng Nhĩ xây tháp để thờ.

Việc Tống Vân gặp Tổ quảy một chiếc dép về Ấn Độ và chuyện mở tháp ra thấy trong quan tài chỉ còn một chiếc dép, đó là câu chuyện tuy sử có ghi, nhưng dưới con mắt của thiền sư Thường Chiếu thì đó là chuyện dối gạt, không thật. Tại sao vậy? Vì nếu tổ Đạt-ma không tịch thì Tổ hơn Phật Thích-ca. Phật từng nói: “Có sanh thì phải có tử, không ai sanh mà không tử” và Phật đã Niết-bàn. Vậy tổ Đạt-ma không tử thì trái với giáo lý Phật nói. Nếu ngài không tịch thì từ đó tới giờ có ai gặp ngài ở đâu không? Không. Như vậy là ngài tịch rồi!

Hỏi: Hệ thống kinh điển Đại thừa thường chứa đựng nghĩa lý ẩn dụ, người tu thiền mãi truy tìm nghĩa lý có rơi vào vọng tưởng chăng?

Đáp: Người tu thiền nhận hiểu đúng đắn rồi thì lo tu khỏi đi tìm hiểu, tìm hoài thì rơi vào vọng tưởng, kiến thức. Nếu chưa hiểu chúng ta phải tìm cho hiểu. Khi đã hiểu nhận ra rồi thì cố gắng tu, tìm hoài mắc lỗi nặng về tri kiến hay mắc kẹt trong vọng tưởng.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng khi ngồi thiền được trạng thái khinh an bỗng nhiên thấy sáng xung quanh khoảng bốn mét, hành giả vẫn biết mình ngồi. Trong ánh sáng đó biết sự sống của các loại côn trùng, vừa mừng liền mất, mặc dù biết không nên lưu luyến phút giây đặc biệt đó nhưng cứ ám ảnh. Kính xin Hòa thượng khai thị.

Đáp: Trong khi ngồi thiền thấy sáng xung quanh mình khoảng bốn mét, lúc đó mừng, ánh sáng liền mất. Quý vị biết tại sao mừng không? Mừng mình có hào quang, mừng mình sắp thành Phật cho nên mất liền. Người tu thiền đặc biệt kỵ hai bệnh sợ và mừng; ngồi thấy cảnh tốt cũng thản nhiên, cảnh xấu cũng thản nhiên. Trong kinh Lăng-nghiêm Phật dạy những cảnh đó là do nội tâm yên tĩnh hiện ra, chứ không có thật, biết từ nội tâm yên tĩnh hiện ra, nên cảnh tốt không mừng, cảnh xấu cũng không sợ. Thân đã không thật thì bất kỳ cái gì hiện ra đều không thật hết. Không mừng không sợ là trọng tâm của người tu thiền. Còn tu thiền hay mừng hay sợ thì mất hết công dụng, như vậy là tâm chưa được an tĩnh. Tâm an tĩnh thì cảnh có mất đi cũng không sao hết. Cứ giữ tâm tịch tĩnh sáng suốt thì trúng, đừng mừng đừng sợ.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, xin Hòa thượng giải giúp con những nghi vấn như sau:

- Trong kinh Lăng-nghiêm có nói dù biết hết thấy những thứ thấy nghe hay biết, mà giữ cái u tịch tối chứng ở trong, cũng còn là bóng dáng của pháp trần phân biệt?

- Hành động của ngài Đôn Hà, Nam Tuyên, Quy Tông có rơi vào nhân quả hay không? Nếu có thì các ngài vẫn phạm. Biết đó chỉ là phương tiện để dạy dỗ chúng, nhưng chẳng lẽ không còn phương tiện nào khác hơn sát sanh chăng? Nếu không, chẳng lẽ đã là thiên sư các ngài muốn gieo nhân thế nào cũng được sao?

Như thế làm sao giải thích câu “Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả.” Nếu câu hỏi của con có mạo phạm kính xin đề đầu danh lễ sám hối.

Đáp: - Phật tử hỏi: Trong kinh Lăng-nghiêm đức Phật nói rằng: Nếu mình biết hết những cái thấy nghe hay biết ở bên ngoài vẫn còn giữ cái u tịch tối chứng ở trong, cũng là còn bóng dáng của pháp trần phân biệt? Quý vị đừng hiểu lầm cái biết hết thấy thấy nghe hiểu biết. Cái biết là biết, thấy nghe hiểu biết mà dính mắc với sáu trần, dứt cái dính mắc chứ không phải dứt cái hiểu biết làm cho mắt mình mù. Hiểu cho rõ ràng đừng hiểu lầm. Vậy sáu căn tiếp xúc với sáu trần không cho dính mắc, còn nếu dứt mà vẫn giữ cái tối âm u chưa yên thì trật. Vì tánh giác lúc nào cũng sáng mà lấy cái tối cho là giác thì trật rồi.

- Phật tử này thắc mắc: Ngài Đôn Hà thì thiêu tượng Phật, ngài Nam Tuyên chặt con mèo, ngài Quy Tông chặt con rắn, vậy có rơi vào nhân quả không? Nếu ba vị này làm việc đó mà cố tâm cố ý thì nhất định rơi vào nhân quả, còn nếu các ngài làm với tâm ý tốt, tâm ý thiện thì khác. Trong kinh nói rất rõ, nếu thành nghiệp cố định thì việc làm đó ba nghiệp hợp lại trọng tâm là ý mới bị tội, bị nghiệp cố định gọi là định nghiệp nhất định phải trả. Còn nếu chỉ có thân, không có miệng, không có ý thì nghiệp đó là bất định, bất định thì chuyển được. Hỏi có rơi vào nhân quả không thì tôi trả lời: Những hành động đó thuộc về nghiệp bất định, bất định thì tùy duyên mà chĩnh. Chứ không phải cố định làm như vậy phải chịu như vậy.

Sở dĩ các ngài làm như vậy vì đối cơ để khai thị đương sự, trong khi đối cơ thì gặp cảnh nào thích ứng các ngài làm ngay chứ không lựa chọn. Phật tử hỏi không còn cách nào khác để làm sao phải làm như vậy? Vì lúc đối cơ các ngài phải làm tức thì với cơ hội hiện có để khai ngộ chứ không chờ cơ hội khác. Vì vậy các ngài chấp nhận cái gì đến với các ngài, miễn làm cho người được giác ngộ, chứ không nghĩ làm như vậy mình sẽ bị tội. Trong nhà Phật có những câu nói: Vì lợi ích chúng sanh mà Bồ-tát có khi phải phạm tội, biết là phạm tội mà Bồ-tát vẫn làm để lợi ích chúng sanh. Chúng ta không thể đặt các ngài trong phạm vi thường như mình được.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, con có hai thắc mắc, xin Hòa thượng giải thích cho con hiểu:

- Một hôm con tình cờ đọc lại những dòng chữ ghi chú trong sổ tay của con, con có ghi như sau: Tứ diệu đế có hai tầng nhân quả, Khổ đế và Tập đế nói về nhân quả thế gian, Diệt đế và Đạo đế nói về nhân quả xuất thế gian. Thật tình con không hiểu hai tầng nhân quả trong Tứ diệu đế là gì? Kính xin Hòa thượng hoan hỷ giảng dạy cho con được thông ý nghĩa hai tầng nhân quả.

- Trong lúc công phu tọa thiền con có cảm nhận lưng con không được thẳng mà hơi thụt xuống, khi ấy con ngồi thẳng lại, nhưng sau đó thì trạng thái ấy cứ lặp đi lặp lại nhiều lần trong một thời công phu tọa thiền. Con chỉ ngồi được một giờ, nên con chưa thật an định. Vậy kính xin Hòa thượng hoan hỷ chỉ dạy cho con phương pháp khắc phục tốt nhất để tâm con sớm an định.

Đáp: - Phật tử này thắc mắc trong pháp Tứ đế có hai tầng nhân quả: Khổ đế và Tập đế là nhân quả thế gian, Diệt đế và Đạo đế là nhân quả xuất thế gian. Như chúng ta biết, Phật chứng được Lộ tận minh, biết rõ mình không còn rơi trong đường sanh tử nữa. Ngài thấy rõ manh mối đưa con người đi trong sanh tử và dứt được manh mối này thì được giải thoát. Thấy được chỗ này ngài mới giải thoát sanh tử, nên gọi là lộ tận minh. Khi giải thoát được sanh tử ngài chỉ rõ cái nhân sanh tử cho người thế gian biết, nên nói Khổ đế và Tập đế là nhân quả thế gian.

Tập đế là những cái nhân xấu đã tích lũy đưa tới quả đau khổ. Những nhân xấu đó là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến... Đó là những cái nhân dẫn con người đi trong luân hồi sanh tử. Tham, quý Phật tử có không? Có. Sân, quý Phật tử có không? Có. Si, quý Phật tử có không? Có. Nếu không có si thì thấy đời như mộng, thấy đời thật thì có si rồi. Mạn là ngã mạn, lúc nào cũng thấy mình hơn người coi thiên hạ không ra gì. Có không? Chắc cũng có. Nghi, đối với đạo lý có nghi không? Cũng có. Ác kiến hay tà kiến là thấy thiên lệch không đúng lẽ thật. Những cái đó là những nhân khiến tạo nghiệp dẫn đi trong lục đạo luân hồi, gọi là Tập đế. Chúng ta chết đây sanh kia không phải ngẫu nhiên, mà do nhân chiêu cảm, chuốc lấy. Quý Phật tử nhìn lại đời mình khi ra đời quý vị có chọn lựa cha mẹ, gia đình thân tộc để đến hay ai đó đẩy mình tới? Sinh ra ở cảnh tốt thì vui, ở cảnh xấu thì chịu, chứ có lựa chọn gì đâu? Vậy cái gì dẫn mình tới? Nghiệp. Nếu chúng ta tích lũy

ngiệp lành nhiều, thì khi bỏ thân trước nó dẫn thân sau tới cảnh tốt, nên có nhiều người sanh ra làm con thủ tướng, làm con tổng thống... Còn tích lũy nghiệp ác nhiều thì sinh trong cảnh rất khổ sở. Chỗ sanh ra không phải mình chọn mà do nghiệp chọn. Nghiệp là Tập đế cho nên sanh ra thân có đủ thứ khổ.

Trong nhà Phật nói có tám khổ: sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, thương yêu xa lìa khổ, oán thù gặp gỡ khổ, mong muốn mà không được khổ, ngũ ấm xí thạnh khổ. Quý vị kiểm xem có khổ thật không? Khi mới sinh ra tại sao đứa bé lại khóc oa oa? Khóc oa oa tức là khổ rồi! Kiểm nghiệm lại trong cuộc sống của mình và của muôn loài là sống trong cái chết của chúng sanh khác. Chẳng hạn bữa ăn sáng, bữa ăn trưa, bữa ăn chiều ít ra cũng có mấy mạng chúng sanh. Nếu ăn cá ít ra cũng năm bảy con, nếu ăn gà vịt thì một hai con; còn nếu ăn bò, heo thì ít ra cũng một phần thân thể của nó. Như vậy sự sống của mình trên cái chết của loài khác; mà cái chết của loài khác là khổ hay là vui? Khổ. Nếu kiểm từ hồi nhỏ cho tới già thì bao nhiêu mạng chúng sanh nuôi mình? Ngày nay chúng ta sống khỏe mạnh thì bao nhiêu sinh mạng đã kêu gào giãy giụa để cho chúng ta được sống được khỏe? Có phải chúng ta sống trong đau khổ của loài khác không? Vậy sanh là khổ hay vui? Mình vui mà loài khác khổ, vậy sanh là khổ rồi.

Già quý vị có khổ không? Chúng ta thấy ông già, bà già đi lụm khụm, chân mỗi gối chùn đi đứng mỗi mệt; già cũng khổ.

Bệnh có khổ không? Trên đời có ai không bệnh? Ai cũng bệnh nên già hay trẻ ai cũng biết.

Tử có khổ không? Chắc chắn là khổ. Như vậy sanh, già, bệnh, chết ở thế gian này có người nào thoát khỏi không? Không.

Ái biệt ly khổ, cha mẹ mình thương, anh em mình thương... mà rồi phải xa lìa; nên gọi là ái biệt ly khổ.

Oán tắng hội khổ là người mình ghét cay ghét đắng mà cứ ở với mình hoài, có khổ không? Khổ.

Cầu bất đắc khổ, cái mình muốn được mà không được cũng khổ. Cuối cùng thân này có đủ thứ khổ.

Sáng lạng xăng việc vệ sinh phải mất nửa giờ, một lát bao tử thiếu khó chịu phải kiếm cái gì cho vô mới khỏe, trưa cũng phải lo cho nó nữa, rồi chiều cũng vậy. Mỗi ngày chúng ta chỉ lo cho thân này hết bù đắp cái mới vô, phải loại cái cũ ra. Cứ làm chuyện đem vô đem ra hết ngày này tới ngày khác, làm cả đời!

Khổ đế là thân này chịu đủ thứ khổ. Tập đế là nhân, Khổ đế là quả. Nhân quả đó là nhân quả đi trong sanh tử luân hồi, cho nên gọi là nhân quả thế gian; đó là tầng thứ nhất là tầng mê đi trong luân hồi.

Tầng thứ hai là Diệt đế và Đạo đế. Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến là gốc dẫn đi trong luân hồi. Giờ muốn hết luân hồi phải dứt tham, dứt sân, dứt si, không ngã mạn, hết nghi... Những cái này diệt sạch hết gọi là Diệt đế. Nhân đã diệt, quả không còn thì được an lạc, Niết-bàn. Nếu bây giờ hết tham, quý vị có đỡ khổ không?

Dạ đỡ. Thí dụ ưa mặc đồ đẹp, mà không có tiền mua quý vị có khổ không? Dạ khổ. Không ưa đồ đẹp, không có tiền mua, có khổ không? Hết khổ ngay. Như vậy do tham nên khổ, bây giờ hết tham, thấy thân giả tạm không có gì quan trọng, không tham sống cũng không sợ chết, thì không còn khổ. Như vậy hết tham, hết sân, hết si thì hết khổ. Vậy diệt hết các thứ đó là diệt đế là an lạc, là Niết-bàn. Tuy nhiên, nói diệt không phải bỗng dưng diệt được liền, đức Phật dạy các phương pháp để diệt, gọi là Đạo đế. Thí dụ quý vị hay nóng giận, Phật dạy phải quán từ bi. Người nào quý vị thương nhiều, họ làm một hai chuyện sai nói một hai lời trật quý vị không bắt bẻ không rầy la. Còn người nào quý vị ghét, làm sai, nói vô phép liền la rầy. Cho nên muốn hết nóng giận thì phải quán từ bi. Đạo đế là những phương pháp đối trị tâm tham, tâm sân, tâm si, hết tham, sân, si thì được an lạc, Niết-bàn, giải thoát, gọi là xuất thế gian. Hai tầng nhân quả là như vậy.

- Phương pháp khắc phục tốt nhất là thấy các pháp như mộng, thấy các pháp như mộng thì dễ yên lẩm. Thấy các pháp thật thì khó yên. Nếu ai đó chửi mình cả mười phút, mình thấy lời nói đó hư giả không thật, không trả lời câu nào hết, tới giờ ngồi thiền, ngồi rất yên. Ngược lại ngồi thiền nhớ chuyện chửi lộn hồi sáng, nhớ coi họ chửi mình câu gì, bây giờ mình nghĩ câu nào chửi lại nặng hơn, nghĩ hết giờ thiền loạn cả tâm. Như vậy thấy lời chửi là thật, thì không làm sao ngồi yên. Nghe lời chửi, lời chê như gió thổi qua mát thì người ta có chửi gì chửi, lòng mình bất động, không loạn, đó có phải là cách khắc phục tốt nhất không?

Tại vì không có gan cứ thấy nó thật nên thấy phải khắc phục, quá khó!

- Hình dáng ngồi lưng không thẳng, lâu lâu bị thụt xuống phần nhiều người ngồi không được người theo dõi sửa giùm, lúc thấy thẳng lúc thấy cong, nhưng cong hay thẳng đều là triệu chứng. Nếu ngồi thẳng quá dễ ran ngực, cong quá lâu ngày sẽ đau xương sống, cho nên ngồi phải vừa, đừng thẳng lắm cũng đừng cong, giữ thái độ vừa chừng. Cố gắng thẳng, ỉn ngực lâu ngày xương sống bệnh gai. Khi nào thấy hơi cong thì nên chỉnh cho ngay thẳng.

Hỏi: *Kính bạch Hòa thượng*:

- *Đạo Bà-la-môn và giai cấp Bà-la-môn là hai hay một? Nếu hai thì đạo Bà-la-môn nghĩa như thế nào?*

- *Tại sao ở đầu kinh Bát-nhã có câu: “Bổ khuyết Tâm Kinh” và bổ vào chỗ nào?*

Đáp: Giai cấp Bà-la-môn và đạo Bà-la-môn không phải hai mà cũng không phải một. Đạo Bà-la-môn là một tôn giáo lớn ở Ấn Độ thờ Phạm thiên và dạy tu để trở về với Phạm thiên. Xã hội Ấn Độ thời bấy giờ chia ra bốn giai cấp: Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Phệ-xá và Thủ-đà-la. Giai cấp Bà-la-môn được tất cả quyền lợi trong xã hội; nhất là có quyền cúng tế các lễ lớn như cúng tế Phạm thiên. Người ở giai cấp Bà-la-môn theo đạo Bà-la-môn. Theo đạo Bà-la-môn thì giai cấp Bà-la-môn sanh từ danh Phạm thiên, những giai cấp khác thì sanh ở miệng, ở bụng, ở tay chân, nên giai cấp Bà-la-môn là trên hết trong xã hội Ấn Độ.

- Hồi xưa có người cho rằng bốn chữ “bổ khuyết Tâm Kinh” là khi tụng kinh A-di-đà, tụng kinh Phổ Môn xong thì tụng kinh Bát-nhã, gọi là bổ khuyết Tâm Kinh. Có người hỏi tụng kinh Bát-nhã bổ khuyết là tại sao? Vì người tụng kinh A-di-đà hay kinh Phổ Môn sợ nháy câu hoặc thiếu chữ, cho nên phải tụng Bát-nhã để bù lại cho đủ, nên gọi là bổ khuyết Tâm Kinh, có một số sư giảng như vậy. Nhưng sự thật không phải vậy vì đạo Phật là đạo giác ngộ lấy trí tuệ làm đầu. Dù tu pháp môn nào Phật dạy chúng ta phải nhắc lại trí tuệ là gốc. Tụng Phổ Môn, tụng A-di-đà... rồi cuối cùng tụng Bát-nhã Tâm Kinh. Tụng Bát-nhã là để nhắc chúng ta hằng nhớ hằng sống với trí tuệ không còn mê lầm nữa, nên cuối bài kinh A-di-đà hay Phổ Môn phải tụng Bát-nhã là vậy.

Hỏi: *Tạp báo, tạp sanh, tạp thọ là nghĩa thế nào? Kính mong Hòa thượng từ bi chỉ dạy.*

Đáp: Tạp báo, tạp sanh, tạp thọ. Tạp là lẫn lộn, lẫn lộn thế nào? Như Phật tử hồi nãy hỏi hồi nhỏ ăn chim bồ câu bây giờ tu Bát quan trai... Đời sống của một Phật tử có khi đoạn trước là ác, đoạn sau là thiện, hoặc trước thiện sau ác lẫn lộn không nhất định, nên sau được thân tống báo cũng không nhất định, lúc thì tốt khi thì xấu. Có nhiều người lúc trẻ sung sướng tiền bạc dư thừa, nhưng tới già nghèo thôi là nghèo. Còn có người hồi nhỏ nghèo cháy da phỏng trán, mà tới chùng lớn từ từ khá giả lên. Như vậy gọi là tạp báo, quả báo lẫn lộn có tốt có xấu không nhất định, là vì đời sống trước của họ, lúc làm thiện lúc làm ác không nhất định.

Tạp báo nghĩa là quả báo lẫn lộn. Còn người tạo nghiệp toàn là tốt thì họ sanh ra từ thủy tới chung đều tốt.

Tạp sanh là sanh lẫn lộn, trong lục đạo lúc sanh chỗ này lúc sanh chỗ kia, khi làm người, khi làm thú, khi làm chư thiên... lẫn lộn không cố định gọi là tạp sanh.

Tạp thọ là cảm thọ trong cuộc sống có khi vui, có khi khổ, lẫn lộn không có nhất định nên gọi là tạp thọ.

Đó là nói về nghiệp báo đời này, đời kia liên hệ nên có những sự lẫn lộn như vậy.

Hỏi: *Bài kệ của thiền sư Mãn Giác:*

*Xuân khứ bách hoa lạc,
Xuân đáo bách hoa khai.
Sự trục nhãn tiền quá,
Lão từng đầu thượng lai.
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.*

Thỉnh Thầy giảng giải nghĩa lý của bài kệ này.

Đáp: *Xuân khứ bách hoa lạc, Xuân đáo bách hoa khai.* Mùa xuân chỉ cho thời gian. Bách hoa chỉ cho muôn vật, thời gian trôi qua muôn vật cũng theo đó mà biến hoại. Hết xuân tới hạ, hết hạ tới thu tới đông rồi trở lại xuân. Xuân trở lại tức là thời tiết trở lại thì trăm hoa theo đó nở. Hai câu này nói lên ý nghĩa cuộc đời, con người cũng như muôn vật luôn luôn bị thời gian chi phối, nên việc tốt xấu vinh nhục sanh tử luôn chịu ảnh hưởng của thời gian. Có người nào vật nào không bị thời gian

chi phối không? Mỗi năm qua người vật lần lần lớn lên rồi già từ từ. Già thì suy, trẻ thì thịnh. Vậy thời gian chuyển biến người và vật cũng theo đó chuyển biến không có cái gì đứng dừng một chỗ, nên muôn vật cũng như tất cả chúng sanh trên thế gian này bị thời gian chi phối, bào mòn, mỗi ngày mỗi giảm tuổi thọ. Đó là hai câu chỉ cho sự vật chuyển biến theo thời gian.

Sự trục nhãn tiền quá, lão từng đầu thượng lai.
 Sự vật đã trôi qua trước mắt mà cứ nghĩ cây này mình mới trồng nay nó đã lớn già, cái nhà mình mới cất nay đã cũ... Cứ nhớ những chuyện mới cũ trẻ già. Nhưng sự nhớ lại thì tóc đã bạc đầy đầu rồi. Chúng ta và muôn sự muôn vật luôn bị thời gian chi phối, bị lôi cuốn theo chứ không ai thoát khỏi.

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận, đình tiền tạc dạ nhất chi mai.
 Ngài dùng hai câu này để nói ngược lại, đừng tưởng rằng mùa xuân hết là hoa rụng hết, đêm hôm qua ở trước sân còn một cành mai. Tại sao vậy? Người đời cứ nghĩ mùa xuân thì hoa nở, mùa đông thì hoa tàn rụng hết. Nhưng không, ở đây mùa đông các thứ hoa rụng hết, mà còn một cành mai ở trước sân chùa nở đầy hoa. Hình ảnh này nói lên ý nghĩa, trên hiện tượng thì muôn sự muôn vật bị thời gian chi phối, vô thường biến đổi, nhưng trên bản thể chân thật vẫn có cái không bị vô thường chi phối, giống như trong lò lửa có hoa sen nở tươi thắm. Cũng vậy, cảnh chúng ta đang sống bị thời gian vô thường chi phối, nhưng trong chúng ta còn có một cái chưa từng bị vô thường chi phối. Nếu cứ nhìn cái biến thiên dời đổi của ngoại cảnh

và của bản thân thì chúng ta cảm thấy cuộc đời buồn, cuộc đời bị tàn phai, nhưng thấy sâu nơi mình có thể chân thật thì lúc đó sự tàn phai ở bên ngoài chỉ là trò chơi, không đáng buồn, mà an lòng rằng nơi mình có thể chân thật, thời gian không hủy hoại được. Ở trong cảnh vô thường, mà vẫn có cái không bị vô thường chi phối, cho nên ngài nói đêm qua sân trước một cành mai, hay nói trong lò lửa có một đóa sen đang nở tươi thắm. Đó là ý nghĩa của bài kệ này.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, con có những thắc mắc như sau mong Hòa thượng từ bi chỉ dạy: Trong kinh Lăng-nghiêm ngài A-nan đã ngộ rồi, nhưng sau khi Phật nhập diệt rồi ngài còn hỏi tổ Ma-ha Ca-diếp ngoài chiếc y kim lan ra, Thế Tôn còn truyền cho sư huynh cái gì nữa không? Tổ Ma-ha Ca-diếp gọi: A-nan! A-nan: Dạ! Ngài liền đại ngộ. Tại sao A-nan đã ngộ rồi mà còn đại ngộ với ngài Ca-diếp nữa? Xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy.

Đáp: Tôi nhắc lại cho quý vị nhớ, trong kinh Lăng-nghiêm, ngài A-nan nhờ đức Phật gạn bảy chỗ hỏi tâm, rồi sau nói về nghĩa thất đại thì ngài ngộ được bản tâm. Sau khi ngộ bản tâm, ngài trình với Phật: Con giống như người nhà quê được nhà vua tặng cho một ngôi nhà đẹp, con đã thấy biết nhà đẹp nhưng chưa có chìa khóa mở cửa vô nhà. Xin Phật chỉ cho con cái chìa khóa mở cửa. Sau đó đức Phật dạy hai mươi lăm vị thánh trình sở ngộ... Bồ-tát Quán Thế Âm trình sở ngộ của ngài là phản văn văn tự tánh. Như vậy hai mươi lăm vị thánh trình sở ngộ không biết ngài A-nan có được chìa khóa chưa. Ngộ thì ngộ nghĩa là biết mình có nhà quý,

thấy được nhà quý, mà chưa có chìa khóa mở cửa vô nhà. Tới nhà rồi phải có chìa khóa mở cửa vô nhà, vô nhà còn phải dọn dẹp nữa, không phải vô là xong. Ngài thấy rõ ràng mình có thể chân thật mà chưa nhập được; thấy có tức là ngộ, nhưng chưa nhập cho nên xin chìa khóa để vào. Khi ngài hỏi thì tổ Ca-diếp gọi: A-nan! Ngài: Dạ! Tổ nói: Cây phước trước chùa ngã, ngài A-nan đại ngộ. Như vậy có cho chìa khóa chưa? Ngài A-nan đã được chìa khóa rồi! Hồi xưa ngộ chưa có chìa khóa vào cửa, bây giờ có chìa khóa vào cửa hay là được vào nhà, như vậy mới hoàn toàn thành Tổ.

Hỏi: Kinh là lời Phật thuyết, ngài Duy-ma-cật là Bồ-tát tại gia đàm đạo với các vị thánh tăng. Tại sao để là kinh Duy-ma-cật, vẫn biết ngài là người có trí tuệ nhưng theo luật của Phật thì ngài không đứng vào hàng Tam bảo?

Đáp: Cư sĩ Duy-ma-cật luận đạo với các vị Bồ-tát, các vị La-hán sau kết tập lại gọi là kinh Duy-ma-cật. Phật tử này nghi kinh là do Phật nói, tại sao cư sĩ nói gọi là kinh? Tất cả kinh đều là Phật nói. Tuy nhiên có kinh Bồ-tát nói, có kinh Thanh văn nói được gọi là kinh vì các ngài giảng cho Phật tử nghe, giảng xong các ngài đem hỏi Phật con giảng vậy đúng không, Phật xác nhận giảng như vậy đúng nên được chép thành kinh. Cư sĩ Duy-ma-cật trong buổi đối đáp với các vị Bồ-tát và các vị Thanh văn, A-la-hán sau đó dẫn đến trước Phật, Phật tán thán lời nói đó là đúng nên được chép lại thành kinh Duy-ma-cật; Phật thừa nhận đúng như lời Phật nói thì nhận đó là kinh.

Hỏi: Bạch Hòa thượng, trong tứ quả Thanh văn tại sao chỉ có người xuất gia mới đạt được quả A-la-hán, hàng tại gia chỉ từ Sơ quả đến Tam quả?

Đáp: Chỉ có người xuất gia tu mới đắc được quả A-la-hán, còn tại gia chỉ tới Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm thôi, không được quả A-la-hán. Tại sao vậy? Vì quả A-la-hán dứt hết nhân sanh tử, người tại gia còn gia đình thì mầm sanh tử chưa dứt, nên không chứng được quả A-la-hán. Nhưng Phật tử sau này tu cứ nói rằng phải tu làm sao một đời giải thoát, muốn một đời giải thoát thì phải xuất gia, tại gia không giải thoát được. Vừa rồi có một Phật tử hỏi tôi câu đó, tôi quả Phật tử sao tham quá vậy! Tu là cốt được giác ngộ để tiến lên Phật quả. Giác ngộ, chúng ta cứ tu đời này đời khác để tự giác và giác tha. Tự giác giác tha viên mãn mới thành Phật. Tu đời thành Phật liền có phải tham không? Muốn thành Phật thì phải có đủ hạnh Bồ-tát, phải tự giác giác tha rồi sau mới thành Phật. Ngay lúc đầu muốn thành Phật thì đâu có hạnh giác tha mà không giác tha thì đâu thành Phật. Quý vị có mâu thuẫn không, tu đời thành Phật ngay lúc đầu thì làm sao có giác tha viên mãn? Phật tử bây giờ là cư sĩ tu có giác ngộ là có tinh thần Bồ-tát rồi, sau đó vừa tu vừa chỉ dẫn nhắc nhở anh em cùng tu thì đó là giác tha. Khi viên mãn thì thành Phật. Giả sử chúng ta tu còn trở lại một đời hai đời chúng ta cũng cười thôi, vì mình đang làm hạnh Bồ-tát để mình được tự giác giác tha rồi đời chót đi xuất gia là thành Phật.

Thái tử Sĩ-đạt-ta tu một đời thành Phật, bao nhiêu đời trước ngài với Da-du-đà-la có oan trái không? Oan khiên bao nhiêu đời rồi tới đời chót mới hết. Nếu tu một đời là xong thì không có hạnh Bồ-tát, mà không có hạnh Bồ-tát làm sao thành Phật được?

Hỏi: Thưa Thầy thiên tông nói kiến tánh thành Phật, kinh sách Phật nói tánh có thể và dụng; vậy tánh nào đúng và được thành Phật? Nhờ Thầy giải giùm cho Phật tử rõ.

Đáp: Chữ kiến tánh thành Phật này đa số Phật tử hiểu lầm. Kiến tánh là nhận ra chứ không phải mắt thấy. Con mắt thấy vật chứ không thấy cái không vật, mà tánh không phải là vật thì làm sao con mắt thấy được? Đối với bản tánh chân thật của mình, mình nhận ra rồi không còn nghi ngờ gì nữa hết, mình biết rõ nó hiện hữu ở sáu căn, không chút nghi ngờ thì đó gọi là kiến tánh. Nhận ra gọi là kiến tánh, biết mình có tánh chân thật thì sớm muộn gì cũng thành Phật, cho nên gọi là kiến tánh thành Phật, chứ không phải kiến tánh là thành Phật liền.

Phật tử này hỏi tánh có thể và dụng, nhận ra tánh có khi nhận thẳng từ thể, nhưng có khi nhận từ dụng rồi mới đi tới thể. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm đức Phật nói mặt trăng thứ hai và mặt trăng thật. Mặt trăng thứ hai là chỉ cho sáu căn có cái dụng của thể, khi nhận ra thể từ sáu căn là từ dụng mà nhận được thể. Đối với sáu trần không dính mắc là từ thể khởi dụng. Chỗ đó gọi là kiến tánh khởi tu, tu viên mãn thì thành Phật.

Theo kinh Nguyên thủy thì người tu đối với pháp Tứ đế không còn nghi ngờ là chứng quả Tu-đà-hoàn và phải sanh tử bảy đời nữa mới chứng A-la-hán. Người chứng Tu-đà-hoàn nhận được lý Tứ đế là một lẽ thật, không còn nghi ngờ thì dù sanh tử bao nhiêu lần cũng không quên, cho nên tiến mãi tới quả A-la-hán. Bây giờ chúng ta tu thiền nhận ra bản tánh chân thật không còn nghi ngờ nữa, dầu còn có đi trong luân hồi mấy đời nữa cũng vẫn không quên, không mất, rồi cũng sẽ thành Phật. Kiến tánh thành Phật là chỗ đó.

Hỏi: Bạch Thầy người tu Tịnh độ đến lúc lâm chung phải niệm Phật A-di-đà để được siêu sanh Tịnh độ, còn người tu Thiền đến lúc ấy phải làm sao?

Đáp: Tôi xin xác nhận một lần nữa, người tu Tịnh độ đến lúc lâm chung niệm Phật là được vãng sanh trăm phần trăm, mà có người được người không được. Nhiều Phật tử cứ tưởng niệm Phật khi chết là được vãng sanh. Không phải như vậy. Vì sao? Trong kinh A-di-đà có nói người nào muốn vãng sanh Cực lạc thì phải niệm Phật từ một ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn thì khi lâm chung mới thấy Phật và được hướng về Cực lạc, chứ đâu phải người nào niệm Phật cũng được về Cực lạc hết. Đó là Phật tử tưởng tượng thôi chứ trong kinh nói rất rõ. Tôi hỏi lại, những người tu Tịnh độ có người nào được nhất tâm chưa? Chưa. Chưa thì chắc gì được rước về Cực lạc! Nếu nói tôi tu Tịnh độ gần chết niệm Phật được vãng sanh, còn tu Thiền sắp chết thì làm sao? Quý vị tu thiền hoảng không biết mình đi đâu? Đây tôi giải thích:

Người tu thiền lấy giác ngộ làm gốc, nên lúc sắp lâm chung biết mình chưa được kiến tánh, chưa được nhất tâm thì phải quán lý Bát-nhã. Người tu thiền lúc gần lâm chung không thể tụng hết bài kinh Bát-nhã, ít ra cũng phải nhớ một hai đoạn hoặc một hai bài kệ nói về Bát-nhã. Thí dụ trong kinh Kim Cang có những câu: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng” hay câu “Nhất thiết pháp hữu vi như mộng huyễn bào ảnh” nhớ đọc đi đọc lại và nhớ rõ là có trí tuệ thì tới chỗ sáng suốt. Nếu không có trí tuệ thì sanh vào chỗ không tốt. Vậy người tu thiền khi sắp lâm chung, huynh đệ tới hộ niệm thì tụng Bát-nhã hoặc đọc kinh Kim Cang cho nghe, rồi nhắc những bài kệ đó để người sắp chết thường dùng trí tuệ quán chiếu, thấy rõ không lâm, không rơi vào đường tối tăm, sẽ đi đường lành để tiếp tục tích chứa hạt giống trí tuệ.

Vậy các đạo tràng Phật tử nhớ tụng kinh Bát-nhã. Nếu người bệnh yếu quá thì tụng một bài kệ, bốn câu cũng được, nhắc tới nhắc lui hoài cho họ nhớ.

Hỏi: Kính xin Thầy chỉ dạy cho con được rõ, khi Phật còn tại thế có bốn mươi chín năm thuyết pháp, sau này kết tập lại thành mười hai bộ kinh vậy là những bộ kinh nào?

Đáp: Mười hai bộ kinh gồm những thể loại: Trường hàng, Trùng tụng, Cô khởi, Nhân duyên, Thí dụ, Tự thuyết, Bản sự, Phương quảng, Vị tăng hữu, Luận nghị... Như bộ kinh Pháp Hoa, chánh văn ở trên là Trường hàng tới bài kệ là Trùng tụng đó là một phần kinh, chỗ thí dụ ông trưởng giả trở thành một bộ kinh, như vậy tổng số là mười hai phương thức nói kinh của Phật.

Như Cô khởi tức là không hỏi mà Phật nói, hoặc là Nhân duyên, Thí dụ... đó đều gọi là một bộ chứ không phải có mười hai bộ riêng biệt, kinh Phật mang tính chất mười hai thể loại, đó mới đầy đủ tinh thần của giáo lý Phật.

Hỏi: *Con có đọc nhiều kinh sách Đại thừa nhưng không thể nhận được tự tánh, kính xin Thầy chỉ giúp cho con chóng nhận được tự tánh, để áp dụng vào thực tế tu hành. Xin Thầy cho một thí dụ để con dễ nhận biết.*

Đáp: Chỗ này không chỉ được, mỗi người tự nhận, tự biết chứ người khác chỉ cho không được. Bây giờ tôi thí dụ: Nhìn bình hoa trên bàn thì tất cả quý vị và tôi đều thấy bình hoa gồm có ba hoa hồng, hai đỏ, một trắng, có người nào thấy khác không? Không. Có người nào thấy bốn cái, hai trắng hai đỏ không? Không. Tất cả đều thấy giống nhau. Như vậy quý vị thấy bình hoa hồng cũng như tôi thấy không khác. Nhưng qua mặt phân tích, hoa hồng trắng đẹp hay hoa hồng đỏ đẹp thì thấy khác rồi, có người thấy trắng đẹp, có người thấy đỏ đẹp. Như vậy, đứng về mặt phân tích thì có sai biệt, nhưng đứng về mặt tổng quát thì không có sai biệt. Cái gì sai biệt thì cái đó là nghiệp, còn cái gì không sai biệt và nhận ra thì cái đó không phải là nghiệp. Như vậy khéo thấy thì biết chứ hết cách chỉ rồi.

Hỏi: *Kính bạch Sư ông từ bi chỉ dạy cho con cách tu đối cảnh như:*

- *Đối với những người làm khó con, con chưa làm chủ tâm mình nên không bình thân trước đối phương*

cố ý khiêu khích. Mặc dù con không cãi hay lớn tiếng mà con nhìn đối phương bằng cặp mắt không bình thường. Sau đó con nhớ lời dạy của Sư ông, con mới bình tĩnh lại thì cũng phải mất mười phút đến mười lăm phút, con tỉnh giấc quá chậm, làm sao con tỉnh giấc nhanh hơn? Xin Sư ông chỉ dạy.

- Con đang ngồi thiền bình thường, thời gian gần đây con bị bệnh viêm khớp ở hai đầu gối, nên khi ngồi thiền con không thể ngồi bán già được, có hôm khớp xương hai đầu gối bị cứng đi đứng hơi khó, đến giờ thiền con phải ngồi ghế dựa, tâm con vẫn vui, bình an, nhưng như thế con có sai trái điều gì không? Đối với chư Phật con có tội bất kính không?

Đáp: - Đây không có cách gì làm cho nhanh hết, mà phải nhờ huân tu mới thuần thục. Ví dụ như một câu nói hay, câu châm ngôn hay, quý Phật tử đọc thuộc mà thuộc lơ mơ chưa thấm, thì khi ai hỏi câu đó, quý Phật tử nói nhanh liền được không? Không. Chắc phải ôn lại một chút rồi mới dám nói. Còn nếu thuộc lâu thì đọc vanh vách liền. Vậy cái nhanh cái chậm là do thuộc lâu hay chưa lâu. Cũng vậy tu mà thuần thục là do huân tu từ từ, không ai chỉ cho mình mau được.

- Người tu tùy theo hoàn cảnh, tùy theo sức khỏe, khéo ứng dụng tu thế nào mà tâm được yên, trí được sáng thì thích hợp, chứ đừng cố chấp vào cách ngồi hay cố chấp vào một cách nào đó, nghĩa là tạo duyên sao thuận để tu cho tâm an trí sáng, là hợp đạo lý.

Hỏi: *Xin Thầy từ bi chỉ dạy cho con:*

1. Trong kinh Phật dạy là người Phật tử thà mình chịu khổ đừng để người khác khổ vì mình. Vậy thân con bệnh hoạn phải làm bao nhiêu người thân khổ vì con, nếu con hy sinh sẽ phạm giới thứ nhất. Như vậy con cứ đày đọa người thân con mãi hay sao? Xin Thầy chỉ dạy.

2. Có nhiều người vì hoàn cảnh nào đó xuất gia tu học không phải do lòng tự nguyện vì đạo, vậy việc tu học có đạt được kết quả gì không?

Đáp:

1. Phật tử bệnh nhiều, người thân chăm sóc thật là khổ cực, thức khuya dậy sớm lo lắng việc nọ việc kia. Nếu người bệnh được săn sóc lại còn bực bội nói nặng nói nhẹ thì mới là cực khổ. Còn nếu người bệnh được săn sóc, lúc nào mình cũng tỏ vẻ biết ơn người săn sóc, vui vẻ hoan hỷ để người chăm sóc được vui thì người săn sóc không buồn mà không buồn thì không khổ. Người bệnh đừng nhân cái đau, bực bội la rầy hoài thì vừa mệt về thể xác vừa khổ về tinh thần, đây mới thật là khổ. Bệnh là cái ngoài ý muốn làm cho người ta khổ, bây giờ người thân thương, giúp thì mình phải sống có đạo lý; dù bệnh vẫn có đạo lý như thường. Biết ơn người săn sóc và lúc nào cũng lo công phu tu, người săn sóc thấy mình sống một ngày người ta có phước một ngày thì không buồn khổ.

2. Trong kinh A-hàm có ghi, hồi Phật còn tại thế có những cô dâm nữ đi tu, có những người giết người cũng đi tu. Có nhiều người thắc mắc hỏi Phật thì Phật trả lời

dù hoàn cảnh nào người ta đi tu, nếu từ ngày đó cho đến ngày nhắm mắt tu đúng với chánh đạo và tinh tấn mãi mãi thì có kết quả tốt. Còn nếu hoàn cảnh tốt xuất gia vì đạo, vô chùa chễm chệ ăn ngủ mà không chịu tu thì cũng trở thành xấu. Bất cứ ở hoàn cảnh nào, nếu từ ngày vào chùa về sau siêng năng tu hành và học đạo một cách đúng đắn, mãi mãi tinh tấn không lùi thì có kết quả tốt.

Hỏi: Con là Phật tử tại gia chỉ giữ năm giới, không tụng kinh không ngồi thiền chỉ làm phước cúng dường. Vậy có được kết quả gì không? Và công đức phải làm như thế nào mới đạt được? Xin Thầy từ bi chỉ dạy cho con.

Đáp: Phật tử tại gia chỉ giữ năm giới và làm phước thì có kết quả đời sau được làm người, phước báo đầy đủ và được giàu sang sung sướng. Ngồi thiền tụng kinh là tu tuệ có thể tiến thêm một nấc nữa.

Hỏi: Người xưa nói sống không lìa phiền não là sao? Nếu không lìa phiền não, hay nói không dẹp được phiền não làm sao thấy đạo? Kính bạch Hòa thượng từ bi giảng dạy.

Đáp: Sống không lìa phiền não như hồi nãy tôi đã nói, đạo Phật lấy giác ngộ làm trên, đã giác ngộ thì tùy duyên lợi ích chúng sanh, có khi các ngài dùng thuận hạnh, có khi các ngài dùng nghịch hạnh. Có nhiều vị Bồ-tát không làm những việc hiền lành, vì các ngài nguyện làm nghịch hạnh nhưng đều ở trong giác ngộ. Làm nghịch hạnh coi như sống trong phiền não, mà không phiền não, nên các ngài vẫn ở trong tỉnh giác, sáng suốt chứ không mê lầm.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng có một đoạn sách viết như vậy:

1. Có một thiên sư dạy học trò, ngài nói học ở đây ta dạy có khác, chỉ học có mười chữ thôi chứ không học nhiều. Chữ đầu tiên là chữ Phật chữ cuối cùng là chữ Phật, tức hai đầu đều là chữ Phật, kế là chữ Pháp. Chữ Pháp ngài chỉ dạy nửa chữ chứ không dạy hết, ngài nói ta đã dạy đủ mười chữ rồi.

2. Khi nhỏ chân ta bị bệnh ta dùng gậy để đi, đến khi chân hết đau ta không dùng gậy nữa. Đến lúc về già ta dùng gậy để đi, khi ta chết gậy bỏ ta hay ta bỏ gậy?

Kính mong Hòa thượng từ bi thương xót chúng con mà giải giúp để chúng con được an tường hai câu nói trên. Rất mong.

Đáp:

1. Hồi nãy nói Phật có mười thân, vậy mười thân có rời một thân không? Tuy mười nhưng không rời một. Biết được Phật thì biết được mười thân vì vậy đầu chữ Phật (佛) cuối cũng là chữ Phật (佛). Chữ pháp (法) dạy có nửa chữ không dạy nữa vì chữ pháp bên này là bộ thủy (氵) bên kia là chữ khứ (去), chữ Hán đọc là pháp, dạy có nửa tức là dạy phía bên này, tức là ba điểm không dạy thêm đó là dạy pháp. Chữ pháp có ba chấm thủy, ba chấm thủy này giống như chữ tâm, nên ông cho rằng đủ hết mười chữ ở trong đó. Vậy chữ pháp nếu dùng có ba chấm thì tương tự như chữ tâm (心), tam điểm như tinh tượng, do đó nên ông nói đã đủ hết rồi. Như vậy Phật đầu Phật cuối muốn được quả Phật phải từ tâm mà ra, ngài đã dạy đủ chưa? Dạy đủ rồi.

2. Khi nhỏ chân ta bị bệnh ta dùng gậy để đi, đến khi chân hết đau ta không dùng gậy nữa. Nghĩa này dễ rồi! Về già ta dùng gậy để đi, khi ta chết gậy bỏ ta hay ta bỏ gậy? Chỗ này muốn hiểu ý sau phải hiểu ý trước. Chúng ta tu lúc ban sơ thì phải nhờ phương tiện đếm hơi thở hoặc theo hơi thở, khi thuần thục thì bỏ đếm, theo hơi thở. Đếm hơi thở và theo hơi thở là phương tiện. Cũng vậy, phương tiện ở đây là cây gậy, khi mạnh chân hết đau thì không dùng gậy nữa. Phương tiện chỉ giúp cho chúng ta ban đầu và khi về già là lúc ra giáo hóa. Chúng ta tu khi công phu thuần thục rồi thì không dùng phương tiện nữa, nhưng khi ra giáo hóa cho mọi người, không có phương tiện thì họ không tu được, cho nên phải dùng phương tiện (gậy) lại. Khi nhắm mắt nghĩa là trở về với thể chân thật của mình thì cả hai không cần biết nhau. (Gậy không cần mình, mình không cần gậy) không ai bỏ ai hết mà tự nó không có dính dáng gì với nhau nữa.

Hỏi: Kính bạch Thầy từ khi con xuống Thường Chiếu được nghe quý thầy giảng về tiểu sử đức Phật Thích-ca, các vị tổ Trung Hoa con vẫn chưa thông suốt. Con rất ngưỡng mộ và sùng kính Bồ-tát Quán Thế Âm nhưng con không hiểu Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, Quan Âm Nam Hải, Quan Âm Thị Kính, Quan Âm Diệu Thiện là vị hóa thân, có chân kinh để lại như đức Phật Thích-ca hay chỉ là huyền thoại? Kính mong Thầy từ bi chỉ dạy.

Đáp: Chúng ta thờ Phật, nếu thờ Phật Thích-ca thì bên phải thờ Bồ-tát Văn-thù, bên trái thờ Bồ-tát Phổ Hiền. Còn nếu thờ Phật A-di-đà thì bên phải thờ

Bồ-tát Quán Thế Âm, bên trái thờ Bồ-tát Đại Thế Chí. Hai hình ảnh này mang ý nghĩa rất là thâm trầm. Đức Phật Thích-ca là đức Phật đang giáo hóa ở cõi Ta-bà, nói đang giáo hóa vì giáo pháp của ngài còn đang lưu truyền chứ ngài tịch rồi. Cõi Ta-bà trong kinh giải thích là cõi khổ, là cõi ứ trước. Chúng sanh càng càng khó điều phục lắm, ngày nay họ tin, ngày mai họ không tin, hoặc ngày nay họ tốt, ngày mai họ không tốt, bất thường lắm. Cho nên muốn giáo hóa cõi Ta-bà khổ, đức Phật phải có đủ hai điều kiện, một là trí tuệ, hai là hạnh nguyện. Bồ-tát Văn-thù cưỡi sư tử tượng trưng cho trí tuệ, Bồ-tát Phổ Hiền cưỡi voi trắng tượng trưng cho hạnh nguyện. Muốn đến chỗ khó khổ giáo hóa chúng sanh thì phải trang bị đủ hai điều kiện trí tuệ mạnh và hạnh nguyện lớn mới làm được. Nếu tới đó mà không đầy đủ trí tuệ để tùy nghi giải quyết thì có thể thối tâm. Nếu có trí tuệ mà thiếu hạnh nguyện thì không bền, làm một hồi thấy khó quá chán nản rút lui, nên phải có hạnh nguyện, đó là ý nghĩa hình tượng đức Phật Thích-ca.

Ý nghĩa hình tượng đức Phật A-di-đà và cõi Cực lạc thanh tịnh; Phật A-di-đà đang ở cõi Cực lạc là chỗ thanh tịnh vui tốt, muốn đến chỗ khổ để giáo hóa độ chúng sanh phải có lòng từ bi và chí nguyện lớn. Thí dụ có một người sang trọng rất là trang nghiêm sạch sẽ, thấy năm bảy người rớt dưới hầm nước đen hôi hám, người đó muốn lợi vớt những người kia lên thì phải có tình thương rất lớn mới có thể sẵn sàng hy sinh cái sạch sẽ để vớt người. Tình thương là đức từ bi biểu trưng Bồ-tát Quán Thế Âm. Nhưng có từ bi mà thấy dơ, gớm quá,

không muốn xuống, nên phải có ý chí mãnh liệt tượng trưng Bồ-tát Đại Thế Chí, thì mới có thể lao mình tới chỗ khổ, chỗ nhớp nhúa vớt người lên. Bồ-tát đều là những hình ảnh tượng trưng. Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí là hai vị biểu trưng cho từ bi ý chí giúp đức Phật A-di-đà đến chỗ như nhớp hóa độ chúng sanh. Còn Quán Âm Nam Hải, Quán Âm Thị Kính, Quán Âm Diệu Thiện là những vị Quán Âm chỉ có chút ít di tích ở thế gian, mà di tích đó có tính cách thần thoại hay huyền thoại để cho người đời phát tâm tu chứ không phải là Phật. Đó là hóa thân của Bồ-tát Quán Âm chứ không có thật.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng xin ngài giải thích cho con mối nghi như sau:

- Chú Đại Bi được các Hòa thượng tôn túc trì tụng có nhiều linh nghiệm, nhưng con lại thấy các thầy bùa lữ ban cũng trì chú Đại Bi. Như vậy chú Đại Bi do đức Quán Âm chế ra không lẽ ngài cũng hộ trì cho các thầy bùa sao?

- Kính bạch Hòa thượng cả ngày con phải vất vả trong cuộc sống, nên tối đến con phải nghỉ, khoảng mười hai giờ hoặc một giờ khuya con thức dậy để ngồi thiền; có khi ngồi yên ổn có khi vọng tưởng lăng xăng không thể dừng được, con chỉ còn cách lạy Phật thôi. Một hôm con nghe trong băng nhựa có một Phật tử thưa hỏi thời khóa ngồi thiền, Hòa thượng dạy tránh ngồi lúc mười hai giờ khuya. Bạch Hòa thượng có phải ngồi vào giờ này khó dừng được vọng tưởng chăng?

Đáp: - Chú Đại Bi (Đại Bi Tâm Đà-la-ni) là chú Quán Âm nói về công dụng của Bồ-tát Quán Thế Âm. Người nào có lòng thành tín trì chú này sẽ thấy diệu dụng. Có diệu dụng là do lòng thành tín trì tụng; người tu mà có lòng thành tín trì tụng thì có diệu dụng, thầy bùa có lòng thành tín trì tụng cũng có diệu dụng, không phải Bồ-tát thương người này bỏ người kia. Đừng nghĩ Bồ-tát chỉ thương mấy ông thầy tu mà không thương thầy bùa. Cái giá trị ở tâm thành tín, ai thành tín trì tụng thì có hiệu nghiệm, ai không thành tín trì thì không có hiệu nghiệm.

- Vì nhọc nhằn nên tới mười hai giờ hay một giờ khuya mới ngồi thiền, vọng tưởng nhiều, có phải giờ đó vọng tưởng nhiều không trị được chăng? Tôi giải thích cho Phật tử rõ, chúng ta tu không chọn giờ tốt giờ xấu, quan trọng giờ nào tâm mình được thanh thoi nhẹ nhàng và khí hậu bên ngoài mát mẻ thì ngồi có lợi ích. Mười hai giờ khuya là giờ ngủ chưa đầy đủ, quý Phật tử ngồi một chút rồi ngủ lại chập chờn không tốt. Cho nên tôi thường khuyên Phật tử nên ngồi vào lúc từ ba giờ khuya đến năm giờ sáng, khoảng đó ngồi lúc nào cũng được, vì đức Phật Thích-ca thành đạo vào lúc sao mai mọc. Giờ này ngủ cũng đủ rồi, nên khỏe tỉnh cộng với khí trời thanh thản ngồi thiền tốt hơn. Còn buổi khuya một giờ hay mười hai giờ lúc đó đang ngủ say, giật mình thức dậy ngồi một chút ngủ lại thì giấc ngủ không đầy đủ nên ngồi không tốt, chứ không phải ngồi giờ đó sanh ra những thứ vọng tưởng.

Hỏi: Kính bạch Thầy xin Thầy từ bi chỉ dạy những thắc mắc của con sau đây:

1. Nhạc mẫu con đã lâm chung đến nay gần bốn mươi chín ngày, người thân có thỉnh mười vị thầy làm lễ trai tăng và cúng cầu siêu. Vậy người chết có hưởng lợi ích gì không? Và có nên làm như vậy hay không?

2. Phật dạy tất cả việc ở thế gian đều là vô thường giả tạm, vậy sao làm việc thiện thì được phước làm ác thì có tội?

3. Mỗi người sống ở thế gian đều có số mạng, hay do nghiệp duyên tạo tác mà chết sớm hay muộn?

4. Tu như thế nào trong một đời có thể thoát khỏi luân hồi?

5. Con có người thân rất thích ăn diện đua đòi, con đã khuyên đủ cách và thuyết phục đủ điều, nhưng không được. Không lẽ con để vậy khi hậu quả không tốt xảy ra, con đồng gánh chịu? Hay con bỏ người thân chịu một mình? Con có nên làm như vậy không? Xin Thầy từ bi chỉ dạy.

Đáp:

Tôi xin trả lời câu 1: Trong kinh Địa Tạng Phật dạy: Nếu cha mẹ Phật tử mất, thỉnh tăng ni hay bạn bè tụng kinh cầu nguyện thì mười phần phước người mất được có ba, còn người sống được bảy phần. Vì lẽ cầu nguyện là do tâm của người con hay người trong gia đình hiếu thảo thỉnh tăng ni tụng kinh cầu nguyện và cúng dường trai tăng. Đó là phát tâm lớn của người sống;

nên mười phần công đức thì người sống được bảy phần còn người chết thì được có ba phần. Nếu người chết chưa đi thọ sanh còn ở lại nhờ nghe kinh mà tâm tỉnh giác được phần nào, gọi đó là lợi ích đôi ba phần, chứ không phải tất cả cho người chết hết. Người chết có lợi ích, nhưng một phần nhỏ thôi chứ không lớn.

2. Người đời nói “Thế gian là vô thường, cuộc đời là giả tạm.” Nhưng bây giờ quý vị có chửi ai thì người đó có đánh lại quý vị không? Đánh. Vô cơ chửi người ta, người ta đánh, như vậy làm ác có tội không? Có. Giả sử quý vị biết thế gian là vô thường tạm bợ, có ai đang đi đường họ té bất tỉnh, quý vị có phương tiện dìu chở họ vô bệnh viện, thuốc thang cho họ mạnh đưa họ về nhà, họ có cảm ơn quý vị không? Có. Vậy việc làm tạm bợ cũng có quả báo tạm bợ, làm thiện thì được quả báo thiện tạm bợ, làm ác cũng bị quả báo ác tạm bợ. Tuy tạm bợ nhưng thiện tốt hơn, nên tôi mới khuyên quý vị làm lành, đừng nói là không có quả báo.

3. Từ lâu người đời cứ tin vào số mạng, số mạng không có thật, không phải là chân lý. Tại sao? Ví dụ có anh thanh niên gỡ sách số ra coi thấy mình sống được tám mươi tuổi. Nhưng anh ấy bị người ta rủ hút xì-ke, nếu anh ghiền xì-ke thì chắc năm mười năm sẽ chết, đâu sống tới tám mươi tuổi. Như vậy có cái số không? Bởi mạng sống không phải do nơi số mạng, mà do nơi chúng sanh tạo nghiệp lành hay nghiệp dữ. Dù có được thân thể khỏe mạnh mà tạo nhiều nghiệp dữ, cũng không sống lâu, dầu cho thân thể yếu đuối nhưng tạo nghiệp lành có thể sống lâu hơn.

4. Trong một đời, người tu có thoát được luân hồi sanh tử không? Câu hỏi này chưa chính xác. Nói tu một đời mà tu lừng chừng hay tu quyết liệt? Giả sử cạo tóc ở chùa như chúng tôi mà tu lừng chừng qua ngày tháng thì một đời cũng không được giải thoát. Còn tóc như quý Phật tử, khi phát tâm tu thì tu mãnh liệt, quyết rời bỏ tất cả ái dục thế gian, không để sáu căn dính mắc với sáu trần thì người đó chắc chắn được giải thoát. Như vậy giải thoát hay không tùy theo quyết tâm của người tu. Một khi đã quyết tâm là dứt khoát không dính mắc gì cả thì người đó có thể giải thoát. Còn người không quyết tâm thì dầu mười đời chưa chắc được giải thoát.

5. Nếu người thân ăn diện quá, có niệm xấu, có hành động ác mình đem hết lòng chân thành khuyên, họ không nghe thì lỗi ở họ chứ đâu phải lỗi ở mình mà phải cùng chịu tội. Nếu thương người đó không nỡ để họ một mình chịu tội thì cùng chịu như nhau. Tại sao? Vì ái còn nặng quá nên sau khi chết gặp lại nhau nữa, người kia họ không biết tu, mình biết tu, nhưng vì ái họ quá tất nhiên họ khổ mình cũng khổ lây. Chứ không phải bị tội lây, khổ lây là bị niệm ái nó trói buộc. Nếu ngang đây không có niệm ái trói buộc thì không cùng chịu.

Hỏi: Sau đây con có hai câu hỏi kính mong Thầy hoan hỷ chỉ dạy giúp con:

1. Thưa Thầy đứa nhỏ bảy tuổi có thể tập tọa thiền theo pháp môn của Thầy dạy được không?

2. Thưa Thầy vấn đề ngừa thai và phá thai theo Phật giáo có phạm tội không? Kính mong Thầy từ bi chỉ dạy giúp con.

Đáp:

1. Dù năm tuổi hay bảy tuổi mà đứa bé chịu ngồi thì mình tập cho nó thở vô thở ra cho dài và đếm một tới mười bỏ, thì tốt chứ không sao hết.

2. Thời đức Phật không có chuyện phá thai ngừa thai, nhưng với đạo Phật lúc nào cũng nhìn hai mặt; nhìn về tình thương và nhìn về mầm sống. Trong luật Tỳ-kheo, một vị Tỳ-kheo không được phá hoại mầm sống của các loài vật cây cối. Như hạt đâm mầm không được đập phá, không được hủy diệt. Đối với người tu thì quý trọng mầm sống, căn cứ vào đó thì phá thai chắc không hoan hỷ. Giả sử gia đình đó hai vợ chồng bệnh hoạn làm ăn không ra tiền đã có ba bốn đứa con rồi bây giờ có nên ngừa không? Nếu không ngừa sanh ra nuôi không nổi thì khổ. Đó là lòng thương, phải thấy hoàn cảnh của họ, chứ không nên nhìn một mặt một chiều. Theo quan niệm của tôi thì ngừa thai tốt hơn là phá thai. Ngừa thì chưa có cái mầm sống không có hại nhiều. Khi đã có mầm sống rồi phá không tốt.

***Hỏi:** Chúng con xem cuốn *Xuân Trong Cửa Thiên* tập 4 đến mục “Đời Tu Của Tôi” Thầy nói khi đó các thầy có cầu Phật gia hộ và được Phật thương, Tam bảo gia hộ ưu đãi Thầy. Cầu Phật gia hộ có phải Thầy cầu tha lực không?*

Đáp: Đối với việc tu tập chúng ta có quyết tâm tu hành nhưng không bao giờ dám xem thường Tam bảo. Khi quyết tâm tu hành chúng ta kính trọng Tam bảo là bậc quý. Chúng ta đi trên con đường giác ngộ nên lúc nào cũng cung kính Tam bảo, đã cung kính nên tha thiết

đánh lễ nguyện Tam bảo gia hộ thêm cho ý chí, sở nguyện của mình được thành tựu. Không phải không làm mà cầu xin, mình quyết tâm làm nhưng cũng tha thiết nguyện Tam bảo gia hộ việc làm đó được thành tựu, vậy là không ỷ lại vào tha lực. Cũng như đứa học trò học rất chăm nó học thuộc bài và kính trọng thầy giáo, kính thầy giáo không có nghĩa ỷ vào tha lực. Học thuộc bài, mà thầy giáo là người ơn vẫn kính trọng là tự lực. Còn cầu tha lực là nó cứ nịnh thầy cô giáo, cầu cho thầy cô giáo cho điểm cao mà bài không học thuộc thì rơi vào lỗi ỷ vào tha lực. Sở nguyện muốn làm thì cố gắng tha thiết làm, nhưng với tâm kính trọng Tam bảo, lúc nào cũng kính trọng cho nên không phải là tha lực.

Hỏi: Từ khi con theo học thiền với Thầy đến nay, vì sợ hướng tâm ra ngoài nên con không có tâm cầu Phật gia hộ hay Tam bảo gia hộ, bây giờ sau khi xem xong cuốn Xuân Trong Cửa Thiền khiến con cảm thấy như mình bị thiệt thòi, vì con cũng muốn được Tam bảo gia hộ. Xin Thầy hoan hỷ chỉ dạy, khi cầu Tam bảo gia hộ con phải để tâm ở đâu mới khỏi bị cái lỗi hướng tâm ra ngoài. Con xin tri ân Thầy.

Đáp: Phật tử này lâu nay tu nặng về tự lực, cố gắng tu chứ không cầu Tam bảo gia hộ, cái đó là hướng nội. Khi nãy tôi nói, một đứa học trò thầy giáo cho bài nó chăm chỉ học thuộc lòng, làm bài rất đầy đủ nó không cầu xin gì cả và thầy giáo cũng thương, nhưng thương chưa được tha thiết lắm. Nếu nó học bài thuộc và nó lễ phép quý kính thầy giáo thì thầy giáo thương nhiều hơn. Nó được hai cái lợi: Tự lực và được người

có thâm quyền thương nhiều thì kết quả tốt hơn. Cũng vậy người Phật tử tu đối với lời Phật tổ dạy thực hiện tốt, đồng thời đối với Phật tổ lúc nào cũng tha thiết đảnh lễ nguyện cầu các ngài gia bị cho, để đường tu tiến tới mục đích cuối cùng. Tâm tha thiết cầu nguyện là tốt chứ không hại gì cả, đừng có kẹt một bên, nhiều khi Phật tử không kẹt ở chỗ ý lại thì kẹt ở chỗ tự lực, nên không kể tới ai cả. Không ý lại và cũng không xem thường Phật tổ, như vậy là tốt là quý.

Hỏi: Tại sao niệm Phật mà tâm không được thanh tịnh?

Đáp: Khi niệm Phật lẽ ra phải chí thành quý kính, tưởng nhớ Phật nhưng thỉnh thoảng lại nhớ chuyện buồn hôm qua hôm kia, nhớ chuyện buồn thì lúc đó không thanh tịnh. Có khi lại còn muốn ăn thua với người ta nữa. Niệm Phật mà tâm không được thanh tịnh vì thiếu tâm tha thiết; niệm Phật tay lần chuỗi niệm mong cho rồi, niệm một hơi cho hết chuỗi. Niệm “Nam-mô A-di-đà Phật” phải tha thiết chí tâm lắng nghe từng tiếng niệm, nhờ chí tâm nghe từng tiếng niệm thì tâm bớt chạy theo cảnh. Còn nếu niệm tính số thì cứ lần cho hết chuỗi mà tâm nghĩ lung tung. Nhiều khi tôi thấy tội nghiệp, có nhiều người đang nói chuyện mà tay cứ lần chuỗi đều đều, không biết là lần chuỗi niệm Phật hay là lần chuyện thế gian? Niệm Phật như thế thành thói quen, không có tâm tha thiết và không lắng nghe thì làm sao tâm thanh tịnh được? Cho nên niệm Phật muốn tâm thanh tịnh thì phải niệm với tâm chí thành chí thiết và lắng nghe từng câu một thì mới được thanh tịnh.

Hỏi: *Con cúi đầu đánh lễ Thầy xin Thầy giải cho con hai thắc mắc:*

1. *Con đọc trong các sách của Thầy và tổ nói: Khi kiến tánh rồi thì phải vào nơi thanh vắng để trưởng dưỡng thánh thai. Con không có điều kiện để vào nơi thanh vắng, thậm chí con cũng không có duyên để vào chùa tu, nên con quyết định ở nơi ồn náo mà hằng nhớ tánh biết. Vậy quyết định này có sai lầm, hoặc làm chậm tiến trình giải thoát của con không?*

2. *Con hay đứng ở cái biết nhìn niệm sanh diệt mà quên nhìn thân sanh diệt. Vậy khi thành thực con có rơi vào vọng tâm không và thân giả có không?*

Đáp:

1. Khi nhận ra bản tánh rồi thì phải tìm cảnh vắng vẻ để tiện tu nhưng Phật tử này không có điều kiện, kể cả đi chùa cũng không có điều kiện nữa. Nên quyết định ở chỗ ồn náo hằng nhớ tánh giác. Quyết định như vậy không sai lầm. Thật ra người tu phải khôn ngoan sáng suốt, biết tùy duyên, tùy cảnh đừng nghe người ta làm như thế, mình cũng phải làm như thế trong khi hoàn cảnh mình không cho phép. Thí dụ quý thầy tu nhận ra mình có tánh giác rồi nhập thất một mình tu năm năm bảy năm. Còn Phật tử năm bảy đứa con nheo nhóc mười tuổi, tám tuổi, sáu tuổi, cũng nhận ra mình có tánh giác, bây giờ muốn nhập thất tu được không? Không. Nếu nhập thất tu mấy đứa nhỏ tới cửa thất khóc cả ngày, thì không thể được. Nếu cứ lấy việc của người tu làm việc của mình thì trật rồi,

cho nên phải tùy duyên tùy cảnh. Ông thầy không gì bận rộn, khi nhận ra tánh giác rồi ngồi yên, có chư tăng nuôi ông tu, còn Phật tử bây giờ lỡ chuyện nợ nần thế gian nhiều quá, phải ở tại chỗ làm ra tiền để nuôi mấy đứa nhỏ, vừa làm vừa tu là khôn chứ còn bỏ nó mà chạy trốn là không khôn. Nếu vô chùa xin tôi tu thì tôi đuổi về mau. Ở ngay trong cảnh mà tu được thì đáng khen, chứ không phải là sai lầm, tuy có chậm chút ít cũng không đáng buồn, chậm mà mạnh cũng thành nhanh.

2. Còn đứng ở cái “biết” nhìn các niệm sanh diệt mà quên nhìn thân sanh diệt như vậy khi thành thực có rơi vào vọng tâm không? Ở đây tôi nhắc lại cho Phật tử biết tổ Lâm Tế có lập Tứ liệu giản là: Đoạt nhân chẳng đoạt cảnh, đoạt cảnh chẳng đoạt nhân, nhân cảnh đều đoạt, nhân cảnh đều chẳng đoạt. Thứ nhất là đẹp ở trong nội tâm mà không đẹp cảnh ở ngoài, nghĩa là nhìn từng niệm khởi không theo, còn cảnh ở ngoài thì kệ không dính dáng gì hết gọi là đoạt nhân chẳng đoạt cảnh. Thứ hai là người tu không nhìn nội tâm mà nhìn ra ngoài biết người vật hư huyền giả dối, như kinh Kim Cang Phật dạy “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng...” thấy rõ nhớ rõ như vậy nên đối người đối cảnh không dính mắc là đoạt cảnh chẳng đoạt nhân. Thứ ba nhân cảnh đều đoạt, tức là trong thấy niệm hư dối không theo, ngoài thấy người cảnh huyền hóa không dính mắc. Thứ tư nhân cảnh đều chẳng đoạt, là về thời gian và không gian tâm nhất như rồi thì nhân cảnh đều chẳng đoạt nó tự là nó, không gian vẫn là không, không còn gì để đuổi đẹp nữa. Đó là lối tu thiên của tổ Lâm Tế.

Hỏi: Kính xin Hòa thượng giải giùm thắc mắc cho con: Trong kinh Lăng-nghiêm có đoạn nói ngài Nguyệt Quang khi còn là Tỳ-kheo tu tập pháp quán thủy, một hôm ngài đang tọa thiền có người đệ tử nhìn qua cửa sổ thấy trong phòng nước đầy khắp, liền lượm hòn sỏi ném vào phòng. Sau khi xả thiền ngài cảm thấy đau bụng. Nghe chú tiểu thuật lại chuyện như trên, ngài dạy khi ngài nhập định chú thấy nước hãy lượm hòn sỏi ra. Chú tiểu làm y như lời ngài dạy, sau đó ngài hết đau bụng. Thưa Hòa thượng nếu ngài Nguyệt Quang quán thủy thì chỉ một mình ngài thấy nước tràn ngập gian phòng của ngài, tại sao chú tiểu là người thứ hai lại thấy nước ở trong phòng ngài? Nước đó có thật không mà chú tiểu ném hòn sỏi nghe cái bồm? Nếu nước có thật thì khi ngài xả thiền nước đi về đâu? Xin Hòa thượng từ bi giải nghĩa cho chúng con được rõ.

Đáp: Đây là trong kinh Lăng-nghiêm Phật dạy ngài Văn-thù chọn lựa các căn, căn nào viên thông để chỉ cho người sau tu. Khi chọn các căn thì hai mươi lăm vị thánh mới trình sở ngộ của mình. Ngài Nguyệt Quang thuật lại chỗ ngộ của ngài là quán nước. Đây tôi nói cho cách quán nước. Người tu thiền để một chum nước nhỏ trước mặt, rồi quán nước tủa ra lần lần đầy cả phòng, rồi tiếp tục nước đầy khắp hư không thì thành công. Bấy giờ ngài Nguyệt Quang quán nước tràn đầy cả phòng. Chú tiểu ở ngoài thấy thầy ngồi thiền lặng im, chú mới hé cửa nhìn vào sao thấy nước không thấy thầy, chú mới lượm cục sỏi chọi vô nước nghe cái bồm chú đóng cửa đi ra. Tới chùng ngài Nguyệt Quang xả thiền

ngài nghe đau bụng, ngài nghĩ trong khi hành thiền đâu có gì sai sao lại đau? Thầy kêu chú đệ tử hỏi trong khi ta tọa thiền người làm gì kể lại ta nghe thì chú kể lại việc chú đã làm. Ngài biết rồi, mới nói: Mai ta ngồi thiền người cứ lại mở cửa xem nếu thấy nước thì người lặn trong nước lấy cục sỏi lên. Bữa sau ngài ngồi thiền chú lại hé cửa thấy toàn là nước, chú lặn trong nước lấy được cục sỏi đem ra, xả thiền ngài hết đau bụng.

Phật tử này thắc mắc, nếu ngài quán nước thì chỉ mình ngài thấy nước tràn ngập gian phòng của ngài thôi, tại sao chú tiểu là người thứ hai thấy nước ở trong phòng ngài? Nước có thật hay không mà chú tiểu ném hòn sỏi nghe cái bõm. Nếu nước có thật, vậy sau khi ngài xả thiền nước đó đi về đâu? Thông thường mình quán mình thấy chứ người khác không thấy, nhưng đây không phải vậy. Tại vì Phật tử chưa hiểu rõ, ban đầu mình quán mình thấy nhưng quán gần tới thành tựu thì mình thấy người khác cũng thấy nữa. Quý vị còn nhớ khi các ngài sử dụng thần thông, quán tướng lửa thì lửa hiện lên cháy, tướng nước thì nước tràn ngập hết. Khi thành công rồi mình thấy người khác cũng thấy, còn lúc đang tập mình thấy người khác không thấy. Phật tử này chỉ biết lúc đang tập chứ không biết lúc thành công. Còn nước khi mình quán thì có nước khi mình ngưng quán thì hết, cho nên nói thâm thần thông, tức là không quán nữa thì hết. Như vậy nước không thật nhưng người tu nếu có sức quán mạnh thì thành thật. Nhưng nước đi về đâu? Tôi chỉ nói còn tướng thì còn thấy, hết tướng thì hết thấy, chứ không thể nói về đâu.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng từ bi giảng dạy cho con được hiểu rõ, trong kinh Đại Bát-niết-bàn Phật nói Tỳ-kheo Thiện Tinh giỏi về mười hai bộ kinh, chúng được Tứ thiên rồi vì lý do gần bạn ác thói thât việc tu hành, Phật thọ ký cho Tỳ-kheo Thiện Tinh sẽ bị đọa. Trong kinh Phật nói trong tứ quả Thanh văn, người tin sâu lời Phật dạy, nghiêm trì giới luật tinh tấn tu hành thì được vào thánh quả Tu-đà-hoàn còn sanh tử bảy lần, lần thứ bảy được chứng quả A-la-hán nhập Niết-bàn không còn trở lại nữa. Sao trong kinh Niết-bàn Phật nói Tỳ-kheo Thiện Tinh chúng được Tứ thiên mà còn kiến chấp tà để cho Phật thọ ký sẽ bị đọa trở lại. Kính xin Hòa thượng từ bi giảng cho con hiểu.

Đáp: Trong cuốn Nguồn Thiên của ngài Tông Mật có chia ra năm thứ thiên: một là Phàm phu thiên, hai là Ngoại đạo thiên, ba là Tiểu thừa thiên, bốn là Đại thừa thiên, năm là Tối thượng thừa thiên. Phàm phu thiên là tứ thiên: Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên. Người chứng Tứ thiên chưa được giác ngộ chỉ nhờ định sanh các cõi trời Sắc giới, gọi là Phàm phu thiên. Phàm phu thiên chứng Tứ thiên chưa hoàn toàn giác ngộ nên hưởng hết phước phải đọa trở lại. Các vị tu chứng Tu-đà-hoàn là do ngộ được lý Tứ đế. Khi chúng được Tu-đà-hoàn bảy phen sanh tử thì chúng A-la-hán được vô sanh, được Niết-bàn. Vậy giá trị của người tu tập không phải ở chỗ được định nhiều mà ở chỗ giác ngộ, có trí tuệ mới dứt được sanh tử, còn được định, hưởng phước nhưng chưa hết sanh tử. Vì vậy Tỳ-kheo

Thiện Tinh tuy chứng được Tứ thiên, tuy có tụng kinh Niết-bàn song gần bạn ác thói thất đối với cảnh giải thoát chấp trước chỗ không, không có Niết-bàn. Phát sanh tà kiến không tin nhân quả, khởi ác tâm với Phật, sau khi chết đọa địa ngục Vô gián.

Hỏi: Trong gia đình con có người chị thường bị ma nhập làm cho mọi người hoang mang, chúng con không biết gỡ rối bằng cách nào. Kính xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy, chúng con phải làm cách nào cho chị con được tỉnh tâm không bị ma mị mê hoặc nữa. Chúng con thành tâm biết ơn Hòa thượng.

Đáp: Diệt trừ ma, tôi thì không có thần chú không có bùa làm sao mà diệt? Thường người học đạo có hai tâm trạng: một tâm trạng học đạo là tâm chân lý để giác ngộ lẽ thật, một tâm trạng muốn được những huyền bí để trị tà bắt quỷ. Tôi thuộc về hạng tìm chân lý, nên nói tới tà ma thì tôi bất lực không có quyền năng gì hết. Phật dạy đức trọng thì quỷ thần kinh, người nào có đức lớn thì quỷ thần sợ; không phải sợ vì có bùa có phép mà sợ đức hạnh của người tu. Vậy nên có nhiều người tu không bùa phép gì mà ma quỷ vẫn sợ, có những người tu có bùa phép nhưng phạm trai phá giới ma quỷ cũng phá như thường. Với cái nhìn riêng tôi, Phật tử này gặp hoàn cảnh khó xử lo sợ, chỉ có hai cách để giúp cho gia đình tạm bớt sợ bớt lo. Nếu người bệnh còn tỉnh có thể khuyên đến chùa, tìm những thầy có phước đức cho quy y, thọ giới để chánh đến thì tà lui là trường hợp thứ nhất. Trường hợp thứ hai, nếu người đó

không có tâm tinh táo để đi quy y thì Phật tử nên khuyên ở trong nhà đừng sợ sệt, mà chí thành trì tụng kinh Phật mỗi đêm để cầu nguyện cho người đó sớm tỉnh, ma quỷ tránh xa.

Hỏi: *Kính bạch Thầy con có hai điều thắc mắc kính xin Thầy giải đáp giúp con để con hiểu rõ thêm trên đường tu học:*

1. Ông Bàn Uẩn khi đã thấy đạo đem tất cả của cải đổ xuống sông. Tại sao không bố thí, vì hạnh bố thí là đứng đầu trong lục độ?

2. Ngồi thiền để giữ gìn sức khỏe và để cột tâm nơi chóp mũi nhưng trường hợp con là không cột tâm nơi mũi mà chỉ ngồi yên theo dõi tâm, như thế có sai không? Kính xin Thầy giải giúp.

Đáp:

1. Ông Bàn Uẩn là một nhà Nho, sau khi hiểu Phật rồi nhất là hiểu được lý thiền, ông chở tiền của đồ đạc đổ hết xuống sông Tương, rồi ông cất am nhỏ để tu và con trai, con gái cũng cùng tu. Phật tử này nói rằng theo pháp lục độ bố thí là số một, tại sao có của không bố thí mà đem đổ, như thế ông có lãng phí không? Điều này có nhiều người thắc mắc. Nhưng tôi đọc kỹ thì Bàn Uẩn có nói: Đồ đạc tiền của là vật thế gian tham, bây giờ mình biết những thứ này là nhân ham muốn mình bỏ, nếu đem cho người khác thì vô tình gieo nhân xấu cho họ, nên ông đem đổ xuống sông, mình hết tham người khác cũng hết tham. Đó là cái nhìn của ông.

Bởi vì ông Bàn Uẩn ngộ đạo ở Mã Tổ và ngài Thạch Đầu. Đây là hai vị thiền sư lớn trong thời đó nên ông ngộ rất sâu, ông thấy tất cả thế gian đều là hư ảo không có gì quan trọng, chỉ có thể chân thật mới là tối thượng thôi. Vậy nên tiền của không quan trọng, kể cả phước bố thí, vì phước bố thí (tài thí) là phước hữu lậu sanh diệt, nên ông thấy không quan trọng, bởi không quan trọng nên ông làm theo ý của ông. Phật tử còn muốn có phước, thích làm phước đời này lỡ tu chưa chứng đạo, đời sau sinh ra có cửa đờ buồn, giàu sang đờ khổ, thích có phước nên tiếc của ông đờ. Cái nhìn của ông khác với cái nhìn của Phật tử, phải xét kỹ coi việc làm của ông và việc làm của Phật tử ai hay hơn rồi tự hiểu tự giải quyết.

2. Phật tử nói ngồi thiền để giữ gìn sức khỏe và để cột tâm nơi chóp mũi điều này tôi không chấp nhận, vì tôi không dạy cách đó. Chủ yếu ngồi thiền là để buông xả vọng tưởng, chứ không phải cột tâm nơi chóp mũi để được sức khỏe; nếu có sức khỏe là cái phụ chứ không phải là chánh. Trọng tâm của ngồi thiền là buông xả vọng tưởng, làm chủ không chạy theo nó. Vọng tưởng là mê thấy biết không theo nó là giác, đó là trong định có tuệ, trong tuệ có định, chứ không phải chỉ cột tâm ở chóp mũi. Nếu Phật tử chỉ biết ứng dụng ngồi nhìn thấy niệm khởi không theo là đủ, là hợp với đạo lý chứ không sai.

Hỏi: - *Kính bạch Hòa thượng con thấy loài kiến rất nhiều, đâu đâu cũng có, con nghĩ đây là nghiệp xấu,*

mà nghiệp xấu này chúng sanh hay phạm, nhưng con không biết kiến do nghiệp gì mà thành. Kính xin Hòa thượng chỉ dạy để chúng con biết đường tránh.

- Có người nói rằng mình giết những con vật như heo, gà, chó... là giúp chúng thoát kiếp súc sanh sớm, có phải khi bị giết như vậy chúng bị thoát kiếp súc sanh không? Kính mong Hòa thượng chỉ dạy.

Đáp: - Kiến nhiều quá không biết nghiệp gì sanh ra kiến? Tôi giải thích theo ý tôi chứ tôi chưa thấy kinh nói nghiệp gì sanh kiến hết. Nghiệp nhỏ nhất sanh ra kiến tức là tâm nhỏ mọn đó. Tâm mình mở rộng lớn thì hết sanh kiến. Quý vị mở tâm rộng lớn thương hết mọi người, mọi loài nhất định không sanh kiến, còn tâm ích kỷ nhỏ mọn quá e rằng nó có thể thành kiến.

- Giả sử mình đang khỏe mạnh chưa biết tu hành gì, chưa có đạo đức gì, có khi mình cũng làm tội nữa. Có ai đó cầm súng lại nói anh hay chị sống không có ích gì còn làm tội nữa, tôi bắn cho chết để thoát kiếp cho khỏe. Tất cả quý vị có ai bằng lòng không? Không. Như vậy, gà, vịt, heo, chó... khi người muốn cắt cổ, đâm họng, nó có bằng lòng không? Nó giãy la. Tại mình mạnh muốn giết nó để ăn thịt lại nói cho nó thoát kiếp! Có người hỏi ngược lại: Anh hay giết gà, giết vịt, giết heo... đó là anh làm tội. Bây giờ tôi giết anh cho anh thoát kiếp tội, chịu không? Nếu chịu sẽ thoát kiếp, nếu không chịu chắc không phải thoát kiếp đâu! Ở đời có những lý luận để bảo vệ cái sai quấy của mình, mà không thấy được lẽ thật.

Cái gì bất công, cái gì làm chúng sanh khổ thì cái đó là không tốt. Trên lý công bằng ai cũng sợ chết, ai cũng muốn sống, kể cả người bệnh tật cũng muốn sống. Bây giờ súc vật đang khỏe mạnh lôi đầu ra giết, mà nói giết cho thoát kiếp thì thật không công bình chút nào hết. Lý thoát kiếp không phải là lẽ thật, mà chỉ là lý của kẻ mạnh giết kẻ yếu.

Hỏi: *Kính bạch Thầy, khi học kinh Pháp Hoa đến phẩm Hiện Bảo Tháp, con có cảm nhận thật sâu sắc và tự hứa rằng bằng mọi cách phải mở được Tháp đa bảo của mình, nhưng đến nay con vẫn chưa làm được, con cầu Thầy dạy cho con cách mở Tháp.*

Đáp: Muốn mở Tháp thì đừng có thấy hai bên, đừng thấy nhơ sạch, đừng hơn thua, đừng phải quấy... thì mở được liền, đó là chìa khóa mở Tháp rồi.

Hỏi: *Kính bạch Thầy con tha thiết học thiên, học qua băng giảng của Thầy nhưng con không kiểm nhận được làm sao để biết con có căn với thiên? Xin Thầy chỉ dạy.*

Đáp: Quý vị không ai mà chẳng có tâm, có tâm thì có Phật, có Phật là có căn. Phật là gốc, chỉ vì ba thứ phiền não dấy động che mờ tâm Phật, bây giờ hết phiền não tâm Phật hiện ra. Ai cũng có căn với Phật cho tới đứa bé ba tuổi cũng có nữa.

Hỏi: *Bạch Thầy, ngũ ấm xí thanh khổ: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Trong đó có thọ được chia ra thọ khổ,*

thọ lạc, thọ không lạc không khổ. Tại sao thọ lạc cũng là khổ? Con mong Thầy giải thích giúp con.

Đáp: Pháp tu Tứ niệm xứ, một là quán thân, hai là quán thọ, ba là quán tâm, bốn là quán pháp. Trong phần giải thích về thọ thì đức Phật chia ba thứ: thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc. Quý vị biết thọ là gì chưa? Trong mười hai nhân duyên có xúc thọ, xúc là chạm, mắt chạm với sắc, tai chạm với tiếng, mũi chạm với mùi, lưỡi chạm với vị, thân chạm với cảnh vật. Năm căn chạm với năm trần ở ngoài, vừa xúc chạm thì chưa có cái thích hay không thích. Khi có niệm thích và không thích thì có thọ. Ví dụ mắt vừa thấy đồng hồ biết cái đồng hồ liền khởi niệm cái đồng hồ này đẹp thích quá, đó là thọ. Cái đẹp mình thích gọi là thọ lạc, cái xấu không ưa gọi là thọ khổ, còn thấy không đẹp cũng không xấu là thọ không khổ không lạc. Để vào miệng thức ăn ngon, lúc đó chưa phải là thọ, mới là xúc, lưỡi nghiền ngấm cái ngon đó là thọ. Trong khi thọ lạc mình thích muốn được ăn hoài. Nếu cho một món ăn dở hay thuốc đắng để vô lưỡi cảm thấy khó chịu, đó là thọ khổ. Bình thường chưa khát lắm ai cho mình ly nước lã, uống cũng không chê, đó là thọ không khổ không lạc. Thọ có thọ lạc thọ khổ, thọ không khổ không lạc. Phật nói tất cả thọ đều khổ, vì nó vô thường nên khổ. Dù thọ lạc cũng khổ, vì có tham đắm si mê đi kèm nên khổ. Ví dụ thọ lạc của lưỡi là ăn ngon và muốn thưởng thức món ngon đó hoài. Nhưng nuốt qua khỏi cổ là hết, muốn mà không thỏa mãn nên khổ.

Hỏi: *Bạch Hòa thượng giải cho con thắc mắc như sau:*

Sau khi chết chúng con có nên tự nguyện hiến một phần thân thể của mình như cặp mắt, tim, gan... cho những người bệnh đang cần không? Hay phải bảo toàn nguyên vẹn cơ thể? Xin Hòa thượng chỉ cho con được rõ. Con xin tri ân Hòa thượng.

Đáp: Việc này rất tốt, mình chết rồi thân này vô dụng, nếu giúp cho người khác họ sống thêm năm tháng bảy tháng cũng là quý. Đó là một điều đáng khen chứ không có gì chê, đừng hiểu lầm phải chu toàn thân này để đi đầu thai thân sau mới nguyện vẹn. Chết rồi hiến một phần thân thể, thân sau không cần thiết, ai có gan thì dâng hiến, ai không gan thì thôi, không ép mà cũng không xúi, cũng không ngăn, tùy sở nguyện. Phật tử nào có thiện tâm thiện chí thì hiến tặng ai dùng được gì thì cho, đó là tốt không nặng về thân.

Hỏi: *Kính bạch Thầy con học thiền tại gia, con có nghe băng của thầy Trí Chơn và hành theo lời trong băng? Khi con ngồi thiền vọng tưởng dấy lên con thấy nó là hư dối con không theo, kế tiếp con nghe cơ thể con ở đằng sau lưng có một luồng gió mát tấp vào người con, như vậy con có bệnh không? Xin Thầy từ bi hoan hỷ chỉ cho.*

Đáp: Thường ngồi thiền có cảm giác nóng hoặc có luồng gió mát, cảm giác nóng mát không phải là bệnh, nhưng nếu chấp thì thành bệnh. Nóng mát là phản ứng

trong lúc ngồi tu, nhưng dù nóng hay mát mình biết đây là những hiện tượng do công phu tu khởi lên tướng lạ đó thôi, không có gì thật hết chốc lát sẽ qua, coi thường thì hết không có gì. Nếu chấp, hôm nay mình được mát mẽ chắc sắp vào Niết-bàn thì bệnh.

Hỏi: *Kính thưa Thầy, con được một Phật tử hỏi nguồn gốc của Phật tánh từ đâu mà có, con trả lời từ không có vô minh mà có, nhưng vị Phật tử này không đồng ý. Bạch Thầy từ bi chỉ dạy.*

Đáp: Nếu hỏi Phật tánh từ đâu mà có thì câu hỏi này đã trật xa quá rồi. Nếu có cái gì đó mới có Phật tánh, như vậy Phật tánh bị cái kia sanh ra, đó là mê lầm thấy không đúng lẽ thật. Phật tánh là tánh giác sẵn có của mỗi người, không có trước không có sau. Hỏi từ đâu có tức là hỏi cái trước, thấy có trước có sau là không hiểu về Phật tánh rồi. Phật tánh không lệ thuộc thời gian không lệ thuộc không gian. Phật tánh có sẵn nơi mỗi người không có trước cũng không có sau, nhưng vì vô minh che lấp nên chúng ta không thấy, khi sạch vô minh thì chúng ta nhận ra.

Hỏi: *Kính bạch Thầy, khi trước con thường trì kinh Pháp Hoa, trong lúc trì kinh con có cảm giác rất khinh an, trên đỉnh đầu dường như mở ra nhận lời Phật dạy và con thấy rất gần Phật. Nhưng đêm ngủ con mơ có cảm giác rất ê trên đỉnh đầu như bị điện giật. Trong mơ con nghĩ bị ma phá và cố niệm Phật để đẩy ra. Trải qua một thời gian lâu như vậy con đều đẩy ra khỏi,*

nhưng lần sau này, cũng nằm mơ ê trên đỉnh đầu như vậy mà con không đẩy ra được, con nghĩ ma ấn xuống đỉnh đầu của con, từ đó về sau trì kinh niệm Phật con không có cảm giác khinh an như trước kia nữa, con cũng không tập trung được tư tưởng, tâm rất tán loạn và con thấy Phật rất xa cách. Thưa Thầy có phải con bị ma ám không? Con phải tu theo phương pháp nào để tập trung tư tưởng lại, khi trì kinh có được cảm giác khinh an như trước? Con xin cảm ơn Thầy.

Đáp: Không phải là ma mà là những cảm giác do tưởng tượng thành, vì khi tụng kinh Phật tử tưởng tượng nhớ Phật, thấy như Phật tới xoa đầu, hay ban ân huệ cho mình, nghe nó nhẹ, tưởng như được gần gũi Phật. Tưởng trên đầu nhiều quá nên tối ngủ trên đầu ê nặng khó chịu, tưởng đầu ma về đè trên đầu. Lúc đầu tưởng ma rồi niệm Phật quên đi được nhẹ, sau này tưởng trên đầu nhiều quá, đau nhiều niệm Phật không hết tưởng đầu ma nhập, đó cũng tại tưởng nhiều nên đầu nóng đau. Phật tử tụng kinh là tụng kinh, đừng tưởng Phật, đừng tưởng Phật đến xoa đầu, đừng tưởng trên đầu, cứ chăm chỉ mắt nhìn chữ, miệng tụng rất bình thường, không khởi tưởng gì khác là trúng, còn khởi tưởng gì đó là trật, bởi tưởng trật nên thành bệnh chứ không phải ma phá.

Hỏi: - *Kính bạch Hòa thượng, kính xin Hòa thượng chỉ giùm con điều kiện nào được Sơ quả, có phải do thắng khát, cơ, hàn, nhiệt là được phải không? Hay phải thêm những điều kiện khác nữa?*

- Việc thọ giới, hiện tại con thọ có năm giới mà con thấy con phạm hết bốn giới, giới nào con cũng phạm sơ sơ, có bạn rủ con nên thọ giới Bồ-tát vậy con nên hay không nên thọ? Có thầy giảng nên thọ giới Bồ-tát vì qua kiếp sau vẫn còn.

- Làm thế nào để mình tạo được thức vô lậu?

Đáp: Trong tứ quả Thanh văn. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Người đạt được sơ quả Tu-đà-hoàn thì không còn thối chuyển, bảy lần sanh tử rồi sẽ nhập Niết-bàn, cho nên nói được Sơ quả là không thối chuyển. Phật tử này hỏi làm sao được Sơ quả, có phải thắng khát (khát nước), cơ (đói), hàn (lạnh), nhiệt (nóng) là được không? Tôi khẳng định là không. Ngày xưa đức Phật còn tại thế có những vị cư sĩ đến nghe Phật thuyết pháp. Thấy Phật tử căn cơ trình độ sáng suốt lãnh hội pháp mau, Phật liền nói pháp Tứ đế cho nghe. Sau khi nói pháp Tứ đế xong, có cư sĩ ngộ được lý Tứ đế liền chứng được Sơ quả. Ngộ lý Tứ đế chứng Sơ quả, chứ không phải nhịn đói, nhịn khát, chịu nóng, chịu lạnh mà chứng Sơ quả.

- Phật tử này thú thật thọ năm giới mà phạm hết bốn giới, bây giờ hỏi có nên thọ giới Bồ-tát không? Tôi khuyên bao giờ năm giới Phật tử giữ gìn trong sạch như băng như tuyết thì chừng đó thọ Bồ-tát giới rất tốt. Bây giờ bốn giới không xong, thôi ráng trở về giữ năm giới cho tròn đã.

- Thức vô lậu không làm thế nào hết, trong kinh Phật dạy ba môn vô lậu là giới, định, tuệ. Người nào tu

giới, định, tuệ được đầy đủ thì được vô lậu tức là không còn rơi rớt trong tam giới lục đạo nữa.

Hỏi: *Kính bạch Sư ông, trong kinh Kim Cang có đoạn nói: Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, tức là vật có tướng đều là hư vọng. Ví dụ như thân chúng ta, vật lớn như các hành tinh cũng đều là hư vọng, vì tất cả đều có hình tướng. Trong phần này con có nghi như sau: Hữu tướng là hư vọng, vậy vô tướng như vọng tưởng sao cũng hư vọng? Ngưỡng mong Sư ông từ bi giản trạch cho con được an tường.*

Đáp: Kinh Kim Cang Phật dạy rằng: Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Tất cả tướng người, tướng vật cho đến quả địa cầu cũng là tướng đều là duyên hợp hư dối. Phật tử này thắc mắc vọng tưởng không tướng tại sao cũng nói là hư vọng? Phật tử này nói nghe dường như là phải mà thật sự là sai. Vọng tưởng có tướng chứ không phải không tướng. Nếu nghĩ người thì hình ảnh người hiện ra, nghĩ vật thì hình ảnh vật hiện ra, khởi nghĩ cái gì thì có hình ảnh cái đó hiện, nhà Phật gọi là pháp trần. Pháp trần cũng là tướng, tướng đó là bóng của ngoại trần do năm căn trước duyên còn lưu lại, tướng đó giả dối hơn tướng ở ngoài nữa, cho nên mọi khởi nghĩ đều là vọng tưởng. Khởi nghĩ là bóng dáng hiện, bóng dáng đó là hư dối. Bây giờ quý vị thử nghĩ một cái đừng có bóng dáng coi? Cái không hình không tướng thì chắc chắn không nghĩ được. Ví dụ nhớ anh hai anh ba gì đó thì có hình ảnh anh hai anh ba, nhớ hình ảnh nhà tốt nhà xấu thì có hình ảnh nhà tốt nhà xấu. Vì vậy tất cả

vọng tướng đều có tướng ở nội tâm mình, chứ không phải tướng ở bên ngoài.

Hỏi: *Kính thưa Hòa thượng, con có hai điều xin Hòa thượng chỉ dạy:*

- *Con là Phật tử tại gia, con không có thời gian đi chùa thường xuyên để nghe Hòa thượng giảng dạy, con rất muốn tu thiền vậy bước đầu con phải làm sao cho đúng?*

- *Con thắc mắc vì sao trong mùa an cư kiết hạ mà có bóng các sư khát thực. Nếu con không làm thì những vị này giả dạng mượn áo nhà sư, như vậy có tội không? Mong Hòa thượng từ bi chỉ dạy vì con quá tối tăm không biết làm thế nào cho đúng.*

Đáp: - Quý thầy đã giảng rất kỹ và có những cuốn sách dạy Phật tử sơ cơ tu thiền. Sử dụng phương pháp sổ tức là đếm hơi thở. Tu thiền là phản quan soi lại mình, trước dùng hơi thở để làm chỗ tựa. Hít vô cùng thở ra sạch đếm một, hít vô cùng thở ra sạch đếm hai. Giai đoạn đầu nương hơi thở để xoay lại nhìn mình sau mới tiến thêm nữa. Coi rất tầm thường nhưng giá trị rất lớn, vì nương hơi thở vô hơi thở ra lâu mình thấm nhuần thấy rõ mạng sống trong hơi thở, là vô thường, thở ra mà không hít vào là chết. Mạng sống rất mỏng manh tạm bợ, thấy được lẽ vô thường là thức tỉnh, không còn mê lầm cho thân là quý, là thật. Nhờ không mê lầm chúng ta giảm bớt tham sân si, đó là bước đầu quay lại.

- Phật tử này nói mùa an cư chư tăng ni ở yên một nơi, sao thỉnh thoảng cũng có nhiều sư đi khát thực? Đây tôi giải thích về phần đúng còn phần sai là chuyện khác. Ngày xưa thuở đức Phật còn tại thế mùa an cư chư tăng, chư ni không được đi xa, nhưng Phật thường cho kiết giới rộng. Thí dụ như chùa ở đây thì kiết giới từ đây tới chợ Long Thành, đi khát thực trong phạm vi đó thì được, ra khỏi phạm vi đó mới phạm giới. Chứ không phải ở một chỗ. Tại sao vậy? Vì ngày xưa sống bằng khát thực. Ngày nay thì khác, đối với chư tăng Bắc tông thì mùa an cư kiết giới trong phạm vi chùa của mình không được đi ra ngoài, trừ trường hợp bệnh, trừ trường hợp duyên sự đặc biệt mới được đi. Nếu nói theo tinh thần khát thực hồi Phật còn tại thế thì có quyền đi ra tới một giới hạn nào do chư tăng quyết định thì không lỗi, chứ không phải bắt buộc ở một chỗ, trừ khi bây giờ có người nào lợi dụng khát thực kiếm tiền thì cái đó tôi không dám nói tới.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, con xin Hòa thượng giải cho con những mối nghi như sau:

- Xin Hòa thượng giải thích sự khác nhau giữa Đại thừa, Tiểu thừa và Nhị thừa.

- Những kinh nào là kinh Tiểu thừa, bộ kinh A-hàm và kinh An Ban Thủ Ý thuộc về thừa nào?

- Thời Phật còn tại thế, ngài dạy thiên như thế nào mà các vị chỉ chứng A-la-hán, trong khi Phật diệt rồi sau đó các tổ dạy chúng ta tu thấy tánh thành Phật.

Tại sao hồi đó Phật không dạy các Tỳ-kheo tu thấy tánh thành Phật? Hai lối tu khác nhau như thế nào xin Hòa thượng dạy cho chúng con, kẻo chúng con ngồi thiền đi vào định như các vị A-la-hán, không được thấy tánh thì lộn đường mất. Chúng con đội ơn Hòa thượng.

Đáp: - Đại thừa, Tiểu thừa là danh từ có sau này, thời gian trước chưa có. Những quyển kinh Phật dạy tu Bồ-tát hạnh, như kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Bát-nhã... là kinh thuộc Đại thừa. Dùng từ Tiểu thừa và Đại thừa mất lòng lắm, vì có kỳ thị trong đó. Bây giờ gọi là Phật giáo Phát triển và Phật giáo Nguyên thủy chứ không gọi Tiểu thừa và Đại thừa nữa. Thanh văn thừa, Duyên giác thừa gọi là Nhị thừa.

- Trong nhà Phật thường nói, những kinh thuộc hệ Nguyên thủy là bốn bộ A-hàm, kinh An Ban Thủ Ý thuộc hệ A-hàm. Còn các kinh Lăng-nghiêm, Bát-nhã, Pháp Hoa, Niết-bàn, Hoa Nghiêm... là những bộ kinh Đại thừa. Trong kinh Pháp Hoa quý vị thấy Phật dạy chỉ có một thừa không có hai không có ba, một thừa là Phật thừa.

- Hồi Phật còn tại thế Phật dạy cho chư tăng, chư ni tu các pháp quán như tứ niệm xứ... những pháp quán đó nằm trong hệ kinh Nguyên thủy hay kinh A-hàm. Tại sao ngài dạy pháp đó? Vì khi ngài ra đời giáo hóa người hiểu Phật chưa có bao nhiêu, nên Phật đem cái gì thực tế gần gũi và làm được chỉ cho ứng dụng tu có kết quả, người đời mới chịu tu. Còn những gì cao siêu chỉ người ta

làm chưa được, nên không chịu tu. Do đó phải dạy những pháp thực tế họ tu chứng được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán (bốn quả Thanh văn) ngay trong đời này. Nhờ vậy người ta mới phát tâm tu. Còn sau này chư tổ dạy khác, nhưng không có nghĩa thời đó Phật chỉ dạy tu chứng A-la-hán thôi, vì ngài Ma-ha Ca-diếp cũng là đệ tử Phật thời đó, ngài ngộ thể tánh và được Phật truyền tâm ấn. Như vậy Phật tùy trình độ người hợp pháp nào thì Phật dạy tu pháp ấy, ai có trình độ cao thì Phật chỉ cao chứ không phải cố định dạy chứng tứ quả Thanh văn.

Tu để chứng A-la-hán và tu để thấy tánh thành Phật, hai pháp tu đó mỗi bên có một hướng rõ rệt. Tu chứng A-la-hán đặt nặng về pháp quán như quán ngũ đình tâm, hay quán tứ niệm xứ... nhờ quán mà tâm an trú, an trú rồi đi tới chỗ định, từ định mới chứng từ Tu-đà-hoàn trở lên. Còn phương pháp tu thiền là đi thẳng trong nội tâm, không quán các pháp bên ngoài, như ở đây chúng tôi chỉ thẳng phải thấy được nội tâm mình cái gì là hư dối, cái gì là chân thật, nhận thấy được cái hư dối, cái chân thật mới hiển bày. Đó là phương pháp tu có khác, nhưng thật tình tu pháp nào cũng là tu theo Phật, pháp nào cũng có lợi ích lớn. Bây giờ chúng ta tu dù cho pháp Tiểu thừa hay pháp Nguyên thủy đều là pháp quý hết, còn mình nói tu Đại thừa cao mà tu lơ mơ cũng không quý. Nên trọng tâm pháp nào mình tu có kết quả tốt và thực hiện đầy đủ thì pháp đó là quý, chứ đừng có tâm niệm cho pháp này cao pháp kia thấp.

Chúng ta nói quả A-la-hán không cao nhưng nếu tu chứng được tới đó cũng không phải dễ, rất là quý.

Đại thừa hay Thiên tông lấy giác ngộ làm chủ yếu, sau khi giác ngộ rồi mới khởi niệm từ bi độ chúng sanh. Không chỉ giải thoát cho riêng mình mà đi trong sanh tử để độ sanh. Nguyên thủy thì lấy giải thoát làm trên, đặt giới luật làm chủ yếu để dứt hết nghiệp được giải thoát sanh tử. Hai bên, bên đặt nặng giải thoát là tu theo Nguyên thủy, bên đặt nặng giác ngộ để giáo hóa chúng sanh mãi mãi một đời, hai đời cho tới nhiều đời không nghĩ tới giải thoát vì vậy gọi là Đại thừa.

Hỏi: Kính bạch Thầy xin Thầy hoan hỷ giảng cho con một điều mà từ lâu chúng con chưa được hiểu. Thưa Thầy có người nói: Ông nội chết mà mộ kết cho người cháu trai đích tôn, do đó người cháu này trở nên giàu có. Vậy vấn đề này có đúng không? Con cứ thắc mắc, theo luật luân hồi nhà Phật thì chết đây sanh kia, vậy việc mộ kết này có đúng không? Kính mong Thầy giảng cho con hiểu.

Đáp: Mộ kết tôi không biết kết làm sao? Có lẽ mộ có hiện tượng gì lạ đó. Đúng về mặt địa lý người ta nghĩ rằng lựa chỗ nào đất tốt, nếu đất đó có hàm rồng thì con cháu phát quan chẳng hạn. Còn chỗ nào không có hàm rồng là xấu, nhưng trong nhà Phật không đặt cái đó là chính mà đặt nhân quả làm chính. Nếu người đó làm lành sẽ được những phước lành, người đó làm ác thì phải chịu những quả xấu, dù cho lựa mấy cũng không được.

Quý vị nhớ các ông thầy địa lý đi lựa chỗ cho người ta đặt mộ để cho con cháu phát quan, sao ổng không lựa chỗ để cho ổng phát quan làm giàu, mà chỉ để cho người ta không vậy? Như vậy, ổng không có phước phát quan thì ổng không lựa cho mình, còn người khác có phước đặt đâu trúng đó, họ phát quan rồi đổ thừa tại cái mộ, nếu không có phước thì suốt kiếp cũng không phát nổi. Vậy được tốt bị xấu đều do phước duyên lành của mình mà có, chứ không phải do mộ. Nếu do mộ thì khỏi tu, đó là điều không hợp lý.

Hỏi: *Kính thưa Hòa thượng, Hòa thượng giảng giải cho con được biết:*

- *Nguồn gốc ở đâu có ba ngày rằm lớn trong năm: tháng giêng, tháng bảy, tháng mười.*

- *Ông bà cha mẹ qua đời đến bảy ngày làm một thất cho đến bảy thất bốn chín ngày, sao không làm các ngày khác mà phải đúng bảy ngày, có phải lấy theo ngày nhập định của đức Bổn sư bốn chín ngày ở dưới cội bồ-đề?*

- *Trong kinh Vu-lan có nói cha mẹ bảy đời, vậy ý nghĩa của bảy đời là thế nào?*

Đáp: - Tôi không phải nhà Nho nên tôi không định rõ nguồn gốc, nhưng tôi xin nói hồi xưa nhà Nho thường hay nói câu tam nguyên tứ quý. Tam nguyên tức là ba rằm lớn, tứ quý tức là bốn mùa. Xưa kia tổ tiên mình chịu ảnh hưởng của nhà Nho cho nên mới chia tam nguyên tứ quý, cộng thêm ảnh hưởng của Lão nữa

cho nên mới cộng những ngày đó thành tập tục từ trước tới giờ, bây giờ con cháu nhớ làm theo những ngày đó không phải gốc từ đạo Phật, tôi không nghiên cứu kỹ vấn đề này.

- Đây không phải theo bốn chín ngày Phật ngồi dưới cội bồ-đề, Phật ngồi dưới cội bồ-đề là ngồi một mạch luôn chứ không phải bảy ngày. Ở đây các vị tổ nghiên cứu thấy rằng thân này là thân tiền ấm, khi thân này chết mang thân trung ấm, từ trung ấm mới sanh ra thân sau gọi là hậu ấm. Thân trung ấm thế gian gọi là linh hồn, thân trung ấm bảy ngày hoại một lần, khi nó sắp hoại làm cho người chết khổ sở. Vì vậy mới chế ra bảy ngày tụng kinh cầu nguyện cho người chết nghe kinh thức tỉnh bớt khổ, khi thân trung ấm hoại, thân trung ấm chỉ có bốn chín ngày rồi gặp duyên hay không gặp duyên nó cũng phải đi thọ sanh nơi khác, khi đó không cầu siêu nữa. Vậy số bảy này là căn cứ theo các tổ, nói về thân trung ấm bảy ngày hoại một lần. Vì thương người chết nên chúng ta cầu nguyện ngày thứ bảy cho họ bớt khổ.

- Trong kinh có nói cha mẹ hiện đời là một đời, còn cha mẹ những đời về trước nữa. Trong nhà Phật muốn nói, chúng ta không chỉ thương quý cha mẹ trong đời này mà còn nhớ bao nhiêu lần sanh tử luân hồi, mỗi lần sanh ra đều có cha có mẹ, cho nên nhớ tới bảy đời cha mẹ là nói gần, thật ra nếu có khả năng thì vô số đời chúng ta đều cầu nguyện hết.

Hỏi: *Kính thưa Hòa thượng, con rất mộ thiền trong khi con ngồi được một tiếng rưỡi thì cả thân thể đau cho nên định trước quên hết chỉ còn định sau. Vậy làm thế nào cho được hai tiếng? Cúi xin Sư ông chỉ dạy cho con tu.*

Đáp: Muốn chỉ dạy ngồi thiền tròn hai tiếng không có phương pháp nào hữu hiệu bằng nỗ lực cố gắng chịu đau. Chịu đau quen rồi hết đau. Ngày xưa khi tôi bắt đầu ngồi thiền tôi cũng đau như vậy thôi, có lần tôi ngồi từ một tiếng rưỡi để vươn lên tới một tiếng bốn lăm phút, nó tê rồi đau lên tới bụng chứ không phải ít, tôi nói thà chấp nhận ngồi trên bồ đoàn chết, cho mà y chết một phen, sau ráng tới hai tiếng hết đau. Gan dạ nỗ lực sẽ hết đau.

Hỏi: *Kính bạch Sư ông, chúng con vô cùng ngưỡng mộ tài đức của Sư ông nên cương quyết noi theo gương sáng của Người. Xin Sư ông hoan hỷ chỉ dạy chúng con để đạt đến chỗ cứu cánh của đạo Phật:*

- *Mùa an cư nhắc chúng con nhớ ngày Vu-lan đã đến là hiếu tử chúng con phải làm gì đối với song thân hiện tiền và quá cố?*

- *Tại sao tu hành trước tinh tấn sau lại biếng lười?*

- *Tại sao nói biết đạo từng giây từng phút không bỏ phí, ngày lại ngày qua nuôi chí xuất gia trong khi trong gia đình có xảy ra biến cố thì tư tưởng lại đổi thay. Nay gió đã lặng trời đã yên mà tâm vẫn không yên.*

Đáp: Nếu song thân còn hiện tiền chúng ta phải làm hai việc; một là tùy khả năng mình cung cấp phần vật chất cho cha mẹ, tùy theo khả năng có nhiều thì nuôi cha mẹ sung túc, có ít thì nuôi ít, nhưng đem hết khả năng của mình để nuôi dưỡng cha mẹ về phần vật chất. Thứ hai nếu cha mẹ biết đạo mình trợ duyên giúp cha mẹ làm lành, làm phước và tu hành tiến thêm, còn nếu cha mẹ chưa biết đạo thì khéo dùng điều kiện tốt phương tiện hay để khuyến khích cha mẹ phát tâm tu hành, phát tâm quy y Tam bảo, đó là bốn phận người con hiếu thảo đối với cha mẹ hiện tiền. Nếu cha mẹ quá cố mình cũng làm hai việc: Một tùy theo sức của mình có thể đến những nơi nghèo khổ, đói thiếu bệnh tật giúp đỡ họ rồi hồi hướng công đức cho cha mẹ được phước sanh cõi lành. Hai là tự mình nỗ lực tu, nỗ lực làm những điều thiện cho công đức tăng trưởng để hồi hướng cho cha mẹ mình. Đó là hai cách người Phật tử làm. Cha mẹ mất rồi chỉ còn có cách hồi hướng hoặc làm phước thiện hồi hướng, hoặc cố gắng tu để hồi hướng chứ không có cách nào khác hơn.

Trong kinh Phật thường dạy: Chúng ta tu đừng có một ngày nắng mười ngày mưa, nghĩa là một ngày siêng mười ngày lười biếng. Tu phải cho đều, đừng có lúc thì tiến nhanh lúc thì buông bỏ là không hay. Nhưng Phật tử hỏi tại sao tu hành trước tinh tấn mà sau lười biếng? Tại vì con người không có ý chí mãnh liệt bền bỉ, là tâm trường viễn lâu dài; khi mới hiểu Phật pháp chút chút thì hăng hái lắm tu nhanh, nhưng lâu lâu

chưa thấy cái gì hay thì lười. Bệnh này không chỉ cư sĩ mới có mà người xuất gia cũng có nữa. Trong nhà Phật thường dùng câu nhất niên Phật tại tiền, nhị niên Phật thăng thiên, nghĩa là năm đầu Phật ở trước mắt, năm thứ hai Phật lên trời, để chỉ cho bệnh không kiên cố trường viễn của người tu. Người phát tâm tu phải phát nguyện cho mạnh mẽ, kiên cố và lâu dài, nghĩa là một năm, hai năm, ba năm luôn tiến chứ không lùi; đó là người biết vươn lên cho đến đỉnh. Có nhiều người khi học đạo hiểu rồi mừng quá, nguyện giống như Bồ-tát là hy sinh thân, hy sinh tất cả cho chúng sanh. Khi nguyện thì mạnh mẽ nhưng chừng năm, bảy tháng rồi cũng y nguyện xê xích không nổi. Có người thấy vậy buồn quá không biết làm sao! Phật từ bi lắm, dạy nguyện lâu lâu có nguội lạnh thì nguyện lại lần khác để cho mạnh lên, rồi lâu lâu hơi nguội nguyện nữa. Phật tử cũng nên bắt chước theo, khi đầu tinh tấn lâu lâu nguội lạnh lười biếng, liền tới trước bàn Phật mặc áo tràng phát nguyện với Phật kể từ nay con tinh tấn tu.

Chúng ta là những người dễ quên là những người thích được nghỉ cho khỏe là lười biếng. Hứa với người ta coi bộ khó thì bỏ qua, quên đi, huống nữa là hứa với mình. Hứa với mình dễ quên lắm cho nên Phật bắt phải quy y Tam bảo, tức là lên chùa phát nguyện trước chư tăng, trước Phật rằng con giữ giới này, con giữ giới kia nhờ vậy không quên. Phật tử này muốn tu gặp trở ngại thối chí, qua trở ngại cũng thả luôn. Bây giờ nên thế này, khi đã qua cơn khó khăn phải thấy thân này là khó được,

Phật pháp khó nghe, để nỗ lực tu chứ qua một đời này không tu muôn kiếp khó gặp lại Phật pháp. Nhớ cái quý, nhớ cái khó mà cố gắng tu không thả trôi, nếu thả trôi thì uổng đi một đời rất đáng tiếc.

Hỏi: Kính thưa Hòa thượng, làm sao thắng được lòng mình trước sự cám dỗ của bả lợi danh và tình cảm thân thuộc buộc ràng từ quá khứ đến vị lai?

Đáp: Thấy lợi danh là bả thì thắng rồi? Thấy lợi danh là quý trọng thì không thắng, chứ biết nó là bả là mỗi nhử thì thắng dễ ợt. Nếu thấy quý thì thắng không được. Muốn thắng những lợi danh cám dỗ thì thấy lợi danh chỉ là trò ảo ảnh không có thật, được rồi mất không bền lâu, đuổi theo cái không bền không lâu thì uổng đi một kiếp người, vì vậy chúng ta phải vượt qua để tu hành. Tìm đến chỗ an ổn chân thật mới cứu được mình, còn lợi danh chỉ là trò tạm bợ giả dối có gì mà quý tiếc. Nhớ như vậy luôn luôn thì thắng được, quên đi thì khó thắng.

Hỏi: Kính thưa Hòa thượng, làm sao có ý chí và nghị lực để vượt qua mọi sự khó khăn trong cuộc sống, tâm không vương mắc để bước lên bờ giác một cách vững mạnh?

Đáp: Nghị lực và ý chí có người có sẵn nhưng có người thì chưa. Nếu người chưa có nghị lực và ý chí phải rèn luyện cho có. Muốn rèn luyện nghị lực, ý chí chúng ta phải mở sáng con mắt trí tuệ. Con mắt trí tuệ sáng thì nghị lực, ý chí sẽ theo đó mà có. Thí dụ bình thường

có ai kêu tên chúng ta chửi thì làm sao nhịn được? Ráng đè phải không? Nếu ráng đè thì tức ngực, một lát nhớ lại tức nhiều hơn, nghĩ tại sao hồi đó không chửi để người ta về nhà rồi mới chửi? Như vậy cũng chưa thắng, dù có sức mạnh cố kìm, kìm đến mức tức ngực, rồi tới chỗ khác xỏ ra mắng lại như thường, hoặc đợi cơ hội trả thù. Như vậy là chưa thắng. Muốn thắng phải mở sáng mắt trí tuệ, biết ngôn ngữ là hư dối không thật. Họ chửi mình ngu như bò, dại như heo... Họ nói mình ngu, mà mình không ngu thì thôi có gì sợ. Như vậy nhờ có trí tuệ mình biết được lẽ thật lời nói là rỗng vô giá trị, như vậy là thắng. Như vậy muốn có nghị lực phải có trí tuệ.



